

ANNIE BESANT & C. W. LEADBEATER

Vnthuquan.net, 2009

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Lời nói đầu

Trong quyển sách này sưu tập những bài bình giảng của Ông C. W. Leadbeater - hiện giờ là Giám Mục - và của tôi về ba tác phẩm nổi tiếng, khuôn khổ tuy nhỏ bé, nhưng nội dung thật quan trọng. Cả hai chúng tôi ước mong nó sẽ hữu ích cho những người chí nguyện và ngay cả những người đã vượt qua giai đoạn đó, vì người diễn giảng cao niên hơn thánh giả và do kinh nghiệm, hiểu biết nhiều hơn về đời sống của người đệ tử.

Những cuộc đàm luận này chẳng phải chỉ diễn ra ở tại một chỗ mà thôi. Chúng tôi đã nói chuyện với các bạn chúng tôi trong nhiều lúc, và nhiều nơi khác nhau, nhất là ở Adyar, Luân Đôn (London) và Sydney. Rất nhiều chú thích đã được thánh giả ghi lại. Tất cả những lời ghi chú có giá trị đều được sưu tập, và sắp xếp có thứ tự rồi tập trung lại sau khi loại bỏ những phần trùng hợp với nhau.

Rủi thay, vì chỉ còn có một số rất ít những chú giải thuộc phần I của quyển Tiếng Nói Vô Thình, cho nên chúng tôi lấy những chú giải của một vị Thân hữu, bạn đồng nghiệp của chúng tôi, là Ông Ernest Wood đã dùng trong một khóa học ở Sydney. Những chú giải này nhập với những lời bình giảng của Giám Mục Leadbeater về đoạn đó. Không tìm lại được một ghi chú nào về những lời bình giảng của tôi, mặc dù tôi đã nói nhiều về quyển Tiếng Nói

Vô Thinh song những lời diễn giảng đó không còn lưu lại.

Tất cả những lời diễn giảng này đều chưa xuất bản, chỉ trừ vài bài diễn văn ngắn của Giám Mục Leadbeater nói với các sinh viên đã được chọn lựa về quyền Dưới Chơn Thầy. Một tác phẩm nhan đề Những lời bình giảng Dưới Chơn Thầy đã được xuất bản vài năm qua. Trong đó những lời chú thích của ông không được đúng như lời ông đã nói. Quyền ấy sẽ không in lại. Phần cốt yếu của quyền đó vẫn có trong quyền này, tất cả đều thu gọn lại rồi đem in. Cầu xin những trang sách đây giúp cho vài huynh đệ trẻ tuổi của chúng ta hiểu biết rành rẽ những bài học vô giá này. Càng nghiên cứu, càng thực hành chúng nó thì càng nhận thức được nhiều hơn.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 1

ĐƯỜNG ĐẠO VÀ NHỮNG QUYỀN LỢI Ở THẾ GIAN

C. W. L. Quyền Dưới Chơn Thầy là một trong ba quyền (hai quyền kia là Tiếng Nói Vô Thinh và Ánh Sáng Trên Đường Đạo) *đặc biệt giúp cho việc bước vào đường Đạo dễ dàng*. Hiện thời, giá trị của quyền Dưới Chơn Thầy đối với chúng ta thật là to tát vì lẽ nó cực kỳ giản dị và đã được Đức Chương Giáo sắp lâm phạm đặc biệt thừa nhận. Nó chứa đựng những bài của Đức Chơn Sư dạy người đệ tử ấu thơ của Ngài là J. Krishnamurti, mới 13 tuổi, năm 1909 (Krishnamurti có tên Alcyone trong quyền Những Tiền Kiếp của *Alcyone mới xuất bản đây, vào năm 1924*).^[1] Vì lúc đó Krishnamurti chưa thật giỏi tiếng Anh, mà bài học lại bằng Anh Ngữ, cho nên lời dạy và văn từ phải đặc biệt rõ ràng. Đức Chơn Sư Kouthoumi với tài năng thích ứng phi thường của Ngài, đã trình bày mọi điều kiện để được Điểm Đạo lần thứ nhứt, bằng một ngữ pháp đơn giản tuyệt diệu. Đó là sự hấp dẫn của quyền sách này.

Quyền Ánh Sáng Trên Đường Đạo xuất bản năm 1885, và quyền *Tiếng Nói Vô Thinh* năm 1889. Mỗi tác phẩm đạo đức này đều có những đặc tính

riêng. Chúng ra đời lâu hơn và có tính cách thi vị hơn quyền Dưới Chơn Thầy, dù quyền này cũng có vài câu tuyệt đẹp : điều ấy phải như vậy, vì tác giả là Đức Thầy Kouthoumi. Ông Swami T. Subba Rao có nói với chúng tôi rằng quyền Ánh Sáng Trên Đường Đạo có nhiều nghĩa chồng chất lên nhau mà ý nghĩa thâm sâu nhất liên hệ đến bậc Điểm Đạo của Đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan) trình độ cao hơn Đức Chơn Sư của chúng ta hiện nay một bậc. Quyền Tiếng Nói Vô Thình dẫn chúng ta đến bậc Điểm Đạo của vị La hán (Arhat). Quyền Dưới Chơn Thầy đặc biệt nói về sự Điểm Đạo lần thứ nhứt. Vậy chúng ta bắt đầu giảng lý quyền này.

Tất cả chúng ta thường nghe kể những điều cần thiết để được thâm nhập vào đường Đạo, nhưng người ta sẽ nhắc nhở chúng ta những điều kiện cho tới ngày nào chúng ta thực hiện được tất cả những gì đã dạy trong những kinh sách như quyền này. Không khó gì mà biết thật đúng những điều phải làm; trên con đường chúng ta đi, chướng ngại nào mà chẳng do chúng ta tạo ra? Tuy nhiên những người tuân theo các huấn lệnh ấy tương đối ít lắm, vì họ thường bị bản ngã của họ cản đường. Điều gì đã viết trong những quyền sách này, chính mỗi độc giả phải đem ra áp dụng riêng cho một mình mình. Vị Huân Sư có thể giảng giải, chỉ dẫn nhiều cách thức khác nhau những điều phải thực hiện, nhưng mỗi người phải tự đi theo con đường riêng của mình. Cũng giống như sự thao luyện đăng dục vào một cuộc chạy đua hay là biểu diễn thể dục, Huân luyện viên có thể chỉ dạy kỹ lưỡng; thí sinh phải vận động bắp thịt mình, ngoài ý ra, trong đời này không có ai làm thế cho ý điều đó.

Có hàng triệu người ở chung quanh chúng ta tự cho rằng mình sống đúng theo những huấn giới của Tôn giáo mình, nhưng thật ra rất ít người tuân theo cho đúng. Ngay cả những người có đức hạnh và đời sống thánh thiện thường cũng không triệt để tuân theo tất cả những huấn giới đưa ra cho họ. Trong vài trường hợp, những giáo lý Công truyền có tính cách hoặc không trọng yếu, hoặc không thích hợp, nhưng trong Huyền Bí Học không có huấn giới nào vô ích cả. Phải tuân theo thật đúng đắn tất cả những lời dạy. Điều này không có nghĩa là phải đạt tới mức hoàn hảo tuyệt đối mọi đức tánh trước khi được Chơn Sư thâm nhập. Phải là một vị Siêu Phàm mới đi đến trình độ toàn thiện đó, những kẻ chí nguyện phải có những đức tánh ấy ở một mức độ hợp lý mới được, và lại chúng phải xác thực chứ không được là những giả tượng quý mến. Khi một giáo sư Hóa Học nói với chúng ta rằng khi phối hợp vài chất Hóa Học theo cách nào đó, chúng ta sẽ có vài hiệu quả. Chúng ta biết rằng những hiệu quả này sẽ sinh ra. Nếu chúng ta thay đổi tỷ lệ, chúng ta sẽ không có cái chúng ta chờ đợi, mà là cái khác. Trong lãnh vực

Đạo Đức hình như người ta cho rằng tuân theo huấn thị một cách mơ hồ và qua loa đã đủ lắm rồi. Trong Khoa Huyền Bí Học, thật khác hẳn : ấy là một Khoa Học, phải xem nó như thế. Dù rằng những điều kiện này đã kể cho chúng ta nghe nhiều lần rồi, phải mong sao cho nhiều người trước kia chưa thành công sẽ có thể bước vào Đường Đạo, sau khi đã học hỏi kỹ lưỡng những điều kiện này, tìm hiểu và tuân hành một cách hết sức đúng đắn những yêu sách. Cái lãnh vực nội tâm này không phải xa vời, không phải mập mờ, không chắc chắn. Vài năm trước đây, dường như nó xa cách hơn, vì những người mà chúng ta quen biết, được giao thiệp trực tiếp với các Đấng Chơn Sư rất ít. Một sinh viên có thể tự nói : "Phải rồi, chỉ có vài ba người có thiên tài đặc biệt, hoặc có diễm phúc lạ thường mới gặp được Chơn Sư, ngoài trường hợp đó, dường như cái đặc ân ấy không phải dành cho những người thường". Nhưng hiện giờ có nhiều người được giao thiệp trực tiếp với các Ngài, và cũng không phải vô lý mà tự nói: "Nếu những người khác thành công, tại sao tôi không làm được như họ?". Nếu ta thất bại, thì chắc chắn lý do ở nơi ta. Đừng tìm nguyên nhân nào khác ở ngoài, vô ích. Nhất định không phải là lỗi tại Đức Thầy: Ngài luôn luôn hiện diện khi đệ tử sẵn sàng. Có vài người chí nguyện thất bại là tại một khuyết điểm nào đó ngăn cản; ở những người khác có lẽ vì chưa mở mang đầy đủ các đức tánh. Nếu không có mấy khuyết điểm đó tất cả chúng ta sẽ thành công. Công việc thật đáng làm là hết sức bền lòng cố gắng tìm xem coi ta thiếu sót cái gì rồi bồi bổ chỗ khuyết điểm.

Có một thế giới bên trong xác thực và quan trọng hơn thế giới bên ngoài mà chúng ta không ngớt chịu áp lực của nó. Ở đâu người ta cũng gặp những người tự cho rằng mình rất bận rộn và họ biết rất rõ rằng họ đang theo đuổi công kia việc nọ. Tuy nhiên, sự thật là những người này đang làm việc trong hư ảo và bề ngoài. Ít ai hiểu biết sự hiện diện của một thế giới bên trong, thế giới tinh thần vô cùng quan trọng hơn thế giới bên ngoài không biết bao nhiêu lần.

Trên Đường Đạo, ta phải đóng vai trò của ta ở ngoài đời nhưng nếu ta làm bốn phận đó, cũng chỉ vì mục đích phục vụ đời sống chân thật bên trong mà thôi. Một diễn viên đóng trò trên sân khấu vì y có đời sống khác phải sống, một đời sống liên tục và kết hợp nhau. Có thể y thay đổi vai trò trong nhiều lúc khác nhau; ta cũng giống như y, ta đầu thai nhiều lần và lấy nhiều xác thể khác nhau. Người diễn viên không ngớt sống đời sống chân thật của con người và nghệ sĩ; và chính vì đời sống chân thật này mà y quyết đóng trò thật khéo trong đời sống tạm thời trên sân khấu. Ta cũng thế, ta muốn thành công trong kiếp sống vật chất tạm thời dưới Thế gian, chính vì Sự Thật vĩ

đại bên trong mà đời sống hiện thời chỉ là một phần nhỏ nhít. Hiểu điều đó rồi, chúng ta mới nhận thức được sự trọng yếu tương đối của đời sống bên ngoài: giá trị duy nhất của nó là giúp ta đóng vai trò thật hay, dù nó là thể nào chẳng nữa. Bản chất của vai trò cùng tất cả những gì xảy ra cho chúng ta trên sân khấu trần gian này đều không mấy quan trọng. Người diễn viên có thể đóng mọi vai trò buồn thảm hoặc những sự khó khăn giả tạo, nhưng y không màng đến chúng nó. Chẳng hạn mỗi buổi tối, y có thể đóng vai bị giết trong cuộc đấu gươm, đấu súng. Sự chết giả này có thể làm thiệt hại y chẳng? Điều quan hệ duy nhất làm cho y thích ý là: đóng trò cho thật xuất sắc.

Chúng ta phải hiểu một cách dễ dàng rằng thế giới bao quanh chúng ta là một thế giới giả hình, giả tạo và bản tánh những sự kinh nghiệm cho chúng ta không có chi là quan trọng. Mọi việc bên ngoài xảy đến cho chúng ta là nghiệp quả của chúng ta, nguyên nhân phát sinh vốn thuộc về mấy kiếp trước và hiện giờ không thể sửa đổi được. Vậy thì bận tâm với những biến cố thật vô ích; chúng đến do sự qui định của nghiệp báo quá khứ, nên chúng ta phải nhận lãnh một cách kiên nhẫn. Nhiều người không làm như vậy được, họ để cho quả báo gây ra cho họ những sự đau khổ, buồn thảm và lo âu quá độ. Điều phải làm là luôn luôn cố gắng nhận lãnh bài học do Luật Nhân Quả mang đến rồi xua đuổi nó ra khỏi Cái Trí, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Cũng như "Con Ong và Đóa Hoa" theo cách nói của người Ấn Độ, người anh em của chúng ta. Cách trả quả của mỗi người tạo thành tánh khí của y trong tương lai: chỉ có điều này mới là quan hệ thôi. Ta nên dùng quả báo để khai mở tánh can đảm, kiên nhẫn và những đức tánh khác nữa, rồi xua đuổi nó ra khỏi Cái Trí.

Thật không phải dễ dàng mà thấy được như thế, vì chung quanh chúng ta cả ngàn người đều cho cái bi kịch này là hệ trọng và xem nó như đời sống chân thật duy nhất. Những điều họ nói về chúng ta và họ làm cho chúng ta, khiến chúng ta có phần khó chịu, nhưng trên đường chúng ta đi có một chướng ngại hết sức nghiêm trọng hơn (mà ta không nghĩ đến): đó là cái áp lực liên tục không ngừng và vô cùng rộng lớn của dư luận quần chúng. Nó thật là ghê gớm dễ sợ, bởi vì chỉ có một người biết chân lý sống giữa hàng triệu người vô minh. Họ tự nói rằng: "Chúng ta hãy mau mau thu góp của cải, tiền bạc và lưu tâm đến dư luận quần chúng đối với chúng ta, đó là điều cốt yếu của đời sống". Biết bao tư tưởng rải ra vì ý nghĩ của những kẻ khao khát danh vọng Trần gian, những kẻ khản khoản cầu cạnh được mời dự vào những tiệc tùng, những cuộc khiêu vũ, những kẻ tìm cách biên tên Hầu Tước này, Bá Tước nọ trên bản danh sách của những cuộc viếng thăm của họ.

Trong những vấn đề đạo đức chúng ta cũng bị một biển cả bao vây, vì những người quảng đại thì rất ít, mà những người khác thì rất đông đảo. Những ảo tưởng của xã hội cũng đầy đủ, chẳng hạn tánh "quá đoan trang của người Anh", họ cho là khiêm nhã, không lịch sự trong khi chỉ nghe nói qua loa về tình dục. Do đó trẻ em thiếu sự hiểu biết sơ đẳng, chúng trưởng thành trong sự nguy hiểm và đôi khi vướng phải tai họa bất ngờ, vì tật xấu là con sông tuôn chảy không ngừng và kẻ dốt dễ bị sẩy chân. Phong tục thời cổ Hy Lạp và La Mã được xem như là không được đoan chính, tuy nhiên kỷ ức thuở ấy vẫn còn trong trí nhớ tôi khiến tôi phải nói rằng tư tưởng của thời kỳ cổ điển đó ít bộn nhơ hơn hiện thời tại Âu Châu.

Chúng ta là người biết chút ít hơn kẻ khác về trạng thái bên trong của sự vật, chúng ta phải chống lại trở lực thật sự đáng sợ này và tự nhủ: "Không! Không có gì hết. Tất cả mấy điều đó không có thật và chúng ta nguyện cầu xin được dặt từ cõi giả đến cõi chân". Sự Chân thật là sự sống ẩn tàng, đời sống trường cửu, đời sống mà theo danh từ trong Thánh Kinh gọi là đời sống ẩn khuất "Với Đấng Christ trong lòng Đức Chúa Trời". Luôn luôn, đừng bao giờ quên ý tưởng ấy và chỉ cho ngoại giới như là điều quan trọng phụ thuộc thôi. Điều này không phải dễ làm, nhưng đó chính là điều chúng ta phải thực hiện. Một trong các Đức Thầy của chúng ta có nói rằng: "Người nào muốn theo Chúng Ta thì phải bỏ thế giới của y để sang qua thế giới của Chúng Ta". Điều đó có nghĩa là phải bỏ đời sống thường nhật ở Thế gian để sống cuộc đời ẩn dật của người tu sĩ, nhưng mà phải hoàn thành mọi nhiệm vụ giao phó cho ta một cách nhiệt thành hơn trước trong tấn kịch kỳ lạ của cuộc sống; nhưng mà người chí nguyện cần phải từ bỏ tư cách tầm thường của y để tập lấy tư cách của Đức Thầy.

Những ai đã thành công trong sự cố gắng đó, một ngày kia, sẽ được một Chon Sư thân nhận làm đệ tử. Khi tư tưởng của đệ tử đã thành một phần tư tưởng của Đức Thầy, thì trò có thể lấy tư tưởng của Thầy mà kiểm soát lại chính tư tưởng của mình. Tư tưởng của Đức Thầy không bao giờ chịu ảnh hưởng của quần chúng. Như thế đệ tử có thể biết chính xác ý nghĩ của Đức Thầy về một vấn đề nào đó. Chẳng bao lâu thói quen ấy làm cho y hiểu được quan điểm mới đó, mặc dầu y sẽ luôn luôn không ngớt kinh ngạc. Vài điều trước kia người đệ tử cho là chánh yếu nay đã mất tính cách quan trọng của chúng nó, và trở nên tầm thường; còn những điều mà trước kia y nghĩ rằng không đáng kể nay lại vô cùng quan trọng, bởi vì dù lớn lao hay bé nhỏ, tất cả đều ảnh hưởng đến đời sống hữu dụng của chúng ta. Tất cả những gì ảnh hưởng đến sự hữu dụng ấy đều quan trọng: đó là lúc chúng ta chạm trán với Thực tế.

Áp lực của hoàn cảnh gây ra cho cái Trí, trên cõi Trung Giới và cõi Thượng Giới (Trí Tuệ) không có gì là cao thượng. Ta hãy để nó ngoài tai và chỉ lắng nghe những âm thanh từ cõi cao, nghe tiếng nói và tư tưởng của Đức Thầy. Chúng ta không có gì ngạc nhiên tại sao ngày xưa bên Ấn Độ và các nước khác những người quyết tâm sống đời sống tinh thần, luôn luôn bắt đầu từ bỏ cuộc sống thường nhật, đi trú ẩn trong hang động hay rừng già cô tịch. Như thế họ được lợi trong việc tránh khỏi luồng áp lực của dư luận vô minh và được tự do theo đuổi chí nguyện của mình. Nhiều vị Thánh Thiên Chúa Giáo cũng từ bỏ những hoạt động ở Thế gian để sống ẩn dật hay làm những vị tu sĩ, hoặc kết hợp những người cùng chí hướng với mình. Sự lợi ích của việc lánh Trần còn lớn lao hơn đối với ai được diễm phúc sống trong hào quang của Đức Thầy hoặc một đệ tử cao cấp của Ngài. Những làn rung động của vùng hào quang này luôn luôn tác động trên các thể của người đệ tử, điều chỉnh chúng, làm rơi những thành phần vật chất bất hảo và nuôi dưỡng chúng với những yếu tố mà chúng cần dùng. Người đệ tử phải không ngớt chăm lo việc khai mở một đức tánh nhất định, như đức Bác ái chẳng hạn. Nếu để y luyện tập một mình, y chỉ thực hiện một cách gián đoạn vì cứ mãi quên; nhưng hào quang của Bề Trên giữ y lại trước sự hiện diện của những tư tưởng và tình cảm khuôn mẫu mà y muốn tạo nên trong tâm y mãi mãi. Kết quả đạt được giống như sự điều chỉnh chi thể xiêu vẹo của đứa trẻ: người ta để chi thể đó trong một khí cụ cho đến lúc nó nở nang và lấy lại hình dạng bình thường. Ở trong hào quang của Đức Thầy, người đệ tử không thể phát sinh một tư tưởng xấu, dù y muốn nghĩ đến nó, điều đó cũng không thể xảy ra được. Trong vị thế đó, chúng ta mỉm cười khi xem xét tư tưởng chúng ta ngày hôm qua và chúng ta tự nói rằng: "Không bao giờ tôi có sự cảm xúc này; nó đã tan như giấc mộng". Nhưng ngày mai, khi xa Đức Thầy, có thể chúng ta phải tự phấn đấu quyết liệt mới giữ được tư cách cao thượng mà chúng ta nhận thấy quá dễ dàng trước sự hiện diện của Chơn Sư.

Trong thời đại hiện tại, những người chí nguyện bước vào Đường Đạo phải cố gắng luyện tập trong đời sống hoạt động của họ để đạt được tư cách cần thiết đó, bởi vì họ được kêu gọi để giúp đỡ nhân loại không phải bằng sự tham thiền hoặc chỉ bằng tư tưởng mà thôi, như một vị ẩn sĩ hay tu sĩ, mà họ phải nhận nhiều công việc khác nhau. Đó là một ý tưởng cực đẹp, một đặc ân lớn lao, nhưng mà khó, khó lắm vậy. Hậu quả của sự khó khăn này: ấy là sự thành công rất hiếm. Thường thường người ta bằng lòng xem giáo lý Thông Thiên Học giống như một người Công Giáo bậc trung giữ Đạo của họ, nghĩa là xem nó như một đề tài tuyệt diệu để đàm thoại trong ngày chúa nhật, chứ không phải một ý tưởng phải tuân theo mỗi ngày, từ sáng đến tối.

Người sinh viên tự hiến mình một cách nghiêm chỉnh cho đời sống nội tâm không thể ở trong hư ảo; y phải suy luận hợp lý và phải thực tế, y phải không ngớt áp dụng lý tưởng của y vào đời sống hằng ngày. Sự kiên tâm này khó đạt được. Không phải người ta ít sẵn sàng cố gắng phụng sự lý tưởng Thông Thiên Học : nếu họ có thể giúp đỡ Đức Thầy hoàn thành một công việc nhất định cho Ngài, họ sẽ làm, dù phải hy sinh tánh mạng. Hãy nhớ lời của Thánh Augustin: "Lắm kẻ muốn chết vì Chúa, chớ ít ai chịu sống cho Ngài". Chịu khổ nhục, tuân tiết là ý tưởng trọng đại, anh hùng, là hành vi cao thượng. Nhưng người chấp nhận điều đó biết mình thực hiện được một sự cố gắng phi thường và sự tin chắc này nâng đỡ y, giúp y chịu được sự đau đớn khô sở; trong chốc lát y làm tròn nhiệm vụ hy sinh cao cả ấy. Hiện nay bốn phận phải thi hành nặng nề hơn nhiều. Chúng ta không thể duy trì mức độ anh dũng này khi những sự lo lắng nhỏ nhất cứ mãi hiện đến và bao vây chúng ta. Thật khó giữ được tánh tình một mực trong khi ngày này qua ngày kia ta phải trông nom những người nản chí, họ không muốn làm những gì mà chúng ta thấy đó là bốn phận của họ. Sống vì Chúa trong mọi chuyện nhỏ mọn là điều phiền phức khó khăn. Và đúng thế, bởi những chuyện dường như nhỏ mọn cho nên mới khó theo con Đường Đạo.

Ta hãy đọc ba quyển sách này; hãy theo dõi từng lời giáo huấn và xem coi ta có thể thực hiện chúng tới mức độ nào. Nhiều người đã làm điều đó rồi và đã bước vào Đường Đạo. Tại sao chúng ta không thành công như họ? Sự thành công bắt buộc phải thắng phục bản ngã; nó bắt buộc chúng ta phải tự điều khiển mình, nghĩ suy đến những sự việc và nơi nào có cỏ xấu mọc lên, chúng ta hãy nhổ nó. Bề sâu của rễ và sự khổ đau mà chúng ta phải chịu đựng không có gì đáng kể. Phải làm cho nó sạch đi. Công việc này thật khó khăn! Nhưng những người đã lên được vài bậc cao trên Đường Đạo quả quyết với chúng ta rằng làm như thế đáng công lắm, đáng công vô cùng, đáng làm một sự cố gắng, nhiều hay ít, hoặc một lần một, hoặc dù phải lặp đi lặp lại một trăm lần đi chăng nữa.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 2

SỰ ĐIỂM ĐẠO VÀ KHI SẮP ĐƯỢC ĐIỂM ĐẠO

C. W. L. Tên quyển sách này đã được Bà Chánh Hội Trưởng (Annie Besant) của chúng ta chọn trong ba, bốn mươi tên khác được đề nghị. Lời đề

tặng này cũng vốn của Bà viết cho chúng ta:

Xin hiến dâng cho những người đến gõ cửa.

Lời tượng trưng này thật rõ ràng: "Anh hãy gõ cửa, người ta sẽ mở cho anh; anh hãy đi tìm rồi anh sẽ gặp". Trong bài tựa Tiến Sĩ Annie Besant có nói rằng:

Tôi được cái đặc quyền như một người chị cả, viết vài lời giới thiệu quyển sách nhỏ này, tác phẩm đầu tiên của một đứa em còn thơ, kỳ thật xác phàm em nhỏ, chớ không phải linh hồn em nhỏ đâu.

Đó là điểm rất quan trọng. Trong đời sống hằng ngày, ta còn nghĩ đến cõi Trần và kiếp sống hiện tại nên ta xét đoán tuổi theo thể xác, nhưng về mặt tiến hóa huyền bí, chúng ta xem xét tuổi theo Chơn Ngã, của Linh hồn chúng ta. Phải tránh sự xét đoán dựa theo bề ngoài, dù hầu hết mọi người trên Thế gian đều làm như vậy. Linh hồn trưởng thành một cách liên tục và khi nó tiến cao, nó thường bắt đầu biểu lộ sự tiến hóa của nó qua trí thông minh, sự cảm xúc và năng lực thần bí, dù cho xác thân hãy còn trẻ. Alcyone chắc chắn đã chứng tỏ điều đó qua sự tiến triển mau chóng của em. Em tuân hành đúng y những lời huấn thị, cho đến đời em thực hiện trong vài tháng những điều gì mà người thường cần phải để nhiều năm mới hoàn thành, vì đối với hầu hết những người chí nguyện, sự tiến hóa này bao hàm sự thay đổi toàn thể tánh tình.

Từ đây, những trường hợp như thế sẽ gia tăng vì Đức Chương Giáo sắp lâm phạm. Những vị đệ tử chính của Ngài phải là những người trẻ tuổi và cường tráng, chắc chắn có vài vị không lớn tuổi hơn Ngài. Vì bởi chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ đến, cho nên những người được chỉ định vào công việc đó hiện nay phải trẻ tuổi. Chắc chắn trong những đứa trẻ hiện nay sống với chúng ta, có những em sẽ giữ vai trò tiên phong, bởi vì trong số các em được điểm phúc đó có những em sẽ sinh vào một hoàn cảnh thuận tiện cho sự học hỏi

của chúng, nghĩa là trong những gia đình Thông Thiên Học.

Chuẩn bị cho sự bất ngờ như thế, chúng ta phải giữ sao cho bất cứ đứa trẻ nào chịu ảnh hưởng của chúng ta phải nghe nói việc Đức Chương Giáo sẽ lâm phạm hầu nó biết cái khả năng mở ra trước mặt nó; nó sẽ nắm lấy cơ hội hay không, nhưng nó phải được báo tin trước. Thật đáng buồn cho bậc cha mẹ nào phải nghe đứa con trai hay đứa con gái của mình trách móc như sau: "Nếu cha mẹ nói cho con biết mấy việc này lúc con còn bé thơ thì con có thể nắm lấy cơ hội; nhưng cha mẹ đã để con trưởng thành mà không mấy may hiểu biết gì về điều đó; cha mẹ để cho con sống theo thể tục, nên khi cơ hội đến con đã bỏ qua". Chúng ta phải đưa cơ hội, như vậy chúng ta đã làm xong bốn phận, vì chúng ta không được ép buộc ai hết, ngay cả việc hoạch định một chương trình cho tương lai để chờ linh hồn khác, có thể là cao cả, tuân hành.

Những lời giáo huấn trong sách vốn của Sư Phụ em truyền dạy, khi Ngài chuẩn bị cho em được Điểm Đạo.

Danh từ Điểm Đạo thường được dùng với một ý nghĩa tổng quát, nhưng ở đây nó là một danh từ chính xác và chuyên môn. Trong những lúc đầu tiên chính là Bà Blavatsky cũng dùng nó một cách sơ xuất. Vì thuật ngữ của chúng ta ngày nay được xác định rõ hơn, nên danh từ Điểm Đạo phải dành riêng cho những cuộc Đại Điểm Đạo, cho Năm Cấp Bậc trên Đường Đạo Chánh thức theo nghĩa cổ kính. Trong mấy tác phẩm đầu tiên của chúng ta, chúng ta nói về Con Đường Nhập Môn, Con Đường Đạo Thật Sự và Thời Kỳ chính thức như là ba cấp bậc biểu thị sự tiến hóa của con người. Con Đường Nhập Môn là Thời Kỳ Chuẩn Bị, nó đến trước một cuộc Điểm Đạo (là lúc con người "Nhập Lưu") và nó sẽ chấm dứt khi vị đệ tử đắc quả Chơn Tiên. Bốn chục năm qua chúng ta đã nói về sự Điểm Đạo trong Hội Thông Thiên Học; và lại danh từ này đã dùng cho những nghi lễ của Hội Tam Điểm (Masonie) và trong những nghi lễ khác. Ta phải cẩn thận, đừng nhầm lẫn các cuộc Điểm Đạo trên với những cuộc Đại Điểm Đạo của con đường Huyền Bí Học.

Như người ta đã nói lúc đầu, thời kỳ chuẩn bị để được Điểm Đạo chia ra làm nhiều giai đoạn tập sự liên hệ đến bốn đức tánh cần thiết được kể trong sách

này là: Phân Biệt, Đoạn Tuyệt, Hạnh Kiểm Tốt và Lòng Từ Ái.

Gọi các đức tánh này là cấp bậc thì không đúng cũng như nói về các cuộc Điểm Đạo đem từ cấp bậc này qua cấp bậc kia kế tiếp nhau. Bốn đức tánh cần thiết đó không cần phải mở mang theo thứ tự chỉ định, thứ tự đã được kể ra trong các bản văn Đông phương cổ kính, mà bốn phận chúng ta chắc chắn là phải hoạch đắc chúng một lượt. Đối với người này một đức tánh nào đó có thể dễ dàng hơn đối với người kia.

Đức tánh Phân Biệt được kể ra đầu tiên, vì nói tóm lại sự bước vào Đường Đạo của con người tùy thuộc vào nó. Các Phật tử gọi đức tánh Phân Biệt là Manodvaravajjana hay là "Sự mở cửa Cái Trí." Nói cách khác, lần đầu tiên Cái Trí con người mở ra đáng biết rằng chỉ có sự kiện tinh thần mới là chơn thật, còn đời sống theo thể tục thường tình chỉ làm mất thì giờ thôi. Người Ấn Độ gọi đức tánh này là Viveka có nghĩa là Phân Biệt. Người Công Giáo gọi nó là sự Hoán Cải (Conversion), một danh từ khác rất có ý vị, bởi vì nó nhập lại ý nghĩa của sự trở về và sự gặp gỡ. Hai danh từ này do chữ La Tinh Verto là tôi quay lại và Cum là với.

Nó có nghĩa là con người từ trước đến nay đi theo con đường riêng của mình, không hề nghĩ đến Thiên ý; bây giờ biết được phương hướng của Thiên ý đã qui định cho dòng tiến hóa nên tự quay lại để tuân theo. Trong nhiều dòng Thiên Chúa Giáo, ý nghĩa của danh từ Hoán Cải bị biến tính: nó chỉ là trạng thái của chứng giựt gân hay loạn thần kinh; tuy nhiên, người ta còn tìm thấy ở danh từ đó ý niệm quay về và tuân theo Thiên ý. Ấy cũng là tư tưởng của vị Sứ Đồ Thiên Chúa Giáo khi Ngài nói rằng: "Các người hãy thương mến những việc ở trên trời, chớ đừng quyến luyến những việc dưới Thế gian".

Nếu Đường Đạo có nhiều cấp bậc kế tiếp thì trong sự giao tiếp riêng tư giữa đệ tử và Đức Thầy chuẩn bị cho y được Điểm Đạo cũng có nhiều mức độ khác nhau được xác định. Chỉ có Quần Tiên Hội thừa lệnh Đấng Duy Nhất Chí Tôn Cầm Quyền Điểm Đạo là Đấng Chúa Tể, và nhân danh Ngài, mới được phép Điểm Đạo. Nhưng sự liên hệ giữa đệ tử và Sư Phụ của y vẫn có tính cách cá nhân. Ban đầu, người ta có thể chấp nhận làm Đệ Tử Nhập Môn, kế đó làm Đệ Tử Thiết Thọ rồi bậc thứ ba làm Con Đức Thầy. Đó là những sự liên lạc riêng tư, ta không được làm lộn nó với những cuộc Điểm Đạo do Quần Tiên Hội tấn phong.

Sự Điểm Đạo lần thứ Nhứt là một cấp bậc chấp nhận con người làm một

nhân viên của Quần Tiên Hội. Từ trước đến giờ người chí nguyện chưa thật sự đặt chân trên con Đường Đạo, nhưng y chuẩn bị cho công việc đó. Sự Đỉnh Đạo này không phải là một sự tấn phong độc đoán; nó là sự chứng nhận một giai đoạn tiến hóa đã đạt được, giai đoạn mà ngày xưa người ta gọi là hợp nhất Bản Ngã Cao Siêu với Bản Ngã thấp hèn, sự liên hiệp giữa Chơn Nhơn và Phàm Nhơn. Ai muốn làm thí sinh để được Đỉnh Đạo lần thứ Nhứt thì phải hoạch đắc những đức tánh cần thiết đã kể ra trong quyển này và y phải làm cho Phàm Nhơn thành ra sự biểu hiện của Chơn Nhơn. Không còn một Phàm Nhơn nào có thể bắt buộc Chơn Nhơn phải kính nể và có những ý muốn chống đối với những ý muốn của Chơn Nhơn còn mắc vào vòng luân hồi từ kiếp này qua kiếp kia.

Sự thay đổi xảy ra lúc bây giờ được trình bày trong những đồ hình của quyển Con người hữu hình và vô hình. Thể Vía của người đã man hiện ra những màu sắc biểu lộ tất cả những tình dục thấp hèn; chủ vì nó không đều đặn vì con người không kiểm soát được nó. Nhân Thể (hay Thượng Trí) và Hạ Trí không liên lạc nhau. Thượng Trí dường như trống rỗng, không màu sắc; còn Hạ Trí thì mở mang chút ít, nhưng chỉ mới bắt đầu liên lạc với Cái Vía. Thể Vía của người đã man đầy đầy những cảm xúc và những dục tình phức tạp không liên hệ gì với trí khôn. Chúng không khiến y suy nghĩ; y không biết suy nghĩ là gì. Những sự đam mê hiện diện và lôi cuốn y.

Trái lại, trong người tiến hóa, tất cả những thể này đều phối hợp chặt chẽ với nhau. Nhân Thể đầy đủ chứ không trống rỗng; tất cả những màu sắc khác nhau biểu lộ những đức tánh cao thượng đã được khai mở trong Thể này và Nhân Thể bắt đầu chiếu hào quang ra tứ phía để giúp đỡ kẻ khác. Hạ Trí cũng biểu lộ những màu sắc như thế, ít dày đặc hơn một chút nhưng vẫn đẹp; nó tiêu biểu cho Nhân Thể ở cõi thấp. Đến lượt Thể Vía, nó phản ánh Hạ Trí song có hơi đậm và dày hơn, vì cảnh giới của Cái Vía thấp hơn.

Phàm Ngã của người đã man tự biểu lộ đủ thứ cảm xúc và dục tình mà Chơn Nhơn chắc chắn không tán đồng; nhưng ở người tiến hóa, chỉ có những cảm xúc mà Chơn Nhơn muốn có mà thôi. Y chọn lựa những cảm xúc thay vì chịu làm trò chơi cho chúng. Y nói: "Tình thương là một điều rất đẹp; tôi muốn lòng tôi rạt rào mến thương. Lòng Sùng Đạo là một điều rất đẹp, tôi khao khát được lòng Sùng Tín. Lòng Thiện Cảm đẹp biết bao! Tôi muốn lòng mình đầy Thiện Cảm." Và y thực hiện điều ấy với tâm mắt mở rộng và có ý thức. Như thế những cảm xúc được đặt dưới sự kiểm soát của Hạ Trí là sự biểu hiện của Nhân Thể; như vậy chúng ta gần đạt đến chỗ hiệp nhất hoàn toàn Chơn Nhơn và Phàm Nhơn.

Không nên tưởng có sự hiện diện của hai nhân vật trong con người. Không hề có một Phàm Nhơn nào hiện ra như một người độc lập, nhưng Chơn Nhơn cho tách rời một phần nhỏ nhứt của Ngài để vào Phàm Nhơn đăng kinh nghiệm những làn rung động của những cõi thấp. Rồi Phàm Nhơn trở nên linh động hơn Chơn Nhơn nhiều vì nó ở trong giai đoạn mà nó có thể đáp ứng với những sự rung động đó; cho nên, nó quên rằng nó thuộc về Chơn Nhơn; nó dần thân vào cuộc đời vì việc riêng của nó và hành động theo ý nó hơn là dưới sự điều khiển của Chơn Nhơn. Tuy nhiên, trải qua nhiều kiếp luân hồi, Chơn Nhơn trở nên mạnh mẽ. Thế rồi con người mới nhận ra Phàm Nhơn chỉ là sự biểu hiện của chính mình và mình là Chơn Nhơn còn phải luân hồi. Và mỗi lần Ngài muốn chỉ huy, thay vì vâng lời thì Phàm Nhơn vơ vẩn đi lạc đường và cần được kiểm chế. Ta có bốn phận phải đào luyện Phàm Nhơn thế nào để cho nó thành ra sự biểu hiện của Chơn Nhơn và chỉ của Chơn Nhơn thôi. Đó chính là điều mà Ông Sinnett gọi là "Thề nguyện trung thành với Chơn Nhơn." Trong quyển Tiếng Nói Vô Thình có khuyên ta rằng: Người đệ tử phải hủy diệt Thể Nguyệt Tinh: tức là Thể Vía. Điều này không có nghĩa là sát hại Thể Vía, nhưng Cái Vía của chúng ta chỉ hiện hữu như là một sự biểu hiện của cái gì ở trên cao hơn nó và thay vì có những dục tình và những cảm xúc riêng biệt, nó sẽ chỉ phản chiếu những hình ảnh do Chơn Nhơn chọn lựa mà thôi.

Điều kiện này phải đạt được trước khi được phép trình diện để được Điểm Đạo lần thứ Nhứt. Con người phải có sự kiểm soát Xác Thân, Cái Vía và Cái Trí của mình; chúng phải là tôi tớ của Chơn Nhơn. Cái kỷ luật này đòi hỏi ở người thường một sự cố gắng lớn lao. Nhiều người nói: "Tôi không làm nổi điều đó đâu. Đừng nói với tôi điều đó, vô ích". Như vậy là đem trình bày cho y một lý tưởng quá cao siêu một lần một. Trái lại, điều đó không phải là một sự cố gắng quá sức đối với những người đã nhiều năm tham thiền và suy gẫm về những vấn đề ấy. Thật ra, không phải dễ mà tiêu diệt lần hồi từ cái này đến cái kia không biết bao nhiêu dục tình và sự ham muốn, để khắc phục Cái Vía và Cái Trí. Đó là công việc khó nhọc nhưng hết sức đáng cho con người ra công làm. Kết quả đạt được so với sự cố gắng sẽ vô cùng lớn lao hơn, dù đã cố gắng mãnh liệt đến đâu. Tự dọn mình đăng có thể phụng sự một cách thật hữu hiệu Đức Chương Giáo là một sự khích lệ, một sự kích thích phụ vào công việc khó nhọc này. Những người được Điểm Đạo không phải vì sự ích lợi riêng cho cá nhân họ, hoặc để tránh sự mệt nhọc và đau khổ ở Thế gian, mà để họ có khả năng cộng tác với Thiên Cơ cao cả.

Trong đời sống con người, có vài sự thay đổi vô cùng quan trọng hơn tất cả

những cái khác. Điều thứ nhất xảy ra lúc con người có cá tính, thoát kiếp thú và chuyển kiếp làm người để bắt đầu thực hiện Chơn Nhơn. Điều quan trọng thứ hai là được nhận vào hàng Chơn Tiên; khi được Điểm Đạo lần thứ Năm, con người mới rời bỏ hàng ngũ nhân loại để bước vào giai đoạn siêu nhân. Đó là mục đích dự định cho tất cả mọi người; đó là mục tiêu mà chúng ta phải cố gắng đạt được trong dãy địa cầu hiện nay. Khi thời kỳ này chấm dứt, người nào đã hoàn tất điều gì mà Trời đã muốn cho nhân loại, đã tuyệt đối tuân theo Thiên Ý về những điều kiện liên hệ với y thì sẽ được thoát kiếp làm người. Nhiều người trong chúng ta có thể đạt được mục tiêu đó trước thời gian kết thúc rất lâu.

Trong khoảng thời gian giữa hai sự thay đổi này, có một việc thứ ba rất quan trọng, đó là: "Sự Nhập Lưu," khi được Điểm đạo lần thứ Nhứt. Thẻ thức được đọc khi thu nhận thí sinh vào Quần Tiên Hội có mấy lời này: "Bây giờ đây, luôn luôn con vẫn được an toàn; con đã nhập lưu; cầu chúc cho con, không bao lâu đây, sẽ qua tới bờ bên kia". Người Thiên Chúa Giáo gọi người Tân Đạo Đồ là người được "Cứu Rỗi" hay được an toàn. Điều đó có nghĩa là, trong triều lưu tiến hóa hiện tại, chắc chắn y không bị ở lại đảng sau; chắc chắn y không bị mất hàng ngũ trong ngày "Phán Xét" của cuộc Tuần Hoàn sau, như một cậu học trò bê trễ quá nên không theo kịp chúng bạn trong lớp.

Người được Điểm Đạo lần thứ Nhứt, phải qua cuộc Điểm Đạo lần thứ Nhì, lần thứ Ba và lần thứ Tư trước khi đến trình độ Chơn Tiên, tức là được Điểm Đạo lần thứ Năm, và khi đạt được quả vị này Ngài hiệp nhất được Chơn Thần với Chơn Nhơn, cũng như trước đây Ngài hiệp nhất Chơn Nhơn với Phàm Nhơn. Khi con người hoàn toàn hiệp nhất Chơn Nhơn với Phàm Nhơn rồi thì Phàm Nhơn không còn nữa, trừ phi nó là sự biểu hiện của Chơn Nhơn; bây giờ còn một việc tương tự như thế chờ đợi người Đạo Đồ một lần nữa, đó là làm cho Chơn Nhơn thành ra sự biểu hiện của Chơn Thần. Còn một giai đoạn khác giống như thế đang mở rộng ở phương trời xa thẳm chăng? Chúng ta không biết điều đó. Tuy nhiên chắc chắn khi đạt đến quả vị Chơn Tiên chúng ta sẽ thấy mở ra trước mắt một viễn ảnh hưởng thượng vinh diệu hơn nhiều.

Người ta thường hỏi sự cuối cùng của cuộc tiến hóa đang mở ra trước mắt chúng ta sẽ ra sao? Riêng tôi, tôi không biết nó sẽ chấm dứt hay không. Một hôm, một Đại Triết Gia có nói: "Không thể nào quan niệm được sự tiến hóa có mức cuối cùng, mà cũng không thể nào quan niệm được sự tiến không có mức cuối cùng; nhưng trong hai lẽ đó phải có một cái đúng". Có người nói

về nhập vào Đấng Tối Cao: Chúng ta không biết gì về điều này. Chúng ta chỉ biết rằng Tâm Thức của chúng ta tiếp tục mở rộng; và phía trước nó, có nhiều mức độ mới lạ nối tiếp nhau, cao hơn trình độ chúng ta. Chúng ta biết rằng có thể tiếp xúc với cõi Bồ Đề và Tâm Thức chúng ta mở ra rộng lớn vô cùng, chúng ta vẫn chính là chúng ta, đồng thời chúng ta thành ra những người khác và cao cả hơn.

Kinh nghiệm này không hề cho chúng ta cái cảm giác rằng chúng ta đã mất cá tính rồi. Nhưng chúng ta có cảm giác đã mở rộng nó đến mức có thể gia thêm vào năng lực cảm xúc của chúng ta sự cảm xúc của những kẻ khác. Ai có thể đạt đến mức đó trong lúc tham thiền thì nên tiếp tục việc ấy. Nhờ sự khai triển không ngừng, Tâm Thức không ngớt mở rộng ra cho đến lúc bao trùm chẳng những nhân vật cực kỳ cao thượng mà cho tới những nhân vật thấp thỏi hơn nó; tuy nhiên, những nhân vật cực kỳ cao thượng vì dừng mãnh hơn và sử dụng được một năng lực ghê gớm, nên cảm biết trước hơn mấy người kia. Một sự khai triển Tâm Thức như thế vẫn tăng dần; người ta phải mở một con đường xuyên qua tất cả những cảnh thấp của cõi Bồ Đề. Rồi chẳng bao lâu, người ta tập mở Kim Thân là Thể Bồ Đề. Ấy là một thể mà con người có thể tùy ý sử dụng trên cao độ phi thường này, nơi đó các bầu Thế giới chỉ là một, nơi đó con người có thể vượt qua không gian mà không phải đi qua theo nghĩa thông thường như ta hiểu chữ này.

Vì nhiều người trong chúng ta đã kinh nghiệm sự kiện ấy, nên chúng ta có quyền cho rằng trong tương lai Tâm Thức này cũng khai mở như thế. Chúng ta đã đạt được sự hiệp nhất mà không có cảm giác mất cá tính, cũng không bị chìm đắm trong biển cả sáng ngời, như lời của thi sĩ diễn tả. Trái lại, dường như cái biển cả sáng ngời nó tuôn tràn vào giọt nước.

Đúng thật là một quả quyết mâu thuẫn, nhưng cái đó là cảm giác đã nhận thức của người đã mở Bồ Đề Tâm; cái Tâm Thức của giọt nước mở rộng ra và thành Tâm Thức của biển cả. Đó là sự kiện đối với chúng ta như thế. Tại sao không giả sử rằng ngay bây giờ không có cái gì thay đổi trong phương thức đó? Ta không thể quan niệm được sự nhập vào một sự sống khác làm cho chúng ta mất Tâm Thức mà chúng ta phải dày công lắm mới hoạch đắc được. Tôi tin rằng Tâm Thức này sẽ mở mang cho đến ngày chúng ta hiệp nhất với Đức Thượng Đế, nhưng chỉ trong ý nghĩa mà Đấng Christ đã nói: "Các con là những vị Thượng Đế; tất cả các con là con của Đấng Tối Cao."

Chúng ta có thể nhìn lại cái quá khứ xa xăm của sự tiến hóa và chúng ta cũng có thể thấy được tương lai xa thăm thẳm ở phía trước. Do đó chúng ta

có thể tin chắc vào tương lai, nó tiêu biểu hàng triệu năm hoạt động hữu hiệu trên những mức độ tuyệt diệu, nơi đó sự quang vinh, uy lực và tình bác ái không thể quan niệm nổi ở dưới Thế gian này. Chúng ta hãy xem xét vấn đề trên quan điểm chánh lý. Chúng ta hy vọng hiểu biết cách nào? Nếu hiện nay chúng ta có thể hiểu biết được mức cuối cùng của mấy điều đó thì nó quả là tầm thường lắm, không cân xứng với tất cả những giai đoạn xảy ra trước nó.

Trí tuệ của chúng ta còn hạn hẹp, chúng ta không biết được giới hạn của nó ở đâu; phải thấy sự phát triển cao siêu, người ta mới bắt đầu hiểu rằng cái trí khôn mà con người rất hãnh diện thật chẳng ra gì cả, nó chỉ là một khởi điểm, là hạt giống của cái cây tương lai. Dem so sánh với trí khôn mai sau thì hiện nay con người chỉ có Cái Trí của đứa trẻ con; quả thật là trí khôn của đứa trẻ con đầy hứa hẹn, vì nó đã hoàn thành nhiều công việc và có hy vọng nó sẽ hoàn thành nhiều hơn nữa. Nhưng, so sánh với Cái Trí của những Đấng Cao Cả thì nó chỉ là Cái Trí của một đứa bé thơ thôi; như vậy nó không thể vươn lên đến chỗ thật cao mà cũng không thể xuống sâu đến chỗ thật thâm diệu, nên chúng ta không thể bảo nó hiểu được chỗ khởi thủy và chỗ cuối cùng. Về phần tôi, tôi thú nhận ngay với tất cả sự thành thật rằng tôi không biết được mục đích của Đấng Tối Cao. Tôi chỉ biết một điều là Ngài có thật.

Nhà Siêu Hình Học và Triết gia đã suy nghiệm thuần lý về vấn đề này, sự cố gắng làm phát triển rất nhiều Hạ Trí và Thượng Trí của họ. Những người nào thích tưởng tượng cứ suy tưởng, không có hại chi cả; nhưng tôi tưởng, họ phải hiểu rõ rằng đó chỉ là những điều tưởng tượng. Các nhà Triết học không nên biến đổi những lý thuyết của họ thành ra hệ thống và mong mọi chúng ta chấp nhận vì có lẽ đúng là họ đã bỏ qua nhiều yếu tố căn bản. Riêng tôi, tôi không suy luận thuần lý, khi cảm thấy rằng sự huy hoàng và sự vinh quang đang chờ chúng ta đã đủ, để thỏa mãn những khát vọng của chúng ta rồi. "Những điều gì mà mắt không thấy được, tai chẳng nghe được và cũng không sắp đặt sẵn trong lòng người, đó là những điều mà trời đã chuẩn bị cho những người mà Ngài Thương".[2]

Đó là chính sự thật hôm nay mà cũng là sự thật hồi hai ngàn năm trước.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 3

QUYỀN SÁCH ĐƯỢC VIẾT RA BẰNG CÁCH NÀO ?

C. W. L. Lời tựa của Tiến sĩ Besant (hồi tháng 12 năm 1910), giải thích kế đó, cách Alcyone đã viết quyển sách.

Và em viết thuộc lòng lại mấy lời này một cách chậm chạp và khó khăn, vì năm trước em chưa giỏi tiếng Anh như bây giờ.

Một phần lớn cuốn sách vốn lập lại y nguyên lời của Chơn Sư, còn câu nào không phải lời của Ngài thì cũng là tư tưởng của Ngài do em diễn tả lại. Có hai câu bỏ sót, Ngài chữa lại. Trong hai chỗ khác, em quên một chữ, Ngài thêm vô. Trừ ra mấy điều đó, tác phẩm này hoàn toàn của Alcyone, ấy là món quà đầu tiên của em hiến cho đời.

Riêng tôi, tôi có thuật lại câu chuyện xảy ra như thế nào trong quyển Chơn Sư và Thánh Đạo.

Cũng khá dễ mà thuật lại quyển sách nhỏ ấy được viết trong trường hợp nào. Mỗi đêm tôi có bốn phen phải dắt đưa trẻ này ở trong Cái Vía của nó đến nhà Đức Thầy, để Ngài giáo huấn nó. Mỗi lần, Ngài để ra trong khoảng mười lăm phút đứng giảng dạy nó rồi khi mỗi bài chấm dứt Ngài tóm tắt những điểm quan trọng mà Ngài đã giảng, hoặc bằng một câu, hoặc bằng nhiều câu. Như thế Ngài làm ra một toát yếu rất dễ để em học thuộc lòng. Sáng mai, em phải nhớ lại rồi chép ra. Quyển Dưới Chơn Thầy gồm những câu tóm tắt lời giảng dạy của Đức Thầy bằng những từ ngữ riêng của Ngài dùng. Krishnamurti chép lại hơi khó khăn những lời này, vì hồi đó em chưa giỏi tiếng Anh. Em thuộc lòng tất cả những bài này nên không lo ngại về số phần của những chú thích mà em đã ghi chép. Nhưng sau đó ít lâu, Krishnamurti đi Bénarès với bà Hội Trưởng của chúng ta, ở đó, em viết thơ về Adyar cho tôi, yêu cầu tôi thu thập và gởi cho em tất cả những câu ghi chú những lời Đức Thầy đã dạy em. Tôi cố gắng xếp đặt lại thật rõ ràng những lời ghi chú này và đánh máy ra.

Đối với tôi, dường như một phần lớn những lời ghi chú đó chính là lời của Đức Thầy. Tôi muốn thật chắc chắn không có sự sai lạc trong khi chép nên tôi đã đem dâng lên Đức Thầy Kouthoumi những bản đánh máy và cầu xin Ngài vui lòng đọc lại tất cả. Ngài đọc và đổi một hoặc hai chữ ở chỗ này, chỗ kia, thêm vài chữ để liên kết và giải thích, và vài câu khác mà tôi nhớ có nghe Ngài đã nói. Rồi Ngài nói: "Phải, như vậy đúng; cái này được"; nhưng Ngài nói thêm: "Chúng ta hãy đem mấy tờ này trình lên Đức Di Lạc". Và Đức Thầy với tôi cùng đi, Ngài cầm bản thảo và trình lên Đức Chương Giáo. Đức Chương Giáo đọc và tán thành. Chính Ngài nói: "Huynh phải làm cho nó thành một quyển sách nhỏ xinh đẹp đăng giới thiệu Alcyone cho đời". Chúng tôi không hề có ý nghĩ giới thiệu Alcyone với Thế gian; và chúng tôi tưởng không đáng cho nhiều luồng tư tưởng tập trung vào một đứa bé mới mười ba tuổi đầu còn cần sự học hỏi và sự giáo hóa. Nhưng trong giới huyền bí, chúng tôi phải làm những gì người ta nói với chúng tôi, vì vậy quyển sách này được giao cho nhà in ngay buổi sáng hôm sau.

Tất cả những sự phiền phức mà chúng tôi đã tiên kiến khi quyển sách nhỏ này được xuất bản sớm, đã xảy ra. Tuy nhiên Đức Chương Giáo hữu lý và chúng tôi đã làm, vì cái tốt đẹp do quyển sách đó mang lại đã vượt xa vô hạn những nỗi ưu phiền do nó đã gây ra cho chúng tôi. Thật thế, có hàng ngàn người viết thư cho chúng tôi biết rằng đời sống của họ đã thay đổi hoàn toàn và họ thấy mọi vật đều khác hẳn, chỉ vì đã đọc quyển sách ấy. Quyển Dưới Chơn Thầy đã được dịch ra hai mươi bảy thứ tiếng, xuất bản khoảng bốn mươi lần, hoặc hơn nữa và có trên một trăm ngàn quyển đã in ra. Qua trung gian của quyển sách này một công trình tuyệt diệu đã hoàn thành. Và trên tất cả, nó được Đức Chương Giáo sắp làm phẩm đặc biệt cho phép ấn hành. Điều này đã tăng thêm giá trị của nó, bởi vì qua nội dung của quyển sách nhỏ này người ta có thể suy diễn được phần nào giáo lý của Đức Chương Giáo.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 4

LỜI CẦU NGUYỆN ĐẦU TIÊN

C. W. L. Bà Tiến sĩ A. Besant đã kết thúc lời nói đầu của quyển sách này bằng những lời cầu nguyện cho chúng ta như sau:

Cầu xin tác phẩm này giúp ích cho kẻ khác, cũng như lời khẫu truyền đã giúp ích cho Alcyone. Chính vì cũng mong mỗi như thế, nên Alcyone mới đem truyền lại cho chúng ta. Nhưng mà những lời giáo huấn này chỉ có hiệu quả là khi nào người ta thật sự sống đúng theo nó, cũng như chính Alcyone từ khi được Thầy dạy đến giờ vẫn tuân theo luôn luôn. Nếu noi theo gương này, cũng như giữ vẹn lời giới răn thì độc giả sẽ bắt đầu bước vào Đường Đạo cũng như tác giả vậy.

Trong khi duyệt lại quyển sách, Tiến sĩ Besant nói rằng: "Thật ít khi thấy những lời lẽ tương tự, lời giáo huấn trực tiếp có tính cách triết lý như thế, và được diễn tả một cách tuyệt diệu lại đem giảng dạy cho đời". Vì vậy, thật đáng cho chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng từng lời.

Chỗ khởi đầu quyển sách, trước lời tựa của Alcyone, chúng ta gặp lời cầu nguyện xưa, do từ tiếng Phạn dịch ra. [3]

Xin dắt tôi từ cõi giả đến cõi chơn.

Xin dắt tôi từ chỗ tối tăm đến nơi sáng suốt.

Xin dắt tôi từ sự chết đến sự trường sinh bất tử.

Trong trường hợp hiện tại, chữ "Chơn" có thể bị hiểu lầm. Khi dùng chữ "Chơn" và chữ "Giả" chúng ta muốn nói rằng cái này có một sự hiện tồn xác thực, còn cái kia thì không có. Đối với chúng ta chữ "Giả" chỉ có nghĩa hư ảo, tưởng tượng. Nhưng người Ấn Độ không bao giờ hiểu nghĩa chữ này như thế. Có thể chúng ta hiểu theo một ý nghĩa gần đúng ý nghĩa họ quan niệm, khi chúng ta nói rằng: "Xin dắt tôi từ cõi vô thường đến cõi Trường Tồn bất diệt."

Nói rằng các cõi thấp như cõi Hồng Trần, cõi Trung Giới và cõi Thượng Giới là giả, thường sẽ gây ra nhiều sự lầm lẫn lớn lao. Chúng nó không phải là giả khi mà chúng nó còn tồn tại ở mức độ của chúng nó. Những vật hữu hình dường như quả có thật, khi chúng ta ở cõi Hồng Trần, nhưng khi chúng ta ngủ, chúng ta dùng tâm thức của Cái Vía thay vì tâm thức của Xác Thân, chúng ta không thể thấy đồ vật này nữa, bởi vì chúng ta đã đi qua cõi cao hơn. Vì lẽ đó, đôi khi người ta gọi chúng nó là giả, nhưng người ta cũng có thể gọi cõi Trung Giới là giả vì khi ở cõi Trần, chúng ta không thấy đồ vật ở cõi Trung Giới. Đồ vật ở hai cõi luôn luôn vẫn hiện diện và thấy được đối với người mà tâm thức đã hoạt động trong cả hai cõi ấy.

Theo sự hiểu biết của chúng ta, mọi sự biểu hiện đều vô thường; chỉ có cái "Không Biểu Hiện" là tuyệt đối và thường hằng [4] mà thôi. Một ngày kia, mọi sự biểu hiện, ngay cả những sự biểu hiện ở những cõi cao, sẽ trở về với cõi vô thủy vô chung. Như thế sự khác biệt giữa cái mà chúng ta gọi là vô thường với những cõi cao siêu này chỉ là vấn đề thời gian thôi, và thời gian đó so với Trường Tồn Bất Diệt thì nó không có nghĩa gì hết. Vậy cõi Hồng Trần cũng vẫn thật như cõi Niết Bàn và cũng như cõi Niết Bàn nó vẫn là sự biểu hiện của Thượng Đế. Do đó, chúng ta không nên tưởng rằng trong hai cõi ấy, có một cõi thật, còn cõi kia chỉ là ảo mộng hay là huyền tưởng thôi.

Còn một lý thuyết khác vẫn thường cho rằng vật chất là xấu. Không phải xấu đâu. Vật chất cũng như Tinh thần, cả hai đều là biểu hiện của Đức Thượng Đế; cả hai đều thuộc về Ngài; chúng nó chính là hai trạng thái của Ngài mang. Vật chất thường gây chướng ngại trên đường tiến hóa của chúng ta, nhưng khi nào sử dụng nó làm chậm trễ bước tiến hóa của chúng ta. Cũng như việc người ta bị dao cắt mà cho rằng tất cả những dao đều xấu. Theo sự uyển chuyển của tiếng Phạn, chúng ta có thể dịch lời cầu nguyện thứ nhất như sau: "Xin dắt tôi từ cái giả đến cái Thật". "Chơn," "Thường", "Thật" cái nghĩa dường như gồm cả mấy điều đó. Vậy thì lời cầu nguyện của chúng ta có nghĩa rõ hơn như thế này: Xin dắt tôi từ ngoại giới, là nơi ảo ảnh lớn lao hơn hết đến nội tâm, là nơi gần kề chân lý tuyệt đối.

Lời cầu nguyện thứ nhì là: "Xin dắt tôi từ chỗ tối tăm đến nơi Sáng Suốt." Dĩ nhiên, đây là từ chỗ tối tăm của sự dốt nát đến ánh sáng của sự hiểu biết. Lời cầu nguyện này dâng lên Đức Thầy. Chúng ta cầu xin Đức Minh Triết của Ngài soi sáng chúng ta. Bên Ấn Độ, câu này còn có nghĩa thứ hai thêm vô nghĩa thứ nhất. Thiết tưởng chúng ta cầu xin Đức Thầy dắt chúng ta đến sự hiểu biết các cõi cao siêu. Chúng ta cũng tìm thấy ở đó tư tưởng thật đẹp được diễn đạt trong vài quyển sách xưa rằng: Ánh sáng của cõi dưới là sự tối

tầm của cõi cao kể đó. Đó là một Chân lý tuyệt diệu. Cái mà chúng ta gọi là ánh sáng dưới Trần thể thì đục và mờ so với ánh sáng của cõi Trung Giới và đến lượt ánh sáng của cõi này lại yếu hơn ánh sáng của cõi Thượng Giới. Thật rất khó mà tìm những lời lẽ diễn tả sự dị biệt này, vì mỗi lần trong tâm thức quý bạn vượt lên một cõi cao, quý bạn lại cảm giác nhận thức được một cái gì cao siêu phi thường hơn tất cả những gì mà trước kia quý bạn chưa từng biết, quý bạn thấy uy lực tăng gia, ánh sáng tăng gia, phúc lạc tăng gia.

Một người tâm thức thật mở mang tự nhủ: "Hôm nay, lần đầu tiên, tôi mới hiểu Sự Sống thật sự là gì, và sự huy hoàng của mấy điều đó". Vậy mỗi cõi đều cao hơn cõi dưới kế nó, điều này không thể so sánh được cho đến đôi từ cõi Trung Giới trở về cõi Trần thì dường như người ta đi từ ngoài ánh sáng mặt trời vào ngục tối vậy. Khi một người có thể hoạt động một cách có ý thức trên cõi Thượng Giới, y sẽ có thể phát triển trong nhiều phương hướng vô cùng cao hơn những điều y đã biết tại cõi Trung Giới. Khi y tiếp xúc Tâm Thức Bồ Đề, lần đầu tiên y mới vừa cảm biết cách Thượng Đế xem coi vạn vật. Đó chính là sự tiếp xúc đầu tiên với Thượng Đế, một ý niệm đầu tiên về cách thế của "Đấng Vô Sở Bất Tại" cảm biết vũ trụ của Ngài tạo ra. Người ta nói về Ngài như vậy: "Sự sống của chúng ta, sự hoạt động của chúng ta, bản thể của chúng ta vốn ở trong lòng Ngài" [5] và một câu nữa: "Vạn vật đều do Ngài sinh ra và thuộc về Ngài". [6] Đây không phải chỉ là một lời nói đẹp đẽ và có thi vị mà chính là sự biểu hiện của một sự việc. Có một Đơn vị cực kỳ vinh quang, không phải chỉ là một nhóm Huynh Đệ mà thật sự là một Đơn vị; khi chạm phốt qua nó, người ta bắt đầu hiểu một cách mơ hồ điều mà Thượng Đế cảm thấy khi Ngài nhìn xem Vũ Trụ của Ngài và nói: "Cái đó thật tốt". Như thế chúng ta cầu xin được dắt từ chốn tối tăm ngự trị ở các cõi thấp đến ánh sáng của Tâm Thức cao siêu là ánh sáng tương phản với sự tối tăm. Không có danh từ nào thích hợp hơn, không có tiếng nào đủ khả năng diễn đạt cảm nghĩ của chúng ta đúng hơn. Sau hết chúng ta lại nguyện rằng: "Xin dắt tôi từ sự chết đến sự Trường Sinh Bất Tử". Câu này không có nghĩa như người mới mộ Đạo hiểu, vì người Thông Thiên Học không xem sự tử vong như một người chưa khảo cứu vấn đề này: thái độ của y phải thật trái hẳn. Sự chết không có gì đáng sợ; nó không phải là Bạo Chúa của những sự khiếp đảm, nhưng đúng hơn nó là một vị Thiên Thần mang chìa khóa vàng đến mở cửa vào một đời sống cao cả hơn và nhiệt liệt hơn. Đành rằng chúng ta luôn luôn luyện tiếc những người quá vãng, nhưng sự luyện tiếc này chỉ nhắm vào việc: "Năm một bàn tay tan ra mây khói, nghe âm thanh của một tiếng nín lặng". Khi chúng ta cầu xin được dắt từ sự chết đến sự Trường Sinh Bất Tử, ý tưởng của chúng ta không phải như ý tưởng của một người Thiên Chúa Giáo sống mãi trong sự Trường Tồn với bản ngã hiện

hữu của y, dưới hình thức này hay dưới hình thức khác. Tuy nhiên, chúng ta cầu mong thoát khỏi sự chết và người bạn keo sơn của nó là sự tái sinh. Cái điều chờ đợi con người, ấy là chu kỳ của sự tiến hóa, những người Phật Tử gọi là Sansâra, có nghĩa là Bánh xe của sự sống. Lời cầu nguyện ở đây có nghĩa là: "Xin dắt tôi từ vòng sinh tử đến sự Trường Sinh Bất Tử - đến đời sống vượt lên trên sự sinh và sự tử, nó không cần phải xuống những cõi thấp nữa, vì sự tiến hóa của nó trong con người đã chấm dứt và nó đã học hết những gì mà vật chất đã dạy nó.

Thường thường người ta không ngờ đến điều này là ý niệm đó cũng chiếm một địa vị quan trọng trong những Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo. Thiên Chúa Giáo hiện đại phải chịu vài ám ảnh (tôi không nghĩ rằng người ta có thể gọi chúng bằng danh từ nào khác hơn), mà một trong những ám ảnh đó là tư tưởng ghê tởm về một địa ngục đời đời kiếp kiếp. Tín ngưỡng này đã rải một đám mây mù vô lý, vô nghĩa trên một loạt giáo lý khác. Trong toàn thể của nó, thuyết Cứu rỗi Linh Hồn xuất hiện có nghĩa là nhằm cứu vớt Linh Hồn ra khỏi cái địa ngục hão huyền đời đời đó. Ý nghĩa thật khác lắm. Thiết tưởng tất cả những đoạn sách nói về địa ngục đời đời kiếp kiếp dường như không thể hiểu được đã trở thành sáng tỏ và minh bạch, khi mà người ta hiểu được rằng thật ra con người được cứu rỗi vì Đức Chúa sinh ra trong lòng nó.

Đấng Christ thường nói về con đường rộng rãi đưa đến sự chết chóc hay là sự tàn phá mà nhiều người đã đi theo nó. Một hôm, người đệ tử của Ngài đến hỏi Ngài: "Bạch Chúa, phải chăng chỉ có một số ít người được cứu rỗi mà thôi"? Ngài đáp rằng: "Cánh cửa vẫn chật hẹp và con đường dẫn đến sự sống vẫn eo hẹp, rất ít người tìm được nó". Những lời tuyệt diệu và hoàn toàn đúng này, người ta thường giải thích rằng nó có nghĩa là đa số nhân loại sẽ bị ném vào một địa ngục đời đời kiếp kiếp, còn một thiểu số sẽ được lên Trời. Thật là hết sức kỳ cục mà gán cho Chúa ý tưởng này. Ý của Chúa hoàn toàn minh bạch. Các đệ tử hỏi Ngài có bao nhiêu người theo con đường dẫn đến sự Điem Đạo? Ngài trả lời: "Ít lắm", lời Ngài vẫn đúng đối với ngày nay cũng như đối với thuở xa xưa đó. Khi Ngài nói rằng: "Con đường dẫn đến cõi chết thì rộng rãi và nhiều người theo nó", là Ngài đã nói đến con đường dẫn đến sự sinh tử luân hồi. Dĩ nhiên, quả thật đó là con đường rộng rãi và dễ đi biết bao! Cách tiến hóa ấy không một nhọc chút nào và những người đi theo đường đó sẽ đạt được mục đích khá dễ dàng . . . có lẽ hết cuộc Tuần Hoàn thứ bảy.

Nhưng cánh cửa chật hẹp và con đường eo hẹp, lại dẫn đến sự Điem Đạo và

cõi Trời. Khi Đấng Christ nói về Cõi này, Ngài không hề muốn nói đó là cõi Thiên Đàng hay trạng thái sau khi chết hay dévakhane, mà luôn luôn Ngài đề cập đến một nhóm người đã được cứu rồi hay một đoàn thể được tuyển chọn, tức Quần Tiên Hội vậy. Khi Ngài nói về điều kiện của kiếp sống giữa sự chết và sự tái sinh, chúng ta thấy Ngài dùng những từ ngữ khác. Quý bạn hãy nhớ lại một đoạn văn của Thánh Jean như sau: "Và đây này, một đám đông người, không ai đếm được, thuộc mọi quốc gia, mọi bộ lạc, mọi chủng tộc, mọi ngôn ngữ. Họ đứng trước Ngôi Chúa và trước con chiên con, mặc áo dài trắng và cầm trong tay những vòng chiến thắng". Khi tác giả đề cập đến bên kia cửa tử, Ngài nói với chúng ta về một đám người đông đảo, vô số, chứ không phải một nhóm ít người chịu khó khăn lắm mới tìm được con đường của họ.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 5

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ

C. W. L. Bây giờ chúng ta đi đến lời tựa của chính Alcyone.

**Mấy lời này chẳng phải của tôi, ấy là lời của Sư Phụ tôi đã dạy tôi.
Không có Ngài, tôi chẳng làm gì được, nhưng nhờ Ngài giúp, tôi mới
bước vào Đường Đạo.**

Alcyone cho rằng sự tiến hóa của em hoàn toàn nhờ ảnh hưởng và sự giúp đỡ của Sư Phụ em. Chúng ta cũng dựa vào một phần lớn sự giúp đỡ mà em đã nhận được, vì chúng ta có những lời trong sách, nghĩa là lời của Đức Thầy. Nhưng sự giúp đỡ lớn lao bằng sự hiện diện và sự dìu dắt của Ngài cũng sẵn sàng chờ đợi mỗi người trong chúng ta. Sự thật này phải khắc sâu trong tâm trí chúng ta; chúng ta phải tin tưởng vào nó như tin tưởng vào một sự kiện tuyệt đối chắc chắn: Tất cả những ai muốn chuẩn bị như Alcyone đều sẽ được giúp đỡ.

Anh cũng vậy, anh muốn bước vào Đường Đạo này thì những lời của Sư Phụ tôi sẽ hữu ích cho anh. Nếu anh tuân theo. Nói rằng mấy lời đó chơn chánh và tốt đẹp chưa phải là đủ. Người nào muốn thành công thì phải thực hành đúng theo lời chỉ giáo. Một người đang đói xếp ve nhìn một món đồ ăn rồi nói "ngon quá" thật vô ích với y. Y phải đưa tay lấy và ăn. Cũng thế, nghe những lời dạy của Đức Thầy chưa phải là đủ; phải thực hành những điều Ngài nói, chăm chỉ theo từng tiếng, từng dấu.

Nói rằng: " Tôi sẽ làm theo tất cả những lời dạy trong sách" cũng chưa đủ. Lời giáo huấn phải thấm nhuần trọn vẹn đời sống của chúng ta. Phải canh chừng những cơ hội thuận tiện. Mấy câu thơ ở đằng sau chót quyển sách diễn tả thật rõ rệt ý muốn đó:

Chờ đợi tiếng nói Chơn Sư,

Rình xem ánh sáng ẩn tàng,

Lắng nghe hầu biết được mệnh lệnh của Ngài,

Dầu ở giữa chiến trận.

Chú ý từng nét dấu nhỏ nhít của Ngài,

Trên đám đông quần chúng,

Nghe tiếng thì thầm của Ngài,

Xuyên qua tiếng ca hát vang rền của quả đất.

Ai ước nguyện làm đệ tử Chơn Sư thì phải luôn luôn lắng nghe lời Thầy ở giữa những tiếng ồn ào, hỗn loạn và cuồng nhiệt của cuộc tranh đấu sinh sống. Phải nỗ lực tìm cơ hội để thực hành bất cứ lời dạy nào của Ngài.

Chúng qui không phải thật là khó khăn đâu; một phần lớn chính là vấn đề thói quen. Chỉ có bước đầu là đáng kể. Khi bước thứ nhất xong rồi thì thói quen đã có; rất dễ cho chúng ta giữ chừng không bỏ cuộc, chẳng khác nào một người kia trong việc kinh doanh tìm cơ hội để kiếm lợi. Người đó có lý mà giữ một thái độ chờ đợi; vì nếu y lo lắng công việc làm ăn thì y phải giữ cho trọn vẹn bốn phần của y, nhưng nếu y ra sức giải quyết những việc tạm thời thì chính chúng ta cũng rất có thể áp dụng một sự cố gắng như vậy đối với những vấn đề của đời sống cao siêu.

Ai muốn được quỳ dưới chân Đức Thầy thì rất cần phải được hiểu rõ ý muốn của Ngài. Thái độ đó là kết quả của sự đọc sách Thông Thiên Học. Chỉ có thái độ đó mới là mục đích thật, vì Thông Thiên Học là một lối sống thật sự phải noi theo, chứ không phải là một hệ thống giáo lý chỉ để cho chúng ta học hỏi mà thôi. Vậy chúng ta phải cố gắng sao cho quan điểm của chúng ta phù hợp với quan điểm của Đức Thầy, mà không hề có sự cưỡng bức nào cả. Không ai trong chúng ta hành động thật khôn ngoan khi thừa nhận quan điểm nào đó chỉ vì nó là quan điểm của Đức Thầy mà không hiểu vì sao mà Ngài đạt được quan điểm đó. Chúng ta thừa nhận quan điểm của Chơn Sư mà không có sự nguy hiểm nào cả, vì sự hiểu biết của Ngài vượt xa vô cùng kiến thức của chúng ta. Nhưng Ngài không muốn điều đó. Tư tưởng của Ngài phải thuyết phục được trí khôn của chúng ta, chứ không phải chỉ ảnh hưởng đến tình cảm mà thôi.

Điều cần thiết trước nhất là phải tin chắc rằng những điều ấy quả có thật, trường tồn và tối quan trọng. Người Thiên Chúa Giáo bậc trung nói rằng quả thật những điều vô hình quan trọng hơn hết, còn những việc hữu hình là giả tạm. Y tin như vậy nhưng không hề làm in như điều y đã tin tưởng. Tại sao vậy? Bởi vì y không chắc chắn những điều đó có thật. Tại cõi trần, y chắc chắn rằng tiền bạc có những lợi ích và càng kiếm được tiền, càng tốt cho y. Y ít tin rằng những chuyện tinh thần có thật, chúng thuộc về loại đề mục mà y gọi là "Tôn Giáo". Theo y dường như không chắc chắn, không có tính cách thực dụng và hiển nhiên, thích hợp với công việc của đời sống thường ngày. Chúng ta đang tìm cách tiến tới trong địa hạt tinh thần, chính chúng ta phải đưa tính cách thực dụng này, sự chính xác tuyệt đối và minh bạch này vào giới vô hình. Ông Sinnett đã nói trong tác phẩm Thông Thiên Học đầu tiên của ông như sau: "Đối với quý vị, những điều này phải thật như Thập Tự Giá". Điều này rất đúng, chúng phải quen thuộc với chúng ta như những điều chúng ta thấy hàng ngày.

Chúng có thể trở nên như thế, hoặc do sự suy luận, hoặc do trực giác, nhất là

do kinh nghiệm trực tiếp. Khi trong trí ta tin chắc rằng việc nào đó phải có thì nó trở thành một sự xảy ra có thật đối với chúng ta. Chắc chắn đó là một ưu điểm mà sinh viên kỳ cựu hơn một sinh viên còn trẻ tuổi. Dù những người mới có nhiệt tâm đến đâu đi nữa, những người kỳ cựu cũng vẫn có đủ thì giờ làm cho ý niệm này thành ra một phần cốt yếu của đời sống họ và đồng hóa nó lần hồi, từ chút này đến chút kia. Như một thi sĩ đã nói: "Sự hiểu biết vượt lên cao, từ sự tiến bộ này đến sự tiến bộ khác". Có vài người trong chúng ta vừa nghe nói đến những sự kiện cao siêu thì liền hoàn toàn tin chắc rằng chúng nó quả có thật; cái trực giác tốt đẹp đó vốn do nghiệp quả lành của họ đã gây ra từ những tiền kiếp. Tuy nhiên đối với phần đông số phần ít may mắn, thì rất cần sự phát triển liên tục lâu dài. Thật ra một người có thể gia nhập Hội Thông Thiên Học đã ba mươi năm rồi mà không hiểu biết gì hơn lúc y mới vào. Thật đáng buồn vậy, vì mọi cơ hội tốt đều trôi qua rồi. Trái lại, đối với người không ngớt suy nghĩ về Thông Thiên Học và sống theo nó đều cảm thấy lần lần có một sự tin chắc. Những kinh nghiệm của đời sống và những tư tưởng về những vấn đề đó lần lượt đem đến cho chúng ta nhiều bằng chứng để cho chúng ta thấy rằng những việc ấy vốn hiển nhiên.

Trong nhiều trường hợp, những tư tưởng Thông Thiên Học ban đầu dường như phức tạp và khó hiểu, nhưng về sau chúng trở nên giản dị và dễ dàng; chúng biến thành một thành phần của chúng ta. Một đứa trẻ tập viết một trương, nó rất hãnh diện nếu nó không phạm một lỗi nào, nhưng về sau, nó cũng chép một trương như vậy mà không cần để ý đến nữa, nó đã có thói quen rồi. Trong thời gian mà chúng ta còn cần phải cố gắng để hiểu biết thì chúng ta chưa thật hiểu được giá trị của những tư tưởng Thông Thiên Học. Một ngày kia, chúng sẽ trở thành một sức mạnh trong đời sống của chúng ta.

Kinh nghiệm cá nhân đem lại chắc chắn những sự tiến bộ dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn; trong chúng ta, rất ít khi chúng ta không có sự kinh nghiệm nào cả. Về phương diện này, một ít hiểu biết trực tiếp cũng chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng không phải tất cả cái còn lại là thật cả, nhưng mà nó rất có thể đúng. Riêng về phần chúng ta, chúng ta nhận thấy một phần giáo lý chúng ta đã học phù hợp với Chân lý, nên chúng ta chấp nhận phần còn lại cũng có thể đúng. Khi toàn thể triết lý kết hợp với nhau, thì có lẽ đúng đó sẽ chắc chắn cho đến nỗi nó trở thành sự thật.

Nếu không chú ý đến một dấu và bỏ qua một tiếng, thì dấu đó và tiếng đó mất biệt vì Chơn Sư không nói đến hai lần.

A. B. Nhiều người không thể hiểu rằng những kẻ không ngớt nghe lập đi lập lại những chân lý là những người không hiểu biết gì hơn những người còn ở ngoài đời. Và Chân lý Thông Thiên học không cảm họ được, nếu họ không cố tâm tuân hành. Nên chú ý, tôi không nói: nếu họ không tuân hành - mà tôi nói: nếu họ không cố tâm tuân hành. Chính là sự cố gắng bền bỉ vốn cần thiết mà nhiều người trong chúng ta lại thường hay quên. Thật thế, Chơn Sư không nói hai lần. Ngài đưa ra một tư tưởng, nếu nó không được tiếp nhận thì Ngài không nhấn mạnh nó. Ngài không lập lại điều Ngài đã nói. Chỉ có những đệ tử của Ngài, vì phải kể đến những điều kiện của Thế gian nên cứ lập đi lập lại cả trăm lần những điều họ đã nói cho đến khi chúng sinh ra được một cảm tưởng. Nếu bạn được nhận làm Đệ Tử chánh thức, Đức Thầy sẽ không bảo bạn thực hành việc gì mà bạn không thể làm được. Nếu bạn bỏ qua một huân lệnh của Ngài đưa ra cho bạn, Ngài sẽ không đưa ra cho bạn một huân lệnh nào nữa đâu. Điều đó không phải vì Ngài không nhân từ, nhưng bởi Ngài không có thì giờ để lãng phí. Ngài có không biết bao nhiêu công việc phải làm. Tất cả giáo lý này đem truyền cho Alcyone vì em đã làm việc nhiều và không ngớt.[7] Chỉ có những ai ý chí cứng cõi, không sòn lòng mới đến gần Đức Thầy được. Tôi biết điều đó. Chính là sự cố gắng bền bỉ và không bỏ cuộc này mà nhiều người trong chúng ta cho là khó khăn, nhưng đó là điều cần thiết và nếu không làm nổi, bạn không thể nào bước vào Đường Đạo được.

C. W. L. Chúng ta là những người đi theo Đức Thầy và cố gắng hoàn thành một phần công việc của Ngài ở ngoài đời, chúng ta luôn luôn phải nói hai lần; chúng ta luôn luôn lập lại những thông điệp khác nhau đã được giao phó cho chúng ta, vì những người nghe vốn vô tư lự hay lơ đãng. Chỉ khi nào một người được giao thiệp với Chơn Sư mới xem như là không thờ ơ nữa; vậy một lời nói khéo léo, bóng bẩy cũng đã đủ cho y rồi và chắc chắn nó không được lập lại, nếu nó không được tiếp nhận; không phải Chơn Sư kiêu hãnh, tự phụ, nhưng vì đệ tử chưa sẵn sàng.

Phải hiểu cách thức Chơn Sư đào tạo đệ tử. Một mạng lệnh trực tiếp của các Ngài đưa ra rất hiếm có. Cách đây đã lâu, khi tôi được vào hàng Đệ Tử nhập

Môn, câu hỏi đầu tiên của tôi là: "Bạch Sư Phụ! Con phải làm gì"? Đức Thầy đáp: "Con hãy tự kiểm lấy điều đó"; rồi Ngài giải thích: "Thầy biết chắc chắn rằng nếu Thầy ra cho con một mệnh lệnh thì con sẽ vâng lời ngay, nhưng trong trường hợp đó con chỉ nhận được quả của một sự vâng lời mau lẹ và tức khắc, nhưng nghiệp quả của việc làm sẽ về phần Thầy. Thầy muốn nó thuộc về phần con. Thầy muốn con làm những việc lành và tạo nghiệp lành. Ý kiến phải phát sinh từ nơi con chứ không phải từ nơi Thầy".

Rất ít khi các Đấng Cao Cả cho những mệnh lệnh trực tiếp; nhưng thường thường do một lời nói của Đức Thầy hoặc một cái nhìn của Ngài cũng đủ cho người ta đoán được Ngài bằng lòng cách hành động nào đó hay không. Những người ở chung quanh Ngài (đặc biệt nhất là trường hợp của Đức Thầy Kouthoumi) tập lưu ý đến sự nhận xét ấy, họ luôn luôn chú ý.

Đức Thầy Morya là vị Vua trong giai đoạn đầu của kiếp hiện tại, nên thường Ngài nói với một giọng oai quyền của một vị Hoàng Đế. Ngài thường ra lệnh trực tiếp và Ngài tỏ ý không bằng lòng với những lời lẽ rõ rệt. Đức Thầy Kouthoumi hầu như không bao giờ tỏ ý không bằng lòng; các đệ tử của Ngài tập đoán ý Ngài bằng cách nhìn của Ngài, bởi vì ít khi Ngài khiển trách. Đó là lý do tại sao các đệ tử ở trong tình trạng chờ đợi lắng nghe lời Ngài dạy dỗ họ. Khi nhận được chỉ thị của Đức Thầy, họ cố gắng tuân theo, bởi vì họ biết rằng nếu họ xao lãng, thờ ơ thì chỉ thị đó sẽ không được lập lại. Sự không tiếp nhận chỉ thị này không hề bị khiển trách, chỉ có người đệ tử bị thiệt thòi, vì y không nhận được chỉ thị mới trong một dịp khác.

Trong quyển Chơn Sư và Thánh Đạo, chúng tôi có trình bày rằng các Đấng Chơn Sư đào tạo đệ tử các Ngài bằng nhiều cách khác nhau tùy theo Cung của họ và loại công việc họ phải đảm đương. Trên con đường của Đức Bàn Cổ và Đức Morya thì có những người Kshattriya (Sái-đế-ly), tức là hạng người có uy quyền như Thẩm phán, Luật gia, Quân nhân, Chính khách. Trên con đường của Đức Bồ Tát và Đức Thầy Kouthoumi thì có những người thuộc về hạng Brahmana (Bà-la-môn), tức là các Huấn luyện viên, các nhà Truyền giáo, các nhà Cải cách. Ngoài ra còn năm Cung lớn khác mà mỗi Cung đều có đặc tính riêng biệt. Một vị Đế Quân ít nhất Sáu lần Điểm Đạo cai quản mỗi Cung, dưới Ngài có nhiều Đức Thầy khác. Như thế, chẳng hạn như Cung thứ hai, một vị đệ tử không cần thiết phải làm đệ tử Đức Thầy Kouthoumi; y có thể trực thuộc Đức Thầy Djwal Koul.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 6

BỐN CON ĐƯỜNG DỰ BỊ

C. W. L. Những tác phẩm Đông phương nói với chúng ta rằng có đến bốn nẻo chánh có thể dắt con người đến Con Đường Nhập Môn. Các sách ấy nói thêm rằng sự thay đổi mục tiêu là thường do nhóm người đã bước vào Đường Đạo rồi. Các vị ấy khai sáng cho người đời thấy sự vinh quang và sự huy hoàng của Con Đường Đạo cũng như sự cần thiết phải theo đuổi nó.

1) Ảnh hưởng của một vị Cao Đồ không bị giới hạn trong lời nói của người thốt ra, cái gây ra một ảnh hưởng mạnh mẽ như thế, chính là sự rung động của sự sống chiếu tỏa ra chung quanh Người. Sự kiện này được hoàn toàn công nhận ở Ấn Độ là nơi có nhiều vị Đạo Sư khác nhau, từ hạng cao đến hạng thấp, có quyền năng nhiều hay ít; người ta gọi họ là Gu-ru (Gourous): Tôn Sư. Mỗi vị Đạo Sư đều có những đệ tử riêng. Họ dạy đệ tử Họ những quan niệm Triết Học riêng của Họ, đôi khi Họ cho đệ tử những câu Thần chú để niệm, tức là những cách tham thiền và dạy đệ tử thực hành Pháp môn Yoga. Nhưng không phải do bài vở mà Họ giúp đỡ đệ tử của Họ nhiều hơn hết. Điểm chính là đệ tử sống gần Tôn Sư. Nếu Đạo Sư là một vị thuộc phái Tiêu dao[8], đi ta bà từ nơi này sang nơi khác, các đệ tử cũng đi theo Thầy. Cũng thế đó, các đệ tử của Đức Jésus đã đi theo Ngài ở Palestine. Nếu vị Đạo Sư thường trụ, không di chuyển thì các đệ tử ở chung quanh Thầy, ngồi dưới chân Thầy, sẵn sàng tiếp nhận những lời vàng ngọc của Thầy thốt ra, nhưng họ thụ hưởng những sự lợi ích của bài dạy của Thầy ít hơn ảnh hưởng do sự hiện diện của Ngài ban ra cho họ.

Không có gì đúng theo khoa học hơn nữa. Những thể cao siêu của vị Đạo Sư rung động với một tốc độ mau hơn nhiều so với tốc độ rung động của những thể của đệ tử vừa mới từ giả đời sống thế tục là nơi phát xuất những sự rung động ở mức độ thấp kém. Các đệ tử chưa cởi bỏ trọn vẹn yếu tố cá nhân như Thầy. Họ phải tự khắc kỷ, giữ gìn giới luật, nhận thấy những tánh xấu của mình, quyết định sửa chữa chúng nó và hoạch đắc vài đức tánh; tóm lại, họ phải thay đổi tánh tình. Thường thường đó là một công trình dài lâu và buồn tẻ, nhưng mà có thể thành ra hết sức dễ dàng nhờ được thường trực sống gần vị Đạo Sư là người đã khai mở được những đức tánh này và dứt bỏ được tật xấu kia. Những làn rung động thanh cao gây ra một áp lực thường xuyên, vị đệ tử trong giấc ngủ cũng như trong lúc thức, thu hút chúng nó và không ngớt hòa nhịp với chúng nó. Đó là nguyên tắc rất phổ thông trong Vật

Lý: hai cái đồng hồ để gần nhau mà hai quả lắc không đồng bộ với nhau, quả lắc mạnh hơn từ từ kéo quả lắc yếu hòa hợp với sự chuyển động của nó hoặc làm cho quả lắc yếu ngưng lại.

2) Cách thứ hai để đi đến con Đường Nhập Môn là đọc hoặc nghe những lời giáo huấn về vấn đề đó. Một người thấy vấn đề Nhập Môn rất thú vị, những dịp tốt đem đến cho y vài sự hiểu biết đó, nhờ trực giác, y nắm lấy chúng nó và tức khắc tìm cách thỏa mãn sự ham muốn hiểu biết thêm về vấn đề ấy. Đó chính là trường hợp của tôi. Quyền Thế Giới Huyền Bí lọt vào tay tôi, tôi liền nhất định: "Nếu quả đúng như thế - nếu điều đó hiển nhiên - nếu các Đấng Cao Cả có thật, và nếu các Ngài bằng lòng nhận công việc phụng sự của chúng ta và ban cho chúng ta một ít sự hiểu biết vô giá của các Ngài để bù lại, thì tôi sẽ là một trong những người phụng sự các Ngài. Tôi sẽ lượm lặt trong bất cứ mảnh vụn hiểu biết nào mà tôi có thể làm được. Kể từ ngày đó, mục đích duy nhất xứng đáng với sự nỗ lực của tôi là hội đủ những điều kiện cần thiết". Thật ra, hàng ngàn người đã nghe nói hoặc đọc trong sách toàn thể giáo lý nhưng họ không có một phần khởi nào cả. Đó chính là vấn đề kinh nghiệm đã thu thập được trong những tiền kiếp. Phải có tiếp xúc với chân lý trong một kiếp trước và tin chắc nó tốt đẹp và xác thực thì mới nhận biết nó ngay khi nó hiện đến cho chúng ta trong kiếp này.

Nhiều người trong chúng ta lấy làm ngạc nhiên khi thấy một người kia đọc một tác phẩm Thông Thiên Học mà không sửa đổi tâm tánh, không hoán cải. Thông Thiên Học là một giáo lý cao siêu, nó giải quyết được nhiều vấn đề. Tuy nhiên, như các bạn đã biết rõ, nếu bạn thử đem sách Thông Thiên Học cho vài người bạn thân mến, thì phân nửa số người này đem trả lại bạn và nói: "Phải, thật hay lắm, nhưng họ không hiểu biết gì trong đó". Chính là nghiệp quả lạnh tạo ra thuở xưa, khi học hỏi những ý niệm này, ngày nay đã giúp chúng ta hiểu được chúng nó. Càng nghiên cứu sâu xa một vấn đề trong quá khứ thì hiện nay nó càng hấp dẫn chúng ta. Đó chính là kinh nghiệm của chúng ta về một tác phẩm có giá trị mà chúng ta đã đọc hai chục năm trước chẳng hạn. Bây giờ bạn hãy đọc lại tác phẩm đó, bạn sẽ thấy nó hay biết bao so với khi xưa; bạn có thể đánh giá nó tùy theo năng lực của bạn hiểu biết nó.

3) Đôi khi cách thứ ba cũng dắt con người vào con Đường Nhập Môn, những tác phẩm Ấn Độ gọi cách đó là "Sự suy tư sáng suốt". Nói một cách khác, bằng sự cố gắng ngày đêm suy nghĩ không ngớt, một người kia có thể đi đến kết luận rằng phải có một Cơ Tiến Hóa, những Đấng toàn năng, toàn thiện phải biết rõ Cơ đó; sau cùng, phải có một con đường dẫn đến các Ngài.

Người nào nhờ một sự cố gắng suy luận như thế, đi đến kết luận ấy ắt y lo tìm đường Đạo. Tuy nhiên, trên con đường này thật ra ít gặp những khách lữ hành.

4) Đối với vài phương diện, phương pháp thứ tư là hay hơn hết, ấy là sự mở mang đức hạnh. Đó là ý niệm dành cho người Thiên Chúa Giáo bậc trung vì y thường tin rằng chỉ có đức hạnh là cần thiết. Trái lại, người Thông Thiên Học nhớ lại rằng vào thời buổi của Thiên Chúa Giáo nguyên thủy thì sự tinh luyện tánh tình hay là thánh đức mà ngày nay họ cho là mục tiêu chỉ một bước đầu tiên mà thôi. Thánh Clément nói thẳng rằng sự Trong sạch (Tinh khiết) chỉ là một đức tánh tiêu cực, nó có ích lợi là giúp cho sự hiểu biết được dễ dàng. Người đã luyện được mình Trong sạch rồi thì xứng đáng được học hỏi và chuẩn bị để được giác ngộ là thời kỳ thứ nhì rồi sang qua thời kỳ thứ ba hay là sự hoàn thiện. Bạn hãy nhớ lại lời của Thánh Phao Lô: "Có một Minh Triết mà chúng ta giảng giải cho những người đã trọn lành, nhưng không hề truyền cho kẻ khác". [9]

Đức hạnh dắt con người vào cửa Đạo; một người hạnh kiểm tốt trong nhiều kiếp luân hồi, cũng không phải vì đó mà trở nên thông minh hơn. Rốt cuộc y hoạch đắc một trực giác khá đủ để thân cận với những người hiểu biết, như đến với một vị đệ tử Chơn Sư. Tuy nhiên người ta cho rằng theo phương pháp đó phải mất hàng ngàn năm và nhiều kiếp Luân Hồi. Người mở mang đức hạnh mà không mở trí khôn, một ngày kia cũng sẽ bước vào Đường Đạo được vậy, nhưng ấy là một sự tiến bộ chậm chạp. Sẽ tiết kiệm được biết bao nhiêu thì giờ, nếu y theo lời dạy của Thánh Pierre và lo mở mang trí tuệ.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 7

BỐN ĐỨC TÁNH CẦN THIẾT

Có bốn đức tánh cần thiết để bước vào Đường Đạo, ấy là:

*** PHÂN BIỆT.**

*** ĐOẠN TUYỆT.**

*** HẠNH KIỂM TỐT.**

*** LÒNG TỪ ÁI.**

C. W. L. Mấy đức tánh cần thiết này luôn luôn được chỉ dẫn trong các Tôn giáo, nhưng sự phiên dịch ở đây có khác hơn chút ít với những sự phiên dịch trước.

a) Về đức tánh thứ nhứt sự thay đổi rất ít. Tôi đã giải thích những danh từ của người Ấn Độ và những người Phật giáo dùng: nó đồng nghĩa với chữ Hoán Cải của người Thiên Chúa giáo; người đệ tử phải hiệp nhất Chơn Nhơn với Phàm Nhơn. Trên Đường Đạo chính thức một sự hiệp nhất in như thể sẽ kết hợp lại Chơn Nhơn với Chơn Thần. Chơn Nhơn là một phần tử của Chơn Thần tách ra và ngự ở phía dưới Chơn Thần, tại phần trên cao của cõi Thượng Giới. Chơn Nhơn cũng xuống để thu thập những kinh nghiệm, để tập tiếp nhận và lập lại vài thứ rung động không cảm được Chơn Thần ở cảnh giới của Ngài. Đến lượt Chơn Nhơn phải hiểu rằng nó là một phần tử của Chơn Thần, nó có ra đây chỉ vì Chơn Thần và khi đã đạt được mục đích, con người sẵn sàng được Điểm Đạo lần thứ Năm và thành một vị Siêu Phàm.

Cái khả năng phải có để được hai lần điểm đạo được xác định như sau đây: trong cuộc Điểm Đạo lần thứ Nhứt, Chơn Nhơn hiệp với Phàm Nhơn, đến đổi trong Phàm Nhơn chỉ có sự hoạt động của Chơn Nhơn thôi; trong cuộc Điểm Đạo lần thứ Năm, thì những gì trong Chơn Nhơn mà không do Chơn Thần linh cảm hay tán thành đều biến mất. Mỗi khi Chơn Thần ảnh hưởng đến những kiếp sống dưới Trần gian thì Ngài xuống như một vị Thượng Đế từ trên trời giáng thế vậy. Trong mỗi kỳ Điểm Đạo, Chơn Thần xuống như một tia chớp nhoáng và trong phút chốc Ngài hiệp nhất với Chơn Nhơn, cũng như sự hiệp nhất này sẽ vĩnh viễn khi con người đắc quả Chơn Tiên. Trong vài trường hợp khác, Chơn Thần cũng xuống vậy, chẳng hạn như trường hợp đã được đề cập trong quyển *Những kiếp sống của Alcyone*, khi em phát nguyện với Đức Thế Tôn (Đức Phật). [10]

Trong những phương pháp đã kể ra, do phương pháp này hay phương pháp kia, con người đã biết phân biệt hay nhận thức được công việc này đáng tìm kiếm, còn công việc kia thì không đáng.

b) Kế đó con người thấy rằng nó phải hoạch đắc đức tánh thứ nhì, mà ở đây Đức Thầy gọi là Dứt Bỏ hay Đoạn Tuyệt. Bà Tiến Sĩ A. Besant đã dịch là "Không có Dục tình hay Lãnh đạm", nó chính là Vairagya của người Ấn Độ, có nghĩa là Lãnh đạm đối với kết quả của những hành vi của chúng ta. Đức Thế Tôn diễn tả bằng những danh từ đó, Ngài dùng chữ Nam Phạn - Pâli - Parikamma . Karma hay kamma luôn luôn có nghĩa là làm hay hành động và Parikamma có nghĩa là chuẩn bị hành động; ấy là hành động theo đó một điều quan trọng đặc biệt chỉ định bốn phận làm lành là vì chung yêu mến sự lành chứ không vì lợi lộc nào khác có thể đem đến cho chúng ta. Phải hiểu rõ điều này. Thường người ta hiểu rằng Lãnh đạm đối với kết quả của hành động có nghĩa là phải thi hành bốn phận không cần bận tâm đến sự phản ứng của nó đối với kẻ khác. Như trong quyển này có nói với chúng ta ở phía đằng sau như vậy: "Con phải làm điều lành; con không được làm điều ác", dù những hiệu quả xảy ra như thế nào cũng vậy; như thế không có nghĩa là phải làm theo ý muốn chúng ta mà không cần lo nghĩ coi hành vi của mình cảm đến kẻ khác cách nào. Thật ra, chính là cái kết quả đã tạo ra xác định một hành vi thiện hay ác. Đệ tử Chơn Sư không nghĩ đến hậu quả đối với chính mình, nhưng y hết sức quan tâm đến hậu quả gây ra cho kẻ khác.

c) Đức tánh cần thiết thứ ba gọi là Hạnh Kiểm Tốt, liên quan đến sáu qui tắc mà người Ấn Độ gọi là Shatsampatti. Theo danh từ Nam Phạn - Pâli - của Đức Phật dùng, đức tánh này được gọi là Upachâro, nó có nghĩa là "Chủ ý hơn là Hạnh Kiểm." Phải giữ gìn Hạnh Kiểm theo đường lối của sáu thứ bửu châu này đã qui định, như người ta đã gọi như thế. Trong khi tiếp tục nghiên cứu sách này, chúng ta sẽ gặp ở phía sau những danh từ của Đức Thầy Kouthoumi dùng. Đức Phật gọi những danh từ ấy là: Samo, "Yên tịnh," nghĩa là kỷ luật của Trí tuệ; Damo, "Khắc phục," nghĩa là kỷ luật của Xác thân; kế đó là Uparati, Titikkha, Samadhana và *Saddha*, theo nghĩa chữ là: "Đình chỉ, Chịu đựng, Chuyên cần và Đức tin". Tôi đã ra công tìm kiếm ý nghĩa của những danh từ này trong những quyển Tự điển chính và cũng nhờ Đại Đức Hòa Thượng Hikkaduwe Sumangala Thero, Tăng Thống phái Phật giáo Nam Tông dịch giúp tôi. Những từ ngữ này cũng tiêu biểu đức tin đặc biệt của phái đó.

Chúng hơi khác chút ít với lối dịch trong quyển Dưới Chơn Thầy. Đức tánh ở đây gọi là "Đình chỉ" trong Dưới Chơn Thầy dịch là "Khoan dung" vì đây là vấn đề từ bỏ tư tưởng cạn hẹp của Tôn giáo, và thói Dị đoan mà cũng hoàn toàn cởi bỏ tất cả mọi ý tưởng cho rằng phương pháp của bạn hay hơn tất cả những phương pháp khác, cũng như thấy rằng không có một nghi thức

hoặc lễ bái nào là cần thiết. Sự chịu đựng, nhẫn nhục đó chỉ là một hình thức của sự yên tĩnh. Sự chuyên tâm phát xuất từ sự định trí và sự thăng bằng, nó bắt ta phải tập trung trọn đời ta vào tiêu điểm của sự cố gắng và như thế nó cũng gồm sự cương quyết. Sau hết đức tin là sự tin cậy Đức Thầy và cũng là sự tự tin nữa. Trong hai trường hợp, mấy đức tánh này không khác nhau, nhưng đức Phật nói đến chúng trên một quan điểm đặc biệt - sự cần thiết của đức Minh Triết. Còn Đức Di Lạc và Đức Thầy Kouthoumi thì nhấn mạnh sự cần thiết của tình thương hơn. Khi dạy Alcyone, Đức Thầy cũng nhắm vào ý nghĩa thực tiễn hơn là dịch những danh từ xưa.

d) Đức tánh cần thiết sau cùng là Lòng Từ Ái, tiếng Phạn là *Mumukshatva*, nghĩa là "Sự nhiệt thành mong muốn được giải thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi và hợp nhất với Đấng Tối Cao". Đó là điều Đức Phật đã gọi trong danh mục của Ngài là *Anuloma*, nghĩa là "Thứ tự trực tiếp" hay "Sự liên tục". Điều này có nghĩa là sau khi khai mở các đức tánh khác con người phải ước mong được thoát khỏi những sự hạn chế của Thế gian và được hợp nhất với Đấng Tối Cao để trở thành Cộng sự viên của Ngài.

Rồi Alcyone nói tiếp:

Tôi cố gắng nói cho bạn nghe những lời của Sư Phụ tôi dạy tôi về mỗi đức tánh ấy.

Đến đây mới bắt đầu phần chính của tác phẩm Dưới Chơn Thầy.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 8

NHỮNG MỤC ĐÍCH THẬT VÀ NHỮNG MỤC ĐÍCH KHÔNG PHẢI LÀ THẬT

C. W. L. Đây là phần I của chính quyển Dưới Chơn Thầy.

Đứng đầu mấy đức tánh này là tánh phân biệt. Thường thường, người

ta hiểu tánh phân biệt này là phân biệt sự chơn và sự giả, nó dắt con người vào Đường Đạo. Hiểu như thế thật đúng vậy, nhưng còn nhiều hơn nữa, và phải thực hành đức tánh này không những khi mới bước vào Đường Đạo, mà phải phân biệt mỗi ngày, mỗi bước cho đến khi đi mút con đường đạo.

Mấy lời sau chót này chỉ rõ những nỗi khó khăn phải vượt qua của đa số người mắt đã thấy được vẻ vinh quang và sự tốt đẹp của con Đường Đạo và muốn dẫn thân vào Con Đường đó để đến quỳ dưới chân Đức Thầy. Tất cả những người ấy đều là những người tốt, đúng đắn và cần mẫn, nhưng Phạm Nhon của họ bất tuân kỷ luật và họ chịu áp lực của dư luận quần chúng rất nặng nề, như tôi đã giảng trước đây. Chúng ta cũng không quên rằng nhân loại vừa mới vượt qua phân nửa cuộc Tuần Hoàn thứ tư và những gì mà người ta cố gắng hoàn thành trong cuộc Tuần Hoàn này sẽ trở nên dễ dàng trong cuộc Tuần Hoàn thứ bảy. Những người đợi tới thời kỳ đó thì sẽ có trong ba thể: Thân, Vía, Trí của họ chất khí phát triển hơn chất khí cấu tạo các thể của chúng ta hiện nay rất nhiều. Tất cả những vòng xoắn ốc của nó đều hoạt động chớ không phải chỉ có hơn phân nửa số vòng xoắn ốc [11] như hiện nay. Sau hết, tất cả những thần lực ở chung quanh đều phò trợ họ, thay vì nghịch với họ như bây giờ.

Các Đấng Chơn Sư đều ở một bên với chúng ta và thần lực của các Ngài giúp đỡ chúng ta. Lực tiến hóa, dù chậm chạp nhưng vẫn liên minh với chúng ta và tương lai cũng thuộc về chúng ta. Nhưng trong thời đại này, mọi hoạt động như thế đều vô cùng khó khăn. Vào khoảng giữa cuộc tuần hoàn thứ năm tất cả những người gây ảnh hưởng mạnh mẽ cho chúng ta và theo một chiều hướng nghịch đều bị loại ra và chỉ còn lại những người cùng đi theo một đường lối với chúng ta. Như vậy, trong cuộc Tuần Hoàn thứ bảy mọi việc đều trở nên rất dễ dàng. Ở vào thời kỳ đó người ta có thể tìm được ở ngoài đời mọi sự thuận lợi mà hiện nay chỉ thấy điều đó trong một Đạo Viện dưới sự điều khiển của một vị đã tiến hóa cao về tinh thần. Vài độc giả đã thăm nói rằng: "Nếu thế, tại sao không đợi đến cuộc Tuần Hoàn thứ bảy"? Nhiều người trong chúng ta đã bị trào lưu lôi cuốn theo sự sung sướng, sự thú vị của Trần gian từ hai hoặc ba mươi ngàn năm rồi, và những ai không có nhiệt vọng tiến hóa hay giúp đỡ nhân loại có thể còn tiếp tục sống như thế cả triệu năm nữa và chắc chắn cuối cùng mọi sự sẽ trở nên dễ dàng hơn. Nhưng những người hiện nay đương đầu với những nỗi khó khăn sẽ được đặc ân vô cùng lớn lao và tiến hóa mau lẹ, sẽ nhận được vòng chiến

thắng.

Các bạn hãy nhớ lại bài Thánh ca xưa của Thiên Chúa giáo, nói về một người kia lên tới trời và nhìn chung quanh, y lấy làm lạ mình có hơi khác với mấy người đó. Sau cùng y gặp Đức Christ và hỏi Ngài vì lẽ gì? Đấng Christ trả lời rằng:

"Ta biết con tin ở Ta - và giao mạng sống của con cho Ta -nhưng tất cả những ngôi sao sáng rỡ này đâu rồi? - Chúng phản chiếu lòng lạnh trên vương miện của con - hãy xem đám đông vui vẻ đằng kia; - tất cả đều mang trên trán những hòn ngọc; mỗi linh hồn mà họ dắt đến Ta là mỗi viên ngọc họ mang trên trán hôm nay đó".

Thánh Kinh Thiên Chúa giáo nói rằng những nhà Hiền Triết sáng rỡ như bầu trời, như ánh sáng trên bầu trời quang đãng. Nhưng mà những ai dắt được nhiều người đến với sự công bằng chính trực sẽ giống như những ngôi sao chói sáng mãi trên không gian vô tận, những ngôi mặt trời vĩ đại rực rỡ ban rải hơi nóng và thần lực cho hàng ngàn sinh vật khác nhau. Đó là sự khác biệt giữa hoàn thành tức khắc bốn phận của chúng ta với sự chờ đợi cho trào lưu mang đến đích trong cuộc tuần hoàn thứ bảy.

Con bước vào Đường Đạo vì con biết rằng chỉ trong đó mới tìm được những việc đáng thâm lãnh mà thôi. Những người không hiểu biết làm lụng để được giàu sang và có quyền thế; nhưng hai cái tước lộc đó, bất quá chỉ dùng được có một đời mà thôi, thế nên chúng nó là mộng ảo. Có nhiều việc lớn lao đáng tìm lấy hơn sự giàu sang và có quyền thế; những việc đó chân thật và trường tồn, một phen người ta thấy chúng rồi thì không còn muốn gì khác nữa.

A. B. Vấn đề chọn giả thuộc về Siêu Hình Học thâm sâu, nhưng thật ra nó không phải thuộc về vấn đề ở đây, vì Alcyone là đứa học trò còn nhỏ lắm của Đức Thầy. Hơn nữa những bài học này dạy trên cõi Trung giới. Trong những trường hợp như thế, Đức Thầy giảng cho Hạ Trí lẫn Chơn Nhơn, nhưng trong dịp này Ngài giữ sao cho lời dạy của Ngài thích hợp với Hạ Trí của một đứa trẻ chưa phát triển đến mức trọn vẹn. Dù Chơn Nhơn đã đến tuổi nào đi nữa, ba thể vẫn còn trẻ trung, cho nên bài dạy được ban ra bằng

những ngôn từ thật giản dị để khi nhập xác, đệ tử có thể hiểu được trong lúc nó thức.

Chữ giả ở đây tiêu biểu tất cả những gì không có tính cách thiêng liêng, tất cả những gì nhất thời trong thế giới hiện tượng, tất cả những gì thuộc về Bản Ngã cá nhân, luôn tất cả những hành vi cao thượng mà con người theo đuổi với mục tiêu vật chất. Chúng ta diễn tả tư tưởng của Đức Thầy khi nói rằng tất cả đều giả, chỉ trừ những gì thuộc về Thiên Ý thôi. Những người đã đạt được tánh phân biệt đều biết được những điều thật; họ làm việc như những nhân viên của Thượng Đế và thực hiện Thiên Ý. Sự hành động thật sự vốn là của Ngài. Điều ấy không có nghĩa là họ xao lãng hoạt động của phần vật chất, mà họ phải làm việc giỏi hơn chứ không phải tệ hơn, vì họ là nhân viên của Thượng Đế và là công cụ cho những hoạt động của Ngài dưới thế gian. Kinh Gita nói rằng: "Yoga là sự hành động khéo léo, lão luyện" hay là sự hiệp nhất với Thượng Đế. Người nào đạt được sự hiệp nhất đó, hành động của y phải khéo léo, vì không phải y hành động mà chính là Trời. Khi Arjuna hỏi Đức Shri Krishna về bốn phận phải chiến đấu, Ngài trả lời rằng chính Ngài đã giết kẻ nghịch rồi, và Ngài nói thêm rằng: "Này Arjuna, hãy chiến đấu".

Đức Thầy nói rằng khi đã thấy những điều cao thượng rồi thì người ta không còn ham muốn điều gì khác nữa, đó là ý niệm quen thuộc đối với học giả đã nghiên cứu Kinh Gita. Trong ấy có nói rằng:

"Khi thấy được Đấng Chí Tôn rồi thì các đối tượng của giác quan, chớ không phải sự ham muốn chúng nó, sẽ rút lui ra khỏi người giữ giới ở trong xác thân, sự ham muốn còn sót lại cũng rời bỏ y luôn. [12]"

"Khi một người đã thấy được Đấng Duy Nhất, thì sự ham muốn những đối tượng của giác quan cũng tiêu tan trong lòng y".

C. W. L. Thật ra, khi được mục kích những điều cao thượng rồi, người ta không còn ham muốn những điều thấp hèn nữa, nhưng điều tối cần là sự tiết chế dục vọng phải là hiệu quả của sự thấy này. Thường lắm, ta thấy con người lầm lẫn nguyên nhân với hậu quả khi y có kỳ vọng tưởng rằng sự không quan tâm đến những điều thấp hèn nữa sẽ tức khắc nâng con người lên một bậc cao hơn trước (những điều thấp hèn vẫn tốt đẹp đứng về phương diện riêng của nó, nhưng sở dĩ gọi nó là thấp hèn khi phải đối chiếu

với những điều cao thượng và thuộc về tinh thần). Chắc chắn là không phải thế đâu. Đó là một hình thức của ảo ảnh rất lan tràn thuộc về sự tu khổ hạnh. Một số đông thực hành điều mà họ gọi là chủ nghĩa ép xác, khổ hạnh, và coi điều đó là tôn chỉ của sự tu hành. Họ lầm tưởng rằng xa lánh các sự vui vẻ tầm thường của đời sống và tìm cách làm cho mình thiếu thốn mọi tiện nghi về nhiều phương diện là việc làm rất có giá trị. Đó là di tích của ý niệm khắc khổ Thanh giáo (Puritanisme) đã có một thời cường thịnh ở Anh Quốc và trong một số lớn những nước Âu Châu. Nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Thanh giáo đó là muốn trở nên tốt lành thì phải chịu thiếu thốn đủ thứ. Khi một người cảm thấy mãn nguyện về bất cứ điều gì, chắc chắn y đã vi phạm vài Luật Trời nào đó, vì không hề có hạnh phúc dành cho con người dưới Thế gian này. Xác thân con người là vật đáng khinh bỉ và cần phải khắc phục nó bằng muôn ngàn cách. Nếu ai thích một sự hoạt động nào đó, chắc chắn y đã phạm tội lỗi. Tất cả những điều này thật phi lý, ấy là sự đảo lộn Chân lý. Thật ra, những điều được Thế gian ưa thích và người ta xem chúng như những sự vui thú lớn lao, thì đối với người đã tiến hóa cao đã mất hết ý nghĩa vì họ khao khát những niềm vui thanh nhã hơn có thể đền bù lại gấp bội những thú vui kia.

Trên đời này người ta rất ưa đủ thứ chuyện không có ích lợi gì đối với những người mong muốn những thú vui cao cả hơn; chẳng hạn như đua ngựa, uống rượu và cờ bạc; cùng những thú vui khác như khiêu vũ và đánh bài: những cuộc vui này không đáng trách lắm. Chúng giống như những trò chơi của trẻ con. Lớn lên, trẻ con bỏ đồ chơi của chúng hồi còn bé. Khi nó lên ba hay lên bốn thì nó thích chơi những cục gạch và những búp bê. Lớn lên một chút, nó chơi những hình chiến sĩ, những điều giấy, những bông vụ và những cục đạn. Sau cùng, lớn hơn chút nữa, nó bỏ hết những thứ ấy để chơi đá banh hay đánh cầu, hoặc các trò chơi đồng loại khác cần phải vận động nhiều ở ngoài trời. Đứa trẻ dần dần trải qua nhiều giai đoạn rất tự nhiên. Càng lớn con người càng bỏ những trò vui ở trước kia, không phải vì tinh thần nghĩa vụ, nhưng vì những trò chơi đó không còn gây thích thú đối với y nữa. Y đã tìm được những mục tiêu thích hợp hơn với giai đoạn tiến hóa của y. Người ta thấy ngay rằng một đứa trẻ lên ba không thể trở nên một chàng thanh niên khi nó quyết không biết đến những đồ chơi của thời ấu ơ và muốn chơi đánh cầu hay đá banh.

Người tiến hóa cao không còn thấy một sự hấp dẫn nào đối với nhiều việc mà thế nhân cho là cần thiết, và người bậc trung chắc chắn sẽ thấy đời sống của vị đệ tử buồn tẻ và khó chịu, nếu y cố gắng sống như chúng ta, không còn nhắm vào lợi lộc khác mà chỉ lo cho Thông Thiên Học và những vấn đề

cốt yếu của sự sinh tồn. Người đời bậc trung sẽ nói rằng: "Những người ấy chỉ làm mãi một việc, dường như họ chỉ biết và thích chuyện đó thôi". Thật ra điều đó rất đúng, vì tất cả vấn đề khác đều gồm trong đó, nhưng người đời sẽ không trở thành một kẻ tiến hóa chỉ vì họ tự phụ không quan tâm đến những thú vui của họ khi mà trong thâm tâm họ, họ vẫn không ngớt thêm thường những điều đó.

Trên khắp thế gian chỉ có hai hạng người: những người hiểu biết và những người không hiểu biết, và chỉ có sự hiểu biết đó mới là quan trọng.

Đạo của một người kia giữ hay dòng giống của y là những việc không quan trọng.

A. B. Ở đây Đức Thầy phân biệt rất rõ ràng: Ngài chia người đời ra làm hai hạng: những người hiểu biết và những người không hiểu biết. Đó là sự phân biệt lớn lao trên phương diện huyền bí; mỗi người nên biết mình thuộc về hạng người nào. Hai hạng này gồm nhiều dòng giống và giai cấp khác nhau mà sự dị biệt bên ngoài không đáng kể. Những người không hiểu biết tìm kiếm những gì chỉ tồn tại trong một đời mà thôi. Nhưng những người đã thấy sự chân thật một lần rồi thì chỉ có một ý muốn duy nhất là làm việc cho Đức Thượng Đế, tuân theo Cơ tiến hóa vĩ đại của Ngài để góp phần vào sự thực hiện công nghiệp đó, dù trong một phạm vi hết sức nhỏ bé. Chúng ta có thể xác định trình độ hiểu biết của mình bằng cách nhận xét coi nó có thích hợp với công việc này hay không. Chẳng hạn như sự hiểu biết thuộc về trí óc thuần túy dùng để đàm thoại một cách thông minh hay để chỉ dạy kẻ khác thì không phải là sự hiểu biết chân thật. Chỉ có sự hiểu biết được đồng hóa với sự sống mới là sự hiểu biết chân thật mà thôi. Nhiều người có thói quen mỗi buổi tối ngồi tịnh một lát trước khi đi ngủ, để kiểm soát những hành vi của mình trong ngày. Sự thực hành công việc đó rất hữu ích; nhưng nếu bạn theo đuổi nó, bạn nên tự hỏi chẳng những điều gì bạn đã làm, đã cảm và đã nghĩ, mà bạn còn phải xét xem thái độ của bạn ra sao nữa. Nếu bạn làm việc bù đầu bù cổ, thì bạn đã bị mất gần hết thì giờ. Trái lại, nếu bạn xem những công việc đó thuộc về công việc của Đức Thượng Đế, như là những hành động hy sinh, chẳng những chúng không gây trở ngại cho bạn mà lại còn tạo cơ hội giúp bạn tiến bộ nữa.

Điều thật quan trọng là sự hiểu biết này, sự hiểu biết cơ trời đối với con người. Bởi vì trời có một cái cơ mà cơ đó là sự tiến hóa. Ngay khi con người hiểu được thiên cơ và thật sự biết rồi, thì y chỉ lo hiệp tác với thiên cơ, giúp thiên cơ thực hiện và đồng hóa với nó. Đó là vinh diệu và sự tốt đẹp của con người.

C. W. L. Trí tuệ của những người tham gia vào những đoàn thể chính trị hay đoàn thể giới tửu [13] mà họ nói là hữu ích cho nhân loại, sẽ tăng cường cực độ khi con người thật sự nhận thức được Thiên Cơ do Đức Thượng Đế đã sắp đặt sẵn cho vũ trụ của Ngài; họ nghĩ rằng một ngày kia nó sẽ hoàn tất; thời giờ đó lâu hay mau tùy ở số người sẵn sàng lo lắng cho nó. Nếu trong vài tuần hay vài năm toàn thể giới có thể được dẫn dắt để hiểu biết và cộng tác với Thiên Cơ, thì tất cả những gì Đức Thượng Đế muốn cho các con của Ngài hưởng sẽ được hoàn thành nhanh chóng. Thiên hạ chưa mở mang khá đầy đủ để hiểu biết Cơ Trời, đó là lý do vì sao những cố gắng của chúng ta chưa đủ vào đâu và mặt trời còn soi sáng nhiều nơi buồn thảm, bất công và đồi bại.

Nhiều sinh viên Thông Thiên Học đã biết Đại cương của Cơ Trời. Tôi không muốn nói rằng họ đã thấy, nhưng họ đã giao thiệp với những người đã thấy, do đó họ biết và hiểu được chiều hướng đang cộng tác với Thiên Cơ. Nhưng, khi đến ngày giờ thấy được trực tiếp Thiên Cơ, người ta mới nhận ra chân lý của tất cả những lời nói ở đây về sự nhiệt thành. Trên đời này, người ta hy sinh một cách hăng say và nồng nhiệt cho những nguyên do, cho những công cuộc cải cách hữu ích, nhưng họ dễ lầm lạc ngoại trừ họ có vài ý niệm về Cơ tiến hóa, và thấy được việc làm của họ liên quan đến Cơ này như thế nào. Họ quan tâm đến vài nguyên nhân vì tính cách khẩn cấp và cần thiết của chúng nó. Chẳng hạn như lý do của sự tiết độ. Họ nhận thấy những tai hại ghê gớm của việc uống rượu và biết khi tật xấu này mất hẳn thì sẽ có lợi vô cùng cho nhân loại trên nhiều phương diện. Do đó, họ cố gắng ngăn chặn nó, chẳng phải họ chỉ cho bọm rượu biết tật nghiện rượu là một sự điên cuồng và một tội lỗi, mà họ cấm bán rượu, và như thế họ bắt buộc con người phải có tiết độ. Cách này không thể diệt được sự ghiền rượu, nhưng chỉ làm cho người ta không được toại ý thôi. Tôi không có ý phê phán, chỉ trích luật cấm bán rượu này; nó có nhiều ưu thế đáng kể. Nếu chúng ta cho hạn chế sự

bán thạch tín và thanh toan (acide prussique) là khôn ngoan, hữu lý thì tại sao không làm như vậy đối với một thứ thuốc độc gây ra nhiều tai hại hơn cả hai thứ kia nhập chung lại? Tôi chỉ nói rằng phương sách đó không tiêu diệt được tận gốc rễ sự xấu; nó kiếm cách cải thiện con người bằng sự cưỡng bách, chứ không phải bằng cách thuyết phục.

Cũng đúng như thế, những người đã từng thấy rõ sự đau khổ ghê rợn của "kẻ bị trầm luân thứ mười" [14] thì họ lo tìm khắp nơi một phương thuốc chữa trị bệnh xấu hổ lớn lao và hiển nhiên đó. Nhưng rủi thay, có người tìm thấy phương thuốc trong một căn bản tuyệt đối hoặc ngay trong sự hỗn loạn. Chúng ta không thể phiến trách những người chủ trương những phương cách bất vụ lợi mà họ mong rằng sẽ làm dịu bớt sự đau khổ cho những người đồng loại của họ. Trong những trường hợp như thế, chính là đầu óc nhằm lẫn chứ không phải con tim. Trái tim thúc đẩy họ chịu những sự tổn thất và hy sinh lớn lao của cá nhân để xoa dịu những nỗi đau khổ của đồng bào như họ mong muốn. Mà họ còn phải hiểu rằng sự tiến hóa của nhân loại tùy thuộc một cái Cơ, họ phải cố gắng học hỏi Cơ đó để sự hành động của họ trở nên khôn ngoan cũng như vị tha. Chính con người thiếu sự phân biệt. Bởi họ chỉ thấy một khía cạnh của vấn đề, cho nên họ đi sâu vào một hệ thống mà kết quả còn tệ hại hơn những nỗi đau khổ họ mong xoa dịu.

Vậy, bởi y hiểu biết rồi nên mới thuận theo lẽ trời, khẳng khẳng một lòng làm lành và chống chọi với sự ác, làm việc cho sự tiến hóa chứ không phải vì tư lợi của mình.

C. W. L. Đó là đá thử vàng để giúp chúng ta nhận ra những người hiểu biết; vấn đề không hề liên hệ gì đến Tôn giáo hay chủng tộc của con người, nhưng chỉ xét về sự kiện duy nhất mà họ phấn đấu cho sự lành, chống lại sự ác. Mỗi khi chúng ta thấy một người trung thành với điều chi mà y biết là cao cả, và đang phấn đấu cho những điều đối với y hình như là tốt đẹp và chống lại những điều đối với y dường như là xấu xa, thì chúng ta phải xem y như là một huynh đệ làm việc theo Thiên Ý, dù cho sự hành động của y luôn luôn không phải là những điều mà chúng ta tán thành hay là những điều mà chúng ta tưởng được đẹp lòng Trời, như họ nói.

Tuy nhiên, họ có những ý tưởng hết sức nhỏ nhen và hẹp hòi, cố chấp.

Trong vài trường hợp, họ chứng tỏ một tinh thần chống đối kịch liệt rất giống như sự thù hận đối với những người mà sự tin tưởng khác hơn họ.

Một trong những đặc tính nổi bật về việc làm của Quần Tiên Hội là, trong mỗi trường hợp như thế, các Ngài thu lấy điều tốt và đẹp qua một bên điều xấu. Các Ngài lấy mãnh lực phát sinh do sự tận tụy và lòng chân thành đó rồi tận dụng nó, đồng thời gạt bỏ điều xấu chúng ngăn cản điều lành biểu lộ, ít ra cũng tại cõi Trần này. Trong nhiều cộng đồng Thiên Chúa giáo thói mê tín mạnh hơn lòng nhân từ đáng mến khiến cho kẻ bàng quan chỉ nhận thấy sự chua cay trong đó mà thôi. Các Đấng trong Quần Tiên Hội lấy làm thương hại cho sự mê tín đó và các Ngài nhận thấy rõ rằng nó gây ra sự di hại còn hơn những tật xấu khác. Tuy nhiên, các Ngài biết rút lấy trong đó tất cả những mãnh lực của sự nhân từ đáng mến của lòng sùng tín và ý muốn tốt đẹp để sử dụng và ban thưởng những người đã sinh ra nó. Và mỗi người trong nhóm người đó cũng nhận được quả lành của lòng từ thiện của y, mặc dù, đồng thời y cũng phải đền tội đúng theo Luật Nhân Quả do sự mê tín và nóng giận của y gây ra.

Vậy chúng ta phải nhân từ trong khi giao thiệp với những người này, và trong mọi trường hợp, nên chú tâm đến những điều lành, như Đức Thầy đã nói: "Chúng ta phải lấy những viên ngọc", chớ đừng tìm những cọng rơm như người ta thường làm.

Người mà thuận theo lẽ trời tức là một phe với chúng ta, dù y nói y là người Bà la môn, người Phật giáo, người Công giáo hay Hồi giáo, hoặc giả y là người Ấn, người Anh, người Trung Hoa hay người Nga cũng không hề chi cả.

A. B. Đây là một tư tưởng mà những thí sinh trên Đường Đạo không bao giờ được quên vì nếu nó không biểu hiện trong đời sống của bạn, thì bạn còn rất xa cửa Đạo. Ở đó không ai hỏi bạn thuộc về giống dân nào, tôn giáo nào mà chỉ cần biết những đức tánh mà bạn cố gắng tăng thêm cho tánh tình của bạn. Tất cả chúng ta đều lần lượt đầu thai qua nhiều giống dân khác nhau. Ngày nay chúng ta sinh ra trong một giống dân phụ, thuộc về giống dân chánh nào đó, vì chúng ta cần hoạch đắc những tánh tốt đặc biệt do giống dân ấy có thể cho chúng ta. Trái lại, cũng đồng thời nhiều người lo mở mang

những nhược điểm của chính giống dân phụ ấy. Chắc chắn người ta có thể nói một cách hữu lý rằng: "Hiện giờ, không có một giống dân tộc nào có khả năng loại bỏ tất xấu của tôi và mở mang tánh tình của tôi được". Nhưng chúng ta không có phận sự chấp nhận, chẳng hạn như những phương pháp của người Anh và đem chúng nó lên cao đến tận mây xanh rồi loại bỏ tất cả những phương pháp khác, vì tin chắc rằng chúng nó vốn tuyệt đối, không có phương pháp nào bằng. Mỗi giống dân đều có vai trò của nó phải đóng trong sự điều hòa chung; mỗi giống dân đều góp phần vào sự tổng hợp rộng lớn vô cùng. Dù bạn thuộc về giống dân nào hiện giờ, một phần sự điều hòa do giống dân đó biểu hiện cũng hiển cho bạn việc làm dễ dàng và tự nhiên hơn hết. Khi bạn đã học xong kinh nghiệm trong giống dân đó rồi thì về sau bạn sẽ học cách thủ vai tuồng khác trong một giống dân khác. Nếu con người hiểu được điều này thì họ sẽ bớt được thói quen tự đắc một cách khờ khạo về nòi giống của mình và bớt việc chỉ trích những dân tộc khác.

Khi tôi nghe ai phàn nàn một người nào đó nếu y lỗi lầm là bởi y là người Anh hay người Ấn, tôi liền thấy cái hư ảo còn án mắt kẻ phàn nàn đó, cũng như khi một người kia bầu chữa sự bất tài của mình bằng cách nói rằng những sự bất toàn đó vốn thuộc về nòi giống của y. Phải cố gắng hoạch đắc những đức tánh hết sức tốt đẹp của giống dân chánh và giống dân phụ của bạn chớ không phải những nhược điểm của chúng. Chẳng hạn như người Ấn Độ phải tìm cách phát triển tâm linh, tánh không làm hại, đức khoan dung, khả năng hành động mà không quan tâm đến cái kết quả của sự hành động, bởi vì đó là những đức tánh mà gia tộc đầu tiên của giống Aryen phải biểu hiện.

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta thấy tánh Đoạn Tuyệt có kèm theo sự bê trễ, buông trôi, do ý nghĩ sai lầm này: "Nếu phải lãnh đạm đối với kết quả của sự hành động, chính vì sự hành động không quan trọng". Thật ra, điều cần thiết là sự hành động hoàn thiện lẫn sự lãnh đạm với kết quả, cả hai việc một lượt. Đối với người Anh, lắm khi trái ngược lại. Thường thường họ có tài làm việc kỹ lưỡng, nhưng họ sẵn sàng tìm kết quả của hành vi mình một cách quá hăng hái, họ thường không có tánh lãnh đạm. Vậy mỗi người phải tìm lấy những điều mình thiếu sót mà làm mục tiêu. Người Ấn Độ phải cố gắng hoạt động và người Anh phải cố gắng lãnh đạm; cả hai không mất những đức tánh của mình đã có. Nếu mọi người đều làm như thế thì những sự dị biệt giữa các dân tộc sẽ góp phần vào sự phong phú của tất cả, vì mỗi giống dân này mượn ở những giống dân kia những điều mình thiếu sót.

C. W. L. Yêu Tổ quốc, tôn sùng giống nòi, cảm thấy bạn còn mắc nợ tổ quốc, sẵn sàng phục vụ tổ quốc, tất cả những điều này đều tuyệt đẹp. Nhưng bạn hãy khá coi chừng, đừng biểu lộ sự ca ngợi của bạn bằng cách chê bai những dân tộc khác. Sự tương quan giữa chúng ta với toàn thể nhân loại, đó là điều chúng ta đừng bao giờ quên. Chúng ta là công dân của Quả Địa Cầu chứ không phải riêng của một giống dân tộc mà thôi. Tuy nhiên tình yêu tổ quốc là điều tốt, cũng như tình yêu gia đình vẫn tốt vậy. Trong cả hai trường hợp, chúng ta không cần phải phóng đại quá đáng đức tánh của chúng ta đến nỗi đem cái xấu thay thế cái tốt. Tình thương gia đình là một tình cảm tuyệt đẹp, nhưng đừng để nó đi quá lộ trở thành tật xấu như những vị Nam Tước cướp bóc thời Trung Cổ, họ giết người để làm giàu cho gia tộc mình. Cũng thế, tình yêu tổ quốc cũng đáng ca ngợi; trái lại nếu nó đưa đến sự tấn công các dân tộc khác, nó thành ra đáng chê trách vậy. Nhưng nếu bằng cách nào đó, bạn có thể làm việc cho dân tộc của bạn mà không làm hại những dân tộc khác, bạn tỏ ra xứng đáng thuộc về giống nòi của bạn, sự hiện diện của bạn làm cho nó trở nên tốt đẹp hết sức, bạn có quyền được toại chí. Trên phương diện Tôn giáo, cũng đúng như thế. Tất cả chúng ta đã từng là tín đồ của nhiều Tôn giáo lớn rồi, mỗi Tôn giáo nhấn mạnh về vài đức tánh, nhưng tất cả những đức tánh đều cần thiết cho sự tiến hóa của nhân loại.

Những người nào thuận theo lẽ trời thì biết rằng tại sao họ thuận theo. Họ biết họ phải làm cái chi và họ cố gắng để hoàn thành nó. Còn những người khác không biết họ phải làm điều chi, thế nên họ thường hành động như những kẻ nông cuồng.

C. W. L. Điều này nhắc lại lời dạy của Đức Phật Cồ Đàm khi Ngài cho rằng mọi tội lỗi đều do vô minh gây ra. Nhưng người chưa hiểu biết thường hành động một cách ít đúng đắn, do đó kẻ ác luôn luôn đáng được chúng ta thương hại, chứ không nên căm thù hay hờn ghét họ. Thường thường người ta cảm thấy y hành động vì tánh ích kỷ, vì y muốn có những sự lợi ích cho cá nhân y, như y đã tưởng vậy; cho nên người ta cũng có hơi sẵn lòng quên đi sự thiếu hiểu biết của y về những việc làm do y gây ra. Chẳng hạn như thí dụ này. Vài nhà tỷ phú đạt được một sự thịnh vượng tạm thời bằng cách bóp nghẹt và tiêu diệt một số xí nghiệp kém quan trọng. Như thế họ sẽ gây ra ảnh hưởng khiến cho nhiều người mất chén cơm và mấy nạn nhân này thì

ghét, nguyên rửa họ về sự ích kỷ và tàn nhẫn của họ.

Phải, họ hành động như thế chính vì sự vô minh. Họ theo đuổi ngay những mục tiêu của họ để đề bệch thủ vì họ tin rằng những kẻ ấy có thể làm việc hay hơn họ. Có thể họ đạt được những kết quả rất tốt và đồng thời làm giàu, nhưng họ sẽ không bao giờ định kinh doanh như thế nếu họ biết rằng họ sẽ đau khổ nhiều hơn tất cả những người cạnh tranh với họ, và như thế họ tự tạo cho họ trong tương lai một quả báo vô cùng tệ hại hơn cái số phận dành cho những địch thủ bị họ loại trừ. Thay vì oán ghét những người ích kỷ như thế, tốt hơn là hãy thương xót họ vì còn vô minh.

Và họ tìm cho họ con đường nào mà họ tưởng chúng làm cho họ được vui vẻ chứ không biết rằng tất cả là một (vạn vật nhất thể), do đó chỉ có điều chi Trời muốn, thì điều đó mới thật làm cho mọi người đều được đẹp lòng.

C. W. L. Những nhà thực dụng chủ nghĩa có một câu cách ngôn quan trọng như sau: "Phải tìm điều lợi lớn hơn hết của số người đông hơn hết". Câu cách ngôn này làm ra một sự tiến bộ thật sự cao hơn ý tưởng mà trước kia có ưu thế là: "Chỉ có sự lợi cho vài người là điều quan trọng, còn những kẻ khác tiêu biểu một số lượng không đáng kể". Tuy nhiên không nên bỏ quên thiểu số. Mỗi người đều đáng kể vì tất cả chỉ là Một. Khi mà Tâm Thức Bồ Đề chưa phát triển với một mức độ nào đó, thì con người chưa hiểu được điều này, nhưng còn phải trải qua một thời gian mới hiểu được tới một điểm nào "tất cả những người trên thế gian chỉ là một". Đối với chúng ta, tin vào Chân lý này là một thứ nghĩa vụ đạo đức, hoặc một thứ khát vọng thành kính về cái Đơn vị cuối cùng. Chúng ta nói rằng: "Tất cả chúng ta đều sinh ra từ một Đấng Từ Phụ chung, vậy tất cả chúng ta đều là anh em với nhau, tất cả chúng ta đều là một". Nhưng ngày nào chúng ta chưa có kinh nghiệm trong Tâm Thức Bồ Đề về vấn đề đó thì sự thật và chỗ thâm sâu của nó vượt khỏi tầm hiểu biết của chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta có thể đưa ra một ý niệm về vấn đề đó khi nói rằng: "Tất cả tâm thức chỉ là một, toàn thể thế giới là một, tất cả tình thương được biểu hiện trên đời là tình Bác Ái duy nhất và thiêng liêng. Tại cõi Trần này tất cả vẻ đẹp được biểu hiện là sự Mỹ lệ duy nhất và thiêng liêng. Tại cõi

Trần này tất cả thánh thiện được biểu hiện là sự Thánh Thiện của Đức Thượng Đế". Đấng Christ đã diễn tả tư tưởng này với một người đến gọi Ngài là "Ông Thầy rất tốt". Ngài bèn đáp: "Tại sao gọi Ta là tốt? Chỉ có Trời mới Tốt thôi"[15]. Lòng từ thiện của mỗi người là lòng từ thiện của Trời biểu hiện nơi y thôi. Tất cả vẻ đẹp, tất cả sự vinh quang dưới Trần Thế này mà chúng ta đã chiêm ngưỡng tại quả Địa Cầu, ngoài biển rộng, trên trời cao, chỉ là một phần của sự Mỹ Lệ Duy Nhất và Thiêng Liêng. Nếu chúng ta đi từ cảnh dưới lên cảnh trên, từ bậc này đến bậc khác thì chúng ta càng ngày càng thấy sự mỹ lệ dần dần trải ra trước mắt. Và sau cùng chúng ta tập thấy trong sự mỹ lệ của mỗi vật "Toàn diện Mỹ Lệ" của Trời. "Tất cả là một" vậy.

Khi học xong bài học này rồi thì nhận thức được sự vinh quang của Trời biểu lộ trong mọi vật và qua trung gian của vạn vật; tất cả những sự vinh quang khác của Ngài đều ở trong mỗi người. Như một phong cảnh đẹp trải ra trước mắt chúng ta, chúng ta trầm trồ khen ngợi chẳng những cảnh vật không thôi, mà còn tất cả những gì nó khêu gợi trong trí ta; ấy là Vũ Trụ vô tận vô biên mà phong cảnh này chỉ là một phần nhỏ nhít. Lúc bấy giờ đời sống của chúng ta hữu phước vô cùng và tràn ngập tình thương; hạnh phúc này cho chúng ta một ý niệm về cái Toàn Phúc Vĩnh Cửu; và tình thương đó làm cho chúng ta hiểu được tình Bác Ái Trường Tồn Bất Diệt. Cách duy nhất để thực hiện những sự tiến bộ lớn lao là phải tin chắc rằng chúng ta chỉ là một điểm trong cái "Toàn thể". Lúc đó Tâm Thức của chúng ta mới có thể nhập vô Tâm Thức của Thượng Đế, ngõ hầu do con mắt của chúng ta, Ngài có thể thấy được tất cả vẻ mỹ lệ đó, và chúng ta là phần tử của Ngài, chúng ta cũng đồng thời thấy và hiểu vẻ mỹ lệ đó vậy.

Họ theo đuổi sự mộng ảo, thay vì sự chân thật. Và ngày nào họ chưa học hỏi cách phân biệt hai điều này, thì ngày đó họ chưa thuận theo lẽ Trời. Và chính vì thế mà sự phân biện là bước đầu tiên phải thực hiện.

Tuy nhiên, dù khi chọn lựa đã xong rồi đi nữa, con cũng phải nhớ rằng có rất nhiều hạng trong sự chơn và sự giả và con còn phải biết phân biệt điều lành với điều dữ, cái quan trọng với cái không quan trọng, cái hữu ích với cái vô ích, cái thực với cái hư, cái ích kỷ với cái vô tư lợi.

C. W. L. Đó là sự phân tách nhỏ của sự phân chia lớn lao giữa điều chơn và điều giả. Sự liệt kê này chỉ cho chúng ta biết nếu chúng ta muốn theo con Đường Đạo thì phải thực hành sự phân biệt từ những chi tiết cho đến những trường hợp nhỏ nhất nhất của đời sống. Luôn luôn có những vấn đề ít quan trọng xảy đến mà chúng ta phải giải quyết bằng cách này hay cách khác; vậy thì bao giờ chúng ta cũng phải nhớ đến tánh phân biệt và luôn luôn đề phòng. Lúc nào cũng phải suy nghĩ, quả thật là mệt nhọc. Nhiều người ưu tú đã cố gắng như thế đều mệt nhọc; sự cố gắng bền bỉ, lâu dài thật là quá sức đối với họ. Đó là lẽ tự nhiên, nhưng mọi sự ngã lòng sẽ ngăn cản việc thành công không cho chúng ta đạt được mục đích. Thế nên mặc dù phải thắng phục sự mệt nhọc, chúng ta đừng bao giờ quên điều đó trong đời sống chúng ta.

Một bên lành, một bên dữ, không khó chi trong sự lựa chọn, bởi vì những người muốn theo Chơn Sư thì đã nhất định làm lành dù bất cứ với giá nào.

A. B. Nếu một người nào đó còn do dự trước điều lành và điều dữ, tức là y chưa thực sự muốn theo Đức Thầy. Những ai quyết tâm rồi thì phải nhất định chọn điều lành trong mọi trường hợp, dù quan trọng hay không, mà không màng đến những hậu quả. Trong Yoga Sutras có nói về năm đức tánh căn bản gọi là Yama, gồm có: tánh không làm hại, không độc hiểm, tánh chân thật, tánh chánh trực cùng những đức tánh khác đã được qui định ngay ở đoạn khởi đầu của Đường Đạo: "Đó là những đại nguyện đã được phổ biến". Nói một cách khác, như thế có nghĩa là phải triệt để tuân theo chúng nó trong mọi trường hợp. Không có một mối lợi nào, dù đem đến cho mình hay cho kẻ khác, cho phép người đệ tử được vi phạm bất cứ một giới luật nào. Ai đã tiến đến trình độ ấy, thì trong lời nói hoặc trong sự hành động, không hề làm sai sự thật bao giờ, dù thấy mình sẽ được lợi, chẳng những trong vấn đề tiền bạc, mà trong tất cả trường hợp khác. Chẳng hạn y không vượt qua uy tín của y. Bạn hãy tự hỏi coi bạn có luôn luôn lựa chọn sự chân thật một cách tự nhiên không. Ngày nào bạn chưa làm được như thế, ngày đó bạn còn xa Cửa Đạo thứ nhất. Đối với trường hợp đó, Đức Thầy cho rằng nói thêm nữa vô ích. Đã rõ rệt lắm rồi, đã hiển nhiên rồi vậy.

C. W. L. Ý kiến này chẳng những liên hệ đến hạnh kiểm mà còn có liên quan đến việc có một lượt những tánh tốt và những tánh xấu để tiến hành một công việc. Nếu không tuân theo qui luật này một cách nghiêm ngặt thì chúng tỏ rằng trong thâm tâm chúng ta không thật sự muốn thành công. Đôi khi người ta nói rằng: "Tôi muốn có Thần Nhãn; tôi muốn thấy cõi Trung Giới! Phải khởi sự làm cái gì? Đầu là bước đầu?". Bước đầu là phải thanh lọc [16] các thể. Bạn hãy cẩn thận cung cấp cho xác thân những thức ăn nào thích hợp với nó nhất. Nhiều người muốn có Thần Nhãn thấy được cõi Trung Giới, nhưng khi phải lựa chọn, họ thích cái mà họ gọi là bữa ăn tối thật ngon. Họ có cảm tưởng rằng bữa ăn như thế cần thiết đối với họ, vì họ có thói quen và trong lúc đó họ quên mất việc muốn có Thần Nhãn. Thế là chỉ có thói quen tạo ra ý tưởng đó thôi. Khi biết được đặc tính này thuộc về loại vật chất rồi thì chúng ta có thể cố tâm ra công khó nhọc để loại trừ những thói quen cũ kỹ, tệ hại hoặc có thể vô ích đăng tập lấy những thói quen mới. Chúng ta phải thấy một sự khích lệ trong việc thói quen có thể trở thành một người bạn liên minh với chúng ta rất có thể lực, mặc dù nó có gây trở ngại cho chúng ta lúc đầu tiên. Một khi những thói quen tốt đã tạo được rồi thì chúng sẽ hành động một cách tự động. Chúng ta có thể lãng quên chúng để chú ý đến những việc khác.

Trên phương diện hạnh kiểm, không có vấn đề lựa chọn giữa thiện và ác nữa. Độc giả nào xem quyển này mà thấy có thú vị hoặc ai khao khát đến quì dưới chân Đức Thầy, thì sẽ không do dự chọn điều lành khi thấy nó. Mong rằng không có ai trong chúng ta thử làm việc gian trá - chúng ta đã vượt qua điều đó rồi - mà chúng ta cũng không hề làm sai lạc chân lý, dù cho thấy được sự ích lợi ngay trước mắt. Chắc chắn chúng ta không lựa chọn một nghề nghiệp đáng trách như sát hại thú vật. Chúng ta cũng không phải là những người mặc những y phục hay là trang điểm với những món đồ nếu không giết thú vật thì không làm được chúng nó - đôi khi trong những tình trạng thật đau lòng là tàn sát chim non còn nằm trong ổ. Tất cả những người tiếp tục ăn mặc như thế quả thật không muốn theo Đức Thầy; họ thích theo thời trang hơn.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 9

ĐỜI SỐNG CỦA BA THỂ

Nhưng con người và xác phàm là hai cái khác nhau. Ý chí của con người luôn luôn không phù hợp với những sự ham muốn của xác thân. Khi xác thân con muốn điều chi thì con hãy ngừng lại, và suy nghĩ xem có phải thật là con muốn điều đó chăng?

A. B. Ở đây Đức Thầy ra lệnh rất rõ ràng cho đệ tử Ngài, khi xác thân muốn điều chi, đệ tử phải ngừng lại và tự hỏi: "Có phải thật là tôi muốn điều đó hay không"? Nhiều người thấy rằng ngừng lại và suy nghĩ mỗi ngày, từ sáng tới chiều như thế rất khó khăn buồn chán. Nhưng phải thực hiện mấy điều đó vì chúng nó đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ chuẩn bị. Tôi biết làm như vậy rất khó, do đó nhiều người chí nguyện đâm ra chán nản vì việc cố gắng như thế.

Những người bỏ cuộc vì mệt mỏi thì không đạt được mục đích. Chỉ có bao nhiêu đó thôi. Sự cố gắng phải quyết liệt và bền bỉ. Điều này đòi hỏi một đời sống hoàn toàn có qui củ (có mục thước): không hề vội vã trong hành động, lời nói, ngay cả tư tưởng. Mọi sinh hoạt của người đệ tử, từ vật chất, tình cảm cho đến trí tuệ phải hoàn toàn tuân theo kỷ luật.

C. W. L. Nếu trong vấn đề tiến bộ, con người muốn thật sự làm hết sức mình; thì phải ra công học hỏi kỹ lưỡng những thể khác nhau của chúng ta và biết chắc chắn chúng là thể nào. Ở đây nói rất rõ ràng rằng thể xác có những sự ham muốn không phải là của con người, đối với Thể Vía và Thể Trí cũng đúng như thế. Khi hiểu rõ sự cấu tạo của ba thể này người ta thấy rằng những sự ham muốn tự nhiên của chúng không hợp với con người. Chúng ta nói về chúng cũng gần như nói về những người khác biệt với chúng ta, điều này vẫn đúng theo một ý nghĩa nào đó; mỗi thể đều được cấu tạo bằng vật chất sống; sự sống của chúng nó tập trung lại và có một ý thức tập thể. Trong Cái Vía nó tạo ra một sinh vật mà đôi khi chúng ta gọi là Tinh chất ham muốn, nói tóm lại sinh vật này do sự sống tập thể của các tế bào của Cái Vía tạo ra. Đứng riêng một mình, mỗi tế bào chỉ là một sự sống nhỏ bé, có một bản ý thức, đang tranh đấu để đi xuống hơn là đi lên, bởi vì đối với nó, sự tiến hóa là đi xuống vô trong loài kim thạch. Khi tất cả những sự sống này nhập chung lại với nhau trong Cái Vía thì chúng liên kết với nhau tới một điểm nào đó, chúng tạo được một sự hợp nhất và cho ta cái

cảm giác rằng Cái Vía có những bản năng mạnh mẽ và riêng tư, mạnh mẽ cho đến nỗi người ta có thể cho rằng nó có một ý chí riêng của nó. Muốn tiến hóa nó cần những sự rung động mạnh mẽ và thô kệch thuộc về những tình cảm và xúc động mà chúng ta không muốn mở mang, chẳng hạn như: tánh ganh tị, ghen ghét và ích kỷ. Đó là lý do tại sao những quyền lợi của nó trái ngược với những quyền lợi của chúng ta. Những sự rung động của tình thương, tánh thiện cảm và sự sùng tín vốn vô cùng tế nhị, mau lẹ và mạnh mẽ hơn nhiều. Chúng thuộc về thành phần cao siêu của Thể Vía. Vì vậy chúng vốn là một loại mà xác thân cũng như chúng ta không cần dùng đến.

Những người mà đời sống không có qui củ, họ muốn được tự do nói năng, tự do hành động như họ thường tuyên bố, thật ra họ là những kẻ nô lệ cho Cái Vía của họ. Chúng ta chẳng nên vì thế mà trách Cái Vía và dừng cho nó là một con quỷ như những người tín đồ Thiên Chúa giáo thời Trung Cổ vậy. Cái Vía không biết gì đến chúng ta và đời sống của chúng ta; nó không hề cảm dỗ chúng ta điều gì, nhưng nó chỉ tìm cách tự biểu lộ và tiến hóa theo cách thức riêng của nó cũng như mọi sinh vật khác.

Đôi khi người ta hỏi: "Ta có nên cho Tinh chất ấy một cơ hội để tiến hóa và cho nó thực hiện những rung động thô kệch không"? Không! Đó là lòng nhân ái bị ngộ nhận và trong mọi trường hợp chúng ta không thể áp dụng đến mức triệt để được. Cách cư xử tuyệt hảo hơn mà chúng ta có thể dành cho chất thô trực, là trục xuất nó (nó tồn tại trong Thể Vía của chúng ta, vì trong những kiếp quá khứ, chúng ta đã để cho những cảm xúc thấp hèn nổi dậy trong lòng chúng ta); nó sẽ đeo theo một người đã man, hoặc một con chó hay một con bò mà sự rung động của chúng không làm hại được ai.

Tùy theo cách thể riêng của nó, Tinh chất ham muốn cũng khá quí quyết. Đặt mình vào vị trí của nó và hiểu được Tâm Thức ở một mức độ thấp kém thế nào thật là điều khó khăn đối với chúng ta. Nhưng lẽ tự nhiên, Tinh chất ham muốn cảm thấy chung quanh nó có cái gì tế nhị hơn nó, đó là chất Trí Tuệ, và dường như kinh nghiệm dạy nó rằng nếu nó làm cho chất Trí Tuệ rung động một lượt với nó, thì nó sẽ có những sự rung động mạnh mẽ và thô kệch hơn và nó chỉ có cách đó thôi, không làm khác hơn nữa được. Nếu nó thuyết phục được con người tin rằng ý muốn của chúng nó giống như ý muốn của con người, thì có nhiều may mắn để thỏa mãn ước vọng, do đó nó cố gắng làm lay chuyển chất tế nhị này. Chẳng hạn, nếu nó xúi giục được Cái Trí sinh ra một tư tưởng bản thiêu thì nó liền được những cảm xúc bản thiêu mà nó ưa thích. Hoặc nếu nó làm cho một tư tưởng ghen ghét phát hiện, thì liền đó một tình cảm ghen ghét nổi lên. Đó chính là điều nó muốn.

Không phải nó muốn làm ác, vì đối với nó chỉ có những rung động mãnh liệt và thô kệch mới thỏa thích nó được. Như thể Tinh chất ham muốn thường tỏ ra mạnh hơn con người, mặc dù nó còn ở trong giai đoạn tiến hóa hết sức thấp thỏi. Nghĩ đến điều đó, chúng ta cảm thấy có hơi nhục nhã khi biết rằng mình đã chịu thua nó và bị một vật chưa phải là kim thạch sử dụng như một khí cụ. Phải đương đầu với Thể Vía và tinh lọc nó bằng cách thay thế tất cả thói quen xấu xa được lưu lại từ quá khứ bằng những cảm xúc tốt lành, chúng sẽ hữu ích cho chúng ta trong tương lai.

Tinh chất Trí Tuệ và Tinh chất Xác Thân cùng vẫn có thật. Tinh chất xác thân có bốn phận cấu tạo các mô và giữ gìn toàn thể Xác Thân. Nếu chúng ta bị xước trầy da, bị đứt hoặc bị thương, Tinh chất Xác Thân liền vội vã mang đến chỗ vết tích những bạch huyết cầu và cố gắng tạo ra những tế bào mới. Trên nhiều phương diện, công việc của Tinh chất này tỏ ra rất có ích lợi cho Xác Thân; vài hoạt động của nó vô cùng hữu ích cho chúng ta; đồng thời nó cũng thích biểu lộ những sự kích động không xứng đáng cho chúng ta chút nào cả.

Bởi vì con là Thượng Đế và con chỉ muốn điều gì Thượng Đế muốn mà thôi. Nhưng con phải tiến vào tận đáy lòng của con để gặp Đức Thượng Đế ở trong người con và nghe lời của Ngài, mà lời của Ngài cũng là lời của con vậy.

C. W. L. Sự hợp nhất của chúng ta với Đấng Duy Nhất khó mà hiểu được. Đây là cách tôi thành công đầu tiên: nó không phải là một phương pháp mà tôi có thể khuyên người ta làm theo. Lúc bấy giờ, tôi cố gắng tập trung tất cả năng lực của tôi lên cảnh thứ nhất của cõi Trí Tuệ hầu xác định coi con người có thể lợi dụng đến điểm nào những con đường vắng tắt nối liền những cảnh thứ nhất của các cõi khác nhau. Muốn đi lên từ cõi này qua cõi kia, con người có thể lên khỏi cõi Trần bằng cách đi từ cảnh này đến cảnh khác, cho tới cảnh thứ nhất. Kế đó mới qua cảnh chót là cảnh thứ bảy của cõi Trung Giới, và dần dần từ bậc lên cảnh thứ nhất của cõi Trung giới, rồi mới tới cõi Hạ Thiên, và cứ tiếp tục lên như thế đó. Người ta còn có thể theo đường tắt từ cảnh thứ nhất của cõi Hồng Trần đến cảnh thứ nhất của cõi Trung Giới, rồi từ đó lên cảnh thứ nhất của cõi Thượng Giới hay là cõi Trí Tuệ.

Tôi có nghe những vị đệ tử cao cấp đề cập đến một cách rút ngắn khác, cách này thẳng góc với cách trước. Họ nói rằng sự tập trung các năng lực vào một trong những cảnh thứ nhất của chúng ta thì có thể thông đồng với cõi Hư Không đối chiếu (Plan cosmique correspondant) với nó và do đó khi tập trung các năng lực vào cảnh thứ nhất của cõi Trí Tuệ (Cõi Thượng Giới) thì có thể liên lạc với cõi Thượng giới hay là cõi Trí Tuệ Hư Không (Plan mental cosmique), cao hơn những điều mà chúng ta biết rất nhiều.

Thật vậy, tôi không có hy vọng gì lên đó được, nhưng còn có thể thông đồng với nó. Trong khi cố gắng, tôi nhận biết rằng tôi có thể thấy (nhưng không thể mô tả được) cảnh đối chiếu trong cõi Trí Tuệ Hư Không; tôi thấy trọn vẹn hai loại cảnh giới cao hơn giai đoạn của chúng ta hiện nay. Tôi không tiếp xúc với cảnh đó được dù bằng bất cứ cách nào - Tôi nghĩ rằng dù một vị Chơn Tiên cũng không thực hiện được điều đó - nhưng tôi thấy được nó, dường như ở dưới tận đáy giếng nhìn một ngôi sao trên trời, cái Tâm Thức cao vút này, tôi có thể thấy được nó. Bây giờ trong tâm tôi phát sinh một sự tin chắc mạnh mẽ không thể tả được rằng nếu từ trước đến nay tôi tin là mình có một ý chí, một trí khôn, những cảm xúc, thì những cái đó không phải là của tôi, mà chính là của Ngài: chính là ý chí của Ngài, là tình cảm của Ngài vậy. Không có cái gì thuộc về của tôi cả. Tôi không bao giờ quên được kinh nghiệm này; nhờ nó mà tôi biết chắc được một sự kiện không thể mô tả.

Cũng như tôi đã giải trước đây chúng ta có thể nhờ Tâm Thức Bồ Đề mà biết được chắc chắn sự hiện diện của Thượng Đế trong lòng ta. Khi chúng ta đến mức đó, cái Tâm Thức như biển cả liền mở rộng ra chung quanh chúng ta. Chúng ta biết rằng mình là một phần tử của nó và những kẻ khác cũng là những phần tử của nó như chúng ta. Nó là vật sở hữu chung của chúng ta. Chẳng bao lâu, lại sinh ra một cảm giác mới, chúng ta hiểu rằng tất cả mấy cái đó chỉ là một Tâm Thức duy nhất, nó thâm nhập vào chúng ta và tất cả những kẻ khác, để cuối cùng chúng ta hiểu rằng chúng ta là Trời vậy. Sự hiểu biết này kích thích và thúc đẩy một cách dữ dội phi thường không thể nào quan niệm được, nhưng con người cảm thấy được an toàn và có một niềm tin tuyệt đối. Tôi hoàn toàn chấp nhận rằng điều đó có thể khiến cho vài người kinh hãi vì họ tưởng rằng họ bị tiêu mất. Thật vậy, điều này không thể xảy ra được. Nhưng bạn hãy nhớ lời của Đấng Christ nói: "Kẻ nào chết vì Ta, thì sẽ cứu mạng nó được" [17].

Đấng Christ, biểu hiện cho nguyên lý Bồ Đề, nói với chúng ta: "Kẻ nào vì Ta - vì sự mở mang Tâm Thức Bồ Đề trong lòng y - sẽ bỏ lại Nhân Thể là

cái thể mà trong đó y sống rất lâu; y sẽ tìm được chính mình và tìm thấy một sự sống vô cùng rộng lớn hơn và cao cả hơn". Muốn được như thế, phải có một sự can đảm chắc chắn; ở trọn vẹn trong Thể Bò Đề (Kim Thân) lần đầu tiên và nhận thấy Nhân Thể mà ta đã nương tựa nhiều ngàn năm đã biến mất là một sự kinh nghiệm thật phi thường. Một trong hai thứ kinh nghiệm được mô tả đã đủ cho ta biết một cách tuyệt đối chắc chắn rằng Chơn Ngã vốn duy nhất. Ý niệm đó không thể truyền đạt, nhưng sự kinh nghiệm giúp chúng ta hiểu được nó và không có điều chi có thể lay chuyển được sự chắc chắn này.

Đừng làm lộn các thể của con với con. Xác thân của con, cái vía của con, cái trí của con không phải thật là con đâu. Nhưng mỗi thể nó đều xưng là Bản ngã đang hoạch đắc cho được những điều nó muốn. Con phải biết tất cả chúng nó và phải tự biết rằng con là chủ chúng nó.

C. W. L. Đức Thầy nói về các thể này một cách tuyệt đối như Ngài đã nói đến những cá nhân riêng biệt. Đó là những tinh chất đã được đề cập trước đây. Chúng tự do áp chế được một số đông người; họ chẳng những không cố gắng chút nào đang thoát ra thể lực của chúng nó, mà cũng không biết mình mang một cái ách cần phải cỡi bỏ và họ cũng không tự tách ra khỏi những thân mình họ nữa. Cái giáo lý khốc hại dạy rằng con người có một Linh Hồn đã gây ra tai hại rất nhiều do chủ trương đó. Nếu người ta chỉ hiểu được rằng con người là một Linh Hồn và có những Thể, thì người ta bắt đầu thấy rõ ràng hơn và rất mau chóng. Ngày nào mà một người kia còn tưởng tượng rằng Linh Hồn là một cái gì mơ hồ bay qua bay lại trên người y, thì y rất ít có hy vọng được cải thiện. Khi chúng ta cảm thấy những Tinh chất nổi dậy trong lòng chúng ta, chúng ta phải nói rằng: "Sự cảm xúc này là một sự rung động trong Thể Vía của tôi; vậy tôi chỉ rung động theo cái nào hấp với tôi, hiện giờ tôi là trung tâm điểm của một nhóm thể xác này và tôi sử dụng chúng nó theo ý tôi".

Khi có việc phải làm thì xác thân viện lẽ nó cần phải nghỉ ngơi, đi dạo chơi, ăn uống, và người chưa hiểu biết thì nói trong lòng rằng: "Tôi cần làm mấy việc đó, và tôi phải làm mới được". Nhưng mà người hiểu biết

thì nói: "Ấy là xác thân của tôi muốn mấy việc đó chứ không phải là tôi đâu, nó phải chờ đợi ".

C. W. L. Đối với trẻ con, điều này thật rõ rệt. Nếu một đứa trẻ muốn làm một việc gì, thì đối với nó việc đó là trời, là đất vậy; công việc phải thực hành xong tức khắc, và nếu nó thất vọng, nó tưởng như vũ trụ sụp đổ chung quanh nó. Những người đã man cũng giống như thế, họ dễ bị kích động cho đến đôi vì một lý tưởng nhỏ mọn không ra gì, họ có thể giết người. Người văn minh sẽ tự hỏi: "Ta hãy chờ một chút để xem cái gì xảy ra". Đứa trẻ chạy theo mấy cuộc chơi của nó, còn chúng ta, đàn anh của nó, lắm khi lại quở trách, la rầy nó, vì không hiểu được bản tánh trẻ con. Đứa trẻ nói: "Tôi đã quên", thật hoàn toàn đúng thế, nhưng chúng ta nghi ngờ điều đó, vì chúng ta biết rõ rằng chính chúng ta phải nhớ. Vậy chúng ta đã quên lúc chúng ta còn nhỏ bé và đồng thời quên cả thời kỳ ấu trĩ của giống dân tộc chúng ta. Chúng ta phải nói rằng: "Ta biết rõ em muốn cái gì, nhưng thật ra bây giờ không nên làm việc ấy, vì nó làm quấy rầy nhiều người; em sẽ thi hành việc đó vào một dịp khác". Đó là cách giáo dục hữu hiệu. Người ta cũng hành động như thế đối với kẻ đã man. Chung qui y sẽ hiểu rằng y không nên chiều theo vài sự xúc động. Về điều đó, y phải trải qua nhiều kiếp và thường thường y bị giết trước khi học xong bài học, nhưng dần dần y bớt đã man một chút và văn minh hơn. Còn người đã tiến hóa, y xem Xác Thân như một sinh vật biệt lập, như một khí cụ để y điều khiển.

Thường thường khi có dịp giúp đỡ ai thì xác thân nói: "Việc ấy làm cho tôi buồn bức quá! Vậy, ai đó hãy làm thế cho tôi đi ". Nhưng con người trả lời với xác thân như vậy: "Người ngăn cản ta không cho làm một việc phải sao được".

C. W. L. Như Bà Tiến sĩ Annie Besant đã khuyên nên lưu ý điều này; thường lắm, khi có một cơ hội rất tốt hiện đến, nhiều người xem xét nó rồi nói: À, đó là chuyện phải làm. Một ngày kia, ai đó sẽ lãnh lấy; tôi không thấy tại sao tôi phải làm điều đó". Trái lại một người thật sốt sắng nói: "Đây là một công việc cần thiết, tại sao chính tôi không đảm đương việc đó"? Và người ấy liền bắt tay vào việc, y hoàn thành nó.

Thân con vốn là con thú của con, con ngựa của con cỡi. Bởi thế, phải đối đãi với nó cho tử tế và phải săn sóc nó cho kỹ lưỡng. Đừng bắt nó làm việc quá sức; phải nuôi nó cho đúng phép với đồ ăn uống tinh khiết và giữ gìn cho nó thật sạch sẽ luôn luôn, đừng dung dưỡng một mảy bợn nhơ.

C. W. L. Xác Thân là một con thú, ý niệm này quả thật rất hữu ích và hình như hiển nhiên vậy. Nhưng nếu chúng ta càng đi sát theo sự so sánh này thì ta càng hoàn thành được việc cần thiết. Giả sử bạn có một con ngựa. Dĩ nhiên bạn là người tốt và biết điều; nếu bạn muốn phục vụ tử tế, thì bạn cũng muốn cho con ngựa của bạn được sung sướng, có đủ tiện nghi và tráng kiện. Bước đầu, bạn tìm cách hòa thuận với nó, để tìm hiểu nó, để nó biết ý bạn. Nó sẽ cảm thấy bạn sẵn sàng tử tế với nó. Rồi bạn tìm đồ ăn thích hợp với nó nhất và bạn cho nó ăn. Bạn coi chừng đồ ăn cho được đầy đủ, nhưng đừng thêm chút gì có hại cho nó. Đồng thời, bạn bắt nó làm việc, vì bạn nuôi nó nhằm mục đích đó, nhưng không nên bắt nó làm quá sức. Bạn biết nó làm được cái gì thì bạn bắt nó làm việc đó. Bạn đã dạy nó tin cậy bạn; vậy nó sẽ vâng lời bạn và nếu bạn gọi tới nó thì nó sẽ tỏ ra có thiện chí, vì nó biết rằng nó sẽ được an lành. Sau cùng, dù cho sự sợ sệt cũng không lay chuyển nổi lòng tin cậy của nó. Theo cách đó, bạn sẽ được giúp đỡ nhiều nhất với sự cực nhọc tối thiểu. Cách luyện tập thú xoàng, đôi khi làm cho con ngựa khiếp sợ. Kết cuộc không bao giờ con ngựa làm việc thật đắc lực. Mục tiêu của bạn thì khác hẳn: bạn muốn giữa bạn và con ngựa bạn có một sự hòa thuận thâm tình.

Xác Thân hoàn toàn giống con ngựa đó. Chúng ta phải biết phương pháp tốt nhất để áp dụng cho nó. Áp dụng những phép luyện tập dữ dội của Hatha Yoga là một sự lầm lạc to. Bạn hãy tỏ ra tử tế, bạn sẽ thấy Xác Thân nỗ lực giúp đỡ bạn tùy sức nó và nó không vì đó mà chịu đau khổ, nhưng đừng bao giờ bắt nó làm việc quá sức. Nội trong một giờ, bạn có thể gây ra tai hại mà cần phải nhiều năm mới bù lại được. Trong công việc làm ăn người ta luôn luôn nói: "Phải cố gắng thêm chút nữa mới được", nhưng thường lắm, khi sự cố gắng thêm chút ít đó làm mệt nhọc cơ thể khiến từ đó, nó không trở lại trạng thái bình thường được. Rất dễ gây ra sự tổn hại như thế, bởi vì cơ thể là một cái guồng máy hết sức mảnh mai, một guồng máy sống, khả năng

phục hồi của cơ thể thật vô hạn. Trong nhiều trường hợp chúng ta gọi là "một Xác Thân tốt", có thể chịu đựng với những sự đối xử hà khắc. Nhưng sự kiện chịu đựng được và con người còn sống như thế không có nghĩa là vô hại. Trái lại, một chút cố gắng quá sức lắm khi lưu lại một vết tích vĩnh viễn. Do đó, tôi khuyên những ai dẫn thân trên con đường phát triển huyền bí hãy khá thận trọng, và tin chắc rằng theo lời vị Hội Trưởng của chúng ta: công việc nào mà chúng ta không thể thi hành vì không có ngày giờ, thì đó không phải là công việc của chúng ta.

Rồi đến vấn đề ăn uống. Lý thuyết chủ trương rằng một món ăn cũng đủ nuôi sống được bất cứ ai không phải là lời khuyên tốt lành cho người hành giả có óc thực tế. Khí chất và khả năng của con người phức tạp vô cùng. Châm ngôn xưa có nói rằng: "Món nào tốt với người này, là thuốc độc đối với người kia"; nói về giá trị của thực phẩm, điều đó thật đúng. Tôi cũng biết rõ điều này: có một khuynh hướng cho rằng những người bận tâm nhiều về thức ăn của mình sẽ tạo ra cho mình những sự lo lắng vô ích về những thực chất hoàn toàn thuộc về cõi trần. Dĩ nhiên, đừng phóng đại thái quá mà hãy giữ trung dung và phải khôn ngoan. Bốn phận của mỗi người đối với Xác Thân mình là phải tìm xem nó cần thức ăn loại nào và số lượng mà nó đòi hỏi. Lẽ phải dạy chúng ta như sau: Hãy cho Xác Thân cái gì hợp với nhu cầu và sở thích của nó, nhưng đừng bao giờ cho nó dùng những thực phẩm có hại như rượu và thịt. Đừng cưỡng bách điều gì cả. Hãy luôn luôn tìm cách thỏa mãn và đồng thời tìm hiểu nó, như vậy bạn sẽ có sự cộng tác trí khôn của nó, dù cái trí khôn đó như thế nào chăng nữa.

Thường thường bỏ thịt cá để sang việc dùng rau trái rất khó. Bên Anh, những người mới ăn chay, ban đầu không hiểu chi về vấn đề này. Vì từ trước đến giờ họ ăn nhiều nhất là thịt với cải bắp và khoai tây mà thuyết ăn chay đối với họ là bỏ thịt để ăn cải bắp với khoai tây. Song khoai tây chỉ toàn là bột và cải bắp thì chứa đựng nước. Người ta không thể sống nhờ bột và nước; cần phải có những yếu tố khác nữa; những vật thực tạo nên bắp thịt, xương, máu. Chúng rất nhiều, cho nên chúng ta chịu khó thì sẽ tìm được những thực phẩm thích hợp hơn hết với thể xác và lấy nó làm món ăn chính. Nếu thức ăn không thích hợp có thể gây ra những sự phiền nhiễu cho sự tiêu hóa. Hãy thử dùng các món khác, trừ ra khi người ta mắc một chứng bệnh nan y. Khi trẻ con giữ gìn sâu đặng xem nó hóa bướm, chúng chịu khó tìm coi sâu sống bằng lá cây nào, vì chúng biết rằng chỉ có một loại lá cây thích hợp với nó. Chắc chắn chúng ta có thể chịu ra công khó nhọc như thế đối với con thú được dành riêng để phụng sự chúng ta trong nhiều năm và nuôi nó với những đồ ăn uống tinh khiết thích hợp với nó.

Sự sạch sẽ có một tầm quan trọng cốt yếu; những lý do về vấn đề đó thật khác nhau: nó cần thiết chẳng những vì phép vệ sinh, chẳng những vì nó là biểu hiện của sự tinh anh, tế nhị mà cũng vì Đức Thầy đặc biệt dùng những người liên lạc chặt chẽ với Ngài như những vận hà để truyền Thần lực của Ngài. Thường thường công việc này dành cho những vị đệ tử sống gần kề bên Ngài, nhưng mà những ai cố gắng sống thật đúng với những nguyên tắc đã trình bày trong các quyển sách như quyển sách này đều sẽ ở dưới mắt Ngài. Có thể một người như vậy sẽ được Đức Thầy xem như là hữu ích và Ngài dùng y làm một vận hà để di chuyển thần lực. Rất có thể ở một nơi nào đó, Ngài không tìm được một vị đệ tử chỉ định để truyền một Thần lực. Trái lại, có thể có một người khác ít tiến hóa hơn, song có đủ những điều kiện cần thiết. Trong trường hợp này Đức Thầy quyết dùng y.

Ngài ban rải nhiều thứ Thần lực rất khác biệt vì nhiều lý do khác nhau; khi thì người này làm một vận hà thích hợp, khi thì người khác. Khi quan sát trường hợp của hai vị đệ tử ở gần nhau, người ta nhận thấy rằng một người luôn luôn được dùng để chuyển di một thứ Thần lực nào đó và một người kia thì một thứ khác. Sự di chuyển Thần lực đó thuộc về cõi Trần cũng như thuộc về cõi Trung Giới, cõi Thượng Giới và cõi Bồ Đề vậy. Tại cõi Trần, Thần lực tuôn ra nhiều nhất là ở hai bàn tay và hai bàn chân. Vậy nếu Xác Thân của người được chọn, trong lúc nào đó, không đủ điều kiện trên phương diện cực kỳ quan trọng về sạch sẽ, tinh khiết, Đức Thầy không thể dùng y, vì y là người không làm một vận hà thích hợp được. Đó là đổ nước trong sạch vào một cái ống dơ bẩn; khi chảy qua đó nước sẽ dơ. Do đó những người gần Đức Thầy một cách mật thiết phải giữ gìn hết sức kỹ lưỡng những nguyên tắc về sự hoàn toàn sạch sẽ của Xác Thân. Vậy về điều này chúng ta hãy giữ sao cho được Ngài bằng lòng, không có chi đáng trách cứ trong trường hợp mà sự giúp đỡ của chúng ta trở nên cần thiết.

Còn một điểm nữa chúng ta cần phải lưu ý; nếu chúng ta muốn làm người hữu dụng thì ta phải tránh đừng làm cho cơ thể bị biến hình, biến dạng, nhất là ở bàn chân. Tôi có vài tuần ? trong một đoàn thể kia, nơi đó người ta có thói quen đi chân không, tôi rất cảm động mà thấy sự biến dạng và hư vẹo một cách bất thường ở bàn chân của nhiều người tân tín đồ. Tôi nhận thấy sự tàn tật này gây ra tai hại biết bao cho năng lực của họ trong việc làm vận hà để Đức Thầy ban rải Thần lực. Trong những điều kiện bình thường, Thần lực này choán trọn vẹn thân mình của người đệ tử, rồi túa ra theo mười đầu ngón tay và mười đầu ngón chân. Nhưng khi những đôi giày trái vệ sinh làm cho bàn chân tròn đời hư vẹo, thì Đức Thầy chỉ dùng phân nửa phía trên

thân hình của người đệ tử. Vậy Ngài phải thêm nhọc công vì mỗi lần phải truyền Thần lực, Ngài phải dựng lên một thứ đê điều hay là một cái hàng rào để ngăn chặn tạm thời gần hoành cách mạc của người đệ tử. Vì lẽ đó mà tự nhiên Đức Thầy buộc lòng phải dùng những người khác không bị biến thể như thế.

Bởi vì không có một xác thân hoàn toàn tinh khiết và tráng kiện thì không thể nào con đảm đương nổi công việc khó khăn trong khi tập luyện để bước vào Đường Đạo, con không thể chịu đựng nổi nỗ lực cần thiết và tái diễn mãi.

C. W. L. Trong hoàn cảnh hiện tại sự tập luyện để bước vào Đường Đạo thật rất gay go. Nếu việc ấy được thúc đẩy không ngừng, nó sẽ là một căng thẳng liên tục, công việc này chỉ có thể chịu đựng nổi nếu tất cả những thể của chúng ta, gồm cả Xác Thân, đều ở trong tình trạng tốt đẹp. Như vậy một sức khoẻ hoàn toàn là điều cần thiết để tiến bộ nhanh chóng; mọi sự suy nhược đều làm mất thì giờ. Những vị chăm nom đến sự tiến bộ của một người đệ tử đều luôn luôn coi chừng hết sức kỹ lưỡng, không cho anh này cố gắng quá sức. Và các Ngài sẽ không bắt buộc một người nào dưới quyền lãnh đạo của các Ngài làm một công việc phụ thuộc nào trước khi biết rằng người ấy có đủ khả năng đảm đương nó với một phương tiện thích đáng.

Vậy thì thân con phải vâng theo mạng lệnh của con luôn luôn chớ không phải con ở dưới quyền sai khiến của nó, Cái Vía của con có nhiều sự ham muốn, đêm tới cả chục có đầu. Nó muốn thấy con giận dữ, nó muốn nghe con nói những tiếng nặng nề, nó muốn thấy con ganh ghét, tham lam, thèm muốn của cải thiên hạ và ngã lòng rủn rĩ. Nó muốn mấy điều đó và còn nhiều việc khác nữa . . ., chẳng phải nó có ý hại con, song tại nó ưa những sự rung động dữ dội và thay đổi không ngừng. Nhưng trong mấy việc đó con không muốn việc nào cả, bởi vậy con phải phân biệt ý muốn của con với ý muốn của Cái Vía.

A. B. Tôi thấy dường như đa số những người hay suy tư biết rõ rằng họ không phải là Xác Thân của họ, nhưng mà những ví dụ của Đức Thầy đưa ra ở đây lại chứng tỏ rằng họ không ngót tự đồng hóa với Cái Vía. Đôi khi bạn cũng thốt ra những câu như: "Tôi giận dữ; tôi nổi cáu". Ngay cả những người không muốn tưởng mình là những cảm xúc thấp hèn thường cũng lầm lẫn chúng với những tình cảm cao thượng; chắc chắn họ không nói rằng: "Tôi ghen ghét" khi họ nhận thấy trong lòng nảy sinh ra tình cảm đó, vì dù họ có thể tự đồng hóa hoàn toàn với tình cảm của họ, con người cũng cố gắng che lấp những sự thấp hèn và trong trường hợp này, họ tưởng rằng tình cảm của họ không phải là sự ghen ghét mà là tình thương. Họ nghĩ: "Tôi đau khổ vì người nào đó thương tôi, lại thương một người khác nhiều hơn thương tôi".

Tình thương là một đức tánh có ảnh hưởng rất xa, thế lực của nó rộng lớn cho đến đôi, con người sẵn sàng nhờ nó che chở và tìm cách gán cho nó tất cả những điều hoàn toàn xa lạ với nó.

Tốt hơn là nên thành thật xem xét những tình cảm của ta, đừng xem thường những vấn đề quan trọng ấy và cũng đừng để những lời dịu ngọt phỉnh lừa ta. Trong trường hợp trên đây, nếu bạn đau khổ, thì đó hoàn toàn không phải vì bạn thương yêu người bạn của mình, mà vì bạn không muốn chia sẻ vật chiếm hữu của bạn cho ai cả. Một khi nảy sinh tình cảm đau khổ này, nó đều do tánh ích kỷ gây nên, nó là "đối lập" [18] của tình thương. Về phần bạn, bạn là Chơn Nhơn, nên bạn không thể cảm thấy mình ganh ghét. Bạn không thể phần nộ hay là nổi cáu, các tánh đó đều là tánh khí thuộc về Cái Vía.

Đức Thầy còn đề cập đến những thí dụ khác như tánh tham lam, sự ham muốn, ghen ghét và ngã lòng rùn chí. Những người chí nguyện bước vào Đường Đạo ít nhân nhượng hai tánh trước hơn là sự ngã lòng. Thường thường người ta ít đề phòng sự ngã lòng hơn các tánh khác vì họ lầm tưởng chỉ có một mình họ chịu hậu quả mà thôi. Họ nói rằng: "Nếu tôi cảm thấy buồn rầu hay thất vọng, thì rốt cuộc đó chỉ là chuyện riêng của tôi và chỉ quan hệ đến một mình tôi thôi". Nhưng nói như thế không đúng: Mấy kẻ khác cũng bị tai hại vậy. Các sinh viên Huyền Bí Học đều biết rõ điều chi xảy ra. Những làn rung động của sự ngã lòng truyền đi và cảm nhiễm không những Thể Vía mà còn Thể Trí của nhiều người nữa. Hậu quả này thường trầm trọng hơn người ta tưởng, bởi vì trong đám người có thể bị tư tưởng bạn cảm nhiễm, đa số trình độ tiến hóa còn thấp kém hơn bạn, nhiều người đang lâm vào tình trạng có thể gây trọng tội. Những độc giả thường xem sử

sách và những bản thống kê các bản án phạm tội đại hình thì biết rằng nhiều vụ án mạng, nhất là sát nhân và tự tử, đều xảy ra sau một thời kỳ vô cùng chán nản. Trước tòa án, tội nhân thường nói rằng: "Tôi nản chí quá, tôi không thể nào cưỡng lại nổi". Ở trình độ tiến hóa còn thấp kém, nhiều người có thể bị cảm nhiễm như thế. Có những người bị tội cấm cố, hay tử hình nhưng thật ra họ không phải là thủ phạm hoặc họ chỉ tạo có một phần tội ác do bàn tay của họ gây nên mà thôi. Chúng ta sống trong một thế giới ít có người hiểu được những luật thầm kín phi thường này và nếu tòa án chúng ta không xét xử được một cách hoàn toàn công bằng, thì chính vì không biết khoa Tâm lý học vỡ lòng vậy. [19]

Chắc chắn tôi cảm thấy tất cả những điều này rõ rệt hơn vì chính tôi đã bị đưa đẩy: Khi thì phấn khởi, khi thì ngã lòng, theo sự dao động của quả lắc đồng hồ. Ấy là tánh khí chung của nhiều người: hôm nay hạnh phúc tràn ngập Thế gian, ánh dương quang chiếu rạng, tạo vật xinh tươi, tất cả đều hân hoan, vui thú. Rồi phản ứng không thể tránh được lại xảy đến. Một cảm xúc buồn bã mênh mang xâm chiếm tâm hồn bạn, toàn thể thế giới dường như tối sầm lại. Nếu bạn bình tĩnh tìm hiểu căn nguyên, thì bạn sẽ thấy những lý do bên ngoài mà bạn đổ cho sự thay đổi tánh khí của bạn không đủ để giải thích những hiệu quả quan trọng như thế. Tuy nhiên tánh khí này cũng mang đến vài sự lợi ích. Thuật nói trước công chúng của tôi chắc chắn không có hiệu lực như thế này, nếu tôi không có khả năng bẩm sinh đó. Tánh khí của nhà diễn giả gồm sự hiểu biết những tình cảm hết sức đối chọi nhau, nhưng nó cũng giống với các tánh khí khác là những cái lợi lại kèm theo những cái bất lợi. Chúng ta không nên nhượng bộ trước những sự biến đổi luân phiên dữ dội của tình cảm.

Tôi không chắc rằng muốn thắng được tánh xấu ấy, chỉ cần tự nói rằng: "Tôi không nên cảm biết mình ngã lòng", nhưng trong những trường hợp cực đoan người ta cũng có thể thắng thế khi nhớ rằng mình không được buông xuôi vì những hậu quả thảm khốc sẽ di hại cho kẻ khác. Cố gắng xua đuổi một tình cảm như thế đó chưa đủ; phải thay vào đó bằng một tư tưởng can đảm, an tĩnh thật mạnh mẽ và phụ vào đó một tình cảm vị tha nồng nhiệt của bạn.

Như Đức Thầy đã chỉ dạy, Cái Vía không muốn hại ai. Nó hành động như thế, chỉ vì nó được cấu tạo bằng Tinh chất đang đi xuống và đang tiến hóa nhờ những sự rung động dữ dội và luôn luôn thay đổi. Sự ham muốn không ngừng này chứng tỏ rằng Cái Vía có những sự thay đổi mãnh liệt, điều đó phải giúp sinh viên không tự đồng hóa với Cái Vía và thấy rằng nó đã tạo ra

những tình cảm mà anh không biết lý do, những tình cảm mà lý trí không tán đồng, những tình cảm tiêu biểu những sự hoạt động độc lập, riêng rẽ của Thể Vía. Người ta phải hiểu điều đó và đừng làm trò chơi cho những tánh khí bất thường ấy. Bạn hãy nghiên cứu chính bản tánh của Thể Vía bạn. Hãy khám phá cho được những chuyện bất hảo mà nó đặc biệt ưa thích, rồi bạn từ chối, không chấp nhận những điều tai hại đó. Quyết định xong, bạn đừng nghĩ đến chúng nó nữa, đừng nhấn mạnh chúng nó. Bạn hãy chọn lấy những thái độ đối nghịch với nó và suy gẫm về những thái độ này suốt ngày. Cái Vía của bạn muốn không kiên nhẫn ư ? Bạn hãy chú ý vào sự kiên nhẫn; bạn hãy nghĩ đến đức tánh này trong thời gian tham thiền buổi sáng của bạn và bạn thực hành nó từ giờ này sang giờ khác. Cái Vía của bạn lại muốn cho bạn ghen ghét ư ? Bạn hãy nhận biết sự kiện đó, rồi ngưng ngay ý nghĩ về sự ghen ghét, rồi tập trung tư tưởng vào tánh vị tha. Bạn hãy áp dụng phương pháp này một cách liên tục thì sự ghen ghét tự nó tiêu mất. Cái Trí của bạn không thể dung nạp một lượt hai tình cảm trái ngược nhau.

Bạn hãy nhớ rằng mọi sự khó khăn đều nhằm tạo nên cơ hội tiến bộ cho sinh viên Huyền Bí Học. Người đệ tử tỏ lòng yêu mến có được công đức gì, khi mà mọi người chung quanh y đều tử tế, hay tốt lành, khi mà ai nấy đều ân cần niềm nở với y? Những người tầm thường nhất cũng làm được như thế. Người chí nguyện làm đệ tử phải biểu lộ những tình cảm tốt lành khi người ta tỏ ra xấu xa đối với y, bằng không y có khác chi những người thường? Y phải nhớ đến điều này trong những lúc khó khăn hay bị cám dỗ. Người chí nguyện phải lướt tới đối đầu với chúng và xem chúng như những cơ hội để trả quả. Đối với người đệ tử, phải coi bất cứ ai hay bất cứ cơ hội thử thách nào đưa đến đều không phải là một sự cám dỗ, mà đúng là một dịp may vậy. Khi đem những cảm xúc tốt đẹp đáp ứng lại những tình cảm xấu xa thì người đệ tử giống như Sư Phụ mình. Như thế đã biểu lộ được nơi y những đức tánh của Đức Thầy.

Vậy buổi sáng khi tham thiền bạn hãy suy gẫm những đức tánh mà bạn cần phải có. Chẳng hạn, nếu bạn hay nóng nảy bạn hãy nghĩ đến đức kiên nhẫn. Rồi trong ngày bạn gặp một người nóng nảy hoặc khó chịu, thì vì thói quen, trước tiên bạn đáp lại bằng sự nóng nảy, nhưng khi vừa phạm lỗi bạn liền nghĩ ngay đến đức kiên nhẫn. Lần sau bạn nghĩ đến đức kiên nhẫn đúng lúc bạn phạm lỗi. Tập thêm một chút nữa bạn sẽ nghĩ đến đức kiên nhẫn, trước đó một chút; rồi bạn cảm thấy nóng giận nhưng bạn không biểu lộ ra; sau cùng bạn không còn cảm thấy nóng giận nữa. Bước đầu của những giai đoạn ấy đã chứng tỏ rằng sự tham thiền của bạn khởi sự có hiệu quả. Tôi biết nhiều người muốn thí nghiệm điều này. Họ kiên nhẫn trong vài ngày hay vài

tuần rồi nói: "Tôi không tham thiền về vấn đề đó nữa, tôi không thu gặt được một kết quả nào; việc tham thiền của tôi không có ích lợi gì cho tôi; tôi không tiến bộ". Người này cũng giống như một người khách bộ hành phải thực hiện một cuộc hành trình bằng cách đi bộ ba ngày đường, nhưng mới đi được khoảng một hoặc hai giờ, y ngồi xuống nói rằng: "Đi làm gì? Tôi có tiến bước đâu". Dưới cỡi trần, ai lại không thấy cái tư cách như thế lộ bịch biết bao, mà tư cách kia cũng giống như vậy. Sự tham thiền tạo ra những kết quả, đó là cưỡng bách, không khác nào sự đi bộ sẽ đưa bạn đến một quãng đường, điều này chắc chắn như thế. Những định luật Khoa học tác động một cách bất biến, do đó mọi năng lực của bạn tạo ra phải mang lại kết quả. Nếu bạn chưa thu thập được kết quả tức khắc theo ý muốn, chính vì cái nguyên tắc đối lập chưa hoàn toàn bị hàng phục, năng lực của bạn còn bám chắc lấy nó để trung hòa nó, để rồi chinh phục nó một cách triệt để. Bạn chớ bận tâm đến kết quả. Hãy chú định tư tưởng của bạn vào đức kiên nhẫn hoặc những đức tánh nào mà bạn muốn mở mang. Rồi cái kết quả tự nó sẽ đến, khỏi cần ai trợ giúp.

C. W. L. Tóm lại, với sự luyện tập một ít lâu, không khó gì cho chúng ta đăng biết rằng chúng ta không phải là Xác Thân, nó chỉ là cái áo mặc ngoài thôi. Còn Thể Vía - những cảm xúc và dục vọng của chúng ta - lại khó biết hơn vì dường như nó là thành phần của bản ngã sâu kín hơn hết của chúng ta. Mỗi ngày, ở đâu người ta cũng gặp những người có cảm tưởng rằng họ là những tình cảm, dục vọng của họ. Ở vài người bị tình cảm, dục vọng choán đầy cả tâm hồn họ cho đến nỗi nếu cố gắng dùng trí tưởng tượng tách biệt chúng riêng ra, thì họ không còn cái chi cả: trọn cả con người họ chỉ là dục vọng và cảm xúc thôi. Một người như thế thật khó tách riêng y ra với Thể Vía của y; nhưng đó là điều phải thực hiện. Cái Vía luôn luôn thay đổi tánh tình của nó và sự kiện này giúp con người hiểu rằng nó (Cái Vía) không phải là Chơn Ngã, cái Bản Ngã thật. Chính là Linh hồn không hề thay đổi; ước vọng của nó vốn bất di bất dịch - nó muốn tiến hóa để giúp đỡ Linh Hồn khác theo đuổi con Đường Đạo do các Chơn Sư của chúng ta đã vạch ra. Vậy thật rõ ràng và chắc chắn rằng Thể Tình Cảm này không phải là Chơn Ngã.

Sở dĩ Tinh chất Cái Vía đạt được ít nhiều sự liên tục vì những hạt nguyên tử trường tồn thu hút những chất khí cùng một loại với chất khí mà chúng ta đã có ở kiếp trước để bao bọc chúng nó; bởi thế thật khó mà thành linh đương đầu với nó và quật ngã nó được. Tuy nhiên, không phải điều đó

không làm được và phương tiện hay nhất là nhờ sự quan sát kỹ lưỡng để xác định những loại hoạt động xấu xa nào mà Cái Vía muốn theo đuổi. Mỗi người đều có những nỗi khó khăn riêng: người thì tỏ ra nóng nảy, dễ cáu hoặc là ưa đồ kỳ, ganh ghét; người khác lại tham lam. Nhận biết như thế rồi ta phải chuyên tâm khắc phục tật xấu ấy một cách cương quyết. Giả sử vấn đề ở đây là tánh nóng giận, nó thường xảy ra bởi do những tình trạng ghê gớm và những tiếng động là đặc tính của đời sống hiện đại. Người muốn bỏ tánh nóng giận thì phải cương quyết không nổi nóng nữa. Lấy nó làm một đề tài tham thiền rất tốt, nhưng đừng chiến đấu với tật xấu bằng cách chống cự với nó. Điều hay hơn hết là tham thiền về đức tánh đối lập với nó, nghĩa là đức kiên nhẫn. Đừng nghĩ đến tánh xấu và việc cần phải đối phó với nó, vì như thế sẽ tăng cường sức hoạt động của nó.

Nếu bạn cố gắng giúp kẻ khác bằng tư tưởng của bạn cũng nên theo phương pháp đó. Khi bạn giúp một người có tánh xấu nói trên đây, thay vì chú trọng đến tánh nóng giận của y, tội nghiệp cho y - như thế sẽ tăng cường tánh nóng giận đó - bạn hãy nói rằng: "Tôi muốn thấy y bình tĩnh và kiên nhẫn". Như vậy tất cả năng lực tinh thần của bạn giúp cho y được bình tĩnh và kiên nhẫn. Ban đầu, khi gặp một người không nhẫn nại, chúng ta sẽ nổi nóng, nhưng sau đó chúng ta nhớ lại rằng: "Chúng ta không muốn làm điều đó". Dù nhớ muộn như thế cũng tạm được. Lần sau, hay lần thứ hai mươi, chúng ta sẽ nhớ ngay chứ không phải khi vừa mới phạm lỗi. Trong giai đoạn thứ ba, ta sẽ nhớ ngay trước khi thốt ra lời phẫn nộ; sự nóng giận vẫn có, nhưng chúng ta không để nó bộc lộ ra. Tiến thêm một bước nữa, chúng ta không còn cảm thấy một sự nóng giận nào. Chúng ta đã hàng phục được sự nóng giận và chúng ta sẽ không còn bận tâm vì nó nữa, trong kiếp này, cũng như trong những kiếp sắp tới.

Muốn chế ngự bản tánh của Cái Vía, thì điều cần thiết là không có một tình cảm cá nhân để phiền hà, để giận dữ. Những tình cảm cao thượng như thiện cảm và tình thương phải tràn ngập trong lòng chúng ta, chúng ta không còn tức tối hay bất bình được. Người nào còn những tình cảm này là còn nghĩ đến mình, chúng ta không có quyền làm thế, nếu chúng ta đã tự hiến mình cho Đức Thầy. Có thể có những người trì độn, họ bị mẫn mà không biết; sự vô ý thức như thế không tốt; nhưng khi bạn đã ghi ý muốn nhục mạ rồi thì hãy tỏ ra khôn ngoan; đừng chú ý đến, cách đó luôn luôn hay nhất. Người ta nói xấu bạn, điều này không quan trọng mấy. Việc nói xấu luôn đã xảy ra từ thuở khai thiên lập địa, và ngày nào chúng ta chưa tiến đến gần quả vị Chơn Tiên thì ngày đó sự nói hành cũng vẫn còn mãi. Tóm lại, những điều kẻ khác nói không quan trọng; đó là những làn rung động thoáng qua làm xao xuyến

không khí và chỉ có thể thôi, trừ ra khi nào chúng ta quyết định làm trái ngược lại. Một người nào đó nói những điều không tốt cho bạn, nếu bạn không hay thì chẳng có sao cả. Ví như bạn nghe được những lời đó, bạn dùng dùng nổi giận, bạn kinh hãi, bạn thất vọng và còn nhiều phản ứng khác nữa, thì không phải lỗi của kẻ thủ phạm đầu tiên, mà chính là bạn đã hại bạn. Hãy nhìn sự việc một cách thật kiên nhẫn và nói rằng: "Tôi nghiệp, y không biết chi hơn cái đó". Bạn hãy giữ lấy thái độ dịu dàng và nhân hậu. Những điều kẻ khác nói không quan trọng mấy, vì họ luôn luôn hành động thiếu sự hiểu biết. Bạn hãy nhớ mấy lời này: "Tâm lòng tự biết những nỗi buồn bực của nó"[20]. Một người kia luôn luôn có những lý lẽ để giải thích, để hành động hoặc suy tư như họ đã làm. Từ bên ngoài không thể biết tất cả những lý do của họ, vì bạn chỉ quan sát chúng một cách nông cạn và thường thường thì sai lạc nhiều lắm. Do đó, ngày nào bạn chưa lên tới cõi Bồ Đề thì ngày đó bạn nên làm lợi cho họ là đặt ra nghi vấn hoặc hãy làm hay hơn nữa: đừng gán cho ai những lý lẽ này hay những lý lẽ nọ. Nếu hành vi nào đó bạn cho là sai quấy, sự phê phán nhân từ hơn hết là nói rằng: "Tôi sẽ không làm điều này; theo ý tôi như thế là quấy. Có thể người ấy có những lý lẽ riêng của y mặc dầu tôi không biết chúng như thế nào".

Khi một người kia tỏ ra vô lễ thì lắm khi có điều gì bất thường đã xảy đến cho y và bởi vậy y không ở trong trạng thái tự nhiên của y nữa, y thấy điều đó và người đầu tiên nói chuyện với y lại là chính bạn. Thật ra, không phải y giận bạn; sự mất quân bình của y có lý do khác; có thể bữa cơm tối của y bị mất ngon. Chúng ta hãy tập lấy đức khoan dung đối với kẻ khác mà nói rằng: "Tôi nghiệp cho bạn ấy, tôi nghĩ là y luôn luôn không thể nào được hoàn toàn khả ái và dễ mến như tôi". Chắc chắn sau đó người này sẽ hối hận về những lời khiếm nhã của y, có lẽ y cũng không nhận thấy điều gì khác thường do y đã thốt ra. Khi người ta cảm thấy bị xúc phạm hay phật lòng vì chính họ đã tưởng đến bản ngã, cái ta của họ. Chính tư tưởng cá nhân này cần phải bị nhổ tận rễ và ném đi xa. Không bận rộn về bản ngã thì không còn tật đó. Nếu người này chỉ nghĩ đến tất cả tình thương mà y dành cho người kia thì tình thương của người kia đối với người thứ ba có quan hệ gì đối với y đâu. Cái ảo ảnh về bản ngã chia rẽ là căn nguyên của hầu hết mọi đau khổ.

Người ích kỷ hiện nay đã lỗi thời, y theo đuổi những hoạt động hữu ích và cần thiết cho y hồi hai chục ngàn năm trước, nhưng bây giờ đây chúng không còn hữu ích và cần thiết nữa, người ích kỷ là người chậm tiến, cổ hủ. Chúng ta có bốn phận phải theo kịp thời thế. Đời sống của chúng ta, tư tưởng của chúng ta có mục đích là phải hướng về tương lai mà Đức Chương Giáo đã chuẩn bị cho chúng ta. Vậy ta phải quét sạch tất cả những tư tưởng

lỗi thời này.

Trong khi tìm kiếm những lỗi lầm của bạn để chủ trị chúng, bạn đừng để những tư tưởng sai lầm về sự ăn năn và hối hận lưu vết tích trong lòng bạn. Bạn hãy nhớ bà vợ của ông Lot [21] và đừng nhìn về phía sau; điều đó chẳng có ích lợi gì cả. Sau khi phạm một lỗi nặng nào đó, bạn có thể nói thật bình tĩnh rằng: "Đại quá, chẳng bao giờ tôi tái phạm nữa". Người ta nói rằng ông Talleyrand nói những lời này: "Ai cũng có thể lầm lẫn - tất cả chúng ta đều lầm lẫn - nhưng mà người phạm lỗi hai lần một việc là kẻ khờ dại". Một ngày kia, một vị Chơn Sư có nói rằng: "Sự hối hận chỉ có chút giá trị là khi nào quyết định không tái phạm nữa". Bạn cũng nên nhớ câu này nữa: "Kẻ nào không hề lầm lỗi là kẻ không làm gì cả". Bạn đừng lo lắng về những gì mà bạn đã làm trong những kiếp trước; tại sao lại bận tâm đến ngày hôm qua. Cả hai thuộc về quá khứ. Sự hối hận làm mất thì giờ và năng lực; nó chính là một điều tệ hại, một hình thức ích kỷ.

Thật dễ cho chúng ta tử tế và dễ thương với những người cũng đối đãi với chúng ta như thế đó, nhưng nếu chúng ta đã thực sự tiến hóa, thì chúng ta ban rải tình thương ra chung quanh, dù cho những kẻ khác không tỏ lòng thương mến chúng ta cũng vậy. Đấng Christ đã nói: "Nếu con thương những kẻ yêu con, con đáng được ban thưởng điều gì? Những kẻ thu thuế kia lại không hành động như thế sao"[22]? Ngài còn dạy rằng: "Con hãy thương yêu kẻ nghịch của con và cầu nguyện cho những người hành hạ con.[23] Đã đến lúc người đệ tử của Chơn Sư chứng tỏ mình làm được điều gì, nơi mà y có thể hành động như Ngài, nơi mà y đáp lại sự nói xấu và ngược đãi bằng những tư tưởng nhân từ và tình thương, rồi y còn bào chữa và khoan hồng đối với sự rồ dại của kẻ nghịch. Thương yêu và tử tế đối với những người thương yêu và tử tế với ta vẫn chưa đủ, phải có khả năng ban rải tình thương của chúng ta thật nhiều cho những kẻ còn ngờ vực, họ không hiểu điều đó là gì? Người ta nói về Đấng Christ như vậy: "Khi bị nguyên rửa, Ngài không hề nguyên rửa lại; khi bị hành hạ, Ngài không hề hăm dọa, mà chỉ phó thác mọi việc cho Đấng xét đoán công bằng"[24]. Tất cả chúng ta cũng bị kẻ khác làm hại, bị đối xử bất công, bị người ta không hiểu biết mình, không ai nhận chân giá trị của mình. Nhưng không một ai cần phải bận tâm về những điều đó, vì Luật Nhân Quả luôn luôn canh chừng để lập lại trật tự. Đức Chúa Trời nói: "Hãy để cho Ta trả thù. Hãy để cho Ta phân phát mọi việc, ân đền oán trả"[25]. Chúng ta hãy phó thác mọi việc cho Ngài. Luôn luôn công bằng trả lại; những điều xấu xa một ngày kia sẽ được kiểu chính[26]. Những người nào ngày nay chưa biết lỗi mình, một ngày kia sẽ biết và sẽ hối hận. Không có sự bất công nào tồn tại được. Tất cả mọi sự

đã an bài, sẽ được thực hiện đúng như đã dự định.

Chính Đức Thượng Đế luôn luôn treo gương Bác Ái. Nhiều người nói xấu Ngài; vì không hiểu biết Ngài nên họ đã nhạo báng Ngài. Ngài không hề trả lời, nhưng tình Bác ái thiêng liêng cứ không ngớt tuôn ra. Nếu chúng ta muốn biểu hiện sự sống thiêng liêng, chúng ta phải có một đặc tánh giống như Ngài vậy.

Cái trí của con vui thích với tư tưởng kiêu căng chia rẽ. Nó kiểm thế tự tôn tự đại và xem thường kẻ khác.

C. W. L. Lại ở đây nữa, đừng làm lộn ý muốn của Cái Trí với ý muốn của chúng ta và nên biết rằng chúng ta không phải là Cái Trí. Chúng ta có thói quen hay nói: "Tôi nghĩ thế này hay thế khác", nhưng trong mười lần hết chín lần không phải là chúng ta nghĩ mà chính là Cái Trí vậy. Nhiều người trong chúng ta cố gắng chủ trị và uốn nắn tư tưởng của họ theo kỷ luật, nhưng nếu kiểm điểm lại, chúng ta nhận thấy những tư tưởng đáng gọi thuộc về của ta nghĩa là của Chơn Nhơn thật hiếm hoi biết bao và những tư tưởng thuộc về Hạ Trí thì không biết bao nhiêu nữa.

Hạ Trí bay từ vật này sang vật kia, ghé phớt qua nhiều vấn đề khác nhau, nhưng thường thường nó không chăm lo chu đáo cái nào cả. Thói quen của nó không phải là không xem xét tường tận điều gì, mà nó chỉ lướt qua việc này đến việc khác để có những rung động mới mẻ luôn luôn. Thoáng nhìn lại phía sau, chắc chắn trong khoảng thời gian rất ngắn ngủi ta sẽ thấy rằng Trí ta nhớ đến một dọc chuyện này rồi tới chuyện kia, toàn là vô vị. Chẳng hạn khi đi đường bạn sẽ nhận thấy nếu chính bạn đặc biệt không suy nghĩ gì cả, thì cái gì mà tư tưởng không chịu dừng lại: đó chính là Cái Trí của bạn. Nếu bạn không khép nó vào kỷ luật, nó sẽ duyệt lại hàng loạt ý niệm vô ích đối với bạn, những ý niệm này vị tất đã xấu xa, trừ khi chúng nó vốn riêng tư thuộc về cá nhân ích kỷ. Sự liên tưởng là thói quen của Cái Trí; đôi khi nó chiếm lấy một tư tưởng đẹp nhất của bạn rồi dẫn đến một việc khác xa và rất thô tục. Chúng ta phải can thiệp và đổi hẳn tất cả. Tôi biết rất khó mỗi lúc đều mỗi kiểm soát những sự hoạt động của Cái Trí, nhưng chúng ta phải thực hiện điều đó, vì Cái Trí là một sức mạnh vô cùng và hơn nữa nó là thần lực cao nhất ở gần chúng ta: Nếu ý chí có thể bắt Cái Trí làm một vận hà thì

ít có việc gì mà Cái Trí chúng ta không hoàn thành nổi. Chúng ta có thể hoạch đắc cái sức mạnh phi thường này, dù chúng ta giàu hay nghèo, già hay trẻ, và chúng ta có thể làm cho nó thành một dụng cụ quý báu để phụng sự Đức Thầy, với điều kiện là chúng ta luôn luôn canh chừng nghiêm ngặt cho tới chừng nào Cái Trí tập được những thói quen mới khác. Tư tưởng có thể hoàn thành được nhiều việc, mà những phương tiện khác không thể thành công. Một tư tưởng thương yêu gởi đến cho một người - mà chúng ta biết y cần được giúp đỡ - có thể hữu ích cho y hơn là cho y một số tiền; trọn đời y có thể nhờ ảnh hưởng tốt đẹp đó. Tại cõi Trần này, cái kết quả có thể không nhìn thấy được, nhưng công việc làm của Đức Thầy không phải vì thế mà không thành sự thật.

Tư tưởng hướng về Chơn Sư thường trực ở phía sau Cái Trí: Cái Trí có thể quay về tư tưởng này mỗi khi Chơn Nhơn không thực sự suy nghĩ về điều gì bắt buộc nó phải chú ý; tư tưởng đó phải hết sức rõ rệt. Đối với nhiều người, tư tưởng về Đức Thầy chỉ là một thứ phúc lạc mơ hồ, một sự xuất thần nửa vời, một trạng thái hôn mê về đạo giáo; trong mấy lúc đó họ không thể suy nghĩ thật sự về điều gì cả. Thay vì đắm mình một cách mơ hồ trong một tư tưởng thiếu chính xác, chúng ta nên làm cho việc sùng mộ Đức Thầy của mình thành một hình tư tưởng rõ rệt, chẳng hạn như "Tôi có thể làm gì để phụng sự Ngài? Tôi dùng mãnh lực tư tưởng của tôi vào mục đích gì"? Trong quyển sách này luôn luôn bạn sẽ thấy tác giả nhấn mạnh rằng: Thật ra chúng ta chỉ có một tư tưởng duy nhất, một ý chí duy nhất, một phận sự duy nhất mà thôi. Tư tưởng duy nhất đó là phụng sự Đức Thầy; ý chí duy nhất đó là làm việc cho Ngài; phận sự duy nhất đó là tận tụy với Ngài và vì thương Ngài mà tận tâm với nhân loại. Mặc dù những công việc có tính cách hết sức phức tạp đang chờ đợi chúng ta đi nữa, chúng ta cũng phải đảm đương chúng nó để phụng sự Ngài và nhân loại. Trong trí Đức Thầy chỉ có một tư tưởng duy nhất là: phụng sự; nếu chúng ta muốn hiệp nhất với Ngài, tư tưởng duy nhất đó cũng phải là tư tưởng của chúng ta. Tư tưởng duy nhất ấy bắt buộc chúng ta phải đạt cho được khả năng phụng sự, rồi do đó mới có thể tiến hóa; chẳng phải chúng ta khao khát thành những bậc vĩ nhân, mà vì chúng ta muốn thành khí cụ tốt.

Nhiều người đang mở trí. Nhiều nhà bác học luyện trí để mở rộng sự hiểu biết của họ mà thôi. Đôi khi họ cũng có thể có một ý tưởng phụ thuộc là muốn được danh tiếng lẫy lừng, nó là kết quả của một sự phát minh vĩ đại; nhưng tôi không tin rằng đó là trường hợp của đa số những nhà Khoa học. Thường thường trong thâm tâm họ đều có ý muốn đem những quan niệm đã hoạch đắc để giúp ích cho đời, nhưng trong tinh thần Khoa học, lòng nhiệt

thành muốn hiểu biết đã chiếm hàng đầu. Đó là một môi trường hoạt động tốt đẹp; nhiều tâm hồn cao quý làm việc trong phạm vi này đã giúp cho nhân loại những công việc lớn lao.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta phải tinh luyện Cái Trí của mình để trở nên nhanh nhẹn, linh hoạt và hữu ích. Tại sao thế ? Tại sao người thợ mộc mài cái bào của y? Chẳng phải để cho y có một cái bào sắc bén hơn cái bào của anh thợ mộc khác, nhưng để bào cây cho láng, để làm một việc tốt. Đây mới thật đúng vì lý do nào chúng ta phải tinh luyện Thể Trí. Nhưng hãy luôn luôn nhớ tư tưởng này: "Tôi đang tạo một khí cụ cho công nghiệp của Đức Thầy". Lý tưởng này sẽ ngừa được sự kiêu căng của trí thức, nó giúp chúng ta tránh khỏi nhiều cạm bẫy, vì chắc chắn chúng ta phải sa vào đó, nếu Cái Trí mở mang quá độ.

Khi con bắt buộc nó không quan tâm đến những việc trần được rồi thì nó cũng còn cố gắng gom tất cả về cho bản ngã của con. Nó giục con chú ý đến sự tiến hóa riêng của con, thay vì lo nghĩ đến việc của Chơn Sư và giúp đỡ kẻ khác.

A. B. Trong những bài dạy của Đức Thầy, có lẽ điều làm cho tôi chú ý hơn hết, đó là ý niệm chánh, không thay đổi và luôn luôn được lập đi lập lại về cái ý tưởng duy nhất. Dường như cái ý niệm chánh này chiếu ra sự thuần nhất một cách mạnh mẽ cho đến nỗi người ta cảm thấy rằng Đức Thầy không thể có tư tưởng nào khác nữa và Ngài nhập vào Đấng Duy Nhất đến độ tư tưởng của Ngài không thể tách rời ra khỏi Đấng Duy Nhất hay có thể quên Đấng Duy Nhất, dù Ngài phải lưu ý đến vấn đề gì. Đây cũng là tư tưởng của người đệ tử. Luôn luôn nghĩ đến công nghiệp của Đức Thầy và luôn luôn làm việc cho kẻ khác : ý tưởng duy nhất này phải vượt lên trên tất cả, bằng không thì chính Cái Trí của bạn tưởng chừng như không phải là bạn. Nhưng nếu tư tưởng đó là của bạn, thì tất cả tư tưởng khác đều thuộc về bạn. Giả sử trong lúc tham thiền bạn nghĩ đến một đức tánh nào đó. Bạn tự hỏi, tại sao bạn muốn có nó? Có phải để được người ta khen ngợi hay để tiến dần đến sự Điểm Đạo? Hay trái lại, bạn muốn có nó để trở thành một khí cụ hảo hạng cho công việc của Đức Thầy? Đó là đá thử vàng để giúp bạn biết có phải là Cái Trí suy nghĩ hay là chính bạn suy nghĩ.

Có một phương tiện hữu hiệu là bạn nên chịu một sự thử thách rõ rệt. Giả sử có một chi tiết trong công việc phụng sự Đức Thầy đòi hỏi những đức tánh thấp hơn trong đức tánh đã mở mang (tôi tin rằng trường hợp này có thể xảy ra, dù theo thường lệ sự hữu dụng của một người tùy thuộc vào sự tiến hóa của y). Vậy thay vì dùng tài cao của bạn để hối thúc sự tiến hóa, bạn có bằng lòng gánh vác việc nhỏ mọn đó và cố gắng hoàn thành nó không? Bạn có bằng lòng hạ mình để được hữu dụng nhiều hơn không? Được. Nếu bạn không quên mục đích duy nhất là trợ giúp công việc của Đức Thầy. Công việc này sẽ đưa đến cho chúng ta tất cả những cơ hội có thể tinh luyện các Thể Trí hầu làm sao cho chúng trở nên nhanh nhẹn, linh hoạt và hữu ích. Tuân theo những ý định này thì những sự tiến bộ của chúng ta sẽ không có nguy cơ làm cho chúng ta rơi vào tà thuyết của sự chia rẽ. Dưới thể gian này, chúng ta phải luôn luôn mở mắt ra hầu lợi dụng những cơ hội mà kẻ khác xao lãng, xem thường. Người đệ tử luôn luôn tìm những công việc mà kẻ khác không thực hiện để bổ túc những điều thiếu sót. Một thái độ như thế chứng tỏ rằng sự kiểm soát Cái Trí đã tiến bộ.

C. W. L. Công nghiệp của Đức Thầy phải chiếm hàng đầu trong tư tưởng của chúng ta. Nếu chúng ta nhận thấy một tư tưởng, một lý do hoạt động khác xen vào, thì chính lý do này thuộc về Hạ Trí chứ không phải thuộc về Chơn Nhơn. Sự khác biệt giữa hai thứ tư tưởng này rất quan trọng. Thật ra Cái Trí có tính kiêu căng và chia rẽ. Nó đã xóa bỏ được hết mọi thứ kiêu hãnh đặc biệt của Thể gian ư ? Thì nó lại làm cho chúng ta kiêu hãnh về sự tiến hóa của chúng ta, về sự liên lạc giữa chúng ta với Đấng Chơn Sư cao cả, hoặc sự lợi ích khác tương tự như thế. Khi chúng ta đã vượt qua được những nhược điểm này, Cái Trí cố gắng khiến cho chúng ta kiêu căng vì đã thắng được tánh kiêu căng. Đừng phiền trách tính chất tể nhị đó, nó không có ý nghĩ gì về bạn, nó chỉ tìm những thứ rung động khác lạ cần thiết cho sự tiến hóa của nó mà thôi.

Khi con thiên định, nó cố gắng giục con nghĩ đến những chuyện khác mà nó cần dùng, chứ không cho con nhớ đến chuyện duy nhất con đang lo giải quyết. Con không phải là Cái Trí đó, nhưng nó vốn thuộc về của con để con sử dụng, vậy ở đây sự phân biệt rất cần thiết; con phải giữ chừng luôn luôn, bằng không con sẽ thất bại.

C. W. L. Bên Ấn Độ, người ta cho rằng Cái Trí là Raja hay là chúa tể của giác quan, và trong bản thân ta, chính Cái Trí khó trị hơn cả. Về vấn đề này, chúng ta là người Tây phương, chúng ta ít đồng ý với người Đông phương, vì chúng ta chuyên lo mở Hạ Trí nên sinh ra kiêu hãnh về sự nhanh nhẹn của Cái Trí có thể chuyển từ vấn đề này sang vấn đề khác.

Tuy nhiên nhờ sự cố gắng bền bỉ, bạn có thể bắt buộc Tinh chất (Cái Trí) này phục tùng sức mạnh vĩ đại của tập quán. Bạn có thể kèm nó vào trong ngõ hẹp và làm cho nó hiểu rằng vì bạn là Chơn Nhơn nên bạn không muốn thay đổi ý định; ý định đó gồm vô số nhánh nhóc, vì tất cả đều tuyệt nhiên qui về công việc của Đức Thầy. Chẳng bao lâu Tinh chất kỳ dị và bất kham đó sẽ thấy rằng nó có lợi khi cộng tác với bạn hơn là chống lại, song nó vẫn không hiểu bạn. Sau cùng bạn sẽ làm việc với nó trong sự điều hòa, thuận thảo.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 10

ĐIỀU LÀNH VÀ ĐIỀU DỮ

Khoa pháp môn không hề công nhận sự thỏa thuận giữa việc lành và việc dữ. Dù với bất cứ giá nào con cũng phải làm việc lành; con không nên làm việc ác, để mặc tình kẻ dốt nói hoặc nghĩ thế nào cũng được. Hãy học hỏi cho rộng sâu luật bí ẩn của thiên nhiên; chừng con biết rồi con hãy tổ chức đời sống của con đúng theo những luật đó và luôn luôn con phải sử dụng lý trí và lẽ phải.

A. B. Nếu bạn quan sát một cách chân thành thì bạn sẽ thấy đời sống do những thỏa hiệp mà ra. Con người luôn luôn tránh né điều mà họ biết là việc lành, họ kinh sợ câu hỏi độc hại hơn hết là: "Người ta nói thế nào về việc ấy?" Trong trường hợp nào đó, họ biết rõ cách giải quyết hay hơn hết, nhưng họ đổi nó ra khác hơn một chút, họ làm cho nó mất ý nghĩa rồi lúi lại hầu tránh cho mình những sự khó khăn, phiền phức. Sự dư luận một phần do tánh yếu đuối, nhưng thật ra tánh này cũng dễ mẫn, vì họ muốn làm vui lòng

kẻ khác. Bên Ấn Độ người ta thường có tánh này, nhưng nếu bạn nhất quyết đi trên Đường Đạo thì bạn đừng bao giờ để cho bạn chịu ảnh hưởng liên quan đến những nguyên tắc hay những vấn đề quan trọng như những đại vấn đề Tôn Giáo và xã hội. Ta hãy lấy một thí dụ về sự cưới gã trẻ con. Lắm khi những việc hôn nhân này được thực hiện quá sớm. Biết bao lần tôi phản đối trước công chúng về sự độc ác trong việc bắt một cô gái mới phát triển có phân nửa, làm mẹ, tôi chống lại hành động này bởi nó nguy hại đến sinh lực sống lâu của nòi giống. Nhiều người biết điều tai hại này và công khai nói trắng ra, tuy nhiên họ vẫn phạm vào lỗi đó, vì nếu họ không làm như vậy thì họ sẽ bị thiên hạ phê bình, chỉ trích. Người ta không thể làm một nhà Huyền Bí Học với một thái độ như thế.

Bây giờ chúng ta hãy dẹp qua một bên những vấn đề căn bản hầu hết liên quan đến tương lai của một dân tộc, chúng ta hãy xét đến những vấn đề nhỏ nhặt xảy ra trong đời sống hằng ngày. Ở đây cũng không nên có sự thỏa hiệp nữa, hãy nhất quyết làm điều nào mà bạn tưởng là việc lành và giữ vững ý kiến đó. Tôi biết chắc rằng bạn không thể đạt được lý tưởng ngay tức khắc cũng như người ta không thể nào bước một bước từ chân núi mà lên tới đỉnh núi được. Nhưng nếu bạn nhất định leo lên núi thì phải đi từ bước, mỗi bước đưa bạn lên gần chót núi. Đừng bao giờ hạ lý tưởng của bạn xuống thấp; không có chi tai hại bằng điều này. Theo Kinh *Upanishad* thì: *"Điều thiện là một việc; thú vui là một việc khác nữa; người minh triết chọn điều thiện, bỏ thú vui"*.

Bạn hãy làm thử những việc nhỏ mọn mà lương tâm của bạn cho là việc phải, việc lành. Bạn không phải chịu trách nhiệm về điều gì mà lương tâm nói với kẻ khác, hoặc là cách họ tuân theo nó, nhưng bạn phải chịu trách nhiệm về cách của bạn tuân theo lương tâm với bất cứ giá nào. Cái giá đó bạn nên hiểu rõ, nó chỉ bề ngoài. Bạn không thể mất mát điều gì cả khi mà bạn thực hiện những điều mà bạn xét ra là điều lành, điều phải. Lẽ tất nhiên, bạn phải cẩn thận để tránh việc đồng hóa những tánh bất thường, những thành kiến, những thị hiếu, những sở thích của bạn với điều thiện. Về phương diện này, Đức Thầy có đưa ra ở đây những lời cảnh cáo như sau: "Con hãy học hỏi cho rộng sâu những luật bí ẩn của thiên nhiên. Trước hết, con hãy tìm kiếm điều thiện, rồi thì sống theo những sự hiểu biết của con".

Cuối đoạn đó, Đức Thầy còn thêm lời khuyên quan trọng này "... con phải luôn luôn sử dụng lý trí và lẽ phải". Luôn luôn bạn nên quan tâm đến tình cảm của kẻ khác, nhưng đừng bao giờ để cho nó xen vào giữa bạn và những gì bạn biết là tốt lành. Nếu bạn phải chọn lựa giữa sự làm méch lòng

kẻ khác và việc lừa dối lương tâm của mình, thì bạn hãy chọn việc thứ nhất. Trong sự giao thiệp với người đời, nhà Huyền Bí Học luôn luôn phân biệt con người thật (Chơn Nhơn) với thành kiến của các thể khác với nó. Y không làm hại một người nào, nhưng y thích đụng chạm với những thành kiến của họ hơn là làm ác. Tuy nhiên y sẽ không đụng chạm đến những thành kiến đó, nếu không cần thiết. Nhưng nếu bị bắt buộc, y cũng biết rằng thật ra người đó được giúp đỡ, chứ chẳng bị thiệt hại gì và chính y là khí cụ được dùng để phá vỡ một sự hạn chế; sự hạn chế này là một chương ngại cho người đó. Dù trong trường hợp ấy, y vẫn hành động một cách êm ái, dịu dàng và vị nể. Thường thường người ta cho điều đó là gay go, bất tiện. Nhưng rất khó mà hoàn thành một việc trong sự yên tĩnh và ánh sáng của lẽ phải; sự cảm xúc mạnh mẽ giúp cho sự thành công được dễ dàng. Sự cảm xúc dù tốt hay xấu cũng truyền đạt một sự kích thích lôi cuốn con người hoạt động mà không cần cố gắng nữa. Nếu bạn muốn trở nên một nhà Huyền Bí Học thì đừng để bị kích động như người thường. Bạn phải mở mang lý trí lẫn sự phân biện và trong sự cố gắng đó, bạn bắt đầu biểu hiện Bồ Đề Tâm một cách vô ý thức.

C. W. L. Con người thường có lắm thành kiến và họ lại đồng hóa chúng với điều thiện. Mỗi người đều được đào luyện một cách riêng biệt, họ không ngờ vực những điều họ đã học hỏi nên họ tưởng rằng những người không theo phương pháp riêng của họ đều lầm lẫn, nhất là phương pháp đó được đa số người noi theo. Thường thường những thành kiến của quần chúng rất phi lý. Vậy chúng ta không nên để chúng nó ảnh hưởng đến mình trong vấn đề thiện ác. Tôi không nói rằng trong thành kiến của quần chúng thường không có vài yếu tố hữu lý, nếu ta xét kỹ, nhưng chắc yếu tố đó không phải lý lẽ của quần chúng trưng ra mà là một lý lẽ khác. Mạnh Chân lý đó thường bị biến dạng, bị áp dụng sai vì bởi bị lớp màn dày đặc của sự lầm lạc bao bọc nó.

Nhà Huyền Bí Học không bao giờ để bị bắt buộc làm việc sai quấy vì sợ đụng chạm với những thành kiến của kẻ khác; trái lại, y cũng không hề công kích chúng nó một cách vô ích. Lý trí và lẽ phải luôn luôn được sử dụng để xét đoán. Một công việc yêu cầu bạn cố gắng, vì bạn biết rằng nó hữu ích và quan trọng. Tốt lắm, nhưng đừng vào thẳng vấn đề như con bò lao mình vào hàng rào. Có thể con bò chạy thoát ra khỏi, nhưng không phải là không có sự thiệt hại cho nó và cho hàng rào. Trong mọi hành động của chúng ta, chúng ta phải giữ thái độ bình tĩnh và hợp lý. Nếu chúng ta xúc động và nóng giận,

thì chúng ta sẽ làm cho một lượn sóng cảm xúc nổi dậy, nó gây trở ngại cho chúng ta. Rất khó mà hành động một cách dịu dàng và bình tĩnh, không tỏ ra thù địch đối phương, song đó hiển nhiên là cách xử sự tốt đẹp.

Đừng dễ dễ bị kích thích như nhiều người khác. Họ không chịu nổi điều này hay điều khác; họ không chịu hiểu và không muốn nhọc công tìm hiểu; họ xông tới và cũng không nghĩ rằng họ có thể làm được. Nhưng chúng ta phải nghĩ đến kẻ khác, phải quan tâm đến tình cảm của họ và sau cùng chúng ta có thể chấp nhận rằng trong một trường hợp đặc biệt, họ có lý, còn chúng ta sai quấy, lỗi lầm.

Phải phân biệt việc trọng hệ với việc không trọng hệ. Đối với việc lành và việc dữ thì lòng con phải cứng cỏi như sắt đá, còn những việc ít trọng hệ thì khá nhân nhượng cho kẻ khác luôn luôn. Bởi vì bao giờ con cũng phải ở cho tử tế, dễ thương, biết điều, hòa nhã và để cho thiên hạ có quyền tự do bằng quyền tự do mà con yêu cầu cho con vậy.

A. B. Đây là đoạn văn rất dịu dàng và thật đẹp. Nó làm quân bình đoạn văn trước, vì nếu tách biệt riêng ra, đoạn trên có hơi cứng rắn. Vậy những điều mà người ta thường tha thiết nhất, chính là những điều không quan trọng gì, nhà Huyền Bí Học thường không làm nghịch với họ, không cản trở họ. Đối với y, điều quan trọng là một công việc nào đó phải hoàn thành. Ý chú định ý chí của mình vào mục đích chính mà chỉ có nó mới được xem là quan trọng, ngoài ra cái gì còn lại, y để cho mọi người được tự do. vì y hòa nhã, dễ dãi với mấy điều đó, nên người ta cho rằng y là người dễ tử khả ái. Dần dần y dắt họ đến chỗ trọng hệ dễ dàng mà họ không mấy ngờ vực điều đó. Người đời cho đức tánh ấy là sự khéo léo, lịch thiệp, còn nhà Huyền Bí Học gọi là Đức Phân Biện.

Người cuồng tín không biết đức tánh này nên y thất bại mãi, trong khi nhà Huyền Bí Học lại luôn luôn thành công. Vì không phân biệt được việc nào trọng hệ với việc nào không trọng hệ nên người cuồng tín không chịu nhân nhượng ngay cả những việc không ra gì. Y làm cho những kẻ đối thoại với y bức tức nên họ không chịu theo y tuy rằng y có lý và mặc dù mục tiêu chính của y thực sự là quan trọng. Nếu bạn khéo léo, họ có thể ngoan ngoãn theo bạn cũng như con mèo ngoan ngoãn. Bữa kia tôi quan sát một sự kiện nhỏ này.

Một người đàn ông cố gắng kéo con bò đi tới, tự nhiên con vật quỳ bốn chân xuống đất, giông đuôi lên và hết sức trì lại. Nếu người này khôn ngoan, y thôi kéo; con vật cũng không còn trì lại, rồi y vuốt ve nó và nói vài câu khích lệ nó, y sẽ làm cho nó ngoan ngoãn theo y. Đây là một bài học quý báu cần phải lãnh hội. Nếu những kẻ khác không chịu làm theo như ý bạn, thì bạn hãy tìm nguyên nhân ở nơi bạn. Thường thường bạn sẽ nhận thấy rằng chính thái độ của bạn làm cho kẻ khác nghịch với bạn. Cách tôi hành động như vậy. Trong chỗ kia, những hành động của tôi đưa đến những sự đụng chạm, những sự xích mích và những sự khó khăn, tôi thông thả suy nghĩ về điều đó để khám phá ra vì đâu tôi đã gây ra lý sự, rồi tôi cố gắng tìm một phương pháp khác. Phương pháp này có hiệu quả hơn là bắt kẻ khác đi theo con đường của bạn. Chắc là bạn có thể ép buộc họ đến một mức độ nào đó, nhưng theo nguyên tắc thì làm như thế không tốt và trên thực tế sự chống đối và khó khăn sẽ vì đó mà sinh ra. Điều này chứng tỏ thiếu hẳn đức tính của nhà lãnh đạo, một năng lực, mà Đức Thầy muốn chúng ta phải có trong tương lai. Các Ngài mong mỗi chúng ta biết cách dìu dắt kẻ khác, chớ không phải dùng sức mạnh lôi kéo họ.

C. W. L. Trong khoảng bảy trăm năm nữa, nhiều người trong chúng ta sẽ có dịp hoạt động cho sự phát triển của Giống Dân Chính Thứ Sáu. Trong khi chờ đợi, chúng ta có nhiều việc phải làm để chuẩn bị cho nhân loại đón tiếp Đức Chương Giáo lâm phạm. Khi Ngài đến, vài người trong chúng ta còn sống và chúng ta sẽ làm việc dưới sự chỉ huy của Ngài. Do đó, chúng ta phải có những đức tánh của nhà lãnh đạo, mà trước hết thì nhà lãnh đạo cần phải khéo léo.

Nhà Huyền Bí Học không hề bỏ dở một nhiệm vụ quan trọng nào, luôn luôn chung cuộc y sẽ thành công, mặc dù y có thể thất bại hay tạm thời rút lui. Cuộc cách mạng Pháp cho chúng ta một bằng chứng. Những người chủ trương giải phóng cho nước Pháp không thể kiềm chế nổi cuồng vọng của nhân dân; sự tàn sát và tội ác tràn lan. Ngôi sao lặn trong máu huyết một thời gian. Bạn đừng tưởng rằng các Đấng Cao Cả tán đồng những hành vi phi lý, sự hăng say tàn sát, sự đê tiện và độc ác không thể tả, sự phản bội, sự khủng bố, tóm lại là tất cả những sự ghê tởm cùng tột trong một thời kỳ khủng khiếp này. Quyền hành lọt vào tay một đám dân đen quá điên tiết bởi sự chuyên chế, áp bức đê tiện và họ tỏ ra thấp kém hơn loài thú vật. Bạn đừng bao giờ tưởng tượng rằng các Ngài đang làm việc cho nền văn minh lại tán thành sự tàn ác lạ thường đó. Tuy nhiên, về sau, các Ngài thành công do một

phương sách khác. Ngày nay nước Pháp và nhiều nước khác đều có được sự hoàn toàn tự do nhờ dân tộc của họ đã tranh đấu. Tất cả những cuộc cải cách vĩ đại do các Ngài khởi xướng, tất cả những công nghiệp khác do các Ngài đảm trách đều diễn tiến như thế. Dù sự thắng lợi không luôn luôn đến tức khắc, nhưng sau cùng tất cả đều hoàn thành.

Chính chúng ta phải thực hiện điều này; đừng bao giờ tự cho mình đã thất bại và lúc nào cũng cứ thi hành bốn phận. Nhưng muốn có kết quả tốt, chúng ta phải đạt được nghệ thuật giúp đỡ kẻ khác một cách khéo léo. Nhiều người thật ưu tú, muốn sai khiến thiên hạ một cách nghiêm khắc, nhưng đó không phải là phương sách hay. Phải chỉ cho kẻ khác biết hạnh phúc, sự vui vẻ, sự vinh quang của tương lai của nhân loại và công nghiệp mà các Đức Thầy thực hiện; như thế, họ sẽ theo chúng ta. Nếu bạn không thỏa thuận với vài người thì bạn hãy tìm kiếm lỗi của bạn. Bạn đừng bận tâm về những khuyết điểm của họ, dù chúng có nhiều đi nữa, mà bạn hãy tìm nơi bạn điều gì ngăn cản không cho bạn phù hợp với họ. Xem xét kỹ lưỡng có lẽ bạn sẽ khám phá ra vài điểm nào đó.

Hãy tìm kiếm coi việc nào đáng làm và con phải nhớ rằng không nên xét đoán những sự việc theo giá trị bề ngoài của chúng. Thà làm một việc nhỏ mọn mà hữu ích liền cho công việc của Chơn Sư còn hay hơn làm một công việc lớn lao mà thế gian gọi là tốt. Chẳng phải phân biệt cái nào hữu ích với cái nào vô ích là đủ, mà còn phải biết điều nào hữu ích nhiều với điều nào hữu ích ít.

A. B. Như tôi đã nói, những việc nào thực sự đáng làm thường ít ai lo. Người ta lại chú ý đến những việc không ra gì. Vậy người đệ tử có bốn phận tập phân biện để khỏi mất thì giờ khi muốn làm tất cả những việc vô ích, chúng chiếm hết thì giờ của người thế gian.

Bây giờ đến một điểm tế nhị hơn: đừng xét đoán một việc theo tính cách trọng đại của nó. Về phương diện nhân sinh, những hành vi của nhà chính trị, có thể rất vĩ đại, nhưng theo quan điểm Đức Thầy, chúng chẳng quan trọng gì, mà chỉ là hạt bụi trên bánh xe. Một việc nhỏ mọn kia do một kẻ vô danh thực hiện có thể vô cùng vĩ đại hơn, nếu nó hoàn thành phù hợp với công việc của Đức Thầy.

Rồi đến sự phân biệt còn tế nhị hơn nữa: là mức độ hữu ích. Bạn không thể làm tất cả công việc, bạn phải hoàn thành việc nào mà theo ý bạn nó giúp ích Đức Thầy của bạn nhiều hơn hết. Những gì giúp ích nhân loại là phụng sự Đức Thầy, nhưng thì giờ và năng lực của bạn có hạn, khi bạn có quyền lựa chọn thì hãy chọn việc hữu ích nhiều hơn cả. Đức Thầy đã đưa ra một gương kiêu mẫu khi Ngài nói về sự nuôi dưỡng Linh Hồn của con người hơn là nuôi dưỡng thân xác. Giúp đỡ Linh Hồn tức là bạn diệt tận gốc rễ của mọi đau khổ ở trần gian, vì nguồn gốc của chúng nó là sự vô minh và ích kỷ.

Nuôi kẻ nghèo là một việc tốt đẹp, cao quý và hữu ích. Nhưng mà nuôi linh hồn những người đó lại còn cao quý và hữu ích hơn nữa. Người nào giàu cũng nuôi xác thân được cả, duy có người hiểu biết mới nuôi được linh hồn mà thôi.

C. W. L. Đôi khi người ta trách Hội Thông Thiên Học không lo những công việc phước thiện, nhân đạo, như việc phát thực phẩm và quần áo cho người nghèo. Vài Chi Bộ của chúng ta đã hoạt động nhiều về mặt này, nhưng đó không phải là công việc chánh của họ. Người giàu có và nhân từ nào cũng có thể bố thí, nhưng nhiều việc chỉ có người hiểu biết mới làm được mà thôi. Có lẽ người ta sẽ cho rằng chúng ta không được khiêm tốn khi tự cho mình là "những người hiểu biết", nhưng thật ra chúng ta không hề tự hào về việc đó. Người ta cũng dễ thấy một nhóm người trung hậu, nhân từ không thaønh hề biết đến Thông Thiên Học, song trình độ trí thức của họ cao hơn phần đông chúng ta rất xa. Sở dĩ chúng ta đã nghiên cứu những vấn đề này vì nhân quả đặt đề như thế; chúng ta biết nhiều hơn họ vì họ không tham cứu chúng nó sâu xa. Nhiều người rất thông minh, có linh tính sùng đạo, nếu họ biết cách điều khiển tinh lực như chúng ta, họ sẽ tiến bộ nhanh chóng. Rồi có lẽ họ sẽ tiến hơn chúng ta; riêng về phần chúng ta, chúng ta sẽ hoan nghinh họ, chúng ta vui mừng vì sự tiến bộ của họ, bởi vì trên Đường Đạo không hề có sự ganh tị và mỗi người đều tán thưởng sự tiến bộ của bạn mình.

Trong khi chờ đợi, những sự hiểu biết về Thông Thiên Học là một tài năng lớn lao để cho chúng ta biểu dương. Nếu chúng ta không truyền bá những

kiến thức đó cho kẻ khác được hiểu biết, chúng ta giữ riêng để thụ hưởng tất cả; như việc giải thoát những nỗi lo lắng, khổ đau, hiểu biết những vấn đề khó khăn, thì chúng ta lại bắt chước người đàn ông trong Thánh Kinh Cơ Đốc, y vùi lấp tài năng y. Nhưng nếu chúng ta hết sức ban rải ánh sáng mà chúng ta đã thụ lãnh và giúp đỡ mọi người bằng tất cả những phương tiện, như thế ít ra chúng ta mới chứng tỏ được tài năng của mình. "Người hiểu biết" có thể lấy sự hiểu biết của y để nuôi dưỡng Linh Hồn của những kẻ nghèo cũng như những kẻ giàu: đó là công việc thực tế, như việc nuôi dưỡng xác thân trên phương diện vật chất vậy. Đây là nguyên nhân của tất cả những sự khốn cùng, đau khổ trên Thế gian này? Chính là sự vô minh và ích kỷ vậy. Nếu chúng ta chống lại sự vô minh và tánh ích kỷ bằng cách trình bày cho kẻ khác hiểu biết những luật của đời sống và chỉ cho họ thấy tại sao họ cần phải vị tha, thì chúng ta đã làm nhiều lắm rồi, đáng bảo đảm sự tiện nghi và hạnh phúc cho con người trên cõi Thế gian này, dù cho trên phương diện vật chất, chúng ta không thể làm được việc đó, bằng cách phân phát lương thực cho họ. Không ai lại nghĩ rằng điều đó chẳng phải một việc tốt đẹp, cần thiết và không nên làm. Những nhu cầu hiện nay đòi hỏi những sự cố gắng của chúng ta, nhưng mà sự tiêu hủy hết nguyên nhân của mọi sự đau khổ còn là một công việc lớn lao hơn nữa. Chúng ta phải làm những gì mà những người chỉ giúp đồng bào họ tại cõi Trần không thể làm được.

Ở mọi thời kỳ mà sự minh triết và sự hiểu biết có những tiếng nói về vấn đề này, thì những người hiểu biết được miễn làm những nhiệm vụ khác để có thời giờ truyền giáo. Nếu bạn có đọc về những Công Vụ của các sứ đồ Thiên Chúa giáo bạn sẽ thấy rằng trong nhà thờ Thiên Chúa giáo thuở xưa, tài sản đều là cộng đồng (của chung) và trong lúc phân phối lương thực mà gặp điều khó khăn, thì các tín đồ thường xin các nhà truyền giáo giải quyết những cuộc tranh tụng và chia phần ăn cho họ. Những vị sứ đồ trả lời rằng: "Chẳng lẽ chúng tôi bỏ lời Chúa để dọn bàn" [27], rồi các Ngài nói với các vị Cơ Đốc khác nên chỉ định trong nhóm những kẻ đảm nhiệm công việc đó và sự quyết định của họ sẽ là qui luật, chớ không nên mong chờ ở những nhà sứ đồ việc lo lắng về phương diện hoàn toàn vật chất của đời sống vì sự mạng của các Ngài là trình bày giáo lý. Lo lắng về mặt vật chất không phải là điều nên xao lãng, nhưng mà những kẻ hữu trách có biệt tài phải được chỉ định về công việc đó, vì họ không thể dạy dỗ được.

A. B. Vì là Hội viên Thông Thiên Học, chúng ta có những sự hiểu biết mà người ngoài đời không có. Vậy sự truyền bá Thông Thiên học là bổn phận

duy nhất của chúng ta. Những người trong chúng ta chưa sẵn sàng làm nhiệm vụ đó như diễn thuyết, viết sách vở hoặc truyền bá giáo lý bằng những cách nào khác, thì trong khi chuẩn bị nên làm những công việc thuộc loại khác. Đối với những người không thể truyền giáo, tôi có lập một ban Phụng Sự. Người tân Hội viên nào cũng có thể hoạt động trong đó, chỉ có một điều cấm kỵ đối với Hội viên là sự ăn không ngồi rồi. Mọi người đều phải tích cực tham gia vào công việc của Đức Thầy.

C. W. L. Người ta không thể tưởng tượng được có bao nhiêu người đã đến hay là đi đến gần tới mức mà họ có thể tiến bộ một cách nhanh chóng, nếu có thể giải điều đó cho họ hiểu. Tôi để ý thấy điều đó, trước hết là trong giới trẻ em, vì tôi đặc biệt chăm nom họ. Tôi thấy hầu hết trong mọi xứ nhiều bạn thanh niên nam nữ có thể tiến bộ khả quan về Thông Thiên Học nếu người ta giảng giải rành rẽ giáo lý cho họ hiểu. Nhưng vì không phải là trường hợp đó, họ đem hết sức mình lo lắng cho những sự hoạt động ngoài đời và trở những người thật nhân từ, dũng cảm thường tình. Họ có thể tiếp tục như thế trong hai, ba mươi kiếp hoặc hơn nữa, mặc dù họ có thể học hỏi giáo lý Thông Thiên Học và có thiện cảm với nó nếu giáo lý này được trình bày cho họ một cách rành rẽ. Đó là sự biểu hiện cái trách nhiệm nặng nề của những người đã hiểu biết giáo lý Thông Thiên Học. Vậy chúng ta phải có khả năng và chuẩn bị để truyền bá Thông Thiên Học, mỗi khi có cơ hội thuận tiện đưa đến. Nhiều người có thể bắt đầu mở mang sự học hỏi Thông Thiên Học ngay bây giờ cũng như trong hai mươi kiếp tới. Đánh rằng, đó cũng là vấn đề Nhân Quả của họ, nhưng chính Nhân quả của chúng ta là tạo ra một cơ hội để trình bày giáo lý Thông Thiên Học cho họ, còn họ có chấp nhận hay không là việc riêng của họ. Ngày nào mà chúng ta chưa làm hết sức mình thì ngày đó chúng ta không thể biết được Nhân Quả của họ có cho phép họ được trợ giúp hay không.

Nếu con hiểu biết rồi, thì bổn phận của con là phải giúp kẻ khác giác ngộ. Nhưng dù con có khôn ngoan thế mấy đi nữa, con cũng còn nhiều điều phải học hỏi trên Đường Đạo. Ở đây cũng còn thiếu chi điều con phải học hỏi. Vậy con hãy phân biện và chọn lựa thật kỹ càng cái nào đáng ra công học hỏi. Sự hiểu biết nào cũng hữu ích và một ngày kia con sẽ hiểu biết tất cả. Mà khi nào con biết được có một phần thì con phải giữ gìn sao cho phần đó hữu ích hơn hết. Đức Thượng Đế vốn mình

triết và Ngài cũng rất từ bi; hễ con được minh triết nhiều chừng nào thì do con, Ngài càng dễ biểu hiện nhiều chứng nấy. Vậy thì con phải học hỏi, nhưng trước hết con nên học hỏi điều nào giúp con hữu ích cho thiên hạ nhiều hơn hết.

C. W. L. Ở đây Đức Thầy khuyên nên học hỏi, nhưng Ngài nói với đệ tử Ngài phải biết chọn lựa điều nào giúp mình đứng mình giúp đỡ lại kẻ khác. Tôi tưởng lời khuyên này có nghĩa là trước nhất phải cố gắng hiểu Thông Thiên Học cho thấu đáo, ngoài ra còn phải có kiến thức và giáo dục hiện đại của con người trí thức. Tôi biết trong Hội Thông Thiên Học có nhiều Hội viên không có học thức vì nhiều lý do khác nhau, nhưng họ rất đúng đắn và rất tận tâm. Họ nói rằng: "Tại sao chúng ta phải chịu những sự phiền toái của giáo dục? Chúng ta muốn đi đến chỗ thâm sâu của Chân lý này và trình bày rành rẽ chúng nó ". Đúng thế, nhưng mà những người thiếu giáo dục chắc chắn sẽ trình bày giáo lý ấy dưới một hình thức không phù hợp với những người có giáo dục và có kiến thức về văn hóa, nên làm cho họ đang ra xa chúng ta và tránh xa chúng ta. Tôi nghe nói rằng một người có trực giác đứng trước một vấn đề trình bày vụng về, y sẽ vượt qua hình thức để nhận lấy Chân lý ẩn tàng bên trong. Nhưng rủi thay! Không phải mọi người đều có trực giác và chúng ta không có quyền nhượng bộ tánh lười biếng của chúng ta để tạo thêm một chướng ngại cho người nào có thể ưa thích vấn đề đó: chúng ta có bốn phận phải trình bày Chân lý hết sức rành mạch.

Con phải kiên tâm chăm chú vào sự học hỏi của con, không phải để cho kẻ khác tưởng là con khôn ngoan, mà cũng không phải cốt để hưởng hạnh phúc của sự khôn ngoan, nhưng chỉ vì người khôn ngoan mới có thể giúp đời một cách khôn khéo. Dù con có chí lớn muốn giúp đỡ thế mấy đi nữa, nếu con dốt nát thì chắc là con làm hại đời nhiều hơn là làm lợi.

A. B. Đó là lời khuyên bảo đặc biệt đối với các Hội viên còn trẻ của chúng ta. Tôi thường gặp nhiều học sinh Trung Học trẻ tuổi khi tiếp thu được tinh thần mới thì tỏ ra tha thiết muốn giúp đời và lắm khi muốn thôi học. Họ hỏi: "Sự học này có ích gì cho chúng tôi? Trong những trường hợp như thế tôi

luôn luôn cho lời khuyên này: "Em nên tiếp tục học hành, và thành một người trí thức. Có thể trong những môn học của em có nhiều thứ không quan trọng mấy, nhưng sự đào luyện trí tuệ là công việc cực kỳ quan trọng. Đó là điều lợi ích của việc học hành của em, nó sẽ làm cho Cái Trí em biết suy luận hợp lý và xác đáng. Nếu em không tự khép mình vào kỷ luật tinh thần đó, sau này công việc của em sẽ bị trở ngại ".

Chỉ biết giáo lý Thông Thiên Học thôi thì chưa đủ đâu. Nếu bạn muốn giúp người khác hiểu biết, bạn phải rèn luyện trí tuệ để có thể trình bày những Chân lý đó một cách đúng đắn. Cách trình bày vấn đề của một người phản ảnh ngay sự thiếu giáo dục của y. Trong những môn của tôi học hỏi trước kia, chỉ có môn khoa học làm cho tôi đẹp ý hơn hết. Trước hết nó đã giúp tôi trình bày mọi vấn đề một cách có mạch lạc và hợp lý khiến cho những thánh giả có học thức và có giáo dục chịu nghe tôi. Kế đó nó đã cung cấp cho tôi nhiều tỷ dụ làm cho thánh giả có cảm tưởng tốt, bởi vì chúng được trích ra từ những đề tài rất dễ tìm bằng chứng.

Những bậc niên trưởng trong chúng ta có thể giúp rất nhiều các bạn trẻ tiếp xúc với Ngài; tránh việc làm nguội lạnh lòng nhiệt thành của họ, các Ngài giải thích một cách khôn khéo và tử tế sự quan trọng của việc đạt cho được cái điều Thế gian gọi là sự giáo dục. Khi hoạch đắc được những Chân lý cao siêu thì người ta có hơi xem thường những sự học hỏi ở bậc thấp này. Vì vậy cho nên Đức Thầy mới nói với người đệ tử trẻ tuổi và việc mở mang trí thức còn lâu lắm mới được hoàn toàn như sau: "Con phải kiên tâm chăm chú vào sự học hỏi của con ".

C. W. L. Lịch sử đã chứng thật cả trăm lần rằng lời khuyên này là đúng. Nhiều người tử tế, có rất nhiều hảo ý lại phạm những lỗi lầm rất đau thương, khiến cho hành vi của họ, dù cho lý do nào, cũng gây ra những tai hại nhiều hơn một sự tấn công ở bên ngoài. Công việc của Thông Thiên Học lắm khi bị tổn thương vì những sự trình bày sai lạc và cầu thả. Chúng ta không muốn cho thiên hạ nói xấu Thông Thiên Học vì những lỗi lầm hoặc những khuyết điểm riêng của chúng ta. Nếu người ta giao cho bạn một công việc nào của Hội mà bạn tỏ ra bất tài, làm không xong thì hãy làm lại và cố gắng hoàn thành công việc ấy. Người ta bảo bạn đọc một bài chẳng, nếu bạn tỏ ra bất lực, thì hãy tập đọc cho suôn sẻ. Nếu bạn không biết viết một bài diễn văn thì chẳng bao lâu bạn sẽ thành công khi bạn có đầy đủ kiến thức và chịu khó sắp

đặt đề tài. Trong mọi trường hợp bạn cũng nên chọn một công việc và cố gắng làm cho xong xuôi. Vì là nhà Thông Thiên Học, chúng ta có bốn phận phải biết văn phạm và biết cách nói cho đúng mẹo luật, như vậy chúng ta mới có thể trình bày Chân lý này một cách hấp dẫn cho những người mà chúng ta muốn giúp đỡ. Tất cả những Chân lý dù là Chân lý cao siêu nhất, cũng có thể bị lu mờ bởi một lối trình bày vụng về và sai lệch. Về phương diện này, chúng ta có bốn phận phải làm hết sức mình. Sự giáo dục rất cần thiết cho chúng ta nếu chúng ta muốn trình bày những Chân lý này đúng với bản tính của chúng.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 11

PHẢI TUYỆT ĐỐI CHÂN THẬT

Phải biết phân biệt điều chơn với điều giả, phải tập sao cho hết sức đúng đắn trong tư tưởng, trong lời nói và trong việc làm.

A. B. Chúng ta có thể tự hỏi, nếu chúng ta không noi theo tư tưởng của Đức Thầy, cũng như lời nói của Ngài, thì tại sao ở đây lại có lời khuyên bảo này. Sự phân biệt giữa điều chơn và điều giả chẳng phải đến đầu tiên hay sao? Nếu Đức Thầy chỉ đề cập đến điều đó ở đây mà thôi là chính vì việc đạt được sự ngay thật hoàn toàn rất khó. Ngài nói phải tuyệt đối ngay thật và rất khó mà ngay thật hoàn toàn trong tư tưởng, trong lời nói và trong việc làm. Như bạn đã chú ý đến điều này, chính là tư tưởng được kể trước nhất; theo thứ tự Huyền Bí Học, thì tư tưởng đứng đầu, rồi mới đến lời nói và việc làm. Đức Thế Tôn, Đức Phật của chúng ta cũng theo thứ tự đó, khi Ngài nói: Chánh tư duy, chánh ngữ và chánh nghiệp.

Trước nhất là trong tư tưởng. Việc này không phải dễ, vì trong đời có biết bao nhiêu tư tưởng lầm lạc, có biết bao nhiêu sự dị đoan phi lý, hễ người nào để cho chúng chi phối thì không bao giờ tiến bộ được.

C. W. L. Chúng ta tưởng rằng trong Thông Thiên Học; chúng ta đã xóa bỏ hẳn được sự dị đoan. Tôi không dám chắc là luôn luôn đúng như thế. Tôi thấy hình như một sự dị đoan về Thông Thiên Học vẫn có thể phát sinh. Ai tin một điều nào đó "bởi vì nó ở trong Thánh Kinh Cơ Đốc (Bible)" chắc chắn là y mê tín, vì sự tin tưởng của y không có một nền tảng thích đáng. Mà khi nói rằng: "Chính Bà Blavatsky đã nói như thế" hoặc "Cái đó có ghi trong Bộ Giáo Lý Bí Truyền", thì cũng không thoát khỏi sự mê tín. Nhưng có một sự khác biệt, bởi vì chúng ta có nhiều bằng cớ về sự hiểu biết của Bà Blavatsky do Bà thốt ra hơn là sự hiểu biết của Thánh Paul hoặc những tác giả xưa chẳng hạn. Nhưng đây không phải là vấn đề do Bà Blavatsky nói hay do Ông Saint Jacque hoặc Ông Saint Pierre nói. Chúng ta phải hiểu một tư tưởng, rồi tự đồng hóa với nó, vươn lên tới nó và để cho nó nảy nở trong lòng chúng ta. Ngày nào chúng ta còn đọc suôn như con kút, thì ngày đó những ý niệm này là những sự dị đoan vậy. Tin tưởng vào một Chân lý có thể là một sự dị đoan, nếu sự tin tưởng đó không có một nền tảng đúng đắn cũng như căn cứ vào lời quả quyết của tác giả này hay tác giả nọ. Khi ý niệm đã thấm nhuần trong tâm trí của chúng ta rồi, chúng ta có thể nói được rằng: "Nó là thành phần của tôi; nó thuộc về tôi; tôi biết tại sao tôi tin; do đó sự tin tưởng của tôi sáng suốt chứ không phải là điều dị đoan". Tôi e rằng, có nhiều sự tin tưởng không khôn ngoan về Chân lý trong nhiều trường hợp.

A. B. Rất khó cho con người thoát hẳn sự dị đoan và không còn lấy sự phụ thuộc làm điều chính yếu nữa (như thế cũng là sự dị đoan). Trước khi được Điểm Đạo lần thứ Nhứt, con người chưa ắt bỏ được hẳn thói dị đoan. Điều này chứng tỏ rằng sự dị đoan là một ý kiến sâu xa và tế nhị đã thấm nhuần trọn vẹn bản tánh con người. Đức Thầy nói: "Ai để cho thói dị đoan chi phối thì không thể tiến hoá được". Lời tuyên bố thật rõ ràng, nhưng chúng ta hãy lưu ý đến chữ "chi phối". Đức Thầy không nói một người dị đoan ít hoặc nhiều không thể tiến hóa được, mà Ngài nói kẻ nào bị sự dị đoan chi phối mới không thể tiến hóa được. Không có chi lôi kéo con người lại đằng sau như thói dị đoan. Chúng ta biết có lắm người tử tế, mộ đạo, nhơn từ, sống một cuộc đời gương mẫu cho sự tốt lành và đúng đắn thậm trọng nhưng họ lại là những người mê tín. Họ chỉ cho những lễ bái, những nghi thức cùng cách hành động của họ là quan trọng, trong khi tất cả các thứ này không có gì là thiết yếu cả.

Ta hãy lấy việc làm nhằm trợ giúp những người quá vãng làm thí dụ. Những người Công Giáo La Mã làm lễ cầu hồn; cũng ý nghĩa đó, người Ấn Độ lại làm lễ Shraddha; mục đích của cả hai là muốn giúp người quá vãng. Hai cách hành lễ đều công hiệu dù dưới hình thức rất khác nhau. Tuy nhiên, người Ấn Độ cũng như người Công Giáo, nếu bị lệ thuộc những hình thức này thì họ sẽ là người mê tín dị đoan. Ý muốn tốt đẹp và sự trang nghiêm cùng lòng thương mến người quá vãng mà cả hai biểu lộ trong việc hành lễ, đó là điều qui định cái kết quả. Ý muốn tốt đẹp là căn bản, nhưng tình cách đặc biệt của hình thức bên ngoài là điều phụ thuộc, hình thức phản ánh ý muốn bên trong có tính cách địa phương và không quan hệ gì. Hình thức bên ngoài tùy thuộc sinh quán của bạn, bởi vì bạn sinh vào một Tôn giáo nào, một chủng tộc nào hay một nơi đặc biệt nào đó. Bạn phải thoát ra khỏi tất cả những sự mê tín trong các nghi thức, trong các việc lễ bái, cũng như trong sự công hiệu của những hình thức thuần túy bên ngoài. Trong một thời gian rất lâu, sự tín ngưỡng đó đã tỏ ra rất quan trọng và có ích lợi thiết thực. Chỉ có nó mới diệt trừ được sự uể oải, tính cầu thả và lãnh đạm ở con người thôi. Những hình thức bên ngoài này chỉ là những chiếc nạng cần thiết cho những người còn chưa bước đi một mình được. Khi bạn có thể không cần những nạng này nữa, thì bạn hãy dẹp chúng nó qua một bên.

Bởi vậy con chớ cho một ý kiến nào là đúng đắn chỉ vì nhiều người đã cho nó là đúng đắn hay là tại thiên hạ đã xét đoán nó trong nhiều thế kỷ rồi, hoặc là thấy nó trong một cuốn sách mà người ta gọi là sách thánh, con phải dùng sự xét đoán riêng của con và con phải xem coi ý kiến đó có hữu lý hay không?

C. W. L. Những lời này của Đức Thầy Kouthoumi. Cách đây hai ngàn năm trăm năm chúng nó vốn lời của Đức Phật Cồ Đàm, khi người ta hỏi Ngài: "Bạch Phật, có biết bao nhiêu vị Giáo Chủ, biết bao nhiêu giáo lý đã trình bày cho chúng tôi! Tất cả dường như tốt đẹp hết, làm sao biết được cái nào hay nhất? Làm sao chọn lựa"? Kinh Kalama Soutta de *l Angouttara Nikaya* có chép câu trả lời của Phật như sau:

Đức Phật nói: "Không nên tin một điều nào chỉ vì nó được xác nhận suông. Đừng tin những tập tục, vì lẽ chúng nó từ ngàn xưa truyền lại cho chúng ta.

Đừng tin những lời đồn đãi. Đừng tin sách vở của các vị Thánh Hiền bởi vì lẽ các Ngài là tác giả mấy quyển đó. Đừng tin những sự tưởng tượng mà chúng ta cho rằng do một vị Thần minh đã giác ngộ chúng ta (nghĩa là phỏng đoán một sự linh cảm). Cũng đừng tin những kết luận do chúng ta bắt ngờ giả định. Đừng tin cái gì do một sự cần thiết tương tự bề ngoài. Đừng tin chỉ vì sự uy tín suông của các vị Huân Sư hoặc Tôn Sư của chúng ta. Nhưng chúng ta phải tin, khi sách vở, giáo lý hay châm ngôn được lý trí và lương tâm của chúng ta xác nhận". Đức Phật kết luận : Bởi vì chính đó là điều ta dạy các con . Các con chớ nên tin điều chỉ vì các con đã nghe nói suông. Nhưng nếu đức tin của các con căn cứ trên sự tin chắc riêng của các con thì các con hãy hành động và hãy cố gắng hết sức " [28].

Một trong những việc thực tập mà Đức Thầy bắt buộc các đệ tử của Ngài phải làm là tìm xem điều gì họ thật biết và điều gì mà họ chỉ tin theo thôi. Một việc làm rất tốt là ghi chú phần kiến thức nào chúng ta được phép nói rằng nó thuộc về quyền sở hữu thật sự của chúng ta, còn phần nào thuộc về chúng ta chỉ vì chúng ta đã hoàn toàn thấu hiểu và công nhận nó, cuối cùng phần nào mà chúng ta đã thu lãnh của kẻ khác, gần như không kịp suy nghĩ. Con người luôn luôn sinh ra trong một Tôn Giáo cũng như họ sinh ra trong một xứ sở nào đó. Đối với nhiều phong tục thì qui tắc vẫn giống in nhau. Chẳng hạn như muốn ăn cơm tối trong thành phố thì phải ăn mặc một cách đặc biệt. Đó là một tập quán và không ai muốn vi phạm đến một vấn đề không quan trọng gì, mà trong đó cũng không có việc liên quan đến sự lành hay dữ.

A. B. Đây là một việc thực tập rất hữu ích cho bạn, nếu thỉnh thoảng bạn quan sát nội dung Cái Trí và trước hết ghi chú coi tất cả những điều mà bạn tin, vì lẽ nhiều người đã tin như vậy; hai là, tất cả những điều bạn tin vì lẽ chúng là những tín ngưỡng thuở xưa; ba là, tất cả những điều bạn tin, vì lẽ chúng được ghi chép trong Thánh kinh. Sau khi loại trừ ba loại này ra rồi, bạn hãy ghi nhận cái nào còn lại. Như thế bạn sẽ nhận thấy thật sự những tín ngưỡng của bạn căn cứ trên nền tảng nào? Chính đây là một trong những thắng lợi, đã trải qua trong giai đoạn tự do tư tưởng như tôi đã thực hiện điều đó. Phải có kinh nghiệm rồi mới thật hiểu thế nào là hy sinh tín ngưỡng đạo đức mà từ trước đến giờ mình đã cho là chân thật; thế nào là sự đổ vỡ cuối cùng, khi mà miếng đất dưới chân chúng ta sụp mất. Tôi suýt chết vì việc

đó; thân thể tôi đã rũ liệt trong nhiều tuần. Nhưng sau khi đã kinh nghiệm triệt để như thế rồi, thì không cần một kinh nghiệm nào khác nữa. Do đó, khi tôi học hỏi giáo lý Thông Thiên Học, mặc dù trong thâm tâm tôi, tôi tuyệt đối tin chắc đi nữa, tôi cũng phải bắt Cái Trí tôi thí nghiệm lại tất cả những ý niệm mới mẻ này.

Con hãy nhớ rằng dù cho cả ngàn người đồng tán thành một vấn đề nào đi nữa, nhưng nếu họ không biết chút gì trong đó cả, thì ý kiến của họ vẫn vô giá trị.

C. W. L. Đây là điều mà thế giới hiện tại khó lòng hiểu được. Hiện giờ người ta tưởng rằng cứ tích lũy sự dốt nát thì cuối cùng sự hiểu biết sẽ nảy sinh ra. Nghĩ như thế là sai lầm vậy. Những kẻ dốt nát phải nhờ người hiểu biết dắt dẫn.

A. B. Về vài phương diện, một số sách vở lớn lao của chúng ta là một điều bất tiện, tệ hại. Nó khuyến khích chúng ta đọc không suy nghĩ, khiến cho Cái Trí trở nên nông cạn và hay thay đổi. Do đó luôn luôn tôi khuyên người ta nên đọc ít rồi mô phỏng lại đoạn đã đọc, chẳng phải bằng trí nhớ, nhưng bằng sự hiểu biết hoàn toàn vấn đề. Điều gì đã thuộc về bạn khi nào nó đã được Cái Trí của bạn đồng hóa. Muốn được như thế, bạn phải suy nghĩ và hiểu biết tường tận những gì bạn đã đọc hoặc nghe. Không vậy, bạn càng đọc nhiều chừng nào thì bạn càng trở nên dị đoan nhiều chừng nấy. Bạn cứ thêm những tín ngưỡng mới vào những tín ngưỡng cũ của bạn mà không có cái nào được căn cứ trên một nền tảng vững chắc.

Tôi có một người giúp việc rất dở về kế toán. Mỗi lần y tính lộn, y bắt đầu làm lại một cuốn sổ mới với hy vọng sắp đặt lại cho có thứ tự. Hiện nay cũng thế, nhiều người luôn luôn đòi hỏi sự mới lạ vì những sự hiểu biết nông cạn mà họ đã thu thập không làm cho họ thực sự thỏa mãn. Những người trong nhóm hội viên chúng ta đi đâu cũng lấy những tác phẩm của Đức Giám Mục Leadbeater hoặc của tôi làm dẫn chứng cũng là những người mê tín dị đoan vậy. Những sự kiện họ kể ra có thể rất đúng, nhưng chúng không đúng đối với họ, vì nếu họ thật hiểu chúng, họ không cần dựa vào uy tín của

chúng tôi. Nếu họ muốn lấy chúng tôi làm dẫn chứng, thì họ phải xem lời nói của chúng tôi như là những ý kiến cá nhân và không nên tìm cách ép buộc ai nghe theo cả. Trên đời chỉ có một uy quyền mà thôi : Đó là sự Minh Triết.

Người nào muốn đi trên Đường Đạo thì phải tập tự mình tư tưởng, vì thói dị đoan là một trong những tai hại lớn nhất trên thế gian. Một trong những chứng ngại phải hoàn toàn diệt trừ mới được.

C. W. L. Sự dị đoan là một sức mạnh lớn lao và tế nhị. Nó hiển nhiên là chứng ngại thứ ba trên Đường Đạo mà con người cần phải dứt bỏ, sau khi đã được Điểm Đạo lần thứ Nhứt; tiếng Nam Phạn (Pali) gọi nó là Silabbataparamasa, nghĩa là: "Đức tin căn cứ vào sự công hiệu của nghi thức hay là lễ bái bất cứ loại nào".

Điều nào con tưởng cho thiên hạ cũng phải thật đúng. Con không nên tưởng cho kẻ khác điều nào mà con không biết rằng quả có thật như vậy.

C. W. L. Nếu điều của chúng ta nghĩ về kẻ khác chỉ là giả tưởng (ức đoán) thì chắc chắn tư tưởng của chúng ta bất cứ về phương diện nào cũng là lý luận thuần túy. Thật ra, chúng ta biết rất ít về những người ở gần mình nhất, và chúng ta còn biết ít hơn về những người mà chúng ta gặp gỡ một cách ngẫu nhiên; nhưng người ta không ngớt ngồi lê đôi mách, lảm chuyện lảm lời vô ích về những hành động, những lời nói và những tư tưởng của thiên hạ. May thay, một phần lớn những điều này vẫn hoàn toàn sai lạc.

A. B. Những dư luận về kẻ khác thường sai lầm. Chúng ta chỉ có thể phán đoán chính xác về một người nào khi chúng ta thật biết y, thấy và hiểu được tư tưởng của y. Phần đông người đời chưa đạt được trình độ hiểu biết đó.

Tuy nhiên, ý kiến của họ về mấy kẻ khác đã quyết định rồi. Luôn luôn họ xét đoán mấy người này và không biểu lộ trong tư tưởng một chút nhân từ nào cả.

Sau đó một chút, Đức Thầy có nói rằng: "Con đừng bao giờ cho kẻ khác có ý muốn này hay ý muốn nọ". Lời khuyên này hết sức quan trọng, nếu nó được người đời tuân theo, thì phân nửa sự thống khổ của Trần gian sẽ bị tiêu diệt. Nếu có ai làm một việc mà bạn không hiểu được, bạn hãy để cho y làm, đừng bịa ra những lý do. Lý do hành động của y, tất nhiên bạn không hiểu được, nhưng bạn lại tìm một lý do, thường thường thì không mấy tốt đẹp rồi bạn kết nó vào sự hành động, và sau cùng bạn khiển trách kẻ khác về cái điều mà chính là bạn đã tưởng và đã làm ra. Khi qui cho kẻ khác những lý do như thế, con người tăng cường mãnh lực xấu có thể đang hoạt động trong trí của kẻ bị chỉ trích, hoặc nếu kẻ ấy chưa có mầm xấu thì họ lại làm cho nó nảy sinh. Đáng Christ có nói: "Chớ khá đương đầu với kẻ hung ác "[29]. Lời này có thể đem áp dụng cho trường hợp kẻ ra đây. Không phải bốn phần của chúng ta là tìm điều xấu trong Trí Thiên Hạ để diệt trừ; hãy cô lập sự xấu. Nó sẽ tự tiêu hủy.

Con đừng tư tưởng rằng thiên hạ hằng nghĩ đến con luôn luôn.

C. W. L. Điều này xảy ra mãi mãi: tất cả những gì của kẻ khác làm hay nói, chúng ta cũng đều cho rằng liên hệ đến chúng ta cả. Bởi chúng ta luôn luôn nghĩ đến mình nên chúng ta tưởng tượng rằng kẻ khác cũng phải nghĩ đến chúng ta. Nếu chúng ta luôn luôn nghĩ đến mình, thì muốn cho hợp lý, chúng ta phải tưởng rằng kẻ khác cũng luôn luôn nghĩ đến chính mình họ vậy, chớ không phải nghĩ đến chúng ta. Con người tự đặt mình vào trung tâm của cái vòng tròn của họ, mọi tư tưởng, mọi cảm xúc của họ đều quay cuồng theo vòng tròn và họ xét đoán mọi sự theo phản ứng của chúng đối với họ. Họ cứ chạy theo vòng tròn chung quanh họ. Nhưng không phải như thế đâu. Mỗi người tự nhốt mình trong vòng tròn của mình - chắc chắn vòng tròn này cũng lẫn lộn như những vòng tròn khác. Trong chín phần mười những trường hợp mà con người bất bình về hành vi và lời nói của kẻ khác có lẽ đều phát sinh từ ý niệm này.

Nếu một người kia làm điều gì mà con tưởng là có hại cho con, hay là nói một chuyện nào dường như có can hệ tới con, thì con chớ vội nghĩ rằng: "Người đó có ý nhục mạ tôi ". Có lẽ đúng hơn, là người đó không nghĩ đến con chút nào, vì mỗi linh hồn đều có những việc lo lắng riêng, và thường thường chỉ lo cho một mình mình thôi. Nếu có người nào nói với con giọng quạu quọ, thì con chớ tự nói rằng: "Người đó ghét tôi và muốn nhục mạ tôi ". Có lẽ vì một người nào hay một việc chi đó làm cho y giận và bởi y gặp con, nên y mắng con xối xả cho đã nư giận. Người đó làm chuyện điên cuồng, vì sự giận hờn nào cũng là sự điên cuồng cả, nhưng không phải vì lẽ đó mà con nghĩ quấy cho y.

C. W. L. Chính đó là lẽ phải, nhưng rất ít người thực hành! Khi tôi còn là Mục Sư của Giáo Hội Anh Cát Lợi, có lần tôi thuyết về sự thử lòng hay sự cám dỗ mà tôi nghĩ rằng có thể xảy ra cho những tín đồ nông dân hay thợ thuyền, họ là những con chiên của tôi. Tôi trình bày tại sao phương thức hành động nào có thể đem đến vài hậu quả tai hại. Sau lời thuyết pháp, một người nông dân giận dữ đã xông vào Thánh Đường và hỏi tôi vì cớ gì tôi đưa y ra làm đối tượng cho bài thuyết giáo của tôi. Thật thế, kẻ bất hạnh tự bộc lộ tâm trạng của y tức khắc. Tôi không bao giờ ngờ y có thể phạm phải hành vi đặc biệt này, nhưng hiển nhiên, nó là một mối ưu tư mà sự quan sát của tôi đã chạm vào đó. Đến nay tôi vẫn còn tin rằng người ấy quả quyết rằng tôi nhận rõ y trong đám thánh giả và đưa y ra làm đề tài cho bài thuyết giảng của tôi. Trong sự sống chung đông đúc này, không thể tránh khỏi được những sự đụng chạm đến một mức độ nào đó. Cho mấy điều này là quan hệ hay là trọng đại, thật vô ích. Khi đi đường trong một đô thị lớn, chúng ta thấy hàng ngàn người đều bận rộn công việc riêng của họ; họ đi đường họ, không nghĩ gì đến kẻ khác đang qua lại. Đôi khi không thể tránh khỏi sự xô lấn, nhưng không ai tưởng rằng mình bị xúc phạm nên nổi nóng, vì thái độ đó thật buồn cười. Trên phương diện lý trí và tình cảm cũng xảy ra những sự đụng chạm như thế. Trong những đám đông đều luôn luôn có sự va chạm về mặt lý trí và tình cảm. Chúng ta hãy xem những sự việc này giống như điều mới nói ra đây, tức là hiểu rằng kẻ đã giẫm chân trên Thẻ Trí của chúng ta không hề cố ý chút nào, và y chỉ đi theo con đường của y chớ không nghĩ đến chúng ta.

Chúng ta đừng quan trọng hóa những sự đụng chạm nhỏ nhen đó, cũng như những sự xô lấn hằng ngày ngoài đường phố.

Khi chúng ta để ý đến cách của kẻ khác chăm chú vào những quyền lợi của họ, chúng ta cũng có bốn phận coi chừng, đừng cho chúng ta say mê những quyền lợi của chúng ta cho đến nỗi chúng ta quên những cử chỉ lễ độ, nhã nhặn để làm cho đời thêm tươi đẹp.

Người Thông Thiên Học phải khác hơn người thường bởi sự lễ độ cũng như sự an tĩnh và bình thản luôn luôn. Các bạn hãy ở cho dễ thương, hãy kiên nhẫn. Người ta rất vội vàng mà người ta cũng không thiếu thì giờ để tỏ ra mình là người tử tế và có tình huynh đệ. Chớ để cho những triệu lưu nóng giận lôi cuốn chúng ta do những dây thần kinh quá căng thẳng và thường xảy ra trong thời buổi xáo trộn của chúng ta.

A. B. Lời khuyên của Đức Thầy ở đây thật rất sáng suốt, khôn khéo. Chớ nên nghĩ rằng mọi người đều nhớ đến bạn vì lẽ bạn vẫn nhớ đến họ. Mấy kẻ khác cũng nhớ đến họ chớ không hề nhớ đến bạn đâu. Họ lo lắng công việc riêng của họ cũng như bạn lo lắng công việc riêng của bạn. Nhiều nước sẽ được hạnh phúc hơn nếu người ta chịu chấp nhận và đem thực hành ý niệm này. Nếu một người kia chạm phải bạn trong cuộc sống náo nhiệt và xáo trộn này, thì bạn chớ tưởng rằng y tìm cách hại bạn, hoặc có tư ý gì đối với bạn. Trừ ra khi nào bạn chắc chắn rằng người ta muốn hại bạn, thì tốt hơn bạn nên nghĩ trái ngược lại là không có điều đó.

Một người nói với bạn giọng giận dữ, nếu lúc đó bạn nhớ đến điều cần thiết là đừng gán cho y thái độ thù nghịch và đừng nổi nóng như y, thì bạn sẽ tiến nhanh trong vấn đề tự chủ. Thường thường sau cơn giận người ta mới nhớ. Một người đã tự chủ hoàn toàn, thì cho đến chút tình cảm nóng giận cũng không nảy sinh ra nữa. Dầu thừa nhận rằng kẻ đối thoại với bạn sai quấy, lỗi ấy chỉ do sự yếu đuối mà ra, kẻ chí nguyện làm người Huyền Bí Học chớ nên quên bốn phận mình phải nhân từ trước sự yếu đuối của kẻ khác. Ta nên nhớ rằng cử chỉ giận dữ hay câu trả lời cộc cằn và gay gắt của một người nào thường là dấu hiệu bộ thần kinh của y bị căng thẳng quá độ bởi sự xao xuyến, lo âu; y quá yếu đuối nên không thể chịu nổi một sự cố gắng mà không tỏ ra phản ứng gì. Thần kinh của y căng thẳng cực độ; đó là lý do khiến y hành động như thế.

Theo lời Đức Thầy, người ấy hành động điên cuồng. Quả đúng như thế, nhưng chúng ta hãy khoan thứ cho y. Chính vì thế đa số những sự khó khăn

nhỏ mọn nảy sinh. Một sự căng thẳng khó chịu khiến cho chúng ta nổi nóng trước hầu hết mọi việc. Bạn hãy nghĩ đến bao nỗi bận tâm đang chi phối Thế gian, lo lắng về mọi thứ quấy nhiễu và hành hạ con người. Đánh rằng chúng ta không biết được những nỗi khó nhọc của những kẻ sống chung quanh ta, vì không người khôn ngoan nào lại thuật cho bất cứ ai biết những nỗi khó khăn của mình. Cái tư cách tầm thường cũng không cho phép người ta làm như thế. Nhưng nếu chúng ta nhớ đến những nỗi khó khăn này và quan tâm đến chúng thì chúng ta sẽ đạt được sự yên tĩnh hoàn toàn, nó là mục tiêu của Đức Thầy trong những bài này.

Chừng con làm đệ tử Chơn Sư rồi, con có thể thấy được tư tưởng của con đúng đắn hay không, khi con so sánh nó với tư tưởng của Ngài. Bởi vì Thầy với trò vốn là một và trò chỉ cần đem tư tưởng của y kê với tư tưởng của Thầy, thì y sẽ thấy hai tư tưởng có phù hợp với nhau hay không. Nếu như không thì tư tưởng của trò đã sai lầm và y phải lập tức sửa đổi vì tư tưởng của Chơn Sư vốn trọn lành, bởi Ngài thông hiểu hết mọi việc.

A. B. Một đệ tử chánh thức luôn luôn có thể xác định giá trị của tư tưởng của y, khi y đặt nó cạnh tư tưởng của Đức Thầy. Nếu y cảm thấy một sự rung động không điều hòa, thì y biết rằng tư tưởng của y chẳng có giá trị gì cả. Nếu lấy một sự tương tự ở cõi Trần mà nói, thì đó cũng như là một cung đàn lỗi nhịp. Người đệ tử không cần làm cho Đức Thầy chú ý đến mình. Y chỉ để tư tưởng của y bên cạnh tư tưởng của Ngài. Nếu y thấy có dấu hiệu sai lệch thì y liền vứt bỏ tư tưởng của y và tức khắc cố gắng lập lại sự hòa hợp giữa tư tưởng của y với tư tưởng của Đức Thầy. Người đệ tử không lý luận, không tìm cách cho rằng dù sao có lẽ tư tưởng của mình cũng đúng; vì nếu nó sai quấy, thì sự sai lầm hiện ra tức khắc. Trước khi được Đức Thầy thân nhận làm Đệ Tử Chánh Thức thì không thể hành động như thế được, và đối với nhiều người chí nguyện thì điều này là một sự khó khăn. Bởi Tâm Thức của đệ tử phải hòa hợp làm một với Tâm Thức của Đức Thầy, cho nên Ngài không nhận một người nào mà tư tưởng của y buộc Ngài phải làm một tấm vách để ngăn nó với tư tưởng của Ngài.

C. W. L. Người ta nói rằng người đệ tử làm một với Đức Thầy. Điều này đúng trong một ý nghĩa mà chỉ có Đức Thầy mới hiểu trọn vẹn. Người đệ tử cũng hiểu như thế, song y chỉ hiểu một cách bất toàn. Phải giao tiếp đặc biệt với Đức Thầy, như thế mới hiểu được sự hiệp nhất này mãnh liệt là dường nào. Người đệ tử phải trở thành một tiền đồn của Tâm Thức của Đức Thầy. Y liên hệ với Ngài cũng gần giống như Phàm Nhơn thuộc về Chơn Nhơn. Chơn Nhơn cho một phần nhỏ của mình (danh từ phân thân không đúng lắm, nhưng nó còn đúng hơn chữ phản ảnh) xuống mấy cõi dưới, sống theo những điều kiện đặc biệt ở đó, nơi mà ba thể: Xác, Vía, Trí tốt hơn hết của con người chỉ biểu lộ được Chơn Nhơn một cách thật hết sức bất toàn . .

Điều này sẽ phấn khích chúng ta, mỗi khi chúng ta cảm thấy mình nản chí trước tất cả những sự yếu đuối của chúng ta tại cõi Trần. Người ta có thể tự nói: "Dù trong trường hợp nào, Chơn Nhơn cũng cao cả hơn mấy điều đó. Vậy tôi không có lý do gì để thất vọng. Tôi chỉ cần tăng thêm một chút sức mạnh của tôi trong sự hiểu biết thấp thỏm này để biểu lộ bản tánh thật sự của tôi ở cõi trên một cách tinh túy hơn; thế là những tật xấu của tôi sẽ giảm dần".

Cũng thế, người đệ tử không những là đại diện của Đức Thầy, mà còn quả là Đức Thầy thực sự; nhưng là Đức Thầy đang bị bao vây bởi những sự hạn chế kinh hồn; nhưng hạn chế này chẳng những thuộc về những cõi thấp mà còn thuộc về Phàm Ngã của người đệ tử chưa bị hoàn toàn chế ngự. Nếu Chơn Nhơn của người đệ tử đã triệt để làm chủ được các thể thấp, chúng trở thành những phản ảnh hay những biểu hiện của các thể cao, thì nó có thể biểu lộ những đặc tính của Đức Thầy hoàn toàn hơn. Nhưng vẫn còn một sự hạn chế mà người ta gọi là "vóc vạc" của y, người đệ tử là một Chơn Nhơn nhỏ bé hơn Đức Thầy; y nối gót theo Thầy, và do đó y chỉ có thể đại diện cho Ngài một phần nào mà thôi. Tuy nhiên dù người đệ tử có tư tưởng nào, thì chúng cũng đều có ở trong Thể Vía và Thể Trí của Đức Thầy. Một phần cũng vì lẽ đó mà các đệ tử phải chịu trải qua một thời gian Nhập Môn, trong thời gian này hình ảnh sống của người Đệ Tử Nhập Môn luôn luôn ở dưới mắt Đức Thầy. Đức Thầy muốn biết chính xác tư tưởng, tình cảm của người đệ tử tạm thời đó; nếu không vậy, Ngài có thể thấy Thể Vía và Thể Trí của Ngài luôn luôn bị tràn ngập bởi những tư tưởng và tình cảm của người đệ tử, chúng bất hòa với công việc của Ngài đang mãi bận lo . . . Chỉ sau khi quan sát một thời gian khá lâu và nhận thấy rằng những tư tưởng và những tình cảm bất đồng của thí sinh còn rất ít, Ngài mới thu nhận y vào hàng môn đồ, và làm cho y trở thành một phần tử của Ngài.

Tuy nhiên, Đức Thầy cũng còn phòng hờ để tùy tiện tạo một bức màn chặn

ngang giữa Tâm Thức của Ngài với Tâm Thức của đệ tử; vị này tha thiết muốn không có sự phân cách nào làm gián đoạn sự hiệp nhất đó; nhưng ở cõi Trần chúng ta hay lỗi lầm và thường thường chúng ta có tiếp thu một tư tưởng hay một tình cảm bất chánh nào đó, Đức Thầy không thể chấp nhận cái đó được, Ngài điềm nhiên tự vệ, thật ra, về sau, đến một lúc kia Đức Thầy hủy bỏ luôn luôn bức màn ngăn ngừa kia, đó là lúc Ngài nhận người đệ tử vào hàng "Con" của Ngài. Nhưng Ngài chỉ nhận như thế là khi nào Ngài hoàn toàn chắc chắn không còn cái chi phải loại ra nữa.

Nhờ sự kết hợp mật thiết với Tâm Thức của Đức Thầy như thế, người đệ tử có thể đặt tư tưởng của y kế bên tư tưởng của Ngài. Đệ tử không cần làm cho Đức Thầy chú ý đến y, vì y không thỉnh cầu ý kiến của Ngài trong vấn đề đang lo lắng, y chỉ nhờ sự hiệp nhất này, mà biết được tư tưởng của Ngài đối với vấn đề đặc biệt đó. Các bạn sẽ hỏi: Vị đệ tử phải làm thế nào? Có nhiều cách, tùy theo mức độ của sự hiệp nhất này: người đệ tử tạo ra trong trí mình hình ảnh rõ rệt của Đức Thầy, rồi dùng tất cả sức mạnh nâng tâm hồn mình lên đến tận hình ảnh này; y hiệp nhất với nó, đoạn phát triển rõ ràng tư tưởng của mình, rồi xem coi nó có bất hòa hoặc bất đồng chút nào với tư tưởng của Thầy không, nếu có, y phải tức khắc sửa đổi tư tưởng của y.

Ở đây, quan điểm Huyền Bí Học khác với quan điểm của Thế gian rất xa. Trên đời này, nếu bạn bất đồng ý kiến với một người khác, bạn liền lập luận để bình vực ý kiến của bạn hoặc bạn cố gắng biện chính cho ý kiến đó. Trên phạm vi Huyền Bí Học, chúng ta không bao giờ tranh luận. Vì chúng ta biết rằng vị ở trên chúng ta biết rõ sự việc đó hơn chúng ta, nên chúng ta chấp nhận ý kiến của Ngài. Không bao giờ chúng ta có ý nghĩ đem lỗi nhìn của chúng ta mà chống lại cách thấy của Ngài, vì chúng ta biết (không phải là vấn đề suy luận nữa mà chính là sự hiểu biết trực tiếp) rằng Ngài có cả ngàn cách nghe thấy mà chúng ta không có, nên Ngài hiểu điều Ngài nói. Ý kiến của Ngài căn cứ trên nền tảng hiểu biết sâu rộng hơn chúng ta rất xa. Về sau, chúng ta có thể tìm hiểu lý do của sự kiện ấy, và đó là chuyện khác. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta không chống lại Ngài, và chúng ta cũng không nghĩ đến việc đó. Khi người đệ tử đặt tư tưởng của y bên cạnh tư tưởng của Đức Thầy, y không lý luận. Khi cây đàn của bạn cần phải lên dây hòa điệu, bạn không tự hỏi tiếng đàn này sẽ không tốt chăng, mà bạn cứ lên dây.

Trong thế giới Huyền Bí, chúng ta không hề phê phán, chỉ trích. Chúng ta xem như đã chứng minh rồi tất cả những gì mà nhân viên của Quân Tiên Hội đã làm hết lòng. Trong trường hợp này không phải là chúng ta, mà

chính Đức Thầy của nhân viên đó nhận xét sự thành công hay thất bại của y. Dĩ nhiên, đôi khi có thể chúng ta thấy trước một sự thất bại, chúng ta có thể khuyên nhủ với tất cả sự tinh tế, thanh nhã của chúng ta như sau: "Nếu người ta làm việc này hoặc việc kia, anh sẽ không nghĩ rằng điều đó khá hơn một chút sao? Những nhà Huyền Bí Học hay là những người nhiệt thành muốn trở nên nhà Huyền Bí Học đều tuyệt nhiên tránh việc chỉ trích kẻ khác một cách khinh xuất mà không biết gì đến những nỗi lo âu và khó khăn của họ. Chúng ta hoàn toàn xa lánh việc chỉ trích; đối với chúng ta, nó là một hành vi xấu xa.

Về phương diện này, những ai quyết định bước vào Đường Đạo nên thực hành đúng theo thói quen mà các vị đệ tử Chơn Sư đã chấp nhận. Chúng ta hãy từ bỏ thói chỉ trích những kẻ khác đang hoàn thành nhiệm vụ của họ. Phần đông họ đều cố gắng đến mức tối đa theo quan điểm riêng của họ. Có thể quan điểm chúng ta cao hơn quan điểm của họ nhiều, nhưng không phải là không đúng trong việc làm, họ chỉ theo ánh sáng riêng của họ, chớ không phải ánh sáng riêng của chúng ta. Nếu một người nào đó được Hội của chúng ta ủy thác nhiệm vụ chẳng, chúng ta nên để y có cơ hội hoàn thành nhiệm vụ của y một cách tốt đẹp. Nếu y làm công việc không được chu đáo, thì sau một thời gian hợp lý, chúng ta có thể giao nhiệm vụ đó cho một kẻ khác. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta chớ nên làm rộn y, phải để cho y có dịp trở tài và thực hành những ý niệm riêng của y. Luôn luôn can thiệp vào công việc của kẻ khác là một điều sai quấy.

Thái độ chỉ trích thường xuyên, luôn luôn tìm chỗ sơ hở, luôn luôn rình rập những nhược điểm của kẻ khác là một bản tánh rất xấu xa tệ hại. Trong giới Huyền Bí, người ta không làm như thế. Chúng ta thường nghe nói rằng: "Tôi không thể nào không chỉ trích được: đó là bản tánh của tôi ". Nếu đó là bản tánh của bạn, thì thật đáng thương cho bạn. Tốt hơn hết bạn hãy cố gắng vượt lên khỏi nó. Bạn áp dụng danh từ "tự nhiên", "nhân tánh" theo cách hành động của người trung bình, nhưng khi một người đã khép mình vào khuôn khổ của kỷ luật tu thân một cách nghiêm khắc thì y cố gắng vượt khỏi mức độ trung bình. Chúng sinh ra đời để sửa đổi tâm tánh của mình. Hãnh diện vì nó thật vô ích. Người chí nguyện phải cố gắng vượt lên trên mức độ trung bình mới có thể làm cho nó tiến tới được. Nếu y chỉ ở chỗ đồng bậc hay là ở mức thấp hơn mức độ trung bình, y không thể làm cho bản tánh y trở nên tốt đẹp. Chỉ có quyết định mới trừ được tật xấu hay chỉ trích.

Đôi khi chúng ta muốn nói với những kẻ khác rằng: "Các bạn đừng can

đường tiến hóa của Chơn Nhơn cao cả của các bạn nữa và hãy để cho Ngài có dịp tỏ ra hết sức cố gắng. Bạn để cho Phạm Nhơn thấp hèn của bạn ngăn cản Chơn Nhơn, không cho Ngài muốn làm và làm một cách dễ dàng". Mong sao không ai nói rằng: "Tôi không làm được". Nếu bạn nói như thế thì bạn xét đoán trước và tự cho mình phải thất bại. Tốt hơn là bạn nên làm ra hình tư tưởng này: "Tôi có thể làm được việc đó và tôi sẽ làm", và như thế công việc đã hoàn thành được nửa rồi. Thường thường sự cố gắng cũng không mang lại kết quả gì, đó là lẽ tự nhiên. Nhưng nếu cố gắng mãi, sức mạnh sẽ gia tăng, chẳng bao lâu chắc chắn sẽ thành công. Nếu chưa thành công, chớ tưởng rằng bạn đã mất tất cả, sức mạnh đã tạo được rồi, dù nó chưa đủ để mang đến một sự thành công tức khắc, nó cũng là một thắng lợi trước tiên và nếu chúng ta không ngừng gia tăng sức cố gắng, thì đến một lúc nào đó, sự thành công sẽ đền đáp lại công lao khó nhọc của chúng ta.

Một hồ thẳm ngăn cách hai thái độ này: một bên cứ ngồi mà ngã lòng, thất vọng; còn một bên thì đứng lên và hành động. Người ta cũng nói rằng trong thiên hạ hai hạng người: hạng thứ nhất đảm đương một trách nhiệm, còn hạng thứ hai cứ ngồi và tự hỏi: "Tại sao người ta không làm khác hơn"? Chúng ta nên gia nhập vào hạng thứ nhất và đừng để ý đến lời chỉ trích của kẻ khác, họ là những người không muốn động đến bàn tay đang làm việc.

Những người nào chưa được Ngài thâm nhận làm đệ tử chính thức thì không thể làm vậy, song nếu họ thường tự hỏi như sau đây, thì họ sẽ được giúp đỡ nhiều lắm: "Thầy sẽ nghĩ việc này ra sao? Bởi vì không nên làm, không nên nói, hay không nên nghĩ điều nào mà theo ý mình, Thầy không làm, không nói, hay không nghĩ như thế được".

Phải chân thật trong lời nói của con; phải nói cho đúng đắn và không quá lố.

C. W. L. Nếu chúng ta luôn luôn nhớ rằng chúng ta không bao giờ được nghĩ hay nói điều gì mà Đức Thầy không nghĩ, không nói, thì trong đời sống chúng ta ít có cái chi cần phải sửa đổi. Có thể chúng ta phạm vài lầm lỗi trong việc xét đoán những tư tưởng hay những lời nói mà ta cho là của Ngài, nhưng về phương diện chung, đời sống của chúng ta sẽ trong sạch phi thường và sẽ đến gần Ngài. Chắc chắn có nhiều người tự nói rằng: "Nếu

phải mất thì giờ để nghĩ như thế, thì không bao giờ tôi nói điều gì được cả ". Nếu họ im lặng, có lẽ thế gian không vì thế mà kém tốt đẹp: vì thường thường lời nói của con người vẫn không ích lợi gì cả. Nếu một người kia mỗi khi sắp nói điều chi, y đắn đo kỹ lưỡng về lời nói của mình và tự hỏi: "Đức Thầy sẽ nói những lời như tôi sắp nói ra chăng"?, thì y sẽ ít nói hơn. Ban đầu, việc nhớ đến tư tưởng của Đức Thầy đặt đối chiếu có thể mất thì giờ, nhưng khi đã thành thói quen rồi thì việc đó xảy ra mau như chớp.

Tư tưởng truyền đi nhanh như ánh sáng và có thể còn nhanh hơn nữa, như các nhà Vật Lý Học cho chúng ta biết, ánh sáng truyền đi khoảng 186 dặm Anh (milles) trong một giây đồng hồ, còn tư tưởng chẳng hạn từ Anh Quốc, cách đây 12.500 dặm, đến nhanh như tia chớp. Sự nhanh chóng của ánh sáng trong phạm vi Vật Lý Huyền Bí Học là một trong những vấn đề mà chúng ta mới vừa biết chữ thứ nhất. Chúng ta không ngót thu hoạch những ý niệm mới trong Khoa Pháp môn và thí nghiệm một cách mò mẫm. Về điều này chúng ta giống như những nhà luyện kim thuở xưa mà sức cố gắng đã làm nảy sinh ra Khoa Hóa Học, khoa này đã dần dần trở thành một khoa học bao la gồm muôn ngàn sự vật. Tôi tưởng những thí nghiệm không chắc chắn của vài người ngày nay sẽ đem lại với thời gian một Khoa Huyền Bí Học mà sự phát triển sẽ hữu ích cho cõi đời rất nhiều.

Thường thường những tư tưởng của chúng ta chuyển động ít nhanh chóng hơn điều nó làm được, vì chúng ta không tập sử dụng nó riêng biệt khác hơn lời nói và hành động của chúng ta. Một trong những kết quả của sự tham thiền là tập cho chúng ta sử dụng riêng biệt với lời nói và sự hành động. Sự thành công đem lại những kết quả thật phi thường. Bà Tiến Sĩ Annie Besant có nghiên cứu vấn đề này một cách đặc biệt. Bà có nói trước mặt tôi rằng, trong những lúc diễn thuyết công cộng, khi Bà vừa thốt ra câu nào, thì câu kế tiếp hiện đến cho Bà dưới ba hay bốn hình thức khác nhau, Bà điềm tĩnh chọn lựa câu nào dường như có công hiệu hơn hết, trong khi Bà thốt ra câu trước. Rất ít có người làm được như vậy. Đây là phải tách rời cách dùng tư tưởng ra khỏi sự hành động một cách nhanh chóng khó mà tính toán trước được. Như vậy người ta mới thấy điều đó dẫn đến đâu. Thật đáng cho chúng ta ra công khó nhọc tập sử dụng tư tưởng với tính cách là tư tưởng mà thôi. Khi tập lấy thói quen hết sức tốt đẹp này là suy nghĩ trước khi nói hoặc làm thì người đệ tử sẽ thấy rằng thời gian này chẳng những làm cho đời sống của y hòa nhịp với đời sống của Đức Thầy, mà tư tưởng của y còn hoạt động một cách nhanh chóng và hữu ích nữa.

Chớ nên cho kẻ khác có ý muốn cái này, cái kia, duy chỉ một mình Thầy nó biết được tư tưởng của nó mà thôi; và có thể y làm như vậy là vì những lý do mà con không hề biết.

C. W. L. Mỗi người là một bí ngữ, dù cho đối với những người mà y thương yêu nhất cũng vậy. Và đôi khi, sau một thời gian khá lâu, bạn biết được những lý do hành động của y, thì thường thường chúng làm cho bạn rất ngạc nhiên. Ảnh hưởng chỉ huy Cái Trí của y là một yếu tố mà bạn không bao giờ nghĩ đến. Tôi quan sát điều này thường lắm có lẽ ở Ấn Độ nhiều hơn những nơi khác, vì trí óc người Ấn Độ khác với trí óc của chúng ta trên nhiều phương diện, và đa số các bạn Ấn của chúng ta có những tư tưởng mà người Anh không hề có, họ lấy chúng làm động lực. Trí óc họ hết sức tế nhị và sinh hoạt của họ căn cứ trên những truyền thống khác hẳn lối suy tư của chúng ta. Như thế, nếu trong dòng giống của chúng ta, không một người nào được phép tìm hiểu nguyên do của những lời nói hoặc hành động của bất cứ ai, thì điều đó quả là một điều bất cần quá đáng đối với ngoại quốc là nơi chúng ta gặp phải một nền văn minh hoàn toàn khác lạ. Nhiều sự hiểu lầm vô phương cứu chữa đã xảy ra cũng vì chúng ta bịa đặt ra lý do những hành động của kẻ khác. Chúng ta đừng làm như thế. Lý do của sự hành động nào đó không can hệ gì đến chúng ta, bạn tâm đến nó vô ích.

Khi con nghe một câu chuyện nào có hại cho kẻ khác, thì đừng lập nó lại. Có lẽ câu chuyện đó không có thật, mà dù có thật đi nữa, đừng nói đến mới là nhân từ hơn.

A. B. Nếu sau khi đọc mấy hàng này, mà bạn còn nói hành ai, như thế là bạn đã vi phạm mệnh lệnh trực tiếp của Đức Thầy đưa ra, vì mệnh lệnh đó đã truyền đến bạn và nó liên quan đến bạn. Cũng khá dễ làm thình. Điều khiển Cái Trí có lẽ khó hơn, nhưng chắc chắn là bạn có thể làm chủ được xác thân bạn. Có thể câu chuyện phiếm của bạn không có giá trị lớn lao, nhưng nếu nó không đúng mà bạn cứ lập đi lập lại mãi, tức bạn nói dối và điều này rất nguy hại cho những người đang chuẩn bị để được Điểm Đạo. Danh từ nói dối quả là nặng nề, nhưng đó là một việc và chúng ta phải

đương đầu với nó.

Dĩ nhiên chúng ta không thể dùng đời sống của mình để xem xét coi những chuyện nhằm nhĩ đó có đúng hay không. Vậy điều thận trọng hơn hết là đừng bao giờ lập lại những chuyện đó. Chúng ta cũng đừng để ý đến việc nó có hại cho chúng ta, và cho tương lai của chúng ta. Giả sử chuyện đó có thật đi nữa, chúng ta cũng đừng nói gì hết, mới thật là nhân từ hơn. Tại sao bạn muốn hại người? Tại sao muốn lập lại những câu chuyện trình diện những kẻ khác dưới một phương diện bất hảo.

Đành rằng, nếu chúng ta biết được một người nào đó là tay gian xảo hay bịp bợm định lợi dụng lòng tin cậy của kẻ thật thà, thì chúng ta có bốn phận phải cho người ta biết điều đó, hay là ít ra cũng phải báo cho những người đang bị đe dọa biết đề phòng. Nhưng đó là một vấn đề khác hẳn với việc nuôi dưỡng câu chuyện ngòi lê đôi mách thường tình. Muốn làm tròn bốn phận đó, chúng ta cần phải hết sức lịch thiệp, kèm theo sự suy nghĩ chính chắn và loại ra mọi thù hận và mọi phần nộ.

Trước khi nói, phải suy nghĩ cho kỹ lưỡng, vì e không đúng với sự thật.

C. W. L. Điều này đã được truyền dạy từ nhiều năm nay, tuy nhiên các bạn đồng song của chúng ta cứ khăng khăng nói những điều không đúng với sự thật. Đôi khi người ta nói thật thái quá: "Một vật cách đây một trăm thước chẳng, họ nói ngàn dặm". Khi trời nóng hơn thường lệ, họ nói: "Trời nóng như thiêu như đốt". Phải là những người không biết rành rẽ ngôn ngữ của mình mới không tìm được những từ ngữ để mô tả mức độ dị biệt của tư tưởng, và phải nhờ đến những tiếng điên rồ, quái gở và dư thừa này để chứng tỏ mình còn kém giáo dục và nói không chính xác. Tôi tưởng rằng về điểm đó, chúng ta chớ tỏ ra bơ thờ, cầu thả. Người ta có lý do cho rằng Đấng Christ đã nói mấy lời này: "Đến ngày phán xét (cuối cùng), con người sẽ biện giải về tất cả những lời nói vô ích mà họ đã thốt ra" [30].

Con phải thành thật trong việc làm, đừng bao giờ kiếm thế phô trương cái mà con không thật có, vì sự giả trá ngăn cản cái tinh quang thuần

khiết của chân lý, tinh quang ấy phải xuyên qua lòng con cũng như tia sáng mặt trời giọi ngang qua tấm kiếng trong trẻo vậy.

A. B. Thực hiện sự chân chánh trong việc làm là điều rất khó khăn. Sự chân chánh này có nghĩa là không bao giờ làm điều gì trước mặt kẻ khác cốt để họ có một ý kiến tốt đẹp về mình. Khi bạn trở lại một mình, chớ làm điều gì mà bạn phải hổ thẹn khi ở trước mặt kẻ khác. Cuối cùng luôn luôn phải hết sức ngay thật. Hãy để cho kẻ khác thấy bạn đúng như thực chất của bạn và đừng tìm cách làm ra khác hơn về thường ngày. Phần đông chúng ta có một thứ lý tưởng là muốn khoe mình cho thiên hạ thấy, bởi thế khi chúng ta trở lại một mình, chúng ta làm mọi chuyện nhỏ nhặt mà chúng ta không làm trước mặt kẻ khác, vì chúng ta có cảm tưởng rõ rệt rằng họ sẽ có hơi ngạc nhiên mà thấy chúng ta hành động như thế.

Mỗi khi bạn không sẵn lòng làm một chuyện gì bởi vì bạn không ở một mình, thì bạn hãy chống lại ý định đó. Nếu hành động của bạn tốt đẹp, thì bạn đừng quan tâm đến dư luận của bàng quan. Bằng trái lại, thì bạn đừng hành động. Có một lúc, tôi tưởng tôi phải có trước công chúng cái thái độ mà người ta mong mỏi thấy ở các tác giả hay ở một diễn giả v.v. . . Đôi khi ý định này nảy sinh từ một lý do tầm thường. Đây là một thí dụ. Trong khi vượt biển, tôi có thói quen đánh bài, theo ý tôi, đó là sự tiêu khiển vô hại. Một ngày kia, nảy sinh ra ý tưởng khiến tôi tự hỏi rằng những người hành khách nghĩ gì về tôi khi họ thấy tôi đánh bài buổi chủ nhật vì họ biết rằng tôi dạy Huyền Bí Học, việc đó có làm cho họ khó chịu không? Rồi tôi thầm nói: "Người ta thấy tôi hay không thấy, chẳng quan hệ gì. Nếu hành động của tôi xấu, thì tôi phải từ bỏ, bằng không dư luận của kẻ khác chẳng thay đổi nó được chút nào". Về phương diện này, Bà Blavatsky thật đáng phục, luôn luôn Bà làm theo ý Bà, không chút kể đến dư luận quần chúng. Nếu người ta nói rằng cử chỉ của Bà không phải là cử chỉ của một nhà Huyền Bí Học, thì điều đó có quan trọng gì? Dù sao những quan sát viên cũng không hiểu về chuyện đó.

Nhà Huyền Bí Học không làm ra bộ nghiêm trang và trọng thể, không cố làm mọi việc với vẻ cao sang, mặc dù người ta tưởng rằng họ phải có thái độ như thế. Những quan niệm thông thường về điều đó hoàn toàn sai lạc. Nhà Huyền Bí Học hết sức tự nhiên. Tôi thiết tưởng một trong những lý do quan trọng trong thời đại này để chúng ta sống một cuộc đời hoàn toàn chân thật và ngay thẳng là chúng ta có bổn phận góp phần nhỏ nhất trong công

việc dọn đường cho Đức Chương Giáo sắp lâm phạm trong một ngày gần đây, hầu cho con đường này có lẽ được bằng thẳng một đôi chút. Vì các Đấng Cao Cả không phải luôn luôn thích hợp với chân dung do con người tạc ra cho các Ngài. Các Ngài không chấp nhận khuôn khổ nào đã làm sẵn cho các Ngài, mà các Ngài đến để cải cách thể gian và thường thường các Ngài sửa đổi một cách triệt để những tư tưởng đang thịnh hành. Các Ngài quan tâm đến tánh tình con người nhiều nhất, nhưng luôn luôn không để ý đến những thành kiến của họ. Cuộc sống chân thật và ngay thẳng của chúng ta có thể dùng để chuẩn bị cho sự sinh sản những ý kiến, như thể Đức Di Lạc lâm phạm, con người bớt nô lệ những thành kiến của họ và họ ít bị phẫn uất vì sao họ không được khác hơn. Vậy thì sự ngay thật hoàn toàn phải là đặc tính trong trạng thái của chúng ta, luôn luôn với điều kiện là đừng bao giờ rơi xuống thấp hơn lý tưởng của chúng ta. Chúng ta đừng lầm rằng cách chúng ta hành động trước mặt kẻ khác không quan trọng, mà chúng ta phải thận trọng và thành thật trong chỗ mật thiết cũng như ở giữa công cộng.

C. W. L. Thật hết sức đúng là đừng bao giờ giả bộ, và sự tự phụ nào cũng có tính cách giả dối, nhưng trong khi chúng ta cố gắng tránh khỏi tánh đó, chúng ta lại e rằng mình sẽ ngã vào sự quá độ đối lập. Đôi khi nhiều người nói rằng: "Tôi là thế nào, tôi muốn tỏ ra như thế đó", rồi họ để lộ ra phần xấu tệ, rất thô tục và rất tầm thường nhất của họ. Lẽ tự nhiên cái đó chẳng phải là chân tướng thực sự của họ mà là sự mô phỏng rất thấp kém, rất xấu xa và đê tiện của con người thật sự. Cái gì cao thượng nhất, tốt đẹp nhất và thanh cao nhất, trong bản chất con người, chính là cái gần nhất với Chơn Ngã. Do đó, muốn sống một cách tự nhiên, chúng ta phải biểu lộ trạng thái tuyệt đẹp của mình.

Làm bộ sùng tín là một hình thức láo xược. Một người kia trước mặt bạn tỏ ra là một nhà Huyền Bí Học, nhưng đồng thời y lại nói nhiều về địa vị cao sang của y và lòng khoan dung của y; y cho biết rằng y có nhiều quyền năng phi thường và tìm cách làm cho những người nhẹ dạ cả tin khâm phục y, cũng như những nhà đạo đức giả thuở xưa: "Họ thích cầu nguyện trong Thánh Đường và ngồi ở mấy góc đường để cho thiên hạ trông thấy". Họ cũng giống như những nhà Luật học và Tu sĩ Do Thái, giả vờ cầu nguyện rất lâu.[31] Bạn nên tin chắc rằng họ không phải là nhà Huyền Bí Học Chân chính. Nhà Huyền Bí Học chân chính không bao giờ giả bộ sùng Đạo, mặc dù y đã quyết sống một cuộc đời đạo đức rất cao thượng hơn kẻ tự xưng là "người tự nhiên".

Thường thường người ta không biết Đức Thầy vì người ta khẳng khái có một ý niệm Ngài phải như thế này hay như thế nọ. Nhưng có thể Đức Thầy thực sự Ngài sống khác hẳn với những điều họ tưởng tượng, Ngài không theo thành kiến và tư tưởng của chúng ta. Ngài vẫn là Ngài, Ngài ngự trên cõi riêng của Ngài và nếu chúng ta nô lệ những thành kiến của mình, thì khi Ngài đến, có lẽ chúng ta không biết được Ngài. Vài người nhất định rằng Đức Chương Giáo sẽ nói và sẽ làm điều gì và các Ngài xử sự ra sao. Bạn không nên để cho thành kiến ngăn cách bạn với Ngài. Chúng ta biết rằng Ngài sẽ dạy về thuyết Bác Ái, nhưng chỉ có Ngài quyết định phương thức và những chi tiết mà thôi. Chúng ta phải nhất định nhận ra cho được Ngài và sẵn sàng đi theo Ngài đến bất cứ nơi nào mà Ngài dắt chúng ta đi tới.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 12

TÌNH BÁC ÁI VÀ SỰ SỐNG THIÊN LIÊNG

Phải phân biệt điều ích kỷ với điều không ích kỷ, bởi vì ích kỷ có thiên hình vạn trạng. Khi con tưởng trừ được tất ích kỷ trong một hình trạng nào rồi, thì nó lại tái sinh trong một hình trạng khác cũng mạnh mẽ như trước vậy. Nhưng lần lần, con mãi lo giúp đỡ kẻ khác cho đến đôi trong trí con không còn chỗ nào và giờ phút nào nghĩ đến con nữa.

A. B. Ở đây Đức Thầy mô tả các điều mà tôi tưởng là cách duy nhất để đi đến tánh hoàn toàn vị tha. Chắc chắn là có thể diệt được một hình thức đặc biệt của tánh ích kỷ khi chúng ta đem tất cả sức cố gắng đang trừ tận gốc rễ nó, nhưng theo lời Đức Thầy nói, nó sẽ tái sinh dưới một hình thức khác. Như thế bạn sẽ mất nhiều thì giờ để tiêu diệt một loại ích kỷ nào đó, rồi bạn ở vào tình thế của Hercule khi giết con rắn chín đầu (Hydre); hễ đầu này bị chặt đứt thì đầu khác lại mọc lên. Nhưng phương thức dấn dò ở đây trừ được tận gốc.

Một trong những kết quả quý nhất mà lòng sùng tín hiển cho chúng ta ở đây, tôi tưởng nó đẹp hơn hết, ấy là tư tưởng mà ta hiến cho một người khác để làm mục đích của sự sùng đạo; tư tưởng này chiếm trọn cả trí óc của chúng

ta và chúng ta quên mình mà không có sự cố gắng đặc biệt nào cả. Đó là cách phát triển thật sự: . . . cũng như đoá hoa tăng trưởng một cách vô tâm nhưng tha thiết muốn mở rộng tâm hồn dưới ánh dương quang" [32].

Tất cả mọi cố gắng là một dấu hiệu của sự yếu đuối, nếu bạn tìm được những phương thức khéo léo để thuyết dụ được bạn bằng cách nào đó, thì đó quả là một sự thắng lợi lớn lao. Bạn sửa đổi dòng tư tưởng, bạn tập trung năng lực vào chiều hướng tốt lành rồi tánh xấu sẽ chết dần mòn. Đó chính là cách hay hơn hết để chế ngự các tánh xấu của mình, bởi vì nghĩ đến tánh xấu, dù là hối hận, cũng gia tăng sức mạnh của nó.

Bạn chỉ nghĩ đến kẻ khác thôi, rồi Đức Thầy đã nói, bạn sẽ không còn thì giờ cũng như không còn chỗ trống nào trong tâm trí để nghĩ đến chính mình nữa. Và điều này sẽ là hạnh phúc của bạn. Riêng tôi, tôi nhận thấy quả đúng như vậy. Khi tôi muốn phiền muộn và có hơi luyến tiếc một chuyện riêng tư (Tôi tưởng hiện giờ không còn như thế nữa, trước kia tôi đã bị điều đó rồi) thì tôi đem hết tâm trí tôi lo giúp đỡ kẻ khác và làm việc cho họ. Buồn bực về những trường hợp chỉ làm cho một mình chúng ta xúc động là ích kỷ vậy. Điều đó chỉ đem lại sự đau khổ cho chúng ta thôi. Tuy nhiên nhiều người vẫn làm như thế. Họ ngồi xuống và nói: "Ôi buồn quá! Khổ quá! Thật đau đớn cho tôi. Người ấy không cần đến tôi, không lo lắng gì đến tôi, không thương yêu tôi". Rồi cứ than van mãi như thế không thôi.

Mấy điều đó là ích kỷ: Phương thức chữa bệnh buồn bực lẫn bệnh ích kỷ là tức khắc làm việc đặng giúp đỡ một người khác. Trong khi làm việc, trí của bạn không thể chứa một lượt hai mục tiêu và khi bạn không còn nghĩ đến bạn nữa thì bạn bắt đầu có hạnh phúc. Bạn tìm hạnh phúc từ khi bạn có thể nói rằng: "Tôi không đòi hỏi những ai ở chung quanh tôi một điều gì cả. Tôi yêu thương họ và không cần cái chi cả để bù đắp lại". Thường thường người ta gọi là tình thương, một mảnh tình bị lớp màn ích kỷ dày đặc bao bọc. Tình thương gây ra sự đau khổ ư; thì chính là sự ích kỷ đã hiện diện trong đó.

Đây là một bài học rất khó cho những kẻ thành tâm, và có tình thân ái, tôi vẫn biết như thế. Tuy nhiên chúng ta phải học lấy bài này vì nó sẽ mang đến hạnh phúc và sự bằng an cho chúng ta. Chính tôi đã kinh nghiệm điều đó rồi. Bạn hãy tập trung thương yêu tất cả mọi người và đừng đòi hỏi một điều gì để đền đáp lại và khi bạn đạt được mục đích, nhiều người sẽ thương yêu bạn, nhưng ngày nào bạn còn tỏ ra thèm thuồng, thì bản năng tự nhiên của họ lại dè dặt, thận trọng. Bài học thật khó khăn thay, nhưng khi đã hoàn toàn

lãnh hội được, thì nó sẽ mang lại một sự an tĩnh không thể nào lay chuyển nổi, dù cho người mà chúng ta hết dạ yêu thương trở nên khó chịu với chúng ta trong chốc lát. Không có gì đáng kể: bạn biết rằng một ngày kia người ấy sẽ đổi thái độ và trong khi chờ đợi, bạn vẫn thương yêu y như trước. Bạn đâu khó chẳng? Hãy quyết định đừng lo đến điều đó. Bạn hãy thầm nói rằng: "Dù cho sự đau khổ của bản ngã thấp hèn của tôi đến thế nào chẳng nữa, điều đó đối với tôi không có nghĩa lý gì hết". Chúng ta là gì? Hay ít ra bản ngã thấp hèn của chúng ta là thế nào, mà chúng ta thương hại cho những sự đau khổ của chúng ta hay là đòi quyền được kẻ khác thương yêu? Nếu bạn giữ thái độ đó với những nỗi khổ đau của bạn thì bạn sẽ vượt lên trên nó được.

C. W. L. Nghĩ đến một điều lầm lỗi là tăng thêm sức cho nó. Đó là điều sai lầm mà hệ thống Cơ Đốc giáo thường vướng phải về việc truyền lệnh cho con người phải ăn năn và hối hận những lỗi của mình. Khi con người càng hối hận, y càng nhấn mạnh tư tưởng của y về những tội lỗi của y đã làm thì chúng càng tăng thêm ảnh hưởng của chúng. Trái lại, nếu người ta tiếp tục theo đuổi con đường của mình và làm việc cho kẻ khác, thì hình tư tưởng đó không được thêm sức, nên tự nhiên nó phải chết và tự tách rời ra rồi rơi vào sự lãng quên. Tự xét mình một cách yếu đuối, bệnh hoạn thường biến một lỗi nhẹ thành ra một lỗi nặng. Người ta thường nghĩ đến những đứa trẻ luôn luôn nhổ gốc cây coi nó có mọc không. Cũng như một người kia đầy nhiệt tâm đang làm một việc tốt đẹp và cao quý, rồi y bắt đầu tự nghi ngờ mình và thầm nói: "Tôi không chắc vì lý do của tôi là trong sạch, tôi phải hành động vì lòng kiêu hãnh của tôi", hoặc nếu người ấy làm giảm bớt những nỗi khổ đau của kẻ khác rồi y lại nghĩ: "Thật ra trong đó có sự ích kỷ; vì không thể chịu được việc mục kích những nỗi thống khổ này, tôi đã xoa dịu chúng". Trong Thánh Đường Anh Quốc, người ta nói: "Lạy Chúa xin thương xót chúng tôi là kẻ tội lỗi rất khôn khổ". Chúng ta là kẻ tội lỗi, có thể đúng như vậy, nhưng làm cho tội lỗi chúng ta trầm trọng thêm do những sự đau khổ của chúng ta và làm cho những kẻ khác cũng khôn khổ như mình thì thật là vô ích. Đừng bao giờ nhấn mạnh về quá khứ mà hãy quyết tâm làm cho tốt đẹp hơn trong tương lai. Rất vô ích mà cầu mong lúc bây giờ đừng làm việc này hay việc nọ. Tốt hơn nên nói: "Tôi đã làm việc ấy, đó là điều đáng tiếc. Mặc kệ. Đây là hoàn cảnh hiện tại của công việc. Tôi phải xem xét coi điều gì tôi có thể làm được để cho công việc tốt đẹp hơn". Tôi không muốn nói rằng tới một mức độ cao siêu chúng ta không thể sửa chữa dĩ vãng được, nhưng điều đó kể ra đây là một việc ít thực tế đối với chúng ta vậy.

Trong Bát Chánh Đạo của Đấng Thế Tôn, Đức Phật của chúng ta, con đường thứ bảy là Chánh Niệm. Đức Phật nói với những người theo Ngài như sau: "Phải hết sức đề phòng trong việc khêu gợi những ký ức của các con. Nếu các con nói: không thể quên được điều gì, tức là các con chưa làm chủ được ký ức của các con, các con không chế ngự được trí tuệ của các con, nó vốn là một thành phần của các con. Cái đó cũng giống như khi các con đi ngoài đường các con lượm tất cả những rác rến nhơ bẩn mà các con gặp. Các con chất chứa bừa bãi trong ký ức của các con tất cả những thứ vô ích và xấu xa. Các con chỉ nên nhớ những chuyện tốt lành và đặc biệt, hãy quên phứt những chuyện khác". Rồi Đức Phật kể một cách tỉ mỉ và rõ ràng những điều nào mà phải quên, như những lời xúc phạm làm phật ý, méch lòng, sự khinh bỉ và những sự nhục mạ tưởng tượng. Chúng thuộc về những điều chúng ta phải triệt để quên mất đi. Trái lại, thuộc về những điều phải ghi nhớ là những lời nhân từ của kẻ khác đã nói với chúng ta, tất cả những ân nghĩa mà chúng ta đã thọ lãnh, tất cả những tánh tốt mà chúng ta đã nhận thấy ở kẻ khác.

Chúng ta phải tập thương yêu những người mình gặp trong cuộc sống hằng ngày. Tôi không nói rằng phải thương tất cả đồng bậc với nhau. Người ta không đòi hỏi điều đó. Chính Đức Phật cũng có một đệ tử mà Ngài thương hơn hết là Ananda (Ác-nan) và Đấng Christ cũng có một đệ tử mà Ngài yêu nhất là Thánh Gioan (Saint Jean). Trong buổi ăn cuối cùng trước ngày mà Ngài chịu khổ nạn, Thánh Gioan nép mình vào lòng Ngài. Chúng ta không bị bắt buộc phải thương yêu mọi người giống như nhau, hoặc phải thương yêu họ như thương cha, mẹ, vợ, con. Trái lại ta nên tỏ ra rất tử tế và có lòng thương yêu đối với tất cả mọi người, mà không hề oán ghét một ai. Chúng ta phải có thái độ này và không hề trông mong kẻ khác đền đáp lại. Mọi sự thỉnh cầu đều bao hàm một cao vọng; yếu tố ham muốn lại dựa vào. Rồi chúng ta lại nghĩ đến mình chớ chẳng phải nhớ đến những người mà mình thương yêu. Ban rải sự yêu thương mà không có ý mong mỗi được đền đáp lại, chỉ như thế mới đáng gọi là tình thương. Không có lòng thương người (vị tha), thì con người sẽ nuôi tánh ghen ghét, tật đố cùng nhiều sự ham muốn khác. Tình thương của họ không phản chiếu một màu hồng đẹp đẽ và trong trẻo mà lại nhuộm màu đỏ nâu, ấy là một sự biểu hiện buồn bực mà hình dáng cũng xấu xa và thâm đậm; thay vì tỏa ra như ánh sáng mặt trời, nó lại cong xuống và giữ chặt lại, nó truyền ra theo đường cong khép kín, thường chỉ ảnh hưởng đến kẻ sinh ra nó mà thôi. Tình bác ái thiêng liêng triệt để làm cho các cõi chuyển động. Nó tỏa ra những đường cong rộng lớn vô cùng nhưng chúng không trở về trung tâm và cũng không muốn quay lại

con đường chúng đã đi. Tình bác ái đó ban rải ra theo những thứ nguyên khác nhau và trên những cõi khác nhau để hoàn thành cơ tạo theo Thiên Ý. Đó là bài học mà chúng ta phải học cho thật thuộc. Nó rất khó bởi vì muốn thành công chúng ta phải diệt trừ bản ngã thấp hèn, nhưng đó chính là con đường dẫn đến sự an lạc vậy.

Con phải phân biệt một cách khác nữa. Phải tập phân biệt Đức Thượng Đế trong mọi loài và trong mọi vật, dù chúng có thật xấu xa hay dường như có vẻ xấu xa cũng vậy.

Con có thể giúp người huynh đệ của con luôn luôn là nhờ con với y đồng chung có sự sống thiêng liêng trong mình. Hãy học hỏi cách kêu gọi sự sống đó trong người y. Như thế con mới ngăn ngừa nó khỏi bị tai hại.

A. B. Đây là bài học cuối cùng về sự phân biệt điều chân với điều giả. Dù chúng ta đứng trước sự xấu xa đến đâu đi nữa phải biết vẫn có Đức Thượng Đế trong đó, bởi vì nó không thể hiện hữu, nếu không có Ngài hiện diện bên trong. Trong những bản Kinh Thánh Ấn Độ không ngớt lặp lại chân lý này: "Ta là cách chơi của kẻ gian lận" [33]. Đó là lời nói của Đức Thượng Đế trong quyển Thánh Ca - Bhagavad Gita - , câu cách ngôn này thường gây bức tức rất nhiều cho độc giả. Tuy nhiên đó là chân lý, kẻ gian phải học một bài học bằng cách ấy, vì không chịu học bằng phương pháp tốt đẹp hơn. Người nào không thể tuân theo giới luật; thì phải học theo cách kinh nghiệm những luật tự nhiên. Những luật mà chúng ta gọi là luật tự nhiên như thế vốn là sự biểu lộ cụ thể hữu hình nhất của trí tuệ thiêng liêng.

Chúng nó vốn vững vàng như đá, không lay chuyển được. Trong khi va chạm vào chúng nó mà bị thương tích, con người nhờ sự đau đớn, mới học tập cách tránh xa những sai quấy như thế trong tương lai. Người nào không chịu học tập bằng những giới luật hoặc bằng những gương mẫu (ở đời không thiếu chi gương mẫu) thì y bắt buộc phải học tập bằng sự đau khổ là sự báo ứng của sự vi phạm Luật Trời. Dù sao y cũng được đưa đi đến chỗ hiệp nhất, bởi vì sự tiến hóa là sự biểu hiện của Thiên Ý và ý chí của Thượng Đế. Tôi tin rằng chính đây là ý nghĩa của câu Thánh Kinh Do Thái: "Nếu ta lên Trời, thì người cũng lên đó với ta". Đến đây không có chi là mờ ám khó hiểu. Tất cả chúng ta đều biết rằng Đức Thượng Đế ở trên Trời.

Nhưng tác giả Thánh Kinh nói tiếp: "Nếu ta ngủ dưới địa ngục, thì người cũng ở đó" [34].

Vậy bạn nên biết Trời ở trong tất cả những gì chung quanh bạn; cái khác còn lại không liên quan chi đến bạn. Đó là một cách và cũng là một cách duy nhất để bạn giúp đỡ người huynh đệ của bạn bởi vì cả hai đồng chung sự sống thiêng liêng. Ngoài điều đó ra, thì tất cả cái còn lại đều dị biệt. Nhưng về sự sống thiêng liêng thì cả hai chỉ là một. Ấy là một phương tiện, một đòn bẩy có thể dùng để giúp đỡ bằng mọi cách. Bạn muốn giúp đỡ một người nào để trừ khử một tật xấu của y chẳng? Bạn nên nhớ rằng ý muốn diệt trừ tánh xấu của y cũng nhiệt thành như ý muốn của bạn. Y khổ sở vì tật xấu của y và nếu gặp được "con người thật" trong mình y thì bạn sẽ thấy y khao khát được giải trừ tất tật xấu ấy là dường nào! Đó mới thật là cách giúp đỡ. Con đường nội tâm không làm hại hoặc si nhục đến ai bao giờ.

C. W. L. Tất cả những gì hiện hữu trong cõi này, cũng như ở những cõi khác, đều là một biểu hiện của sự sống thiêng liêng; do đó, tất cả, điều lành cũng như điều dữ, đều là sự biểu hiện của Thượng Đế. Không một vật gì hiện hữu được nếu không có Thượng Đế là trái tim và cột rễ của nó. Tất cả những bản Thánh Kinh đều nhấn mạnh đến sự kiện này. Chẳng hạn như trong Thánh Kinh Cơ Đốc: "Ta tạo ra ánh sáng và làm ra bóng tối; Ta tạo ra sự bình an và gây ra tai hoạ; chính ta là Yaweh, Đấng đã làm ra mấy điều đó" [35]. Người ta rất khó hiểu được tại sao những gì mà con người cho là sự ác lại cũng là thiêng liêng, nhưng sự thật là như thế. Vẫn có những anh Bàng Môn Tả Đạo và những kẻ đồi bại, bất chính đủ hạng, nhưng trong mình của họ đều có sự sống thiêng liêng, bởi vì ngoài nó ra không có sự sống nào khác.

Nếu một người kia vì vô minh và vô lý làm ác thì chung qui điều lành cũng sẽ do đó mà sinh ra. Người đó không thể tiến hóa bằng cách nào khác hơn được. Kẻ gian xảo sẽ lừa bịp, y đã quyết định như thế. Trong khi chờ đợi, y không thoát khỏi Luật Trời. Y đã phạm tội, nhưng từ cái quấy y thu thập được một sự lợi ích là học được một bài học và sự thất bại sẽ dắt y vào con đường chánh. Chính vì thế mà phải nói rằng đó là một phương thuốc cuối cùng, nhưng cũng là một phương thuốc vậy; chúng ta phải biết rằng nó thuộc về Thiên Cơ.

Theo một ý nghĩ nào đó, nhất định tất cả đều là Thượng Đế; nhưng nói như

thể không đúng với ý nghĩa trong mấy câu này: ấy là tinh thần của Thượng Đế trong mỗi cá nhân làm ra con người. Nếu bạn có thể thấy xuyên qua Phàm Nhon quá biến dạng, quá đòi trụy này để đi đến sự sống thiêng liêng trong con người thì bạn mới có thể kêu gọi nó. Đừng quên rằng kẻ dữ với tư cách là Linh Hồn vẫn khao khát sự tiến bộ như chúng ta vậy. Y muốn được giải trừ khỏi sự ác, nó đeo đuổi, nó ám ảnh và khuấy rối bản ngã y. Nếu ta đi đến được tâm hồn của y bằng cách soi thấu lớp vỏ bề ngoài do sự cứng rắn và sự hung ác của y tạo thành, thì kẻ dữ sẽ vội vàng trợ lực chúng ta để giúp Phàm Nhon.

Một phần lớn trong đời tôi, tôi làm Mục Sư và phụ tá ngoài Giáo Hội (người lương), tôi đã làm việc trong những khu vực tồi tệ nhất ở Anh Quốc. Tôi đã thấy nhiều người mà thiên hạ cho là những kẻ sát nhân tàn nhẫn, đến nỗi tôi không mong gì cải hóa, nhưng tôi không hề gặp một người nào mà không có trong tận đáy lòng một điểm lành; thí dụ như tình thương của y đối với một con chó, dường như chỉ có điều này nhắc nhở chúng ta y là một con người mà thôi, nhược bằng không có điều này, thì y quả là một con thú, một con thú nguy hiểm. Tuy nhiên, trong người y có sự sống duy nhất. Về phương diện chính xác này, nếu chúng ta giao thiệp được với y thì chúng ta còn hy vọng kêu gọi sự sống duy nhất đó, chúng ta có thể giúp y tiến lên.

A. B. Đức Thầy chấm dứt bằng mấy lời này: "Như thế con ngăn ngừa được người huynh đệ của con khỏi bị tai hại". Ở đây lời kêu gọi của Ngài mạnh mẽ hơn hết. Thật ra, đối với vị đệ tử, công việc đó là lý do và mục tiêu của đời sống, bởi vì vị này chỉ có một ước vọng duy nhất là trở thành một Đấng Cứu Thế. Không có lời kêu gọi nào đem lại sự ích lợi cho cá nhân của người đệ tử có hiệu lực hơn là lời kêu gọi này. Đức Thầy chỉ sống để giúp đời. Đời sống chúng ta càng biểu hiện tinh thần phục vụ thì nó càng giống hệt đời sống của Ngài.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 13

TÁNH ĐOẠN TUYỆT

DIỆT TRỪ SỰ HAM MUỐN

A. B. Bây giờ chúng ta đã đến đức tánh thứ hai mà tiếng Phạn gọi là vairagya và theo Đức Thầy gọi bằng Anh ngữ là Tánh Đoạn Tuyệt. Phiên dịch như thế thật rất đúng. Trước kia tôi dùng danh từ "không đắm mê", nhưng từ nay tôi sẽ đổi lại là Tánh Đoạn Tuyệt như Đức Thầy đã chọn.

Đối với nhiều người thì tánh đoạn tuyệt là một đức tánh khó tập được, vì họ tưởng rằng những điều ham muốn tạo ra con người họ. Và nếu những điều ham muốn riêng tư, những thiện cảm và những bất thiện cảm của họ bị diệt mất, thì họ không còn cái chi cả.

A. B. Hầu hết những người thành tâm muốn đi trên con Đường Đạo đều nhận biết Chân lý của câu đầu tiên, trong đó Đức Thầy nói rằng Tánh Đoạn Tuyệt là một đức tánh được chỉ định cần thiết và khó tập được. Bởi vì con người đồng hóa với dục vọng của mình nên sự khó khăn mới do đó sinh ra. Ngày nào một dục vọng chưa được thỏa mãn còn làm cho bạn khổ sở, thì ngày đó bạn còn đồng hóa với nó. Tốt hơn là biết và nhìn nhận điều đó, bởi vì rất dễ mà tưởng rằng bạn đã thoát ra khỏi dục vọng, nhưng thật ra bạn chưa giải trừ được chút nào. Một số đông người đời thích cho rằng họ đã chủ trị được những dục vọng của họ, tuy nhiên trọn đời họ và mỗi hành vi của họ đều chứng tỏ họ chưa thoát khỏi tay chúng nó. Điều hay hơn hết là nhận ra sự thật ấy, nếu bạn chưa làm được điều đó; rồi bạn mới sẵn sàng áp dụng phương thuốc.

Bước đầu tiên là chú trọng đến ý niệm này: "Tôi không phải là dục vọng". Đến đây bạn có thể nhờ sự giải thích của tôi về vấn đề bầm tính. Bầm tính này cũng thay đổi như dục vọng. Vậy cái gì thay đổi đều không thể là Chơn Ngã và tất cả mọi sự xao động thay đổi đều không liên hệ gì đến nó. Chẳng hạn, tôi biết có nhiều người, một hôm nói như vậy: "Hữu phước thay được ở bên Adyar và suy gẫm về những việc trọng đại xảy ra bên ấy". Nhưng ngày mai, họ lại thấy tinh thần suy nhược, họ ngã lòng, rùn chí. Họ không phải là bầm tính bất thường này, không phải là sự nhiệt thành, mà cũng không phải sự ngã lòng thật là bạn đâu. Cả hai chỉ là sự rung động tạm thời của Cái Vía, do sự đụng chạm bên ngoài gây ra.

Do đó, người ta khuyên bạn nên tham thiền mỗi ngày, bởi vì khi dục vọng

của bạn chưa nằm yên, bạn không thể nào tham thiền cho có hiệu quả được. Nhờ tham thiền đều đặn và tận tâm dần dần bạn sẽ phân biệt được Chơn Ngã ẩn phía sau những sự ham muốn của bạn. Hãy kiên tâm tiếp tục tham thiền trọn ngày tập lấy thái độ cần thiết, thì bạn sẽ bắt đầu phân biệt được Chơn Ngã một cách thường trực. Rồi bạn sẽ không còn đồng hóa bạn với dục vọng của bạn và không còn luôn luôn cảm thấy rằng: "Tôi có ý định, tôi ước mong, tôi muốn" mà bạn sẽ nghĩ rằng: "Không phải là Chơn Ngã của tôi đâu mà ấy là bản ngã thấp hèn của tôi đó".

Đây là bài học đầu tiên và trọng đại mà Đức Thầy dạy về các Đức tánh cần thiết thứ hai. Trước khi được Điểm Đạo [36], chúng ta không bị bắt buộc phải đoạn tuyệt hoàn toàn. Tuy nhiên, Đức Thầy mong mỗi bạn thực hiện được một phần lớn lao của sự đoạn tuyệt, và đối với chúng ta, ý muốn của Ngài là một định luật Trước khi bạn có thể được Điểm Đạo, thì tất cả những sự dao động từ sự ngã lòng, rùn chí qua sự bông bột, sôi nổi, hai cực đó đều phải chấm dứt.

C. W. L. Nhiều người không cố gắng chút nào để phân biệt dục vọng với Chơn Ngã, mà họ nói rằng: "Trời sinh tôi ra thế nào thì tôi thế ấy. Nếu tánh tình tôi không tốt, ý chí tôi bạc nhược, thì cũng do Ngài tạo ra. Nếu tôi không đủ nghị lực chống chọi lại sự cám dỗ, đó là tại tôi sinh ra như thế". Họ không hiểu rằng trong những kiếp quá khứ, họ đã tự tạo ra chính họ, nhưng có thói quen xem tính khí họ như vật bất biến mà người ta tặng cho họ, cũng như một người có thể sinh ra đã đui mù hay què quặt vậy. Họ không nhận rõ họ có bốn phận sửa đổi tánh xấu của họ. Họ không biết rằng họ có khả năng sửa đổi và họ không thấy tại sao họ phải nhọc công như thế.

Thường thường người bậc trung không thấy được lý do nào đủ sức thúc giục y đảm đương công việc rất khó nhọc để sửa đổi tánh tình. Vài người nói với y rằng: "Nếu bạn không sửa đổi tánh tình thì bạn không được lên Thiên Đàng". Nhưng nhiều người trả lời rằng đối với họ sự buồn bực ở trên Trời không thể diễn tả được và họ hy vọng có một tương lai khác hơn. Thật ra, chắc chắn lý thuyết về đời sống trên cõi Thiên Đàng dù được truyền bá rộng rãi, nó cũng ít có ảnh hưởng thực tiễn đến đa số quần chúng, chắc chắn bởi vì nó ít đúng với sự thật. Trong tất cả những lý thuyết mà tôi đã biết, chỉ có một lý thuyết dường như có thể thúc đẩy con người cố gắng được mà thôi: đó là giáo lý Thông Thiên Học. Thông Thiên Học chỉ cho chúng ta việc nào đáng cho chúng ta phải cố gắng. Nó cũng chỉ cho chúng ta biết rằng chúng ta

có đủ cơ hội và thì giờ để thành công một cách trọn vẹn. Nếu con người hiểu được Thiên Cơ và tìm cách phụng sự nó, thì y đã tìm được động lực mạnh mẽ nhất để góp công vào sự tiến hóa và chuẩn bị cho nhiệm vụ đó. Rồi y nhận biết rằng y có thể sửa đổi triệt để tính khí và bản chất của y và y biết chắc chắn sẽ thành công.

Chon Ngã quyết định tiến hóa, lo phát triển Phàm Nhon và làm cho các thể thấp hòa nhịp với Ngài đang thành những khí cụ để cho Ngài dùng. Mọi sự ham muốn thuộc về loại khác và bản tính trái ngược chứng tỏ rằng nó không thuộc về Linh Hồn. Do đó, chúng ta không nói: "Tôi muốn cái này", mà lại nói : "Tinh chất dục vọng của tôi lại hoạt động. Nó muốn cái này hoặc cái kia, nhưng tôi là Chon Ngã, tôi muốn tiến hóa. Tôi muốn cộng tác với Thiên Cơ. Tính khí và những sự ham muốn bất thường này đối với tôi không có nghĩa gì hết". Khi mà một sự ham muốn chưa được thỏa mãn còn có thể làm cho con người đau khổ, thì chắc chắn y còn tự đồng hóa với tinh chất dục vọng của y.

Nhưng mấy người đó chưa thấy được Chon Sur, vì khi đứng trước Thánh Dung, hào quang rực rỡ, thì sự ham muốn nào cũng tiêu tan hết, chỉ trừ việc muốn sao cho được giống như Ngài vậy. Nhưng trước khi có hạnh phúc được đối diện với Ngài, nếu con chí quyết thì con có thể tập tánh đoạn tuyệt được.

A. B. Điều này còn nhắc nhở chúng ta nhớ lại một đoạn Kinh trong quyển Thánh Ca Bhagavad Gita như sau : "Những đối tượng của giác quan, chớ không phải sự ham muốn những đối tượng này, sẽ quay đi chỗ khác tránh xa người tiết dục, và sự ham muốn còn lại cũng bỏ y mà đi, khi người ấy thấy được Đấng Tối Cao " [37].

Tất cả dục vọng đều tiêu tan, khi con người thấy thoáng qua một đối tượng duy nhất đáng ước mong. Bởi đó khi bạn được phép thấy Chon Sur thì sự hiện diện của Ngài giúp bạn không những thoát khỏi những điều ham muốn, mà còn giải trừ ngay tánh ham muốn nữa. Tánh ham muốn là một cái rễ có nhiều nhánh nhóc; người ta ra công chặt đứt những nhánh nhóc này, nhưng khi mà rễ cái còn thì nó sẽ sinh những nhánh nhóc mới khác mà sự hiệp nhất với Đức Thầy sẽ giải thoát bạn khỏi cội rễ của mọi sự ham muốn.

Tuy nhiên, Đức Thầy nói với chúng ta rằng, trước đó, nếu con muốn, thì con sẽ đạt được Tánh Đoạn Tuyệt. Ba chữ "Nếu con muốn" chứng tỏ một sự quan trọng đặc biệt. Chúng chỉ cho chúng ta thấy đâu là chỗ khó khăn. Không phải chỉ là tài năng mà thôi, nhưng hầu hết luôn luôn không có ý chí hoạt động. Nếu nghị lực của bạn dùng để lo lắng cho công việc của bạn trên Đường Đạo cũng bằng nghị lực của bạn sử dụng để điều khiển hoạt động của bạn ở thế gian, thì sự tiến bộ của bạn sẽ nhanh chóng hơn nhiều.

C. W. L. Đây là một trong những câu châm ngôn đẹp nhất trong quyển sách quý giá này. Thật thế, khi bạn thấy được Chơn Sư và hiểu được Ngài là sao, thì mọi dục vọng thấp hèn của bạn đều tiêu tan. Trọn cả con người bạn đều thấm nhuần một thứ gì cao thượng hơn. Nhiều người mong muốn có Tánh Đoạn Tuyệt, nhưng họ luôn luôn bám víu vào những vật họ ham muốn và họ đau khổ khi thiếu chúng nó. Thật sự họ không ước mong có Tánh Đoạn Tuyệt đâu. Họ chỉ có tư tưởng cầu mong mà thôi. Đó chỉ là bề ngoài, chứ không phải trong thâm tâm của Phạm Nhơn họ. Điều hay hơn hết chúng ta nên tự vấn chúng ta trên phương diện này, chúng ta suy xét kỹ lưỡng để xem coi chúng ta có quả thật thoát khỏi những dục vọng thấp hèn này chưa. Người Thông Thiên Học thường cho rằng mình đã đạt được Tánh Đoạn Tuyệt và xem dục vọng như những vật vô hại, nhưng có nhiều vật nhỏ mọn không đáng kể đó lại bám rễ rất sâu. Người ta tạo thanh chúng nó trên mặt, nhưng chúng nó xuất hiện lại dưới những hình thức mới và thật khó quả quyết là chúng nó mất hẳn. Phước thay cho chúng ta, trong tình trạng hiện tại, không phải bắt buộc tận diệt các dục vọng. Sau khi được Điểm Đạo, những rễ của vài thứ dục vọng còn sống sót, nhưng rồi phải nhổ tận gốc chúng. Tuy nhiên, tốt hơn hết nên nhổ sạch chúng ngay bây giờ đây. Bước tiến hóa của chúng ta sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn. Chúng ta thực hiện điều này được, vì Đức Thầy không hề kêu gọi điều gì mà chúng ta không thể làm được, dù Ngài có đưa đến cho chúng ta những nhiệm vụ để thử thách sự bền chí hay sức mạnh tinh thần của chúng ta; đó là những nhiệm vụ cần thiết nếu chúng ta muốn tiến bộ nhanh chóng.

Tánh phân biệt đã chỉ rõ rằng những vật mà phần đông người đời khao khát như của cải, quyền thế, thì không đáng nhọc công chiếm hữu chút nào. Song khi nào thật hiểu điều này, chứ không phải chỉ nói ra mà thôi,

thì sự ham muốn mấy điều đó mới tiêu tan.

A. B. Những sự ham muốn về của cải và quyền thế đều mang nhiều hình thức khác nhau, chúng không luôn luôn thuộc về tiền tài, thế lực của xã hội hay chính trị. Thường thường tài sản là vật mà người ta ước muốn đầu tiên, nhưng chính nó không phải là một vật sở hữu có ích lợi, vì nó khuyến khích sự ham muốn và không bảo đảm được hạnh phúc, như người ta có thể nhận thấy ở những nhà giàu, họ không làm ra một hạng người có phước. Đối với quyền tước xã hội hay chính trị cũng thế. Tất cả là bụi bặm, hào nhoáng, đồ giả chứ không phải vàng ròng. Kinh Gita có nói rằng: ***"Người khôn ngoan luôn luôn bằng lòng, mặc dù có những gì xảy đến cho họ; hoặc nói cách khác, người vui lòng và lợi dụng những gì có thể giúp ích được mà không mất thì giờ và nhọc công cầu xin điều gì khác"***.

Ít có người chiếm được địa vị cao sang trong xã hội hay chính trị, nhưng dù không chiếm được địa vị đó đi nữa sự cảm dỗ của quyền tước cũng vẫn thường có. Quyền tước bao gồm sự ham muốn bắt buộc kẻ khác tuân theo mệnh lệnh của mình, cùng là can thiệp vào những công chuyện của người khác và điều khiển chúng thay vì phải lo liệu những công việc riêng của mình. Sự ham muốn quyền tước trong xã hội hay chính trị chắc là không lan rộng lắm, nhưng thường thường người ta chú ý đến một điều ao ước xấu xa là muốn thấy kẻ khác hành động theo ý tưởng của chúng ta. Phải trừ khử tánh này, nếu chúng ta muốn tiến bộ. Những người đã quyết định đi đến mục đích, như phần đông chúng ta, thì sẽ thấy ngay rằng bản ngã thấp hèn của chúng ta cho chúng ta nhiều điều phải làm, nó không cố gắng xúi giục chúng ta xen vào đời sống của thiên hạ. Chơn Ngã ở trong ta cũng là một với Chơn Ngã ở trong những kẻ khác và cách Chơn Ngã thích biểu hiện trong những kẻ khác chỉ liên hệ đến họ, chứ không dính dấp gì đến chúng ta. Thế nên, phải từ bỏ mọi khuynh hướng can thiệp.

Bạn không có quyền can thiệp, chỉ trừ khi nào bạn có bốn phận, nghĩa là trong trường hợp duy nhất mà bị hạn chế là bạn có quyền điều khiển những người mà Tạo Hóa hay Nhân Quả đặt để dưới quyền bạn, chẳng hạn như con cái, tôi tớ hay thợ thầy của bạn. Đối với trẻ con, sự chỉ huy là sự bảo vệ nó trong suốt thời kỳ nó còn yếu đuối cần được chở che. Sự chỉ huy phải giảm dần dần khi Chơn Nhơn của nó chiếm lấy những thể của nó một cách trọn vẹn hơn. Đối với những người đồng đẳng với bạn (tôi dùng chữ đồng đẳng với nghĩa rộng của nó), thì lẽ tất nhiên là bạn không có quyền can thiệp.

C. W. L. - Những người thường muốn lo lắng cho mấy kẻ khác, chỉ vì họ tưởng rằng họ có khả năng điều khiển công việc của mấy người đó. Nhưng rốt cuộc họ không biết gì hết. Thiên lực đang hoạt động trong mỗi người; chúng ta hãy để nó hành động theo cách thể riêng của nó. Đấng Christ há chẳng nhắc nhở những người Do Thái đoạn này trong Thánh Kinh của họ sao: "Các người là những vị Thượng Đế, và vì việc họ là con cái của Đấng Tối Cao" [38]. Có lẽ đồng bào của bạn hành động đúng; cũng có lẽ sai lầm, nhưng khi mà y thành thật, đúng đắn và chăm chú làm hết sức mình thì mọi sự sẽ tốt đẹp. Hãy để y thắng điểm, dù bạn là tay đánh cầu giỏi hơn y. Đôi khi, người ta có thể khuyên lon kẻ khác thật khéo léo, có lễ độ và thận trọng, nhưng thường lắm, khuyên như thế cũng là vô lễ nữa. Dù bất cứ trường hợp nào cũng đừng bao giờ bắt buộc ai nghe theo ý mình. Việc lo lắng đầu tiên của chúng ta là phải sắp đặt công chuyện của chúng ta cho có trật tự, bởi vì mỗi người phải chịu trách nhiệm đối với chính mình mình.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 14

DUY CÓ MỘT ĐIỀU HAM MUỐN TỐT HƠN HẾT

C. W. L. Ý muốn giải thoát cho riêng mình được biểu lộ nhất ở Ấn Độ, vì tại đây việc tin tưởng vào sự Luân Hồi được phổ biến rất rộng rãi. Đối với người Thiên Chúa Giáo bức trung thì Thiên Đàng cũng là giải thoát chúng ta khỏi đời sống trần tục. Vì những bài học này để dạy một bé trai Ấn Độ, nên trước nhất, nó được đem áp dụng theo những tình thế đặc biệt của xứ Ấn Độ, mặc dù những ý niệm ấy cũng có thể giúp ích rất nhiều cho thế giới Tây Phương của chúng ta. Là người Thông Thiên Học, chúng ta không cố gắng quá sức để được hưởng hạnh phúc trên cõi Thiên Đàng, nơi mà con người phải trải qua nhiều trăm năm hoặc nhiều ngàn năm giữa hai kiếp luân hồi. Nhiều người trong chúng ta thích từ khước trọn vẹn hạnh phúc đó và trở lại tiếp tục liên công việc dưới thế gian. Hơn nữa, đối với những người thành tâm từ khước thì nguyện ước có thể được chấp thuận. Nhưng muốn thực hiện điều này, chúng ta phải có một sức mạnh, vì chúng ta sẽ đem hai Thế Vía và Trí cũ vào trong một Xác Thân mới.

Không phải Thể Vía và Thể Trí bị mỗi một như cái óc xác thịt. Ở đây có một nguyên do khác xen vào là trong kiếp này Thể Vía và Thể Trí chúng ta biểu thị con người của chúng ta giống in như chúng ta lúc ở kiếp chót mới rồi. Khi tiến tới trong cuộc đời, nếu chúng ta sửa chữa chúng rất nhiều, song có lẽ chỉ đạt đến một mức độ nào đó thôi. Chúng ta hãy lấy một thí dụ: có một giới hạn mà khi vượt qua khỏi nó rồi, thì một chiếc xe hơi không thể sửa chữa được nữa hoặc sửa cho tốt hơn. Thường thường thì mua một chiếc xe hơi mới còn hay hơn là tìm cách tân trang cái cũ. Đối với Thể Vía và Thể Trí cũng hơi giống như thế. Sự sửa đổi chúng triệt để đòi hỏi nhiều thì giờ, và có lẽ sự sửa đổi đó rốt cuộc vẫn còn bất toàn. Nếu trong kiếp này khả năng con người đã phát triển nhiều, tốt hơn vì sự tiến hóa của y, y nên lấy những Vía, Trí mới khác để phát biểu, thay vì vá vúi và sửa chữa những thể cũ lại. Việc đầu thai nhanh chóng như thế không phải bao giờ cũng có thể thực hiện được. Tuy nhiên, trước tình thế hiện tại và đặc biệt cần có những người làm việc và Đức Chương Giáo sắp lâm phạm, cho nên thiết tưởng những ai sống một cuộc đời siêng năng và tha thiết muốn đầu thai lại ngay để tiếp tục công việc phụng sự, đều có thể thấy ước nguyện của mình được thành tựu.

Có một đời sống bình thường ở bên kia cửa tử và những ai theo con đường đó thì không cần có những sự chuẩn bị đặc biệt. Còn trái lại, người nào không muốn ở cõi Trung Giới thì phải đệ đơn, hoặc có một vị làm đơn thế cho y. Đơn này phải trình lên Đấng Cao Cả có thẩm quyền, Ngài có thể chấp thuận, nếu Ngài xét thấy "được", nhưng Ngài có thể từ chối, nếu Ngài nhận thấy Ngài hành động như thế hữu ích cho đương sự. Thiết tưởng những người lo lắng về vấn đề này có thể an tâm: những ai mới làm việc giỏi chắc chắn sẽ có những cơ hội khác để theo đuổi con đường phụng sự của mình. Ai mong mới được đi đầu thai lại liền phải tự làm cho mình trở nên người cần thiết và phải chứng tỏ mình là người sẽ giúp đời khi được trở lại cõi Trần một cách nhanh chóng. Và lại đây là cách hay hơn hết để tạo Thể Trí và Thể Vía có đủ điều kiện cần thiết.

Nếu con thật quên mình con trọn vẹn, thì con không còn nhớ tự hỏi lấy con, chừng nào bản ngã con mới được giải thoát, hoặc nó về ở cảnh trời nào. Con hãy nhớ rằng mỗi việc ham muốn ích kỷ, dù mục đích cao thượng thế mấy đi nữa cũng là một sợi dây ràng buộc; và ngày nào con không diệt hết những điều ham muốn, thì ngày đó con chưa được rảnh rang đăng hiến mình cho công việc của Chơn Sư.

A. B. Đừng quên rằng hai cõi Trung Giới và Thượng Giới vẫn làm bằng vật chất, mặc dù chúng được cấu tạo bằng chất khí thanh bai hơn chất Hồng Trần. Chúng nó cũng là cõi hữu hình đầy đầy những đồ vật kích thích sự ham muốn. Sự ham muốn về Thiên Đàng ở cõi Hạ Thiên, cũng như sự ham muốn của Phạm Nhơn ở cõi Trần: nhưng cõi Thiên Đàng chỉ xa xôi hơn và mịn màng hơn. Sự ham muốn thứ nhất hơn sự ham muốn thứ nhì bởi nó chống lại bản chất của dục vọng vì bản chất này không được thỏa mãn ngay tức khắc. Như thế sự ham muốn về cõi Thiên Đàng thường giúp cho con người thoát khỏi những sự ham muốn thường tình và đồng thời nó chuẩn bị con người đi tìm kiếm những thú vui cao thượng hơn và trong lòng nghĩ đến chúng nhiều hơn là nhớ đến thú vui thô tục. Dĩ nhiên, đối với nhiều người rất vô ích mà nói với họ rằng : "Các anh hãy diệt sự ham muốn đi". Bạn muốn giúp một người bỏ những thú vui ăn uống và những thú vui xác thịt ư, bạn hãy thức tỉnh y đặng y ham muốn về cõi Thiên Đàng, hầu giúp y không còn nuôi dưỡng những sự ham muốn thấp hèn nữa. Vì vậy tất cả các Tôn Giáo đều nhấn mạnh về thuyết Thiên Đàng và Địa Ngục. Chính Đức Phật cũng đề cập đến vấn đề này khi Ngài nói với những người thường.

Những người chí nguyện theo đuổi con Đường Đạo chẳng những phải dứt bỏ ý muốn lên Thiên Đàng mà còn phải từ bỏ ý muốn riêng mình được giải thoát khỏi vòng sinh tử, luân hồi, nghĩa là ý muốn "moksha" [39]. Lý do rất giản dị và Đức Thầy đã giải ở đây. Nếu bạn hoàn toàn quên mình, bạn không thể nghĩ đến việc này, chúng tiêm nhiễm vào bản ngã của bạn. Bạn không thể ham muốn chúng nữa, nếu bạn có ý định hy sinh cho công việc của Đức Thầy.

Nhiều người mong mỏi có dịp để phụng sự bằng cách này hoặc bằng cách khác, nhưng vị đệ tử phải mong ước phụng sự Đức Thầy theo ý Ngài muốn và ở nơi nào mà Ngài xét thấy sự phục vụ của y cần thiết. Không thể phụng sự vô điều kiện khi mà tâm lòng chưa được rảnh rang. Một trong những Kinh *Upanishad* có nói rằng: "*Khi mà những sợi dây ràng buộc tâm lòng chưa bị chặt đứt, thì con người không thể được Trường Sanh Bất Tử*". Câu châm ngôn này thật quá nghiêm khắc, nếu chúng ta kể vào số những sợi dây ràng buộc những tình thương mến mà chúng ta quý trọng vô cùng. Tuy nhiên, câu ấy không nói rằng trái tim phải bị tan vỡ (cõi lòng tan nát). Không; chính là những sợi dây ràng buộc phải được chặt đứt, để cho tình thương trong lòng chúng ta chiếu ra vô tận vô biên. Bạn nên hiểu thật rõ điều tôi nói và đừng làm cho tôi nói rằng tình thương không phải là một

tình cảm tốt đẹp. Không phải tình thương ràng buộc chúng ta, mà chính là những yếu tố ích kỷ lắm khi trà trộn vào. Theo bản chất của nó, tình thương của Chơn Ngã trong người này đối với Chơn Ngã trong người kia thì bất diệt, dù chúng ta muốn biến đổi nó, cũng vô hiệu. Nhưng khi tình thương đối với Chơn Ngã bị tình thương hình thức xen vào thì những dây ràng buộc thắt chặt với nhau và do đó chính tình thương có thể trở thành một sự nô lệ.

Cách thế duy nhất để bạn đạt được tình trạng giải thoát hầu lo lắng cho công việc của Đức Thầy là bạn phải không ngót cổ găng chặt đứt hết những sợi dây trói buộc. Nếu bạn thấy trong tình thương của bạn có một yếu tố làm cho bạn đau khổ, thì chính vì nó dung dưỡng tánh ích kỷ cần phải được loại trừ. Hãy xua đuổi tánh ích kỷ đi, tình thương của bạn sẽ trở nên vững mạnh hơn, cao thượng hơn và tinh khiết hơn. Một tình thương như thế không bao giờ có thể phương hại đến công việc của Đức Thầy. Giả sử bạn muốn đến một chỗ kia để tìm một người mà bạn muốn gần gũi; bạn nên từ bỏ ý định này. Đây là một thí dụ về cách chặt đứt có phương pháp những sợi dây vì ích kỷ đã ràng buộc bạn với những người và vật. Hãy chặt đứt những sợi dây trói buộc đó.

Vấn đề này chỉ nói với những người mà sự quyết định không thể lay chuyển được, chớ không phải nói với những ai muốn đi trên đường tiến hóa êm dịu và bình thản. Bạn nên nhớ kỹ, những người đó không đáng trách chút nào, Mỗi người đều có quyền tự do đi tới mau hay chậm, tùy ý. Lúc này đây tôi nói với người quả quyết, và cho vấn đề này hết sức quan trọng. Chơn Sư luôn luôn tìm kiếm những tánh tình này, nhưng không thường gặp được.

Một lần nữa, tôi nói đây là sự kinh nghiệm riêng của tôi, vì tôi đã gặp những nỗi khó khăn ở điểm đó. Lúc tôi bắt đầu luyện tập, khi tôi cảm thấy mình tha thiết muốn ở gần một người nào, thì tôi lại cố gắng dang xa ra. Nếu bạn khá khôn khéo và có nghị lực, thì bạn thường có thể cởi bỏ được những sợi dây ràng buộc trong lòng bạn mà không để cho những người chung quanh bạn hay biết điều đó. Bạn vẫn có tình thương như trước và thái độ bên ngoài của bạn cũng không thay đổi, nhưng trong lòng bạn, bạn tháo mở sợi dây ràng buộc cá nhân. Vì thấy rõ điều phải làm, rồi hoàn thành điều đó có phương pháp mà vài người đã tiến xa hơn phần đông chúng ta. Bạn sẽ thấy sự cố gắng này không khó khăn vì nhờ bạn luôn luôn nhớ rằng bạn không thể hiến thân trọn vẹn cho công việc của Chơn Sư, trước khi cắt đứt tất cả những mối dây ràng buộc.

C. W. L. Đoạn này chỉ cho chúng ta thấy sự ham muốn về cõi Thiên Đàng thuộc về Phạm Nhơn. Nó hữu ích cho một giai đoạn tiến hóa của con người trước khi được làm đệ tử. Nó có một vị trí trong Cơ Tiến Hóa. Người cổ sơ chỉ nghĩ đến việc ăn uống và những lạc thú tương tự khác. Giảng cho y về việc đoạn tuyệt với sự ham muốn thật vô ích, vì trước tiên y phải trải qua giai đoạn những ham muốn thanh cao và ít thô tục hơn. Chúng ta chỉ có thể nói với y như vậy: "Bạn hãy cố gắng thanh lọc những sự ham muốn của bạn. Có nhiều việc khác rất cao thượng hơn những điều mà bạn đang suy nghĩ. Nếu bạn muốn đi đến chỗ cao thượng đó trong tương lai thì bạn chớ nên để những tình cảm của bạn được tự do phóng túng". Người đời chỉ có thể tiến bộ từng bước một. Chỉ có những người dũng mãnh hơn hết mới có thể vượt lên một cách nhanh chóng đến những cao độ trên Đường Đạo. Còn đối với độc giả của quyển sách này muốn noi gương Alcione, ngay từ bây giờ, thì hãy cương quyết dứt bỏ mọi ham muốn ích kỷ, vì chúng chính là những sợi dây ràng buộc. Như tôi đã nói trước đây: Tình thương bắt tâm lòng làm nô lệ nếu nó chứa đựng một chút ích kỷ, nhưng khi không còn một tư tưởng riêng tư nào lẫn lộn, thì nó trở thành một quyền lực của tâm hồn. Trước khi cắt đứt những sợi dây ràng buộc, trước khi nhổ bật rễ tánh ích kỷ, thì tình thương cũng có thể vừa là một chướng ngại, vừa là một sự phù trợ.

Bên Ấn Độ và nhiều xứ khác, vấn đề này thường bị hiểu lầm, vì sự làm lộn tình thương (không ích kỷ) và sự ham muốn (ích kỷ). Vài triết gia đã cố làm cho lòng mình chai ngắt để trở nên lãnh đạm và thoát khỏi sự khổ đau bằng cách xa lánh tình yêu. Họ đã làm vậy: phương pháp này tạo ra những người phát triển có phần nửa, họ mở mang trí thức nhưng không biết cảm động. Chúng ta phải có khả năng biểu lộ ngay cả những lượn sóng tình cảm vĩ đại, nhưng những lượn sóng này phải là phản ảnh của những cảm xúc cao thượng phát sinh từ Chơn Nhơn; chúng phải thuộc quyền kiểm soát chặt chẽ của chúng ta, chớ không phải sự bùng nổ của Cái Vía, lôi cuốn chúng ta để làm trò chơi của Tinh chất ham muốn. Chế ngự tình cảm bằng cách hủy diệt nó cũng phi lý như việc muốn tránh quả báo xấu bằng cách không làm gì hết. Đức Thầy muốn cho chúng ta càng ngày càng hữu ích cho nhân loại bằng những hành động, bằng những tình cảm và bằng những tư tưởng của chúng ta. Chúng ta càng hoạt động theo ba đường lối tư tưởng đó thì mỗi người càng cảm thấy được kết quả tốt lành.

Khi tất cả những sự ham muốn thuộc về phàm ngã đã tiêu tan, cũng có thể còn lại một sự ham muốn là thấy kết quả công việc của con làm. Nếu con giúp ai thì con muốn biết con giúp người đó tới bậc nào, có lẽ con cũng muốn cho y thấy điều đó và biết ơn con nữa. Mà điều này cũng vẫn còn là một sự ham muốn và đồng thời là một sự không tin cậy.

A. B. Đó là điều mà quyển Thánh Ca Bhagavad Gita gọi là hành động mà không vì cái kết quả. Nếu bạn thật tâm hành động, thì bạn không có thì giờ để lo lắng đến kết quả và cũng không có thì giờ để xem lại tác phẩm của bạn đã hoàn tất. Hết việc này vừa xong, việc khác lại đến với bạn. Bạn sẽ mất thì giờ, nếu bạn xem xét những kết quả. Nếu bạn nghĩ đến công việc đã thực hiện, thì làm thế nào bạn có thể hoàn thành nhiệm vụ mới. Trong vấn đề giúp đỡ cá nhân - là vấn đề thú vị hơn hết vì nó căn cứ trên tình thương riêng tư - bạn chớ tìm hiểu người được giúp đỡ có biết ơn bạn hay không. Làm như thế chẳng khác nào bạn chạy theo sau người mà bạn mới hiến một món quà để xem coi y có biết ơn bạn không và đòi hỏi y những lời cảm tạ. Hành động như thế không phải là cho, mà chính là buôn bán vậy. Ở đây không có sự dối trá! Chắc chắn bạn đã nhớ chuyện Đấng Christ đã đuổi những người buôn bán ra khỏi đền thờ, dù họ chỉ bán những lễ vật để cúng tế. Ngài nói với họ rằng: "Các người chớ nên làm cho ngôi nhà của Cha ta thành ra một tiệm buôn" [40].

C. W. L. Không ai ít rảnh rang hơn nhà Huyền Bí Học. Khi vừa làm xong việc này, lại bắt tay vào việc khác, không dừng lại ngắm cái kết quả của công việc vừa hoàn tất. Giả sử bạn làm phận sự của một người điều dưỡng hay người phụ tá ngoài chiến trường. Đối với người bị thương này bạn phải săn sóc với tất cả khả năng của bạn, rồi bạn lại lo cho một người khác tức khắc, không thể chờ đợi trong nửa giờ để chắc ý hiệu quả đã đạt được, cũng không thể xem xét coi người bệnh có cơ may mắn được bình phục không. Công việc của Đức Thầy cũng giống như thế. Chúng ta không có thì giờ hay là ngưng lại để nghĩ đến những kết quả cuối cùng và nhất là nghĩ đến những kết quả đó đối với chúng ta. Mong ước những cố gắng của mình được kết quả tốt đẹp và vui mừng về sự thành công khi nó đến là việc thường tình của nhân loại, nhưng chúng ta phải vượt qua những nhược điểm này của loài người bởi vì mục đích của chúng ta là sự tiến đến bậc Siêu Phàm. Khi một công việc của chúng ta làm hoàn thành mỹ mãn, ta có thể vui mừng, mà ta

cũng phải vui mừng như vậy khi thấy kẻ khác thành công như ta.

Đoạn này đề cập đến ý muốn cho người mà bạn giúp đỡ thấy việc làm của bạn và biết ơn bạn. Mọi cảm nghĩ như thế không mang tính chất một tặng vật, mà là một cuộc buôn bán vậy. Khoa Pháp Môn chỉ nhìn nhận có một cách cho ra mà thôi: ấy là cách Thượng Đế ban rải tình thương, như mặt trời bủa rải sự sống.

Khi con ra sức giúp đỡ, tất nhiên phải có kết quả, dù con thấy hay không cũng vậy, nếu con thông hiểu luật trời, ắt con biết phải có như thế luôn luôn.

A. B. Trong quyển Theo gương Chúa Jésus Christ có đặt ra câu hỏi này: "Ai muốn phụng sự mà không đòi hỏi chi cả"? Người đệ tử phải làm việc vì thích làm việc, mục đích của nó không phải là kết quả đạt được, cũng không phải vì nỗi vui mừng và sự thỏa thích mà nghĩ rằng: "Tôi phụng sự". Vị đệ tử phải hy sinh cho nhân loại vì thương đời. Lẽ dĩ nhiên cái kết quả vẫn chắc chắn, vì chúng ta sống trong một thế giới do định luật cai quản. Vậy chúng ta không cần phải bận tâm đến nó. Thường thường việc làm của chúng ta không có tính cách sinh ra những kết quả tức khắc tại cõi Trần, nhưng nó đem ta đến gần lúc thành công mỹ mãn. Rồi một người khác sẽ đến để hoàn tất công việc, nhưng nếu trước đây không có những người ra công khó nhọc mà không thấy kết quả đó thì công nghiệp ấy không bao giờ thành tựu.

Chúng ta không thể thực hiện một công việc quan trọng nào được, nếu chúng ta không tin chắc ở Luật Trời, vì tất cả những công nghiệp trọng yếu đều kéo dài một thời gian rất lâu. Chúng ta hãy xem công việc của Đức Bàn Cổ chẳng hạn. Từ hàng ngàn năm này đến hàng ngàn năm khác trôi qua, trước khi có sự biểu hiện mà bạn gọi là kết quả. Một định luật tương tự cũng áp dụng cho công việc xây cất một ngôi nhà lớn, vì cần phải đào sâu nền móng. Một phần chính công việc của chúng ta là phải xây những nền móng vô hình. Sau này một người thợ xây cất khác đến đặt trên móng một hàng gạch. Hàng gạch này được thấy ngay. Vậy thì về điều này những nền móng có vô ích chăng ?

Kết quả thế nào cũng đến. Hãy làm việc một cách bình tĩnh và có phương pháp, không bao giờ bạn thất vọng. Mọi sự thất vọng đều do ý muốn thu gặt kết quả việc làm. Có thể bạn theo đuổi công việc một cách cương quyết và lâu ngày mà không thấy hiệu quả gì đáng kể. Tuy nhiên một ngày kia, kết quả bỗng nhiên hiện ra. Một nhà Hóa Học bỏ từ hạt muối trong một dung dịch đến độ bão hòa [41]. Một thời gian qua trong chất lỏng kia hình như không xảy ra tác dụng gì, tuy nhiên chỉ một hạt muối sau cùng rơi vào, thì dung dịch ấy bỗng đặc lại. Công việc của chúng ta cũng giống như thế: thành công người ta thấy nó hoàn tất. Chúng ta dọn đường cho sự lâm phạm của Đức Chương Giáo. Chúng ta phải hết sức làm việc, chúng ta bình tĩnh, tin tưởng và nhẫn nại, chúng ta hy sinh cho công việc của chúng ta. Khi Đức Di Lạc lâm phạm, Ngài sẽ thu lấy tất cả những gì chúng ta đã làm; rồi kết quả sẽ hiện ra trên thế gian.

C.W. L. Thường thường phải có sự cố gắng liên tục của nhiều người mới đạt được một kết quả quan trọng. Nếu cần phải thực hiện một cuộc cải cách lớn lao trên Thế gian, thì thường có một người hay nhiều người nhận thấy sự cần thiết này và họ bắt đầu đem truyền bá tư tưởng ấy bằng những cuộc diễn thuyết hoặc bằng sách vở. Họ bị thiên hạ cười chê và sự cố gắng của họ dường như vô ích, nhưng họ đã thuyết phục được vài người và những người này theo đuổi công việc cho đến khi xã hội công nhận cuộc cải cách ấy. Công trình của những người gia nhập sau này không thể thành tựu nếu không có sự cố gắng dường như vô ích của những bậc tiền phong.

Thường lắm khi chúng ta theo đuổi một công việc cho tới khi nó sắp thành tựu. Một người khác đến và hoàn tất nó. Công trình của người sau này được thừa nhận và y sẽ được xem như là người đã thực hiện tất cả công việc. Chúng ta đừng lo đến điều đó. Công lao của chúng ta được biết đến hay không cũng không có gì quan trọng, nhưng chúng ta hãy vui mừng vì được phép làm việc. Nghiệp quả của chúng ta sẽ dành cho chúng ta kết quả của sự cố gắng kia và hiện giờ người ta làm hoặc nói gì về việc ấy cũng không quan hệ chi. Người nào làm việc một cách khoa học, hiểu biết điều mình làm, chỉ nhớ đến kết quả của một việc làm tốt đẹp trong một lúc hoặc một phương diện nào đó, sẽ không bao giờ thất vọng.

Khi Đức Chương Giáo lâm phạm, Ngài sẽ góp nhặt tất cả công việc của chúng ta để Ngài tiếp tục công việc đó và làm cho nó được hoàn bị; thế rồi tất cả công việc này dường như vốn của Ngài làm. Trong một ý nghĩa nào

đó, điều này thật đúng, vì nguồn cảm hứng của chúng ta đều phát sinh từ nơi Ngài. Tuy nhiên, một phần lớn công nghiệp có thể được hoàn thành do công lao vô hình và dường như không lợi ích chi cả của một số người khiêm tốn đã đóng góp trước kia. Chúng ta có cơ hội ở trong hàng ngũ của những người này là một đặc ân lớn lao mà chúng ta có thể mong ước.

Nếu hiểu biết Luật Trời, chúng ta có thể sử dụng nó trong mọi trường hợp: điều này không những đúng đối với những sự hoạt động không ngớt của chúng ta trên những cảnh giới tinh thần, mà còn ở tại cõi Trần nữa. Mỗi tư tưởng của chúng ta đều tạo ra một hình dạng trên cõi Trung Giới hay là cõi Thượng Giới. Hình tư tưởng này đi tìm người hay vật mà ta nghĩ đến nó, nó bay lơ lửng chung quanh, hoặc truyền sang tinh lực tốt hay xấu (tùy theo bản chất và đặc tính của nó) qua người hay vật nào liên hệ đến nó. Vẫn không khó nhọc gì mà tạo nên một hình tư tưởng lành cũng như tạo nên một hình tư tưởng ác. Tất cả đều tùy thuộc vào thái độ trí tuệ. Người ta sẽ bảo: "Thái độ của tôi chỉ quan hệ đến một mình tôi thôi, và chỉ quan hệ trong lúc này đây". Không đâu, nó cũng quan hệ đến bạn trong ngày kế đó, trong tháng tới, hoặc trong năm tới, vì nó tạo ra những tư tưởng phản ứng lại bạn. Mỗi khi một tư tưởng được lập lại thì nó được tăng thêm sức mạnh. Chúng ta có bốn phận tạo ra những hình tư tưởng tốt đẹp về mọi phương diện, mặc dù chúng nó vô hình, nhưng chúng sẽ đạt được mục đích không hề sai lầm.

Vậy thì phải làm lành bởi chưng ưa thích việc lành, chớ chẳng phải trông mong được ban thưởng. Phải làm việc vì ưa thích sự làm việc, chớ chẳng phải trông mong được thấy kết quả. Con phải xả thân giúp đời, vì con thương đời và bởi tại con không còn làm cách nào khác được nữa.

C. W. L. Tình thương quả thật là một động cơ mạnh nhất. Từ đầu chí cuối của quyển sách này, cũng như những tác phẩm gần đây do nó linh cảm, người ta có thể chú ý đến việc lập đi lập lại một cách mãnh liệt và việc nhấn mạnh về sự cần thiết của tình thương, như là một giải thích tất cả mọi việc và cũng là một phương thuốc chữa mọi chứng bệnh. Tình thương sẽ là điểm chính yếu trong giáo lý của Đức Chương Giáo, khi Ngài lâm phạm, vì vậy cho nên điểm ấy được nêu lên thật rõ rệt trong giáo lý của những ai cố gắng chuẩn bị cho cuộc lâm phạm này với khả năng tâm thường của mình.

Một việc khác nữa mà sinh viên phải chú ý là: trong suốt quyển này Chơn Sư xem điều sau đây đã được chấp nhận là: Chúng ta đều sốt sắng và đối với chúng ta chỉ có sự làm việc là quan trọng duy nhất thôi. Chắc chắn đó là cách hay hơn hết để đem chúng ta đạt đến trạng thái trí tuệ này, nếu mà trong bầu không khí của chúng ta còn lưu lại vài mảnh của ý tưởng khác. Trong tâm trí của Đức Thầy, dĩ nhiên chỉ có Một tư tưởng mà thôi: ấy là Phụng Sự. Không có gì có thể khích lệ chúng ta bằng ý Ngài muốn thấy chúng ta trở thành người phụng sự.

Thường lắm, chúng ta tự cản trở bước đường của mình. Chúng ta phải tự nép qua một bên để Chơn Ngã chúng ta có khả năng hoạt động, vì bao giờ chúng ta còn e dè, bao giờ chúng ta còn giữ lại một món gì vì không bằng lòng hy sinh nó cho công việc của Chơn Sư thì chúng ta tự cản trở bước đường của mình. Thật ít khi gặp được một người không giữ lại chút gì; y hiến thân trọn vẹn cho công việc của Chơn Sư, và không ngần ngại mà cho tất cả. Điều đó ít khi thấy, nhưng ai có được đức tánh này sẽ tiến xa và nhanh chóng vô cùng.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 15

NHỮNG PHÉP THẦN THÔNG

Con đừng ham những phép thần thông, con sẽ có, khi Chân Sư xét thấy đã đúng ngày giờ.

A. B. Nên hiểu rằng danh từ "phép thần thông" là tất cả những năng lực ý thức lấy vật chất tạo thành Xác Thân, Thể Vía, hay là Thể Trí làm trung gian để biểu lộ ra. Vậy tất cả những năng lực trí tuệ đều là những phép thần thông. Sự phân biệt giữa quan năng thường của trí tuệ phát sanh do từ bộ óc và nhiều thứ Thần Nhãn hoặc những quan năng tương tự, đều sai lầm. Nhiều người nổi lên phản đối việc hoạch đắc những phép thần thông, trong khi hằng ngày họ sử dụng chúng do xác thịt làm trung gian. Họ trách cứ Thần Nhãn, mà họ dùng con mắt của xác thịt. Trách cứ Thần Nhãn là vô lý, trừ phi họ theo quan điểm của những người Yogi bên Ấn Độ; đối với mấy vị

này những giác quan của xác thịt cũng như giác quan tinh thần đều là một chướng ngại. Lập luận của mấy người này thật đúng. Họ không thừa nhận giá trị giác quan nào của chúng ta, vì theo ý họ, thì chúng ta đưa họ tiếp xúc chặt chẽ với những thế giới của ảo mộng mà họ muốn vượt khỏi. Tôi không đồng ý với họ. Tôi thiết tưởng tốt hơn phải được tinh khiết và sử dụng quan năng của chúng ta trên tất cả những cõi Trời, nhưng trong khi chờ đợi cho thái độ căn bản của những nhà Yogi này được nhìn nhận, chúng ta thấy một phần lớn của những lời phản đối về phép thần thông đều phi lý.

Thật ra, khi bắt đầu dùng những giác quan của Cái Vía, luôn luôn có thể xảy ra sự sai lầm. Và chẳng những giác quan của xác thịt cũng có thể gạt gẫm chúng ta. Chẳng hạn vài ảo ảnh thị giác do sự tiêu hóa không được điều hòa và bệnh gan sinh ra, tôi vẫn không kể vào loại này, như các y sĩ đã làm, nhiều hiện tượng quả thật thuộc về thị giác của Cái Phách hay của Cái Vía. Một thí dụ dễ nhớ về việc giác quan gạt gẫm chúng ta là hiện tượng mặt trời mọc; bạn biết rằng mặt trời không mọc, nhưng bạn vẫn thấy nó mọc như thường.

Giác quan luôn luôn cần phải được lý trí điều chỉnh, vì lý trí cao hơn tất cả mọi nhận thức của giác quan. Thần Nhãn (sự thấy của Cái Vía) luôn luôn lừa gạt bạn khi bạn bắt đầu sử dụng nó. Vì vậy cho nên người nào được Đức Thầy chỉ dạy cũng phải luyện tập một cách có phương pháp và đầy đủ. Người ta hỏi y về những điều đã thấy thì ban đầu những câu trả lời đều sai. Sau đó người ta chỉ cho y biết những chỗ sai lầm và giải thích cho y hiểu. Giả sử một người không được Đức Thầy hướng dẫn, nhưng Thần Nhãn của y lại hoạt động. Đó là trường hợp thường xảy ra. Sự mở mang những quan năng của Cái Vía phù hợp với trào lưu tiến hóa thường lệ, nên nhiều người đã bắt đầu có những giác quan này. Người có Thần Nhãn lên cõi Trung Giới cũng giống như đứa bé ở dưới cõi Trần. Bạn biết một đứa bé đưa tay lấy cây đèn cầy đang cháy đặt tận đầu phòng. Dĩ nhiên, sự lầm lạc của em được người lớn sửa chữa. Khi em đến gần vật ấy em sẽ thấy rằng vài vật hấp dẫn em vẫn ở xa em. Chúng ta có thể gọi người mới sử dụng những giác quan của Cái Vía là một đứa bé trên cõi Trung Giới, y bị lầm lạc nhiều lắm. Điều này không quan hệ gì nếu em ở chung với những bậc đàn anh, và cũng không có tai hại gì nếu chánh lý là một đức tánh phổ biến. Nhưng rủi thay! Người nhận được một sự truyền đạt từ cõi Trung Giới đưa xuống hay là có Thần Nhãn thường tưởng rằng mình đã cao hơn nhân loại do sự tiết lộ đặc biệt đã ban cho y. Về phương diện này y không học hỏi giáo lý như một đứa bé sẵn sàng tuân theo những lời chỉ dạy của các bậc đàn anh, cho nên do đó mới sinh ra nhiều điều phiền muộn.

C. W. L. Những vị đệ tử mới được Đức Thầy thâm nhận thì thường thường phải chịu sự huấn luyện dài lâu về nhãn quan cao siêu và những cảm giác thuộc về cõi trên. Chắc chắn nhiều người nhận thấy công việc luyện tập này rất buồn chán. Một vị đệ tử cao cấp lãnh phần chỉ bảo cho vị tân tín đồ, đưa cho vị này xem một số đồ vật trước mắt và hỏi y thấy những gì. Ban đầu, hầu như y trả lời sai hết, vì y không nhắm đúng tiêu điểm của thị giác. Y không phân biệt được sự dị biệt của Cái Vía của một người chết với Cái Vía của người còn sống, giữa Cái Vía của người còn sống với hình tư tưởng của một người bạn phóng ra. Trên các phương diện này và nhiều phương diện khác, người quan sát thiếu kinh nghiệm không sao tránh khỏi sự sai lầm. Với sự nhẫn nại, vị huấn luyện viên chỉ cho y thấy nhiều lần những vật ấy và dạy y nhận biết chúng bằng cách chú trọng đến những điểm dị biệt nhỏ nhoi.

Một sự huấn luyện như thế rất cần thiết, nhưng bạn chớ kết luận rằng những giác quan của Cái Vía đặc biệt không chắc chắn, không tin được. Người ta không thể tin được bất cứ một giác quan nào khi nó không được huấn luyện, mà trí khôn thuần túy không được huấn luyện một lượt với nó. Mỗi ngày, nếu trời đẹp chúng ta dậy sớm, chúng ta có thể xem cảnh mặt trời mọc. Chúng ta biết rõ rằng mặt trời không mọc, tuy nhiên, chúng ta lại thấy nó mọc. Những người ít suy luận đôi khi nói về những điều hơi quá mức kinh nghiệm bình thường như vậy: "Tôi không thể tin những điều tôi không thấy, chừng nào tôi thấy, tôi mới tin". Vài người đi xa hơn nữa nói: "Tôi tin chắc, nếu tôi sờ mó được". Chúng ta hãy lấy ba cái chén, rồi đổ vào đó ba thứ nước nhiệt độ khác nhau: nước thật nóng, nước đá và nước lạnh. Hãy ngâm một bàn tay này vào nước nóng và một bàn tay kia vào nước đá vài phút, rồi ngâm cả hai bàn tay vào nước lạnh. Bàn tay lúc trước ngâm trong nước nóng sẽ làm cho bạn biết rằng nước trong chén thứ ba thật lạnh, còn bàn tay kia lại cho rằng nước đó nóng lắm. Sự kiện này chứng tỏ rằng người ta không thể luôn luôn tin vào sự chứng tỏ của giác quan, mà cần phải kiểm soát lại bằng lý trí. Đối với giác quan của Cái Vía và những giác quan của Cái Trí, cần phải được kiểm soát cũng như đối với giác quan của xác thịt.

Nếu một người kia ưa thích những phép thần thông, thì y phải chịu khó mở mang chúng, và thường thường phải trải qua nhiều năm luyện tập, mới có thể chắc chắn rằng quan sát của y rất đúng trong mọi trường hợp. Người ta khó tưởng tượng được trường hoạt động của nhãn quan này mở rộng đến đâu. Hãy lấy một thí dụ cũng đủ rõ. Trên cõi Trung Giới có 2401 loại

Tinh Chất khác nhau và nếu muốn trở nên một chuyên viên thành thạo có thể làm việc giỏi và nhanh chóng, thì phải học cách phân biệt chúng và biết cách sử dụng chúng đúng lúc. Người ta có thể làm việc mà không có sự kinh nghiệm này, nhưng đó là một cách lãng phí, chẳng khác nào người ta xối một thùng nước trên mình một người để rửa ngón tay nhỏ của y.

Tuy nhiên, chúng ta được dạy rằng sự phung phí năng lực chính là một trong những điều lỗi lầm cần phải tránh. Năng lực là số vốn mà chúng ta có bốn phần phải gia tăng càng nhiều càng tốt. Chúng ta có trách nhiệm về sự phung phí nó, cũng như chúng ta sẽ có trách nhiệm trong việc để cho năng lực đó nằm yên vô dụng.

Một người đệ tử của Chơn Sư sẽ không nói như vậy đâu: "Tôi đã biết cái đó rồi". Chúng ta học hỏi điều đó trong một tinh thần khác. Sự khao khát hiểu biết của chúng ta vốn luôn luôn tốt bậc, nhưng luôn luôn nhắm vào mục đích được phụng sự đặc lực hơn và được hữu dụng hơn. Đó là nguyên tắc, chúng ta hãy tin chắc như thế, không có sự hiểu biết nào vô ích cho công việc của chúng ta phải đảm nhận. Tất cả những sự học hỏi đã hoạch định đều thường giúp nhà Huyền Bí Học đưa ra những dẫn chứng và thấu hiểu điểm này hoặc điểm khác, không vậy thì mấy vấn đề này sẽ không được rõ ràng. Người ta nói rằng khi cuộc tiến hóa này chấm dứt chúng ta sẽ hiểu biết tất cả; ít ra chúng ta cũng được giải thoát khỏi sự vô minh. Đó là mục đích của tất cả những cố gắng của chúng ta và chắc chắn rằng chúng ta cần phải được học hỏi đến mức thâm diệu để đến lượt chúng ta, chúng ta sẽ thực hiện những công việc cao thượng một cách tốt đẹp. Trong khi chờ đợi, tốt hơn là nên sử dụng triệt để những quyền năng sẵn có của chúng ta và không nên ao ước những phép thần thông trước khi được Chơn Sư xét thấy đúng ngày giờ cho phép chúng ta khai mở chúng.

Sự cưỡng bách luyện tập để mở mang những phép đó, thường sinh ra đủ thứ phiền não. Người nào có những phép ấy thì thường bị bọn tinh linh [42] gạt gẫm làm cho lạc đường hoặc trở tánh khoe khoang và tưởng mình không thể làm lẫn. Dù thế nào, ngày giờ và năng lực của y bị hao tổn để luyện tập mấy phép đó, nên để làm việc giúp đời còn tốt hơn.

C. W. L. Những Tinh Linh gồm nhiều loại khác nhau, chúng đóng một vai trò quan trọng trong thiên nhiên. Chúng thường có thân hình khá nhỏ bé [43] và cảm thấy thật thích thú khi khiến cho một người to lớn mạnh mẽ làm những điều chúng nó muốn. Khi chúng lừa phỉnh y, chúng chỉ tự xưng là Jules César, Napoléon Bonaparte hoặc bất kỳ một nhân vật nào quan trọng và vang danh mà chúng chợt nhớ đến và chúng rất thích thấy những người lớn, tiến hóa hơn chúng, lại tuân theo những lời khuyên của chúng. Thật vậy, những người này cũng đáng thương hại, nhưng lẽ ra họ phải dùng lý trí và lương tri để kiểm soát chỗ thấy của mình.

Nếu thỉnh thoảng bạn nghe một tiếng nói từ cõi Trung Giới đưa đến, bạn đừng vội kết luận rằng đó là tiếng nói của Chơn Sư hay của vị Đại Thiên Thần. Những người chết thường tìm phương tiện để giao thông với chúng ta và cho những lời khuyên bảo. Cũng bởi những Tinh Linh (hay Ngũ Hành) luôn luôn thích đóng hài kịch, cho nên thường thường thì chắc chắn một trong bọn chúng đã thốt ra lời ấy. Vậy bạn hãy lắng nghe tiếng nói một cách thật bình tĩnh. Đó là hiện tượng đáng chú ý, chẳng phải nó cần thiết vì có ích lợi cho chúng ta, nhưng bởi vì mỗi cơ hội khác thường đều có thú vị. Và lại thường thường những chuyện thú vị như thế có tính cách giáo dục chúng ta. Nhưng bạn đừng khởi sự phủ nhận rằng không có sự giao thông, vì làm như thế không đúng lắm. Điều nào có thể không chắc có, nhưng tuyên bố là không thể có được thì tỏ ra không thận trọng. Bạn hãy kính cẩn lắng nghe sự tiết lộ đó, nhưng đừng để nó ảnh hưởng chút nào đến hạnh kiểm của bạn, trừ phi có những lý lẽ chính xác về việc ấy. Hành động của chúng ta phải là kết quả của sự quyết định căn cứ trên tư tưởng và sự suy luận chứ không phải căn cứ trên lời nói của kẻ khác mà ta không biết là ai.

Nhiều người tiếp nhận được sự tiết lộ này, họ tưởng rằng chúng phải đổi mới thế gian. Đa số những tiết lộ này thật tốt, song nói một cách tổng quát, không có gì rõ rệt lắm. Chiều hướng chung là một hình thức mập mờ, một giáo lý viển vông, bất định. Trong giới hạn này, thường thường những lời tiết lộ đó còn có giá trị hơn những giáo huấn chính thống quá thiên cận và hẹp hòi. Người ta thường thấy trong đó những dấu vết Thông Thiên Học hoặc Tư Tưởng Tân Tiến. Nhưng đó là Thông Thiên Học pha lẫn với nước, nhất là nước rất nhiều. Thường thường những sự thông báo này vốn do một hồn ma có lòng tốt đưa ra, vì y vừa học được vài sự kiện quan trọng có liên hệ với đời sống Dương trần nên y muốn chỉ bảo cho bà con thân thích còn ở Thế gian. Tin chắc rằng nếu những quan niệm cao siêu đó được người đời dung nạp, thì Thế gian sẽ trở nên thật tốt đẹp: y bèn tìm cách in sâu vào trí họ những quan niệm này, y giống như một người giàu trong truyện ngụ

ngôn[44] đã nghĩ rằng: "Nếu có ai trở về từ cõi tử, thì thiên hạ sẽ ăn năn hối hận". Nhưng hồn ma ấy lại quên câu trả lời của ông Abraham rất khôn ngoan như sau: "***Nếu họ không nghe Đức Moises và các nhà tiên tri, thì họ cũng chẳng tin ai nữa, dù kẻ đó là một người chết đi sống lại***" [45]. Hơn nữa, hồn ma quên rằng chính y hồi còn sinh tiền cũng không chú ý chút nào đến những thông điệp Thần Linh Học. Nếu những sự thông báo thuộc loại này gởi đến do theo đường lối của chúng ta - thì có thể tin chúng nó được, hoặc nhiều, hoặc ít, nếu chúng ta được gọi là những nhà tâm linh - chúng ta hãy nhận lấy với tất cả sự kính cẩn của mình, nhưng đồng thời không nên quá xao động. Có nhiều người, sau khi nhận được các thông điệp tưởng rằng chúng sẽ biến đổi được quả địa cầu! Nhưng việc đó thật là khó vậy. Khi các thông điệp ấy đến với chúng ta, chúng ta áp dụng vài phương sách để kiểm soát sự chân thật và giá trị của chúng nó. Phần đông người đời không có những phương tiện kiểm chứng tức khắc, nhưng nếu họ chịu lấy lương tri của họ xem xét những kinh nghiệm siêu linh đó, thì thường thường cũng tốt lắm rồi. Hầu như luôn luôn người ta chọn một trong hai thái độ này: hoặc người ta chấp nhận một cách mù quáng các thông điệp trên, hoặc họ nhạo báng chúng nó và cho là chuyện buồn cười. Hai thái độ cực đoan này đều vô lý. Miễn là ai có học hỏi những vấn đề đó thì biết được cái khả năng của những bức thông điệp ấy và cũng biết rằng hầu hết những thông điệp này xuất xứ từ những người không thể nói với chúng ta một điều gì mới lạ hay chính xác. Một hồn ma, nếu khá khôn ngoan, có thể hoạch đắc được vài điều hiểu biết mà hồi còn sinh tiền y không được phép học, nhưng hầu hết những người quá vãng đều bỏ qua cơ hội học hỏi này và đành chịu những sự hạn chế, có những thành kiến như lúc còn ở Thế gian.

Những kinh nghiệm trong địa hạt siêu linh đã trở nên thường xuyên hơn vì Đức Chương Giáo sắp lâm phạm và sự kiện này trên các cõi trời đều biết. Tại cõi Trần, người ta sốt sắng trông đợi Ngài, ngay cả những người hoàn toàn ở ngoài hàng ngũ Thông Thiên Học. Nhiều người cảm thấy tính cách cấp bách của sự giáng lâm này, nên thái độ mong đợi của họ đã khiến họ có thể nhận được các thông điệp nhiều hơn trước. Vậy chắc chắn có nhiều ý kiến được loan ra, hoặc đúng hoặc sai, có liên hệ đến sự lâm phạm của Đức Chương Giáo. Đã lâu rồi, chính Ngài đã nói: sẽ có nhiều Đấng Christ giả xuất hiện. Chắc chắn những người Thiên Chúa Giáo bậc trung cho rằng những Đấng Christ giả này là những người nghịch với Chúa nhằm mục đích phỉnh phờ, lừa gạt thiên hạ. Nhưng không phải vậy; nhiều người trong đám những "Đấng Christ giả" ấy là những người có ý muốn tốt đẹp, họ thành thật tưởng rằng bóng của Đức Christ đã phủ trên mình họ, và chính hảo ý đó làm cho họ trở nên nguy hiểm hơn, vì thiên hạ cảm thấy sự chân thành của

họ, nên nghe theo họ.

Thái độ của Thông Thiên Học đối với những "Chúa giả" có thể được bày tỏ như sau: "Tiếc thay cho ai để bị lừa gạt đến nỗi cho một người quá ư tầm thường là Đấng Chương Giáo". Tuy nhiên, nếu lời chỉ dạy có chút ít giá trị và nếu thiên hạ hăng hái tuân theo thì đời sống của họ sẽ được tốt đẹp. Nếu trên vài điểm nào đó, những giáo lý ấy có những cảm tưởng sai lạc, thì mặc dù hạnh kiểm của họ có tốt đi nữa, họ cũng phải nhận lãnh Quả Báo của sự lỗi lầm. Tốt hơn là họ phải thấy rõ sự thật, nhưng chúng ta chớ nên phạm lỗi lầm là cho rằng sự sai lạc đối với một Chân lý quan trọng nào đó thì ắt phải kéo theo tất cả sự sai lạc của những điểm khác. Không hề đúng như thế.

Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng chúng ta là sinh viên Thông Thiên Học, chúng ta sẽ tránh được lỗi lầm đặc biệt này, vì chúng ta chờ đợi sự lâm phạm của Đức Chương Giáo một cách chính chắn và rõ rệt mà đa số giáo phái khác không có điều đó. Ngày giờ giảng lâm càng gần, chúng ta càng nên tỏ ra biết lẽ phải. Chớ nên bao giờ bác bỏ điều gì có thể có được, mà luôn luôn chúng ta phải sử dụng sự suy luận và lý trí của mình. Chúng ta phải chấp nhận thái độ của ông Gamaliel: "***Nếu công việc này hay sự nghiệp này do con người làm ra, thì nó sẽ tự đổ vỡ, nhưng nếu nó do Trời tạo nên thì bạn không thể nào phá hủy nó được. Bạn chớ liều lĩnh chống lại Trời***" [46]. ***Chúng ta hãy chấp nhận tất cả*** những gì tốt lành, dù cho nó bắt nguồn từ đâu.

Các Đấng Chơn Sư ảnh hưởng đến nhiều người. Những khí cụ mà các Ngài dùng có biết được các Ngài hay không, điều này không mấy quan trọng. Vậy chúng ta hãy mong mỏi có những lực lượng hoàn toàn ngoài những tổ chức Thông Thiên Học cũng chuyên tâm lo lắng cho mục đích lớn lao chung. Chúng ta hãy theo con đường của mình, hãy cương quyết phụng sự Thông Thiên Học một cách vững vàng, trung thành và ngay thật. Khi chúng ta hiến mình cho công việc của Hội, hiển nhiên đó là công việc của chúng ta, nhưng hãy thận trọng và đồng thời đừng kết án hoặc chống đối với một tổ chức nào ngoài Hội. Chiều hướng chung của các tổ chức đó có thể giống nhau, nhưng chúng ta đừng đòi hỏi tất cả những sự biểu hiện tương tự phải được hoàn toàn trong sạch. Thần lực sẽ tuôn xuống cõi Trần bằng nhiều cách từ đây cho đến ngày Đức Chương Giáo lâm phạm. Chính là Quân Tiên Hội đã rải xuống thế gian những nguồn thần lực chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất ít đối với những ai bận rộn trong vấn đề vật chất, và rất nhiều đối với những người nhạy cảm, còn đối với những người sẵn sàng lợi dụng nó, thì ấy là sự biến đổi trời, đất. Chắc chắn những biến cố đặc biệt sẽ xảy

ra. Quyển Ánh Sáng Phương Đông lại rất đúng với những bản Kinh Phật Giáo, khi đề cập đến cuộc đời của Đức Phật. Quyển này lập đi lập lại nhiều lần tại sao các sinh vật khác nhau không thuộc về loài người lấy làm vui mừng khi biết được sự giáng lâm sắp tới của Ngài, và tại sao các vị Thiên Thần và các Tinh Linh (Ngũ Hành) cảm được ảnh hưởng từ điện phi thường của Ngài, nên mới họp nhau lại lúc biến cố vĩ đại đặc biệt sắp xảy ra, như lúc Ngài ra đời, lúc Ngài đắc quả Phật và lúc Ngài chuyển pháp luân [47]. Ý nghĩ này chứa đựng một phần lớn chân lý. Mỗi khi xảy ra sự biểu hiện vĩ đại của uy lực cao siêu, thì những loại tiến hóa khác nhau cảm hơn chúng ta đều cảm biết điều đó hơn chúng ta. Vì con người từ lâu lo mở Hạ Trí nên xao lãng việc học hỏi khía cạnh bí ẩn của tạo vật, họ chỉ rút vào bản thân, nên trong lúc này họ thường ít nhạy cảm hơn một số sinh vật thấp kém hơn họ. Tôi đã biết nhiều mèo và chó đã đáp ứng được những ảnh hưởng từ cõi trên ban xuống hơn con người, không phải chúng lợi dụng được ảnh hưởng đó đồng một mức độ với loài người, nhưng chúng cảm biết được, trong khi con người không hay biết chi cả.

Khi Đức Chương Giáo đến, Ngài sẽ điều khiển công việc của những người đã chuẩn bị cho sự giáng lâm của Ngài và hoàn tất nó. Vậy chắc chắn Ngài vẫn giữ khuôn mặt dị biệt của thế giới trên mọi phương diện, như trước khi Ngài đến. Chẳng những Ngài giảng về Tôn Giáo Ngài, mà tất cả những sự cải cách khác đều có thể trở nên hoàn mỹ như là hậu quả của giáo lý Ngài. Dĩ nhiên, chúng ta không biết chính xác về vấn đề ấy, vì lần này cũng như ngày xưa, chắc là Ngài gặp sự chống đối.

Không có gì cho phép chúng ta nói rằng Ngài sẽ thuyết phục được toàn thể thế giới. Chắc chắn có nhiều nhà truyền giáo xuất hiện trước khi giáo lý thuần túy của Ngài được công nhận khắp nơi. Hai ngàn năm trước, khi Ngài giáng lâm, người ta nghe nói chút ít về Ngài. Chúng ta mong cho đời sống của Đức Chương Giáo và những vị làm việc chung quanh Ngài, gặp toàn những việc dễ dàng. Người đời luôn luôn dễ đón tiếp và truyền bá những tiếng xấu. Do đó chúng ta sẵn sàng chịu đựng không biết bao nhiêu nỗi phiền muộn nhỏ nhen và những bức tức, khó chịu, nếu không phải quá tệ. Lẽ tự nhiên sẽ có lắm kẻ vì tư lợi chỉ trích những đề nghị cải cách của Ngài. Lần trước chính những kẻ vụ lợi ấy đã giết Ngài, sau khi Ngài truyền Đạo mới vừa được ba năm. Chúng ta không thể biết được những gì sẽ xảy ra trong lần này, nhưng ít ra chúng ta cũng hy vọng rằng trong mỗi xứ có một người có thể làm cho Ngài quyết định ở lại với chúng ta lâu hơn ba năm. Hội "Ngôi Sao Phương Đông" [48] đã đảm nhận nhiệm vụ đặc biệt là chuẩn bị cho sự lâm phạm của Đức Chương Giáo. Hội biết rõ ý nghĩa của sự giáng

lâm ấy và có lẽ cũng biết được những điểm chính của giáo lý Ngài. Có thể có nhiều cá nhân khác cũng như nhiều tổ chức khác cũng được cảm hứng và được dẫn dắt làm việc đồng chung một quan niệm, nhưng thường thường họ không có trong tay tất cả sự hiểu biết như chúng ta đã được đặc ân thọ lãnh. Chúng ta hy vọng rằng công việc của chúng ta khả dĩ mang lại những gì mà trước kia không có. Chúng ta mong như thế, nhưng không biết được điều đó sẽ ra sao. Chúng ta chỉ rán làm hết sức mình.

Những người có duyên lành cộng tác với Đấng Đại Từ Bi lẽ tự nhiên được đi đầu thai. Do đó chúng ta thường nghe nói đến những đứa trẻ phi thường ra đời. Những trẻ này phải sinh ra bây giờ, để đến tuổi trưởng thành là khi Đức Chương Giáo đến. Trên vài phương diện có thể chúng không giống với những đứa trẻ khác. Vậy bạn đừng ngạc nhiên khi nghe người ta nói đến những đứa trẻ nhớ lại được tiền kiếp của chúng hoặc thực hiện được những kinh nghiệm siêu linh đặc biệt. Tất cả những việc này thật tự nhiên. Chúng ta phải trông đợi những việc ấy, vì chúng ta đang sống trong một thời đại đặc biệt. Có lần Bà Tiên Sĩ Besant đã giải thích cách chúng ta phải cư xử, khi biết được những trường hợp ấy. Bà nói rằng: "Bạn chớ để một sự việc nào như thế làm bạn mất bình tĩnh và đừng tin quá dễ dàng những lời tự nhận của những đứa trẻ này, vì rất ít người được biết chúng là ai trong những kiếp trước. Bạn nên nhớ rằng tất cả những trẻ ấy đều nhạy cảm lạ thường. Vậy bạn hãy đối đãi với chúng thật dịu dàng và hết sức tử tế. Dù trong trường hợp nào cũng đừng nói với chúng một lời thô lỗ hoặc tỏ ra một cử chỉ cộc cằn nào. Cũng đừng bao giờ làm chúng giật mình hoặc kinh sợ, vì chúng thụ cảm những điều này mau lẹ hơn những trẻ khác. Bạn hãy giữ gìn chúng đừng cho tiếp xúc với đám đông và gần gũi những kẻ xấu xa. Chớ cho chúng quen biết với nhiều người. Bạn hãy bao bọc chúng trong một luồng từ điển điều hòa và không quá thay đổi thường xuyên. Bạn đừng đưa chúng vào trường mà hãy bao quanh chúng trong bầu không khí thân ái đặc biệt của gia đình.

A. B. Nơi đây Chơn Sư còn đưa ra thêm một lý do để đừng ham muốn những phép thần thông: thời giờ và năng lực dành cho việc mở mang chúng có thể dùng để làm việc giúp đời. Bạn hãy để ý: thường thường những lời khuyên của Ngài đều căn cứ trên sự cần thiết phải phụng sự và loại bỏ sự ích kỷ dưới mọi hình thức. Thay vì dùng thì giờ và sinh lực của bạn để luyện những phép thần thông cho mình, thì bạn hãy dùng nó để giúp đỡ những người xung quanh. Nếu Đức Thầy của bạn nhận thấy tất cả những năng lực

của bạn đã được dùng vào việc phụng sự kẻ khác và nếu Ngài xét rằng có thể giao cho bạn những phương tiện hoạt động phụ thuộc khác và chắc ý là bạn sẽ dùng nó với mục đích vị tha như trước, thì chừng ấy Ngài sẽ giúp bạn. Nếu bạn có thể nói một cách hết sức thành thật rằng tất cả những quan năng của bạn đều được sử dụng, thì bạn hãy tin rằng đã sắp đến ngày giờ bạn được trao cho những phép thần thông mới lạ. Nhưng rất ít người có thể nói được như thế, và nếu bạn không thuộc vào những hạng người này, thì bạn hãy gắng công đạt cho được điều kiện đó.

Đây là ý nghĩa của bài ngụ ngôn "những tiền tệ" (talents) danh từ tiền tệ được áp dụng như nhau theo ý nghĩa đời nay cũng như đời xưa, tức là để ám chỉ một sức năng hay là một số tiền nào đó. Một người kia đi du lịch và giao cho những người giúp việc một số tiền: người này lãnh năm đồng, người khác thì hai đồng và một người nữa thì một đồng. Khi trở về người chủ mới hỏi cách chi dụng các món tiền đó. Những người nắm giữ năm đồng và hai đồng biết làm sinh lợi và hoàn lại cho chủ với số lời. Còn người giữ một đồng lại giấu đi, rồi đem trả lại. Thế rồi người chủ thu hồi đồng tiền đó lại, còn những người kia được giao cho những số tiền quan trọng hơn và vị chủ nhân nói rằng: "Người ta cho thêm kẻ nào có, và y được dư dả, còn kẻ nào không có, người ta sẽ lấy ngay cái gì y đã có" [49]. Câu này có vẻ trái ngược với chánh lý, nhưng theo Huyền Bí Học, ý nghĩa của nó lại rõ ràng. Kẻ nào sử dụng triệt để quyền năng của mình sẽ được giao phó thêm những quyền năng khác nữa. Kẻ nào không sử dụng quyền năng của mình, kẻ nào trên phương diện Pháp Môn không có quyền năng thì y sẽ mất luôn khả năng sử dụng chúng. Chúng sẽ hao mòn suy nhược.

Không ai được than phiền sao mình không nhận được mọi sự giúp đỡ của Đức Thầy mà mình tự cho là có quyền thọ lãnh. Nếu bạn muốn giao thiệp với những vị Đại Giáo Chủ, thì chỉ có một phương sách duy nhất là phải hữu ích cho đồng loại. Đó là quyền độc nhất được các Đấng Chơn Sư nhìn nhận. Các Ngài không kể tài năng mà chỉ nhắm vào sự hữu dụng. Tôi đã được giao thiệp với Đức Thầy trong kiếp này, mà trước đó tôi không biết sự hiện hữu của Ngài nên tôi không thể nghĩ đến việc gặp Ngài. Quả thật tôi là đệ tử của Ngài trong nhiều kiếp rồi, nhưng không phải vì lẽ đó mà Ngài hiện đến với tôi. Nhưng Ngài hiện đến vì tôi đã đem tất cả năng lực của tôi để giúp đỡ những người chung quanh - những người nghèo khổ, những người khốn cùng, những người bị áp bức - vì Ngài xét thấy đáng ban thần lực xuống cho tôi, để tôi chuyển đi cho cả ngàn người khác.

Bởi đó, thay vì trong lúc tham thiền bạn cầu khẩn Đức Thầy bạn, xin Ngài

hiện đến với bạn, thì bạn hãy tìm công việc nào hữu ích trong làng xóm hoặc đô thị của bạn, rồi bạn đảm nhận và hoàn thành việc ấy. Đối với Đức Thầy, việc công cụ của Ngài [50] có biết Ngài dùng nó hay không thì không quan trọng mấy. Khắp nơi trên thế giới đều có những vị đại ân nhân của nhân loại được Đức Thầy giúp đỡ và linh cảm. Nhiều người ở ngoài Hội Thông Thiên Học cũng nhận được nguồn cảm hứng như thế.

Những phép thần thông sẽ đến với y theo trào lưu tiến hóa. Thế nào chúng cũng phải đến với y. Nếu Chơn Sư thấy những phép ấy hữu ích cho con sớm hơn, Ngài sẽ chỉ cách cho con luyện tập mà không tai hại gì cả. Từ đây đến đó, tốt hơn là con đừng có mấy phép ấy.

C. W. L. Người ta thường nói: "Tôi nghe rằng ai luyện được những phép mầu thần thông thì thành ra người hết sức hữu ích. Tôi muốn giúp ích cho đời, tôi muốn có những phép ấy". Sự ao ước này không có chi đáng trách cả. Nhưng tốt hơn là nên tuân theo lời khuyên bảo của Đức Thầy ở đây và chờ cho những phép thần thông đến một cách tự nhiên, hoặc chờ cho chính Ngài dạy ta cách mở mang chúng nó. Mà Ngài sẽ thực hiện điều đó không? Dám chắc như thế, khi nào bạn đã sẵn sàng. Chính sự kinh nghiệm riêng của tôi cho phép tôi tin như thế. Tôi không có một phép thần thông nào cả và tôi cũng không nghĩ đến chúng, bởi lúc phong trào Thông Thiên Học bắt đầu hoạt động, chúng tôi tưởng rằng việc hoạch đắc những phép thần thông chỉ dành riêng cho những người lúc sinh ra đã có một mức độ nào đó về năng khiếu tâm linh, chứ không phải trường hợp của tôi. Tuy nhiên, một hôm Đức Thầy đến viếng Adyar, Ngài đề cập đến vấn đề đó và khuyên tôi thử thực hành một lối tham thiền và nói rằng: "Thầy tưởng con sẽ đạt được kết quả tốt với lối tham thiền ấy". Tôi đã cố gắng và có kết quả sau đó. Đức Thầy sẽ đưa ra lời chỉ dạy như thế đối với những người làm việc cho Ngài, khi Ngài xét rằng đúng ngày giờ. Chúng ta có thể xem như điều này chắc chắn sẽ xảy ra. Chúng ta không thể tiên đoán Ngài diễn tả ý muốn của Ngài dưới hình thức nào, nhưng Ngài sẽ cho chúng ta biết bằng cách này hay bằng cách khác.

Phương thức tốt hơn hết giúp chúng ta thực hiện được sự cố gắng đó, chắc chắn là sự hy sinh trọn vẹn tất cả tài năng của mình vào việc phụng sự. Những người làm như thế mà không còn nghĩ đến chính mình, nhất định sẽ

nhận được những quyền năng mới khác.

Đó cũng là bài ngụ ngôn xưa về tiền tệ. Những kẻ tội tở nào sử dụng khôn ngoan số tiền của mình thì sẽ thấy mình có thể tiếp tục như thế và sẽ được giao phó phần việc quan trọng hơn. Người ta nói về họ như vậy: "Người đã trung thành trong *việc nhỏ, Ta sẽ uỷ thác cho người nhiều hơn. Người hãy hòa mình trong sự hoan lạc của Thầy người*" [51]. Ít người chịu khó tìm hiểu ý nghĩa mấy lời này: Thế nào sự hân hoan của Thượng Đế, sự hân hoan của Đức Thầy? Hân hoan ấy không phải là sự vui thú hay hạnh phúc mơ hồ hay là việc vào cõi Thiên Đàng. Sự hân hoan của Ngài là việc tạo lập các thế giới. Đó là trò chơi của Bacchus trong chuyện thần thoại Hy Lạp, đó là trò chơi của Krishna theo người Ấn Độ. Đức Thượng Đế thích đảm trách sự tiến hóa, là công trình vĩ đại này. Đó là sự hân hoan của Ngài, sự hân hoan trong việc thực hiện một chương trình cao cả của Ngài và việc ban rải tình thương của Ngài khắp vũ trụ. Nếu chúng ta muốn tham dự vào sự hân hoan của Đức Thượng Đế, chúng ta phải tham gia công nghiệp này và hạnh phúc do công việc ấy tạo nên. Nếu chúng ta không sử dụng tất cả những năng lực sẵn có của mình thì Chơn Sư sẽ không giúp chúng ta đạt được những quyền năng khác. Ngài chờ đến lúc Ngài thấy chúng ta sử dụng một cách tốt đẹp nhất những gì chúng ta đã có. Luôn luôn người ta vẫn hiểu như thế. Họ muốn thành những người cứu trợ vô hình. Chúng ta luôn luôn nói với họ rằng: "Trước hết bạn phải là những người cứu trợ hữu hình. Nếu tại cõi Trần là nơi bạn hoàn toàn có ý thức, bạn đã hy sinh trọn vẹn đời bạn cho công việc phụng sự, thì chừng đó chắc chắn bạn cũng sẽ là người hữu ích ở mấy cõi khác".

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 16

NHỮNG SỰ HAM MUỐN NHỎ NHEN

Đừng ham muốn những việc nhỏ mọn thường xảy ra trong đời sống hằng ngày. Chớ nên tỏ ý khoe mình xuất sắc hay là tỏ vẻ thông minh.

C. W. L. Hầu hết thiên hạ thích làm cho kẻ khác chú ý đến mình, thích trình diện dưới hình thức tốt đẹp nhất, nhưng không một ai sau khi đối diện với

Đức Thầy rồi thì lại có thể nghĩ đến việc khoe mình. Khi y được chiêm ngưỡng ánh sáng huy hoàng của Ngài thì tức khắc y biết rằng tất cả sự sáng chói của cá nhân chỉ là ánh sáng của ngọn đèn dầu nhỏ xíu bằng đồng tiền Anh trước mặt trời. Như thế, ý tưởng khoe khoang không thể nảy sinh ra, hoặc trước kia y có ý tưởng đó thì bây giờ đây nó tiêu mất rồi.

Người nào tin rằng ánh sáng nhỏ bé của mình sẽ gây một ảnh hưởng lớn lao cho thế gian là người chưa thấy ánh sáng cao cả, nên không có danh từ gì để so sánh.

Tuy nhiên, muốn phụng sự Đức Thầy, chúng ta phải biết lợi dụng tất cả đức tánh mà chúng ta đã có. Dù ánh sáng của chúng ta như thế nào đi nữa, chúng ta cũng không nên che giấu nó. Không phải chỉ có ngọn đèn pha rực rỡ của Đức Chương Giáo là cần nhất mà thôi. Trên bãi biển phải có những ánh sáng nhỏ bé chiếu ra. Ánh sáng vĩ đại chiếu ra rực rỡ cho đến nỗi nhiều người chóa mắt; những kẻ khác lại không bao giờ ngược lên, nên không ngờ rằng ánh sáng này có thật. Những ánh sáng yếu hơn, vừa sức hiểu biết của họ, có thể làm cho họ chú ý. Chúng ta có thể giúp đỡ nhiều người chưa sẵn sàng để nhờ những Đấng Cao Cả bảo trợ. Vậy mỗi người phải ở tại vị trí của mình. Nhưng bạn đừng bao giờ muốn khoe mình chỉ vì thích sự khoe mình, như thế thật phi lý vậy.

Đừng ham nói, nói ít thì tốt. Không nói cái chi lại càng quý hơn nữa, trừ ra khi chắc rằng những điều muốn nói ra vẫn chân thật, dễ thương và hữu ích. Trước khi nói, con hãy tự hỏi con xem điều con muốn nói có ứng đáp với ba đức tánh đó không, nếu không thì phải làm thinh.

A. B. Những người muốn nói mãi không ngớt, sẽ không có chi để luôn luôn nói cho đúng. Do đó họ nói những điều không đáng cho ta chú ý và như thế họ gia tăng sức mạnh những luồng nói hành dữ dội đang trải qua trên thế gian. Họ gây ra tai hại khôn lường, nếu họ để cho cái lưỡi họ làm theo ý muốn của nó, thay vì họ phải làm chủ nó. Ở đây đúng là trường hợp tôi đã nghe lời huấn thị mà Đức Thầy thường lập đi lập lại: Trước khi nói, con hãy tự hỏi con xem lời con sẽ nói có chơn chánh, dễ thương, hữu ích không. Nếu thiếu ba đức tánh này thì đừng nói gì hết. Điều này làm chậm lại cuộc đàm thoại của con. Dần dần con sẽ nhận thấy con ít nói lại và đó là

một điều tốt vậy.

Những người nhay miệng hay nói phung phí khí lực của họ, mà đáng lẽ họ phải để dành cho những hoạt động hữu ích. Người nói nhiều thường làm việc rất ít. Có lẽ bạn nghĩ rằng những nhận xét về việc sử dụng lời nói có thể áp dụng cho chính tôi. Được lắm, vì tôi diễn thuyết luôn luôn. Nhưng ngoài công việc của tôi, tôi nói rất ít. Tôi không biết nói gì nữa cả, nên người ta thường trách cứ sự im lặng của tôi. Ở Tây phương, thường khi tôi bị bắt buộc phải nói, vì sự im lặng được xem như là một sự buồn bực, thói kiêu hãnh hoặc là không muốn tỏ ra vui vẻ, dễ thương. Như thế dĩ nhiên tôi không nói dễ dàng trừ phi tôi có vài điều đặc biệt và hữu ích để nói. Hẳn nhiên là bạn phải nói, khi bạn có những lý do chính đáng, khi bạn có điều đáng nói, khi bạn làm điều đó với thiện chí. Không phải chỉ có những lời nói vô ích thuộc về loại này phải tránh. Một lời nói vô ích chẳng khác nào một viên gạch ngăn cách bạn với Đức Thầy. Còn nghiêm trọng hơn đối với những ai muốn đến gần Ngài?

Người nói nhiều không thể nào chân thật được. Tôi không muốn nói rằng y đã hữu lý và cố tâm chối bỏ sự thật, nhưng y không thể luôn luôn đúng đắn và sự không chính xác đó là một thái độ trái nghịch với chân lý. Không có gì tai hại hơn tự tạo chung quanh mình một bầu không khí giả dối, luôn luôn do những câu chuyện không xác đáng sinh ra. Chẳng hạn tôi thường nhận được những bức thư chỉ là những lời lẽ dài dòng bao bọc những chuyện nhỏ xiu làm nòng cốt. Trong tất cả những công việc thường ngày ở đời, chúng ta tập giảm bớt tánh quá lộ. Cũng như khi tôi nhận được một bức thư phiên trách người nào - thường có những bức thư như thế - và theo tánh tình của tác giả tôi đoán được cái nào có lý và định được thái độ của y khi viết bức thư đó.

Đức Bàn Cổ nói rằng người nào làm chủ được cái lưỡi của mình thì làm chủ được tất cả. Và một vị Huấn Sư Thiên Chúa Giáo đã nói rằng: "Cái lưỡi là một bộ phận nhỏ bé; nhưng nó khoe khoang những điều vĩ đại. Hãy xem đóm lửa có thể làm cháy cả một khu rừng lớn! Cái lưỡi cũng vậy, nó là một ngọn lửa. Nó là thế giới của sự bất công. Vậy cái lưỡi cũng là một bộ phận của thân thể, nó làm nhơ bẩn trọn cả thân mình" [52]. Làm chủ được cái lưỡi tức là làm chủ được bản ngã thấp hèn. Những nỗi ưu phiền nhỏ mọn thường là hậu quả của những câu chuyện không ra gì và sự phản ứng của chúng. Những chứng bệnh nhưc đầu chút ít, bồn thần, suy nhược . . . không có nguyên nhân nào khác hơn nữa. Nếu những ai bị khổ vì mấy chứng bệnh đó mà tập lặng thinh, họ sẽ thấy khỏe mạnh hơn trước. Đầu tiên, vì họ không mất tất cả năng lực của bộ thần kinh đã hao tổn khi nói và sau đó họ lại khỏi

trả một cách thường xuyên những quả nhỏ nhất mà họ đã gây ra do những lời nói vô vị tầm ruồng của họ. Bạn nhớ rằng Đức Pythagore đã bắt buộc các đệ tử của Ngài phải giữ im lặng trong hai năm. Điều này đáng cho chúng ta suy nghĩ, vì Đức Pythagore hiện nay là Đức Thầy Kouthoumi, Ngài là Sư Phụ của Alcyone và Giám mục Leadbeater.

Bên Ấn Độ có nhiều người Yogi gọi là Muni (Munis) tức là những người đã phát nguyện giữ im lặng, tịnh khẩu. Giá trị của lời khấn nguyện đó luôn luôn được nhìn nhận ở đây. Tôi biết một người đàn ông đã phát nguyện tịnh khẩu trong mười năm và y đã đạt được một sự an tĩnh và một phẩm cách phi thường. Nhờ đó y có thể đi vào một đời sống tinh thần vô cùng phong phú hơn trước kia. Dĩ nhiên, đa số chúng ta không thể khấn nguyện như thế, vì chúng ta đang sống trong một thế giới mà chúng ta có đủ thứ bổn phận phải chu toàn. Nhưng chúng ta có thể sống theo nguyên tắc này: giữ im lặng mỗi khi có thể thực hiện được mà không làm méch lòng những người chung quanh ta.

Sự cần thiết phải thường xuyên tập tánh cẩn thận và phán xét còn mang lại một điều lợi ích, nó tập cho chúng ta tự giữ mình. Phải nói, nhưng hãy nói với một sự cương quyết không vượt quá mức mà qui luật của Huyền Bí Học cho phép về sự hữu ích và lòng nhân từ. Một bài học hay đối với chúng ta là giữ quyết định này trong ngày. Bạn hãy nhất định rằng từ sáng đến tối bạn sẽ không nói một lời nào có tính cách khinh xuất. Ngày ấy, ít ra sẽ là một bước tiến của bạn. Huynh đệ Jain của chúng ta cũng tập như thế để đạt được tánh cẩn thận và khắc kỷ. Sớm mai, họ quyết định trong ngày sẽ không làm một điều nào đó, có lẽ nó không có gì quan trọng. Họ kiên cữ và như thế thói quen cẩn thận diệt trừ tánh cầu thả. Chính Đức Phật cũng nói một cách cương quyết về tánh cầu thả, về sự vô ý thức làm cho con người phạm phải nhiều lỗi lầm tai hại.

C. W. L. Những người nói luôn luôn không ngừng nghỉ thì không thể nói một cách chính xác và hữu ích. Hơn nữa, họ không thể chân thật nếu họ luôn luôn quen nói một cách cầu thả. Vài câu chuyện của họ chắc chắn không đúng với sự thật, dù họ không có ý muốn gạt gẫm. Sau khi đã thốt ra tất cả những lời quả quyết không đúng với sự thật, họ nói rằng: "Tôi không cố ý nói sai thì cái đó không có gì là quan trọng". Đó không phải là ý muốn của bạn, nhưng đúng là việc làm của bạn sẽ sinh ra những hậu quả. Nếu bạn làm một việc sai quấy, dù bạn có chủ ý tốt cũng không thay đổi được bản

chất sự sai lầm của bạn và cũng không thể che chở cho bạn thoát khỏi sự báo ứng tuần hoàn. Một người đã nói điều gì đó, rồi sau cải chính rằng: "Tôi thấy tôi lầm, câu chuyện không hoàn toàn đúng như thế". Y đã nói trái với sự thật, chắc chắn là không cố ý, nhưng y đã nói một điều không có thật rồi cáo lỗi là mình vô tình. Người ấy cũng giống như một kẻ vì rủi ro làm nổ súng gây ra thương tích cho người khác rồi nói rằng: "Tôi tưởng súng không có nạp đạn". Tới bao giờ bạn không có bằng chứng chắc chắn, thì bạn phải xem như súng đã nạp đạn rồi.

Chỉ trong một ngày thôi chúng ta quả quyết nói toàn những chuyện chân thật, khả ái và hữu ích. Ngày ấy sẽ lặng lẽ trôi qua, mà có lẽ thế gian sẽ không mất mát điều chi lớn lao, và điều đó rất tốt cho chúng ta. Đánh rằng mọi cuộc đàm thoại mau lẹ và hứng thú không thể diễn ra, vì chúng ta cần phải dừng lại để suy nghĩ. Những qui tắc này vốn căn cứ trên những định luật của đời sống cao siêu. Muốn tiến hóa nhanh hơn, phải cố gắng tuân theo những qui luật này. Phải tự sửa đổi, dù những qui luật này có vẻ làm cho con người xung đột với đời sống thường nhật và những phương pháp của nó. Điều này dường như khó khăn, nhưng nếu đã suy nghĩ kỹ lưỡng, một người kia cảm thấy rằng những sự đòi hỏi của một đời sống cao thượng đối với y quá lớn lao, thì y có thể chờ trong một, hai kiếp nữa trước khi muốn thực sự tiến hóa. Chúng ta không thể đồng thời sống một cuộc đời dễ dàng, không cố gắng, không cực nhọc, mà lại tiến hóa nhanh chóng. Nhưng chúng ta có thể lựa chọn và không được khiển trách ai đã cảm thấy mình chưa chịu đựng nổi sự căng thẳng cực độ này.

Bây giờ tốt hơn là tập thói quen suy nghĩ cho kỹ lưỡng trước khi nói: Bởi vì khi con được Điểm Đạo rồi, con phải giữ gìn từ lời nói, sợ e không được kín miệng.

C. W. L. Điều này có thể gây ra sự ngộ nhận đối với một độc giả không hiểu biết những sự kiện liên hệ đến sự Điểm Đạo. Nếu người nào có ý muốn tiết lộ những sự bí mật thực sự về sự Điểm Đạo, y chưa mở miệng thốt nên một lời nào, thì y đã quên mất rồi, không có chi mà phải phản bội. Vậy thì những bí mật thực sự được hoàn toàn giữ kín. Không bao giờ có những việc lọt ra ngoài, không thể nào có điều đó được. Còn một sự nguy hiểm lớn lao cho người được Điểm Đạo mà tánh cầu thả, bất cẩn. Y có thể lâm vào một

hoàn cảnh hết sức khốn khổ. Chính tôi đã biết nhiều tài liệu, dù có công bố trên các nhật báo hình như chẳng có tai hại gì, nhưng người ta xin tôi đừng lập lại, thì tôi vẫn im lặng, không biết vì lẽ nào. Lời hứa là lời hứa. Phải xem nó như một sự cam kết thiêng liêng. Nếu ai không đồng ý với quan niệm này thì tốt hơn nên bỏ ngay ý nghĩ tiến triển trên con đường Huyền Bí Học.

Đừng ham nói những chuyện tầm phào; nó vốn phù phiếm và vô vị. Khi nó kéo ra chuyện nói hành thiên hạ, thì lại trở thành độc ác.

C. W. L. Những lời nói mà chúng ta phải gọi là vô ích, thật ra thường có lý do để tiêu khiển thì giờ một cách vui vẻ. Trong thời đại chúng ta thịnh hành thói quen có thể đáng tiếc, là phí nhiều thì giờ để đàm thoại, đáng lẽ dùng để suy nghĩ còn có ích hơn. Chắc chắn có những lúc chúng ta nói những chuyện hoàn toàn không cần thiết chỉ để làm vui lòng người khác, họ sẽ có thể ngạc nhiên nếu chúng ta cứ im lặng mãi. Nhưng ngoài trường hợp đó ra, biết bao câu chuyện vô ích mà dường như lý do duy nhất là chỉ nói để mà nói thôi! Đó là một điều lầm lỗi. Những người bằng hữu chân thật có thể rất hữu phước gặp gỡ nhau trong sự im lặng, họ được kết hợp chặt chẽ với nhau trong tư tưởng. Trái lại, nếu vì sợ cuộc đàm thoại mất hứng thú, nên phải tiếp tục nói, thì khốn thay, người ta lại nói nhiều điều mà tốt hơn là phải im lặng. Kẻ hay nói nhiều chẳng phải là người khôn ngoan nhất và thường chỉ là người khôn ngoan bọc trung.

Vậy thì con hãy tập cho có thói quen nghe hơn là nói. Đừng tỏ bày ý kiến của con, nếu người ta không ân cần hỏi con.

C. W. L. Vài người không thể nghe phát biểu một sự xác nhận nào mà họ cho là sai lầm hay thiếu sót mà không cãi lại ngay. Do đó sinh ra sự bất hòa và tranh luận. Chúng ta nên hiểu rõ rằng chúng ta không có bổn phận sửa chữa ý kiến của kẻ khác hoặc đưa kẻ lầm lạc vào đường ngay nẻo chánh. Bổn phận của chúng ta là giúp đỡ kẻ khác tùy khả năng mình và một cách êm thấm. Nếu người ta có hỏi ý kiến chúng ta, chúng ta hãy bày tỏ một cách

thật trầm tĩnh và ôn hòa mà không có một tinh thần chống đối nào cả. Cho rằng ý kiến chúng ta có lợi hơn cho những kẻ ở chung quanh ta là điều vô ích, vì đôi khi nó chẳng ích lợi chi cả, mà bất kể kẻ khác phục tùng là điều lỗi lầm. Có thể một người nào đó biết đích xác về một sự kiện nào đó mà chúng ta quả quyết rằng không phải thế, nhưng tốt hơn nên để y nói. Chắc chắn điều này làm cho y thích ý và cũng không có gì hại đến chúng ta chút nào. Dù y tin rằng trái đất dẹp hay mặt trời xoay chung quanh quả đất, thì đó là chuyện riêng của y. Còn ai lãnh chức vụ của một nhà giáo dục, có bốn phận phải dạy dỗ một số học sinh, thì phải sửa đổi chúng một cách dịu dàng và bình tĩnh. Đó chính là bốn phận của những người giáo hóa trẻ con, nhưng không ai có trách nhiệm làm nhà giáo dục của quảng đại quần chúng.

Thật ra, nếu chúng ta nghe ai nói xấu người nào, chúng ta có bốn phận phải nói: "Xin bạn thứ lỗi. Bạn không hoàn toàn có lý. Điều đó không đúng với sự thật", rồi bạn cố gắng hết sức lập lại các sự kiện. Một người không được ai bình vực đã bị công kích thì bốn phận của chúng ta là phải bầu chữa cho y.

Có một câu gồm hết các đức tánh phải tập là: tri, cảm, nguyện, mặc, mà đức tánh chót là khó hơn hết.

C. W. L. Những người thuộc về phái Hoa Hồng Thập Tự Giá có đưa ra nguyên tắc này: người nào đã cương quyết tiến trên đường Huyền Bí Học thì nhất định phải hiểu biết, phải dũng cảm, phải quyết chí và phải trầm mặc. Phải hiểu những định luật thiên nhiên và có gan áp dụng chúng nó. Muốn sử dụng những quyền năng cao siêu đã ban cho chúng ta trên Đường Đạo, thì phải có một ý chí dũng mãnh, có khả năng chủ trị được những quyền năng đó cũng như tự kiềm chế lấy mình vậy. Và sau khi thành công, ta dè dặt đừng đừng nói ra điều đó.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 17

HÃY LO LẮNG VIỆC NÀO CÓ CAN HỆ VỚI MÌNH

Còn một sự ham muốn thông thường phải bài trừ một cách nghiêm khắc là xen vào chuyện thiên hạ. Điều nào kẻ khác làm được, nói được hay tin được không can hệ tới con, con hãy tập cho quen tánh để y làm trọn vẹn một mình theo ý y muốn. Ngày nào y không can dự vào chuyện thiên hạ, thì ngày đó y còn quyền tư tưởng, nói năng và hành động tự do. Con đây cũng vậy, con yêu cầu được quyền tự do làm điều nào mà con tưởng rằng tốt, vậy con cũng phải để cho kẻ khác được tự do như con vậy, và nếu người ta dùng quyền tự do của người ta, thì con không được phép kích bác.

C. W. L. Đừng can thiệp vào chuyện tín ngưỡng và hành động của kẻ khác, khi mà dĩ nhiên những chuyện ấy không trái ngược với quyền lợi chung. Nếu một kẻ nào đó làm cho những người đến gần y đều phiền hà, không chịu nổi y, đôi khi chúng ta có bốn phân đưa ra ý kiến, tuy nhiên dù trong trường hợp đó, thường thường tốt hơn là chúng ta nên rút lui và để cho sự việc tự dàn xếp một cách êm ái.

Thuộc về giống dân Anglo-Saxon (Anh Nhật-nhĩ - man) [53], chúng ta rất hãnh diện về quyền tự do của mình, nhưng thật ra chúng ta không được tự do chút nào, vì những tập quán trói buộc đến một mức độ gần như không thể tưởng tượng được. Chúng ta không ăn mặc hoặc lưu thông theo ý muốn. Chẳng hạn một người thích ăn mặc theo lối cổ Hy Lạp - có thể y phục đó là một trong những y phục đẹp nhất từ trước đến nay - nếu y ăn mặc như thế ra đường, thì đám đông có thể bu quanh y, và y có thể bị bắt giữ vì đã gây trở ngại cho sự lưu thông. Trong bất cứ xứ tự do thật sự nào, y có thể ăn mặc và hành động theo ý mình, với điều kiện là không làm phiền kẻ khác. Nhưng không, không có tự do thật sự; chúng ta không thể tách khỏi con đường của tất cả mọi người đều đi, hoặc đi lệch ra một chút mà không gây nhiều nỗi khó khăn và xáo động. Đó là điều đáng tiếc vậy. Sự hoàn toàn tự do rất tốt đẹp đối với tất cả mọi người nhất là đối với những ai muốn can thiệp vào công việc của kẻ khác.

A. B. Đa số chúng ta đều đúng đắn và nhiệt thành, chúng ta tin chắc giá trị và sự học hỏi của chúng ta, chúng ta xác nhận một cách hợp lý sự quan trọng tối cao của nó, và chắc chắn chúng ta muốn kẻ khác chia sẻ những tình cảm

của mình, đôi khi chúng ta hầu như muốn ép buộc họ nghe theo chúng ta nữa. Đó là sự lầm lỗi chung của tất cả những người bẩm chất nhiệt thành. Một người kia có thể tiếp nhận một cách vui vẻ những gì mà chính y đã biết, mặc dù trí óc y có thể không biết điều đó và không thể tỏ bày cho y được. Trước khi chấm dứt thời kỳ dự bị ấy, y không thể thu nhận một chân lý nào từ bên ngoài đến; và muốn cưỡng bách y phải theo nó là làm hại y hơn là làm lợi.

Cũng thế, tâm thức không thể được sáng tạo nhờ một ảnh hưởng bên ngoài. Nó chỉ là kết quả của những kinh nghiệm quá khứ. Vậy chấp nhận một giáo lý nào hay một lời khuyên nào là biểu hiện sự trình bày bên ngoài đã đánh thức những ý niệm sẵn có trong con người qua bộ óc như một làn chớp. Về phương diện này, vai trò duy nhất của vị Huân Sư là mang đến cho con người tại cõi Trần, những ý niệm mà con người đã biết ở mấy cõi khác. Một trong những Đại Giáo Chủ đã cho biết rằng không ít bài học về Thông Thiên Học đã được giảng dạy cho nhiều người trong giấc ngủ của xác thịt họ. Vậy "con người thật" học hỏi và những ý niệm đã được thu thập rồi trong giấc ngủ có thể được một vị Huân Sư giảng dạy lại một lần nữa tại cõi Trần, những lời giảng dạy ấy sẽ giúp cho những sự hiểu biết thâm nhập vào bộ óc. Vị Huân Sư tại cõi Trần không thể làm gì hơn thế được.

Nhờ những sự thất vọng tiếp diễn, mà chúng ta biết rằng không thể giúp con người bằng cách muốn cho họ đi vào con đường mà họ chưa được chuẩn bị trước. Như thế chúng ta sẽ rất yên lòng, và chúng ta cũng sẵn sàng giúp đỡ khi nhận thấy điều đó có thể hữu ích, hoặc sẵn sàng tránh xa trong trường hợp biết trước sự giúp đỡ của mình vô hiệu, nghĩa là trường hợp người ta không lợi dụng được ý kiến của chúng ta. Đứng trước thái độ này, những người không hiểu biết thường kết luận rằng chúng ta lãnh đạm, nhưng thực ra người tiến hóa cao phân biệt một cách chính xác trường hợp nào có thể giúp đỡ được và trường hợp nào nên rút lui.

Nếu không biết phải hành động thế nào cho chính đáng, thì nên áp dụng những phương thức thí nghiệm. Bạn hãy đưa ra một ý kiến. Nếu ý kiến này được tiếp đón một cách lãnh đạm hoặc bị bác bỏ, bạn nên hiểu rằng trên đường lối đó bạn không thể giúp đỡ kẻ đối thoại của bạn. Bạn hãy chờ đợi hoặc thử dùng một phương sách khác, tùy trường hợp. Làm như thế còn tốt hơn là đưa tất cả những sự kiện hiểu biết của bạn cho người ấy. Bạn đừng trấn áp hoặc đè nén tinh thần y bằng cách trút đổ toàn thể những sự hiểu biết của bạn lên y, hoặc cố gắng bắt buộc y phải thu nhận nó. Những người thường đòi hỏi phải cho họ được tự do, nhưng họ ghê tởm một cách kỳ lạ,

khi họ phải để cho kẻ khác tự do. Đó là một lỗi lầm lớn lao, vì kẻ khác cũng như chúng ta vẫn được quyền có những ý kiến riêng biệt và phát biểu như chúng ta.

Đôi khi, đó là một lỗi lầm ngược lại. Đi từ cực đoan này đến cực đoan khác, bạn đừng nghĩ rằng bạn phải chấp nhận ý kiến của thiên hạ. Sự phê phán khác biệt nhau tuyệt nhiên là điều chính đáng. Bạn có thể nói với tất cả sự thành thật của mình: "Không, tôi không đồng ý về điều đó ", hoặc bạn có thể giữ im lặng. Nhưng có điều bạn nên tránh là công kích kẻ khác vì y bình vực ý kiến riêng của y. Đứng trước một sự quả quyết nào đó, bạn hãy bắt đầu tự vấn lương tri của bạn và luôn luôn dùng lý trí xem xét nó. Bạn hãy để cho mọi người được tự do. Song bạn phải tự chủ, không lệ thuộc ai cả.

Nếu con tưởng rằng y làm quấy và con có dịp tỏ riêng với y thì phải nói một cách hết sức lễ phép, vì có lẽ con không nghĩ như thế. Có lẽ con làm cho y tin được, nhưng trong nhiều trường hợp, can thiệp như thế cũng không phải cách nữa. Dù thế nào con cũng đừng đem chuyện đó nói với một người khác, vì làm như thế thật sai quấy lắm.

A. B. Đôi khi bạn có thể giúp đỡ một người mà bạn biết đang đi vào con đường sai lầm về đạo lý; nhưng ở đây cần phải hết sức thận trọng, vì trong nhiều trường hợp tương tự như thế rất dễ làm hại hơn là làm lợi. Chắc chắn sự giúp đỡ như thế phải được thực hiện một cách đặc biệt và hoàn toàn thân mật, theo lời chỉ dẫn của Đức Thầy. Nếu kẻ đối thoại của chúng ta đã có sẵn một định kiến, chúng ta chỉ có thể để y tự học bằng sự kinh nghiệm. Mà may thay kinh nghiệm là một ông thầy hết sức giỏi.

Một người có ý tưởng sai lầm đến trình bày với bạn. Rất vô ích mà nói rằng ý tưởng đó không có giá trị chi cả, trừ phi bạn chắc chắn rằng y tin tưởng vào sự phán đoán của bạn hơn là của y, hoặc ít ra y cũng chú trọng đến lời khuyên giải của bạn. Trong nhiều trường hợp, chính người ấy phải tự khám phá chỗ sai lầm của y và tốt hơn chúng ta đừng ngăn cản y làm công việc đó. Người ta thường đến tìm tôi và báo vài điều tiên tri mà họ cho là quan trọng. Thường thường tôi lắng nghe một cách điềm tĩnh và lễ độ song không bày tỏ một ý kiến nào. Đến khi lời tiên tri không ứng nghiệm, nhà tiên tri tự thấy rằng mình lầm lạc, nhưng phải để cho y tự kết luận. Những câu chuyện như

thể không thể tránh khỏi khi có nhiều người học hỏi Huyền Bí Học. Thường thường họ bị lạc đường vì sự phán đoán của họ đã mất nền tảng cổ truyền. Họ tự hỏi vì sao bao nhiêu tiêu chuẩn của họ sắp vỡ từng mảnh trong tất cả những trận địa chấn này. Trong trường hợp như thế, việc duy nhất nên làm là không được vội vã, phải yên lặng giữ bình tĩnh và thẳng băng. Tất cả sẽ dần dần sáng tỏ, sự giả trá và sai lầm sẽ tiêu tan, và sự chân thật sẽ tồn tại.

Nếu con thấy ai làm hung ác với một đứa trẻ con hay là một con thú, thì con có bổn phận phải ngăn cản.

A. B. Sự can thiệp trong trường hợp này phải là một bổn phận, vì sức mạnh mà hà hiếp sức yếu thì y có bổn phận phải bảo vệ, bởi chính sức yếu không thể tự bảo vệ cho mình. Như thế mỗi khi một đứa trẻ hay một con thú bị hành hạ, kẻ mạnh hơn có bổn phận phải can thiệp, không cho kẻ bị hiếp đáp mất quyền của nó và khổ sở vì bị kẻ khác tước đoạt tự do. Vậy khi bạn thấy một đứa trẻ bị đối xử tàn bạo, thì bạn nên luôn luôn phản đối và cố gắng can thiệp cho có hiệu quả.

Nếu con thấy ai vi phạm phép nước, thì con phải báo cho nhà cầm quyền biết.

C. W. L. Người ta đã bàn luận nhiều về đoạn này, và do đó nhiều người đã bất bình. Điều này cũng là, vì thật ra, nếu bạn im lặng trước một trọng tội, thì trước hay sau sự việc xảy ra tùy theo trường hợp, bạn vẫn là kẻ đồng lõa và luật pháp kết tội bạn như thế. Nhưng người ta có thể nói rằng: "Phải chăng chúng tôi dò thám kẻ khác để biết họ có vi phạm phép nước hay không"? Chắc chắn không phải như thế. Bạn không phải là những cảnh binh có phận sự truy tầm kẻ thủ phạm.

Pháp luật bảo đảm sự đoàn kết trong cả nước. Nó thiết lập trật tự cho sự lợi ích chung. Vậy mỗi công dân đều có bổn phận giữ gìn luật pháp. Tuy nhiên mọi người phải sử dụng lương tri của mình. Không ai cho rằng mình phải

tuân theo những luật lệ cổ hủ, dù chúng được lưu giữ trong các văn bản. Không cần phải chịu khó thông báo những sự vi phạm nhỏ nhặt. Chúng ta hãy lấy một thí dụ về việc vi phạm quyền tư hữu. Nếu bạn thấy một người nào băng ngang vườn kẻ khác đang đi tắt, tôi tưởng rằng bạn không cần phải đi thưa gởi. Nếu người ta hỏi bạn, thì dĩ nhiên là bạn phải thuật lại sự kiện ấy. Một thí dụ khác nữa: đó là luật cấm buôn lậu. Tôi tưởng rằng một công dân tốt phải tuân theo luật đó và không nghĩ đến việc buôn lậu một thứ gì. Đồng thời, nếu một người bạn đồng hành của tôi tìm cách buôn lậu thuốc hút hay một món hàng hóa tương tự khác, thì ắt hẳn tôi không có bổn phận đi tố cáo với nhà chức trách, vì vấn đề vi phạm luật không làm hại đến ai cả.

Riêng cá nhân tôi, tôi không vi phạm luật ấy, vì tôi nghĩ rằng luật pháp được thiết lập để chúng ta tuân hành. Nếu nó không thích hợp, cần phải tu chính, thì phải căn cứ vào đường lối của Hiến Pháp. Có vài điều luật khó tuân giữ. Ở vài xứ việc chủng đậu bị bắt buộc. Riêng tôi [54], tôi không đồng ý và chỉ ưng thuận khi bị cưỡng ép, bởi tôi thích vào tù hơn là chủng ngừa, vì đó là việc làm không tốt. Trong mọi vấn đề mỗi người phải hành động theo ý mình.

Bên Ấn Độ, những án mạng được mục kích phải phúc trình bằng cách kể lại một cách chính xác. Dĩ nhiên, những tội ác này đều quan trọng. Kẻ chứng kiến một vụ sát nhân hay một hành vi cướp bóc có bổn phận phải báo cáo lại, nhưng trong nhiều trường hợp không quan trọng không cần làm như thế. Theo luật pháp Ấn Độ, người ta không cho mình là đồng lõa nếu không báo cáo lại một số việc nhỏ mọn.

A. B. Khi thấy luật pháp bị vi phạm, mọi người công dân đều có bổn phận phải ngăn cản. Đó là một trong những trách nhiệm sơ đẳng. Tuy nhiên, một ngày kia lời dạy này đã bị cãi cọ. Một sinh viên đến tìm tôi và cho rằng trong sách có một câu mà em không đồng ý, vì nó biểu lộ sự tọc mạch, một sự do thám trong mọi công việc của kẻ khác. Thật ra, câu ấy không có nghĩa gì giống như thế cả, nhưng nếu bạn thấy ai vi phạm luật nước, thì phải can thiệp, vì luật pháp giữ gìn sự kết hợp của một dân tộc, nó thiết lập và bảo vệ trật tự, và tạo ra một sợi dây liên hệ giữa mọi người dân. Như vậy mọi người đều có bổn phận bảo vệ pháp luật. Không ai có quyền che giấu một án mạng sắp diễn ra. Nếu hành động như thế, người ta sẽ trở thành kẻ tòng phạm. Thường thường điều đó được mọi người công nhận, nếu ai thấy tội ác diễn ra mà không cấp báo, sẽ bị xem như đồng lõa trước pháp luật và sẽ

bị luật pháp trừng trị. Tôi phải giả định rằng em sinh viên ấy không thật cần nhắc những lời nói của em, vì một nước mà người công dân không nhận thức được bốn phận sơ đẳng này và trốn tránh nó, thì nước ấy sẽ rơi vào chỗ suy vong vì không có tinh thần công cộng.

Nếu con lãnh phần giáo hóa người nào, thì con có bốn phận phải chỉ cho y biết lỗi của y một cách dịu dàng.

C. W. L. Đó là lẽ tự nhiên. Sở dĩ một đứa trẻ, một học sinh, một người giúp việc được đặt dưới quyền chúng ta, bởi vì chúng ta trưởng thành và khôn ngoan hơn. Nếu chúng ta không chỉ những lỗi chúng đã phạm phải, chúng không thể lợi dụng được sự hiểu biết và kinh nghiệm của chúng ta. Do đó chúng ta thiếu trách nhiệm đối với chúng và xao lãng bốn phận mà chúng ta phải chu toàn vì chúng ta được đặt để trên chúng nó.

Trừ ra những trường hợp trên đây, thì con phải lo lắng việc riêng của con và tập lấy đức tánh im lặng.

A. B. Nếu lời giới răn này được tuân hành thì xã hội sẽ đổi khác biết bao! Thay vì luôn luôn đề phòng những kẻ lân cận, một người kia sống cuộc sống riêng của mình một cách tự do và cởi mở, vì những tôn trọng yên tĩnh lẫn nhau sẽ có thể hành động theo ý riêng của mình. Lòng khoan dung và thiện chí sẽ thay thế việc can thiệp vào chuyện của kẻ khác và chỉ trích nhau. Hiện nay giống dân thứ năm của chúng ta đang chi phối thế giới, là giống dân hay gây hấn, hiếu chiến và hay phê bình, chỉ trích, nhưng chúng ta phải cố gắng sống như con người trong những thời đại tương lai, tức là như giống dân chánh thứ sáu. Muốn được như thế phải thực hành đức khoan dung và lòng nhân hậu tích cực. Điều này dẫn đến ý niệm về tình huynh đệ đại đồng, là nguyên tắc căn bản của giống dân thứ sáu.

C. W. L. Hình như không khó khăn gì mà lo lắng cho công việc riêng của mình, nhưng rất ít người làm được. Đoạn này có nghĩa là phải lấy thái độ

chung về đức khoan dung và thiện chí thay thế cho những điều tệ hại hiện nay đang lan tràn, tôi muốn nói tinh thần hay can dự vào việc kẻ khác và hay chỉ trích. Người nào hành động một cách hoàn toàn khác lạ hơn bình thường, tôi e rằng nhiều người sẽ kết luận ngay là y làm như thế vì những lý do tồi tệ. Không phải như thế: có thể y có lý do riêng. Hơn nữa, ít ra y không phạm phải một hành động bất chính rõ ràng hoặc xen vào công việc của kẻ khác, thì chúng ta nên để y đi theo con đường của y và hành động theo sở thích của y.

Cũng giống như những thói xấu khác hiện nay, nguyên nhân chính của tật xấu ấy là sự thái quá của những tánh đặc biệt thuộc về giống dân chánh thứ năm và giống dân phụ thứ năm của giống dân này. Giống dân của chúng ta đang mở năng lực chỉ trích thuộc về Hạ Trí và sự phát triển này tiến quá xa sẽ sinh ra tánh công kích, gây gổ và lý sự. Còn những người nhắm vào sự tiến hóa về phương diện Huyền Bí Học thì phải mở Bồ Đề Tâm, ấy là đức tánh Hợp Nhất, đó là đức tánh tổng hợp, chứ không phải sự phân tích và cố gắng tìm những sự tương đồng hơn là những điều dị biệt. Sự phát triển đức tánh này sẽ là nhiệm vụ của giống dân chánh thứ sáu, và giống dân phụ thứ sáu thuộc giống dân chánh thứ năm, hiện nay đang sinh sản ở Mỹ Quốc, Úc Châu và nhiều nơi khác.

Trong Hội Thông Thiên Học, chúng ta đề cao ý niệm về tình huynh đệ. Một trong những cách thực hiện tình huynh đệ là đi tìm những cơ hội để khen ngợi chứ không phải tìm dịp để trách móc người khác. Nếu muốn tìm điều thiện, bạn có thể tìm thấy trong tất cả mọi người, mọi vật có những điểm để khen ngợi và những điểm để chê bai. Và chúng ta có những lý do hết sức tốt đẹp trong việc tập trung sự chú ý của chúng ta vào những đức tánh tốt chứ không phải những điều đáng trách cứ. Như vậy có thể làm cho cán cân chênh lệch đi một ít. Chúng ta có thể nhường cho kẻ khác tìm lỗi của họ. Chắc chắn là họ không bỏ thói quen khiển trách và họ sẽ vui thích mà làm việc đó hơn chúng ta. Một lỗi thực tập hay nhất là đi tìm những khía cạnh tốt đẹp. Phải bắt đầu thực hiện công việc này trước mới có thể biết rõ những điều lành trong con người phong phú đến đâu. Rồi chúng ta sẽ khám phá được tất cả mọi đức tánh tốt đẹp trong những người mà chúng ta đối đãi không có một chút chi công bình nào cả. Nhận xét những người ít quen biết với chúng ta bằng cách chỉ căn cứ trên một hay hai sự kiện là việc làm rất dễ. Chẳng hạn, thấy họ dường như nổi cáu, chúng ta cho họ là những người nóng nảy. Một ngày kia chúng ta thấy họ không bằng lòng, rồi chúng ta kết luận họ là kẻ luôn luôn bất mãn. Có thể chúng ta gặp họ trong lúc chẳng may, và đời sống bình thường của họ có thể không giống những điều chúng

ta tưởng nghĩ chút nào.

Nếu thỉnh thoảng chúng ta bị làm lạc, thì sự làm lạc này nên thuộc về khía cạnh tốt, chúng ta nên cho kẻ khác có tánh tốt nhiều hơn thật sự mà y đã có. Như thế chẳng thiệt hại gì cho y cũng như chẳng thiệt hại gì đối với chúng ta. Một vị Chơn Sư đã nói rằng: "Trong mỗi người đều có khía cạnh tốt và có khía cạnh xấu". Bạn chớ nên cho một người nào có tánh tình xấu xa, bạn sẽ mong cho những hành động của y phù hợp với sự xấu đó và nếu y không làm việc sai quấy, thì bạn có thể thất vọng, vì như thế chúng tỏ bạn xét đoán sai lầm. Thà đánh giá quá cao hàng trăm người còn tốt hơn là xét đoán một người theo cách quá khắc nghiệt. Cầu xin Bồ Đề Tâm của chúng ta hoạt động để ít ra giúp cho chúng ta chỉ tìm khía cạnh tốt chớ không phải điều xấu, trước hết sẽ có lợi trên phương diện chân lý và công bằng, và sau đó đã hiểu biết về quyền năng của tư tưởng, chúng ta biết rằng khi nhận thấy điều xấu ở một người nào đó, chúng ta sẽ làm cho y trở nên xấu hơn trước, nhưng khi thấy điều tốt ở y, chúng ta sẽ giảm bớt được điều xấu và trợ giúp sự tăng trưởng điều lành.

Một trong những bài học chính yếu mà chúng ta cần phải học là đừng để cho Hạ Trí lôi cuốn chúng ta và đừng gán cho kẻ khác những lý do đê tiện. Kinh nghiệm của chúng ta cho thấy những nhân tính có thể sai lầm, và luôn luôn không phải con người hoạt động do tánh vị tha. Khuynh hướng tự nhiên của chúng ta là tìm nguyên do trong tình cảm ích kỷ, thay vì trong sự cao thượng. Chúng ta không nên để cho mình rơi vào mức độ ngờ vực và ý muốn xấu xa này. Sự cần thiết có ích cho chúng ta cũng như cho kẻ khác là trước nhất phải đi tìm lý do cao thượng hơn hết; ngay cả khi chúng ta không biết được, chúng ta cũng vẫn nhìn nhận ý muốn tốt lành của kẻ khác. Khi chúng ta nghĩ đến một lý do xấu xa, tức là chúng ta tăng cường nó bằng tư tưởng, vì Cái Trí của chúng ta rất dễ cảm thụ. Nếu một người có hơi yếu đuối, chúng ta nhìn nhận cái hảo ý của y, chẳng bao lâu y sẽ hồ thẹn vì ý tưởng thấp thỏi của y và sẽ thay thế nó bằng một khuynh hướng cao thượng. Hơn nữa khi gán những lý do tốt lành cho tất cả những người bạn thân của chúng ta, chúng ta chắc chắn rằng mình có lý đến chín phần mười. Đánh rằng, thiên hạ, theo thói quen vô liêm sỉ sẽ phê phán chúng ta: "Anh chỉ là người khờ khạo, đại dốt thôi". Tốt hơn là khờ khạo mà làm điều lành theo lối đó còn hơn là kẻ sắc sảo mà không thể nghĩ tốt cho ai cả.

Đúng ra, không ai thật có ý xấu cả. Vậy hãy tránh sự sai lầm chung là gán những lý do riêng biệt cho những người làm những điều mà chúng ta gọi là xấu xa, quấy quác. Chúng ta chớ nên có thái độ bất công cho rằng những

người ăn thịt nào cũng đều nghĩ rằng việc ấy không mấy quan trọng và họ đã làm điều mà họ biết là ác. Sự thật không đi ngược với những tình cảm tốt lành của họ, họ sống theo tập quán và không tưởng tới điều ấy. Đó là những người thật tốt. Thời Trung Cổ, những người giống như họ chẳng lần lượt đưa nhau lên giàn hỏa u, mà không có nghĩ gì hơn? Một trong các Đức Thầy của chúng ta đã nói: "Mục tiêu của chúng ta chẳng phải là làm cho con người có đức hạnh, mà căn cứ trên sự tốt lành, tạo ra những trung tâm tinh thần mạnh mẽ".

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 18

HẠNH KIỂM TỐT

TỰ CHỦ TRONG LÚC TƯ TƯỞNG

Đức Thầy kể sáu điểm về hạnh kiểm đặc biệt, bắt buộc phải có là:

I. Tự chủ trong lúc tư tưởng.

II. Tự chủ trong lúc hành động.

III. Khoan dung.

IV. An phận.

V. Đi thẳng đến mục đích cũng có thể dịch là tư tưởng cố định [\[55\]](#).

VI. Lòng tin cậy.

(Tôi biết vài điểm trên đây thường được dịch khác, chẳng hạn như những danh từ về các đức tánh cần thiết, nhưng tôi luôn luôn dùng những danh từ của Đức Thầy đã dùng khi giảng giải cho tôi).

A. B. Theo lời Alcyone, vài danh từ đã được Đức Thầy dịch có hơi khác với những danh từ mà chúng ta đã quen dùng. Đối với ba đức tánh đầu, chúng được dịch gần giống như những danh từ mà tôi đã dùng trong nhiều năm qua. Ba đức tánh sau cùng dịch có hơi khác, dù nghĩa chính của chúng vẫn là một. Tôi luôn luôn dịch đức tánh thứ ba của các điểm thuộc về Hạnh Kiềm Tốt là "Khoan dung", như Đức Thầy dịch ở đây, nhưng tôi biết nhiều người không đồng ý về sự chọn lựa danh từ này. Danh từ do tiếng Phạn là Ouparati, nguyên nghĩa của nó là "Ngừng lại", "Đình chỉ" (chúng tôi nghĩ rằng danh từ ngừng lại liên hệ đến những tình cảm như tinh thần chỉ trích và sự bất mãn. Vậy trạng thái tích cực của đức tánh này là sự khoan dung).

Tôi luôn gọi điểm thứ tư là "Sự chịu đựng" hay Titiksha. Thật ra, ý nghĩa An phận vẫn không thay đổi, vì chịu đựng ắt phải kèm theo sự An phận. Trong trường hợp này, Đức Thầy vui vẻ một cách đặc biệt - nếu tôi dám mạo muội dùng chữ này - Ngài phiên dịch bằng cách làm nổi bật đặc tánh ấy. Mỗi người lấy nó làm đề tài tham thiền thì rất tốt. Kế đó là đức tánh "Đi thẳng đến mục đích". Chính do chữ Phạn là Samadhana mà tôi dịch là "Thăng bằng". Ở đây ý nghĩa cũng giống như nhau vì người mà đường hướng không thay đổi, cố định thì thăng bằng và ngược lại người được thăng bằng thì đường hướng không thay đổi. Sau cùng, đến chữ Shraddha mà tôi luôn luôn gọi là "Đức tin". Ở đây Shraddha được dịch là "Lòng tin cậy", nhưng một lần nữa ý nghĩa ở đây vẫn in như nhau, vì tôi luôn luôn định nghĩa Đức tin là Lòng tin tưởng sâu xa ở Thượng Đế bên trong chúng ta [56] và ở nơi Đức Thầy. Điều tốt hơn hết là ghi nhận những điểm dị biệt và những điểm tương đồng, chúng giúp chúng ta hiểu rõ ý nghĩa.

I. Tự chủ trong tư tưởng: Đức tánh cần thiết, được mệnh danh là đoạn tuyệt, chỉ cho chúng ta biết rằng phải làm chủ Cái Vía. Tuy nhiên cũng phải làm chủ Cái Trí nữa. Điều này có nghĩa là chế phục tánh khí làm sao cho không thể giận hờn hay nóng nảy. Cũng phải chế phục Cái Trí thế nào cho tư tưởng luôn luôn được yên lặng và thanh tịnh; và nhờ Cái Trí trấn áp bộ thần kinh cho nó ít căng thẳng được bao nhiêu tốt bấy nhiêu.

C. W. L. Trấn an bộ thần kinh quả là một trong những điều khó khăn đối

với chúng ta, vì chúng ta đang cố gắng thực hiện một kinh nghiệm mới lạ tức là hồi thúc sự tiến hóa của mình (do đó chúng ta cần tinh lọc những thể thấp và làm cho chúng trở nên càng ngày càng nhạy cảm), trong lúc phải lo cuộc sinh sống giữa thế tục. Vấn đề này càng khó khăn thì cuộc chiến thắng của chúng ta càng vinh quang. Khi chế phục được chúng rồi thì chúng tỏ rằng nhờ ý chí chúng ta đã tiến bộ hơn vị tu sĩ hay vị ẩn sĩ.

Đôi khi người ta trừ được tánh nóng nảy, nhưng sự kiểm soát trọn vẹn các thể thấp còn khó khăn. Có thể còn có lúc bức tức, nổi nóng, trong khi thực sự tánh nết nóng nảy khi xưa đã hoàn toàn biến mất. Như thế ít nguy hại hơn là còn tánh nóng nảy mà che đậy nó, nhưng chúng ta cũng phải trừ tuyệt tánh đó đặng những người ở chung quanh chúng ta đừng lầm lạc. Nếu bạn có Thần Nhân bạn nhìn vào Thể Vía của một người đi đường nào đó, bạn sẽ thấy nó là một khối quay cuồng. Thay vì có những đường vạch rõ rệt, những màu sắc phân minh vận chuyển điều hòa, thì bạn lại thấy hiện trên mặt năm mươi hoặc sáu mươi lòng chảo nhỏ, hay là những xoáy ốc quay cuồng mãnh liệt đến nỗi mỗi sự xoáy nhanh ấy tạo thành một cái gút cứng ngắt giống như một mục cóc. Bạn hãy quan sát những mục cóc này, tất cả đều sinh ra bởi hàng loạt những cử chỉ nóng nảy, những sự lo lắng nhỏ mọn, những tình cảm như hờn mát, ganh ghét, đố kỵ, cũng có thể là sự hận thù đã nổi dậy trong người này, trong vòng bốn mươi tám giờ qua. Những trốt xoáy lớn hơn và lưu lại lâu dài hơn, nếu y cứ lập lại nhiều lần cùng trong một tư tưởng như thế đối với một người khác.

Ngày nào con người còn ở trong tình trạng này thì ngày đó y không thể nào suy tư một cách sáng suốt và chính xác như y có thể làm được. Nếu y muốn suy nghĩ hay viết về một đề tài nào đó thì những luồng trốt xoáy này nhuộm màu và làm biến đổi lối nhìn của y, dù y có quên đi những cảm xúc đã làm nảy sinh ra chúng. Người ta quên cơn xúc động của sự bất mãn, không biết rằng hiệu quả của nó vẫn tồn tại và thường thường những luồng trốt xoáy này vẫn không thay đổi.

Các nhà có Thần Nhân hay có Thiên Nhân nhận biết những thành kiến, những tiên kiến một cách rõ ràng. Chất Trí Tuệ phải di chuyển mau lẹ, chẳng phải trên mặt nhưng trong vài vùng hay khu vực. Nói một cách tổng quát, chất khí có khuynh hướng tự sắp xếp theo mật độ của nó. Chất khí thô kệch di chuyển trong một mức độ nào đó khắp châu thân, nó có khuynh hướng qui tụ ở phần dưới hình bầu dục. Do đó những người bị chi phối bởi những tư tưởng, những tình cảm ích kỷ, thì hình bầu dục ấy giống như quả trứng được thăng bằng theo đầu lớn của nó. Đối với những người thật sự vị

tha hoặc tiến hóa trên phương diện Huyền Bí Học, thì hình bầu dục giống như quả trứng đứng sừng trên đầu nhỏ. Thể trí có bốn khu vực hay bốn vùng riêng biệt chứa những loại tư tưởng khác nhau.

Giả sử một người kia có những tư tưởng tôn giáo rất hẹp hòi. Chất trí tuệ thay vì di chuyển tự do trong vùng của nó, nó lại dồn cục cho đến khi nhô ra thành một khối, rồi bắt đầu dậy lên và hồi hám. Bởi những tư tưởng tôn giáo của y phải xuyên qua khu vực này của Thể Trí, cho nên không bao giờ có thể đúng đắn, vì sự rung động của nó bị chứng bệnh của Thể Trí làm cho mất hiệu lực - nói theo nghĩa từng chữ thì như thế - chứng bệnh của Thể Trí đến ghép vào điểm này. Những thiên kiến của y làm sự phán đoán của y không thể tránh khỏi sai lạc cho đến khi nào y bắt đầu tự chữa trị cho mình lành mạnh bằng cách kiểm soát và thanh lọc Cái Trí có phương pháp. Chỉ tới chừng đó, y mới có thể nhận thức đúng, nghĩa là thấy mọi vật như Đức Thượng Đế đã thấy, đã hiểu biết toàn thể hệ thống của Ngài một cách chính xác như nó đang hiện hữu.

Những thành kiến không cần phải nghịch hản với người hay vật, mà thường lắm khi chúng lại trợ giúp cho người và vật nữa. Dù ở trong trường hợp này thành kiến cũng là một chân lý bị biến đổi, mà sự sai dị ấy cũng hiện ra trong hào quang. Một trong những trường hợp thường xảy ra là một bà mẹ không hề tin rằng từ tạo thiên lập địa đến giờ không có một hài nhi nào phi thường như con bà. Một thí dụ khác: một nghệ sĩ không thể thấy cái gì tốt đẹp trong bất cứ trường Mỹ thuật nào khác hơn trường Mỹ thuật của y.

Tất cả những điều này, xét về phương diện tâm linh giống như một vết thương hở miệng, xuyên qua đó sức mạnh ý chí con người thoát ra ngoài không ngừng. Đó là trường hợp của một người bức trung. Nếu y tánh tình buồn bức, thì dĩ nhiên tình trạng còn tệ hơn nữa, con người chỉ là một vết thương. Y không còn sức lực nữa, tất cả đã bị tiêu hao. Nếu chúng ta muốn giữ thần lực để dùng vào việc hữu ích - và phải như vậy nếu muốn trở thành nhà Huyền Bí Học - thì công việc đầu tiên của chúng ta là diệt trừ tất cả những nguyên nhân gây ra những hao tổn này. Muốn dập tắt một đám cháy phải cần một vòi nước. Nước phải được phun ra dưới một áp lực mạnh mẽ và vòi hoặc ống nước phải không có một lỗ trống nào. Đối với chúng ta điều này tiêu biểu sự yên tĩnh và kỷ luật về tư tưởng.

Người bức trung dường như có chút ít hoặc không có sức mạnh của ý chí. Dưới áp lực của những sự khó khăn, y chán nản, rên siết và than vãn thay vì phải dùng ý chí để giải quyết chúng. Có hai lý do để giải thích sự nhu nhược

này. Mức độ sức mạnh trong mỗi người tùy thuộc ở cách hiểu biết Chơn Ngã của y, và tùy thuộc ở sự phát triển của y do cái Ngã Duy Nhất, tức là Đức Thượng Đế ở trong y. Theo nguyên tắc, sức lực của chúng ta đều bằng nhau, nhưng sở dĩ con người khác nhau là do sự phát triển của tinh thần trong mỗi người. Nơi người thường có rất ít năng lực, mà y còn phung phí cái y đã có nữa.

Đa số những người trong chúng ta muốn có ý thức rõ rệt hơn về sự hiện diện của Đức Thầy và về việc đem từ cõi cao xuống óc xác thịt nhiều thứ ảnh hưởng tốt lành khác. Những ảnh hưởng này phải xuống bằng cách mượn những thể khác nhau và sự phản chiếu của chúng xuyên qua từ thể này đến thể kia. Bạn hãy nhìn mặt nước hồ hay mặt nước sông phản chiếu hình ảnh một bụi cây. Nếu mặt nước tuyệt đối yên lặng, bức tranh thật hết sức đẹp. Mỗi lá cây đều được trông thấy rõ ràng. Nhưng một gợn sóng nhỏ cũng đủ xáo trộn trọn cả hình ảnh, hoặc một cơn gió bão thổi đến, thì toàn thể hình ảnh ấy phải biến mất. Điều này thật đúng đối với những gì đã xảy ra trong Thể Vía và Thể Trí. Phải bắt chúng nó yên lặng và bất động, nếu chúng ta muốn cho chúng nó truyền đạt những ảnh hưởng thật sự và quý báu từ cõi cao đưa xuống. Người ta luôn luôn hỏi rằng: "Tại sao chúng ta không nhớ lại những hành động của chúng ta trong giấc ngủ"? Và đây là lý do của sự kiện ấy: Vì những thể thấp chưa được yên tịnh cho lắm. Tỉnh thoảng, chúng trở nên khá yên tịnh để truyền đến cái óc xác thịt một điều gì, tuy nhiên trong trường hợp này, thường thường cũng bị biến dạng một ít, vì các thể trung gian không hoàn toàn trong sáng. Sự kiện này cũng giống như khi ta nhìn một vật xuyên qua một ve chai thay vì nhìn qua một tấm kiếng, những kích thước, những khuôn khổ của vật ấy sẽ bị biến đổi.

Khi được yên tịnh, chúng ta có thể làm việc mặc dù có những sự xáo trộn và buồn phiền, nhưng hiển nhiên muốn duy trì sự yên lặng của các thể thấp trong những trường hợp đó, chúng ta luôn luôn phải cố gắng. Sự cố gắng khó nhọc đến đôi vài người không thể chịu nổi, nhưng họ phải dần dần thu hoạch sức mạnh cần thiết ấy.

Nhờ giữ kỷ luật đối với chính mình, nhà Huyền Bí Học tập làm việc một lượt trong hai cõi. Nói một cách khác trong khi làm việc tại cõi Trần, nhà Huyền Bí Học có thể xuất hồn ra. Trong lúc đang viết hay nói, ông có thể ở trong Cái Vía làm những việc khác. Chẳng hạn tôi nghe nói rằng trong khi tôi diễn thuyết có nhiều thính giả thấy những người ở Trung Giới đứng trên bệ đến gần tôi và nói chuyện với tôi. Những quan sát viên ấy không lầm. Thường thường những người khuất mặt này đến gần như thể để hỏi một vấn

đề gì rồi chờ câu trả lời hoặc nhờ giúp đỡ một việc gì, trong khi cuộc diễn thuyết vẫn tiếp tục. Đó là một thí dụ tạm thời tầm thường, nhưng có nhiều công việc quan trọng hơn, nhà Huyền Bí Học phải sử dụng Tâm Thức mình một cách phức tạp để hoàn tất.

Trong mức độ nào đó, lắm khi sự định trí song hành vẫn được thực hiện trong đời sống hằng ngày. Nhiều bà có thể vừa đan vừa nói chuyện vì công việc đan ấy đối với họ trở thành tự động. Tôi thường đến một trong những ngân hàng lớn ở Luân Đôn. Nơi đây tôi thấy nhiều nhân viên có thói quen vừa cộng những hàng số dài, vừa ca nhỏ nhỏ đặng làm vui tai các đồng nghiệp của họ. Tôi nhìn nhận tôi không thể làm như thế được, nhưng tôi đã thấy họ đã làm nhiều lần.

A. B. Trong đoạn giải về Đoạn Tuyệt, Đức Thầy đã nói về sự kiểm soát Thể Vía và dục vọng dưới mọi hình thức. Trong đoạn đề cập đến sự Phân Biệt, Ngài cũng nói nhiều về chân lý bao hàm về sự thanh lọc Thể Trí. Rồi Ngài nói qua sự kiểm soát tư tưởng và những xúc động. Một sự xúc động là sự kết hợp giữa tư tưởng và dục vọng. Nói một cách khác những mối xúc động là sự ham muốn pha lẫn tư tưởng. Khi Đức Thầy đề cập đến sự kiểm soát tánh khí của chúng ta, thì Ngài nói về sự xúc động, vì sự nóng nảy và những tình cảm tương tự khác đều phát sinh một phần do Thể Vía và một phần do Thể Trí. Người chí nguyện làm nhà Huyền Bí Học không được để cho tánh khí hăng hái lôi cuốn mình, vì ngày nào chưa chủ trị được nó để chế ngự những cảm xúc náo loạn, thì ngày đó y không thể thấy được một cách sáng sủa hoặc rõ ràng. Những làn rung động của sự cảm xúc làm nổi dậy trong chất khí thuần túy của Thể Trí một cách kích thích tương ứng, do đó tất cả những tư tưởng của kẻ chí nguyện bị xáo trộn và biến thể, nên y không thể thấy một cách chính xác.

Đức Thầy nói rằng chính tư tưởng phải yên lặng và trầm tĩnh. Đó là điều cần thiết, vì chỉ trong các điều kiện này những ảnh hưởng trên cõi cao mới có thể tuôn xuống Hạ Trí. Chính vì thế nên trong quyển Thể giới huyền bí (Le Monde occulte) Ông Sinnett đã kể lại trong một bức thư cũng là của Đức Thầy này nói với ông rằng nếu ông muốn viết cho hữu ích, thì ông phải giữ Cái Trí cho tĩnh lặng. Bây giờ những tư tưởng trên cõi cao sẽ phản chiếu xuống như núi non phản chiếu trên mặt hồ yên lặng.

Thật là chí lý, nếu bạn muốn viết một bức thư về một đề tài quan trọng, như

Thông Thiên Học chẳng hạn, hoặc viết một bài báo, bạn nên ngồi yên tĩnh tâm trong vài phút trước khi khởi công. Như thế không phải là phí mất thì giờ, vì khi bạn bắt đầu viết, bạn sẽ thấy tư tưởng tuôn ra một cách thanh thản mà không cần cố gắng, và bạn không cần phải dừng lại để hỏi xem bạn sẽ tiếp tục nói điều gì. Sở dĩ có sự kiện này vì Thượng Trí đã phản chiếu xuống tấm gương của Hạ Trí. Phương pháp thực hành này đặc biệt quan trọng đối với những người còn chưa thể xóa bỏ được những ảnh hưởng ngoại giới.

Người ta có thể dùng sự xáo trộn gây ra bởi hoàn cảnh bên ngoài để thực hành sự định trí. Lúc tôi còn bé, tôi phải học bài trong một căn phòng mà nơi đó nhiều đứa trẻ đang thụ lãnh một môn học khác. Tình trạng này dần dần tạo cho tôi một khả năng làm những công việc riêng của tôi, trong khi mọi hoạt động khác đang diễn tiến chung quanh tôi. Do đó, ngày nay tôi có thể làm việc mà không bị những gì xảy ra ở một bên cạnh tôi quấy rầy tôi, dù trong những điều kiện đó, tôi cũng không thể làm những bài toán một cách dễ dàng. Tôi luôn luôn nhớ ơn bà thầy dạy học tôi là cô Marryat. Sự thực tập tạo ra năng lực, và năng lực có thể dùng trong nhiều đường lối khác. Chẳng hạn tôi nhận thấy rằng tôi có thể dùng năng lực này khi tôi ở ngoài xác thân lúc tôi viết về một trong những tiền kiếp của Alcyone.

Trong nếp sống của những gia đình Ấn Độ, năng lực này phát triển một cách hoàn toàn tự nhiên, vì người Ấn Độ có thói quen làm nhiều việc khác nhau trong cùng một căn phòng, không kể những đứa trẻ chạy khắp nơi và nhiều chuyện lật vật khác. Ở trường làng cũng như ở tại nhà, nhiều trẻ con học trong cùng một giờ những bài học khác nhau. Tất cả đều đọc lớn, mỗi em đều chăm chú vào bài của mình, dưới sự chăm nom chung của một ông thầy sẵn sàng sửa lại tức khắc những lỗi của chúng. Tôi tưởng rằng đây không phải là một lối dạy học lý tưởng đối với một môn học nào, nhưng trẻ con tập định trí, điều này sẽ rất hữu ích cho chúng về sau này.

Nếu bạn đạt được khả năng đó thì càng tốt. Vậy, nếu bạn bị bắt buộc phải sống trong hoàn cảnh ồn ào, bạn chớ phàn nàn, mà lợi dụng hoàn cảnh ấy. Đó là lối làm việc của sinh viên Huyền Bí Học. Tôi nhấn mạnh đặc điểm này, vì chính nhờ những phương tiện đặc biệt như thế mà người ta trở thành nhà Huyền Bí Học. Công việc được hoàn thành trong những hoàn cảnh khó khăn là cơ hội giúp cho chúng ta tiến bộ. Đó là một trong những lý do khiến cho vài người trong chúng ta đã tiến triển, còn những kẻ khác thì kém hơn. Riêng tôi, tôi luôn luôn cố gắng thích nghi với hoàn cảnh, chớ không phàn nàn. Bằng cách đó chúng ta sẽ không bỏ lỡ một cơ hội nào để tiến hóa.

Điểm sau chót này khó đạt được, vì khi con cố gắng chuẩn bị để bước vào Đường Đạo, thì con không thể nào ngăn cản thân con không cho nó nhạy cảm hơn trước, vì lẽ đó mà một tiếng hay một sự đụng chạm đều làm cho những dây thần kinh của con bị chấn động một cách dễ dàng, và dù bị chạm phớt nhẹ, chúng cũng nhức nhối vô cùng, nhưng con phải cố gắng hết sức con.

A. B. Đức Thầy nói khó mà chủ trị được những dây thần kinh. Vì lẽ xác thân là thể ít chịu tuân theo sự hành động của tư tưởng. Bạn có thể hành động một cách dễ dàng đối với Thẻ Vía và Thẻ Trí, vì chúng được cấu tạo bằng chất khí thanh bai nên có thể thích ứng nhiều với tư tưởng. Nhưng vật chất Hồng Trần nặng nề hơn, nên ít ứng đối hơn và khó chủ trị hơn. Tuy nhiên, chúng ta phải đạt được mục đích.

Người đệ tử phải nhạy cảm, đồng thời phải có một xác thân và bộ dây thần kinh hoàn toàn tuân theo kỷ luật. Một khi sự nhạy cảm càng tăng, thì nỗi khó nhọc càng lớn. Nhiều tiếng động đối với người thường không có gì đáng kể, nhưng đối với người nhạy cảm lại là một sự hành hạ. Có vài chứng bệnh làm phát triển sự nhạy cảm quá độ của bộ thần kinh, nên trong nhiều trường hợp có tiếng chó sủa cũng có thể gây ra những sự động kinh [57]. Thí dụ này đủ chứng tỏ rằng bộ thần kinh cảm xúc lệ làng là chừng nào!

Những dây thần kinh của sinh viên Huyền Bí Học thì không bệnh hoạn. Nếu chúng đau yếu, thì y không bị bắt buộc phải luyện tập. Nhưng y giống như một sợi dây căng thẳng, vừa đụng đến thì nó rung động liên. Những dây thần kinh của y trở nên nhạy cảm đến cực độ, nên muốn ngăn cản sự nóng nảy, y phải dùng đến sức mạnh vĩ đại của ý chí. Ở trong tình trạng đó, sự căng thẳng thể xác có thể lớn lao đến nỗi trong vài trường hợp, như trường hợp của Bà Blavatsky, đôi khi tốt hơn nên để cho xác thật hành động tự do, hầu ngăn chặn trước một sự đổ vỡ hoàn toàn. Bà phải giữ xác thân để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, nên bà không để cho sự căng thẳng đi đến chỗ gãy đổ. Nhưng đó là trường hợp ngoại lệ. Người chí nguyện nhất định nghe theo lời giáo huấn của Đức Thầy, phải làm những điều Ngài dạy ở đây và phấn đấu hết sức mình để chế phục bộ thần kinh của y. Thường thường y không đạt được ý muốn, nhưng điều đó không quan hệ lắm. Những lời cuối

cùng của Đức Thầy về việc ấy như sau: "Con phải cố gắng hết sức con". Ngài không đòi hỏi nhiều hơn: vậy bạn không nên để cho sự thất bại khiến cho bạn ngã lòng, mà hãy tiếp tục làm hết sức mình.

Tình trạng rối loạn như thế đôi khi phát sinh từ một lý do bên trong của chúng ta, bởi quá cẩn thận và ý thức mà do đó những sinh viên hết sức nhiệt thành cũng có thể vấp ngã. Có hai khuynh hướng phát hiện trong những sinh viên: khuynh hướng thứ nhất là lười thôi, chểnh mảng; khuynh hướng thứ nhì là hành hạ mình. Trong trường hợp thứ nhì, tâm thức có thể đi đến một tình trạng giống như trạng thái những dây thần kinh căng thẳng quá độ. Do đó những sinh viên ưu tú đã cho là quan trọng những sa ngã nhỏ nhất. Bạn đừng quá nhấn mạnh những điều ấy đến nỗi chúng trở thành những tội ác lớn lao. Bạn hãy đi theo con đường trung dung giữa hai cực đoan đó. Trước khi sự việc xảy ra bạn không thể quá thận trọng, nhưng sau đó, rất dễ mà tự làm cho mình khổ sở. Đừng nhấn mạnh những lỗi lầm hay những thất bại của bạn. Bạn chỉ nên xem xét chúng để nhận thấy nguyên do, rồi cố gắng nữa. Khi hành động như thế, những khuynh hướng khiến cho bạn nóng giận sẽ tiêu tan. Còn nghĩ đến chúng, chỉ tăng cường sức mạnh cho chúng thôi.

C. W. L. Xác thân là một thể mà ý chí ít ảnh hưởng được nhiều. Người ta thường nói: "Có thể sai khiến thể xác hoạt động và chủ trị luôn tình cảm, nhưng điều khiển tư tưởng là điều thật khó khăn hơn nhiều". Không có gì khó khăn hơn, đó chính là điều mà mọi người tin như thế. Trên vài phương diện, thật đúng vậy, vì chất khí làm ra Cái Trí (Chất Trí Tuệ) thanh bai và linh động hơn; có những sự vận chuyển, có nhiều sáng kiến phải kiểm soát. Một mặt khác, Thể Trí gần với Chơn Nhơn hơn; Chơn Nhơn có nhiều sức mạnh để giữ lấy và sử dụng chất Trí Tuệ, điều đó hơn việc có sức mạnh để sử dụng nó tại cõi vật chất này; mà vật chất Hồng Trần cũng ít nhạy cảm hơn. Những người tưởng rằng công việc ấy dễ hơn vì họ quen kiểm soát xác thân, chớ không quen chủ trị Cái Trí.

Người ta thường nghe nói rằng chúng ta có thể chế ngự sự đau khổ xác thân, mà không thể không biết sự đau khổ của Trí Tuệ. Nhưng sự thật thì trái ngược lại! Sự đau đớn về Trí Tuệ hay thuộc về tình cảm sẽ ngưng hẳn, nếu người ta cương quyết xua đuổi nó ra xa, nhưng thật khó quên một sự đau đớn mãnh liệt của thể xác, mặc dù người ta có thể làm dịu bớt nhiều bằng cách không tưởng nhớ tới nó nữa. Nhà Khoa học Thiên Chúa Giáo đã đạt được điều đó bằng cách phủ nhận sự đau đớn. Ý chỉ để cho xác thân chịu

đau thôi. Cách này tương đối không được hay lắm.

Chúng ta phải tập chế ngự Cái Trí bằng cách loại ra khỏi nó những sự đau đớn của xác thân, vì là đệ tử Chơn Sư, chúng ta phải làm cho mình trở nên hết sức nhạy cảm. Do đó, những vị đệ tử lấy làm khó chịu khi ngồi gần một người uống rượu, hút thuốc, ăn thịt. Thật là một sự khổ hình khi phải đi trong thành phố qua một con đường thương mại với cả ngàn tiếng động chát tai, ghê rợn. Tất cả những tiếng động đó xuyên qua thể xác và làm cho ta rung mình, nhưng nếu nghĩ đến nó thì càng tệ hơn nữa. Còn không chú ý thì ít biết hơn. Vị đệ tử cố gắng đạt đến những cảnh giới cao siêu thì phải tập loại ra khỏi thể trí những cảm giác khó chịu này, mà không thêm cho chúng nó một tư tưởng nào có thể tăng cường sức mạnh của chúng.

Những ai có tập tham thiền sẽ nhận thấy mình nhạy cảm hơn những người không luyện tập. Vì lẽ đó đôi khi xác thân không ngớt bị căng thẳng một cách đặc biệt. Người ta thường nói rằng Bà Blavatsky vẫn nổi nóng. Dĩ nhiên điều này có một lý do rất giản dị: chắc chắn vì tình trạng đáng thương hại của thể xác bà. Tôi tin chắc xác thân bà không ngớt đau nhức. Bà đã lớn tuổi, xác thân bà suy nhược, mỏi mòn, nhưng chỉ có nó mới thích hợp với công việc đặc biệt mà bà có bổn phận phải hoàn thành, vì vậy bà phải duy trì nó chớ không thể vứt bỏ như nhiều người trong chúng ta. Tuy nhiên, một hôm dịp may đưa đến cho bà bỏ xác. Nhưng bà nói: "Không! Tôi sẽ giữ nó cho đến khi nào tôi hoàn thành bộ Giáo Lý Bí Truyền", đó là công việc của bà lúc ấy. Vì lẽ đó, thân xác của bà ở trong tình trạng căng thẳng khủng khiếp và đôi khi bà dịu bớt một phần nào sự đau đớn bằng cách để thể xác tự do muốn làm chi thì làm. Thật ra, nhiều người không hiểu cái chi về việc đó; nhưng chúng tôi sống gần bà, chúng tôi cho những cơn giận dữ như thế không mấy quan trọng. Chúng tôi có ghi nhớ nhiều trường hợp dị thường. Chẳng hạn, trong lúc bà thốt ra những lời nói dường như biểu lộ một cơn giận dữ, vì một chuyện vụn vặt nào đó, khiến cho những người mới đến với bà, không hiểu chi cả, phải rút lui, chúng tôi nhận thấy rằng trong khi bị kích thích đó, nếu có ai hỏi bà một câu Triết lý, thì tất cả đều tiêu tan, như thể một sợi dây bị cái kéo cắt đứt; cơn thịnh nộ của bà sẽ biến mất tức khắc và bà bắt đầu trả lời câu hỏi ấy. Một người thường trong cơn phản nộ không thể làm như vậy được. Nhiều người bỏ Bà Blavatsky, vì không hiểu bà, nhưng tôi biết chắc chắn rằng đôi khi bà buộc lòng phải chiều theo xác thân, nếu không thì nó sẽ tan vỡ.

Cái trí yên tĩnh cũng bao hàm sự can đảm, như thế mới đương đầu với những thử thách và những nỗi khó khăn trên Đường Đạo mà không chút chi sợ sệt.

A. B. Tánh can đảm là một đức tánh mà những bản kinh Ấn Độ đều cho là cực kỳ quan trọng: nguồn cội của nó là sự thừa nhận Chơn Ngã vẫn là một. Người ta hỏi: "Đối với những người đã thấy được Chơn Ngã thì còn sợ gì nữa, còn gì là ảo ảnh nữa"? Và cũng đáng ghi nhớ câu sau này: "Người Bà-la-môn rất can đảm". Trong quyển sách nhan đề Trước *Thềm Thánh Điện* (*Vers le Temple*) của tôi, tôi khuyên các sinh viên tham thiền về đức tánh lý tưởng, theo bản kê các đức tánh của Đức Krishna đã kể ra ở đầu chương thứ mười sáu của *Kinh Gita*. *Đức tánh đầu tiên là Abhayam, nghĩa là Vô úy hay Can đảm.*

Tánh can đảm phát sinh ra từ sự tin chắc rằng bạn là Chơn Ngã thiêng liêng ẩn tàng bên trong, chứ không phải là những thể bao bọc bên ngoài, chúng chỉ là thành phần của bạn có thể bị tổn thương. Sở dĩ quyền năng của người này khác với người kia vì chúng tùy thuộc vào trình độ của sức mạnh mà Chơn Ngã nội tại đã đạt được. Trên nguyên tắc, chúng ta đều có sức mạnh ngang nhau, nhưng sự tiến hóa phát triển theo nhiều thời kỳ phức tạp. Trong khi đạt đến sự tin chắc rằng bạn vốn thiêng liêng, bạn biết sự yếu đuối hay sức mạnh của bạn đều tùy thuộc vào sự phát triển Chơn Ngã ở nơi bạn. Vậy khi bạn kinh sợ, thì chỗ nương tựa của bạn là việc nhớ đến uy lực bên trong. Sự nhận thức rằng bạn là Chơn Ngã, là một trong những ý niệm mà sự tham thiền phải mang đến cho bạn. Những ai tham thiền buổi sáng nên đồng thời cố gắng thực hiện việc tìm hiểu Chơn Ngã. Như thế trọn ngày nhờ sự cố gắng đó họ sẽ dự bị được một phần tinh lực. Điều này giúp họ đạt được dễ dàng tánh can đảm cần thiết để tiến bước trên Đường Đạo. Nơi đó người ta gặp nhiều khó khăn, bắt buộc phải có sức mạnh của Linh Hồn và sức chịu đựng nếu muốn đương đầu với chúng nó và chiến thắng chúng nó. Những đặc tính này là những hình thái của tánh can đảm. Trên Đường Đạo sự vật mang một hình dáng mới, chúng cũng cần đến tánh can đảm. Muốn đạt được đức tánh này, tôi biết một phương thức duy nhất là hiểu biết Chơn Ngã.

C. W. L. Tất cả những hệ thống huấn luyện Huyền Bí Học đều nhấn mạnh về sự cần thiết của tánh can đảm. Khi bước vào Đường Đạo, con người phải sẵn sàng chịu đựng những lời phán đoán sai lầm, những điều vu khống,

những sự ngộ nhận. Những người kiếm thế vượt cao hơn những kẻ đồng loại của mình luôn luôn phải hiểu những thử thách đó. Phải có một sức mạnh tinh thần mới chịu đựng nổi những điều ấy, giữ vững lập trường và làm điều gì mình cho là phải, dù cho những người chung quanh có tưởng, nói hoặc làm gì cũng được. Nó rất cần thiết đăng thực hành những lời dạy trong quyển sách này, phải thêm vào đó tâm hồn cao thượng và sự cương quyết mạnh mẽ. Riêng sự can đảm thuộc về hành động cũng cần thiết. Trên Đường Đạo có nhiều sự nguy hiểm và những sự khó khăn. Chẳng phải là tượng trưng mà chúng không phải chỉ có ở những cảnh giới cao siêu mà thôi đâu. Trên bước tiến của chúng ta, chúng ta phải chịu nhiều thử thách về sự can đảm và sự kiên trì. Chúng ta nên chuẩn bị về điều ấy. Kẻ nhát gan không thể tiến bộ trên Đường Đạo. Nơi đây chẳng phải cần đức hạnh thôi, mà cần phải có sức mạnh của tính khí không thể lay chuyển trước cảnh ngộ bất ngờ hay khủng khiếp.

Tôi biết bên Anh có một Hội Huyền Bí Học đã cố gắng trong nhiều tuần lễ, hiệu triệu vài nhân vật bên Trung giới [58] bằng cách đọc nhiều thứ thần chú. Rốt cuộc người ta đạt được kết quả là một sự hiện hình, nhưng không ai muốn ở lại khá lâu để xem hình ấy là ai. Cũng giống như thế, có nhiều người tìm cách đạt được kết quả trên những cảnh giới cao siêu, nhưng khi vừa thành công thì lại hoảng sợ. Một người lần đầu tiên xuất Vía mà tỉnh táo như lúc thức đây, có thể hơi cảm thấy lo sợ và tự hỏi: mình có thể trở về nhập xác được hay không? Y phải biết rõ rằng cái này cũng không quan hệ hơn cái kia. Y đã quen thuộc trong nhiều giới hạn, và khi chúng mất đi thành linh, rất có thể y cảm thấy mình bị mất chân đứng vững chắc. Trên bước tiến, chúng ta thấy đức tánh can đảm, lòng dũng cảm chân thật và cương quyết là điều tối cần thiết. Phải đương đầu với tất cả những thế lực, chẳng phải là một trò chơi trẻ con.

Khi hiểu biết, khi nhớ rằng chúng ta là một với Thượng Đế, chúng ta sẽ không sợ sệt chi cả. Nhưng đôi khi trước cảnh ngộ nguy biến thành linh, người ta quên đi và lại lùi bước. Không một ảnh hưởng tạm thời nào có thể kích động, hoặc làm tổn hại được chút nào Chơn Ngã nội tại. Vậy nếu chúng ta có thể tin chắc rằng, chúng ta là Chơn Ngã, chớ không phải là những thể bên ngoài, chúng ta sẽ không còn sợ hãi nữa. Nếu người ta còn cảm thấy sợ sệt một điều gì, thì phải tìm đến cái mãnh lực gia hộ bên trong, chớ không phải cầu cứu với sự trợ giúp bên ngoài. Về phương diện này, giáo lý Cơ Đốc tầm thường đã gây ra những hiệu quả đáng tiếc. Họ bảo tín đồ phải luôn luôn nương cậy vào sự cầu nguyện. Và cầu nguyện có nghĩa là sự van xin, mà sự nài xin không thể áp dụng - nhưng người ta thường làm -

cho trạng thái của sự khát vọng tối cao. Danh từ "cầu nguyện" do chữ La Tinh *precari* có nghĩa là xin, yêu cầu, không hơn không kém. Nếu chúng ta tin rằng Thượng Đế là Đấng Toàn Thiện, chúng ta hãy theo lời khuyên của Đức Phật: " Con chớ nên than, chớ nên khóc, chớ cầu xin, mà hãy mở mắt ra nhìn. Ánh sáng bao phủ con, nếu con chỉ chịu giở tấm băng bịt mắt ra xem. Quang cảnh thật là kỳ diệu, xinh đẹp và cao cả hơn tất cả những gì mà con người có thể tưởng tượng hoặc xin xỏ bằng sự cầu nguyện; và nó sẽ không bao giờ chấm dứt. Không bao giờ".

Tôi biết nhiều người có thói quen cầu cứu với Đức Thầy trợ giúp, khi họ gặp những khó khăn. Chúng ta có thể chắc rằng tư tưởng Đức Thầy luôn luôn gần chúng ta. Và chắc chắn rằng chúng ta có thể đến gần Ngài, nhưng tại sao chúng ta lại làm rộn Ngài vì một việc mà chúng ta có thể làm lấy. Lẽ tự nhiên, chúng ta có thể cầu cứu Ngài, nhưng thật ra, nếu chúng ta có khả năng kêu gọi đến Đức Thượng Đế bên trong ta và nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn, như thế chúng ta sẽ gần Đức Thầy hơn là khi chúng ta thốt lời kêu cứu với Ngài một cách yếu ớt. Đành rằng chúng ta có quyền cầu xin Ngài giúp đỡ, nhưng chúng ta biết rằng Ngài bận làm việc không ngừng cho nhân loại, sao chúng ta lại nghĩ đến việc kêu gọi Ngài, trong khi chúng ta còn một phương tiện nào đó có thể tự làm một mình được? Chúng ta chớ nên dùng phương thức đó, vì nó biểu lộ một sự thiếu đức tin. Không những không tin tưởng ở chính mình, mà chúng ta còn không tin tưởng ở uy lực thiêng liêng nữa.

Sự tham thiên cũng phải chuẩn bị để chúng ta đối phó với những cảnh ngộ bất ngờ và giúp chúng ta khỏi bị rối loạn. Những người đã hiểu được định luật bên trong phải giữ điềm tĩnh và can đảm, dù có việc gì xảy ra, vì chúng ta biết rằng giữ một thái độ như thế là điều kiện cần thiết của một sự tiến bộ thật sự. Sự đụng chạm, đảo lộn do một sự đụng chạm dữ dội vì xúc động sinh ra sẽ lưu lại trên các thể nhạy cảm của người đệ tử những dấu vết lâu dài.

Đức tánh ấy cũng bao hàm tánh kiên quyết, nó giúp con chịu đựng dễ dàng những nỗi phiền muộn hằng ngày và tránh được các sự lo âu không ngớt về những chuyện nhỏ nhặt, chúng đã làm mất một phần lớn thì giờ của nhiều người.

A. B. Tánh kiên quyết là đức tánh cần thiết kế đó mà Đức Thầy đã đề cập

đến. Người đệ tử cần phải có đức tánh này mới khỏi bị lôi cuốn theo chiều gió. Chịu lệ thuộc vào những sự vật bên ngoài là nguyên nhân của mọi sự ưu phiền không ngớt. Người không đủ sức điều khiển những công việc riêng của mình được, thì không thể tận tụy cho công việc chính chắn nào cả. Cái điều làm cho con người hao mòn, chẳng phải là sự làm việc, mà là những mối bận tâm, và sự lập đi lập lại một dọc tư tưởng đau buồn. Người sợ sệt, rụt rè khó tránh được thói quen ấy, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Trong vài trường hợp Cái Trí có khuynh hướng bày ra một tấn kịch có lớp lang, rồi nó sống trong tấn kịch của nó đã tạo ra. Điều đó thường xảy đến cho tôi. Tôi đề cập đến sự kiện này cũng như nhiều kinh nghiệm bản thân khác, vì tôi nghĩ rằng làm như thế lời nói của tôi sẽ sống động và hữu ích hơn là chỉ trình bày một cách trừu tượng. Đa số những người chí nguyện có lẽ đã để cho Cái Trí tạo nên những tấn kịch như thế, vì chúng ta đều có bản tính tương tự nhau. Tôi thường tưởng tượng rằng trong lời nói và việc làm tôi đã làm phật lòng một người bạn thân của tôi, rồi tôi nghĩ ra cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, từ lúc mở câu chuyện đến lúc cuối cùng. Vậy mà khi chúng tôi gặp nhau thật sự, không có điều chi xảy ra như tôi đã tiên đoán, vì những câu khơi mào của bạn tôi luôn luôn khác xa với điều mà tôi đã giả tưởng. Đôi khi, như thế người ta đã gọi lên một cảnh tượng buồn thảm, rồi tưởng tượng sẽ phải hành động như thế nào trong những trường hợp cảm động giả tạo đó. Cuối cùng người ta đi đến trạng thái của Cái Trí bị khốn khổ, mà họ phải mất bao nhiêu tình cảm và xúc động. Trong tất cả mấy điều đó, không có cái chi xảy ra, và có lẽ không bao giờ xảy ra. Đây chỉ là một sự phung phí năng lực mà thôi và không có cái chi khác.

Bày ra tấn kịch như thế chỉ tạo ra những sự ưu phiền vô ích. Đó là làm suy nhược bản chất của trí tuệ và cảm xúc. Chỉ có phương thức duy nhất để diệt trừ thói quen này là bạn hãy tự đặt mình ra ngoài bối cảnh và ghi nhận xem bạn có một ảnh hưởng nào đến tư tưởng đầu tiên trong cả loạt không. Nếu có, bạn hãy làm chủ nó, bằng không, thì nghĩ đến chuyện chưa xảy ra chẳng ích gì và rút cuộc, có lẽ nó chẳng bao giờ đến. Để cho Cái Trí mãi miết tập trung tư tưởng vào những chuyện có thể xảy ra trong tương lai là việc làm vô ích. Cũng như suy nghĩ lẩn quẩn về những chuyện đã qua rồi cũng là điều bất lợi. Bởi vì bạn không thể thay đổi được quá khứ chút nào, thì lẽ tự nhiên buồn phiền về việc đã qua chẳng ích lợi gì cả.

Nhiều người cương trực đã đầu độc đời sống của mình, vì cứ luôn luôn nghĩ đến việc đã qua rồi và thăm nói: "Nếu tôi đã làm hoặc tôi không làm điều này hay điều khác, thì tôi chẳng bao giờ phiền muộn như vậy". Dù chúng ta

nhìn nhận sự thật đúng như thế nào đi nữa, chuyện cũng đã qua rồi, không một tư tưởng nào sửa đổi được dĩ vãng. Vì mải lo những chuyện đã xảy ra hoặc sắp xảy ra thành linh trong tương lai mà chúng ta bị mất ngủ ban đêm, lo lắng suốt ngày. Cái Trí hoạt động theo cách đó chẳng khác một cái máy thả hết tốc lực hay quả tim lồng lên một cách dữ dội, khi sức chịu đựng bình thường của nó bị giảm đi, thì điều đó làm tổn hại cho cái máy và trái tim nhiều hơn là làm việc. Bạn nên biết rằng Cái Trí sôi động như thế là vô ích và còn tai hại nữa. Bạn nên đưa nó vào nề nếp và tốt hơn nên tập dùng tinh lực của bạn vào công việc hữu ích. Hành động như trên là việc đại đột mà hầu hết mọi người đều thường mắc phải, nhưng người chí nguyện làm đệ tử phải hết sức tránh sai lầm đó.

C. W. L. Trong tất cả những sự khó khăn của Trí Tuệ, chỉ có những sự ưu sầu là hại hơn hết. Chúng chặn đứng sự tiến bộ thực sự. Khi chúng ám ảnh bạn rồi thì chúng làm cho Cái Trí của bạn không thể tham thiền được. Người thì ưu tư về dĩ vãng, kẻ lại lo lắng cho tương lai. Khi vừa thoát khỏi mối lo này, thì mối lo khác lại đến thay thế. Do đó họ không bao giờ được an tĩnh, cho nên đối với họ không có một hy vọng nào có thể đạt được chút ít hiệu quả trong việc tham thiền.

Có một phương thức tuyệt diệu là dùng tư tưởng hướng về Đức Thầy thay thế cho ưu tư, nhưng muốn thực hiện điều này cần có một năng lực khá phi thường. Thành linh bắt buộc Cái Vía hay Cái Trí luôn sôi động trở nên yên lặng thì chẳng khác nào trong cơn giông tố sóng bủa ba đào mà thử dùng tấm ván dè bẹp chúng nó xuống. Thường thường, phương pháp có hiệu quả nhất là đứng dậy và kiếm một việc làm như giã cỏ hay đi dạo bằng xe đạp. Sự an tĩnh thường hằng không thể phát sinh ra trước khi các thể thấp đạt được sự rung động điều hòa chung. Lúc bấy giờ, những sự luyện tập khác mới có cơ may thành công được.

Thường thường người ta hay lo lắng về những tật xấu của mình. Thỉnh thoảng mỗi người đều nhận thấy những lỗi và những sự yếu đuối của mình. Tốt hơn là đừng làm điều đó. Mà còn hy vọng gì nữa? Nếu chúng ta không lỗi lầm và không yếu đuối, thì tất cả chúng ta đều thành Chơn Tiên hết rồi. Lãnh đạm trước những khuyết điểm này và cho rằng chúng không quan trọng mấy, dĩ nhiên là đáng trách, nhưng bận tâm về chúng một cách vô ích thì cũng đáng trách vậy. Trong khi bị xâm xé bởi những sự lo âu, Cái Trí xoay tròn, cuồng cuồng một cách vô ích. Nếu bạn đã đi trên tàu thủy, lúc

thời tiết xấu, bạn có thể nhớ lại đôi khi chân vệt vượt lên khỏi mặt nước và quay cuồng. Đó là về cơ giới học, sự thả hết tốc lực này gây tổn hại cho máy móc hơn là sự làm việc có điều độ và lâu dài. Sự kiện này cũng giống như ở vấn đề lo âu vậy.

Trong Hội Thông Thiên Học chúng ta có xảy ra những cuộc khủng hoảng định kỳ. Tôi đã chứng kiến một số việc ấy rồi. Tôi nhớ rất rõ rằng sự tác động do Coulomb gây ra năm 1884. Nhiều nhà Thông Thiên Học đã bắn khoản và bối rối đến tột độ, đôi khi đi đến chỗ mất hẳn đức tin đối với Thông Thiên Học, vì họ cho rằng Bà Blavatsky đã lường gạt họ. Thật ra sự giả định này không liên hệ đến vấn đề đó. Đức tin đối với Thông Thiên Học của chúng ta không hề căn cứ trên những lời tuyên bố của Bà Blavatsky, cũng như một nhân vật nào khác, mà phải căn cứ trên sự kiện. Thông Thiên Học này là một hệ thống hoàn hảo và làm cho thỏa mãn, đã được đem hiến cho chúng ta, và nó vẫn là chân lý, dù cho Bà Blavatsky đã phạm phải sự gian trá - nhưng trong trường hợp này hẳn nhiên là không có rồi. Một tín ngưỡng đặt nền tảng trên sự tôn kính cá nhân thì ít khi vững chắc, nhưng nếu niềm tin của chúng ta có căn bản là những nguyên tắc mà chúng ta có thể hiểu thì nó sẽ không thể lay chuyển được, dù cho vị lãnh đạo được chúng ta tín nhiệm lại mất đi.

Đức Thầy dạy con người phải xem những việc bên ngoài xảy đến cho mình như buồn phiền, khốn khổ, bệnh tật, mất mát, không có chi là quan trọng cả. Phải xem chúng nó chẳng ra gì và đừng để chúng nó làm cho con rối trí. Chúng nó là kết quả của những hành vi quá khứ, khi chúng nó đến, con phải vui lòng chịu đựng. Con hãy nhớ rằng mọi sự khổ não trên thế gian đều tạm thời và bổn phận của con là phải luôn luôn vui vẻ và thanh tịnh. Những việc đó thuộc về mấy kiếp trước của con, chứ không phải kiếp này. Con không thể thay đổi gì được. Vậy thì bận tâm vì nó là vô ích.

A. B. Ở đây Đức Thầy dạy rằng phải tránh những sự ưu phiền, một lý do mà tôi e cho nhiều độc giả không biết đến. Ngài nói rằng cái chi đến từ bên ngoài chẳng quan hệ gì. Những gì xảy đến cho chúng ta như thế thì hoàn

toàn vượt khỏi ảnh hưởng của chúng ta, vì thuở xưa chúng ta đã tạo ra chúng. Chúng là Nhân Quả của chúng ta.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là chúng ta không thể làm gì được cả. Trái lại, chúng ta có thể làm nhiều lắm. Chúng ta có thể đón nhận những biến sự một cách êm đẹp và như thế chúng ta biến đổi hiệu quả của chúng ta rất nhiều. Ấy cũng như chúng ta đổi một quả sầu tửu trực tiếp, khá mãnh liệt để quật ngã chúng ta, thành một đòn phớt nhẹ, so với cái trước thì rất yếu. Vấn đề chỉ là thay đổi góc độ theo đó chúng ta chịu quả sầu. Nếu mỗi sự phiền não đến, bạn thầm nói: "Đó là một món nợ phải trả; thanh toán được nó thật hay lắm". Bây giờ sự ưu phiền sẽ không còn đè nặng bạn nữa. Một người biết cách sống vẫn an phận và sung sướng giữa những nỗi khó khăn. Kẻ khác thiếu hiểu biết điều đó có thể bị đè nặng bởi những ưu tư, mà một phần lớn vốn là sự tưởng tượng.

Khi bạn bị đau ở thể xác, bạn có thể nhận thấy ở chính bạn, sự lo âu và đau đớn mà bạn cảm biết do Cái Trí sinh ra đến mức độ nào. Khi bạn tự tách ra khỏi tất cả, bạn sẽ thấy sự đau đớn bớt đi nhiều. Bạn có thể nhận thức sự thật này bằng một cách khác, khi quan sát thú vật. Một con thú bị gãy cẳng, kéo lê cái chân bị thương vẫn điềm nhiên ăn cỏ. Con người không làm được điều đó, nhưng một con ngựa có thể làm được. Những nhà Sinh Lý Học cho chúng ta biết rằng con ngựa có bộ phận thần kinh mãnh mai hơn bộ thần kinh của con người. Vậy nó nhạy cảm đối với sự đau đớn hơn con người. Bạn hãy hiểu tôi và đừng cho tôi nói rằng thú vật không biết đau đớn, hoặc đau đớn của chúng không quan trọng. Sự thật hoàn toàn trái hẳn với điều đó. Chỉ tại con người tăng cường sự đau đớn của mình và kéo dài nó ra bằng cách cứ chú ý đến nó.

Nếu tập trấn an những hiệu quả do sự đau đớn tạo ra ở Cái Vía, bạn sẽ biết cách làm giảm đi một phần lớn sự đau đớn đó. Những người tự cho mình là Khoa học gia Công Giáo đã làm dịu được nỗi đau đớn rất nhiều bằng cách xóa bỏ sự hoạt động Cái Trí, nó thường xen vào làm gia tăng sự đau khổ. Tôi có kinh nghiệm về điều đó. Khi tôi phải diễn thuyết mà bị đau nhói ở thân xác, tôi đạt đến chỗ không cảm thấy đau đớn nữa trong thời gian tôi đang nói. Tại sao thế? Chỉ vì Cái Trí của tôi hoàn toàn tập trung vào bài diễn văn của tôi. Nếu bạn có thể hoàn toàn không chú ý xác thân, như khi bạn diễn thuyết, thì tất cả sự đau đớn thể xác của bạn mất đi một phần lớn. Khi hoàn toàn làm chủ Thể Trí, người ta mới có thể đạt đến mức độ nào đó và để cho những cảm giác ngoại giới chỉ có ảnh hưởng đến cái thể ở ngoài. Đó là điều thường xảy ra do ảnh hưởng của một sự kích thích khá mạnh. Trên

chiến trường, người chiến sĩ không cảm biết mình bị thương trước khi trận chiến đã tàn và sự yên lặng đã trở lại. Và chắc chắn vài nhà Tử Đạo đã không nhận biết những ngọn lửa đang phừng cháy vây quanh họ, nhờ sự xuất thần trong đau khổ vì Chúa của họ. Cũng giống như thế, nếu một đứa trẻ lâm nạn, bà mẹ nó vì quên hết mọi sự đau đớn có thể xảy đến cho bà, bà xông tới cứu nó và giúp đỡ nó.

Người ta có thể không nhờ sự kích thích trên, cũng đạt được sự tự chủ như thế. Rồi người ta có thể Vô hiệu hóa (làm mất công hiệu) một phần lớn mọi đau khổ về tình cảm cũng như tâm trí. Tôi không muốn nói rằng điều này dễ làm, nhưng nó có thể thực hành được. Riêng cá nhân tôi, tôi cho rằng không đáng phí nhiều tinh lực hoặc phải đặc biệt cố gắng để đạt đến một kết quả không có gì đáng kể như việc làm cho một sự đau đớn nhỏ mọn của thể xác tiêu đi. Thay vì dùng Cái Trí phục vụ xác thân, như người ta thường làm, tốt hơn là đổi chiều hướng nó, và bắt nó làm việc hữu ích hơn. Nếu bạn có thái độ đúng đắn đối với đời sống, bạn sẽ thấy rằng những sự vật bên ngoài đó ít quan trọng hơn và bạn chỉ cho chúng ảnh hưởng đến bề ngoài của bạn thôi. Điều đó nhất định phải như thế. Cái giá trị của chúng ở chỗ bạn dùng năng lực để khắc phục được chúng. Xem xét chúng cách ấy bạn sẽ thấy tinh thần được an tịnh rất nhiều.

Mọi điều xấu đều có tính cách tạm thời. Nếu bạn nhìn cuộc tuần hoàn rộng lớn hơn đời sống của bạn và bạn xem xét quá khứ của bạn, không phải trong từng chi tiết, vì những chi tiết đều vô ích, nhưng trong chiều hướng chung của nó, thì bạn sẽ nhận thấy sự thật trên đây. Khi người ta nhớ lại được đã biết bao nhiêu lần mình phải chịu buồn phiền, rồi ren - như nào người thân chết mất, nào bệnh tật, nào tổn thất, nào đau khổ đủ loại - thì sẽ thấy những nỗi khổ của mình giảm bớt và chúng gần như mất đi ý nghĩa thật sự của chúng một cách tương đối. Thử làm như thế rất cần thiết vì hiện tại ràng buộc chúng ta với nỗi lo âu vụn vặt, làm cho chúng ta không thấy được những sự hiểu biết sâu xa nhất. Khi hiểu được quá khứ xa xăm của bạn, bạn trở nên dũng mãnh hơn và lúc ấy khi nghịch cảnh đến với bạn, bạn sẽ nghĩ rằng: "Tại sao tôi hốt hoảng vì chuyện này? Rồi nó cũng sẽ qua!"

Tôi cảm thấy rằng chắc chắn tôi sẽ không sống nổi, nếu tôi không xua đuổi được ưu phiền và chịu đựng những sự khó khăn của hoàn cảnh. Những nỗi buồn phiền đủ thứ dồn dập đến mỗi ngày, và nếu tôi để cho chúng chi phối, tôi sẽ không thể nào sống được tới tám ngày. Trong thời gian đã qua, tôi có tham dự nhiều cuộc vận động giống như việc tôi đang lo hiện giờ. Tôi nhận

thấy rằng chúng luôn luôn mang theo sự xáo trộn. Tốt hơn đừng tiên liệu những sự khổ não, nhưng phải đương đầu với chúng, khi chúng đến, xong rồi dẹp chúng sang một bên và quên hết.

Đức Thầy nói: "Con có bốn phận phải luôn luôn vui vẻ và thanh tịnh". Một ngày kia chúng ta được Ngài cảnh giác chớ khá bỏ căn sắt trong lò luyện kim [59] của vị đệ tử. Điều xấu, điều nguy hại đó lên cao độ ở một nơi như Adyar. Tại đây, tất cả căn sắt tức là các tật xấu - như mọi thứ phiền não, ngờ vực, lo âu, nghi kỵ, vân vân . . ., sẽ nhận được sức mạnh nhiều hơn lúc chúng phát sinh từ người tạo ra chúng. Nếu đôi khi bạn không thể xua đuổi tức khắc được sự ngã lòng, sự bất mãn hay tất cả tình cảm xấu xa khác, thì ít ra bạn cũng giữ chúng lại ở riêng bạn. Bạn chớ để chúng lan tràn ra, làm nhiễm độc không khí và làm cho đời sống của kẻ khác khó khăn hơn nhiều. Sau khi khép mình vào kỷ luật đó, bạn sẽ ngạc nhiên khi nhìn lại tình trạng cũ của bạn, rồi bạn sẽ tự hỏi tại sao trước kia những chuyện chẳng ra gì có thể gây xáo trộn cho bạn được?

A. B. Người hiểu biết vẫn được bằng an và sung sướng giữa cảnh ngộ buồn phiền mà kẻ khác cho là nghiêm trọng. Người con vô minh không chống nổi nghịch cảnh, y vấp ngã, do cách y ứng đối với nó. Có biết bao nhiêu sự tưởng tượng ẩn sau sự đau khổ của chúng ta! Quả báo thực sự phải trả thường không đáng kể, nhưng lắm khi vì làm lỗi con người đã tăng gia gấp đôi hoặc thập bội sự đau khổ của mình. Cho rằng điều ấy thuộc về nghiệp cũ thật là bất công. Không, đó chỉ là kết quả do việc làm khờ dại hiện thời của chúng ta gây ra. Ông Sinnett gọi sự kiện đó là "Quả báo nhãn tiền".

Số nợ phải trả của chúng ta không thể sửa đổi được. Luật Nhân Quả bắt buộc chúng ta phải chịu đau đớn đến một mức độ nào đó, nhưng nếu nó có thể gia tăng, thì nó cũng có thể giảm bớt được. Nhờ cố gắng, chúng ta có thể vận dụng một sức mạnh mới, và đổi được hiệu quả của một quả đấm trực tiếp thành một đòn phốt nhẹ, theo lối nói của Bà Chánh Hội Trưởng của chúng ta, nên chúng ta cảm thấy nhẹ hơn nhiều. Mỗi sự cố gắng như thế có nghĩa là có sự can thiệp của một yếu tố mới, như vậy thì không có gì là bất công, không có gì là can thiệp trong sự tác động của Luật Nhân Quả. Năng lực đã phung phí vào việc khác nay dùng để sửa đổi quả đấm.

Lẽ tất nhiên tất cả những điều xấu xa, quấy quá đều là tạm thời. Một vị vua Ba Tư đã lấy câu này làm phương châm: "Rồi cái này cũng sẽ qua". Câu

châm ngôn ấy thật tuyệt diệu vì nó thích ứng với việc vui mừng cũng như việc phiền não, với điều may mắn cũng như rủi ro, dù tình trạng chi phối đời sống chúng ta hiện giờ thế nào chẳng nữa. Chỉ có sự tiến hóa thực sự và sự vui vẻ phát xuất từ nội tâm, mới là điều tồn tại. Những điều này sẽ trường tồn mãi mãi. Dù sự đau khổ hiện tại của chúng ta như thế nào, nó chỉ có một thời gian thôi. Chúng ta đã từng đau khổ và từng chịu thử thách trong những kiếp trước rồi. Hiểu rõ điều này nó giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Những chuyện gây lăm rối rắm cho chúng ta trong tuổi thanh xuân ngày nay không còn là quan trọng nữa. Chúng ta thậm chí nói: "A, những việc này không quan trọng chi cả. Tại sao tôi lại lo lắng đến thế"? Người khôn ngoan học hỏi bằng cách nhìn về phía sau và nói rằng: "Những chuyện khác làm cho tôi lo lắng bây giờ đây, chắc chắn chúng sẽ không quan trọng gì hơn mấy việc trước". Đúng vậy, nhưng chỉ có người khôn ngoan mới kết luận được như thế mà thôi.

Tốt hơn con nên nghĩ đến những việc hiện tại, chúng sẽ định phần số con kiếp sau, vì đối với những điều đó, con có thể sửa đổi được.

C. W. L. Kiếp sau của bạn sẽ tùy thuộc một phần lớn nghiệp quả của bạn tạo ra trong kiếp này. Nhưng có một điều quan trọng hơn nữa là: chẳng bao lâu Đức Chương Giáo sẽ lâm phạm. Những biến cố sẽ dồn dập tới, Thần lực ban rải xuống thật phi thường, và ảnh hưởng của nó có hiệu quả chung quanh chúng ta đến một mức độ nào đó, chúng ta là những người cố gắng chuẩn bị cho cuộc lâm phạm, không những chúng ta có thể sửa đổi được kiếp tới của mình, mà còn sửa đổi được những ngày còn lại trong kiếp này nữa.

Nghiệp quả của người đệ tử làm công việc này, thì mãnh liệt hơn phần đông những người khác. Người đời làm và có thể làm nhiều việc mà không có gì là khổ cho họ. Nhưng nếu những việc này do những người bước gần đến Đường Đạo làm thì chúng tạo ra những điều vô cùng tai hại. Đối với người đệ tử, thì những gì xảy đến cho y tức là xảy đến cho Đức Thầy, vì Đức Thầy đã làm cho người đệ tử thành một phần tử của chính mình Ngài: "Không ai sống cho một mình mình và cũng không ai chết cho một mình mình" [60]. Điều này vẫn đúng cho mỗi người, nhưng đối với ai muốn phụng sự những Đấng Chơn Sư Cao Cả thì phải thận trọng gấp đôi. Trong Huyền Bí Học tất

cả những gì làm cho công việc của bạn đồng Đạo trở nên khó khăn, đều gây ra những nghiệp quả nặng nề.

Con không nên buồn bực hay chán nản, sự chán nản là điều xấu xa, vì nó nhiễm kẻ khác và làm cho đời sống của họ trở nên khó khăn hơn. Đó là điều con không được phép làm. Vậy con phải xua đuổi nó đi xa, mỗi lần con biết nó đến.

C. W. L. Những độc giả đã thực sự chán nản có thể sẽ lắc đầu và nói: "Đó là lời khuyên tuyệt hảo, nếu có thể thực hiện". Nhưng tôi đã nói, một tư tưởng mạnh gây ra sự ngã lòng cho kẻ khác, tạo nên mãnh lực vượt bực khi không còn cách nào khác để tồn tại. Sự ngã lòng là một lỗi lầm vì nó ảnh hưởng đến những bạn đồng môn của chúng ta. Những gì phát sinh từ chính chúng ta, từ những kiếp sống đã qua của chúng ta, do nghiệp quả của chính chúng ta, không thể kích động chúng ta; dó đó, ta phải giữ mình hết sức cẩn thận để không hại đến kẻ khác. Một việc xảy ra để gây nên điều nào đó không hay, bạn hãy tự nói với mình như sau: "Tôi sẽ không nói lên điều đó; tôi sẽ không làm, cũng như không nói điều gì có thể làm cho những sự khó khăn của kẻ khác tăng lên". Chúng ta cũng có thể từ chối làm một công cụ để phục vụ cho quả xấu của kẻ khác. Nếu một người làm hại hay xúc phạm một người khác, thì chắc chắn y là công cụ cho nghiệp quả của người ấy chứ không thể khác, nhưng đó là một vai trò của những người thiếu đại lượng. Chúng ta nên làm những công cụ cho quả lành trong việc giúp đỡ những người khác, mang đến những phước lành và nghĩa cử cho họ; quả xấu sẽ phải sử dụng những vận hà khác, thay vì mượn vận hà của chúng ta.

Con còn phải làm chủ tư tưởng con một cách khác nữa: Đừng cho nó vờn vơ. Bất câu việc nào của con làm, con cũng phải chú ý vào đó để làm cho được hoàn thiện.

C. W. L. Rất dễ mà chú ý vào công việc của chúng ta đang lo đây và chúng ta phải làm cho được hoàn toàn. Chẳng hạn như viết một bức thư,

chúng ta có thể chú ý vào đó và làm cho nó thành một bức thư của một nhà Huyền Bí Học. Người ta thường viết thư ít kỹ lưỡng và ít chính xác. Họ nói những điều cần nói, chứ không đặc biệt cố gắng để làm cho được hoàn hảo. Đối với vài người, những điều nhỏ nhặt, tầm thường như thế mà lại phải làm cho được hoàn hảo thật là một điều mới mẻ. Tôi nhận được nhiều bức thư và tôi phải nói rằng đa số không phải như những bức thư mà chính tôi muốn gởi đi.

Lắm khi danh từ dùng sai và chữ viết thường xấu tệ đến nỗi tôi phải mất nhiều thì giờ mới đọc được. Sự chẳng cẩn thận đó có một ý nghĩa quan trọng lớn lao đối với nhà Huyền Bí Học hoặc những ai muốn trở thành nhà Huyền Bí Học. Một bức thư của nhà Huyền Bí Học phải khác biệt do sự đúng đắn và trong cách diễn đạt tư tưởng; nó phải viết một cách tử tế, hoặc đánh máy, tùy trường hợp. Nó phải có vẻ đẹp và làm vui lòng người nhận nó. Dù việc gì cũng vậy, chúng ta vẫn phải có bổn phận tuyệt đối thực hiện cho được đầy đủ rõ ràng. Tôi không có ý muốn nói rằng người ta luôn luôn có thì giờ viết như một người thợ khắc chữ, hoặc làm cho bức thư nào cũng thành một tác phẩm mỹ thuật tuyệt đẹp. Ngày nay làm như thế không được. Nhưng ngoài vấn đề Huyền Bí Học, muốn giữ phép lịch sự đối với người mà ta viết thư thì chữ viết của chúng ta cũng phải rõ ràng và dễ đọc. Nếu bạn muốn viết gấp và cầu thả để khỏi mất một ít thì giờ, thì bạn nên nhớ rằng, vì lỗi của bạn, mà người nhận thư phải mất gấp bốn lần thì giờ để đọc. Chúng ta không có quyền làm như thế.

Mỗi bức thư mà chúng ta gởi đi phải là một vị sứ giả, một sứ giả của Đức Thầy. Nếu đó là một bức thư nói chuyện làm ăn hay một đề tài thông thường nào, thì nó cũng phải chứa đầy những cảm tình tốt đẹp. Muốn được như thế, chỉ cần chốc lát cũng đủ. Trong khi viết cảm tình nhân hậu phải tràn ngập trong trí chúng ta. Nó phải thấm nhuần cả bức thư, rồi chúng ta không cần làm gì nữa; nhưng lúc ký tên, chúng ta phải dừng lại giây lát để truyền vào đó một nguồn thiện cảm. Bạn viết cho một người bạn ư, hãy rải tình thương vào đó, để khi mở bức thư ra, y sẽ nhận được một luồng tình cảm nhân ái đệ huynh. Nếu gởi cho một người bạn Thông Thiên Học, bạn hãy ban rải vào đó một tư tưởng liên quan đến các vấn đề cao thượng hơn, và cũng liên quan đến Đức Thầy. Như thế bức thư sẽ nhắc nhở người huynh đệ nhớ tới tư tưởng cao thượng mà những người Thông Thiên Học luôn luôn quý mến. Nếu chúng ta viết thư cho một người mà chúng ta biết y thiếu một đức tánh nào đó, thì chúng ta hãy cho đức tánh ấy thấm nhuần bức thư, nhân dịp đó chúng ta cho y cái gì mà y còn thiếu thốn. Vậy chúng ta hãy giữ gìn cho những bức thư của chúng ta được tốt đẹp và có một linh hồn.

Chúng ta cũng có thể giúp người bằng cách đó khi chúng ta trực tiếp với họ. Vài người trong chúng ta gặp nhiều người khác trong ngày. Chúng ta phải nói chuyện với họ, và đôi khi phải siết tay họ. Chúng ta có thể thừa dịp tiếp xúc trực tiếp này để truyền cho họ một luồng sinh lực hay một sức mạnh của tình thương, hay là những tư tưởng cao thượng; nói tóm lại cái gì mà chúng ta tưởng rằng cần thiết cho họ. Đừng bao giờ bắt tay một người nào mà không giúp họ như thế, vì đó chính là một cơ hội. Nếu chúng ta có chí nguyện được làm đệ tử Chơn Sư, thì chúng ta phải tìm cơ hội như thế để phụng sự. Một người không hữu dụng cho đồng bào bằng cách này hay bằng cách khác, thì sẽ không được chấp nhận sớm đâu. Tôi giả sử rằng: không làm một việc bất công đối với một người trung bình khi nói rằng ý niệm của y trong việc kết thân mới sau đây: "Tôi sẽ nhận được gì của người ấy bằng phương cách này hay phương cách khác". Có thể không phải là một mối lợi tiền bạc. Có thể là sự vui chơi hoặc lợi lộc về phương diện xã hội. Nhưng dù trong trường hợp nào, ý tưởng lợi lộc cũng vẫn hiện diện. Thái độ của chúng ta phải hoàn toàn trái ngược lại: "Đây là một cơ hội mới đưa đến cho tôi. Vậy tôi phải cho ra cái gì"? Nếu người ta giới thiệu tôi cho một người lạ, tôi quan sát y và ban rải tư tưởng lành cho y. Tư tưởng đó sẽ bám vào và thâm nhập vào người y đúng lúc. Những vị đệ tử Chơn Sư đều làm như thế, khi họ đi bách bộ, đi tàu hỏa, hoặc đi đồ ngang, họ chờ cơ hội nào họ cần phải có tư tưởng lành, thì họ liền rải ra. Có thể cả trăm lần như thế chỉ trong một buổi sáng hay một buổi chiều.

Một sự chào hỏi cũng phải là một sự thật hiển nhiên, chứ không phải là một hình thức suông mà thôi. Những lời chào khi đọc danh hiệu của Thượng Đế và cầu khẩn Ngài ban phước; chẳng hạn như lời chào hỏi thường lệ của những người Hồi Giáo - đôi khi biểu lộ một hình thức lễ độ suông, lắm khi chúng cũng biểu lộ một lời chúc thâm tình và có ý niệm về Thượng Đế kèm theo thực sự. Chúng ta nói "Good bye" (giã từ). Ít người hiểu biết rằng đó chính là câu: "Cầu xin Thượng Đế ở với anh" (God be with you) thâm ngấn lại. Chúng ta nên biết điều đó và thật tâm thốt ra những lời này. Những điều ấy dường như là tầm phào, phù phiếm, nhưng nhiều trường hợp nhỏ nhất trong đời sống hằng ngày tạo thành sự dị biệt rõ rệt. Chúng là một bằng chứng của tánh tình và làm ra tánh tình vậy. Nếu mỗi ngày, chúng ta làm những việc nhỏ mọn này một cách kỹ lưỡng và cẩn thận thì chẳng bao lâu chúng ta sẽ mở mang tính kỹ lưỡng, chúng ta tự chủ, chúng ta chính chắn trong mọi trường hợp, từ việc lớn đến việc nhỏ. Người ta không thể vừa kỹ lưỡng trong việc lớn lao mà lại cầu thả trong việc nhỏ mọn được. Trong trường hợp đó, đôi khi chúng ta lại quên đi và cầu thả trong khi chúng ta

phải thận trọng. Nhưng chúng ta phải tập cho được tính kỷ lưỡng hoàn toàn. Rồi nhiều việc nhỏ hợp lại thành một việc lớn, và với một chút thói quen, không phải người ta giúp đỡ chút đỉnh mà thật sự có thể giúp một cách mạnh mẽ trong việc siết tay hay là viết một lá thư.

Đức Thầy nói: "Dù làm việc gì con cũng phải chú ý vào đó để làm cho được hoàn thiện". Điều này cũng áp dụng chẳng những cho những việc ta làm mà còn áp dụng vào những việc giải trí như đọc tiểu thuyết hay tạp chí. Ngoài sự nghỉ ngơi có qui củ và giấc ngủ, thì cách nghỉ ngơi tốt nhất thường là sự tập luyện nào đó, dưới hình thức khác nhau. Như thế trong khi đọc để mua vui hay giải trí, thì cái trí phải phục vụ chúng ta, chứ không phải chúng ta làm nô lệ cho nó. Bạn đọc tiểu thuyết ư, bạn hãy chú ý vào đó và cố gắng hiểu nó để tìm thấy được ý muốn của tác giả. Nhiều người thường đọc một cách sơ sài cho đến nỗi tới đoạn chót kết thúc câu chuyện, thì họ lại quên đoạn đầu. Cái cảm tưởng của họ quá mơ hồ đến nỗi họ không tóm lược được câu chuyện; hoặc nói cho chúng ta biết nó phải dạy chúng ta điều gì. Nhưng nếu chúng ta muốn rèn luyện Cái Trí mình, thì khi đọc để mua vui hay giải trí, chúng ta phải đọc cho kỷ lưỡng. Khi nghỉ ngơi, chúng ta phải làm giống như vậy. Hiện giờ trên thế giới có hàng triệu người không biết xả hơi [61] và nghỉ ngơi cho đúng cách. Họ không biết rằng mười phút buông xả gân cốt còn hơn hai giờ nằm dài trong trạng thái căng thẳng và co rút. Kiểm soát Cái Trí một cách êm dịu cũng là điều cần thiết cho sự nghỉ ngơi. Khi tập kiểm soát như thế, cũng như làm mọi việc khác cho có thói quen, thì chẳng bao lâu người ta lại thấy rằng mình không thể làm việc một cách dờ dang, có phân nửa như trước. Nếu đã nghỉ ngơi, thì người ta phải nghỉ ngơi cho đúng mức.

Chẳng nên để Cái Trí con ở không, con phải luôn luôn tích trữ những tư tưởng tốt lành, để chúng sẵn sàng hiện ra lúc trí con không tưởng cái chi cả.

A. B. Việc này thật dễ dàng đối với người thường dân Ấn Độ, vì thuở nhỏ người ta đã dạy họ lập đi lập lại những câu châm ngôn rất hay, trong lúc rỗi rảnh. Đó là thói quen ở Ấn Độ, đối với người không được giáo dục cũng vậy. Bạn thường nghe một người thợ khi làm xong công việc, thỉnh thoảng lập đi lập lại khá lâu: "Ram, Ram, Ram, Sitaram, Sitaram, Sitaram". Đó là câu

Thánh Ngữ chớ không có chi cả. Vài người có thể cho rằng làm như thế vô lý, nhưng họ nhầm vậy. Những câu châm ngôn này có tác dụng thật sự với người đọc nó. Nó bắt Cái Trí trông không, chú định vào một tư tưởng an tịnh và khuyến thiện. Làm như thế vô cùng hữu ích hơn là để Cái Trí của chúng ta vờn vơ, chắc chắn nó sẽ lo lắng công việc của người lân cận của chúng ta, do đó sinh ra sự nói hành và những tai hại bất ngờ. Dĩ nhiên, nếu bạn chủ trì được Cái Trí mà không cần lập đi lập lại một câu châm ngôn, thì càng tốt hơn nữa, nhưng nhiều người không chịu làm theo cách này hay cách kia.

Có việc làm rất hữu ích và nhiều tôn giáo đã khuyên bảo là: buổi sáng chọn một câu nào đó rồi học thuộc lòng. Trong ngày câu ấy đột nhiên tái hiện ở ký ức và xua đuổi những tư tưởng kém tốt đẹp khác trong lúc Cái Trí trông không. Bạn có thể mượn một câu văn hay một thành ngữ trong một quyển sách hay nào đó, rồi lập đi lập lại nhiều lần với sự chú tâm, vào buổi sáng (có thể trong lúc mặc y phục), chính câu ấy trở lại bạn trong ngày. Người ta có thể giải thích rõ ràng tại sao Cái Trí lập đi lập lại một cách tự động, nên nhớ rằng khi một bản nhạc, một giọng ca nào in vào Cái Trí rồi thì nó bắt Cái Trí lập đi lập lại mãi. Đã nhiều năm rồi, tôi giữ tư tưởng Đức Thầy nơi hậu cảnh Cái Trí của tôi. Hiện giờ nó luôn luôn còn ở đó, nên khi Trí tôi rảnh rang, nó lại hướng về Ngài.

C. W. L. Những tư tưởng về Đức Thầy phải luôn luôn chiếm hậu cảnh Cái Trí của chúng ta, để nó hiện lên khi tâm trí chúng ta không bận việc chi khác. Khi đang đọc sách, viết thư hay làm công việc tay chân, chúng ta không cần thiết phải hướng về Đức Thầy những tư tưởng tích cực, nhưng khi khởi sự, chúng ta nên quyết định như sau: "Tôi sẽ làm việc này tốt đẹp vì Đức Thầy". Từ đó chúng ta nghĩ đến công việc của mình mà không nghĩ đến Ngài: nhưng khi công việc vừa hoàn tất, thì tư tưởng về Đức Thầy lại tái hiện trong Trí trước nhất. Một tư tưởng như thế, không những bảo đảm cho Cái Trí sẽ tiếp nhận được điều tốt lành mà còn khiến cho tư tưởng của chúng ta về các vấn đề khác rõ ràng hơn và vững mạnh hơn.

Đôi khi người ta lập đi lập lại danh hiệu của Thượng Đế để tạo một bối cảnh trong Cái Trí. Bên Ấn Độ, bạn thường thấy nhiều người chờ xe lửa hay đi bách bộ trên đường, nói lầm thảm với chính họ. Đôi khi họ lập đi lập lại khá lâu một Thánh Ngữ. Những nhà truyền giáo luôn luôn đặc biệt chỉ trích những người "ngoại giáo" như sau: "Họ chuyên tâm lập đi lập lại những điều

vô ích". Người Hồi Giáo đi tới đi lui vừa đọc những đoạn Thánh Kinh, luôn luôn trên môi y không rời danh từ Allah (Thượng Đế). Có thể luôn luôn họ không nghĩ đến Ngài nhiều, nhưng thường thường họ đọc như thế không phải là vô hiệu quả đâu. Dĩ nhiên một người kia có thể đọc những câu ấy vì thói quen chớ không nghĩ đến nó; một người Công Giáo có thể đọc Kinh trong lúc tư tưởng của y vờn vờ ở nơi khác. Thậm chí một vị Linh Mục có thể đọc Kinh hằng giờ mà không chú ý nhiều, vì người đã thuộc lòng tất cả. Ông có thể đọc "Lạy Thánh Mẫu Maria" và "Lạy Đức Chúa Cha của chúng tôi" mà không nghĩ đến Đức Thánh Mẫu Maria hoặc Đức Chúa Cha của chúng ta trên trời. Trong tất cả các tôn giáo, người ta có thể cầu nguyện về hình thức và chỉ giữ cái vỏ bề ngoài, khi đã mất hầu hết tinh hoa của nó. Nhưng điều này thường xảy ra trong Thiên Chúa Giáo hơn là trong Ấn Giáo và Phật Giáo, tôi có khuynh hướng muốn nói gần như không có nhiều như thế. Hơn nữa chính là sự kiện lập đi lập lại những danh từ như: "Rama, Rama, Rama", đã giúp cho tư tưởng về Thượng Đế được ghi chặt trong Trí, và như thế chắc chắn sẽ sinh ra một hiệu quả có ích. Nếu chúng ta có thể nhớ đến Đức Thầy một cách dễ dàng và hữu hiệu như thế mà khởi lập lại Danh Hiệu của Ngài thì điều đó vẫn tốt lắm. Nhưng sự lập đi lập lại còn hay hơn là không có ý nghĩ về Ngài.

Trong Thể Trí có một tốc độ rung động phù hợp với những tình cảm sùng tín này. Với thời gian, tốc độ đó thành thường lệ, do đó sự sùng tín phát triển và thành ra một thành phần của tánh nết. Thói quen này cũng dùng để trục xuất những tư tưởng xấu. Nếu Cái Trí trống không thì mọi tư tưởng nào vờn vờ gần đó cũng có thể xâm nhập vào và chi phối nó. Những tư tưởng đó có phần xấu hoặc là vô ích trong mọi trường hợp hơn là hữu dụng. Nó thuộc về một loại tư tưởng hằng hà sa số, bay vờn vờ chung quanh chúng ta và biểu hiện cho mức độ tiến hóa trung bình của xứ sở. Nhưng chúng ta đang nhắm một mục đích cao thượng. Chúng ta muốn nâng đỡ người huynh đệ tầm thường của chúng ta lên và chúng ta không thể thành công trước khi chúng ta đạt tới một trình độ cao siêu.

Mỗi ngày con phải dùng trí lực của con để dự định làm những công việc tốt lành. Hãy trở thành một lực lượng hướng về sự tiến hóa.

C. W. L. Chúng ta được giáo hóa theo namby-pamby [62] một quan niệm hơi dễ dàng cho rằng chỉ có điều cần thiết duy nhất là phải ăn ở hiền lành. Nhưng sùng tín và lánh dữ thôi chưa đủ đâu, chúng ta phải tiến tới, phải sử dụng đức hạnh và lòng sùng tín của mình. Tại sao chúng ta hiện diện trên quả địa cầu? Tại sao chúng ta sống cho chặt đất nếu chúng ta không biết làm

gì hết? Ngồi xuống và hiền lành là một trạng thái hoàn toàn thụ động (dĩ nhiên là còn tốt hơn là ngồi xuống mà tánh tình hung dữ!). Chúng ta có mặt dưới trần để làm vận hà cho Thiên Lục. Chúng ta là Chơn Thần do Trời sinh ra từ lâu, như một tia lửa Thiên sáng rỡ. Đúng như bộ Giáo Lý Bí Truyền đã nói: "Tia lửa ấy cháy yếu ớt" - lắm khi nó chập chờn - nhưng chúng ta phải làm cho nó bùng cháy do lòng nhiệt thành của chúng ta, do đức tin và tình thương, để cho tia sáng trở thành một ngọn lửa linh động sưởi ấm những người khác.

Mỗi ngày con hãy nghĩ đến một người nào mà con biết rằng đang buồn bực hay đau khổ, hoặc cần sự giúp đỡ. Con hãy rải tư tưởng thương yêu cho y.

C. W. L. Sức mạnh của tư tưởng là một điều có thật, cũng thật tế như tiền bạc, hoặc như nước đổ từ trong bình ra ly. Khi chúng ta đưa một luồng tư tưởng này đến một người nào, chúng ta có thể chắc chắn rằng nó sẽ đến với y, dù chúng ta thấy được điều đó hay không. Hầu như tất cả chúng ta đều biết rằng một người đang lâm vào cảnh buồn rầu hay khổ não sẽ tìm được một nguồn an ủi lớn lao trong luồng tư tưởng của chúng ta gửi đến cho y. Dù trong lúc ấy chúng ta không biết một trường hợp như thế, chúng ta vẫn có thể rải tư tưởng một cách bao quát hơn, nó sẽ biết tìm một người trong đám đông đang đau khổ để giúp đỡ.

Nếu bạn biết ai có liên lạc với một số đông người buồn thảm hoặc cần được giúp đỡ, như Tiến sĩ Besant chẳng hạn, thì bạn có thể gửi những tư tưởng sùng tín và mạnh bạo đến cho bà, để bà có thể gia tăng thêm chút ít mãnh lực cứu trợ mà bà đang sử dụng. Đối với Đức Thầy cũng thế. Ai gửi đến các Ngài một tư tưởng sùng tín sẽ nhận được một tư tưởng đáp ứng, nghĩa là một ân huệ. Hơn nữa kho thần lực của Ngài sẽ tăng thêm đôi chút và Ngài dùng tư tưởng chúng ta để giúp đỡ kẻ khác.

A. B. Tôi phải nói rằng trước khi đọc những dòng này tôi không có ý định dùng tư tưởng để giúp đỡ kẻ khác một cách có phương pháp và thường xuyên như trên đây. Dĩ nhiên đây là điều rất tốt. Buổi sáng, bạn hãy chọn một người mà trong ngày bạn sẽ giúp đỡ khi bạn rỗi rảnh, bởi vì bao giờ cũng có người tội nghiệp cần được giúp đỡ. Rồi mỗi khi Trí bạn thanh thoi,

thay vì biến nó thành một lỗ quán bỏ ngõ để cho ai vào cũng được; bạn hãy bắt nó gởi đến người mà bạn lựa chọn những tư tưởng dũng mãnh, an ủi và phúc lạc hoặc những tư tưởng nào cần thiết nhất cho y. Thực hành điều này còn cao hơn một bậc việc lập đi lập lại một dụng ngữ nhân từ.

Bằng cách này hay cách khác, bạn hãy đóng cửa Cái Trí của bạn trước những tư tưởng xấu xa, không chính đáng cho tới chừng nào nó có đủ sức mạnh mà không cần đến sự trợ giúp nữa. Tư tưởng về Đức Thầy bao giờ cũng phải giữ lại luôn luôn trong Trí chúng ta. Nó thuộc về một loại tư tưởng luôn luôn trợ giúp và không ngăn cản những sự hoạt động cao siêu nào của trí tuệ; nó không loại bỏ những sự trợ giúp nào cả, mà lại còn tăng cường sức mạnh cho chúng nữa. Trong một giai đoạn, tư tưởng ấy sẽ chiếm trọn vẹn Thể Trí của bạn và nhờ đó mà những điều bạn thực hiện sẽ được tốt đẹp và mạnh mẽ hơn.

Hãy giữ cho tư tưởng của con không kiêu căng, vì sự kiêu căng luôn luôn do sự đốt nát mà ra.

C. W. L. Ở những sinh viên Huyền Bí Học có nhiều sự kiêu hãnh tế nhị. Họ không thể ngăn cản việc thấy mình đã biết được những điều kiện cốt yếu thật sự của cuộc đời khá hơn những kẻ không học hỏi mấy điều đó; không nhìn nhận mấy điều đó thật vô lý, nhưng không nên để nảy sinh trong lòng một tư tưởng khinh miệt nào đối với những người thường chưa hiểu biết gì về vấn đề ấy. Trên phương diện đặc biệt này, những sinh viên Huyền Bí Học sẽ tiến hóa hơn những người thường, nhưng rất có thể, trên nhiều phương diện khác người thường lại tiến hóa hơn họ rất xa. Chẳng hạn như một người hiểu biết sâu xa về văn học, khoa học hoặc nghệ thuật đã gia công nghiên cứu lâu năm và cố gắng nhiều hơn đa số những người trong chúng ta đã nghiên cứu Thông Thiên Học. Chúng ta phải công bình mà ngợi khen những công trình họ đã hoàn thành, và những cố gắng bất vụ lợi của họ. Đặc tính của người khôn ngoan, hiền triết không phải ở chỗ khinh thường công việc của kẻ khác, mà ở điểm nhận xét rằng mọi người đều tiến hóa.

Nhiều người nuôi dưỡng cái điều gọi là có quan niệm tốt về mình. Họ thích cho rằng mình luôn luôn có lý, mình tài năng xuất chúng và cứ như thế mãi. Nhưng những điểm mà họ tự thán phục mình không phải là điều được Chon

Nhơn thừa nhận. Tất cả những đức tánh được phát triển trong Chơn Nhơn đều thuần túy, tinh khiết. Nếu là tình thương chăng? Nó không bao giờ biểu hiện một dấu vết ganh ghét, đố kỵ hay ích kỷ nào. Đó là tấm gương phản chiếu tình bác ái thiêng liêng trong khả năng có giới hạn của nó. Đôi khi, chúng ta tự khen mình tiến triển khá mau chóng. Như thế chúng ta giống như một đứa trẻ lên bốn tự hào về nó. Với đứa trẻ ở tuổi ấy, nó có làm như thế là chính đáng, nhưng đối với một người hai mươi một tuổi thì khác hẳn. Sự thông minh, lòng sùng tín, tình thương, sự thiện cảm còn ít phát triển ở chúng ta so với sự mở mang của chúng trong tương lai. Do đó, thay vì chúng ta dừng lại, quá thỏa thích với chính mình, chúng ta hãy luôn luôn tiến lên và cố gắng gia tăng số đức tánh của mình.

Về công việc này, tham thiền là một phương tiện trợ giúp lớn lao. Người kia chuyên tâm mở rộng tình thương, y tham thiền về đức tánh đó và cố gắng cảm xúc nó, một thời gian ngắn sau đó, y sẽ ngạc nhiên thấy năng lực của đức tánh này mà y tưởng niệm bừng dậy trong lòng y.

Đức Thầy nói tánh kiêu hãnh luôn luôn phát sinh từ sự dốt nát. Một người càng thông minh chừng nào thì càng ít kiêu hãnh chừng nấy, vì y thấy sự dốt nát của y. Điều ấy đặc biệt đúng hơn nữa, nếu y có duyên may được giao tiếp với các vị Đại Chơn Sư của chúng ta. Y sẽ không hề kiêu căng nữa khi được tiếp xúc với các Ngài, vì mỗi lần y nghĩ mình có thể làm được điều gì, hoặc có đức tính đặc biệt nào, thì ý tưởng sau này chắc chắn sẽ đến với y: "Nhưng tôi đã thấy đức tánh ấy ở Sư Phụ của tôi rồi, và đức tánh của tôi so với đức tánh của Ngài thật chẳng ra gì".

Những đức tánh của các Đấng Chơn Sư phát triển một cách tốt đẹp phi thường, nên chỉ cần biết một trong các Ngài thì có thể tức khắc chữa trị một cách triệt để những gì giống như là sự kiêu hãnh. Tuy nhiên sự ngã lòng không bao giờ do Chơn Sư phát ra. Trong đời sống hằng ngày, bạn tự tin là mình có khả năng làm vài việc nhỏ mọn nào đó, nhưng nếu bạn đứng trước nhà chuyên môn, bạn liền thấy khả năng của bạn hầu như tiêu tan khi đem nó so sánh với kinh nghiệm của vị tài ba lỗi lạc ấy. Rốt cuộc, bạn cảm thấy tủi nhục và ngã lòng. Nhưng đó không phải là sự cảm xúc khi được đứng trước mặt Đức Thầy. Trước sự hiện diện của các Ngài, bạn sẽ thấy rõ sự bất tài không ra gì của bạn, nhưng đồng thời bạn thực hiện được những khả năng còn tiềm tàng của bạn. Thay vì cảm thấy có một vực thẳm không bao giờ vượt qua nổi, bạn sẽ thẳm nói rằng: "Tôi có thể làm được những điều này, tôi sẽ cố gắng noi theo cái đó"; đó là sự khuyến khích luôn luôn được sự hiện diện của Đức Thầy tạo ra. Rồi người ta sẽ hiểu được rất nhiều lời nói

của sứ đồ Cơ Đốc như sau: "Tôi có thể thực hiện được tất cả nhờ Đấng Christ, Ngài ban sức mạnh cho tôi" [63]. Nhờ thần lực của Đức Thầy, bây giờ người ta có thể nói: "Tôi không bao giờ ngã lòng nữa. Tôi không bao giờ ân hận nữa. Tôi không bao giờ phần nộ nữa. Đó là những lỗi kỳ cục mà tôi đã phạm hôm qua. Khi nhìn về quá khứ, tôi nhận thấy vài việc đã khiến cho tôi lo lắng thật phi lý. Tại sao tôi lại phiền muộn, dù chuyện gì có thể xảy ra đến"? Sau này, khi mà chúng ta không còn ở trong ảnh hưởng trực tiếp của ánh sáng thiêng liêng nữa, có thể chúng ta sẽ sa ngã, vì quên rằng ảnh hưởng đó vẫn bao quanh chúng ta, dù chúng ta không trông thấy được những tia sáng một cách trực tiếp, nếu muốn, chúng ta có thể luôn luôn sống trong hào quang của Đức Thầy.

Người chưa hiểu biết tưởng mình là cao cả, mình làm được những việc lớn lao. Người khôn ngoan biết rằng chỉ có Trời là cao cả và việc lành nào cũng do Trời làm ra .

A. B. Ở đây quyền Thánh Ca Gita đã hiến cho chúng ta một bài học quan trọng: Tất cả chúng ta đều là nhân viên của một ý chí duy nhất. Mọi công nghiệp đều do tập thể hoàn thành chứ không phải riêng những phần tử. Và cái hay hơn hết mà mọi người trong chúng ta có thể làm được là trở nên một cơ quan hữu ích để cho sự hoạt động duy nhất và thiêng liêng sử dụng. Sự khoe khoang của chúng ta cũng phi lý như sự kiêu căng của một trong những ngón tay của chúng ta vậy. Bạn hãy trở thành những cơ quan lành mạnh của Thiên ý. Rồi bạn sẽ thấy Đấng Tạo Hóa Duy nhất dùng bạn, vì bạn là công cụ thích hợp cho công việc của Ngài.

Bây giờ chúng ta trở lại chỗ khởi điểm. Sự hiểu biết Chơn Ngã như chúng ta đã hiểu biết, xóa bỏ được mọi sự sợ hãi; bây giờ đây chúng ta thấy rằng nó cũng hủy diệt mọi sự kiêu căng. Đó là chân lý căn bản. Chúng ta nên nhận thấy rằng những thực trạng phức tạp này đều đưa chúng ta đến một chân lý duy nhất, một sự sống duy nhất đang hiện lộ mờ trong vạn vật.

C. W. L. Đức Thượng Đế ở trong mỗi người. Tất cả những gì nhân từ hay cao cả biểu hiện trong con người là ánh sáng vẫn có của Thượng Đế chiếu nơi y. Tất cả những gì chúng ta thực hiện, chính là Ngài thực hiện xuyên qua chúng ta. Điều này dường như kỳ dị [64] và bạn có thể nói hình như nó hủy

diệt cái cảm giác về cá tính. Nhưng đó chỉ là tại cái óc xác thịt của chúng ta không nhận thức nổi sự tương quan đích thực ấy. Không phải vô lý mà người Công Giáo thời trung cổ đã nói: "Sự vinh quang thuộc về Chúa Trời". Một người trong chúng ta kiêu hãnh về một hành vi nào đó, cũng như chúng ta chơi dương cầm, một trong mấy ngón tay chúng ta nói rằng: "Tôi đánh điệu này hay quá! Chính nhờ tôi mà điệu nhạc trở nên tuyệt diệu". Thật ra mỗi ngón tay đều làm phận sự của nó, không phải theo ý chí cá nhân, mà như là những công cụ của bộ óc. Tất cả chúng ta là những ngón tay của bàn tay Ngài, là những biểu hiện uy lực của Ngài. Tôi biết rất rõ ràng rằng chúng ta không thể hiểu trọn vẹn về vấn đề này, nhưng nếu chúng ta càng phát triển tâm thức cao siêu bao nhiêu, chúng ta càng cảm thấy nó sâu xa bấy nhiêu và đôi khi, trong lúc tham thiền hoặc trong vài lúc phấn khởi tột độ, chúng ta tiếp xúc được với cái Nhất Thể này trong giây lát.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 19

TỰ CHỦ TRONG LÚC HÀNH ĐỘNG

Khi tư tưởng của con đúng đắn rồi, thì con sẽ hành động dễ dàng.

A. B. Câu châm ngôn này nhấn mạnh sự kiện mà tất cả sinh viên Huyền Bí Học đều biết rõ: tư tưởng quan trọng hơn hành động; ý tưởng này hoàn toàn đối nghịch với ý kiến thông thường. Nhưng đó là sự thật, vì tư tưởng luôn luôn phát sinh trước hành động. Có thể có những trường hợp gọi là hành động tự nhiên bộc phát, nhưng điều đó chỉ có nghĩa là muốn khám phá được tư tưởng chủ động, chúng ta phải lui về quá khứ, có lẽ cũng trở lại một kiếp trước.

Khi sức mạnh của tư tưởng về một vấn đề nào đó tích tụ trong Thể Trí và gặp cơ hội để biểu hiện tư tưởng đặc biệt ấy, thì chắc chắn nó phát sinh ra sự hành động. Mọi tư tưởng hướng về một mục đích nhất định đều tiêu biểu một lực thúc đẩy gia tăng cho đến lúc năng lực sức tích khiến cho bạn hành động theo chiều hướng ấy. Người Ấn Độ có lý, khi họ chia sự hành động hay là nghiệp ra làm ba phần: tư tưởng, ham muốn và hành động. Đúng là Chân lý vậy. Trong kiếp sống nào cũng có thể xảy ra sự hành động không dự

tính trước mà liên quan đến kiếp vừa qua, ấy là một hành vi bộc khởi. Trong trường hợp này, sự suy nghĩ hoàn tất, sự hành động là phần cuối cùng nối tiếp theo, vì nó đã ở trong chiều hướng nhất định nên thúc đẩy một cách tự nhiên. Do đó, có thể xảy ra sự kiện này: bạn đã đem hết năng lực chọn lọc trong loại tư tưởng nào đó và dùng trọn năng lực kiểm soát nó, nhưng vừa gặp cơ hội đưa đến thì tư tưởng của bạn sẽ biểu hiện ra bằng hành động. Tư tưởng đó có thể ẩn tàng rất lâu nếu nó không gặp cơ hội phát lộ, nhưng khi hoàn cảnh thuận tiện, thì sự hành động sẽ thực hiện ngay.

Đó là điều rất quan trọng để hiểu biết sự hoạt động của tư tưởng. Bạn hãy canh chừng tư tưởng của bạn và hướng dẫn nó vào chiều hướng tốt đẹp, vì bạn không thể biết được lúc nào nó phát hiện ra bằng hành động. Đó là một trong những lý do tại sao những bậc Đại Giáo Chủ của nhân loại lại nhấn mạnh về sự quan trọng của tư tưởng. Trong quyển sách này, nó còn được nhắc nhở lại cho sinh viên. Có lẽ rất hữu ích mà nhắc lại ở đây rằng Manas, chính là sự hoạt động. Chơn Thần có ba trạng thái là ý chí, minh triết và hoạt động; nhập vào Atma, Bouddhi và Manas [65]. Ở đây chúng ta được biết là tư tưởng nhập vào sự hành động.

C. W. L. Dĩ nhiên là tư tưởng đi trước sự hành động. Như người ta thường nói, có nhiều trường hợp chúng ta làm mà không kịp suy nghĩ. Tuy nhiên hành động của chúng ta vẫn phát sinh từ một tư tưởng trước. Chúng ta có thói quen suy nghĩ về vài vấn đề nào đó, hoặc về những chiều hướng nào đó, nên tự nhiên chúng ta hành động theo những thói quen hay là những chiều hướng đó. Một người hành động rồi tự giải thích: "Tôi không thể không làm việc ấy. Tôi không suy nghĩ trước". Nhưng thực ra y đem thực hiện một tư tưởng mà y đã suy nghĩ, có lẽ trong những kiếp trước. Mặc dù thường một người trong kiếp này không có Thể Trí giống như Thể Trí ở kiếp trước, nhưng y vẫn có một Phân Tử Trường Tồn của Cái Trí, nghĩa là một cái nhân tiêu biểu cho Cái Trí thu nhỏ lại và Phân Tử Trường Tồn đem theo nó những cảm giác thuộc về loại tư tưởng thường lệ của con người từ kiếp này sang kiếp kia.

Người ta thường lưu ý rằng một người chỉ có thể mang theo từ kiếp này sang kiếp kia những tính tốt trong nhân thể của nó mà thôi. Quả thật đúng như thế. Nhân thể được tạo bằng chất khí của ba cảnh cao hơn hết của cõi Thượng Giới là cảnh thứ nhất, cảnh thứ nhì, và cảnh thứ ba. Và chất khí ở mức độ ấy [66] không thể ứng đối với sự rung động của một tính thấp thỏi

hoặc xấu xa nào. Vậy một người chỉ có thể đồng hóa với sự tốt lành mà thôi. Đó là điều may mắn lớn lao cho chúng ta, vì nếu không được như thế, chúng ta sẽ đồng hóa với nhiều yếu tố xấu xa; thay vì sự trợ giúp, chúng ta làm chậm trễ sự tiến hóa của chúng ta. Nhưng con người mang theo những hạt nguyên tử trường tồn khác nhau - cõi Thượng Giới [67], cõi Trung Giới, Hồng Trần - cho nên những rung động của chúng sẽ trở lại với những thể mới của con người trong kiếp sau, dưới hình thức những tánh cố hữu, bẩm sinh. Như thế con người mang theo khả năng các đức tánh hơn là những đức tánh thực sự. Bà Blavatsky gọi chúng bằng một trong những danh từ khác là: "thiếu vật chất". Theo ý bà thì đó là những mãnh lực sẽ hoạt động, khi chúng gặp được vật chất thích hợp, nhưng chúng ở trong trạng thái bất động, cho đến khi nào chất này bao bọc Chơn Nhơn một lần nữa. Khi một người hành động "không kịp suy nghĩ", tức là y hành động do sự thúc đẩy của những tư tưởng cũ đó. Đây là một trong những lý do khiến chúng ta phải coi chừng tư tưởng của mình một cách cẩn thận. Không thể biết tới lúc nào tư tưởng biến thành sự hành động. Một người nuôi mãi một tư tưởng xấu, nghĩ rằng không bao giờ y để nó thành ra sự hành động, thì rất có thể một ngày kia y sẽ thấy tư tưởng ấy biến thành sự hành động, không để cho y có ngày giờ biết được điều đó.

Áp dụng sự hiểu biết này để giúp đỡ trẻ con thật hữu ích vô cùng. Khi Chơn Nhơn lấy những thể mới, cha mẹ và các thân bằng có thể giúp y rất nhiều bằng cách khuyến khích những đức tánh tốt khi chúng bộc lộ lần lần và không để cho các tánh xấu có cơ hội phát hiện [68]. Sự giúp đỡ hữu hiệu hơn hết của ta đối với trẻ con là làm cho những tính tốt trở nên linh động và thành thói quen trước khi tánh xấu có thì giờ biểu lộ. Sớm muộn gì tánh xấu cũng biểu hiện ra, chắc chắn là do ảnh hưởng của ngoại giới làm cho nó sống lại. Nếu tánh tốt đã tiến triển mạnh, thì tánh xấu rất khó mà gây một ấn tượng nào. Bây giờ ý chí của Chơn Nhơn sẽ chống lại sự tiếp xúc của chúng qua trung gian những thể của mình, và trong trường hợp như thế, chắc chắn chúng sẽ hoàn toàn bị trừ tuyệt gốc rễ trong kiếp này, trong kiếp tới của Chơn Nhơn sẽ không còn dấu vết gì của chúng nữa.

Nhưng con nên nhớ rằng muốn giúp ích cho nhân loại, thì tư tưởng phải biến thành hành động. Chớ nên biếng nhác, mà phải cần mẫn làm việc hữu ích luôn luôn.

A. B. Một điểm rất quan trọng được nhắc lại ở đây là tư tưởng muốn hữu ích thì phải được biểu hiện ra bằng sự hành động. Về phương diện này, đa số chúng ta còn nhiều khuyết điểm. Chúng ta tạo những tư tưởng mà không đem ra thực hiện, và tất cả tư tưởng thuộc về loại ấy là nguồn gốc của sự bạc nhược. Một ngày kia, Đức Thầy Morya có nói rằng một tư tưởng tốt không được thực hiện bằng sự hành động thì chẳng khác nào một mọt ung thư ăn mòn Thể Trí. Sự so sánh chính xác này phải làm cho chúng ta hiểu rằng một tư tưởng như thế không những tiêu cực mà còn thực sự độc hại nữa. Chúng ta không nên làm suy yếu những sức của Cái Trí chúng ta do những quyết định tốt mà không đem ra thực hành. Chúng sẽ gây chướng ngại và làm cho tư tưởng tốt đẹp đó khó thực hiện được, khi chúng hiện ra một lần nữa. Vậy bạn chớ nên chậm trễ, chớ nên dời lại mai sau, đừng làm nửa chừng rồi bỏ dở công việc. Nhiều người trong chúng ta chận đứng sự phát triển của họ, vì họ không đem ra thực hành những quyết định của họ. Câu châm ngôn nước Anh nói rằng: "Con đường dắt đến địa ngục lót toàn là những ý tưởng tốt đẹp".

Một ý định tốt mà không đem ra thực hiện bằng sự hành động sẽ trở thành một mãnh lực độc hại. Nó sẽ hành động như một thứ ma túy làm tê liệt khối óc. Bạn hãy điều chỉnh tư tưởng của bạn cho cẩn thận, khi Chơn Nhơn khiến bạn phụng sự, bạn hãy thực hiện ngay đi. Chớ nên chờ đến ngày mai. Thói quen dời lại ngày mai là lý do làm cho nhiều người tử tế dưới thế gian này đứng lại một chỗ. Chúng ta thường gặp một người rất tốt và khoảng mười năm sau gặp lại y, chúng ta thấy y chẳng khác gì hơn lần đầu tiên. Nhiều năm qua, người ta vẫn giữ nguyên vẹn những nỗi khó khăn, những sự cảm dỗ, những sự nhu nhược và cũng một mãnh lực như xưa. Điều này không nên là một sự thật đối với người hội viên Thông Thiên Học, vì tất cả chúng ta đều phải biết vài ý niệm về cách diễn tiến của định luật này.

Nếu đôi khi đây là một sự thật, thì tôi tưởng cái lý do chính là bởi người ta không hiểu được vì sao những khuynh hướng tốt lành khi bị chận đứng lại thì tạo ra những chướng ngại vật. Nếu bạn đem thực hiện những gì mà bạn cảm thấy tốt lành, thì dần dần chúng càng thường xảy ra. Không có một hoàn cảnh thuận tiện nào bên ngoài, không có sự hiểu biết phụ thêm nào có thể bù trừ được sự không cố gắng bên trong, sự không quyết định và không có năng lực thực hiện những gì mình đã biết. Tư tưởng của bạn phải luôn luôn tiến đến sự hành động. Bạn hãy lấy điều đó làm qui tắc. Tôi không muốn nói rằng bạn luôn luôn có thể đem tư tưởng của bạn ra áp dụng tức khắc được. Có thể bạn bị những hoàn cảnh cản trở, nhưng những cơ hội

tốt sẽ hiện ra sau đó. Trong những trường hợp như thế, bạn hãy để tư tưởng của bạn qua một bên, chớ đừng để cho nó mất đi. Nó sẽ chín muồi như trái cây vậy. Nếu bạn làm như thế, thì những tư tưởng chưa thành sự hành động sẽ không làm cho bạn đau khổ. Khi đúng ngày giờ, bạn sẽ đem nó ra thực hành.

Con phải làm việc chi thuộc về bốn phận của con chớ không phải thuộc về bốn phận của kẻ khác, trừ ra khi nào y cho phép con và ý con muốn giúp đỡ y. Hãy để mỗi người làm công việc của họ, theo cách thể riêng của họ. Hãy sẵn sàng giúp đỡ, nếu điều đó cần thiết, nhưng con đừng bao giờ xen vào việc của kẻ khác. Đối với nhiều người thì việc khó tập nhất trên đời là lo lắng công việc riêng của mình; mà đó chính là điều con phải làm.

A. B. Tiếp theo lời khuyên cáo này, nó cần thiết cho những ai có bản tính hoạt động. Bây giờ chúng ta nên xét đến khía cạnh khác của con Đường Đạo chật hẹp như lưỡi dao cạo; một mặt phải tránh lưỡi biếng, một mặt khác, phải tránh xen vào việc của thiên hạ. Những người nhậm lẹ hay hoạt động có khuynh hướng chăm lo hết mọi việc. Nhưng công việc của kẻ khác thuộc về phần họ, bạn không được xen vào. Bạn hãy nhớ rằng biết bao lần quyền Thánh Ca Bhagavad Gita, sách phúc âm giải về sự hành động (và điệp khúc bất biến của nó là Hành động! Hành động!), đã dạy chúng ta đừng làm những chuyện mà chúng ta không thật biết rõ tính cách. Sách này còn nói rằng: "Bốn phận của kẻ khác thì đầy những sự nguy hiểm [69]."

Lý do việc đó thật rõ rệt. Bạn theo đường lối hoạt động riêng của tư tưởng bạn, bạn lại can thiệp vào sự hành động của một người khác, trong khi y đã theo lối hoạt động riêng của tư tưởng y - nó khác với đường lối của bạn - thì chắc chắn bạn sẽ làm hư hỏng công việc của y, bởi vì sự hành động của y không phải và không thể là hậu quả bình thường và thích ứng với sự hoạt động của bạn. Người cương quyết có nghị lực nên biết rằng mình xen vào việc của người khác chỉ gây sự xáo trộn mà thôi. Có một lúc, tôi muốn đem kẻ khác vào con đường mình chánh đúng theo điều mà tôi cho là tốt lành đối với họ, và lẽ tự nhiên điều đó vẫn tốt đối với tôi, nhưng với tư cách là một người đệ tử, tôi biết cách làm như thế không phải là tốt.

Trên phương diện trừu tượng, dù phương thức hành động của một người kia không được hoàn hảo đi nữa, nó cũng vẫn là tốt đẹp đối với y. Vì nó bao gồm cả sức mạnh của những sự lỗi lầm và năng lực của những đức tánh, cho nên nó qui định con đường tiến hóa thích hợp với những nhu cầu của y. Giả sử một người kia khi viết, thì cầm bút theo cách thức không hoàn toàn đúng. Nếu bạn xen vào và bảo y cầm theo cách khác, chữ viết của y sẽ xấu tệ hơn chứ không phải đẹp hơn. Y sẽ mất tất cả lợi thế của sự kinh nghiệm lâu ngày theo phương pháp cũ và muốn đền bù lại sự mất mát đó thì cần phải có nhiều thì giờ và công phu. Dĩ nhiên, nếu chính y muốn thay đổi cách viết, vì tin chắc rằng lối viết khác hay hơn và y nhờ đến sự giúp đỡ của bạn, thì trường hợp này lại khác. Y có quyền làm theo ý muốn của y và sức mạnh của ý chí y sẽ nâng đỡ sự hành động của y.

Quả thật là một người có nghị lực có thể tạm thời chế phục một người khác dễ dàng. Lịch sử cho chúng ta thấy nhiều tấm gương của những vĩ nhân, trong lúc còn sinh tiền họ đã áp chế những người ở bên cạnh họ, nhưng khi họ chết rồi thì công nghiệp của họ cũng tiêu tan. Họ quên rằng họ phải qua con đường tử vong, họ phải thấy trước cái trống không để lại sau cái chết của họ. Nghiệp quả xấu do sự lầm lỗi của họ tạo ra thấy rõ trong sự hư hoại công nghiệp của họ sau khi họ từ trần. Điều này chứng tỏ tức khắc rằng những người đó không biết chi về những điều kiện để hành động cho có hiệu quả, họ cũng không hiểu rằng người sáng tạo và người lãnh đạo phải tập hợp những người được chọn lọc kỹ lưỡng, rồi cho họ hoàn toàn tự do để hoàn thành công việc, theo đường lối riêng của họ. Không nên cố gắng tự mình chăm lo từng chi tiết. Hơn nữa điều này cũng không thể thực hiện được. Cõi đời do những sự dị biệt vô số kẻ tạo nên, nhưng trong đó ẩn tàng một đơn vị duy nhất. Trên thế gian những loại thấp thỏi không biết định luật, nên bị bắt buộc phải tuân theo. Nhưng con người được tự do một cách tương đối - tự do trong giới hạn rộng lớn của những định luật bên ngoài mà y không thể vượt qua - nhưng trong giới hạn ấy y có thể làm những gì y muốn. Làm việc theo đường lối riêng của y, đó là điều kiện của sự tiến hóa của y, và theo chỗ y tỏ ra có khả năng sử dụng sự tự do ấy một cách khôn ngoan. Như vậy, dần dần, từng bước một, chúng ta sẽ đạt đến tự do hoàn toàn. Trên nấc thang thứ nhất của thang tiến hóa, thú vật hoàn toàn tuân theo Luật Trời mà vô ý thức, trên nấc cao tột, Đức Thầy hoàn toàn tuân theo Luật Trời mà có ý thức. Tất cả chúng ta ở hoặc cao, hoặc thấp trong khoảng giữa hai thái cực này.

Chúng ta nên nhớ rằng can thiệp vào việc của người thuộc về Hạ Trí và sự không xen vào việc của kẻ khác chẳng xa lạ gì với đức tánh cần thiết đã kể ra trước đây, ấy là sự tự chủ trong khi tư tưởng. Can thiệp bằng tư tưởng vốn

mạnh mẽ lắm. Chúng ta hãy lấy một thí dụ trong trường hợp sau đây. Một người trong chúng ta đang gặp khó khăn đặc biệt mà y cố gắng vượt qua. Sự khó khăn đó có thể phát sinh từ vài nhược điểm về tánh tình, hoặc do lối suy tư hay hành động không tốt đẹp, vì những thói quen cũ kỹ thúc đẩy y ; bằng mọi cách, y cố gắng hết sức để sửa mình. Rồi một người nào đó xuất hiện và nghi ngờ sự yếu đuối hoặc nổi khó khăn đặc biệt mà y chịu đau khổ. Người ấy nghi ngờ rồi tiếp tục đi theo con đường của y, chớ y không dè y đã làm một điều rất tai hại.

Người thứ hai này không hiểu rằng y đã đẩy nhẹ người anh em của mình, làm cho anh này có thể hành động theo chiều hướng xấu. Có thể hai thể lực này, thói quen và sự nỗ lực chống chọi lại, đang rung chuyển trên đòn cân, rồi sự nghi ngờ làm nghiêng cán cân qua một bên. Đó là lý do tại sao sự ngờ vực lại đều đáng trách. Nó luôn luôn đáng trách: nếu chẳng may ngờ vực có lý do xác đáng, thì nó chỉ gây ra hậu quả là thúc đẩy kẻ bị ngờ vực đi theo chiều hướng xấu. Nếu sự nghi ngờ không đúng, thì một lần khác, nó có thể khiến cho kẻ bị nghi ngờ dễ bước vào con đường tội lỗi. Trong bất cứ trường hợp nào, ngờ vực tức là gọi đến ai đó một tư tưởng xấu xa, cho nên dù cách này hay cách khác, đó là điều sai quấy. Chúng ta phải luôn luôn có quan niệm tốt đối với mọi người, dù chúng ta có xét đoán họ tốt hơn sự thực đi nữa; chúng ta vẫn gọi đến cho họ, một tư tưởng nó chỉ hành động cho họ được tốt đẹp mà thôi.

Cũng cần nhớ đến những sự kiện quan trọng này: Một khối tư tưởng xấu, sớm muộn gì cũng bị thể lực hắc ám điều khiển để chống lại bất cứ là ai đang tiến nhanh trên Đường Đạo. Vì một khối tư tưởng xấu tấn công bạn có khuynh hướng thúc đẩy bạn làm quấy, cho nên bạn phải hiểu ảnh hưởng độc hại của sự nghi ngờ và phải canh chừng cẩn thận tư tưởng và hành vi của bạn. Khi nghĩ đến điều gì xảy ra cho bạn, bạn hãy nhận thức suông sự kiện, không nảy sinh giận hờn hay uất ức. Và mỗi khi đứng trước sự bộc phát lớn lao của lòng thù hận, bạn nên nhớ đến câu Thánh Kinh Cựu Ước này: "Hãy thắt lưng Cái Trí lại", và trong lúc ấy chỉ vận dụng thêm một số năng lực thẳng dư đối chọi lại, hầu trung hòa tư tưởng xấu. Bạn hãy làm như thế, rồi những khối tư tưởng xấu hướng đến bạn, sẽ không hại bạn được. Trái lại, bạn sẽ lợi dụng được chúng, vì chúng sẽ giúp bạn khám phá ra những nhược điểm của bạn. Rồi chúng sẽ đưa những nhược điểm ấy ra ánh sáng. Nếu không vậy, thì những nhược điểm kia sẽ có thể ẩn nấp trong lòng bạn. Và sự cương quyết đương đầu với sự đột kích của các tánh xấu làm cho bạn trở nên mạnh mẽ hơn và với một ngày kia chúng vừa đụng tới bạn thì chúng sẽ tan vỡ ra từng mảnh, không làm gì bạn được.

Vậy bạn phải làm công việc của mình một cách hoàn hảo và đừng lo đến công việc kẻ khác, nếu họ không cần đến sự giúp đỡ của bạn. Bạn hãy làm công việc của bạn với tất cả khả năng bạn đang có, nhưng khi bạn có thể thực hiện như thế được, thì bạn cũng hãy để cho kẻ khác lo công việc của họ.

C. W. L. Sự xen vào công việc của kẻ khác do những ý niệm sai lầm về tôn giáo sinh ra. Thiên Chúa Giáo chính thống đã lạm quyền can thiệp vào công việc của kẻ khác, thay vì biết rằng bốn phận của mỗi người là phải nhờ Linh Hồn mình cứu rỗi mình. Bất cứ trường hợp nào, tuyệt nhiên không ai có quyền can thiệp vào giữa Phàm Ngã và Chơn Ngã của kẻ khác, Những phán quan tra tấn thời Trung Cổ tưởng mình làm việc chơn chánh, khi bắt thân xác của kẻ khác chịu khổ hình ghê rợn để họ thú tội, hầu cứu rỗi linh hồn họ. Theo chỗ hiểu biết của tôi, tôi không bao giờ cho rằng có thể làm cho một người khác tin tưởng như thế được. Nhưng nếu người ta làm cho xác thân y nói rằng: trên một điểm nào đó có đức tin, thì người ta không hiểu tại sao lời khai đó, dù sai sự thật, lại có thể cứu rỗi được linh hồn? Nếu những kẻ tra khảo ấy thực sự tin điều đó (Tôi tự hỏi con người có bao giờ thành thật tin sự dối trá kinh khủng như thế không?), thì họ có thể biện chính cho tất cả những sự ghê tởm mà họ đã làm, vì dù họ có hành hạ tra tấn thể xác trong vài giờ hay vài ngày đi nữa thì cũng không có gì đáng kể, so với việc họ giải thoát vĩnh viễn cho linh hồn khỏi những nỗi đau khủng khiếp. Trong những trường hợp đó, việc hành hạ kẻ đồng loại của họ trở thành một hành động đáng khen. Chúng ta khó tin rằng có người lý luận như thế, tuy nhiên, hình như có nhiều người đã làm việc ấy rồi, dù chúng tôi không đề cập đến những người đã dùng thế lực của Giáo hội trong những mục tiêu chính trị.

Bởi vì con ướm thử làm một việc cao thượng thì không nên vì lẽ đó mà quên bốn phận thường ngày của con, vì bao giờ chúng nó chưa xong, thì con không rảnh rang để làm việc khác. Đối với đời chớ nên đảm nhận bốn phận mới nào cả, nhưng những việc mà con đảm đương, con phải hoàn thành chúng. Thầy muốn nói đến bốn phận nhất định và hợp lý mà chính con đã biết chứ không phải những bốn phận tưởng tượng do kẻ khác cố gắng bắt buộc con phải thực hành. Nếu con muốn một ngày kia có thể được Chơn Sư thấu nhận làm đệ tử, thì con phải làm việc

thường ngày giỏi hơn kẻ khác chứ không phải tệ hơn; vì điều đó cũng phải nhân danh Ngài mà làm.

A. B. Đôi khi chúng ta nhận thấy, khi bước vào con đường Huyền Bí Học rồi, người ta bắt đầu làm việc thường ngày chẳng những không giỏi hơn, mà lại còn tệ hơn trước. Đó là điều sai lầm nghiêm trọng. Sự nhiệt thành lớn lao bùng dậy do sự học hỏi những điều mới lạ, sự cố gắng để đạt đến một đời sống cao thượng cho chúng ta thấy một sự nguy hiểm và đồng thời một sự lợi ích: nguy hiểm ở chỗ xem thường những bốn phận thường ngày tại thế gian. Ý tưởng này chứa đựng một phần chân lý và sự nguy hiểm, ở ngay trong đó. Sự nguy hiểm của những điều sai lầm vốn do bởi chúng có chân lý làm căn bản. Chính là một chút chân lý chứa đựng trong một sự sai lầm làm cho sự sai lầm trở nên mạnh mẽ, chứ không phải tại cái vỏ dày đặc của sự sai lầm bao phủ chân lý.

Sự hoàn thành tốt đẹp những bốn phận của chúng ta dưới thế gian chứng tỏ rằng thần lực tuôn xuống từ những cõi cao được tiếp nhận theo chiều hướng thuận tiện: "Pháp Môn Du Già, chính là sự hành động điều luyện, khéo léo [70]". Nếu một người được huấn luyện trên cõi cao, thì sự hành động của y dưới những cõi thấp sẽ được tốt đẹp. Trong trường hợp trái ngược lại, thì chúng không được như thế. Nhưng điều này còn hay hơn là không hề lo lắng đến những việc cao siêu. Trong trường hợp sau, những hành vi phi lý có thể tạm thời gây ra nhiều tai hại, nhưng tai hại đó không trường tồn vì động lực sinh ra chúng vẫn tốt đẹp.

Người đệ tử phải cố gắng làm bốn phận của mình dưới thế giới hơn mấy kẻ khác. Thường lắm khi vị đệ tử hành động một cách không sáng suốt, Đức Thầy có thể can thiệp để lập lại sự thăng bằng đã bị chênh lệch. Đó là lý do tại sao Đức Thầy để thí sinh trải qua một thời kỳ nhập môn. Nếu thời kỳ nhập môn này thường kéo dài ra lâu, thì đôi khi cũng vì lý do như thế. Thường thường người ta phải để một thời gian khá lâu mới làm cho lòng nhiệt thành và sự hoạt động của mình trở nên thăng bằng, do một sự điều hòa và một tiên kiến hợp lý.

Vị đệ tử có ích lợi cho kẻ đồng loại của mình chăng? Đó là sự thử thách đầu tiên của y. Người chí nguyện không nên cho công việc huyền bí của mình quan trọng hơn phần việc ngoài đời [71]. Nếu là người Thông Thiên Học, mà y xao lãng công việc của Chi Bộ và công việc của y đối với Hội để lo

phần tiến hóa riêng của y trên phương diện Huyền Bí, thì y làm vậy. Lấy một thí dụ khác, nếu y hy sinh việc đời để lo học hỏi, y cũng sai quấy nặng nề. Học vẫn là điều tốt, nhưng nó phải lệ thuộc sự hữu ích. Phải học hỏi để trở nên hữu dụng, và không nên từ bỏ sự hữu dụng chỉ vì ham học hỏi. Mỗi khi xảy ra sự xung đột giữa bốn phận ngoài đời với sự học hỏi, thì sự học hỏi phải nhượng bộ.

Trong tất cả những vấn đề này, chúng ta đừng quên rằng con đường Huyền Bí Học chật hẹp như lưỡi dao cạo. Không có chi ngăn cản chúng ta hy sinh hầu hết thì giờ của mình trong lúc thức đây để giúp kẻ khác những việc nhỏ nhặt, nhưng trong mấy trường hợp đó, có thể có nhiều việc không được chọn lọc, và một phần lớn vẫn không được thực hành kỹ lưỡng. Chúng ta bị bắt buộc phải dành thì giờ để ngủ nghỉ và ăn uống, hầu lấy lại năng lực cần thiết cho sự làm việc trong thời gian còn lại. Chúng ta cũng phải để vài giờ để tham thiền, học hỏi, xem xét công việc phải làm và cách thức hoàn thành nó. Khía cạnh này của vấn đề đã được Đức Thầy giải thích trong phần Phân Biện. Mỗi phần của giáo lý, Ngài đều đưa vị đệ tử lại con đường trung dung. Nếu y phóng đại thái quá lời khuyên nào đó, thì y không thể tránh khỏi việc vấp ngã một lần nữa. Người ta nói rằng một chiếc tàu chạy hay, không chạy theo đường thẳng mà chạy vát một ngàn lần, khi thì bên hữu, khi thì bên tả. Đời sống người đệ tử cũng giống như thế. Vị thuyền trưởng đứng trên cầu của chiếc tàu là Đức Thầy. Ngài chỉ cho đệ tử những ngôi sao có thể hướng dẫn y và giúp đỡ y theo gần đúng con đường thẳng. Nhiều người chỉ theo đuổi một ý niệm tốt đẹp duy nhất và cố chấp cho đến đời không còn thấy cái nào khác ngoài cái đó.

Đức Thầy dạy đệ tử của Ngài đừng đảm trách nhiệm vụ mới. Người nào tận tụy với công việc của Đức Thầy thì nên biết điều quan trọng là y phải luôn luôn sẵn sàng phụng sự Ngài bằng mọi cách và bất cứ nơi nào. Kinh nghiệm cá nhân tôi có thể cho bạn một thí dụ đáng lưu ý về việc đó. Khi tôi còn trẻ, mấy đứa con tôi bị bắt buộc phải xa rời tôi, trái với ý muốn của tôi, tôi chống đối sự chia ly đó bằng mọi phương tiện pháp lý, nhưng tôi đã thất kiện. Pháp luật đã cắt đứt sợi dây liên hệ và lấy hết bốn phận bảo vệ con cái của tôi là người làm mẹ. Con gái tôi liền trở về với tôi khi nó được tự do. Trong mười năm tôi không gặp con tôi, và cũng không viết thư cho nó, nhưng nó đã trở về ngay với tôi, ảnh hưởng của tôi đối với nó không suy giảm. Bây giờ tôi ở chung với Bà Blavatsky và bà đã cảnh cáo tôi như sau: "Em coi chừng, đừng nối lại sợi dây mà luật nhân quả đã cắt đứt". Nếu lúc đó tôi trở lại đời sống cũ của tôi, sau khi đã tuyên thệ với Chơn Sư, thì tôi đã hành động sai quấy. Hơn nữa, vấn đề không phải là xao lãng, không lo

lắng con gái tôi. Nó đến ở với chúng tôi cho đến khi nó xuất giá, nhưng nó phải chiếm địa vị thứ nhì chứ không phải địa vị thứ nhất.

Còn bạn, chỉ một mình bạn mà thôi, bạn có trách nhiệm đối với những nhiệm vụ mà bạn phải hoàn thành. Bạn có trách nhiệm đối với Đức Thầy và chỉ đối với Ngài mà thôi. Nếu có người muốn ép buộc bạn phải làm điều gì mà họ tưởng rằng đó là bổn phận của bạn và nếu bạn xét ra là không đúng, thì bạn hãy bày tỏ sự bất đồng ý kiến của mình một cách dịu dàng êm ái và cương quyết. Bạn phải quyết định. Sự lựa chọn của bạn có thể đúng hoặc sai và nếu bạn lầm lạc, bạn phải chịu đau khổ, nhưng quyền quyết định phải thuộc về bạn. Không ai được can thiệp vào trách nhiệm của một người đối với bản thân y và đối với Sư Phụ y. Bạn có trách nhiệm đối với Đức Thầy của bạn. Vì tình thương của Ngài mà bạn phải làm công việc thường ngày của bạn giỏi hơn những kẻ khác.

C. W. L. Các tôn giáo xưa đều biết nguyên tắc này: Nhà Huyền Bí Học phải làm cho giới công việc tầm thường. Câu chuyện thiếu thời của Thái Tử Tất Đạt Đa - Ngài sau này thành Phật - đã nêu gương sáng cho chúng ta: Ngài lo lắng học hỏi tham thiền, nhưng khi phải sử dụng tài năng và phô trương võ thuật để chiến thắng trong việc cầu hôn, thì Ngài tỏ ra xuất sắc trong mấy môn này cũng như trong những sự hoạt động cao thượng. Quyển Thánh Ca Bhagavad Gita nói rằng: "Pháp môn Du Già là sự hành động điều luyện, khéo léo. Khéo léo đó là hoàn thành công việc một cách cẩn thận, lịch thiệp và lễ độ. Vậy những vị đệ tử Chơn Sư phải tập giữ cho đời sống của mình được thăng bằng, phải biết lúc nào nên hoặc không nên gác qua một bên những công việc thấp thời.

Người tự hiến mình, và đã hiến thì giờ và sinh lực của y để phụng sự Đức Thầy, thì y không nên đảm nhận thêm một công việc nào khác ngoài công việc riêng của y. Y không được để cho kẻ khác buộc y phải làm những nhiệm vụ mà y không thừa nhận. Chẳng hạn tôi tưởng rằng đôi khi người ta mong chờ sự hiện diện của hội viên Thông Thiên Học trong những buổi nhóm họp ngoài đời. Người hội viên Thông Thiên Học có thể nói rằng: "Tôi sẵn sàng hy sinh cho tình bằng hữu thì giờ của tôi trong những giới hạn hợp lý". Nhưng y hoàn toàn hữu lý, khi dành hết thì giờ của mình để làm việc cho Hội.

Lời giáo huấn về những bổn phận này có liên hệ đặc biệt đến đời sống của

Alcyone tại Adyar, trong khi em được Đức Thầy dạy dỗ. Chẳng hạn, một hôm người ta bảo em dành trọn một ngày để dự một cuộc hành lễ của một người bà con xa với em. Em trình trường hợp ấy lên Đức Thầy, Ngài trả lời: "Được, con có thể đến đó trong giờ nào đó và chỉ một giờ thôi, để cho những người trong gia đình khỏi tức giận, nhưng trong khi hành lễ con hãy cẩn thận, tuyệt đối đừng lập lại một lời nào mà con không biết, đừng lập lại một cách máy móc những lời của vị tăng sĩ, và con chớ để người ta làm thay con điều gì mà chính con có thể làm được - đó là những điều liên hệ đến những cuộc hành lễ và những sự ban ân huệ".

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 20

ĐỨC KHOAN DUNG

Con phải hết lòng khoan dung cho tất cả mọi người và có thiện cảm một cách chân thành đối với những tín ngưỡng của kẻ khác cũng như tín ngưỡng của con vậy, bởi vì Đạo của họ cũng như Đạo của con chỉ là một con đường dẫn đến Đức Thượng Đế. Và muốn giúp đỡ tất cả mọi người, thì con phải hiểu biết tất cả.

A. B. Đức khoan dung có thể là một trong những đức tánh mà người ta đề cập đến nhiều nhất hiện nay, nhưng mà lại thực hành ít nhất. Đó là một trong những đức tánh khó đạt được hơn hết, vì một tín ngưỡng càng ăn sâu vào trí não thì càng được xem là cao quý, và lẽ tự nhiên người ta càng muốn ép buộc kẻ khác phải tin theo. Sự gây hấn này phát sinh ra tất cả những sự ngược đãi và những chiến tranh tôn giáo công khai hay riêng rẽ. Nhưng sự gây hấn ấy còn khá hơn tánh lãnh đạm, thường được xem như là đức khoan dung. Tánh lãnh đạm không phải là đức khoan dung. Chớ nên lầm lẫn điều đó. Hiện nay, trong chính quyền rất ít xảy ra những sự ngược đãi; nhưng trong gia đình và ngoài xã hội vẫn còn nhiều. Ở vài xứ, sự tự do tư tưởng được thịnh hành thì chính quyền vẫn còn ngược đãi tôn giáo. Những nhà tự do tư tưởng bị ngược đãi đến nỗi ý định trả thù của họ trở nên quá mạnh. Lẽ dĩ nhiên, họ vi phạm những nguyên tắc của họ. Tôi hy vọng rằng đó là một phản ứng suông, hậu quả những sự ngược đãi của giáo phái đối với họ sẽ sớm chấm dứt.

Tinh thần ngược đãi vẫn còn nhiều trên thế giới và đôi khi chính phủ bắt buộc phải thực hiện sự khoan dung, như ở Ấn Độ chẳng hạn, để ngăn cản những sự rối loạn và bạo động. Tinh thần khoan dung lẫn nhau vẫn có giữa tín đồ của các giáo phái trong những xứ mà những tôn giáo khác nhau được quân bình ít nhiều. Lý do của sự khoan dung này là sự sợ sệt lẫn nhau. Như vậy sự khoan dung, dù đã có, hầu như luôn luôn bắt nguồn từ một tình cảm không mấy chính đáng.

Sinh viên Huyền Bí Học phải tìm cách phát triển lòng nhân từ; và lại người ta đạt được nó nhờ biết rằng Chọn Nhon trong mỗi người tìm con đường riêng biệt của mình. Chỉ có thái độ đó mới hợp lý thôi, vậy nên thừa nhận nó để cho đức khoan dung trở thành một đức hạnh được phổ cập khắp nơi. Chúng ta phải nhìn nhận rằng mỗi người có cách thức riêng của họ để tìm kiếm chân lý tối cao và họ phải được tuyệt đối tự do trong sự hành động đó. Điều ấy có nghĩa là chẳng những bạn không được cố gắng lôi cuốn một người nào theo tôn giáo của bạn, mà bạn cũng không được cố gắng bắt ai phải theo những lập luận và ý kiến của bạn hoặc bạn làm lay chuyển những tín ngưỡng thích ứng với nhu cầu của họ. Lòng hoàn toàn quảng đại này phải là mục tiêu của bạn. Những cực đoan không xa cách nhau đâu - một mặt là đại lượng, một mặt khác, người đời thường có ý khinh bỉ và cho rằng những vấn đề tôn giáo không có tầm quan trọng lớn lao, chúng chỉ đóng vai trò cảnh sát để giữ gìn con người trong vòng trật tự, họ cho điều đó là khoan dung. Tôn giáo của kẻ khác phải thiêng liêng đối với bạn, vì lẽ nó thiêng liêng đối với y. Các Đấng Cao Cả trong Quần Tiên Hội sẽ không nhận vào hàng Huynh Đệ của các Ngài bất cứ ai chưa có cái thái độ thật gần giống với nguyên tắc này.

C. W. L. Hiện giờ có lẽ sự khoan dung có nhiều hơn thời đại Đế Quốc La Mã và nó rất giống như sự khoan dung đã có hồi xưa. Người ta nhắc lại nhiều chi tiết lạ lùng về cách những người La Mã đối đãi với những người Thiên Chúa Giáo đầu tiên. Những sự sưu tầm thận trọng đã cho thấy rằng sự ngược đãi tàn ác nhất mà người ta đã nói đến nhiều thật không hề có. Nhưng quả thật người Thiên Chúa Giáo thường gây phiền phức cho mình. Tôi không muốn nói là trên vài phương diện, những ý niệm trong thời đó không phải là không dã man, nhưng những người Thiên Chúa Giáo đầu tiên hầu như có tinh thần hỗn loạn, vô chính phủ và khi họ xung đột với nhà cầm quyền, thì chẳng phải do tôn giáo của họ gây nên, mà do những lời nói và sự

hành động của họ. Những người La Mã không thừa nhận tình huynh đệ theo kiểu người Thiên Chúa Giáo đầu tiên thuyết giảng. Nó gần giống với những hình thức này: "Hãy làm anh em với tôi hoặc tôi sẽ giết chết anh". Trong vài trường hợp, họ từ chối tham dự vào những cuộc lễ nhỏ được xem như một bổn phận của người công dân. Họ không chịu rải một nhúm hương trên bàn thờ hoặc rót một giọt rượu để tỏ lòng tôn kính đối với Hoàng Đế. Những cử chỉ này cũng giống như việc giở nón chào tại Luân Đôn khi nhà vua đi qua. Đế Quốc La Mã khoan dung nhất trên đời đối với những tôn giáo khác. Người La Mã rất ít thắc mắc để tìm hiểu người ta thờ vị Thần Thánh gì, vì họ không tin vào sự hiện hữu của vị nào cả. Họ có xây một Vạn Thần miếu vĩ đại nơi đó họ lập đền thờ tất cả những Thần Thánh và khi họ thấy Đấng Christ được người ta tôn thờ, họ lập tức dựng hình Ngài. Nói chung sự khoan dung của họ chỉ là tánh lãnh đạm mà thôi.

Đa số những người La Mã thuở xưa đầu thai vào giống dân của nước Anh. Hiện nay có nhiều người khoan dung đối với mọi hình thức tín ngưỡng, vì họ không tin tưởng cái gì cả. Họ xem tôn giáo như một huyền thoại lý thú để giúp vui cho nữ giới, còn đối với phái nam, thì dĩ nhiên tôn giáo không phải là chuyện đứng đắn. Mục đích của chúng ta không phải là sự khoan dung như thế ấy. Đức khoan dung của chúng ta phải căn cứ trên sự thừa nhận rằng những tín ngưỡng của kẻ khác cũng đưa đến chỗ cao siêu. Khi vào đền thờ hay giáo đường của một tôn giáo khác với tôn giáo của mình, người thật có tinh thần khoan dung sẽ tuân theo những nghi thức đã được đặt ra, chẳng phải chỉ vì kính trọng tục lệ mà thôi, nhưng còn vì sự kính trọng đối với những tín đồ khác và đối với tôn giáo khác với tôn giáo của y. Có nhiều người khi vào nhà thờ lại từ chối việc bái chào trước bàn thờ và họ còn cần thận quay lưng lại. Tôi biết có những người thử đi vào một giáo đường Hồi Giáo mà không cởi giày. Người ta không có gì phải làm trong nhà thờ hoặc đền thờ của một tôn giáo khác, nếu người ta từ chối việc giữ gìn hạnh kiểm cách nào mà không làm méch lòng những tín đồ. Nếu bạn nghĩ rằng quỳ gối trước bàn thờ Chúa là việc không hay, thì không ai cấm bạn ở ngoài, nếu bạn cảm thấy việc cởi giày là một cái tội, thì không ai ép buộc bạn phải bước vào giáo đường của người Hồi Giáo.

Tất cả những người trên thế gian là những biểu hiện của Đại Ngã Duy Nhất. Vậy thì cái hình thức sự hoài vọng của kẻ khác đều phải được kính trọng. Lắm khi sự biểu lộ này có tính cách trẻ con, nhưng không một người nào tánh tình tốt mà lại nghĩ đến việc đưa nó ra giễu cợt hoặc cho nó như một điều tệ hại. Làm sao một trí khôn kém mở mang chia sẻ được cái thấy tự nhiên của một trí khôn đã phát triển cao hơn nó nhiều. Đức khoan dung

khiến chúng ta nói theo quan niệm của người La Mã thuở xưa như sau đây: "Tôi là người, thì không có cái chi thuộc về người lại xa lạ với tôi" và nó cũng khiến chúng ta cố gắng tìm hiểu quan điểm của kẻ đồng loại với mình. Ở đây như là sự luyện tập có tính cách cá nhân, nhưng phương pháp này chẳng bao lâu sẽ cho chúng ta thấy rằng Cái Trí con người có thể phản chiếu ánh sáng chân lý với nhiều khía cạnh khác nhau. Thế gian sẽ trở nên buồn tẻ, nếu mỗi việc đều phải làm một cách như nhau! Nó sẽ giống như cái ngục tù mà tất cả đều chỉ hoạt động cùng một giờ và cùng một cách thức.

Như bạn đã biết, chẳng hạn có vài điều phân biệt chính yếu giữa tâm trạng của người Thiên Chúa Giáo và người theo đạo Tin Lành. Mỗi bên xem xét Đạo của Chúa theo quan điểm riêng của mình, và đa số tín đồ hai phe đều hoàn toàn không hiểu nhau. Người Thiên Chúa Giáo áp dụng nguyên tắc cho rằng sự thờ phượng cử hành với nhiều nghi thức, về mọi phương diện, nó phải được uy nghiêm đúng mức để làm vinh hiển Đức Chúa Trời mà họ tôn thờ và cũng để gây sự cảm xúc trong lòng các tín đồ. Họ có cảm tưởng rất rõ rệt rằng lễ giáo, những nghi thức và vẻ huy hoàng của khung cảnh chung quanh đều có tác dụng trợ giúp mạnh nhất cho lòng sùng tín. Trái lại, những tín đồ đạo Tin Lành cho rằng tất cả những điều này xấu xa và ghê tởm, vì làm như thế trí khôn con người hiểu sai lầm ý nghĩa thâm sâu. Có lẽ, nếu phải dự tất cả những nghi lễ này, tâm trí của những người, theo đạo Tin Lành không thể giữ được ý niệm bên trong. Điều nào có thể gây tác dụng sâu xa đối với người Công Giáo, thì có thể là một sự phiền phức, một sự xáo trộn, một nguyên nhân hỗn loạn cho lòng sùng tín của người tín đồ đạo Tin Lành.

Nhiều người nhận rằng lòng sùng tín và sự khát vọng của họ còn mơ hồ, không vững chắc khi họ chỉ sử dụng phương thức thờ phượng trong tâm tư. Đối với họ hình thức bên ngoài là một sự trợ giúp lớn lao, tại sao không lợi dụng nó? Những người tìm thấy trong nghi lễ, hình tượng tranh ảnh, trong sự biểu lộ vật chất, một sự thỏa thích, một nguồn cảm hứng tuyệt vời, thì chắc chắn họ thuộc về một trong bảy cung vĩ đại của sự sống, một trong bảy con đường lớn lao đưa con người đến ngôi Thượng Đế. Những người nào không thích chi cả trong mấy chuyện ấy, chỉ thấy trong đó sự bứt rứt phiền hà và giải trí, thì họ theo đường riêng của họ. Vậy họ hãy vui thích với con đường riêng của họ. Tại sao lại khuấy rối họ?

Mỗi người vẫn nói ngôn ngữ của mình từ thời thơ ấu. Người ta cũng có thể nói, mỗi người diễn đạt ngôn ngữ đạo đức riêng của họ. Đó chính là phương thức mà những tư tưởng, tình cảm và khát vọng của y tự biểu lộ một cách dễ

dàng nhất. Khinh khi một người Pháp, vì ngôn ngữ của y khác với ngôn ngữ của chúng ta là một thái độ vô cùng phi lý. Điều này cũng phi lý như việc khinh khi một người khác tôn giáo với chúng ta. Người Pháp gọi "cái nhà" là "maison" thay vì "house". Ý nghĩa vẫn đồng nhất. Nếu y cho rằng danh từ này hay hơn danh từ kia thật là vô nghĩa. Điều này khiến chúng ta nhớ đến ông Lillyvick, nhân vật nổi tiếng trong truyện Nicolas Nickleby; sau khi học tiếng Pháp thấy water có nghĩa là "nước", thì ông tuyên bố rằng tiếng Pháp là ngôn ngữ nghèo nàn. Người ta cũng thuật lại trong thời kỳ chiến tranh Nã Phá Luân, một bà lão kia cầu xin Chúa cho người Anh thắng trận, và có một người kia nhắc bà rằng bên kia trời, người ta cũng cầu xin cho người Pháp được thắng trận, thì bà đáp rằng: "Cái đó không nghĩa gì hết. Làm sao Chúa hiểu họ được, khi họ nói những điều ngu xuẩn như thế"?

Không có lý do gì mỗi người không thể theo đuổi con đường thích hợp nhất với mình. Đó chính là con đường hay hơn hết đưa họ đến Thượng Đế. Sự bằng an và điều hòa chỉ có được khi nào cả đôi bên đều chấp nhận sự kiện này. Mỗi người phải nói rằng: "Tôi thích con đường của tôi, nhưng tôi hoàn toàn muốn mọi người cũng có đặc quyền như tôi và chọn lựa con đường tốt nhất đối với họ. Đòi hỏi điều ấy dường như không đáng kể, nhưng ít người bằng lòng như thế. Mỗi người phải tin rằng cái gì tốt nhất cho mình cũng phải tốt nhất cho kẻ khác. Một cái tâm trạng rộng rãi hơn phải nhận thấy rằng có nhiều con đường dẫn tới đỉnh núi và mọi người phải được tự do chọn con đường hấp dẫn nhất đối với mình.

Tôi phải thú nhận rằng, có một tâm trạng mà riêng cá nhân tôi, tôi khó lòng hiểu được, đó là lòng sùng tín hướng về Thượng Đế một cách rườm rà với đủ thứ danh từ môn trốn lầy trong thi ca tình tứ và tiểu thuyết. Điều đó làm cho tôi khó chịu, và tạo ra một cảm tưởng bất kính, vô lễ trong lòng tôi, dù tôi biết rõ những điều đó vốn chân thành và có dụng tâm tốt. Những người ưa thích sự sùng tín đó chắc chắn là cho tôi lãnh đạm và không hiểu ý nghĩa của câu văn vì tôi suy xét mọi việc theo lương tri, tôi suy luận và tìm hiểu về chúng.

Trong mọi tôn giáo, những tác phẩm viết về lòng sùng tín cho một hạng người tư tưởng cao siêu đều giống nhau rõ rệt. Chẳng hạn bạn so sánh những tác phẩm quen thuộc của người Công Giáo La Mã với tác phẩm thường dùng của những tín đồ Đức Ramanou-jacharya thì bạn sẽ nhận thấy chúng thật giống nhau. Và lại, đời sống của một người Thiên Chúa Giáo tốt lành cũng giống như đời sống của một người Ấn Giáo, Phật Giáo, Hồi Giáo hay đời sống của một người tốt thuộc về bất cứ tôn giáo nào. Tất cả đều thực hành

những đức tánh tốt giống nhau và chừa bỏ những tật xấu như nhau.

Nhưng muốn có lòng hoàn toàn khoan dung, trước hết con hãy tự giải thoát ra khỏi thói mê tín [72] và tin dị đoan.

A. B. Mê tín là cho ý kiến riêng của mình có giá trị chứ không đếm kể đến ý kiến kẻ khác. Một lần kia, có một bà thật tử tế nhưng cũng rất mê tín, vì thuộc phái Tân Giáo hẹp lượng nhất, nói với tôi rằng bà không bao giờ đọc một tác phẩm viết không đúng với những ý niệm của tôn giáo bà. Đó là sự tin tưởng của người mê tín: không hề đọc một ý kiến nào khác và e rằng nó sẽ làm lung lay ý kiến của mình. Kẻ đi tìm chân lý muốn sống một cuộc đời cao thượng phải có một quan niệm trái hẳn lại. Y cố gắng đọc tất cả những tác phẩm thuộc về vấn đề nào đó, để thấy bao nhiêu khía cạnh khác của ánh sáng chân lý chiếu vào trí óc con người và do nó mà bị khúc xạ. Muốn đạt được chân lý, bạn phải nghiên cứu tất cả những quan điểm, tất cả những ý kiến dị biệt, rồi đồng hóa ít nhiều yếu tố chân lý chứa đựng trong đó.

Học hỏi những sự dị đoan cũng là điều tốt, vì Kinh Upanishad có nói một câu rất hay như sau: "Sự chiến thắng chỉ thuộc về chân lý mà thôi, chứ không phải thuộc về sự giả trá". Sức mạnh của sự dị đoan do một mảnh chân lý mà nó chứa đựng bên trong tạo nên. Chúng ta phải khám phá mảnh chân lý đó. Dĩ nhiên, kẻ mê tín chỉ thấy sự giả trá mà thôi. Còn quý bạn, quý bạn phải biết những khái niệm của tất cả những tôn giáo và phải nghiên cứu chúng không phải như nhà truyền giáo, nhưng với tinh thần thiện cảm. Bạn cũng nên tuân theo nguyên tắc này trong các vấn đề chính trị và xã hội.

Phải diệt trừ sự dị đoan được xác nhận trong phần cuối của quyển sách này như một trong ba trọng tội, gây tai hại nhất cho con người, vì nó là tội trái nghịch nhất với tình thương. Ở dưới trần thế tôn giáo và sự dị đoan vẫn bị lẫn lộn, nên cần phải có sự phân biệt trong trí óc chúng ta bằng một định nghĩa rõ rệt. Định nghĩa mà tôi thích nhất - dù nó không được khá tổng quát - là thế này: tính dị đoan lấy cái không cốt yếu mà làm điều cốt yếu, lấy cái phụ thuộc mà làm điều quan trọng. Trong cuộc tranh luận về tôn giáo, người ta biện bác về một điểm không trọng yếu và mỗi bên thường tiêu biểu cho một sự hiểu lầm chân lý khác nhau.

Một định nghĩa khác về sự dị đoan như sau - định nghĩa này cũng không được hoàn toàn - Sự dị đoan là một niềm tin không có căn bản hợp lý. Thế nên nhiều chân lý trở thành dị đoan đối với những ai có sẵn chúng nó bởi vì họ không có một lý do chính đáng và tốt đẹp để tán đồng chúng nó.

Đức Thế Tôn có nói rằng chỉ có một lý do đáng cho bạn tin tưởng một việc gì là khi nào nó phù hợp với lý trí và lương tri của bạn và như thế người ta mới có thể nói rằng riêng bạn đã hiểu được điều đó. Chúng ta hãy áp dụng tiêu chuẩn này, chúng ta sẽ thấy phần lớn tôn giáo của hầu hết nhân loại phải gọi là dị đoan. Đối với những người này thì không quan hệ mấy, nhưng đối với những người cố gắng đi tới Đường Đạo, tất cả những gì không được kiểm chứng bằng trực giác hoặc lý trí phải tạm thời gác qua một bên. Khi nào quan năng siêu việt của bạn phát triển thì nó liền nhận ra Chân lý ngay, bạn còn có thể đồng hóa với Chân lý luôn luôn nhiều hơn. Bây giờ một sự tin chắc sâu xa nảy sinh ở bạn và khi một Chân lý hiện đến với bạn, bạn sẽ nhận ra nó. Quan năng Bồ Đề [73], ấy là lý trí thuần túy. Chúng ta phải lấy tiêu chuẩn này kiểm soát tất cả những sự tin chắc của mình, bởi vì phần lớn những gì chúng ta đã thừa hưởng đối với chúng ta đều là dị đoan. Rồi khi mà đối với chúng ta cách tư tưởng này trở thành thói quen thường lệ, thì chúng ta sẽ thoát khỏi sự dị đoan và phát triển đức khoan dung.

C. W. L. Đôi khi trí độ con người bị sự dị đoan chi phối mãnh liệt, nên có khi người ta nói rằng sự dị đoan không thể tách rời khỏi tôn giáo. Thật ra, có nhiều sự lầm lẫn trong tư tưởng đạo đức mà đa số đều phi lý, nhưng một tín ngưỡng được truyền bá rộng rãi, thì chắc nó dựa vào một mảnh nhỏ chân lý. Nói một cách tổng quát, những sự dị đoan chẳng phải chỉ là những điều bịa đặt, ấy là những sự kiện bị biến dạng hay bị phóng đại quá lớn. Một hôm, Bà Chánh Hội Trưởng của chúng ta có kể một thí dụ về sự dị đoan ở Ấn Độ mà người ta đều biết. Một Thánh nhân kia có nuôi một con mèo, nó rất mến ông, đến nỗi mỗi khi hành lễ ông phải cột con vật dưới chân giường để nó đừng quấy rầy ông. Thấy thế, người ta kết luận rằng sự thận trọng đó là một phần cốt yếu của việc hành lễ. Thời gian qua, sự hành lễ bị lãng quên và chỉ còn lại một di tích là theo tục lệ phải cột con mèo dưới chân giường.

Những Pháp Sư và những tu sĩ Do Thái Pharisiens bị Đấng Christ tố cáo là nhà đạo đức giả và vì họ như những ngôi mộ trắng tinh chứng tỏ sự dị đoan của họ về loại đó. Đức Chúa nói họ trả thuế thập phân cho cây bạc hà, cây hồi hương và cây chà là, vì họ buộc phải trả thuế thập phân tất cả những gì

họ có, họ tính tỉ mỉ những món thực phẩm vụn vặt như tiêu, muối, nhưng họ hoàn toàn quên đi phần quan trọng hơn cả qui luật công bằng, lòng trắc ẩn và đức tin.

Sự dị đoan trong ngày chúa nhật làm hại vài vùng ở Anh Quốc, nhất là tại xứ Tô Cách Lan; ở đây ngày chúa nhật buồn không thể tả. Ý định đầu tiên là giảm đến mức tối thiểu công việc làm ngày chúa nhật để biến ngày ấy thành ngày hiến dâng cho sự lợi ích tinh thần. Tuy nhiên, vấn đề phụng sự Thiên liêng đã đi vào hậu cảnh, người ta thường thấy ngày này là ngày say sưa, phóng túng nhiều hơn trong tuần. Đây đúng là lấy việc phụ thuộc làm điều trọng yếu. Bởi vì ít nhất là có một ngày mà người ta cho là ngày đạo đức, nên người ta thường tin rằng những ngày khác không tuân theo những giới răn và lý tưởng đạo giáo thì cũng không quan trọng gì cả. Tôi để ý những người không theo luật ngày chúa nhật - như người Ấn Độ, người Phật giáo và những kẻ theo tôn giáo khác - họ sống một cuộc đời đạo đức đến một mức độ mà người ta không thấy điều đó ở những người Thiên Chúa Giáo. Tôi không nói rằng tất cả những người này đều có đức hạnh mà tất cả những người Thiên Chúa Giáo cũng không phải đều có đức hạnh, nhưng tôn giáo có ảnh hưởng đối với họ mạnh hơn người Thiên Chúa Giáo trung bình. Người Công Giáo bậc trung thường chỉ nghĩ rằng việc đi nhà thờ một lần mỗi tuần thì đã làm tròn bổn phận đạo đức của mình rồi.

Bà Chánh Hội Trưởng của chúng ta cũng cho một định nghĩa về sự dị đoan như sau: đó là sự tin tưởng không có nguyên do hợp lý. Tin vào sự xoay tròn của quả địa cầu, sự hiện hữu của những miền xa xôi mà chúng ta chưa thấy, sự thật về những nguyên tử và điện tử hoàn toàn vượt khỏi tầm nhãn quan của chúng ta, là điều thật hợp lý, vì chúng ta có những lý do vững chắc để tin tất cả điều đó. Nhưng mà những sự tin tưởng của người bình dân không thuộc về loại này. Niềm tin thông thường của người Thiên Chúa Giáo về hỏa ngục đời đời là hình phạt vĩnh viễn chỉ là một sự dị đoan độc hại đặc biệt. Nó không căn cứ trên một nền tảng hợp lý nào, nhưng nếu bạn đề cập điều đó với người Thiên Chúa Giáo trung bình, thì y sẽ cho bạn là kẻ vô thần và sẽ trách bạn chế nhạo tôn giáo y. Người đầu tiên gây sự tin tưởng đó có thể tin như thế không? Nhưng sau y, hàng triệu người đã tin tưởng và bởi đó chắc chắn họ tin dị đoan.

Theo quan điểm Thiên Chúa Giáo điều quan trọng duy nhất do vấn đề này trình bày là nó căn cứ vào lời của Đấng Christ đã nói. Tôi tưởng có tám đoạn trong đó người ta cho rằng Ngài đề cập đến sự hình phạt đời đời. Vậy rất dễ mà chứng tỏ rằng không có một đoạn nào đề cập đến tư tưởng của dân

chúng về hỏa ngục. Về vấn đề này có một quyển sách nổi tiếng nhan đề *Salvator Mundi*, do một Mục sư người Anh là Samuel Cox viết. Vị này phân tích thật kỹ lưỡng bản văn Hy Lạp đầu tiên thuật lại lời của Đấng Christ và chứng minh một cách dứt khoát rằng không có một bản kinh nào cho phép chúng ta tin tưởng về một sự hình phạt đời đời. Chắc chắn việc này không có một nền tảng hợp lý nào cả, vì nếu Đức Chúa Trời là một Đấng Cha Lành, thì sự tin tưởng như thế không thể chấp nhận được.

Người ta có thể nghĩ rằng với thời gian, những người Thiên Chúa Giáo ngày nay đã tự giải thoát khỏi sự dị đoan khủng khiếp ấy đã từng gây tại hại vô cùng cho nhân loại, nhưng có hàng triệu người còn tin tưởng sự dị đoan đó và nó còn được giảng dạy. Gần đây tôi có thấy cuốn giáo lý cương yếu Công Giáo La Mã để cho trẻ con dùng, những ý tưởng xưa liên hệ đến địa ngục, nơi xảy ra những hình phạt đời đời cũng được trình bày một cách điên rồ ở quyển đó cũng như trong thời quá khứ. Về những gì giảng dạy cho thiếu nhi, chúng ta có thể tưởng rằng chúng ta đang ở vào thời trung cổ còn thô tục hết sức. Thật không có gì đáng buồn hơn nữa. Nhiều dòng Thiên Chúa Giáo tự vượt lên khỏi những ý niệm như thế, nhưng những dòng cổ kính và quan trọng nhất còn giữ kỹ những giáo điều thời Trung Cổ. Đôi khi người ta may mắn gặp được những vị linh mục biết giải thích tất cả những điều này giống như chúng ta giải bày giờ đây, nhưng nguyên văn mà họ dạy những thiếu nhi thì hoàn toàn ghê tởm và phạm thượng. . . . Chính lúc chúng mới bắt đầu bước vào cuộc đời, người ta dạy chúng một ý niệm hết sức đáng buồn về Chúa Trời; đó là làm cho đời sống và trí khôn của chúng bị nhiễm đầy sự sợ hãi và hung ác làm hại tánh tình và sự tiến hóa của chúng.

Giáo lý của Đức Phật về đức tin và lý trí mà tôi đã kể ra là một giáo lý tuyệt đẹp. Sau khi Phật tịch diệt, Giáo Hội nhóm họp để lựa chọn trong tất cả những câu chuyện mà người ta gán cho Ngài, những lời nào đáng gọi là xác thực. Và trước tiên Giáo Hội đề ra nguyên tắc này: "Cái gì trái với lý trí và lương tri, thì không phải là giáo lý của Phật". Những nhân viên của Giáo Hội bác bỏ tất cả những gì không thỏa mãn trên phương diện này, và nói rằng: "Điều này hiển nhiên là trái với lương tri. Phật không hề nói như thế đâu". Có thể họ đã gạt bỏ một hai điều mà họ không hiểu, nhưng họ tránh được cho tôn giáo của họ không biết bao nhiêu điều dị đoan. Những vị khai sáng các tôn giáo lớn, trừ Mahomet, không hề viết lại giáo lý của mình. Tuy nhiên, người ta nói Đức Phật có viết một quyển sách hiện giờ được Tiên Thánh giữ gìn chớ không có truyền bá ra ngoài đời [74]. Thường thường, ba bốn thế hệ trôi qua, các giáo lý mới được trình bày dưới hình thức sách vở,

vả lại sách này là sự sưu tập từ nhiều nguồn tài liệu. Chẳng hạn, như trong sách Isaie, các học giả uyên bác đã khám phá tám truyền thông nhập lại, có ba ông Isaie liên tiếp, một ủy ban và còn nhiều việc khác nữa. Một tôn giáo suy tàn khi nào các nhà biên soạn không viết ra những điều họ biết, mà viết lại những điều họ nghe, rồi sinh ra tranh luận về những điểm nhỏ nhặt.

Còn một nguyên nhân lộn xộn khác nữa là khi một tôn giáo mới xuất hiện, nó bao phủ tôn giáo đã có trước như một lượn sóng chinh phục nhưng không làm cho chúng phải phai mờ. Một vị tướng khôn ngoan, khi chinh phục một xứ mới, ông tìm cách làm cho những luật lệ của ông thích ứng với dân tộc bại trận hầu tránh sự xáo trộn đến mức tối thiểu. Vậy những tôn giáo mới cũng phải thích ứng với nhiều dân chúng dị biệt, họ sẽ thừa nhận chúng. Thế nên người Trung Hoa và Nhật Bản vẫn thờ phượng tổ tiên và giữ sự cúng tế cổ truyền theo lối Thần Đạo (Shinto) của họ, nhưng thêm vào đó luân lý của Đức Phật. Còn ở Tích Lan, tôn giáo đã mang một tính cách duy vật, người ta cho rằng không có cái chi trong con người được truyền lại từ kiếp này qua kiếp khác, trừ ra nghiệp quả của y. Tuy nhiên, người ta lại nói về những tiền kiếp và họ hy vọng được nhập Niết Bàn trong một kiếp tương lai. Người Thiên Chúa Giáo cũng thừa nhận các ngày lễ đặc biệt của những quốc gia mà tôn giáo của họ được truyền bá, họ tìm tên những vị Thánh Công Giáo đặt cho chúng.

Vậy truyền thống xưa đã lưu lại những di tích ở khắp nơi: vũ điệu ma quái ở Tích Lan, sự thờ phượng Nữ Thần Kali bên Ấn Độ, vân vân. . . . Đôi khi chúng được xem như là những tôn giáo chơn chánh và thành ra một nguồn dị đoan to tát. Người ta có thể nhận ra chân lý trong một ý niệm không thể giải thích bằng lý luận: đó là khía cạnh khác của vấn đề, Chơn Nhơn biết và các Ngài có những lý do vững chắc. Nhưng luôn luôn không có thể ghi những lý do này vào bộ óc xác thịt, chỉ có một sự việc đã thu thập được: Ấy là Chơn Nhơn biết. Một chân lý mới đem trình bày cho chúng ta, chúng ta có thể biết tức khắc là mình có thể tiếp nhận nó hay không. Đây không phải là sự dị đoan, mà chính là một sự tin chắc sâu xa mãnh liệt. Tôi không tin rằng có người cảm thấy sự tin chắc như thế về vấn đề âm phủ. Những người tin về hỏa ngục đời đời vì người ta đã dạy họ như thế. Nhưng người ta nói phải chăng điều này có phải là hy sinh lý trí cho trực giác chăng? Và cũng nên nhớ rằng ở đây danh từ Bồ Đề mà chúng ta dịch là "trực giác", thì ở Ấn Độ được gọi là "lý trí thuần khiết". Đó là lý trí riêng biệt của Chơn Ngã, cao hơn lý trí của chúng ta ở dưới những cảnh thấp.

Rồi Đức Thầy nhắc lại cho những thí dụ liên hệ đến vấn đề dị đoan như sau:

Con phải tập hiểu rằng chẳng có sự cúng tế nào cần thiết cả, bằng không, con sẽ tưởng rằng con giỏi hơn những người nào không cúng tế. Nhưng con cũng đừng lên án những ai còn thích cúng tế. Hãy để họ làm theo ý họ muốn. Nhưng họ cũng phải để cho con được tự do vì con đã biết chân lý rồi. Họ không nên dùng cường lực ép con phải trở lại chỗ con đã vượt qua khỏi. Hãy rộng lượng và nhân từ trong mọi việc.

C. W. L. Nếu Đức Thầy đã nói một cách nghiêm khắc về vấn đề lễ bái, có lẽ đời sống của những thanh niên thượng lưu - thuộc về giai cấp Bà La Môn - mà Alcyone thuộc về giai cấp ấy - bắt đầu trải qua đầy đủ những lễ bái, đúng vào lúc chúng đồng một tuổi với Alcyone bấy giờ. Trong thời kỳ đó, người thanh niên tự cho mình là quan trọng trong những cuộc tế lễ này, bởi vì nó được chú ý rất nhiều trong khi hành lễ Upanayana hay lễ điếm đạo để ban cho nó tất cả đặc quyền của giai cấp nó. Đời sống của một người Bà La Môn chính thống đầy những lễ bái, chẳng hạn như phải làm những cử động, phải đọc những đoạn kinh trong lúc thức dậy, lúc tắm, lúc ăn và hầu hết trong mọi hành vi hằng ngày. Có lẽ những người thân cận với Alcyone tìm cách bắt em phải tuân theo tất cả những điều này một cách cẩn thận vì sợ rằng sự giáo dục tân tiến và những người bạn Âu Châu của em làm em chuyển hướng đối với lễ bái cổ truyền của quốc gia. Thế nên Đức Thầy muốn bảo vệ đệ tử của Ngài nên Ngài nói rằng những lễ bái này không tuyệt đối cần thiết. Dù Alcyone có tuân theo hay không tuân theo, em cũng phải giữ mình đừng để làm lạc và ngông cuồng tưởng rằng điếm này em cao hơn kẻ khác.

Sự hành lễ bên Thiên Chúa Giáo khác với sự hành lễ của người Ấn Độ và Phật Giáo, vì thường thường có nhiều người dự vào. Bên Ấn Giáo và Phật Giáo sự hành lễ hầu như luôn luôn có tính cách cá nhân, còn bên Thiên Chúa Giáo đặc biệt nhất là có tính cách tập thể. Tất cả những sự hành lễ này đều không cần thiết (chỉ trừ những người thấy chúng nó cần thiết cho bản tính mình). Tuy nhiên chúng là một hình thức khoa học, và áp dụng những phương thức hoàn toàn chính xác đối với những mãnh lực thiên nhiên thuộc về cõi tinh thần.

Thần lực có thể ban rải xuống cõi trần bằng nhiều cách. Phương thức áp dụng trong lúc hành lễ Mi-Sa, lễ Ban Thánh Thể hay lễ dâng mình Thánh Chúa do Đấng Khai Sáng Thiên Chúa Giáo [75] đã tạo ra để phân phát cho

con người qua Giáo Hội của Ngài những thần lực ở mấy cõi cao mà người ta gọi là ân điển của Thiên Chúa. Những thần lực này thuộc về các cõi trên, dĩ nhiên chúng nó là những lực Siêu Phàm nhưng không phải vượt qua ngoài thiên nhiên. Ngài muốn cho vị linh mục, dù bản tính thế nào, cũng phải làm một con kinh ban rải thần lực trong lúc hành lễ. Nếu vị linh mục thật sự là người có đức hạnh hết lòng sùng tín và phụng sự thì điều đó rất tốt. Nhưng trong mọi trường hợp các sự xếp đặt đều phải bảo đảm cho cuộc hành lễ mang lại một hiệu quả tốt đẹp cho những người dự lễ. Sự thiết lập toàn thể Thiên Chúa Giáo gồm nhiều nhà thờ rải rác khắp nơi trong xứ để ân huệ tuôn xuống được ban rải cho mỗi người. Việc hành lễ này vô cùng hữu ích cho hằng triệu người, nhưng nói rằng nó cần thiết cho sự cứu rỗi linh hồn, thì sẽ là điều dị đoan.

Những cuộc tế lễ khác nhau thu hút được nhiều thứ thần lực. Dầu mức độ tinh thần của chúng ta thế nào đi nữa, tất cả đều tuân theo những định luật thiên nhiên. Vậy nếu sự hoạt động tốt đẹp của chúng tác động tại cõi trần, thì chúng phải có một cơ cấu vật chất để hành động. Về điện khí cũng vậy. Điện lực bao giờ cũng hiện hữu ở khắp nơi chung quanh chúng ta, nó luôn luôn hoạt động, nhưng nếu bạn muốn dùng nó vào một công việc đặc biệt, trong những điều kiện riêng và ở một nơi nào đó, thì bạn phải chuẩn bị một cái máy vật chất sẵn sàng để dùng cho sự hoạt động của nó.

A. B. Đức Thầy nói rằng những cuộc tế lễ không cần thiết. Tất cả tôn giáo đều nhìn nhận sự thật này. Bên Ấn Độ, người cao cả nhất và được mọi người tôn trọng nhất là tu sĩ Sannyasi, y không thực hành một cuộc tế lễ nào cả. Y cắt đứt và xóa bỏ sợi Kim Thằng [76] - mà trước đây là vật quý báu nhất của y nhận được trong thời kỳ tráng niên, lúc chứng lễ thụ pháp của giai cấp y - sợi dây mà y phải mang suốt đời như một biểu hiện linh thánh nhất cho tới khi nào y trở thành tu sĩ Sannyasi.

Sự tế lễ chỉ cần thiết khi nào con người chưa đạt được sự hiểu biết, chưa có kiến thức chân thật và còn nhờ nó tạo ra những cảm xúc tốt lành, một tinh thần an tĩnh và những sự phấn khởi thanh cao. Đại đa số người đời chưa tiến hóa, họ cần được sự giúp đỡ bằng mọi phương tiện. Vậy không một vị Hiền Triết nào lên án sự tế lễ, dù nó không cần thiết đối với họ. Quyển Thánh Ca Bhagavad Gita là phúc âm của tu sĩ Sannyasi, mà chúng ta thấy trong đó mấy lời này: "**Bậc hiền nhân không nên làm rối trí kẻ vô minh còn quyền luyến sự hành động nhưng nếu họ hành động trong sự hòa hợp với Ta,**

thì họ phải làm cho mọi sự hành động đều được vui thích, hấp dẫn"

[77]. Trẻ con mới tập đi phải nương tựa vào tất cả những gì khá vững chắc như ghế, chân bàn hay là vách tường, để đứng lên được. Vậy sự tế lễ cũng giống như chỗ nương tựa để giúp người còn yếu đuối đứng một mình. Sự tế lễ càng trở nên tinh vi hơn, đẹp đẽ hơn và có tính cách tượng trưng hơn đáng cân xứng với sự tiến hóa dần dần của con người. Sau cùng, con người tiến đến giai đoạn mà sự tế lễ không còn hữu ích nữa; rồi y bỏ rơi nó luôn. Muốn đừng tế lễ thì có hai điều, hoặc cao hơn chúng, hoặc thấp hơn chúng.

Trách nhiệm chọn lúc từ bỏ sự tế lễ không thể quyết định với người nào cả; mỗi người phải quyết định lấy. Không ai chịu trách nhiệm chỉ định lúc nào một người kia phải trở thành một đạo sĩ Du Già (Yogui). Đối với sự tế lễ cũng thế chúng ta không được chỉ trích một người quyết định từ bỏ sự tế lễ hoặc còn thích theo đuổi công việc đó. Đôi khi, biết rằng sự tế lễ không cần thiết đối với mình nữa, nhưng một người kia vẫn tiếp tục hành lễ, chỉ vì địa vị y trong Giáo Hội. Chỉ có y mới chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của y. Vậy chúng ta không nên khiển trách những người hành lễ, cũng như những người không tham dự.

Sự tế lễ vừa nguy hiểm, vừa trợ giúp. Ấn Độ Giáo cổ đại nghiêm cấm đọc vài thứ thần chú trước đám đông người; chẳng phải không cho họ hưởng một lợi lộc nào, mà để tránh sự tai hại cho một số người do vài cách rung động của thần chú tạo ra. Đó là lý do tại sao Đức Bàn Cổ lập ra luật chỉ cho những người Bà La Môn trí thức và có đạo hạnh mới được mời dự lễ Shraddha thôi. Một người kia sẵn có một quyền năng nào đó, nhưng không rõ lúc nào nên dùng và lúc nào nên giữ, nếu y tham gia một cuộc tế lễ, y sẽ truyền thần lực vào những câu thần chú có thể làm hại những người tham dự. Vậy nên cẩn thận, nếu quyền năng này bắt đầu biểu hiện, thì phải tránh xa họ đi. Chẳng hạn như khi tôi dự lễ Shraddha ở Gaya, tôi nhận thấy nếu tôi thêm thần lực của tôi vào thì có thể làm hại các tăng sĩ, vì họ đọc nhiều câu thần chú vô cùng mạnh mẽ. Còn riêng phần họ, họ không tạo được ảnh hưởng nào cả vì thiếu sự hiểu biết và sống không có qui củ lắm. Bà Blavatsky khuyên các sinh viên huyền bí học chớ nên dự vào đám đông, trừ khi nào họ có thiện cảm hoàn toàn với quần chúng, không phải vì đám đông ảnh hưởng đến hào quang của họ, mà vì thần lực của họ có thể làm hại đám đông hơn là làm lợi. Trong những trường hợp đó, một người hiểu biết có thể xét đoán rằng tốt hơn mình nên xa lánh vài thứ lễ bái, còn người không hiểu cách đọc thần chú để cho thần lực hoạt động; thần lực này có thật trong lời nói, thì có thể dự lễ mà không làm hại chút nào những người tham dự dù họ là hạng người nào.

Bây giờ con đã sáng mắt, vài tín ngưỡng và vài cách tế lễ của con trước kia có thể dường như phi lý. Có lẽ chúng nó phi lý thật. Tuy nhiên, dù con không thể tham dự vào việc cúng lễ nữa, con cũng phải kính trọng chúng, vì tình thương đối với những linh hồn từ thiện còn cho những việc ấy là quan trọng. Những sự tế lễ này có chỗ hữu dụng và lợi ích của chúng. Chúng giống như những hàng đôi đã giúp con hồi con còn bé viết cho ngay hàng và đều đặn, cho tới khi nào con viết tốt hơn và dễ dàng hơn mà không nhờ đến chúng nữa. Hồi trước có một lúc con cần dùng chúng, nhưng bây giờ, thời kỳ ấy đã qua rồi.

A. B. Khi chúng ta càng lớn tuổi và càng hiểu biết, vẫn có vài chuyện mà trước kia chúng ta tin tưởng, thì bây giờ lẽ tự nhiên chúng có vẻ hư ảo và cũng phi lý nữa. Tuy nhiên chúng ta còn có thể nhìn chúng một cách nhân từ và có thiện cảm, như chúng ta nhìn một em bé gái vui đùa với bó giẻ rách mà em cho là con búp bê. Về một phương diện nào đó, hành vi ấy khá khôi hài, nhưng nó mang đến cho em một sự lợi ích lớn lao, vì nó làm nẩy nở mẫu tính của em. Em bé gái không nhìn thấy giẻ rách, mà lại thấy một đứa trẻ. Trong khi nâng niu, săn sóc đứa con tưởng tượng của em, em tập phát triển tình âu yếm và sự che chở của một bà mẹ, sự săn sóc những kẻ yếu đuối, thế cô. Vậy khi chúng ta mỉm cười với em bé này tức là chúng ta đã cười một cách rất âu yếm, và rất dịu dàng. Đối với những tín ngưỡng, những cuộc tế lễ của chúng ta lúc trước cũng thế, chúng có một vị trí trong đời sống của chúng ta và chúng ta có sự lợi ích riêng của chúng.

Một bộ lạc đã man cử hành sự tế lễ dường như hoàn toàn phi lý đối với chúng ta - như Ấn Độ người ta thường thấy một miếng giẻ treo trên một nhánh cây trong một làng thay thế cho vật cúng tế - chúng ta đừng khinh khi cách biểu lộ lòng sùng tín chất phác của người dã man hay người dân làng đó. Dưới con mắt họ, những đồ tế lễ hèn mọn này cũng quan trọng như những đồ vật cung hiến quý giá nhất của chúng ta. Kỳ thật, cũng là đồng một tinh thần.

Những lễ vật bên ngoài đều không cần thiết. Chỉ có một thứ đáng được thu nhận là lễ vật của tâm hồn. Và sau khi lễ vật tâm hồn đi đôi với lễ vật hèn mọn nhất, thì sự hiến dâng này đáng thu nhận. Do đó quyền Thánh Ca Gita

nói rằng: "**Bất cứ là *cái gì người ta cúng dường cho ta với lòng sùng tín như một lá cây, một cái bông, một trái cây hay một chén thuốc, ta cũng thu nhận như lễ vật của một người tôi hiền dâng với tình thương***" [78].

Thật là khắc nghiệt và thiếu tình Huynh Đệ khi mà làm cho những người cúng dường này ngã lòng, thí dụ như giứt miếng giẻ trên cây liệng đi mà đòi khi người ta đã làm. Thái độ này chứng tỏ rằng chúng ta không có tinh thần thuần nhất.

C. W. L. Phải luôn luôn tỏ ra dịu dàng và tử tế với tuổi thơ, tuổi thơ của cá nhân cũng như tuổi thơ của loài người trong thời kỳ hiện tại. Bà Chánh Hội Trưởng của chúng ta có nói đến một em bé gái chăm nom một bó giẻ và nó cho rằng nó cầm trong tay một con búp bê. Dĩ nhiên, đây chính là một sự dị đoan, nhưng đồng thời không ai nghĩ đến việc nổi giận hay la rầy đứa trẻ. Tại cội trần, quả thật là một bó giẻ, nhưng trong trí tưởng tượng của trẻ con có thể là một sinh vật, có đủ các thứ tánh tình. Chúng ta không thể làm xáo trộn tư tưởng trong trí của trẻ con mà không làm hại đến sự mở mang những tình cảm tốt đẹp của nó đang phát khởi.

Bà cũng nhắc đến tập quán của người dân Ấn Độ, đôi khi cột một miếng giẻ vào một cái cây để hiến dâng cho Thượng Đế. Mục đích việc ấy, nhà truyền giáo Thiên Chúa bậc trung sẽ vô cùng phẫn nộ và thái độ ấy chỉ chứng tỏ sự thiếu hiểu biết của họ, vì vật tế lễ được hiến dâng với tất cả lòng chân thành. Xét một cách tương đối, linh hồn còn non nớt và trẻ trung hành động theo một ý hướng tốt lành. Vậy chúng ta hãy xem việc làm đó như con búp bê bằng giẻ rách đúng với ý nghĩa của nó. Người dân làng rải một chút nước thay vì rải rượu hoặc dâng một cái hoa - quả thật đó là một vật hiến dâng hèn mọn - nhưng tại sao khinh rẻ nó? Chính Đấng Christ đã nói: Kẻ nào nhân danh Ngài mà cho một ly nước lạnh thì cũng sẽ nhận được sự ban thưởng của nó. Cũng nên nhớ rằng một dân tộc nào dù sơ khai nhất, cũng không được xem tượng cốt hoặc hình thể là sự thật, mà tất cả đều có ít nhiều cảm giác về Đấng Thiêng Liêng do chúng biểu hiện.

Ngày kia, một vị Đại Huấn Sư có viết như sau: "Hồi tôi còn trẻ con , tôi nói như đứa trẻ con, tôi suy nghĩ như đứa trẻ con, nhưng khi tôi thành người lớn, tôi bỏ hết các thói trẻ con"[79]. Tuy nhiên, kẻ nào quên thời

thơ ấu của mình và mất thiện cảm với trẻ con thì không thể dạy dỗ chúng và giúp đỡ chúng được. Vậy con hãy xem mọi người với lòng nhân từ, dịu dàng và khoan dung, và xem ai nấy như nhau, dù họ là người Phật Giáo, người Ấn Giáo, người Hỏa Thần Giáo (Djainistes) hoặc người Do Thái, người Công Giáo hay là người Hồi Giáo cũng vậy.

A. B. Bạn sẽ thấy ở đây một định nghĩa chính xác về nhà Huyền Bí Học ấy là người không quên tuổi ấu thơ của mình. Khi đã trưởng thành, y nhớ những kinh nghiệm đã thực hành và như vậy y có thể giúp đỡ mọi người. Muốn phát triển năng lực thiện cảm đối với mọi người và sẵn sàng giúp tất cả, thì việc làm tốt nhất là hãy biến đổi tư tưởng đạo đức của bạn thành những ngôn từ của một tôn giáo công truyền nào đó rồi cho tư tưởng của bạn nhập vào trong những dụng ngữ đặc biệt của nó. Tất cả chúng ta đều có một ngôn ngữ để dùng riêng cho mình, cho đến khi nào chúng ta có một ngôn ngữ chung, mà mọi người đều hiểu. Các sinh viên nên học một ngôn ngữ hay một tiếng nói khác với tiếng nói của mình. Những ai thụ hưởng nền giáo dục của Thiên Chúa Giáo có thể tập nói hoặc suy tư theo danh từ Ấn Giáo. Rồi họ tập xét đoán nhiều vấn đề theo quan điểm Ấn, và họ sẽ ngạc nhiên mà thấy biết bao sự sai biệt với ý tưởng của họ trước kia. Cũng thế, người Ấn Giáo cũng có thể tập nói và suy tư theo những danh từ mà người Công Giáo đã dùng.

Đức Ramakrishna Paramahansa là Đạo Sư của ông Swami Vivekananda, đã luyện mình theo qui luật ấy. Ông liên tiếp chọn nhiều tôn giáo rồi tuân theo phương pháp và sự thực hành theo mỗi tôn giáo trong một thời gian. Chẳng hạn khi chọn Thiên Chúa Giáo, ông cầu nguyện như một người Công Giáo, suy tư theo danh từ Công giáo, ăn mặc theo người Công Giáo. Theo lối đó, ông đã đi từ tôn giáo này sang tôn giáo khác để tập hòa đồng với mỗi tôn giáo và lợi dụng tất cả phương tiện tượng tượng bên ngoài hầu dễ bề cố gắng. Khi ông chuyên tâm tìm hiểu về phương diện mẫu tính trong thiên nhiên mà ở Tây phương tượng trưng bởi Đức Mẹ Đồng Trinh, ở Ấn Giáo tượng trưng bởi Thánh Mẫu Shaktis, thì ông xem mình như người phụ nữ, ông mặc y phục phụ nữ và suy tư như một người phụ nữ. Chắc chắn sự luyện tập này đem đến cho ông một kết quả tốt đẹp, vì không còn một sự dị biệt bề ngoài nào của một tôn giáo còn có thể ảnh hưởng đến ông được nữa.

Đó là phương pháp thật khác biệt với phương pháp của người ta thường

dùng! Tuy nhiên phương tiện duy nhất mà người đệ tử phải thực hành là tập hòa đồng với tất cả những người chung quanh chúng ta. Trước hết Đức Ramakrishna là một vị Bhakta, tức là một nhà sùng tín nhiệt thành và ông tập tôn sùng như thế là nhờ tình cảm.

Vậy thì trong một thời gian nào đó, người chí nguyện phải tự nói rằng tôi là người Ấn Giáo, tôi là người Phật Giáo, hay là người phụ nữ hoặc là cái gì không phải là y. Thật hiếm có những người đàn ông luôn luôn ước muốn suy nghĩ hoặc cảm xúc như người đàn bà, và thấy những sự vật như người đàn bà đã thấy! Tôi cũng tưởng rằng rất hiếm có những người đàn bà thật sự ước muốn để thấy những sự vật theo quan điểm của những người đàn ông. Nhưng sự khuyết điểm thấy rõ ràng hơn ở phái nam; là người đàn ông luôn luôn tự thấy mình là "người đàn ông". Tôi thấy hình như giữa người Thông Thiên Học, việc không phân biệt nam hay nữ vì tình Huynh Đệ. đôi khi cũng bị lãng quên.

Vậy bạn phải tập hiểu biết những sự vật sẽ hiện ra cho bạn như thế nào nếu bạn nhìn thấy chúng trong một bầu không khí đặc biệt và không quen thuộc đối với bạn. Bạn nên bỏ thói quen chỉ nhìn sự vật theo quan điểm riêng của bạn. Đó là điều trái nghịch với khoa Huyền Bí Học. Bạn làm điều đó thì bạn sẽ bị đời trách móc. Sự vô tư và lòng thiện cảm của bạn sẽ bị xem như sự lạnh nhạt. Và lại điều đó không có là gì quan trọng. Tại Tây phương tôi bị tố cáo là "quá Ấn Độ", và tại Đông phương, tôi bị tố cáo là "quá Công Giáo" vì bên Tây phương tôi nói theo ngôn ngữ Tây phương, mà dân Ấn Độ lại không thích, còn bên Đông Phương tôi dùng những từ ngữ Đông phương, mà người Tây Phương không ưa. Người ta phiền hà tôi, luôn luôn tôi lặp lại rằng: "Tôi nói với mọi người bằng một thứ tiếng mà họ hiểu được".

Những lời phàn nàn và trách móc này vốn do người ta đứng ở vị trí thấp chớ không phải ở vị trí cao nhất để phán đoán. Tập nói nhiều ngôn ngữ đạo đức là một trong những bài học cho ai có bốn phận mang thông điệp đến nhiều xứ. Chân lý này không phải là điều mới mẻ. Sự trách móc về cách thức thuyết giáo trên đây cũng không phải là mới lạ. Thánh Paul (Phao Lô) bị trách móc nhiều vì Ngài làm vừa lòng tất cả mọi người. Ngài có viết như vậy: "Dù tôi được tự do đối với mọi người, tôi tình nguyện làm tôi tớ cho tất cả, như thế tôi mới có thể được lòng của một số đông hơn. Đối với người Do Thái, tôi như người Do Thái, như thế tôi được lòng người Do Thái. Đối với người tuân theo luật pháp, tôi vẫn tuân theo luật pháp (dù chính tôi không còn ở dưới luật pháp nữa) như thế tôi thu phục được họ. Đối với những người không tuân luật pháp, tôi không tuân theo luật pháp (mặc dù tôi không

hề bỏ luật của Đức Chúa Trời, bởi vì tôi đang tuân theo luật của Đấng Christ), như thế tôi được lòng họ. Đối với người yếu đuối, tôi trở thành yếu đuối, như thế tôi có thể cứu vớt được vài người bằng mọi phương tiện" [80].

Trước kia, Thánh Paul là người hẹp hòi nhất, bây giờ Ngài trở thành người rộng lượng nhất. Sau khi, thuộc về một trong những phái nghiêm khắc nhất của người Do Thái, Ngài trở thành vị sứ đồ của những người Ngoại Giáo - một sự thay đổi phi thường.

Nhà Huyền bí học không thuộc về một tôn giáo nào, hoặc thuộc về tất cả tôn giáo, tùy ý bạn - không riêng biệt thuộc về Đạo nào, mà thuộc về tất cả. Ít ra điều đó là đức khoan dung. Nếu phải tránh sự tranh luận là điều tốt, ấy là tại người ta có thể tạm thời thành ra hẹp lượng, thiếu khoan dung; nếu muốn thành công; thì trong khi tranh luận để đánh đổ một tư tưởng hẹp hòi, thật khó giữ được một thái độ hoàn toàn vô tư. Hãy luôn luôn phát biểu chân lý theo quan điểm Nhất Thể, chứ đừng theo quan điểm dị biệt, chỉ như thế, bạn mới có khả năng giúp đỡ mọi người một cách như nhau. Và chỉ như vậy mới có thể thấy những yếu tố tốt đẹp trong mỗi người và trong toàn thể, đồng thời bạn sẽ dẹp bỏ những điểm bất toàn qua một bên hay là biết thấy xa hơn nữa.

C. W. L. Mục đích của người Thông Thiên Học là tình Huynh Đệ, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, nam nữ hay màu da. Phương thức tuyệt hảo để đạt được sự hòa hợp đó trong đời sống của chúng ta là chia sẻ tình cảm, tư tưởng của những dân tộc khác cũng như của phái giống [81] khác. Người đàn ông quên rằng y đã sinh ra nhiều lần dưới hình dáng phụ nữ. Người đàn bà cũng quên rằng mình đã đầu thai nhiều kiếp trong thân xác nam nhi. Người đàn ông cố gắng dùng tư tưởng đặt mình vào địa vị của người đàn bà để hiểu cách nhìn đời của họ; còn phái nữ cũng nên cố gắng tìm hiểu quan niệm đời sống của phái nam, mặc dù điều đó không phải là chuyện dễ làm; nhưng ấy là một cách luyện tập tuyệt hảo. Hai phương diện đó khác nhau một cách lạ kỳ ở nhiều trường hợp. Một người nào có thể tập hòa đồng tâm thức của kẻ khác phái tức là y đã tiến một bước đến tình huynh đệ, điều này vượt lên trên ý niệm của phái tính. Sau cố gắng tìm hiểu của người chị, người mẹ hay vợ mình, người đàn ông có thể mở rộng sự thực tập ấy đến những người thuộc về tôn giáo và những chủng tộc khác với y. Đó là trong những sự tập luyện hữu ích nhất, vì người ta không thể hiểu quan điểm của kẻ khác và có thiện cảm với y, mà không mở rộng quan điểm riêng của mình như thế.

Về đức khoan dung, kinh điển Talmud có thuật lại câu chuyện lý thú như sau đây: Có một người hành khách đến tìm ông Abraham, trong khi theo phong tục của sa mạc, y được thết đãi ăn uống. Ông bảo y hãy ca tụng Đức Chúa Trời trước khi dùng bữa, nhưng người khách lạ ấy đã từ chối và nói rằng y không hề biết chi về Đức Chúa Trời cả. Ông Abraham nổi giận, đứng dậy, đuổi y ra khỏi trại và không cho y cái gì cả. Lúc ấy Đức Chúa Trời đi qua - trong thời ấy Ngài thường đi như thế - và Ngài hỏi: "Tại sao con đuổi y"? Abraham bức tức trả lời: "Bạch Chúa, y không chịu biết danh hiệu Chúa. Y là một người ngoại giáo xấu xa nhất". Đức Chúa Trời đáp: "Phải, nhưng Ta đã chịu đựng nó sáu mươi năm rồi. Chắc chắn con có thể chịu đựng được nó trong một giờ chứ"?

Trong chúng ta, có vài người Thông Thiên Học còn bị ràng buộc với hình thức bên ngoài của tôn giáo. Tuy nhiên, tôi tưởng chúng ta có thể tự nói rằng chúng ta không riêng biệt thuộc về tôn giáo nào mà thuộc về tất cả. Chẳng hạn, chính tôi là người Thiên Chúa Giáo và là Giám Mục, nhưng tôi cũng là một Phật Tử, vì tôi đã phát nguyện và lãnh những nhiệm vụ do đó tôi thừa nhận Đức Phật là vị hướng đạo của tôi. Như thế tôi không bị bắt buộc phải từ bỏ tôn giáo nào khác. Về phương diện này, Đạo Phật có thể là một tôn giáo khoan hồng hơn hết. Nó không đòi hỏi bạn phải tin tưởng điều gì, mà chỉ đòi hỏi bạn có quả quyết theo giáo lý của Đức Thế Tôn và có sống với nó càng nhiều càng tốt hay không. Một người Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo hay là người của một tôn giáo nào khác có thể nói: "Giáo lý này tốt, tôi muốn tuân theo", thế rồi y trở thành một Phật Tử mà không từ bỏ tôn giáo trước của y. Thông Thiên Học là một chân lý mà tất cả các tôn giáo đều dựa vào đó. Nếu chúng ta học khoa tôn giáo đối chiếu, chẳng phải chỉ để nhận thấy chân lý Thông Thiên Học trong tất cả các tôn giáo, mà còn để hiểu Chân lý tự biểu lộ ra nhiều cách thể khác nhau, và do đó chúng ta đạt được khả năng giúp đỡ bằng cách sử dụng tất cả.

Bà Chánh Hội Trưởng của chúng ta đã chỉ cho chúng ta thấy nguyên tắc này: Đối với dân Ấn Độ, bà nói chuyện như thể người Ấn. Để viện chứng cho lời nói của mình, bà kể ra những bản Thánh Kinh và dùng vài danh từ Phạn ngữ mà người dân Ấn quý trọng cũng như người Thiên Chúa Giáo La Mã quý trọng tiếng La Tinh vinh diệu. Khi nói với các hàng Phật Tử, bà trình bày giáo lý đúng với ý tưởng của họ. Bà còn dẫn chứng Phật ngôn và dùng những danh từ Phật giáo. Bên Tây Phương bạn nghe Bà nói chuyện với người Thiên Chúa Giáo bằng ngôn ngữ của họ. Bà không sửa đổi chút nào về tín ngưỡng của Bà hay là tôn giáo riêng của Bà, Bà chỉ nói bằng ngôn ngữ của họ. Thật ra bà đã hiểu biết tất cả những tôn giáo này. Khi chúng ta

biết chân lý ẩn tàng trong mỗi tôn giáo, dù trí thức và tài hùng biện của chúng ta chưa thể sánh kịp với Bà nhưng đa số trong chúng ta nhờ học chút ít trong sách khai luận của bất cứ tôn giáo nào đó, cũng có thể hiểu rõ tôn giáo ấy và trình bày chân lý bằng những danh từ đó, để giải thích ý nghĩa của nhiều điểm còn mờ tối cho những kẻ khác. Đại tá Olcott đã làm như thế rất nhiều lần trước sự hiện diện của tôi. Ông không thuộc về mẫu người hiểu học hay nhà uyên bác, thông thái, mà ông là một diễn giả bậc nhất, ông thành công trong khi nói trước các thánh giả gồm cả người Ấn Giáo, Hỏa Giáo và Phật Giáo. Những người hiểu biết nhiều về các tôn giáo này đều công nhận rằng ông đã rọi một thứ ánh sáng mới mẻ vào tôn giáo của họ. Điều này chứng tỏ tại sao Thông Thiên Học là chìa khóa mở được cửa của các tôn giáo.

Trong những cuộc Đại Hội Nghị của Hội chúng ta cử hành tại Adyar, sự kiện này cũng nhận thấy dưới một hình thức khác: Có những người thuộc nhiều tôn giáo và chủng tộc khác nhau nhóm họp ở đây. Và những ai dự Đại Hội đều không khỏi cảm động sâu xa, khi nhận thấy nơi đây không những biểu hiện đức khoan dung mà còn bộc lộ một tình huynh đệ thân ái nữa.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 21

AN PHẬN

Phải vui lòng chịu đựng quả báo của con dù nó thế nào chẳng nữa, và nhận lãnh sự đau khổ như một sự vinh diệu, bởi vì nó chứng tỏ các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu thấy con đáng giúp đỡ.

A. B. Tôi xin nhắc lại, tánh này là tánh an phận mà trước kia dịch là "chịu đựng". Chịu đựng có thể là một đức tính tiêu cực hơn, nhưng những điều thuộc về bạn, không phải là chịu đựng những khó khăn không thể tránh được mà nhận lãnh chúng một cách an vui, tánh tình một mực không thay đổi và chấp nhận mọi sự khổ não với nụ cười. Về điểm đặc biệt này, danh từ an phận tóm tắt tất cả những điểm mà các vị Đại Giáo Chủ đều muốn chúng ta phải có. Nhiều người có thể chịu đựng được, nhưng họ chịu đựng một cách buồn bực. Phải an vui trước mọi sự thử thách, và mọi điều bặt lòng. Có vài

tác phẩm Ấn Độ nhấn mạnh nhiều về điều này: Hãy nhận lãnh mọi sự một cách vui vẻ.

Quả báo dồn dập tới cho những người vượt ra khỏi hàng ngũ của mình và tự trình diện như một thí sinh trên Đường Đạo. Điều này đã được nhấn mạnh nhiều lần. Trước hết là để báo cho thí sinh biết những gì họ có thể mong mỏi, sau đó cho họ có can đảm, khi kinh nghiệm lý thuyết trở thành thực tế, bởi vì sự khác biệt giữa hai kinh nghiệm rất lớn.

Quả báo là định luật tự nhiên, những sự trừng phạt của nó có thể tránh được một thời gian, hoặc trái lại, có thể ứng hiện ngay. Nói một cách khác, bạn có thể tự đặt mình trong những điều kiện mà Quả Báo có thể giáng xuống bạn, hoặc bạn tạo ra những điều kiện giúp bạn tránh được nó trong một lúc. Cần phải lập lại nhiều lần rằng những luật tự nhiên không phải là những án lệnh. Chúng nó không truyền phán cho chúng ta phải làm một điều gì. Chúng ta hãy lấy một thí dụ mà mọi người đều biết là điện lực. Nó luôn luôn hoạt động chung quanh chúng ta, nhưng nếu chúng ta muốn nó tạo nên một hiệu quả ở một nơi nào đó vào một giờ nhất định, thì chúng ta phải có một cái máy đặc biệt đặt giúp nó phát hiện. Cũng giống như thế, Quả Báo là một luật tự nhiên và cái máy giúp nó hoạt động được trong đời sống cá nhân, có thể được biểu hiện bằng sự có mặt của con người trên sân khấu cõi đời, tức là sự sinh ra. Vài sự thay đổi xảy đến trong đời sống của một người có thể tăng cường và thúc giục sự tác động của Luật Nhân Quả đối với y. Chẳng hạn, khi bạn tự hiến mình làm một thí sinh tiến hóa nhanh chóng, các Đấng Cầm Cân Nhân Quả có thể theo lời nguyện bằng lòng của bạn, sửa đổi bộ máy - và để năng lực làm bộ máy linh động phát triển dồi dào và sự tự nó tiêu hao ở nơi bạn trong một thời gian ngắn ngủi. Chỉ có ý chí của bạn mới xác định được sự biến đổi của bộ máy ấy.

Nếu một người muốn tiến hóa nhanh chóng, và do đó phải trả quả xấu của mình mau hơn, là một ước muốn chân thành, một ý định cương quyết, thì các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu chấp nhận lời ước nguyện của y. Các Ngài vận chuyển một số Quả Báo mà y đã tạo ra trong quá khứ và để nó đổ xuống y. Quả Báo ấy có sẵn. Con người không gây ra nhân mới mà bắt đầu quét sạch những gì đã tích trữ trước kia.

Nếu bạn hiểu những gì đang xảy đến có thể làm cho bạn ngạc nhiên. Hãy xem những kiếp sống của Alcyone và bạn sẽ thấy chúng diễn ra bao chuyện hãi hùng. Trong một kiếp kia Alcyone bị ám sát. Trong một kiếp khác em bị hành quyết vì một tội ác mà em không can phạm, và còn biết bao nhiêu

chuyện như thế nữa. Dưới hình thức của một ký sự, người ta khó tin được những điều này, nhưng nếu một trong những chuyện ấy xảy đến cho bạn trong kiếp này, bạn sẽ thấy chúng nó rất ghê tởm. Bao nhiêu hoạn họa, bao nhiêu khổ đau ấy chứng tỏ rằng bấy nhiêu nghiệp quả xấu đã bị xóa sạch.

Khi những sự lo buồn của bạn gia tăng, thì chính là các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu đã ghi nhận nguyện ước của bạn, đó là một điềm tốt vậy. Nếu mọi việc xảy đến với bạn đều tốt đẹp, chúng ta phải kết luận rằng bạn chưa làm cho các Ngài đề ý đến. Ở đây cũng vậy sự thấy của nhà Huyền bí học trái ngược với ý tưởng của thế nhân. Những gì người đời cho là xấu xa, thì lại tốt đẹp theo quan điểm Huyền bí học.

Khi những sự khổ đau và những sự mất mát đang đè nén bạn gia tăng với những lời trách móc và chỉ trích nghiêm khắc của những người ở chung quanh, thì bạn là người trả được Quả Báo nhiều nhất. Vài tai họa tức khắc gọi lên lòng thiện cảm của kẻ khác và người đau khổ có thể nhận được một sự trợ giúp lớn lao. Ngược lại, có những hoạn họa khác gây ra sự phiền trách. Có thể bạn đã làm hết sức bạn nhưng những sự đau khổ khốc liệt cứ tấn công bạn và hơn nữa người đời chống đối bạn, trách cứ bạn. Khi điều này xảy ra, con người trả được một phần lớn Quả Báo xưa. Yếu tố được gia thêm và khó chịu này giúp cho con người trả sạch quả và nhanh chóng.

Rất dễ mà thấy những sự kiện trên đây là một sự thật trên phương diện lý thuyết, khi chúng ta được trình bày bằng lời nói hay là sách vở nhưng điều mà bạn phải làm là nhớ đến chúng nó cho đúng lúc. Thường thường người ta chấp nhận chúng để chờ đem ra thực hành, nhưng sau đó lại chóng quên đi. Bạn hãy cố gắng làm cho chúng thâm nhập vào trí óc bạn, để bạn không thể quên chúng được. Như thế khi nghĩ đến chúng, bạn có thể lấy sức mạnh của sự đau khổ, và bạn có khả năng giúp đỡ các huynh đệ của bạn trong cơn khốn khổ của họ. Sự hiểu biết minh bạch này cần thiết cho bạn, nó có thể giúp bạn hiểu những người chung quanh một cách dễ dàng, khi bạn thấy những sự khổ não cứ thường xảy đến cho những người rất lương thiện, mà người ta thường nói họ không có làm điều gì cho đáng tội trạng ấy - ít ra cũng trong kiếp này, họ được nhìn nhận là người chỉ làm những việc tốt lành và hữu ích. Chúng ta có khuynh hướng so sánh mình với những người hữu phước hơn chúng ta. Đôi khi điều rất tốt là chúng ta so sánh mình với những kẻ ít phước hơn chúng ta, để chúng ta có thể ý thức được tất cả những ân phước mà chúng ta đã thừa hưởng. Chúng ta quên những lý do tri ân của mình, vì chúng ta luôn luôn nghĩ đến những nỗi khổ đau, mất mát là phần số của chúng ta và đó chính là điều chúng ta không nên làm.

C. W. L. Khi đã thật hiểu Luật Nhân Quả và tin tưởng ở nó, người ta không thể nào không an vui. Chúng ta nên nhớ rõ rằng Luật Nhân Quả là một định luật cũng như định luật hấp dẫn. Nó luôn luôn tác động. Đường như đôi khi người ta nói rằng Nhân Quả động tác một cách ngẫu nhiên, trong lúc người ta hành động. Điều ấy không đúng. Chúng ta luôn luôn bị nó chi phối. Con người tạo cơ hội cho Luật Nhân Quả tác động đến y, mỗi khi y làm, y nghĩ hay nói một cách nào đó. Luôn luôn chúng ta phải thanh toán với Nhân Quả, ấy là tổng số những hành vi tốt hoặc xấu của chúng ta. Vì chúng ta đã trải qua nhiều giai đoạn đã man, trong thời kỳ đó chúng ta chưa tự chủ, chúng ta đã làm đủ mọi việc đáng trách, nên có thể một số Quả Báo xấu đang chờ đợi tất cả chúng ta, trừ khi chúng ta đã trả xong trong nhiều kiếp. Khi chúng ta chịu đựng những sự đau khổ, chúng ta nên nhận định rằng có lẽ chúng ta đang trả phần chót của Quả Báo xấu. Nếu chúng ta đọc những câu chuyện về các vị Thánh trứ danh, chúng ta sẽ thấy rằng các Ngài đã trải qua những sự đau khổ vô cùng. Những ai cố gắng giúp nhân loại cũng đều bị đau khổ kinh khủng. Sự đau khổ đó thuộc về thành phần của việc rèn luyện để được Điểm Đạo, nhưng sự công bằng vẫn luôn luôn tuyệt đối, vì không thể có một sự bất công nào, dù là để luyện mình đi nữa.

Các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu, Chúa Tể của Nhân Quả, chỉ là những Đấng cai quản định luật này. Trên vài phương diện, danh từ Chúa Tể, có lẽ không chính xác, vì nó làm cho người ta hiểu rằng các Ngài chỉ huy và điều khiển Nghiệp Quả. Bạn không thể chỉ huy hay điều khiển luật hấp dẫn, nhưng bạn có thể do những cách xếp đặt dùng nó trên vài phương diện và theo vài cách thế nào đó. Đối với Luật Nhân Quả cũng thế, những ai mà sự hành động tương quan với nó là người cai quản nó vậy. Một trong những chức vụ của các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu là chọn một phần trong số Quả Báo của một người và bắt y phải trả trong kiếp tới của y. Các Ngài không thể lấy nhiều hơn số phước hay số họa trong nghiệp quả của người ấy, mà chắc chắn các Ngài chọn lựa cái nào các Ngài xét ra, y có thể thanh toán được. Tuy nhiên, ý chí của con người vẫn được tự do và nếu Quả Báo đã chọn được trả một cách nhanh chóng hơn các Ngài đã dự định - nếu tôi dám nói - thì các Ngài có thể ban thêm cho một ít Quả Báo nữa. Đó là ý nghĩa của câu văn kỳ lạ này: "Đức Chúa Trời *hành hạ người mà Ngài thương*". *Có vài người tự làm khổ* cho mình nhiều mà không phải tại quả báo cũ của họ; họ phần uất

vì những hoàn cảnh thay vì phải sống một cách an nhiên, nhưng các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu không trách nhiệm về việc đó.

Dù quả báo của con có nặng nề đến đâu nữa, con cũng phải cảm ơn các Đấng Chí Tôn không cho con trả nhiều hơn cái đó.

C. W. L. Khuynh hướng chung của hầu hết những người đau khổ là phàn nàn về thân phận mình và nghĩ lại lúc mà những sự việc đều được tốt lành. Chọn lấy thái độ ngược lại, chúng ta có thể nói rằng: "Cũng có thể xảy đến cho tôi những điều còn tệ hại hơn nữa", hoặc: "Tôi rất vui mừng đã trả hết quả báo này; tôi có thể còn trả nhiều hơn nữa; ít ra tôi muốn lợi dụng được điều đó".

Con hãy nhớ rằng ngày nào quả xấu của con chưa tiêu tan và con chưa được giải thoát, thì con chưa giúp ích cho Đức Thầy được bao nhiêu.

A. B. Theo quan điểm của Đức Thầy thì người ta trả được món nợ nghiệp quả đang đe dọa y là điều rất tốt, vì chúng ta đừng quên rằng Đức Thầy bị trở ngại vì Quả Báo xấu của những kẻ khao khát phụng sự Ngài. Quả Báo này ngăn cản Ngài không cho Ngài dùng họ như điều Ngài sẽ làm nếu không bị trở ngại. Bà Blavatsky luôn luôn nói một cách thật chân thành về việc riêng của bà (Bà tuyệt đối chân thật). Bà nói về việc khủng hoảng do vợ chồng Coulomb gây ra như sau: "Hiện nay tôi không có làm gì cho đáng tội ấy; đó chính là món nợ cũ của tôi". Trả sạch Quả Báo này là điều tối quan trọng đối với bà. Sự bêu xấu và lăng nhục mà bà chịu đựng trong khi câu chuyện đang tiếp diễn là một ân huệ lớn lao nhất cho bà. Bà xem xét tình trạng một cách thản nhiên, đôi khi, bề ngoài bà cũng tỏ ra bối rối.

Tất cả những người chí nguyện phải nhờ tư tưởng này trợ giúp, để họ không nhìn vào họ, chỉ hướng về Đức Thầy mà tự nhủ rằng: "Những sự thử thách mà tôi sẽ chịu đựng sẽ làm cho *tôi có khả năng hơn nữa để phụng sự Ngài*".

Nếu bạn khẩn khoản xin trả quả nhanh chóng, mà bạn phàn nàn khi lời

cầu xin của mình được chấp thuận thì đó là điều phi lý. Hãy luôn luôn lấy cảm hứng trong tư tưởng này: "Tôi càng được tự do, thì tôi càng có thể phụng sự **Đức Thầy nhiều hơn nữa**". **Khi món quà đã cho, thì không** được lấy nó lại. Đây là ý niệm rất phổ thông trong những sách xưa Án Độ, những chuyện tích của họ luôn luôn lập lại điều đó: Món quà đã tặng, một lời nói đã thốt ra không thể nào lấy lại được. Có nhiều trường hợp món quà mà bạn đã tặng lúc trước lại trở về với bạn, thì bạn phải đem tặng nó lại. Món quà ấy không còn thuộc về bạn nữa, giữ nó tức là trộm cắp. Vậy, khi mà món quà đem cho chính là bạn - thì đó là tặng phẩm cao cả và tốt đẹp hơn hết - bạn đừng bao giờ lấy lại. Người ta luôn luôn hiến mình cho Đức Thầy bằng lời nói, nhưng vừa lấy ngón tay chặn lên món quà để có thể kéo lại đằng sau một lần nữa, nếu Đức Thầy chấp nhận lời nói của họ, như đôi khi Ngài đã làm, để chứng tỏ cho họ thấy rằng họ đã mơ mộng và họ đã hứa nhiều mà họ không giữ tròn lời hứa.

C. W. L. Nếu một người kia đã trả sạch quả xấu của y rồi, thì y sẽ dùng trọn cả ngày giờ và sức lực của y để phụng sự công nghiệp của Đức Thầy - như đã giải thích, Đức Thầy bị trở ngại vì Quả Báo xấu của chúng ta. Khi chúng ta trả sạch quả mau chóng, chúng ta càng có khả năng phụng sự Ngài. Bà Blavatsky đã xác nhận điều này một cách quả quyết, lỗi năm 1884 bà bị Coulomb và những người khác ở Madras tấn công bà. Phần nộ vì hành vi thù nghịch này, buồn phiền vì sự vong ân của họ đối với bà, bà băn khoăn, lo lắng khi bà tự hỏi nếu những điều đó có ảnh hưởng đến Hội và gây ra tai hại cho Hội; nhưng bà lại nói rằng: "Ít ra chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng, tất cả những sự xáo trộn này làm cho Ngài được một người tôi hữu ích hơn nữa".

Chúng ta có thể áp dụng những ý tưởng này trong những chuyện khó khăn của Hội cũng như những chuyện khó khăn của chúng ta. Bạn hãy luôn luôn nghĩ đến việc phụng sự Đức Thầy, khi Hội giải trừ xong những quả xấu của nó. Nó sẽ tiếp tục tiến bước khi cơn khủng hoảng đã qua, vì nó phải trả xong một phần quả xấu nào đó, mới được hữu ích hơn và thành một khí cụ tốt lành trong tay những vị Chủ Nhân thực sự của nó.

Hội giải trừ được một số Quả Báo này thì Hội có thể nhắm đến những mục đích cao xa hơn. Theo lời nói của Bà Blavatsky, thứ Quả Báo này trực xuất chất chết, nghĩa là những người về phương diện chân lý đã đạt đến "mức bão hòa" họ không thể tiến tới được nữa. Trước đây, họ tỏ ra rất hữu ích, nhưng

hiện giờ họ là những chương ngại cho sự tiến hóa. Tuy nhiên những người khác trong chúng ta thường rất tiếc khi mất những người bạn này. Trong cuộc khủng hoảng mới đây, tôi thấy hình như tôi là một trung tâm của cơn bão tố đó và nhiều người hiểu lầm tình trạng cần được tha thứ, nên tôi bạo gan bạch với Đức Văn Minh Đại Đế rằng cuộc thử thách này rất nặng nề cho họ và cầu khẩn xin Ngài tha thứ cho họ. Lẽ dĩ nhiên sự mạo muội của tôi làm cho Ngài nở một nụ cười bao dung và Ngài hỏi tôi: "Con có bằng lòng chăng, nếu mấy người này bác bỏ Bà Besant"?

Tôi trả lời: "Vâng, bạch Đại Đế, chắc chắn con bằng lòng". Tôi cảm thấy chắc họ không làm như thế. Nhưng vài tháng sau đó; họ lại chống với bà. Rồi cũng với nụ cười bao dung ấy, Đức Văn Minh Đại Đế, lại hỏi tôi rằng: "Con thấy đó. Trong kiếp này mặt trời của họ đã lặn rồi. Nhưng còn có những kiếp khác và ngày mai, mặt trời sẽ mọc như cũ".

Không có người nào là thiết yếu cả; bên Ấn Độ đã xảy ra một Chi Bộ tiến triển chung quanh một hội viên có uy tín, nhưng khi người ấy đến cư ngụ tại một đô thị khác, thì chi bộ ấy tan rã. Khi Bà Blavatsky từ trần, nhiều người trong chúng ta hằng ngày quen nhận được một nguồn cảm hứng ở bà, cảm thấy ánh sáng đã xa lìa họ. Rồi một bậc vĩ nhân khác lại xuất hiện, đó là Bà Hội Trưởng

của chúng ta hiện nay. Nhưng tôi chắc chắn bà là người thứ nhất nói với chúng ta rằng một ngày kia đến lượt bà ra đi, chúng ta không cần lo sợ cho Hội. Khi những khí cụ thay đổi thể xác, dưới con mắt của kẻ vô minh thì chúng dường như chết đi. Nhưng các Đấng Chơn Sư còn đó. Các Ngài không chết, và bao giờ các Ngài còn hiện diện, thì luôn luôn sẽ có một người nào đó tiếp tục công nghiệp của các Ngài.

Khi con hiến thân cho Ngài, thì con xin nhồi quả cho con. Làm sao trong một, hai kiếp con trả sạch nghiệp quả của con; không vậy, thì cả trăm kiếp nữa con mới trả hết. Nhưng muốn lợi dụng cách trả quả ấy thì con phải bằng lòng nhận lãnh một cách vui vẻ.

A. B. Cách thức trả quả cũ gây ra một nhân mới. Đừng bao giờ quên những điều đó. Nếu bạn biết lợi dụng cái gì dường như Quả xấu, thì bạn sẽ

vận dụng những mãnh lực mới để làm việc thiện. Trái lại, nếu bạn không sẵn sàng nhận lãnh Quả xấu ấy, bạn trả quả một cách miễn cưỡng, thì sẽ xảy ra một hậu quả trái ngược. Bạn hãy nhớ lại lời Đấng Christ trong một bài thuyết pháp trên núi: "Con hãy tức khắc hòa hợp với kẻ nghịch của con, trong khi con cùng đi với hắn" [82]. Điều rất hay là nên theo lời khuyên này, khi nghịch cảnh hiện đến. Những sự phiền não, những sự mất mát của bạn, bề ngoài như là một kẻ thù nghịch của bạn, bạn hãy đón tiếp chúng một cách can đảm, bạn hãy hòa hợp với chúng một cách mau chóng và như thế bạn không còn dính dấp đến chúng nữa. Chúng ta có thể giải trừ Quả Báo xấu của chúng ta mau chóng hơn, nếu trong khi gặt quả cũ, chúng ta không gieo nhân mới nữa.

C. W. L. Người ta thường nói đến việc hiến mình cho Đức Thầy, rồi người ta lại lo sợ rằng Ngài đòi hỏi quá nhiều. Đó là tâm trạng của Ananias và Sapphire. Hai người bất hạnh này có quyền giữ lại một phần tài sản của mình, nếu họ muốn. Nhưng họ lầm lỗi, chính vì họ quả quyết rằng họ đã cho ra tất cả. Chúng ta đang trải qua giai đoạn có đặc tính này: "Tôi có thể cho cái này; tôi có thể làm việc kia cho Ngài, nhưng tôi không thể hiến mình mà không để dành lại phần nào cho tôi". Khi hiến thân cho Đức Thầy, chúng ta phải tự hiến với tấm lòng cao thượng như dâng tặng một phẩm vật nào khác. Và cũng không được đặt một điều kiện nào về cách sử dụng phẩm vật của chúng ta dâng, mà cũng không muốn lấy lại phần nào. Mỗi người phải tin chắc việc này. Đức Thầy không đòi hỏi quá nhiều. Nếu chúng ta hiến mình cho Ngài, thì chúng ta đừng ngạc nhiên và bất bình khi sự đau khổ thành linh xảy đến cho chúng ta. Đó là dấu hiệu món quà đã được chấp nhận một phần nào rồi. Thế nhân đã lầm khi cho những dấu hiệu của sự tiến bộ mau chóng là những sự đau đớn, khổ não. Lắm khi thay vì tỏ lòng thiện cảm với chúng ta, nhiều người lại quở trách chúng ta, nhưng thường thường đó là Quả Báo tốt hơn hết của chúng ta vậy. . . . Bị ngộ nhận, thấy điều tốt của chúng ta cải trang ra sự xấu, như lời Ruysbroek đã nói, đó là những điều hình như luôn luôn chờ đợi chúng ta, khi chúng ta đi gần đến mục đích chót. Trong lịch sử, đó là kinh nghiệm của tất cả những vị Đại Giáo Chủ của khoa Huyền Bí Học hay Thần Bí Học. Vui lòng chịu đựng, điều đó sẽ gây ra quả lành và khai mở được ở nơi chúng ta nhiều đức tánh cao quý như là nhẫn nại, bền chí, chịu đựng, đại lượng và quyết định. Như thế từ nghiệp xấu xưa, chúng ta có thể rút lấy cái tốt đẹp.

Còn một điểm khác nữa: con hãy diệt mọi ý muốn chiếm hữu. Có thể quả báo sẽ làm cho con mất những vật mà con quý chuộng hơn hết, cũng có lẽ những người mà con thương yêu nhất. Dù như thế, con cũng phải sẵn sàng vui lòng chia lìa bất cứ là vật nào, và bất cứ người nào.

A. B. Bây giờ chúng ta đi đến một điểm khó khăn hơn trước vô cùng, còn khó hơn việc chịu đựng quả xua. Phải diệt trừ mọi ý muốn chiếm hữu, trước hết là đối với những vật, sau đó là những người. Sự diệt trừ sau cùng này là một việc tế nhị hơn. Bạn có thể từ bỏ ý muốn chiếm hữu đối với những người bạn thương yêu hơn hết không? Đôi khi người ta tưởng rằng bạn đã thực hiện được điều này, những cơ hội đến thử thách bạn và thường cho thấy họ đã lầm. Bạn có thể để cho một sự sống lìa khỏi sự sống của quý bạn không? Sự sống đó còn quý hơn sự sống của bạn nữa. Bạn có thể gọi sự chia lìa này là sự thử thách cuối cùng và khó khăn nhất về sự sùng tín chân thật của bạn đối với Đức Thầy về điểm này. Tất cả người chí nguyện phải tự kinh nghiệm lấy mình; trước khi sự thử thách thật sự do hoàn cảnh đưa đến, sự tập luyện trước có thể làm giảm sức mạnh của biến cố. Bạn chớ có diệt tình thương của bạn đối với kẻ khác, đó là phương thức đặc biệt của những Mạnh Lực hắc ám [83]. Bạn có thể tập tránh tiếp xúc với một người nào đó trong một thời gian mà vẫn tiếp tục thương yêu y như trước, bạn làm một công việc gì bắt buộc phải xa kẻ đã làm ra sự tươi đẹp của đời sống bạn. Nếu bạn có thể làm như thế một cách hăng hái và vui vẻ, thì bạn đã chuẩn bị xong để đáp lại lời kêu gọi khi nó đến với bạn, lời kêu gọi bỏ tất cả để theo Đức Thầy.

Bạn hãy nhớ ý tưởng này đã được bao lần nhấn mạnh trong những câu chuyện được lập lại, và truyền đến chúng ta về những gì đã xảy ra lúc Đức Di Lạc ở tại Palestine. Tất cả những người được kêu gọi đều không tỏ ra xứng đáng nắm lấy cơ hội. Tuy nhiên có vài người được chọn lựa. Những người bỏ tất cả và theo Ngài thì trở thành những nhà truyền giáo sau khi Ngài bỏ xác. Còn những người khác thì chẳng bao giờ được nghe Ngài nói nữa. Bạn hãy nhớ người thanh niên giàu có kia ra đi trong lòng vô cùng buồn bã, dù rằng người ta chỉ đòi hỏi chàng việc từ bỏ tài sản mà thôi. Có vài người tin rằng nếu ở vào địa vị người thanh niên kia thì họ sẽ tức khắc đáp lại lời kêu gọi. Nhưng tôi không chắc rằng nhiều người có thể bỏ tài sản to tát của họ để đi theo một vị giáo sĩ ta bà, vì Đấng Christ đã hiện ra dưới hình thức của một nhà truyền giáo rày đây, mai đó với vài người vô giáo

dục. Sự thử lòng của vị đệ tử là cái đó: từ bỏ tất cả những vật mà bạn quý chuộng nhất cũng như những người mà bạn thương yêu hơn hết và theo Đức Thầy.

C. W. L. Trên phương diện cá nhân, chúng ta phải hiểu rằng không có cái gì thuộc về chúng ta cả, những gì mà chúng ta có đây là vật ủy thác cho chúng ta để hỗ trợ cho sự tiến hóa. Một người giàu có uy thế, là vì những sự lợi ích này giúp cho y có cơ hội để làm việc nhiều hơn trước cho nhân loại. Không có gì là của riêng của chúng ta, để chúng ta sử dụng chúng một cách ích kỷ. Chúng ta ở vào địa vị một vị giám đốc hoặc một nhân viên được tín nhiệm trong sự chi dụng tiền bạc của hãng và phải hết sức thận trọng như của riêng của mình. Thái độ của người giàu có và người có uy quyền phải như thế.

Chính Chơn Sư đã sống như những người đại diện cho nhân loại một cách tốt đẹp phi thường. Các Ngài tự xem mình như những vị quản lý những quyền năng vô lượng, vô biên mà các Ngài đang có. Đó là lý do tại sao Đức Thầy không gây ra Nghiệp Quả nào, dù tốt hay xấu, có thể buộc trói Ngài vào tình trạng của con người. Các Ngài hoạt động, các Ngài thực hiện đến một mức độ cao siêu, nhưng không tạo ra một Nghiệp Quả nào trói buộc các Ngài, vì các Ngài làm việc một cách vô tư, không một mảy may ham muốn riêng cho mình. Các Ngài làm việc giống như một quân nhân chiến đấu giữa chiến trường không để ý đến một kẻ địch nào ngã gục dưới tay y và nghĩ rằng y chiến đấu cho chính nghĩa, cũng như một bộ phận của guồng máy vĩ đại.

Cũng thế đó, các Ngài làm việc như một phần tử của Đại Đoàn Thể, như những nhân viên của Quân Tiên Hội và của nhân loại. Và tất cả những công nghiệp tốt đẹp của các Ngài đều hồi hướng cho loài người, và giúp nhân loại tiến lên.

Trước hết phải bỏ ý muốn chiếm hữu đối với vật, kẻ đó là người, điều này còn khó khăn hơn nữa. Chúng ta có thể mất họ vì tử thần đã đem họ đi, như người ta thường nói hoặc có thể họ phải xa chúng ta để phụng sự nhân loại. Điều này đúng trong cả ngàn trường hợp lúc Đại Thế Chiến, người vợ hiến chồng, người mẹ hiến con trai mình cho cuộc chiến đấu vì lẽ phải. Làm sao chúng ta lại do dự trong sự làm việc để phụng sự Đức Thầy như hàng ngàn người khác đã làm để phụng sự tổ quốc họ. Khó mà dễ xa lìa chúng ta một

người mà sự sống còn quý hơn sự sống của chúng ta. Tuy nhiên, có nhiều người đã bằng lòng thực hiện việc ấy, kẻ thì ở trong tình cảnh bi ai, người thì ở trong tình trạng khiến cho sự hy sinh có tính cách thánh thiện và tốt đẹp.

Những người đi theo con đường tà đạo đã hủy diệt tình thương và do đó họ tránh được tất cả những sự đau khổ này. Nhưng những ai tha thiết muốn được gia nhập vào Quân Tiên Hội thì phải làm cho tình thương không ngớt phần khởi, phải hủy diệt hoàn toàn lòng ích kỷ pha lẫn bên trong. Bạn hãy nhớ đến thanh gươm đâm thủng trái tim của Đức Mẹ, Thánh Mẫu Đồng Trinh Maria, mà Ngài có thể tránh thanh gươm đó bằng cách dứt bỏ trong lòng Ngài mọi kỷ niệm về người con trai của Ngài và quên phứt đi. Trong nhiều trường hợp, lời của Đấng Christ đã được áp dụng như sau: "Đừng tưởng rằng Ta đến đây để đem sự hòa bình cho thế gian. Ta đến chẳng phải đem sự hòa bình mà để đem một thanh gươm" [84]. Ngài muốn nói rằng giáo lý mới mẻ của Ngài ở nơi này hoặc ở nơi khác, chỉ được một người trong gia đình kia chấp nhận, còn những người khác thì chỉ trích và gây ra chia rẽ, hoặc là người ấy phải lìa bỏ mái nhà của mình và bạn bè để hoàn thành công việc đặc biệt. Cũng giống như thế, có nhiều trường hợp trong một gia đình chỉ có một người hiểu biết được giáo lý Thông Thiên Học, lại bị mấy người khác chống đối, bởi đó sinh ra sự đau khổ và chia rẽ. Ngày nay, thường có người rời bỏ gia đình để đi làm giàu ở cuối chân quả địa cầu mà không bị ai phiến trách, nhưng nếu có người làm như vậy để giúp ích nhân loại, y sẽ bị phản đối ngay. Tinh thần hiện đại vẫn trì trệ như thế.

Bạn hãy nhớ tất cả những chương ngại do vua Tịnh Phạn gây ra khi Thái Tử Tất Đạt Đa muốn hiến mình cho đạo đức. Nhà vua đã tiêu hao tiền muôn bạc vạn và một phần lớn đời Ngài, hy vọng con trai Ngài tránh khỏi định mệnh cao cả đang chờ đợi trong tương lai. Ngài hy vọng làm cho Thái Tử thành một vị Hoàng Đế lớn nhất ở Ấn Độ chứ không phải một vị Đại Giáo Chủ mà thế gian chưa hề biết, theo lời tiên tri của các chiêm tinh gia. Nhà vua biết rằng nếu con trai Ngài thành một vị giáo chủ, thì phải chấp nhận sự nghèo khổ và xả thân vong kỷ; Ngài không hiểu rằng chính hai điều này đã đưa con Ngài lên cao hơn tất cả những vị vua chúa trên thế gian. Không phải tên của một vị Đại Hoàng Đế được lưu lại lâu nhất trong ký ức con người, mà chính là tên của một vị Giáo Chủ. Vua Tịnh Phạn mong mỗi con trai Ngài có một quyền lực lớn lao vô cùng và thanh danh có một không hai trong lịch sử. Hai điều này đã được chuẩn y, nhưng không hề đúng như sự mong muốn và dự tính của Ngài. Uy lực của Đức Phật vượt cao hơn tất cả uy lực của bất cứ vị vua nào trên thế gian và danh tiếng của Ngài lừng lẫy khắp thế giới.

Đấng Christ đã nói: "Hãy bỏ tất cả và theo Ta". Khi những bằng hữu Thiên Chúa Giáo của chúng ta đọc những lời này trong Thánh Kinh Tin Lành, thì họ tin chắc chắn họ sẽ vâng lời ngay. Điều này không chắc lắm. Chúng ta thử đặt mình vào địa vị của những người trong thời ấy. Bạn hãy nhớ người thanh niên rất giàu có đến tìm Chúa. Tài sản của y chắc chắn ràng buộc y với những nhiệm vụ mà y không thể dứt bỏ. Tất cả dư luận, tất cả nghi thức xã hội, tất cả uy lực chính thống của thời ấy đều liên kết nhau đứng chống lại Chúa. Ngài chỉ là một Giáo Chủ đáng thương, đi ta bà, không biết một nơi để tựa đầu nghỉ cho khoẻ. Trước những nghịch cảnh đó, chúng ta có muốn theo Ngài chăng? Chúng ta có thật chắc chắn là chúng ta sẽ bỏ tất cả để theo Ngài, người mà những vị đại mục sư và tất cả những nhà chính thống giáo đều cho là cuồng tín? Chúng ta có tự hỏi rằng rốt cuộc, chúng ta sẽ bỏ mỗi bất bóng chăng? Điều này không chắc lắm. Có thể ngày nay sự việc cũng diễn ra như thế, nhưng có những người trong chúng ta đã bỏ những vật sở hữu khác để theo Đức Thầy mà họ không hề luyến tiếc chút nào.

Thường thường Chơn Sư cần truyền thần lực cho kẻ khác qua trung gian của đệ tử Ngài. Nếu trò ngã lòng, rún chí thì Thầy không thể làm chi được. Vậy tính an phận phải được xem như là một giới luật.

C. W. L. Từ đầu chí cuối, quyển sách này có lập luận làm nền tảng cho tất cả những qui tắc : đó là Phụng Sự Đức Thầy. Chúng ta có thể nương cậy vào nhiều lý do khác để chống lại sự ngã lòng - chẳng hạn nó có hại cho bản thân chúng ta và tạo cho kẻ khác một cảm giác khó chịu. Nhưng ta gặp một điểm nổi bật ở đây là Đức Thầy không thể dùng chúng ta làm một con kinh để truyền thần lực, nếu chúng ta tự buông trôi trước sự ngã lòng.

A. B. Đây là lý do cho thấy tính an phận phải là giới luật, vì một lần nữa ý tưởng phần khởi ấy lại được trình bày cho chúng ta biết rằng Đức Thầy cần sự giúp đỡ của bạn, bạn có thể trở nên hữu ích cho Ngài! Thần lực của Ngài hoàn toàn vui tươi, vì nó phát sinh từ thần lực của Đức Thượng Đế, làm sao nó theo được một vận hà bị sự ngã lòng làm tắt nghẽn.

Dường như kỳ lạ cho rằng Đức Thầy không thể làm được điều này hay điều khác, nhưng đó là sự thật. Thỉnh thoảng người ta nghe Ngài nói; "Ta không thành công". Khi các Ngài làm việc ở cõi trần, thì quyền năng của các Ngài bị giới hạn do những điều kiện đặc biệt của cõi vật chất. Thường thường các Ngài không thể ảnh hưởng đến một người ở cõi trần, nếu không nhờ trung gian của một người khác. Do đó các Ngài cần sự giúp đỡ mà bạn có thể hiến

cho các Ngài. Không có sự giúp đỡ ấy, vài công việc không thể thực hiện được và bởi đó, sau này phải dẹp bỏ những chương ngại, mà đáng lẽ chúng không bao giờ xuất hiện được.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 22

ĐI THẮNG ĐẾN MỤC ĐÍCH DUY NHẤT

Chỉ có một công việc mà con phải nhớ luôn luôn là công việc của Đức Thầy. Dù công việc nào khác có thể đến với con đi nữa, thì ít ra con không hề quên công việc đó.

C. W. L. Trong đời sống hằng ngày, việc chú định vào mục đích là điều cần thiết để được thành công thực sự. Người kiên nhẫn cuối cùng luôn luôn chiến thắng, vì tất cả quan năng của y đều đồng thời làm việc, trong khi những người khác nhắm vào nhiều mục đích và thay đổi không ngừng. Chẳng hạn người quyết làm giàu, y vận dụng tất cả tư tưởng và ý chí của mình vào mục tiêu ấy, y luôn luôn cẩn thận và thảo kế hoạch, chắc chắn y gần thành công. Một người kia quyết định để tất cả thì giờ của mình phụng sự Đức Thầy với năng lực không ngừng gia tăng và y chịu gác bỏ tất cả công việc khác, đương nhiên y sẽ tiến bộ nhanh chóng.

Kỳ thật, không có việc gì khác hiện đến được, vì mọi việc hữu ích và vô tư lợi đều là công việc của Đức Thầy, và con phải làm cho Ngài. Phải hết sức chú ý vào mỗi phần việc của con làm và rán hết sức con để làm việc đó cho khéo léo.

C. W. L. Công việc của người đệ tử, một phần lớn gồm có sự luyện mình để một ngày kia thực hành cho Chơn Sư một công việc có những trách nhiệm nặng nề. Và công việc này không phải tất cả đều giúp ích trực tiếp những ý muốn hiện tại của Đức Thầy. Nó hơi giống công việc một học sinh

trung học khi học chữ La Tinh chẳng hạn, em không làm gì nổi bật, nhưng em đang mở mang và phải mở mang những năng khiếu trí thức về những đức tánh để trở nên hữu ích cho đời em sau này. Đôi khi những bồn phận của đời sống hằng ngày mang đến hai sự lợi ích này, vì chẳng những nó bảo đảm cho những người hoàn thành công việc một phương tiện tuyệt hảo để luyện mình và học hỏi, mà còn mang đến nhiều cơ hội giúp đỡ kẻ khác phát triển tính tình và lý tưởng của họ. Về điểm cao hơn hết đó là công nghiệp của Đức Thầy. Mọi hoạt động khác nhau của đời sống hằng ngày vẫn phù trợ những sự cố gắng kiên trì của chúng ta hiến dâng cho công việc của Đức Thầy, khi chúng ta hoàn thành chúng vì Ngài và nhân danh Ngài. Công việc của Đức Thầy đối với chúng ta không phải là một điều đặc biệt và xa lạ với đồng loại của chúng ta. Khéo dưỡng dục con cái để tới phiên chúng nó, chúng nó phụng sự Ngài một cách xứng đáng, làm lụng cho có tiền để dùng vào công việc của Ngài, có quyền thế để hỗ trợ ý định của Ngài, mọi việc này đều thuộc về công nghiệp của Đức Thầy. Nhưng trong khi thực hiện những điều này: chúng ta phải luôn luôn đề phòng những sự nguy hiểm của ảo ảnh có thể dùng thanh danh của Đức Thầy để che đậy một ý muốn ích kỷ đáng chiếm được uy quyền hay là tiền bạc.

Cũng vị Giáo Chủ vừa rồi có viết như vậy: "Dù con làm việc chi cũng vậy, con phải vui lòng mà làm, như con làm cho Đức Thượng Đế, chứ không phải làm cho con người". Con hãy tự hỏi: Con phải làm việc như thế nào, nếu con biết Đức Thầy sẽ đến xem nó, con phải làm mọi công việc của con với ý nghĩ đó. Những người thật khôn ngoan hơn hết mới hiểu được ý nghĩa của đoạn này. Còn một đoạn khác cũng giống như thế, nhưng xưa hơn nhiều: "Dù tay con làm việc gì, con cũng phải hết sức chú ý vào đó".

C. W. L. Trọn cả thế giới đều nằm trong Tâm Thức của Đấng Chúa Tể quả địa cầu, ấy là Đấng Duy Nhất Thế Tôn Cầm Quyền Điểm Đạo [85], mọi hành động của chúng ta đều diễn ra trước sự Hiện Diện của Ngài. Do đó mới nảy sinh cái ý niệm xưa của Thiên Chúa Giáo về sự Toàn Tri, Toàn Thông, Vô Sở Bất Tại của Đức Thượng Đế mà người ta nói rằng: "Chúng ta sống, hoạt động và tồn tại trong lòng Ngài". Đây không phải là một sự tương tượng thi vị, mà là một sự kiện khoa học: Chúng ta sống trong hào quang của một Vị Vua [86] của Thế gian, vẫn còn là một vấn đề nan giải và bất

khả tri, đối với chúng ta. Tuy nhiên, một ngày kia chúng ta sẽ đi đến vị trí cao tốt đó.

Quan niệm thuở xưa về Trời làm cho sự Vô Sở Bất Tại của Ngài có một tính cách khủng khiếp. Người ta cho rằng Trời luôn luôn tìm kiếm đặng khám phá những lỗi lầm, Ngài hằng hái quan sát để xem ai phạm luật của Ngài, đặng Ngài trút cơn thịnh nộ lên kẻ phạm tội khốn nạn kia. Nhiều đứa trẻ đau khổ ghê gớm vì chúng nói rằng Trời thấy tất cả những hành vi của chúng. Chúng cảm thấy hình như không có sự công bình, khi tất cả những gì thuộc về chúng đều bị vạch trần ra. Đó là điều đặc biệt, bởi vì đứa trẻ sợ hãi không hề biết vị dẫn đạo của nó phán xét nó như thế nào về mọi hành vi của nó. Trái lại khi hiểu được lòng bác ái vô biên của Trời, người ta bắt đầu thấy rằng sự Vô Sở Bất Tại của Ngài là một sự bảo hộ và ban ân huệ lớn nhất cho chúng ta.

A. B. Sự thử thách mà Đức Thầy nêu lên ở đây phải được áp dụng cho mọi hoạt động của chúng ta. Chẳng hạn như bạn viết một bức thư, nếu bạn biết rằng Đức Thầy sẽ đến và sẽ đọc nó, bạn sẽ viết một cách thật cẩn thận về cả hai phương diện nội dung lẫn hình thức. Bất cứ công việc nào của bạn cũng là công việc của Đức Thầy, nếu bạn làm hết mình, dù đó là một cố gắng mà Đức Thầy đòi hỏi vì một mục đích cấp thời hay là để chuẩn bị bạn cho công việc sau này. Nếu chúng ta thuộc về Ngài, thì mọi việc đều thực hiện cho Ngài, chứ không thể ai khác. Cầu xin đó là thái độ tinh thần thường hằng của bạn và bạn sẽ tạo ra một bầu không khí trong đó việc chú định vào đối tượng sẽ phát triển.

Nếu chúng ta thực sự có một đối tượng, mọi việc sẽ diễn tiến một cách đẹp để biết bao! Chỉ làm việc để phụng sự Ngài. Đó là ý tưởng mà tôi luôn luôn duy trì trong trí như những môn đồ trẻ tuổi hơn tôi đã làm. Tuy nhiên tôi nhờ sức mạnh của thói quen nhiều hơn ý tưởng đó giúp tôi. Có khi tôi tự hỏi: "Tại sao tôi trả lời bức thư này?", và trong trí tôi liền xuất hiện câu trả lời: "Tôi gặp công việc này trên bước đường của tôi, vậy nó chính là công việc của Đức Thầy".

Bạn hãy tiếp tục dành cho ý tưởng đó một vị trí quan trọng nhất trong trí bạn suốt cả thời gian bạn còn làm đệ tử. Mọi người phải tập lấy thói quen đó và khi đã tập xong phải tăng cường nó. Thói quen ấy đã giúp chúng ta áp dụng tất cả những phương tiện của chúng ta vào công việc của chúng ta đang làm

bất cứ việc nào: Tất cả những phương tiện, bởi vì nó có như thể công việc của chúng ta mới trở thành một phần của công việc thiêng liêng và là một phương pháp luyện tập hữu ích cho sự mở mang tánh tình. Bạn hãy tìm sự hoàn toàn đừng để xảy ra một điều xấu xa nào.

Đi thẳng đến mục đích duy nhất cũng có nghĩa là khi con bước vào Đường Đạo rồi, thì không có cái gì làm cho con chuyển hướng lìa khỏi Đạo được, dù chỉ trong chốc lát thôi. Không có sự cảm dỗ nào, thú vui nào ở thế gian, cũng như những sự luyến ái nào trên cõi đời có thể làm cho con lạc bước. Bởi vì con phải nhập một với Đạo. Trên quan điểm này, Đạo phải là bản tính của con, con bước trên Đường Đạo mà con không cần nghĩ đến Đạo và cũng không thể nào rời Đạo được nữa. Con là Chơn Thần, con đã nhất định như thế. Nếu con tự lìa khỏi Đạo, tức là con tự chia lìa con vậy.

C. W. L. Những bản Thánh Kinh khác cũng nói rằng mỗi người phải trở thành "một" với con Đường Đạo. Đấng Christ đã nói với các môn đồ của Ngài rằng: "Ta là Đường Đạo" [87]. Đức Shri Krishna cũng dùng những lời lẽ giống hệt như thế: "Ta là con đường mà khách lữ hành phải noi theo". Cũng ý niệm như thế vẫn có trong quyển Tiếng Nói Vô *Thinh*, trong đó nói rằng: "*Con không thể đi trên con Đường **Đạo** trước khi trở thành con đường đó*".

Thật ra, việc đang diễn tiến là mỗi người đều trở thành Chơn Ngã của mình. Trong định nghĩa về Yoga, Đức Patanjali có nói rằng: "Khi con người làm chủ được Cái Trí của mình rồi thì y ngự trị trong trạng thái của y". Chơn Thần là Chơn Ngã thật sự của chúng ta, ấy là Đức Thượng Đế ẩn tàng bên trong, nhưng Đức Thượng Đế ấy phóng xuống cõi trần một cái bóng của mình để tạo thành Chơn Nhơn, và đến lượt Chơn Nhơn, lại hóa thân một Phạm Nhơn, thì sự tiến hóa con người phải khá cao, còn trước đó, Chơn Nhơn chỉ nhìn xuống Phạm Nhơn thôi, cái may mắn được thành công rất ít cho đến khi Chơn Nhơn không làm gì quan trọng cả. Rồi tới cuộc Điểm Đạo lần thứ nhất là lúc Phạm Nhơn không còn ý chí riêng của nó nữa, nó chỉ sống để phụng sự Chơn Nhơn thôi, trừ ra lúc nào nó quên. Bây giờ Chơn Nhơn hoạt động xuyên qua Phạm Nhơn ở các cõi dưới và bắt đầu thực hiện đời sống của Chơn Thần và sống theo ý muốn của Ngài. Chơn Thần đã

chọn con đường mà Chơn Nhơn phải noi theo trong khi nó tiến hóa. Nhưng Chơn Nhơn có thể chọn một con đường khác, vì chính nó trở thành nguyên bản và tự giải thoát ra khỏi mọi ràng buộc, dù là những ràng buộc thuộc về cõi tinh thần [88]. Trên Đường Đạo người đệ tử phải luôn luôn nghiêng qua bên này hay nghiêng qua bên kia, nhưng khi ý chú định vào đối tượng của mình, thì cuối cùng ý trở lại con đường tốt đẹp nhất.

A. B. Con người thường quên rằng mình là biểu hiện của Chơn Thần, vậy thì, tất cả những gì bạn thực hiện dưới thể gian này đều do ý chí riêng của bạn, chứ không bị ý muốn nào khác buộc bạn. Ý chí của Chơn Thần là ý chí của bạn. Nhưng dục vọng của bạn không phải là ý chí của bạn chút nào. Bạn bị những vật ở bên ngoài lôi cuốn vì thể này hay thể khác của bạn muốn thỏa mãn cách này hay cách kia. Không phải bạn muốn thưởng thức sự vui đó, nhưng Tinh Chất Ham Muốn [89] hưởng thụ và kinh nghiệm điều đó. Về điều này, bạn phải dùng "Chơn Ngã" của bạn chống lại nó, Chơn Ngã chỉ nhắm vào chỗ tối thượng không hề lệch lạc. Chúng ta phải giống như cái địa bàn từ điện cực mạnh, cây kim có thể đổi hướng, nhưng luôn luôn nó trở lại đúng vị trí của nó. Bao giờ bạn chưa có đủ sức mạnh để chống lại mọi cám dỗ bên ngoài, thì bạn phải luôn luôn tập luyện đặng trở lại con đường ý chí duy nhất.

Bạn không phải là vật chất. Bạn phải sử dụng vật chất, bắt nó làm công cụ cho bạn. Thật vô lý khi bạn tự nép mình trước những vật liệu mà bạn đã góp nhặt để tạo ra công cụ cho bạn dùng. Thật giống như cái búa trong tay người thợ làm sườn nhà chôn chỗ đóng đinh vào, mà cái búa lại đập nát ngón tay người thợ, thay vì phải đóng vào đinh. Đôi khi xảy ra việc một người thợ tự gây thương tích cho mình, đó là tại ý vọng về. Bạn hãy tập trung thành với quyết định của bạn, ý chí thật sự của bạn và tới một ngày kia bạn sẽ không thể tách rời nó được.

Người ta cũng đạt được sự chú định vào đối tượng bằng cách tập trung tư tưởng. Bạn hãy chú ý vào một khoảng có giới hạn, trong một lúc nào đó. Bạn hãy chú ý vào một việc thôi để làm cho có hiệu quả. Một số khối nước nào đó, nếu chảy vào con kinh nhỏ hẹp đủ sức tạo nên một dòng nước mạnh, còn nếu người ta để nó tràn ra một khoảng rộng lớn, thì nó trở thành một vũng nước thôi. Đối với tinh lực của bạn cũng thế. Hãy tuân tự thực hiện công việc của bạn. Hãy hoàn thành mỗi việc một cách chính chắn và cương quyết thay vì làm tất cả mà không đúng đắn. Nếu bạn theo lời khuyên này

một cách nhẫn nại, chẳng bao lâu bạn sẽ thấy kết quả. Chắc chắn là có thể rất ít, trong mỗi tuần, nhưng nhiều tuần trôi qua, những kết quả sẽ được súc tích và không bao lâu, chúng sẽ trở thành một số lượng to tát của công việc đã được hoàn thành, và cũng như một số sức lực đã được tiêu nhận vậy.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 23

LÒNG TIN CẬY

Con phải có lòng tin cậy Đức Chơn Sư của con và con cũng phải tin cậy con nữa. Nếu con đã thấy Ngài rồi, thì trải qua nhiều kiếp luân hồi sinh tử, con cũng vẫn tuyệt đối tin tưởng Ngài, ít ra con phải cố gắng tưởng tượng Ngài và tin cậy Ngài, bằng không vậy thì Ngài cũng không thể giúp con được.

C. W. L. Một phần những lời này là của Alcyone, em đang nói về Đức Thầy của em, nhưng Đức Thầy cũng nói như thế về các Đấng Cao Cả hơn Ngài. Những gì chúng ta nói và nghĩ đến Đức Thầy, thì cũng giống như điều mà các Ngài đã nói và nghĩ đến Đức Phật, Đức Bồ Tát Di Lạc và các Đấng khác cao cả hơn Ngài. Chúng ta gần như không thể nào hiểu được thực sự một vị Chơn Sư ra sao. Chúng ta có thể ước thử. Chúng ta có thể gọi lên lý tưởng cao cả nhất mà chúng ta có thể biết, nhưng Chơn Sư tập trung vào Ngài những sự cao thượng; mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi, ý niệm cao nhất mà chúng ta có thể hình dung về Ngài cũng không bao giờ đầy đủ. Trong những trường hợp như thế chỉ có một lẽ phải duy nhất là tin cậy hoàn toàn ở sự Minh Triết của Ngài.

Niềm tin tuyệt đối này tùy thuộc một phần lớn ở quá khứ của chúng ta. Khi đọc quyển Những kiếp sống của Alcyone, chúng ta có thể thấy các trường hợp của Alcyone vẫn như thế, Alcyone đã liên kết chặt chẽ với Sư Phụ của em trong nhiều kiếp trước. Cũng trong những kiếp trước đó, tôi cũng nhận thấy tôi vẫn liên kết với Sư Phụ tôi. Và những người khác cũng trong trường hợp ấy. Tôi thiết nghĩ tôi phải kể sự thật này vì đó là lý do khiến tôi khi đọc một trang sách nói đến Đức Thầy, tức khắc tôi cảm thấy bị một mãnh lực vô biên lôi cuốn tôi đến với Ngài. Khi tôi được đặc ân thấy Ngài,

thì không có lúc nào tôi mất lòng tin cậy Ngài. Trong trường hợp như thế, người ta có thể nói rằng Chơn Nhơn biết, hoặc nó thấy sự hiện diện của Đức Thầy trên các cõi trên, hoặc nó nhớ lại những tiền kiếp, thuở nó đã biết Ngài. Đôi khi Chơn Nhơn biết nhưng không thể truyền sự hiểu biết của nó xuống cõi trần cho Phạm Nhơn. Thỉnh thoảng sự hiểu biết của nó truyền xuống một cách bất toàn hay sai lệch. Sau cùng, trong những trường hợp khác thì Chơn Nhơn chỉ biết thôi. Chơn Nhơn không thể sai lầm. Dường như nó không hề lầm lẫn. Nhưng không ai cãi được là Chơn Nhơn còn dốt lắm chuyện. Và lại mục đích sự tái sinh của nó là phá tan sự vô minh này.

Những người không có bằng chứng nào về sự hiện hữu của các Đấng Chơn Sư ắt sẽ chấp nhận tính chất hợp lý của quan niệm này và chắc chắn rằng: Nếu con người tiến hóa và đã trải qua nhiều giai đoạn, thì có những đoạn tiến hóa khác hơn dành cho con người trong tương lai. Chúng ta không thể xem mình như là sự hoàn mỹ của những thời đại! Sau cùng sự hiện hữu của các Ngài được xác nhận bởi nhiều nhân chứng gặp gỡ các Ngài và hầu chuyện với các Ngài [90].

Có nhiều người đã thấy các Ngài, nhưng về sau họ mất đi một phần tin cậy ở các Ngài. Quả nhiên, điều đó không thể hiểu được. Chẳng hạn như tôi nhớ rõ rằng Ông Brown ở Luân Đôn. Vì ông có viết một quyển nhỏ tự thuật tiểu sử của ông, nên không có chi ngăn cản những điều chúng ta nói về ông. Ông đến Ấn Độ vào một thuở kia rất lâu, tại đó ông được đặc ân lạ thường là gặp một trong hai Đấng Chơn Sư đã thành lập Hội Thông Thiên Học, trong xác phạm của Ngài. Các Ngài ít khi rời khỏi tịnh thất [91] của các Ngài ở Tây Tạng, hai Ngài có đến Ấn Độ lúc phong trào Thông Thiên Học khởi xướng; khi đó tôi là hội viên. Trong quyển Thế Giới Huyền Bí có thuật lại một sự viếng thăm của Đức Thầy Kouthoumi tại Amritsar, nơi ấy có một ngôi đền lớn bằng vàng của người Sikhs. Đức Thầy nói: "Ta thấy có những người Sikhs của chúng ta say sưa nằm trên thềm của ngôi đền của họ. . . . Ngày mai Ta sẽ trở về tịnh thất của Ta".

Tôi thiết nghĩ, càng ngày các Ngài càng thấy rằng các Ngài dùng thần lực của các Ngài một cách tuyệt hảo trên những cõi cao, các Ngài bèn giao phó công việc dưới trần cho những người còn ở tại thế gian hiện nay đã tụ hợp dần dần chung quanh các Ngài. Ông Brown hồi còn trẻ, trước hết đã thấy Đức Thầy Kouthoumi trong thể vía của Ngài. Rồi sau này ông đi du lịch lên miền Bắc Ấn và làm thơ ký cho Đại Tá Olcott. Lúc ông ngủ trong chiếc lều của Đại Tá, nhưng khác buồng, thì Đức Thầy trong thể xác đến thăm Đại Tá. Đức Thầy nói chuyện một lát với Đại Tá rồi Ngài bước sang qua phòng

khác. Tôi không hiểu tại sao ông Brown lại kéo tấm "ra" trải giường phủ đầu ông, vì ông sợ giáp mặt với Đức Thầy. Trong trường hợp đó, ai cũng có mặc cảm về tội lỗi của mình, nhưng lỗi bắt chước con đà điểu và dấu mình dưới tấm "ra" thì theo tôi, hình như không ích chi lắm, vì hiển nhiên nó cũng là một vật trong suốt trước nhãn quang cao siêu. Tuy nhiên, Đức Thầy vẫn nhẫn nại nói rằng; "Con hãy thò đầu ra khỏi tấm "ra" đi. Ta muốn con xem coi Ta có phải là người mà con thấy trong Thề Vía của con chăng? Rốt cuộc Đức Thầy không nói thêm nữa và để lại một mảnh giấy cho ông, lúc ấy ông mới tỉnh lại. Một cơ hội mà nhiều người khác phải trả giá rất đắt đã đến với ông. Dĩ nhiên là ông xứng đáng, nhưng ông không lợi dụng nó. Sau này, ông đâm ra nghi ngờ sự hiện hữu của Đức Thầy. Cũng có nhiều người khác được đặc ân thấy Ngài, nhưng họ lại tìm thế rút lui.

Có nhiều người do sự kinh nghiệm ở những tiền kiếp của họ đã tạo cho họ một tính hoài nghi, còn kẻ khác lại quá nhẹ dạ nên tin càn. Hai thái độ cực đoan này đều không giúp ích cho sự tiến hóa. Cả hai đều thiếu tinh thần khoa học. Mỗi người đều có trong trí sự thấy tổng quát. Nếu có những điều kiện mới mẻ nào được trình bày cho y phù hợp với sự thấy đó, thì y sẵn sàng nhìn nhận là đúng chứ không đòi hỏi những bằng chứng rõ ràng, chắc chắn: "Phải, chúng ta nói, điều này dường như rất đúng. Nó phù hợp! Chắc chắn nó như thế". Một mặt khác, nếu người ta nói với một người bình thường những gì không phù hợp với sự hiểu biết trước của y, thì y tuyệt đối phủ nhận nó. Nếu chúng ta đã có kinh nghiệm nghiên cứu khía cạnh bên trong của sự vật, chúng ta sẽ bỏ ngay thái độ từ chối một việc xác nhận nào đó vì lẽ nó không phù hợp với điều mà chúng ta đã biết trước kia. Người ta tập ngưng phán đoán, không chấp nhận mà cũng không phủ nhận; người ta chỉ nói rằng: "Theo chỗ tôi thấy, từ đó đến giờ, điều ấy hình như không đúng lắm. Tuy nhiên tôi không phủ nhận chi cả. Tôi để ý tưởng ấy qua một bên, chờ đến khi nó được tỏ rõ hơn nữa". Thật là nông nổi mà trả lời rằng mọi sự vật mà người ta chưa thí nghiệm thì không thể có được. Điều đó chứng tỏ sự dốt nát của mình.

Nói một cách tổng quát, dưới cõi hồng trần này những người càng biết ít, thì càng tin nhiều. Trong khoa học, những người nói một cách vô đoán tự thị là những sinh viên. Những nhà đại thông thái có thói quen nói rằng: "Tôi đã thí nghiệm sự kiện này, sự kiện kia, nhưng tôi không tự hào suy ra được định luật". Một ngày kia Lord Chancellor có nói rằng: "Vị trạng sư trẻ tuổi nơi đây cũng không chắc chắn hơn tôi". Sự chắc chắn của những người trẻ tuổi do việc họ không học hỏi đặng biết rằng có nhiều điều có thể có, họ không hiểu rằng, nên cẩn thận, đừng bày ra định luật quá rõ ràng. Sau nhiều năm

học hỏi, chúng ta tập chọn lựa những danh từ của chúng ta dùng một cách kỹ lưỡng hơn. Có không biết bao nhiêu sự thật không ngót bao phủ chúng ta mà chúng ta không biết. Nói một cách tổng quát, thế hệ trước đây, người ta chế nhạo và cho là không thể có được nhiều việc mà ngày nay là chuyện tầm thường trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Tốt hơn là nhận thức sự kiện đó từ lúc đầu và chờ đợi những phát minh mới, luôn luôn có thể xảy ra, việc ấy chúng tỏ sự tiến bộ của nhân loại.

Điều rất hữu ích cho chúng ta là được giải thoát ra khỏi những thành kiến, chúng ta là những người nghiên cứu các vấn đề cao siêu. Chúng ta phải đủ sức uyển chuyển để chấp nhận những chân lý có tính cách phá hoại khi chúng phù hợp với lương tri. Bằng không, chúng ta chỉ nên gác chúng nó qua một bên và nói rằng chúng ta chưa tin chắc. Chúng ta không kết án chúng, cũng không kết án những người cổ vũ chúng. Chân lý biểu hiện nhiều mặt, thế nên thường thường không phải một người hay một nhóm người thấy hết những khía cạnh của nó một lượt. Do đó những gì hôm nay đối với chúng ta dường như phi lý, luôn luôn có thể chứa đựng một mảnh chân lý.

Khốn nỗi nhiều người không biết chi cả về vấn đề nào đó, mà tưởng rằng mình đã hiểu nó triệt để. Nhất là về tôn giáo, những người ít hiểu biết lại làm ồn ào để người khác chấp nhận ảo tưởng đã hiện ra trong Trí họ. Đôi khi họ nói rằng lương tâm là hướng đạo của chúng ta.

Nếu trong vài trường hợp có thể xảy ra như vậy, chúng ta cũng không thể luôn luôn tin cậy vào lương tâm, vì Chơn Nhơn mà nó là biểu hiện chưa phải là toàn tri. Lịch sử đã cho thấy rằng vì tuân theo lương tâm nên người ta mới thiêu đốt, tra tấn đồng loại của mình. Chơn Nhơn nào xúi dục làm những việc như thế, hiển nhiên là dốt về những điểm rất quan trọng. Rõ ràng là người ta phải lắng tai nghe tiếng nói của lương tâm khi chắc rằng nó nói, nhưng luôn luôn nên nhớ câu trả lời rất hay của vị Giám Mục South với một người Tin Lành ly khai như sau: "Chắc chắn là bạn phải theo sự hướng dẫn của lương tâm bạn, nhưng nên giữ sao cho lương tâm của bạn không phải là lương tâm của một thằng ngốc".

Sự tin cậy là điều tốt, tuy nhiên, người ta không thể tự bắt buộc mình phải tin, cũng như không thể tự bắt buộc mình phải yêu. Chúng ta chỉ quan sát những đức tánh của một người, rồi chúng ta có thể dần dần đạt được những lý do để thương yêu y. Cũng như chúng ta có thể suy gẫm về những lý do để tin và như thế, có thể dần dần đi đến đức tin. Nói cho đúng, tự nhiên

người ta không nên tin tất cả, mà chỉ tin những điều gì là sự thật mà thôi. Và lại chon lý này đòi hỏi nhiều năm nghiên cứu nếu những tiền kiếp không mang đến cho chúng ta một sự tin chắc nào.

Phương pháp của những vị Đại Sư trong các tôn giáo không phải là làm cho mọi việc trở nên dễ dàng đối với chúng ta. Lần đầu tiên tôi biết được Huyền Bí Học nhờ Bà Blavatsky. Thịnh thoảng bà ban cho những môn sinh của bà vài sự hiểu biết về Huyền Bí Học, nhưng bà không ngót đưa đến cho họ những cuộc thử lòng nghiêm khắc. Bà dùng phương pháp tẩy mạnh. Nhưng những người nào thật tâm chí quyết vẫn tiếp tục ở lại với bà, còn những kẻ khác thì bỏ bà ngay. Bà sửa chữa những thành kiến của chúng tôi, nhưng đối với những môn sinh của bà có biết bao sự tự xét mình cần phải thực hiện.

Nhiều người nói rằng bà đã làm những việc mà một vị Đại Sư sẽ không được phép làm. Ý kiến riêng của tôi luôn luôn như sau: "Bà Blavatsky có những sự hiểu biết về Huyền Bí Học; và tôi sẽ nhận được những điều đó, nếu bà bằng lòng ban cho tôi. Ngoài ra tất cả những gì bà làm đều là việc riêng của bà. Chính Sư Phụ của bà phán đoán những hành vi của bà, chứ không phải tôi. Bà có thể có những lý lẽ riêng để hành động. Như thế những lý lẽ đó tôi không biết được. Bà hiểu biết mấy việc đó, bà nói về những vị Chon Sư ấy - Tôi muốn đạt được những sự hiểu biết như thế, và nếu sức người có thể làm được, tôi đến quỳ dưới chân các Ngài". Tôi từ bỏ tất cả để theo bà và tôi không bao giờ luyến tiếc sự tin cậy mà tôi đã đặt nơi Bà Blavatsky. Tánh ưa chỉ trích là một hiệu quả của nghiệp báo nó không cho con người học hỏi mau lẹ như việc sẵn sàng chấp nhận điều gì hợp lý.

Nên nhớ rằng chúng ta không thể cho Huyền Bí Học là một trò chơi, hành động như thế, không có lợi chi cả và chúng ta còn mất ngày giờ. Nếu Huyền Bí Học không tạo thành sự ích lợi lớn lao hơn hết trong đời sống, thì nó vô giá trị. Chúng ta không thể liệt nó vào hạng thứ nhì, thứ ba, hay hạng thứ mười bảy trong đời sống, như nhiều người tử tế cố gắng làm. Nó phải chiếm hàng đầu trong đời sống và nhiên hậu trong tất cả những cái khác phải tùy thuộc nó. Sự tin chắc rằng Đức Thầy biết đích xác những điều ta phải làm và những lời nói của Ngài diễn đạt đúng đắn tư tưởng của Ngài, đó là sự biểu thị lòng tin cậy của ta đối với Ngài. Vậy nếu trong sách này, Ngài đưa ra vài nguyên tắc chính xác, thì chúng ta phải hết sức tuân theo. Tôi biết điều đó hình như khó khăn. Ấy cũng là một điều rất khó bảo người ta chấp thuận. Người ta nói rằng: "Phải, Ngài đòi hỏi chúng ta phải thân cận với nhau hoặc cái gì giống như thế". Lời nói của Đức Thầy diễn đạt tư tưởng của Ngài. Nếu chúng ta không tin Ngài, chúng ta sẽ thất bại, chúng ta phải tự trách lấy

mình. Trong khoa Huyền Bí Học, chúng ta phải tự bỏ sự trả giá của cõi trần để đi vào ánh sáng của chân lý, vượt ra khỏi thế giới của chúng ta để đi vào thế giới của các Ngài.

Nếu không có lòng tin cậy hoàn toàn, thì tình thương và thần lực không thể tuôn xuống một cách trọn vẹn.

C. W. L. Nếu còn nghi ngờ về sự hiện hữu của Đức Thầy, hoặc nghi ngờ chúng ta không bao giờ đi đến Ngài được hay là không tiến bộ được, thì chỉ một mình sự ngờ vực này cũng đủ khiến cho những sự rung động chuyển sang một chiều hướng xấu và người hoài nghi đó không thể thành một vận hà hữu dụng. Vậy thì đệ tử phải tin cậy Đức Thầy và thương yêu Ngài. Đồng thời y phải thương yêu nhân loại với một tình thương hoàn toàn vô tư. Ý muốn không thay đổi của Đức Thầy là đạt được mục đích mà ít hao tổn thần lực, hầu Ngài có thể tích trữ nó nhiều đặn dùng vào những việc khác. Người nào ở trong tình trạng như tôi đã mô tả, thì không phải là một vận hà tốt; và y không thể hữu dụng cho Đức Thầy. Thật đáng tiếc cho chúng ta không được Ngài dùng lúc Ngài cần sự giúp đỡ của chúng ta và những thể của chúng ta rung động nghịch với ảnh hưởng của Ngài, thay vì phải đem nó truyền sang cho kẻ khác.

Tôi nhớ đến trường hợp của một người kia vô cùng mong muốn được là đệ tử của một Đức Chơn Sư. Y đã phụng sự Ngài bằng nhiều cách và ước muốn lớn lao của y là được thấy Ngài. Tôi đang ở nơi nhà y khi Đức Thầy trong xác thân đến thành phố y cư ngụ. Tuy nhiên, Ngài không vào nhà. Tôi gặp Ngài ở ngoài và nói chuyện lâu với Ngài, nhưng Ngài không thể vào thăm người muốn làm đệ tử của Ngài, vì đúng lúc ấy Thể Vía của người này đang kích động mãnh liệt vì bị vài thứ dục tình dâm tiện xâm xé. Thế là mất cơ hội duy nhất của một kiếp sống, mà cũng có thể là cơ hội trong nhiều kiếp nữa. Nếu người này biết được Đức Thầy ở gần một bên, tôi chắc chắn rằng tất cả dục tình sẽ rơi xuống tức khắc. Nếu Đức Thầy dùng quyền năng của Ngài phá tan dục tình ấy để cho y thấy Ngài, thì phải tốn nhiều thần lực của Ngài.

Đừng nghĩ rằng Đức Thầy phiền trách chúng ta vì chúng ta không tin cậy hoặc có những cảm tưởng khác tương tự, hay vì Ngài tỏ ra khó khăn không chịu phí thì giờ để phá tan trận bão lòng của người chí nguyện để giúp y.

Ngài chỉ làm những gì hữu ích nhất cho công việc của Ngài mà thôi. Không có một lý do tình cảm nào làm cho Ngài thay đổi chiều hướng. Trong những tình trạng nghiêm trọng, phải dùng người giỏi nhất, dù y có phải là bạn hữu hay là không phải cũng thế, nếu gạt người ấy qua một bên để chọn một kẻ kém khả năng hơn vì lẽ y là bạn thân của chúng ta, thì chúng ta không làm tròn bổn phận. Chẳng hạn trong một trận đại chiến, muốn điều khiển những cuộc hành quân hoặc để điều khiển Bộ nào hay Ban nào đặc biệt thì phải dùng viên tướng giỏi nhất hay là những người có biệt tài. Đây không phải là lúc dùng chính sách thân thích để tìm một chỗ cho con cháu của một nhân vật nào đó. Phải có người làm việc giỏi nhất, vì quyền lợi tối cao cho mọi người là công việc phải được thực hiện hoàn hảo, tốt đẹp.

Trong Huyền Bí Học cũng thế: nếu công việc phải được hoàn thành thì các Đấng điều khiển nó sẽ dùng người có đủ tư cách nhất. Nhiều năm làm việc cho Ngài cũng không tạo thành quyền đòi hỏi được Chơn Sư giúp đỡ, hoặc được các Ngài để ý đến. Bổn phận của Đức Thầy là chọn người có thể hoàn thành công việc, dù y là người mới đến với Ngài hay đã phụng sự Ngài nhiều năm.

Bất cứ là ai khi để việc làm lên trên tất cả lại không vui mừng khi thấy kẻ khác thực hiện được nó tốt đẹp hơn mình? Đã lâu lắm rồi Ông Ruskin có nói về một công việc nào đó như sau: "Dù đó là công việc của tôi, việc của bạn hoặc của một kẻ khác, thì có quan hệ gì? Nó đã thành công". Bạn đừng do dự tuyên bố việc đã thành công, dù chính bạn thực hiện nó, bạn cũng đừng quên nhìn nhận tác phẩm toàn hảo hơn do kẻ khác hoàn thành vì cá nhân của tác giả không có gì là quan trọng. Trong tác phẩm của Ông Ruskin người ta nhận thấy nhiều đoạn rất đặc sắc. Tôi nghĩ rằng ông không biết chi về Huyền Bí Học cả; vả lại tôi cũng dốt về khoa ấy trong thời kỳ tôi biết ông, nhưng nhiều trang trong tác phẩm ông đã mang thực sự tính cách của khoa Huyền Bí Học.

Con cũng phải tin cậy con nữa. Con nói rằng con tự biết con quá rõ rệt về điều đó ư? Nếu đó là tình cảm của con, thì con không tự biết con đâu. Con chỉ biết lớp vỏ bên ngoài thường dính bùn dơ, còn con, thật con, là một Điểm Linh Quang của Đức Thượng Đế và Đức Thượng Đế toàn năng ngự trong mình con, và vì lẽ đó mà không có điều gì con không thể làm được, nếu con có ý chí. Con phải tự nói: "Điều gì con người đã làm rồi, thì con người có thể làm lại được. Tôi là con người,

mà tôi cũng là Thượng Đế ở trong con người nữa. Tôi có thể làm được việc nào đó và tôi muốn làm". Nếu con muốn bước vào Đường Đạo, thì ý chí của con phải cứng rắn như thép đã trui.

A. B. Khi đem những lời giáo huấn mà chúng ta mới bình luận trình bày cho vài người và khuyên họ từ bỏ những sự điên rồ, những sự lầm lạc về hạnh kiểm của họ thì đôi khi họ đáp lại rằng: "Tôi không thể làm gì được, đó là bản tính của tôi". Nhiều người dùng lời cáo lỗi này để né tránh. Nếu bạn viện lẽ như thế, thì bạn sẽ không thật đúng đắn, nhưng bạn phải thật đúng đắn. Bạn không thể đùa giỡn với những vấn đề nghiêm trọng đó. Dầu mục đích mà bạn chọn lựa thế nào chăng nữa, sớm hay muộn bạn sẽ đạt được nó.

Nếu bạn nói: "Tôi không thể làm được điều gì" thì chắc chắn bạn không làm được, bởi vì tư tưởng này làm tê liệt bạn. Đó là một lỗi lầm rất tai hại, nó ngăn cản mọi sự tiến bộ và làm cho bạn đứng yên lại một chỗ trong nhiều tháng hay nhiều năm. Như thế chẳng khác nào một người tự cột chân mình vào một sợi dây rồi nói: "Tôi không đi được". Dĩ nhiên, đúng như thế, vì y đã ra sức tự trói mình y. Hãy tháo dây ra, nếu y không muốn ngồi một chỗ, rồi y sẽ sử dụng được đôi chân khá dễ dàng. Bạn có thể làm được. Bạn hãy từ bỏ tư tưởng lầm lạc mà bạn đã để nó làm cho bạn tê liệt. Bạn hãy nghĩ trong trí là bạn có thể hành động và bạn có thể hành động hữu hiệu, rồi sự tiến bộ nhanh chóng của bạn sẽ làm cho bạn ngạc nhiên. Nếu bạn không đồng ý như thế, chỉ vì bạn không đúng đắn, hoặc ít ra không được đúng đắn như ý Đức Thầy muốn. Bạn chỉ giả vờ là người đúng đắn. Tôi không nói rằng bạn không cố gắng, nhưng sự cố gắng đó không có gì đáng kể.

Bạn sẽ hiểu ý tôi khi áp dụng mấy sự nhận xét trên đây vào những vấn đề thuộc về đời sống xã hội, vào nghề nghiệp để nuôi vợ con. Bạn biết rất rõ rằng trong vấn đề này nếu có một chướng ngại nào chặn đường bạn, thì bạn nhất định vượt qua nó tức khắc và bạn sẽ dùng hết sức mình vào việc đó. Bạn sẽ không ngồi xuống và nói: "Tôi không thể làm gì được". Bạn hãy lấy một ít sự đúng đắn để áp dụng vào vấn đề này, bạn sẽ đúng đắn trong tất cả những việc ít quan trọng. Một công việc, nếu có vẻ nghiêm trọng là tại người ta làm công việc đó không thật sốt sắng.

Rất vô ích mà cầu xin Đức Thầy trợ giúp bạn, nếu bạn không cố gắng thoát ra khỏi sự khó khăn. Như thế giống như việc bạn cầm cái tách mà bạn lấy tay đây kỹ lại rồi cầu xin nước. Khi nước rót xuống nó chảy trên bàn tay của

bạn, rồi tràn ra chung quanh cái tách, bạn không hứng được miếng nước nào cả. Bao giờ một người cố gắng làm hết sức y, tức là y hành động theo cách thức Huyền Bí Học vậy. Có lẽ kết quả của sự cố gắng không biểu hiện ngay trong ngoại giới, nhưng y đang sức tích năng lực, cuối cùng nó sẽ qui định sự thành công.

Điều gì bạn phải làm vốn đã được hoàn thành rồi và còn có thể thực hiện lại nữa, khi nào bạn tự cho rằng bạn bất tài, thì bạn thật sự bất lực. Trái lại, nếu bạn tự nói rằng: "Những việc này phải làm, tôi sẽ làm", rồi bạn sẽ thực hiện được. Hãy quyết định như thế. Tư tưởng của bạn sẽ thành một vị thần hộ mạng luôn luôn ở bên cạnh bạn để bảo đảm sự thành công. Trái lại, như người Công Giáo đã nói: Ở kề bên bạn có một con quỷ do tư tưởng của bạn đã sinh ra nó. Sinh ra những con quỷ như thế thật vô ích. Tốt hơn nên sinh ra một vị Thiên Thần, một hình tư tưởng lớn: "Tôi làm được và tôi muốn làm".

C. W. L. Quả thật là con người có thể hoàn thành tất cả những gì mà y muốn, nhưng không thể nói rằng y sẽ thành công tức khắc. Đó chính là điều mà đôi khi người ta lầm lạc. Tôi biết điều này rất rõ, vì tôi nhận được nhiều bức thư gửi đến cho tôi do những người lâm vào những hoàn cảnh khó khăn, nghiêm trọng, thí dụ thành ra nô lệ của rượu chè hay là những chất ma túy khác, những ám ảnh khác. Thường thường họ nói với tôi rằng: "Tôi không còn nghị lực nữa. Nó đã mất rồi. Tôi không thắng nổi những khó khăn của tôi. Phải làm sao bây giờ"? Phải gặp những trường hợp như thế mới biết được những nỗi khủng khiếp của những sự mê sa ấy ảnh hưởng đến con người như thế nào, chúng nó tiêu diệt ý chí con người và không cho con người làm được việc chi cả.

Trong những trường hợp đó đôi khi người ta nghĩ đến sự hủy mình. Đó là định kiến rất tai hại. Một người dù bị cụt tay cụt chân, tàn phế suốt đời, y cũng phải lợi dụng những dịp may có thể còn lại, phải thu góp toàn lực và tiếp tục dũng cảm phấn đấu. Sự tự tử sẽ đem đương sự trở lại tình trạng mà y muốn trốn tránh, chưa kể Quả Xấu do hành động ấy gây ra. Kẻ thất vọng phải tự nói rằng ý chí của mình vẫn tồn tại, nó là ý chí của Đức Thượng Đế biểu hiện trong mỗi người. Song nó cần phải được khai thông, phát triển, điều đó có thể thực hiện dần dần. Sự tận tụy của một người bà con hay một người bạn thân thật giàu tình thương và nhẫn nại trong một trường hợp như thế có thể hành động như một ân huệ thật sự.

Người ấy đã làm gì để rơi vào tình trạng như thế? Có lẽ trọn trong kiếp này, hay có lẽ trong một hai kiếp trước, y đã tự ý nhượng bộ tinh chất dục vọng, chiều theo sự cảm dỗ của bản tánh thấp hèn và bằng lòng làm nô lệ cho nó. Trước nhất, có thể chống chọi lại, nhưng khi thể lực xấu không gặp sự kháng cự nào cả, sức mạnh của nó gia tăng đến nỗi y không thể nào ngăn chặn nó lại được tức khắc. Tuy nhiên y có thể bắt đầu làm việc đó. Chúng ta hãy lấy một thí dụ một người kia đẩy một toa xe lửa. Trong một nhà ga ở tỉnh, nơi người ta có đủ thì giờ, bạn có thể thấy một người phu đẩy một toa xe lửa từ đường rầy này sang đường rầy khác. Bạn thấy y làm như thế nào? Đồ vật công kênh và nặng đến hàng tấn, y đẩy liên tục, nhưng ban đầu nó không nhúc nhích. Nhưng kìa, nó đã bắt đầu chuyển động. Y cứ đẩy luôn và sự chuyển động tăng dần. Bây giờ người ta lại tìm cách dừng xe lại, nhưng không thể làm cho nó dừng ngay được. Nếu y không tránh, thì nó đụng y té nhào và cán nát y. Y tiếp tục cố sức chống lại nó, và thuận theo chiều của nó, cuối cùng y làm cho nó dừng lại được. Y đã tiêu hao một số năng lực nào đó mà y không thể lấy lại được, nhưng y có thể trung hòa nó bằng một năng lực tương đương.

Người nào tự nộp mình cho tinh chất dục vọng sẽ rơi vào tình trạng như thế. Y đã truyền vào nó một sức mạnh lớn lao, bây giờ y phải kháng cự lại nó. Người ta sẽ nói: "Sức mạnh này quá lớn". Đúng thế, nhưng nó không phải là vô biên. Nếu con người có thể xét việc đó không phải theo tình cảm, nhưng theo quan điểm trừu tượng như một bài toán, thì y sẽ không nói: Tôi là một con sâu thấp kém và mãnh lực này quá lớn đối với tôi", nhưng ra sức chống lại nó. Y có thể tuyệt đối chắc chắn rằng sức mạnh mà y đã truyền vào tinh chất dục vọng chỉ có giới hạn. Nhưng hiện giờ, y có một sức mạnh vô lượng, vô biên dành cho y. Vì chúng ta là những Tia Lửa Thiên, toàn lực của Thượng Đế giúp đỡ chúng ta, chỉ có chút ít lực đó truyền qua chúng ta một lần thôi, nhưng nó tuôn xuống không ngừng.

Tất cả những điều này phải được xét theo quan điểm của Chơn Nhơn, Chơn Nhơn có thể làm những chuyện đó và Ngài sẽ làm. Trong địa hạt phát triển Huyền Bí Học không có công việc nào đáng làm mà lại có thể thành đạt ngay được. Âm nhạc trong tâm hồn trỗi lên cũng chưa đủ, mà lỗ tai và đôi bàn tay phải luyện tập có phương pháp mới làm cho chúng ta thành một vận hà thích hợp cho quyền năng của âm nhạc. Vậy Chơn Nhơn phải bền chí luyện tập những thể của nó.

Đôi khi người ta nói: "Nếu bây giờ tôi không thắng được thói xấu đó, tôi sẽ

chờ đến ngày tôi thay đổi thể xác khác". Nói như thế là quên rằng xác thân kiếp sau sẽ có tính khí và tư chất y như xác thân hiện giờ, nếu người ta không chịu làm gì để sửa đổi nó, và tình trạng đáng tiếc sẽ tiếp tục trong thể xác kiếp sau đó. Trái lại, quyết định chiến đấu với chúng bây giờ, và thí dụ chúng nó thống trị con người đến ngày cuối cùng của kiếp này đi nữa, trong kiếp tới con người cũng sẽ được một thân xác thật tốt đẹp hơn. Đối với các cõi cao cũng giống như thế. Vì hạnh kiểm xấu xa, một người kia có thể làm tổn hại Thể Trí của y nặng nề đến nỗi nó không phục hồi được tình trạng cũ của nó nữa, tuy nhiên, nếu nhất quyết phấn đấu chống lại tật xấu, trong kiếp tới y sẽ được một Thể Trí tốt đẹp, thay vì một thể đầy những tật xấu đã làm cho y đau khổ. Trong trường hợp này, cũng như trong trường hợp khác, sự phấn đấu chính yếu vốn ở ngay buổi đầu; sự tin cậy tăng trưởng và sau đó phát triển.

Nếu có nhiều người muốn đem yếu tố tình cảm vào sự tương giao giữa họ với Đức Thầy, thì những người khác lại muốn thoát khỏi những sự báo ứng của định luật thiên nhiên. Họ muốn tức khắc được giải thoát mọi tội lỗi, mọi sự khổ nhọc của họ. Người Công Giáo thuộc hạng đa cảm sẽ nói rằng: "Chính ngay giờ phút này bạn được cứu rồi nhờ máu của Đức Jésus. Bạn sẽ được tuyệt đối thoát khỏi mọi phiền não và nó hình như không bao giờ có đối với bạn. Viễn ảnh ấy có phần hấp dẫn về vài phương diện, nhưng nó đã sai lầm. Sự thật như thế này: Khi bạn quay về đường khác, bạn thuận theo chiều hướng tốt lành của Thiên Ý, thì bạn giải thoát được tất cả những sự khốn khổ, phiền não trong lòng bạn do sự chống lại Thiên Ý mà sinh ra. Nhưng không phải vì thế mà những hậu quả bên ngoài của những hành động đã qua của bạn được xóa bỏ. Bạn đã hoàn thành sự biến đổi, bạn là con người đã cải hoán và giờ đây bạn đang dần thân vào con đường tốt đẹp. Nhưng bạn còn phải chịu hậu quả tai hại do chiều hướng sai lầm của bạn trước kia.

Chỉ trong chốc lát cũng đủ thay đổi thái độ của bạn. Dĩ nhiên bạn được ân xá rồi. Trên phương diện tinh thần, không có chi chống đối lại bạn nữa. Bạn đã được miễn tội. Nhưng một linh mục chính thống giáo không ngần ngại mà nói với bạn rằng: "Tôi không tự phụ xóa được hậu quả của những hành vi xấu. Nếu bạn đã sống một cuộc đời truy lạc, nếu bạn đã làm sức khỏe của bạn suy kém, tôi không thể làm gì được. Nhưng hậu quả này vẫn còn lưu lại và sự sám hối của bạn là sự rán sức bổ chính lại những sự hư hỏng. Điều mà tôi có thể tu chính lại được là sự phạm tội lỗi. Nói theo danh từ của Giáo Hội, bạn đã chống lại Đức Chúa Trời; tôi có thể chấm dứt việc đó. Ở đây sự ân xá của tôi sẽ đem lại sự lợi ích cho bạn. Đó là quyền năng của ý chí cao

siêu đã thay thế cho dục vọng thấp kém. Nó sẽ dẫn dắt bạn đến chỗ bạn muốn đến; nó sẽ giúp bạn ở lại trong con đường chơn chánh. Nhưng những hậu quả vật chất vẫn tồn tại". Riêng cá nhân bạn, bạn có thể sửa đổi thái độ của bạn. Vị linh mục có thể đem bạn về với chánh đạo trên cõi cao hơn, là nơi bạn không có quyền năng. Tôi không nói chúng ta không thực hiện điều này một mình được, nhưng chúng ta sẽ làm với một sự cố gắng lớn lao, một cách vụng về và thiếu khoa học. Đó là ảnh hưởng xấu xa của sự xá tội. Nhưng nó không thể miễn trừ cho con người hậu quả của tội lỗi do y đã gây ra. Định luật thiên nhiên chống đối lại điều đó.

Còn một nhận xét khác cần phải thêm vào : Bao giờ chúng ta chưa khai mở được ý chí và tự chủ được, thì chúng ta chưa thể thực hiện sự hiển minh cho Đức Thầy. Người ta nói rằng: "Tôi hiển minh trọn vẹn cho Đức Thầy". Nhưng phải chăng là hiển nhiên người ta không thể nào hiển dương hoàn toàn khi một phần nào cái Ngã đã bị những tánh xấu xâm nhập. Đây còn là một lý do để cho chúng ta mở mang ý chí. Đức Thầy nói rằng ý chí phải giống như thép đã trui. Tôi nhớ rất rõ trong một dịp, vì Alcyone không biết nghĩa mấy chữ này, nên cần phải cụ thể hóa một chút để giải nghĩa cho em hiểu. Chẳng phải có một ý chí như sắt đá, mà phải có một ý chí bằng thép, một ý chí không có gì lay chuyển nổi. Ý chí đã sẵn sàng; quyền năng thiêng liêng cũng ở trong mình ta. Chúng ta chỉ cần khai mở và tự điều khiển lấy mình. Lúc ấy chúng ta mới có thể đặt dưới chân Đức Thầy cái ý chí đó như một món quà tuyệt đẹp vô cùng vinh quang.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 24

LÒNG TỪ ÁI

SỰ GIẢI THOÁT, CÔI NIẾT BÀN, VÀ VÒNG SINH TỬ

Trong tất cả những đức tánh cần thiết, tình bác ái là quan trọng hơn cả, bởi vì khi nó khá mạnh nơi một người nào thì nó bắt y phải đạt cho được các đức tánh khác, và nếu không có tình bác ái, các đức tánh khác cũng không đủ vào đâu. Người ta thường giải thích tình bác ái như là một ý muốn mãnh liệt được thoát khỏi vòng sinh tử và hiệp nhất với Đức Thượng Đế. Nhưng giải thích như thế là xen tánh ích kỷ vào và giải thích có một phần mà thôi.

C. W. L. Chúng ta đã nói rằng trong quyển sách này những đức tánh không được phiên dịch theo cách thông thường. Trong những sự khác biệt này, có một chỗ quan trọng hơn hết là dịch chữ *moumoukshatva* ra chữ Bắc Ái. Cội rễ chữ này là *mouch*, có nghĩa là "phóng thích hay giải thoát". Trong hình thức được mong cầu, có phần trùng điệp và những sự thay đổi khác nữa, để thành chữ *moumouksh* là "muốn được giải thoát". *Moumouksha* là danh từ, có nghĩa là "muốn được giải thoát". Sau cùng *moumoukshatva* nghĩa là "tình trạng của người ước mong được giải thoát". Phần cuối của gần giống như chữ Anh là *ness*, như trong chữ "eagerness". Từ cội rễ ấy sinh ra chữ *Moksha*, là "sự giải thoát", "được tự do" hoặc "sự giải phóng".

Người ta thường hỏi có phải *Moksha* đồng nghĩa với *Nirvâna*, *Niết Bàn* không? Hai chữ ấy khác nghĩa nhau, nhưng chúng ta có thể dùng làm thuộc từ cùng một tình trạng của đời sống hay là cao hơn tình trạng mà chúng ta gọi là đời sống. Chữ *Nirvâna* có cội rễ *va*, gắn liền với tiếp đầu ngữ *nis*, là "thối tắt" hay "dập tắt bằng cách thối". Vậy nó được phiên dịch là "thối tắt". *Moksha* là thoát vòng sinh tử. *Nirvâna* là do sự thối tắt tận diệt những gì thuộc về nhân tánh, tức là những gì chúng ta thường cho là thuộc về Bản Ngã, đã trói buộc con người vào bánh xe Luân Hồi. Vài người Ấn Độ quan niệm *Moksha* như một trạng thái tiêu cực. Họ cố gắng hủy diệt mọi sự ước muốn cá nhân, mọi quyền lợi của con người. Như thế không có một sự quyến luyến những vật nào hoặc những người nào có thể kéo họ lại đời sống hồng trần. Họ đã thoát khỏi bánh xe sinh tử luân hồi, trong một thời gian lâu dài. Tuy nhiên, đa số người Ấn lại nghĩ *Moksha* như một trạng thái toàn phúc không thể diễn tả, theo sau trạng thái ảo ảnh của sự chia ly, được gọi là trạng thái *Kaivalya* là trạng thái độc lập, là đơn vị tuyệt đối. Đối với vài người Phật Giáo, *Niết Bàn* hủy diệt hoàn toàn con người. Trái lại, đối với vài người khác, *Niết Bàn* chính là sự nhận được sự minh triết và sự thụ hưởng phúc lạc, nó xóa bỏ mọi ý niệm xưa về Bản Ngã và về những kinh nghiệm của cái Ngã, vì nó tuyệt nhiên không thể mô tả được. Vậy người ta thấy rằng cùng thuộc về một tôn giáo, con người cũng có nhiều ý kiến khác nhau.

Những người Thông Thiên Học như chúng ta, đôi khi áp dụng danh từ *Niết Bàn* cho trạng thái tâm thức đặc biệt trên cõi *Niết Bàn* hay cõi tinh thần, nhưng chúng ta hiểu *Niết Bàn* là một trạng thái của bậc siêu nhân hay các vị Chơn Tiên đạt được năm lần Điểm Đạo. Các Ngài đã chọn một trong bảy con đường mở ra trước mắt Ngài, con đường ấy rất giống cõi *Niết Bàn* thật

sự của người Phật Tử - chứ chẳng phải là "Sự thôi tắt" của Phật Giáo Nam Tông (Tiểu Thừa), nhưng nó là sự an nghỉ và phúc lạc vô biên của Phật Giáo Bắc Tông (Đại Thừa).

Vị La Hán là người đã được bốn lần Diễm Đạo. Vị ấy có thể đem tâm thức lên cõi Niết Bàn và thực nghiệm sự sống tràn ngập ở cõi này như tôi đã mô tả trong quyển The Inner Life (Đời Sống Nội Tâm) và quyển The Masters and the Path (Chơn Sư và Thánh Đạo). Tâm thức ấy siêu việt hơn tất cả những điều mà chúng ta biết ở dưới trần, cho đến đôi người ta ái ngại gọi đó là Tâm Thức. Vị La Hán có một Tâm Thức mở rộng lớn lắm. Người không còn tánh chia rẽ nào cả. Không có sự cố gắng nào có thể diễn tả những ý niệm này bằng lời nói, vì chúng ta không có những danh từ để diễn đạt.

Thật hết sức khó mà dịch cho đúng nghĩa những tác phẩm chữ Phạn. Người nào mới tiếp xúc phớt qua Tâm Thức của cõi Niết Bàn sẽ hiểu hơn những kẻ khác về ý nghĩa của nó và những tác giả xưa đã mô tả vì đã có kinh nghiệm rồi. Người ta không thể nhờ một quyển tự điển giải nghĩa đích xác về những danh từ ấy. Bạn hãy tưởng tượng một người không biết chi về Thiên Chúa Giáo, cố gắng hiểu nghĩa một danh từ như chữ "la grâce" (ân trên, ân huệ). Nếu tra tự điển, y sẽ gặp chữ "gracile" (mãnh mai) hoặc "gracieux" (kiều diễm), chúng có nghĩa hoàn toàn khác biệt nhau. Cũng giống như chữ "dispensation" (sự miễn trừ) của Giáo Hội, có ý nghĩa thật khác xa với dispensation theo ý nghĩa thông dụng ngoài đời. Mỗi đạo giáo có một số ngôn ngữ đã mang một ý nghĩa tôn giáo đặc biệt theo thời gian. Rất khó mà hiểu biết những ý niệm ấy một cách đúng đắn, trừ phi chúng ta là người theo tôn giáo đó ngay từ thơ ấu và đứng về phương diện bên trong. Buổi đầu của phong trào Thông Thiên Học, trong chúng ta không ai biết tiếng Phạn cả. Bà Blavatsky khá thông thạo về những tôn giáo Ấn Độ, nhưng bà không biết chữ Pali (Nam Phạn) cũng như Sanscrit (Bắc Phạn). Phương pháp của bà là cố gắng hết sức diễn tả những gì chính bà thấy được, rồi hỏi một bạn Ấn Độ nào đang có mặt: "Bạn gọi điều đó là gì trong hệ thống của bạn"? Thường thường người ta không hiểu rõ điều bà muốn nói, nhưng y cho bà một chữ gần đúng nhất. Lần kế bà cần một danh từ, bà hỏi một người khác, nhưng bà quên người thứ nhất có thể là người Ấn Giáo và người thứ nhì là Phật Giáo, hoặc những người Ấn Giáo khác có thể thuộc về những trường triết học khác nhau.

Hơn nữa, Bà Blavatsky không phải là một giáo sư khoa học, trình bày một lý thuyết, rồi minh chứng bằng những thí nghiệm thích nghi và đưa ra những

bằng cứ lần lượt theo sự diễn tiến. Bà không làm việc theo một kế hoạch nào hay một khuôn khổ nào, sẵn sàng nhận lãnh những sự hiểu biết mới. Bà đưa ra nhiều xác nhận, nhưng ngôn ngữ lại không thể phù hợp với nhau và bà trả lời với những người xin bà giải nghĩa rành rẽ như sau: "Đừng bận tâm đến sự mâu thuẫn. Hãy suy nghĩ về những gì tôi đã nói mà thôi". Ý tưởng của bà minh bạch phi thường và sự hiểu biết của bà không ai chối cãi được.

Phương pháp của bà trái ngược với phương pháp của thời đại chúng ta là trước hết giải thích kỹ lưỡng những từ ngữ rồi sau đó mới qui cho nó một ý nghĩa cố định. Theo đó, e rằng khoa học và triết học trở thành một thứ đồ chơi như cờ tướng, mà nước đi của mỗi con cờ đều đúng theo qui tắc. Đối với bà, ngôn ngữ là những sinh vật sống động (có thể nói là hình tư tưởng ở cõi trần) dùng để kêu gọi trong Trí của thánh giả những sự hiểu biết có sẵn trong Trí của bà.

Muốn hiểu biết tất cả những mối liên hệ phức tạp giữa Chơn Nhơn và Phạm Nhơn, trước hết chúng ta phải biết đích xác những điều đó là cái gì? Vấn đề này đã được phô diễn rất dài dòng trong văn chương Thông Thiên Học lúc mới phổ biến giáo lý của Hội, cũng như trong thời gian gần đây. Tôi đã đề cập đến điều đó trong quyển Chơn Sư và Thánh Đạo. Để tóm lược những ý tưởng của chúng ta một cách vắn tắt và giản dị, chúng ta có thể quan niệm trong con người ba trạng thái mà Thánh Paul đã nói từ lâu, đó là: thể xác, linh hồn và tinh thần. Danh từ Thông Thiên Học tương ứng là: Phạm Nhơn, Chơn Nhơn và Chơn Thần. Chơn Thần vốn thật là thiêng liêng, nó là tia sáng của ngọn đèn vĩnh cửu, và về tất cả các phương diện nó là một phần tử của Đức Thượng Đế. Thật ra, lẽ tự nhiên theo một ý nghĩa cao hơn hết, tất cả đều là phần tử của Thượng Đế; không có gì hiện hữu mà không phải là Ngài và điều này đúng thật từ vật chất đến tinh thần. Tuy nhiên một ý nghĩa rất đặc biệt trong đó người ta có thể cho rằng Chơn Thần như một phần nhỏ của Thượng Đế xuống cõi trần hiện ra. Tôi biết rất rõ là không đúng với triết lý, không đúng với khoa học, mà cũng không đúng khi nói đến một phần của cái bất khả phân ly nhưng vì chúng ta thiếu ngôn ngữ diễn tả những trạng thái các cõi cao, nên tất cả điều gì chúng ta có thể nói đều tuyệt nhiên không thích hợp, do đó còn đưa đến chỗ sai lầm nữa. Vài tác giả đã cho rằng Chơn Thần là phản ảnh của Thượng Đế và Chơn Nhơn như một phản ảnh của Chơn Thần, còn Phạm Nhơn là đại diện của Chơn Nhơn. Về phương diện diễn tả theo ý nghĩa ấy có những ích lợi của nó, tuy nhiên tôi thấy dường như nó giải sự liên hệ thật sự ít đúng hơn định nghĩa sau đây: Chơn Thần có thể được xem như một phần tử của Thượng Đế, Chơn Nhơn là

một phần tử của Chơn Thần, và đến lượt Phàm Nhơn, nó là một phần tử của Chơn Nhơn.

Đức Thượng Đế của hệ thống chúng ta vui lòng phóng ra một số lượng vĩ đại Chơn Thần từ trong lòng Ngài. Đó là phần việc của sự phát triển vô tận. Nếu chúng ta được phép dùng sự so sánh này với tất cả tâm lòng tôn kính, thì Chơn Thần tuôn xuống từ Đức Thượng Đế như những tia lửa sau khi xuyên qua các cõi vật chất, rồi sẽ trở về với Ngài như vàng Thái Dương vĩ đại rực rỡ. Mỗi vàng Thái Dương có khả năng ban sự sống và ánh sáng cho một hệ thống mỹ lệ mà trong đó và nhờ phương thế đó hàng triệu Chơn Thần khác tới phiên chúng nó, có thể lần lượt phát triển.

Cái cao độ kỳ diệu đó, nguồn gốc của sự biểu hiện thiêng liêng này được gọi là Chơn Thần, không thể diễn tả được bằng danh từ của chúng ta trên một cõi nào. Nhưng dường như cõi thấp nhất mà Chơn Thần có thể xuống tới trong cuộc vận hành ly tâm của nó là cõi mà chúng ta gọi là cõi Chơn Thần. Người ta nhớ rằng trong bản danh mục của Bà Hội Trưởng tôn kính của chúng ta có kể cõi cao nhất trong bảy cõi mà người ta đã dạy chúng ta, được gọi là cõi Thiêng liêng. Cõi thứ nhì (đi xuống dưới), là cõi của Chơn Thần; cõi thứ ba là cõi Tinh Thần và cõi thứ tư là cõi Trục Giác. Nhưng muốn hoàn thành Thiên Ý, cần phải đi xuống nữa trong cõi vật chất. Dường như Chơn Thần không thể xuống thấp nữa được, song nó có thể phóng ra và thật sự nó đã phóng ra cái mà chúng ta gọi là một phần hay một mảnh của Chơn Thần, có thể đi xuống tới ba cảnh cao của cõi Trí Tuệ. Trên đường đi xuống, mảnh ấy tự biểu hiện trên cõi Tinh Thần hay cõi Niết Bàn như là Atma Tam Vị. Từ đó, vị Thứ Nhất ở lại cõi niết Bàn, trong khi vị Thứ Nhì đi xuống cõi Trục Giác và tự bao bọc bằng chất Bồ Đề. Vị Thứ Ba, hay trạng thái hoặc sự biểu lộ thứ ba, xuống cõi thấp kế đó và ngự trị tại cảnh cao của cõi Trí Tuệ. Ta gọi đó là Manas Supérieur [92]. Vậy Chơn Nhơn (danh từ chỉ mảnh của Chơn Thần phóng xuống) gồm có Atma, Buddhi và Manas, mà chúng ta dịch một cách vụng về ra Anh văn là: Ý Chí Thiêng Liêng, Minh Triết Trục Giác và Trí Thông Minh Linh Hoạt.

Sau cùng Chơn Nhơn phóng xuống một mảnh thật nhỏ bé của nó xuyên qua cõi Hạ Thiên và cõi Trung Giới, rồi biểu lộ trong một xác thân. Mỗi lần đi xuống liên tiếp như thế là một hạn chế không thể diễn tả nổi. Như thế con người mà chúng ta gặp dưới thế gian trong cõi hồng trần này, chỉ là một mảnh vụn, là một biểu hiện hết sức bất toàn về Con Người Thật mà chúng ta không thể quan niệm nổi; dù bằng ý tưởng mơ hồ nhất, lúc con người sẽ đi đến mức cuối cùng của cuộc tiến hóa.

Những Chơn Nhơn mà chúng ta giao thiệp hằng ngày vốn thuộc nhiều giai đoạn khác nhau của con đường tiến hóa thăm thẳm lạ kỳ này. Trong tất cả các trường hợp, trước tiên Chơn Nhơn ở tại cõi của nó như chúng ta đã nói, ấy là ba cảnh cao hơn hết ở cõi Thượng Giới hay là cõi Trí Tuệ. Ở cõi này, nó hoàn toàn riêng biệt với sự biểu hiện của nó là Phàm Nhơn. Nó có thể thức tỉnh đã lâu rồi, ý thức được những gì ở chung quanh nó và sống một cuộc đời siêng năng cần mẫn. Trái lại, nó có thể nửa mê nửa tỉnh, hầu như hoàn toàn vô ý thức đối với những gì ở chung quanh nó. Vì vậy, nếu nó có thể sống một cuộc đời ít nhiều hoạt động, thì chỉ do Phàm Ngã của nó ở những cảnh rất thấp thôi. Con người càng nâng tâm thức của mình xuyên qua những cảnh giới khác nhau, thì y sẽ thấy sự rung động của mỗi cõi trên nhanh chóng hơn sự rung động của cõi dưới kể nó. Khi nói rằng Chơn Nhơn đã phát triển trên cõi của nó, chúng ta cũng muốn nói rằng nó đã đáp ứng với tất cả những sự rung động của cõi này một cách đầy đủ. Nếu nó không ý thức đúng mức, thì những rung động thật nhanh sẽ lướt qua nó và không cảm được nó. Muốn ý thức được, Chơn Nhơn bị bắt buộc xuống thấp nữa và mượn một thể bằng chất khí nặng nề hơn mới có thể nhận thức được những rung động của cõi này. Sự thực tập lâu ngày trong cõi thấp ấy, giúp nó dần dần đáp ứng được với những rung động cao hơn ở cõi ấy, rồi theo từng bậc một cách thật chậm chạp, nó ứng đáp được với những sự rung động cõi trên kể đó. Như thế, tâm thức phải tự khai mở cho nó một con đường từ bậc này đến bậc khác.

Vậy trong Phàm Nhơn, tâm thức con người phải không ngớt hướng lên Chơn Nhơn, và khi tâm thức của Chơn Nhơn nhờ cách đó phát triển trọn vẹn rồi, thì đến lượt trong lúc đi lên, nó sẽ hướng về Chơn Thần. Trong toàn thể sự tiến dần xuống thấp để nhập vào vật chất, bên Ấn Độ gọi là Pravritti Marga hay con đường ra đi. Khi đến điểm thấp nhất cần đạt được, thì con người đi vào con đường Nivritti Marga hay con đường trở về. Sự gặt hái trong ngày đã hoàn tất, con người trở về mang theo những bó lúa. Nói một cách khác, con người đã có được một tâm thức hoàn toàn thức tỉnh. Tâm thức ấy làm cho y trở nên vô cùng hữu dụng trên cõi cao siêu mà y không thể làm được điều đó, trước khi nhập vào cõi vật chất. Trên đường trở về, phần thấp thỏi của Chơn Nhơn luôn luôn bị cám dỗ, nên nó quên mất sự liên lạc của nó với phần cao siêu, và nó hoàn toàn đồng hóa với sự biểu hiện thấp kém mà nó ý thức được một cách mãnh liệt hơn. Như thế, chính nó đã tự bít lối con đường dẫn đến sự biểu hiện cao siêu, vì nó đã tự lập nghiệp riêng cho nó ở thế gian. Tóm lại, Chơn Nhơn là một phần tử của Chơn Thần, Chơn Nhơn cũng bị cám dỗ như thế trên cõi cao hơn nhiều. Nhưng

hiện giờ chúng ta chỉ xét mối liên hệ giữa Chơn Nhơn và Phạm Nhơn. Hơn nữa chúng ta xét từ quan điểm của Phạm Nhơn ngược mắt nhìn lên Chơn Nhơn để cố gắng hợp nhất với nó.

Chơn Nhơn kết hợp với Phạm Nhơn vì nó khao khát những cảm giác mãnh liệt. Nó chưa phát hiện trên cõi của nó, nó không thể ứng đáp với những sự rung động nhanh chóng của cõi ấy. Những làn rung động chậm chạp của cõi thấp cảm nó nhiều hơn nên nó trở đi trở lại nhiều lần để thưởng thức. Càng tiến hóa, khát vọng của nó càng suy giảm dần dần. Đôi khi Chơn Nhơn đã tiến hóa cảm biết những thú vui và những hoạt động tại cõi riêng của nó, nó lại đi từ cực đoan này qua cực đoan khác và bỏ bê Phạm Nhơn bị giam cầm trong vòng Nghiệp Quả và sa lầy trong những tình trạng mà Chơn Nhơn vẫn biết mình đã vượt qua khỏi; nên Chơn Nhơn chỉ thấy những sự buồn bực sâu não thôi.

Sự khát vọng của nó về mấy cõi dưới cũng bớt dần theo sự tiến hóa của Phạm Nhơn. Khi trở nên hoàn toàn ý thức trên cõi Trung Giới, nó bắt đầu thấy đời sống ở cõi hồng trần dường như tương đối lu mờ. Khi đến cõi Hạ Thiên, thì cõi Trung Giới trở nên âm đạm và u buồn đối với nó. Sau cùng cả ba cảnh thấp nhất này mất cả sức hấp dẫn của chúng, khi Chơn Nhơn bắt đầu thưởng thức được đời sống còn mãnh liệt và huy hoàng hơn của Nhân Thể. Nhiều người đã đi đến mức tiến hóa mà họ có thể di chuyển trên cõi Trung Giới trong lúc ngủ để hoàn thành những công việc hữu ích tại cõi ấy. Tất cả những sinh viên Huyền Bí Học đều có Thể Vía mở mang tốt đẹp và sẵn sàng phụng sự, dù phần đông chưa có thói quen sử dụng nó. Hạ Trí của họ cũng có trật tự và sẵn sàng hoạt động. Sự tham thiền thường xuyên làm cho nó phát triển và khiến cho nó biết vâng lời. Trong giai đoạn này, có thể dạy con người dùng thể ấy. Như thế trong giấc ngủ, y có thể rời bỏ Thể Vía và xác thịt một lượt. Khi công việc này đã hoàn tất, sự diễn tiến như thế được lập lại trên cõi Thượng Thiên. Như thế Chơn Nhơn thức tỉnh trên cõi riêng của nó.

Những thể thấp là những y phục tạm thời mà chúng ta khoác lấy để học hỏi cách dùng thần lực riêng biệt trên cõi của chúng. Khi chúng ta đã hoàn tất công việc này rồi và Chơn Nhơn làm việc một cách toàn vẹn trong Nhân Thể của nó, trong lúc Điểm Đạo lần thứ tư, thì sự đầu thai lại trong những cõi thấp không còn cần thiết nữa. Người nào đã làm chủ được những cõi thấp thỏi này thì bất cứ lúc nào cũng có thể tạo ra một Thể Vía và một Thể Trí giả tùy thuộc những sự nhu cầu của y. Đạt đến mức ấy, y sẽ thoát khỏi vòng sinh tử khổ nhọc và những kinh nghiệm đau buồn. Có thể chúng ta không

luôn luôn thấy trạng thái đó vì cuộc đời cũng mang đến cho chúng ta vài lạc thú. Thật thế, nhưng nếu chúng ta có thể xem xét trạng thái của mình theo quan điểm của Chơn Nhơn, thì chúng ta sẽ thấy rõ những nỗi buồn phiền khôn tả của Tinh Thần vĩnh cửu bị bó buộc, giam hãm, cầm tù trong một thể xác không được làm điều này hoặc từ chối làm điều kia. Bao giờ chúng ta còn bị giam cầm trong xác thân đó, thì chúng ta phải hết sức lợi dụng nó. Nhưng xác thân ấy chỉ là một thể tạm thời dùng để hoạch đắc sự kinh nghiệm thôi. Chúng ta rất vui lòng vứt bỏ nó, khi chúng ta đã thuộc bài học của mình.

Người đã có vài kinh nghiệm tại những cảnh cao của cõi Thượng Thiên, đôi khi cảm thấy rõ rệt những sự hạn chế đè nặng của ba cõi dưới, không có tự do, không có tình thương và chân lý vô song thuộc về những lãnh vực đặc biệt của Chơn Nhơn. Vì biết được lý do y xuống đầu thai trong những cõi tăm tối ấy, sau cùng y có thể tự nói rằng: "Tôi xóa bỏ ý muốn đó, nó là nguyên nhân đầu tiên của sự tái sinh của tôi và tôi sẽ chấm dứt Nhân Quả của tôi bằng cách hành động mà không quyến luyến". Người nào có thể quyết định như thế là người đã tiến hóa. Y đã suy nghĩ nhiều về vấn đề ấy; y là nhà siêu hình học, một triết gia. Y nói một cách quả quyết rằng: "Tôi muốn diệt trừ sự ham muốn đó. Tôi muốn lập lại sự thăng bằng của đòn cân Nhân Quả một cách đúng đắn; rồi không còn cái gì có thể bắt buộc tôi trở lại cõi trần nữa". Điều ấy có thể làm được khi con người đã đạt được mục đích ấy - từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, bên Ấn Độ, đã có nhiều người thành công - y thoát khỏi vòng sinh tử triền miên. Y sống trên cõi Thiên Đàng hoặc y có thể lên cõi Thượng Thiên, nhưng thường thường y không thể vượt lên cao hơn mức độ ấy; y đi đến bậc mà người ta gọi là Moksha.

Muốn đạt đến cõi đó, con người phải chế ngự được tất cả những dục tình, tất cả những sự ham muốn thấp hèn, không vậy, không thể thành công, nhưng trong việc ấy, y cũng đã quên một khía cạnh của sự tiến hóa. Vì đã hiểu biết hoàn toàn cách hành động của Luật Nhân Quả, y có thể tránh nó được, nhưng nếu y không hoàn toàn hiểu biết luật tiến hóa, y sẽ không tự giải thoát được. Y giống như một cậu học trò thông minh, cậu có thể tiến bộ xa hơn các bạn đồng môn của cậu và đỗ đạt nhiều khoa thi trước chúng, rồi dừng lại không làm gì cả ở ba bốn năm, trong khi đó thì những đứa trẻ khác bắt kịp cậu ta. Điều đó thật giống những gì đã xảy ra cho người đã đạt đến mức độ Moksha. Y không đạt được mục đích dành cho nhân loại, vì mức cuối cùng của sự tiến hóa của nhân loại là cấp bậc Chơn Tiên. Vị Chơn Tiên không những là người đã thoát khỏi vòng sinh tử, Ngài còn là một quyền lực linh động nữa. Ngài đã hiệp nhất với Chơn Thần. Rồi đến lượt Chơn

Thần, nó cũng là một tia sáng của Thượng Đế. Mà phương pháp của Đức Thượng Đế là nhập vào thể xác, tự ban rải ra bởi một sự hy sinh tuyệt đối cho toàn thể hệ thống của Ngài. Người nào hiệp nhất với Thượng Đế phải thấm nhuần tinh thần hy sinh ấy. Vị Chơn Tiên làm việc lành hơn bất cứ nhà từ thiện có danh tiếng nhất và công việc của Ngài được thực hiện không ngừng nghỉ trên những cõi cao siêu, Ngài làm việc cho nhân loại và Ngài vốn là một phần tử. Như thế Nhân Quả do sự hoạt động của Ngài gây ra đều hồi hướng cho nhân loại chứ không thuộc về Ngài. Như vậy không có chi trói buộc Ngài vào sự tái sinh. Đồng thời toàn thể nhân loại được một chút lợi ích. Đó không phải là sự lợi ích thật rõ rệt, nhưng nếu toàn thể Nghiệp Quả ban rải khắp nơi trên thế giới chia cho mỗi người thì nó không bao nhiêu, nhưng nó cũng biểu hiện một sự giúp đỡ không ngừng cho toàn thể. Trong một ý nghĩa nào đó, mỗi người nhận được nhiều hơn một chút cái mà dường như họ xứng đáng được hưởng. Tuy nhiên không có gì bất công trong việc ấy. Giống như mưa đổ xuống trên những người công bình cũng như trên những kẻ hung ác, việc ban ân vẫn đồng đều tất cả.

Vậy khoảng hàng ngàn hoặc hàng triệu năm nữa, người đã đạt đến trạng thái Moksha sẽ thấy rằng triều lưu tiến hóa đã lên đến cao điểm của y và bao quanh y một lần nữa. Sự kiện này bắt buộc y phải trở xuống đầu thai để tiếp tục con đường tiến hóa của y. Kẻ tìm quả vị Moksha thường biết rằng sự giải thoát của y chưa được thiết thọ, nhưng y tin rằng lúc y phải trở lại thật còn xa xăm, và khi ấy chắc chắn thế giới sẽ tiến bộ. Y nói rằng: "Tôi có thể theo đuổi việc mạo hiểm này. Chắc chắn tôi được giải thoát nhiều ngàn năm và trong thời gian đó tôi sẽ được sống trong sự hoan lạc trên cõi Thiên Đàng".

Lý tưởng của chúng ta là được ý thức hoàn toàn trên cõi cao nhất mà chúng ta có thể đạt đến. Chúng ta không có ý muốn được mãi nguyên trên một vị trí nào cả. Mặt khác, chúng ta không muốn bỏ ý thức của chúng ta hầu đi vào trạng thái xuất thần như nhiều người đã làm để đạt đến mức độ cao hơn ý thức của họ trong lúc thức tỉnh. Đôi khi người ta nói về "đi vào trạng thái Samadhi" hoặc khi người ta thích Phạn ngữ, lại nói đi vào trạng thái Samadhi trong lúc tham thiền. Bao giờ chưa khám phá ra nó là một danh từ tương đối, chúng ta sẽ không biết cho danh từ ấy ý nghĩa nào. Đối với bất cứ người nào, Samadhi là điểm tiếp theo cao hơn điểm mà y có thể hiểu biết được rõ rệt. Nếu ý thức của y trên cõi Trung Giới và không phải trên cõi Trí Tuệ, thì trạng thái Samadhi của y bắt đầu trên cõi kế đó, tức là cõi Thượng Giới. Samadhi là trạng thái vượt cao hơn điểm mà người ta ý thức được, nó là trạng thái xuất thần mà từ đó người ta trở về với tất cả những

cảm giác rực rỡ và tốt đẹp, nhưng thường thường thì không ý thức được một cách rõ rệt. Trong lúc tham thiền, không nên đi vào Samadhi. Phải giữ ý thức của mình để khi trở về nhớ lại được những gì đã xảy ra. Tôi biết có nhiều người đã đi vào Samadhi, để cảm thấy một sự hoan lạc sâu xa, một sự toàn phúc. Tuy nhiên, sự kiện ấy không có nghĩa là tiến hóa, vì họ đã buông thả ý thức của họ và họ không biết đích xác họ đã làm gì. Điều này luôn luôn có nhiều sự nguy hiểm: Người ta không biết mình có thể trở về nhập xác được không.

Một ngày kia Bà Bác sĩ Besant và tôi trông thấy có một sự sống tuôn xuống dữ dội từ những cõi cao. Ấy là những lượn sóng vĩ đại từ Đức Thái Dương Thượng Đế phát ra, giống như mạch nhảy. Bà nói với tôi rằng: "Chúng ta hãy lao mình vào những lượn sóng ấy xem chúng nó mang chúng ta đến đâu". Chúng tôi sẽ thực hành, nếu Chơn Sư không can thiệp và cấm chúng tôi làm điều đó. Về sau Bà Bác sĩ Besant có hỏi Sư Phụ: "Nếu chúng tôi lao vào lượn sóng ấy, chúng tôi sẽ đi về đâu"? Ngài đáp: "Có thể lỗi một triệu năm sau, các con bị lượn sóng ấy đưa đến hành tinh Sirius hay một Thái dương hệ nào khác". Thật hiển nhiên là không sáng suốt nếu chúng ta lao mình vào những triều lưu như thế, khi chúng ta không biết đích xác việc gì sẽ xảy ra. Mất ý thức là điều không nên khuyến. Tốt hơn, nếu có thể, chúng ta hãy làm chủ các thể thấp và nhìn qua chút ít coi chúng ta đi về đâu, ngược lại thì chúng ta có thể mất xác thân và chấm dứt sự hữu dụng tạm thời của chúng ta. Phương pháp của chúng ta là giữ được hoàn toàn ý thức trên bất cứ cõi nào chúng ta lên tới và cố gắng làm việc hữu ích tại đó. Không bao giờ Đức Thầy của chúng ta nói đến sự trầm mặc hoàn toàn thụ động. Mục đích của chúng ta không phải là an nghỉ và thưởng thức những cảm giác tốt đẹp, mà chính là luôn luôn cần mẫn trong công việc của Chơn Sư.

Đoạn nói về đức tánh cần thiết thứ tư là Bác Ái, được Đức Thầy đặc biệt nhấn mạnh. Ngài vượt qua danh từ để tìm nghĩa lý trong đó. Ngài nói: "Vì lý do nào con muốn được giải thoát? Để có thể phụng sự đắc lực hơn, con cố gắng hiệp nhất với Thượng Đế. Thượng Đế là gì? Thượng Đế là Bác Ái. Nếu con khao khát hiệp nhất với Ngài, con phải mở rộng tình Bác Ái. Vậy đức tánh cần thiết là Bác Ái. Những độc giả của quyển Con Người Từ Đâu Đến Và Đi Về Đâu [93] sẽ nhớ trong tác phẩm ấy có kể lại tại sao vài nhóm người từ những dãy hành tinh khác đến hành tinh của chúng ta và vì sao có vài nhóm người trong đó được gọi là đoàn thể phụng sự. Hầu hết những Hội Viên Thông Thiên Học đều thuộc về đoàn thể phụng sự này. Vậy ý niệm phụng sự đối với chúng ta là một yếu tố rất mạnh mẽ. Chúng ta biết

rằng từ bỏ những ý tưởng bao bọc chúng ta từ lúc mới ra đời thật khó khăn biết dường nào. Chẳng hạn như quốc tịch của chúng ta trình bày nhiều điểm nhỏ thật khó tránh. Đó là quốc tịch của Phạm Nhơn, nhưng chúng ta có thể nói quan niệm phụng sự là quốc tịch của Chơn Nhơn, hay có thể là của Chơn Thần. Chơn Thần sinh ra khuynh hướng ấy và từ đó không ngừng tăng trưởng.

Thật khó cho chúng ta hiểu rằng có nhiều hạng người khác cũng có giá trị như nhóm người mà chúng ta vừa đề cập đến. Đức Thái Dương Thượng Đế biểu hiện dưới ba trạng thái: "Ý Chí, Minh Triết và Bác Ái". Đó là danh từ được dùng trong quyển sách này; bởi vậy, con người tiến đến gần Ngài bằng cách ấy. Khi mỗi người theo đuổi con đường làm thỏa mãn hơn hết những nhu cầu của mình thì y phải nhớ rằng con đường của kẻ đồng loại mình cũng là con đường tốt nhất đối với họ, và sau cùng tất cả con đường đều hiệp lại với nhau. Chúng ta phải đạt được khả năng xem một lượt cả ba quan điểm này và tự nhủ rằng thật ra chúng ta chỉ là một. Theo tín điều Credo d Athanase, chúng ta phải dạy về Giáo lý Ba Ngôi đó mà không lẫn lộn với những ngôi vị và cũng không phân chia bản chất. Sau cùng chúng ta cũng phải biết rằng luôn luôn chỉ có một Đấng Chí Tôn Duy Nhất, dù Ngài biểu lộ ra làm Ba Ngôi.

Dù lúc khởi đầu đã nói rằng nếu tình bác ái của chúng ta khá mạnh mẽ, nó sẽ cưỡng bách chúng ta hoạch đắc những đức tánh khác. Nó thúc đẩy con người hoạt động tương ứng với năng lực của nó. Chúng ta hãy lấy một thí dụ về sự kiện tốt lành và đẹp đẽ nhất này là tình mẫu tử. Hãy xem những dân tộc còn dã man, đã biểu lộ tình cảm ấy ra sao? Bà thật dốt lắm, nhưng bà sẵn sàng bảo vệ con và nếu cần, bà cũng hy sinh mạng sống của bà. Một bà mẹ văn minh của chúng ta sẽ hành động như thế ấy, trong những trường hợp giống như nhau. Thỉnh thoảng chúng ta nghe kể lại một người mẹ đã mạng vong, vì xông vào lửa để cứu con, hoặc thương hơn nữa, người mẹ bỏ mình vì săn sóc đứa con mắc bệnh truyền nhiễm. Trong đời sống hằng ngày của chúng ta, tình mẫu tử mạnh mẽ ấy khiến cho những người mẹ suy nghĩ. Lòng yêu mến thúc đẩy bà tìm học về vệ sinh, thực phẩm và những vấn đề thuộc về loại ấy. Như thế tình thương sẽ kích thích sự hoạt động tinh thần và sự hoạt động vật chất một lượt với nhau.

Muốn đến với Đức Thầy, phải có tình thương, nghĩa là muốn thiết tha phụng sự. Thánh Jean có nói: "Chúng ta biết rằng chúng ta đi từ cõi chết đến cõi sống, vì chúng ta thương yêu những huynh đệ của mình. Kẻ nào không biết thương yêu thì ở trong cõi chết vậy[94]" . "Và kẻ không biết

thương yêu thì không thể biết được Thượng Đế " [95].

Tất cả mấy điều này hoàn toàn đúng. Biết được danh từ chuyên môn Thông Thiên Học là việc rất tốt để hiểu triết lý và khoa học của nó, để biết phân biệt và sử dụng được hai ngàn bốn trăm lẻ một tinh chất, nhưng chính tình thương mới tạo nên thật là người Thông Thiên Học.

Tôi nhớ một kỷ niệm lâu rồi, khi ông Babu Mohini Mohun Chatterji - một vị đệ tử Chơn Sư - đến dạy chúng tôi tại Luân Đôn, lúc đầu ông nói với chúng tôi về những đức tánh cần thiết, mà trong sách Ông Sinnett không có nói đến hoặc trong quyển Isis dévoilée là quyển gần như độc nhất của chúng tôi cũng không đề cập đến, ông nói rất rõ ràng với chúng tôi rằng: Không có đức tánh cần thiết thứ tư này, thì cái ý muốn mãnh liệt được giải thoát kia (ông diễn tả như thế), hoặc được hiệp nhất với Đức Thượng Đế và sáu điểm [96] thuộc về hạnh kiểm tốt chỉ là "tưới nước trên sa mạc thôi". Chúng sẽ ở trong trạng thái khô khan và hầu như vô ích nếu thiếu ý chí nồng nhiệt hiệp nhất với Đức Thượng Đế và hoạt động như Ngài. Trong thời kỳ đó chúng tôi không biết rõ như ngày nay rằng đó là vấn đề phụng sự, dù lúc đầu các Đức Thầy đã nhấn mạnh về tình Bác Ái của các Ngài đối với "vô số nhân sinh, những kẻ hèn mọn và những người bị khinh bỉ". Nỗi bận tâm lớn lao của chúng tôi là cố gắng hết sức để học hỏi về Thông Thiên Học. Tất cả đều rất mới mẻ, rất thích thú, rất hấp dẫn, làm say mê, nên chúng tôi dành gần trọn thời giờ của mình - có lẽ nhiều hơn sự cần thiết - để tìm hiểu. Ấy không phải là chúng ta cần phải học hỏi; trước khi có thể thực sự giúp đỡ kẻ khác sao?

Cái đó hơn là ý muốn, ấy là ý chí, là quyết định.

C. W. L. Ý chí là đức tánh đặc biệt của Cung thứ nhất đặt dưới quyền cai quản của Đức Thầy Morya. Đức Thầy Kouthoumi thuộc về Cung thứ hai, là cung Bác Ái và Minh Triết. Nhưng ở đây Ngài nói như một người thuộc về Cung thứ nhất. Tôi nhớ một hôm Alecyone tỏ ý muốn hoạch đắc một đức tánh nào đó, Đức Thầy nói: "Con đừng muốn chi cả. Sự muốn không có nghị lực. Nếu con muốn có đức tánh nào, thì con hãy quyết định hoạch đắc nó, và hãy bắt tay vào việc". Đó chính là quan điểm của Quần Tiên Hội. Đối với chúng ta, không có gì quan trọng hơn là tìm hiểu thái độ của Đức Thầy và

cách thể nhìn sự vật của Ngài. Đó là những gì đã đưa Ngài đến cấp bậc hôm nay và chúng cũng có thể đưa chúng ta đến đó.

Muốn có hiệu quả thì sự quyết định này phải thâm nhập trọn vẹn bản thể con, cho đến khi không còn chỗ nào để chứa một tình ý khác nữa. Thật ra, ấy là ý chí muốn hiệp nhất với Đức Thượng Đế, không phải để thoát khỏi sự mệt nhọc và đau khổ, nhưng để có thể hành động với Ngài và như Ngài, vì tình thương sâu xa của con đối với Ngài. Bởi Thượng Đế là Bác ái, còn con nếu con muốn hiệp nhất với Ngài, lòng con phải hoàn toàn vô tư lợi và tràn ngập tình thương.

C. W. L. Đệ tử của Đức Thầy chỉ có một ý muốn là phụng sự Ngài mà thôi. Về điều đó, y phải sẵn sàng hy sinh mọi lạc thú, mọi tham vọng cá nhân và chỉ làm một guồng máy bé nhỏ trong bộ máy vĩ đại. Người tầm thường chưa suy gẫm một cách đúng đắn cho mục đích cao thượng hơn. Cuộc đời thế nào, y sống theo thế ấy. Y ít quan tâm đến việc đem đời sống hiện tại đổi lấy một đời sống cao thượng và tốt đẹp hơn, mà chỉ lo thành công trong sự nghiệp ở đời. Nếu bạn đòi hỏi y từ bỏ tất cả những gì mà chúng ta gọi là bản ngã thấp thỏi, thì y sẽ hỏi: "Nhưng nếu tôi thực hiện việc đó, tôi sẽ còn lại điều gì"? Trong trường hợp đó, theo thiên kiến của y, thì không còn lại cho y bao nhiêu, mặc dù sự thật vẫn còn nguyên vẹn.

Rất khó giải nghĩa cho một người như thế hiểu những gì mà chúng ta nghe nói về "sự nhập vào trong Sự Sống Thiêng Liêng". Tôi biết một người nữa tử tế và thông minh, y đã nghiên cứu kỹ lưỡng Phật Giáo Bắc Tông (Đại Thừa). Một hôm y đến tìm tôi và nói rằng: "Tôi không thể rút được điều gì trong đó. Tôi không nghĩ rằng đáng ra công học hỏi. Học Phật Giáo cũng thú vị như vấn đề khảo cổ, nhưng mục đích duy nhất được đề ra hình như là hợp nhất với Đức Phật. Tôi không thể thấy điều này có ích lợi gì cho Đức Phật không, nhưng đối với tôi, chắc chắn là tôi không còn sống đâu". Đó là quan điểm của người bậc trung. Tuy nhiên tất cả điều này bao hàm một ý nghĩa chơn chánh, sáng suốt và nồng nhiệt. Hiểu được nó có thể biến đổi trọn vẹn mọi ý niệm cũ. Sự mở rộng tâm thức không cướp mất một chút tự do nào, cũng như làm hư hại cá tính chút nào. Chẳng phải tôi bị tan mất trong vũ trụ, mà chính vũ trụ thành ra tôi đây. Người ta nói: "Tôi là Chơn Ngã". Câu này đem áp dụng cho Phạm Ngã là điều lầm lạc, nhưng nếu câu

"Tôi là Thượng Đế", đối với tôi là sự thật thì lúc đó ý nghĩa "Thượng Đế là Thượng Đế" không có chút gì ảo tưởng cả và khi nhận thức rằng điều gì tôi tưởng có thật là sự biểu lộ của Trời, tôi không lầm lạc. Ảo tưởng là ý niệm cho rằng bất cứ cái gì đều có thể tồn tại ở ngoài Ngài hoặc chia lìa với Bản Ngã Duy Nhất.

Đời sống hằng ngày đã cho thấy những bằng chứng sự thâm nhập của cái nhỏ trong cái lớn. Một hãng buôn quan trọng thu nhận một nhân viên trẻ. Ban đầu chàng thanh niên này nhìn bàn giấy như một nơi áp bức y. Y cảm thấy thật khó khăn vì bị bắt buộc đến đúng giờ để hoàn tất mọi công việc của y. Khoảng vài năm sau, được thăng chức, y bắt đầu nói: "Chúng ta làm việc này; chúng ta làm việc kia". Và y khởi sự đồng hóa những lợi lộc của y với những mối lợi của hãng buôn. Y tiến dần như thế đến địa vị giám đốc và sau đó trở thành một hội viên. Rồi y luôn luôn nói chuyện cho nhà buôn và trong những công việc làm ăn, lúc nào y cũng nghĩ đến "xí nghiệp". Chính y vẫn tiếp tục sử dụng tự do, sáng kiến của mình, nhưng hiện nay chắc chắn là y dùng ý chí của mình một cách chính đáng. Hãng buôn không bắt buộc y phải có thái độ đó, vì y đã tập lấy dần dần. Thí dụ nhỏ này đủ cho chúng ta thấy con người làm như thế nào tự đồng hóa với một uy lực cao siêu hơn, mà vẫn giữ được nguyên vẹn ý chí của mình.

Tới một ngày kia, chúng ta sẽ trở thành Con Đường Đạo, lúc ấy luôn luôn những đức tánh cần thiết sẽ được tăng cường đầy đủ trong chúng ta, vì chúng đã được chúng ta đồng hóa và hoàn toàn trở nên thành phần bản tính của chúng ta. Giờ phút nào chúng ta cũng ở gần Đức Thượng Đế linh thiêng. Vì Ngài luôn luôn ở trong lòng chúng ta và chung quanh chúng ta. Tuy nhiên chúng ta phải hiểu điều đó, chúng ta dần dần nâng cao Tâm Thức và dùng tất cả phương tiện vừa sức chúng ta, cho đến khi nào chúng ta có thể làm cho ý niệm này là một thành phần của chúng ta. Chúng ta phải hiệp nhất với Đức Thượng Đế trong sự biểu hiện cao siêu nhất của Ngài, trong những sự biểu hiện sâu thẳm của Ngài, chứ không phải ở trong hình thái vật chất mà thôi. Chất trong mình chúng ta cũng như những chất bao bọc chúng ta, là bức màn che bên ngoài của Ngài. Nhưng không phải chúng ta muốn hiệp nhất với bức màn của Ngài, mà chúng ta muốn hợp nhất với Ngài.

Khi chúng ta đạt được mục đích đó, thì về phần Ngài, Ngài nhận thức điều ấy và dùng chúng ta như những vận hà có thể truyền sang Thần lực của Ngài. Ở những cõi thấp chúng ta thật là những vận hà hiến cho thần lực thiêng liêng, nhưng chúng ta chỉ trở nên thật đặc dụng cho Ngài khi chúng ta không còn Phàm Nhơn riêng rẽ có thể chống đối Ngài. Thượng Đế luôn

luôn dùng những phương tiện như thế và những Đấng Cao Cả đại diện cho Ngài làm ra Quần Tiên Hội cũng hành động theo lối ấy. Chắc chắn các Ngài có thể làm ra những phép lạ bằng cách tác động thẳng trên con người, nhưng làm như thế phải tiêu hao một phần lớn thần lực của các Ngài một cách vô ích. Các Ngài chọn những phương pháp đặc biệt.

Nhiều người không bao giờ thử tìm hiểu những nguyên lý chi phối sự sống. Họ cho rằng thiên nhiên phải tuân theo mệnh lệnh của họ và họ không chịu chấp nhận sự vật theo cách thức mà chúng nó đã được sắp đặt. Thái độ của họ giống như những người điều tra những hiện tượng Thần Linh Học, họ muốn qui định những điều kiện để phát sinh ra những hiện tượng. Tâm trạng đó thật phi lý, vì trên thế gian này không có một loại khảo sát nào có thể qui định bốn phần cho những luật tự nhiên. Những người đã man được cho xem hiện tượng điện khí, họ chỉ thấy đó là một sự phỉnh lừa. Tù trưởng của họ nói: "Tất cả mấy cái này đều kết hợp với nhau bằng những sợi dây. Chính nhờ những sợi dây này bạn tạo ra được hiện tượng đó. Hãy cắt nó đi rồi tôi sẽ tin bạn". Nhà điện học mỉm cười đáp lại: "Bạn không hiểu định luật. Những sợi dây để dẫn điện. Không có nó, điện lực không thể đến". Rồi người đã man nói: "Tôi đã khám phá được ảo thuật của anh rồi". Người ta cũng làm như thế trong các buổi nhóm Thần Linh Học. Người ta không chịu theo phương pháp đã định trước và muốn làm cách khác. Cái kỳ vọng bất buộc Trời phải chiều theo ý người có thể làm hài lòng vài hạng người trí thức. Nhưng kỳ vọng này thật lạ lùng đối với tôi cũng như trong lúc cầu nguyện người ta chỉ bảo cho Đức Thượng Đế phải làm điều này điều nọ. Tôi tin chắc rằng Ngài hiểu biết hơn tôi vô cùng và nếu do một sự ngẫu nhiên nào hoàn toàn không giải thích được, mà lời cầu nguyện của tôi thay đổi được ý định của Ngài, thì tôi biết chắc rằng sự thực hiện Thiên Ý sẽ vô cùng lợi ích hơn là sự thực hiện ý muốn của tôi.

Có thể ít người trong chúng ta hiểu được sự cần thiết của việc hợp nhất với Thượng Đế, nhưng điều đó rất quen thuộc đối với những huynh đệ Ấn Độ của chúng ta. Trong tác phẩm này, Đức Thầy dùng những danh từ đó nhiều lần, khi Ngài nói về Đức Thượng Đế. Trong một kiếp trước, Ngài là vị cao tăng tên là Nâgârjuna (tức là Đức Long Thọ) [97] và trong kiếp ấy, Ngài có làm nhiều bài thuyết pháp và viết nhiều quyển sách. Trong những sách vở của Ngài còn lưu lại, Ngài chống đối rất quyết liệt với ý niệm cho rằng Thượng Đế có một cá tính. Ngài cũng phản đối cách dùng chữ cá nhân và Thượng Đế và Ngài luận giải vài vấn đề Siêu Hình Học sâu xa về phương diện đó. Những người Ấn Độ hiểu biết toàn thể triết lý của Đức Long Thọ thường nói: "Trong quyển sách nhỏ này của Đức Thầy chúng ta có điều rất

lạ lùng là thuở xưa, Ngài không cho rằng Thượng Đế có một cá tính nào, mà hiện nay, Ngài lại dùng danh từ Thượng Đế. Đức Phật của chúng ta cũng quyết liệt chống đối ý niệm ấy trong một ý tưởng như thế". Đây là giải đáp cho dị luận ấy: Trong tác phẩm này Đức Thầy không đề cập đến vấn đề Vô Cực, Tuyệt Đối. Ngài không nói đến Đấng Chí Tôn, Đấng Vô Thi Vô Chung. Trước hết Ngài nói cho em bé trai Ấn Độ về Đấng Ishvara, tức là Đức Thái Dương Thượng Đế, là Chúa tể một ngôi mặt trời và chắc chắn chính trong ý nghĩa sau cùng ở đây, Ngài dùng danh từ Thượng Đế. Cũng như Đức Nâgârjuna, Ngài nói với những học giả mà đa số hiểu biết những hệ thống triết học Ấn Độ. Do đó, Ngài nghiêm khắc khiển trách mọi khuynh hướng hạ thấp ý niệm Thượng Đế bằng cách gán cho Ngài một cá tính, như nhiều huynh đệ Thiên Chúa Giáo hiện nay của chúng ta quan niệm.

Rồi Ngài nói tiếp, chúng ta phải tự làm cho mình giống như Đức Thượng Đế. Điều này đưa đến vấn đề: "Chúng ta hiểu cái chi về Thượng Đế?" Chúng ta biết rằng Ngài tự biểu lộ qua ba Trạng Thái. Nhiều người đến gần Ngài bằng một Trạng Thái này, hoặc bằng một Trạng thái khác trong ba Trạng Thái đó. Con đường của chúng ta là con đường của tình thương tích cực, vì chính đó là con đường mà các vị Sư Phụ của chúng ta đã noi theo. Ba cung vĩ đại của sự sống thiêng liêng tương ứng với bảy hạng người. Có ba con đường là: Con đường Sùng Tín, con đường Ý Chí và con đường Minh Triết. Con người tìm Đức Thượng Đế bằng nhiều cách khác nhau, nhưng bởi các vị Sư Phụ của chúng ta theo con đường tình thương tích cực, nên tất cả những ai muốn theo các Ngài thì phải tự hiến năng lực thuộc về cung đặc biệt của mình để phụng sự đặc lực Đức Thượng Đế và nhân loại. Chúng ta hãy lấy thí dụ về lòng sùng tín, mà chúng ta biết có ba thứ hay ba loại. Người thuộc về loại thứ nhất quỳ lạy trước đối tượng y tôn sùng và khao khát hiệp nhất với đối tượng ấy. Tôi tưởng trong những giống dân tộc Tây Phương của chúng ta chỉ gặp hạng người này, trong nhóm nam tu sĩ hay nữ tu sĩ. Họ chỉ muốn tôn thờ Đức Thượng Đế mãi mãi. Đó là sự sùng tín đáng khen, nhưng ít ra trong lúc đó, con người không nghĩ đến những kẻ khác. Y chỉ nghĩ đến việc hợp nhất với Đức Thượng Đế. Nếu bạn nói với y về những kẻ khác, họ sẽ trả lời với bạn rằng: "Họ hãy làm như tôi vậy". Tôi biết một người ở Ấn Độ, ý niệm duy nhất của y là chiêm ngưỡng Đức Thượng Đế và cố gắng hợp nhất với Ngài. Đó là mục đích của y và y sẽ đạt được nó trong tương lai. Y sẽ trải qua trọn kiếp sống của y trên cõi Thiên Đàng, chắc chắn là rất lâu (hàng ngàn năm) trong sự sùng mộ ngày ngất. Một sự sùng tín thuần túy như thế làm phát triển những thể khác của y, và một sự tiến bộ chắc chắn.

Một sự sùng tín khác xứng đáng với danh từ ấy. Đó là thứ sùng tín thấp thỏi, trả giá với Đức Thượng Đế "Nếu Ngài cho tôi được giàu sang, thăng tiến và giúp đỡ tôi một cách tổng quát, thì về phần tôi, tôi sẽ tôn sùng Ngài thật nhiều".

Người sùng tín thứ ba sẽ nói rằng: "Tôi thương mến Đấng Cao Cả này hoặc Đức Giáo Chủ này thật nhiều. Cũng vì lẽ đó tôi phải giúp những kẻ khác biết và hiểu Ngài. Tôi phải làm lành nhân danh Ngài". Đó là sự sùng tín rất cao thượng và rất hữu hiệu. Những người trong chúng ta thuộc về cung sùng tín, sẽ không phải chỉ sùng tín mà thôi. Họ cho thấy rằng sự hoạt động này kêu gọi ở nơi họ ý muốn làm việc vì lòng sùng tín. Cũng giống như thế, nếu những ai trong chúng ta có khuynh hướng muốn hiểu biết tất cả, thì họ sẽ có đặc tính ấy trong bản chất của họ. Có vài người chỉ muốn được khôn ngoan để biết và để hiểu suông thôi. Đó là một đức tánh đáng phục. Nhờ nó mà nhiều người tiến bộ rất nhiều. Trái lại, những "người phụng sự" cảm thấy tình cảm phức tạp này trong lòng họ: "Tôi muốn học hỏi, nhưng chỉ để hữu ích thật sự cho kẻ khác thôi". Những người này thấy rất rõ sự sai lầm của kẻ khác, dù họ thật tình muốn phụng sự, nhưng vì sự phi lý của họ, mà họ gây ra tai hại hơn là làm lợi. Họ nói rằng: "Hãy để tôi hoạch đắc sự hiểu biết trọn vẹn rồi tôi mới có thể phụng sự một cách đắc lực".

Chúng ta muốn hiệp nhất với Đức Thượng Đế, chẳng phải chỉ để được hòa đồng với Ngài và được thấm nhuần trong mọi sự vinh quang và hoan lạc, nhưng để có thể hành động như Ngài. Và hành vi vĩ đại của Ngài là tự nhập vào vật chất như một sự hy sinh tuyệt đối để ban cho chúng ta sự sống. Người muốn hợp nhất với Đức Thượng Đế phải triệt để quên mình hầu giúp ích cho việc hoàn thành công nghiệp của Ngài, Ngài vốn Đại Từ Đại Bi. Chỉ một câu sau đây tóm tắt hết Con Đường Đạo: "Nếu bạn muốn nhập một với Ngài, thì lòng bạn phải hoàn toàn vô tư và tràn ngập tình thương". Ý Chí, Minh Triết, Bác Ái, mỗi đức tánh trong ba đức tánh này được trao dồi hoàn hảo và để dùng vào việc phụng sự sẽ kéo theo những đức tánh khác. Vậy thì quả thật: "Bác Ái là sự hoàn thành Luật Trời". [98]

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 25

LÒNG TỪ ÁI TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

Trong đời sống hằng ngày, lòng từ ái có hai nghĩa: một là phải tránh cho khéo đừng làm hại một sinh vật nào cả; hai là phải sẵn sàng chờ đợi cơ hội để giúp đỡ.

C. W. L. Đây là hai khía cạnh của một sự việc. Về mặt tiêu cực, thì không làm ác; về mặt tích cực, thì là làm lành. Đôi khi người ta nói: "Các Tôn giáo Đông Phương có tính tiêu cực; quan niệm phụng sự mà chúng ta đưa vào các tôn giáo ấy quả là quan niệm của Thiên Chúa Giáo". Điều này không đúng. Chắc chắn như vậy. Dù Thiên Chúa Giáo hiện đại đem ý niệm phụng sự đó vào hàng nhì đi nữa, nó cũng được trình bày và nhấn mạnh trong Thiên Chúa Giáo nguyên thủy: "Người lớn nhất trong các con sẽ là người phụng sự các con vậy". [99]

Người ta cũng gặp ý niệm này trong tôn giáo xưa.

moät vaät naøo caù, nhöng tu vieãn vaãn thaät giaøu vaø coù saün cuûa caùï ñeã cho nhaân vieãn cuûa noù söu duïng ñeán moät möùc ñoã naøo ñoù.

Trôôùc heát, ñöøng laøm ñau khoả. Coù ba toãi laøm haïï hôn heát taát caù moïï vieäc treân ñôøi. Ñoù laø: söï noùi haønh, söï hung aùc vaø thoùi dò ñoan, böùï vì chuùng laø nhöõng toãi nghòch vôùi loøng töø aùï.

C. W. L. – Khi ñeãt vaãn ñeà toãi aùc naëng nhaát, ngôôøi ta coù nghó ñeán toãi saùt nhaân, coòùp giöït, vaãn vaãn . . ., neân Phậ giáo luôn luôn bị người ta cho là tôn giáo tiêu cực nhất. Thật ra nó chỉ cho con người điều gì phải tránh, nhưng ngũ giới cấm của nó không tiêu cực hơn mười điều răn của Mãi-Sơ (Moise). Phậ Giáo không nói: "Người sẽ không làm". Mặc dù có bảo tín đồ phải tránh nhiều điều. Nó dạy như sau: "Tuân giữ giới luật, tôi không sát sinh, tôi không trộm cắp, (không lấy vật không phải của tôi), tôi không vọng ngữ (không nói điều thất thiệt), tôi không uống rượu và không dùng các chất ma túy, tôi không gian dâm". Đó là hình thức, nó không phải là một mệnh lệnh nhưng là lời hứa.

Trong một bài kinh tóm lược cả giáo lý Đức Phật do chính Ngài Thuyết minh, chúng ta thấy tính cách tích cực của nó:

"Chớ làm điều ác;

"Hãy tập làm lành;

"Rửa lòng trong sạch;

"Đó là giáo lý của Chư Phật". [100]

Cũng tính chất đó đã được trình bày rõ rệt trong Bát Chánh Đạo. Trong đó chúng ta có: "Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định". Hầu hết những điều này rất tích cực.

Trong quyển Thánh Ca Bhagavad Gita đối với hàng triệu người Ấn như kinh phúc âm của chúng ta, bạn thấy nó dạy sự hoạt động tích cực nhất. Đức Thượng Đế trong đó được mô tả như một nhà Đại Diễn Viên. Quyển ấy nói rằng kẻ nào không chịu noi theo gương Ngài và làm việc giúp đời, thì sẽ sống một cách vô ích. Và hiển nhiên sự bất động có thể là một trọng tội. Quyển Gita cảnh cáo con người, như là Bà Blavatsky đã thường cảnh cáo rằng phải sợ tội bỏ sót công việc cũng như đáng sợ những tội của việc đã được ủy thác. Đối với người Sannyasi là kẻ đã từ bỏ đời sống vật chất, kinh ấy dạy rằng: Y phải luôn luôn làm những việc từ thiện, phải hy sinh và sống khổ hạnh. Trong những Thánh Kinh chánh viết về lịch sử Ấn Độ chứa đầy chuyện tích của những người tận tụy hy sinh cho hạnh phúc quần chúng và những vị Giáo Chủ thường được xem như hóa thân của Đức Thượng Đế dạy dỗ việc phụng sự cho đồng bào.

Không thể nào nhấn mạnh về công việc phụng sự hơn các tôn giáo này, mặc dù chúng có những cách trầm tư mặc tưởng riêng, như Thiên Chúa Giáo trong suốt thời kỳ Trung Cổ. Chỉ trong ít năm gần đây - do sự hoạt động mạnh mẽ là đặc tính thuộc giống dân phụ thứ năm của giống dân chánh thứ năm - chúng ta có khuynh hướng khinh khi một cách kín đáo những tăng lữ,

những người tu hành mà ca tụng tốt bậc những con người hoạt động như một vị tướng lĩnh trong thời chiến, vị Đại Vương hay Chính trị gia trong thời bình. Tuy nhiên ý niệm tổng quát dùng làm nền tảng cho những phái trầm tư mặc tưởng, cũng hết sức tốt đẹp. Những phái tăng lữ hoạt động phải giảng đạo và hoàn thành những công tác từ thiện - những người thuộc về phái trầm tư mặc tưởng phải hãm mình, trong tu viện chuyên lo tham thiền và cầu nguyện. Nói một cách khác, đó là vấn đề tạo nên những tư tưởng tốt lành, cao thượng và truyền rải nó ra xa với ý định thật rõ rệt là giúp đỡ người đời. Những vị ẩn tu phải chuyên lo cầu nguyện và tham thiền thay thế các huynh đệ của họ, vì nhiều lý do, những người này không thể thực hiện như thế một cách hữu hiệu và hoàn bị như họ. Theo lý thuyết của tất cả những tôn giáo, những tu sĩ này là một phần tử của nhân loại, đang cung cấp nhu cầu cho nhân loại. Họ không phải là những nhà tu biếng nhác tránh sự hoạt động tích cực. Công việc của họ khó nhọc hơn nhiều, mà kẻ khác không thể làm được. Công việc của họ thực hiện trên những cõi cao và thường thường trong những điều hy sinh và khổ hạnh khiến người đời cho là rất khủng khiếp.

Nhưng cũng đúng với đời sống ẩn dật đó, nếu không phải là khổ hạnh như thế, thì nó hấp dẫn nhiều người thích sống một đời sung sướng và nhàn rỗi. Họ trốn tránh công việc khổ cực dưới thế gian mà không thay thế được bằng việc làm trên cõi cao. Trong những tăng ni Phật Giáo, có những người như thế. Họ ít được kính trọng. Người ta gọi họ là những "Phạn chúng" [101]. Họ chỉ làm tăng ni để bảo đảm đời sống, và nếu đời sống ấy không có gì sang trọng, thì nó sẽ không bao giờ thiếu thốn khi dân chúng còn có ăn. Những tu viện trong thời Trung Cổ ở Âu Châu cũng giống như thế, nhưng có lẽ ở một mức độ cao hơn. Nhiều người vào tu viện để nương cậy thế lực và ảnh hưởng của nó và trong nhiều trường hợp bởi vì họ không bận tâm đến những vật sở hữu cá nhân. Dù vị tăng lữ trên phương diện cá nhân không có có lẽ người ta ngạc nhiên thấy những lỗi tương đối thường phạm như nói hành, hung ác, dị đoan, mà đứng đầu sở. Đức Thầy lại kể đến sự tái diễn nhiều lần và hậu quả nghiêm trọng của chúng. Việc sát nhân và cướp bóc được xem như là những trọng tội nên ai cũng biết, do đó những người tự trọng đều tránh nó, trừ phi bạn gọi nó là "giặc giả". Nhưng sự nói hành xảy ra ở khắp nơi và nếu người ta nghĩ đến tai hại của nó gây ra luôn luôn trong bất cứ trường hợp cá nhân nào, nếu người ta nghĩ đến toàn thể sự đau khổ về tinh thần mà nó có thể tạo ra và việc nó thường làm hạ giá lý tưởng của con người, rồi đem nhân cái hậu quả đó cho hàng triệu trường hợp xảy ra mỗi ngày, thì người ta sẽ nhận thấy ngay rằng sự nói hành gây tai hại hơn những tội ác khác vô cùng. Hủy diệt lý tưởng của một người, hạ giá nó, làm

nhục nó và làm cho y có cảm giác rằng chung quy lý tưởng này cũng không tốt đẹp, không cao thượng gì như y đã tưởng thì là một điều đáng ghê tởm. Đôi khi người ta nói rằng tiêu diệt thần tượng là việc làm thích đáng. Nhưng tiêu diệt thần tượng của một người đang thờ phượng có thể là điều độc ác nhất mà ta đã xử sự đối với y. Nếu lý tưởng của y là một đối tượng thấp kém và đáng khinh, chắc chắn chúng ta có thể chỉ vẽ cho một lý tưởng khác cao thượng hơn, nhưng không có gì độc ác và tệ hại bằng việc lấy mất lý tưởng của y, mà không thay vào cho y cái gì cao đẹp hơn. Bất cứ trong trường hợp nào, bốn phận của chúng ta cũng không phải là đi tìm những khuyết điểm và hạ phẩm giá của ai cả.

Chắc chắn nhiều người trong chúng ta do kinh nghiệm riêng đã biết được việc thiện phi thường mà Bà Bác sĩ Besant đã thực hiện. Cả chục ngàn người tìm được ánh sáng qua những bài diễn thuyết và sách vở của bà. Tuy nhiên, những lời nói hành về bà đã ngăn cản hàng ngàn người khác, không cho họ nghe bà và đọc tác phẩm của bà. Họ nói: "Tôi đã nghe người này, người nọ nhận xét về Bà Besant. Tại sao phải đọc sách mà tác giả là một người đàn bà như thế? Do đó, nhiều người đã quay đi trước những lời có thể cứu độ họ trong kiếp sống hiện tại. Một mặt khác, hàng ngàn người viết thư cho bà hỏi về những nỗi khó khăn xảy đến cho họ. Mà cũng có nhiều người, bị sự vu khống về bà đã ngăn cản họ không cho nhờ đến những lời khuyên bảo của bà.

Tôi tưởng không ai thường bị công kích một cách hèn hạ hơn Bà Hội Trưởng cao cả của chúng ta. Từ lâu, trước khi là người

Thông Thiên Học, bà đã từng diễn thuyết về sự tự do tư tưởng trước công chúng. Đầu tiên bà bị công kích, chê bai, vì bà đã tái bản một quyển sách nhỏ nhan đề "Knowlton" nói đến vấn đề nam nữ, mà người ta cần phải đề cập đến và nghiên cứu, thay vì giả vờ đức hạnh mà để qua một bên. Quyển sách này viết đã lâu, trước khi Bà A. Besant ra đời, nhưng bị sự truy nã đe dọa làm gián đoạn việc xuất bản. Bà Hội Trưởng của chúng ta lấy một phần của sách đó để xuất bản, vì bà cho rằng việc thảo luận về vấn đề ấy sẽ hữu ích và giúp cho kẻ nghèo có thể áp dụng những điều dạy dỗ trong sách này. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng đó là cách phản đối sự phủ nhận những sự kiện tự nhiên và bảo vệ quyền tự do tư tưởng và xuất bản tất cả những gì liên quan đến sức khỏe cũng như sự lợi ích chung của quần chúng. Cho tái bản quyển sách nhỏ ấy, bà muốn phản đối một đạo luật mà bà cho là bất chánh. Bà báo cho cảnh sát biết trước là bà sẽ đem bán sách ấy và mời họ đến mua chính thức một quyển vào giờ nào đó. Chấp nhận lời mời, chính quyền đến mua tài

liệu bị kết tội đó rồi truy tố bà, nhưng sự việc kết thúc bằng sự trắng án. Sau đó, bà viết một quyển sách nhỏ về vấn đề ấy với những danh từ chính xác hơn. Dù sao, trên thế gian, phần thưởng của bà là sự công kích đời tư của bà một cách tồi tệ nhất. Sau này, bà thu hồi quyển sách nhỏ ấy lại, vì bà kết luận rằng đó không phải là phương tiện tốt để giải quyết sự khó khăn của xã hội này. Nhưng tôi chắc chắn rằng không bao giờ bà hối tiếc đã cố gắng hết sức mình để suy xét đến những sự kiện như bà đã hiểu biết lúc đó. Sự hy sinh và tánh can đảm như thế thật hiếm có dưới thế gian.

Những người ganh ghét Bà Blavatsky cũng vận động để nói xấu bà. Những lời tố cáo bà đều phi lý và rồ dại đến nỗi chúng biểu lộ ngay tính cách lỗ bịch đối với tất cả chúng ta là những người biết cá nhân bà. Tuy nhiên, những lời buộc tội đó đã khiến cho nhiều người không chịu suy xét kỹ lưỡng những chân lý Thông Thiên Học. Bà Blavatsky đã từ trần năm 1891 nhưng nếu ngày nay bạn nói đến Hội Thông Thiên Học, thì bạn thường gặp những câu trả lời như sau: "Hà, phải rồi Hội ấy do Bà Blavatsky sáng lập ra và trò lừa bịp của bà đã bị phát giác. Chúng tôi không muốn phí thì giờ và năng lực để nghiên cứu giáo lý của một người gian trá. Làm sao nó có thể chứa đựng chân lý được"? Do đó nhiều người đã gác bỏ bằng chứng Thông Thiên Học, mà sự hiểu biết có thể thay đổi cuộc đời của họ.

Những gương này cũng đủ để chứng tỏ cho chúng ta thấy tai hại khôn lường có thể xảy ra do lòng oán hận và sự nói hành. Lỗi ích kỷ đó làm thương tổn rất nặng nề nạn nhân. Dầu cho người bị xúc phạm có thật những khuyết điểm trong tánh tình; kẻ nói hành không tự chữa lỗi mình được và cũng không tránh khỏi quả xấu mà y gây ra. Bà Hội Trưởng của chúng ta không bị ảnh hưởng của những lời nói hành, dù trên phương diện nào đó, bà có thể bị nhục mạ nhiều hơn thường lệ, đôi khi bà nói: "Cái đó trở thành buồn tẻ. Tôi muốn họ làm cái gì khác hơn". Chính tôi cũng bị công kích mãnh liệt, nhưng sự việc này không hề làm cho tôi trần trọc mất ngủ. Vậy, quả báo không liên hệ đến chúng tôi. Nhưng tai hại gây ra cho kẻ khác bởi những câu chuyện xấu xa đem quả báo đến cho những kẻ đã nói hành và bán rao. Lãnh đạm trước việc nói xấu thiên hạ là điều khó khăn hơn. Và tôi phải thú thật rằng rất khó cho tôi không nổi giận, khi nghe ai nói xấu, chẳng hạn nói xấu bà Hội Trưởng, hoặc có những tư tưởng đê hèn hay phạm thượng nữa, đối với các Chơn Sư mà chúng ta đã biết.

Nói hành không phải là phê bình thực sự. Tiếc thay danh từ "phê bình" rốt cuộc có nghĩa là "đi tìm lỗi". Nó thoát thai từ chữ Hy Lạp Krinein, có nghĩa là "xét đoán" và phải xét đoán với tư cách pháp lý. Hiện nay nghĩa đen này

đã bị biến đổi. Sự công bằng là một trong những biểu hiện của Đức Thượng Đế. Trong khi xét đoán lời nói và việc làm của một người mà gạt bỏ trạng huống [102] là phạm lỗi và đưa đến những hậu quả xấu xa. Phải chăng trên đời này không có một bản Thánh Kinh tốt đẹp nào mà không trở thành lố bịch, khi người ta tách rời vài chữ ra khỏi toàn bài và trình bày chúng một cách riêng biệt? Vậy chúng ta phải chấm dứt việc làm như thế đối với tư tưởng của kẻ khác. Một người nào đó đang phẫn nộ, y thốt ra những lời gắt gao, có thể dữ dội và chúng ta liền kết luận rằng tính tình y như thế. Chúng ta không hiểu tại sao y nổi nóng. Có thể y thức suốt đêm bên giường của một đứa con đau. Một người khác có thể làm cho y phật ý hay nổi giận vì một lý do nào đó rồi chúng ta nhận thấy phản ứng của việc đó, chớ thật ra y không có ác cảm với chúng ta chút nào. Nếu y là một vị Đại Tiên, thì y không hề bức tức chi cả, nhưng tất cả chúng ta chưa phải là những vị Đại Tiên, cho nên những việc ấy đã xảy ra.

Khi còn bé tôi đã học điều này với một ông lão đánh xe. Một hôm, tôi ở gần ông, bỗng có một người đến nói với ông một cách thô lỗ cộc cằn. Ông lão đánh xe trả lời dường như không thấy sự bức tức của người kia. Khi người ấy đã đi xa rồi, tôi mới nói: "Này ông John, ông đã làm gì khiến cho người ấy nổi giận với ông như thế"? Ông lão đáp: "Thưa tiểu chủ, tôi có làm chi đâu; ông ta không nổi nóng với tôi. Tôi không làm gì với ông ấy hết. Có thể ông giận vợ ông hay là những kẻ nào đó". Rồi ông giải thích cho tôi biết rằng khi một người không thể tự chủ được, thì y thường gây gổ với người đầu tiên mà y gặp trên đường đi của y.

Cái ảnh hưởng của lời phán đoán thiếu hảo ý về tâm trí của một người, sự bền dai và tánh độc hại của nó sẽ không thể tin được, nếu trước kia chúng ta không có những bằng chứng về điều đó. Một người có ý tưởng sai lạc thì tất cả đều bị nhuộm màu của sự sai lạc này. Chính quyển sách này đã cho ta bằng chứng về điều đó. Đã lâu rồi, trước khi quyển sách xuất bản lần đầu tiên, tôi được hiểu biết về sự nói hành khi nghe giảng dạy cho Alcyone, tôi đã chú ý nhiều đến sự quan trọng của nó, nên tôi đã nhắc lại trong nhiều dịp. Tới khi quyển sách xuất bản, vài người căn cứ vào những điều tôi đã nói trong nhiều tháng trước cho rằng tôi là tác giả một phần của những trang sách đó.

Tôi đã đề cập đến hai giai đoạn phát triển ký ức về những kinh nghiệm trên cõi Trung Giới của Alcyone. Trong giai đoạn thứ nhất, Alcyone không nhớ được hoàn toàn, tôi đã nhắc lại cho em giới răn đặc biệt mà Đức Thầy đã dạy em để áp dụng ở ngày kế đó. Trong giai đoạn thứ hai, em có thể nhớ lại

được tất cả mọi việc. Thế mà ở Bombay, tôi thấy người ta lập lại rằng trọn cả quyển sách đều do tôi lập lại. Sự thật, quyển sách này được viết ra trong giai đoạn thứ nhì, lúc ấy Alcyone có thể nhớ những lời của Đức Thầy nói rồi chính em viết lại. Một sự không chính xác thế ấy làm biến tính tất cả. Tôi đã chịu không biết bao nhiêu nỗi bất công và những sự phán đoán sai lầm vì những sự việc bị biến đổi như thế. Điều ấy không chút quan hệ đối với tôi, nhưng nó đã chứng tỏ cho tôi thấy rõ rằng người ta dễ bị hiểu lầm khi lấy một ý niệm sai lạc làm khởi điểm. Tôi đã thấy nhiều người phạm phải những lỗi lầm kỳ dị nhất bởi họ đã nắm lấy tất cả những biến cố có thể xảy ra để biện hộ (bình vực) cho một ý niệm hoàn toàn vô căn cứ từ đầu đến cuối, nó chỉ là một sự tưởng tượng thôi.

Một trong những kinh nghiệm mà chúng ta phải thực hiện trên bước đường học tập về khoa Pháp Môn là tự mình đồng hóa với tâm thức của vài thứ. Đó chỉ là vấn đề thói quen. Vị đệ tử phải làm công việc đó để sau này có thể tập áp dụng như thế đối với những trạng thái tâm thức khác và cao hơn. Chúng ta tự xem mình rất cao đối với bất cứ con thú nào, và quả thật như thế, vì chúng ta thuộc về một loại cao hơn. Do đó chúng ta tìm hiểu tâm trạng con thú ấy không chút khó khăn. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm cá nhân của tôi, tôi tưởng hầu hết những người chăm lo thú vật lại giải thích trái ngược ý tưởng và lý do của chúng. Khi bạn thực sự khám phá được ý nghĩ của một con thú, bạn sẽ thấy rằng nó có những lý do riêng của nó, mà bạn không bao giờ ngờ được. Nếu chúng ta không hiểu được con thú với những ý nghĩ thấp kém và ít oi của nó, thì chắc chắn chúng ta càng khó hiểu những đồng loại của mình. Quả thật chúng ta gần gũi với người đời hơn, nhưng tôi rất nghi ngờ rằng con người không bao giờ hiểu nhau. Sự quả quyết này, dường thế kỳ lạ, nhưng tất cả chúng ta đều cô đơn, riêng biệt một mình, mỗi người đều cô lập. Trong một ý nghĩa khác, quả thật rằng chúng ta là một khối huynh đệ vĩ đại, tuy nhiên, trên phương diện lý trí, mỗi người trong chúng ta đều sống trong một tháp riêng của mình. Chu vi cái trí của mỗi người chỉ tiếp xúc với cái trí của kẻ khác ở một điểm nào thôi và chính điều này cũng còn mơ hồ và không có gì chắc chắn.

Người nào muốn tấm lòng mình tràn ngập tình thương Đức Thượng Đế, thì luôn luôn phải giữ mình đừng cho phạm ba tội trên.

C. W. L. Tránh ba tội trên hình như khá dễ, nhưng sự thật không phải thế, vì khôn thay, chúng nó rất thông thường và quá thâm nhập vào tập quán, nên ít người nhận biết sự hiện diện của chúng. Chúng là những nỗi khó khăn đặc biệt của chúng ta, vì trình độ tiến hóa của chúng ta hiện nay. Chúng ta đã mở Hạ Trí, nó là thể trước tiên chăm lo việc nêu lên những chỗ dị đồng. Đó là lý do tại sao trước hết người ta ghi nhận trong những điều xảy ra trước mắt, những điểm họ không thích. Rồi hầu như luôn luôn kèm theo những lời phê bình và chỉ trích. Người nào chuyên dùng năng lực của mình để vạch những khuyết điểm và nhận thức những sự dị đồng là người chậm tiến trong thời đại của y. Đó là kẻ lỗi thời vô phương cứu chữa. Hiện nay chúng ta phải học hỏi sự tổng hợp và phải cố gắng tìm thấy yếu tố thiêng liêng và tốt lành trong tất cả sự vật, vì chúng ta phải bắt đầu mở Bồ Đề Tâm. Chúng ta phải cố gắng sống trong ngày mai chứ không phải ngày hôm nay. Vậy chúng ta chớ để cho triệu lưu dốt nát tối tăm này lôi cuốn. Chúng ta phải luôn luôn giữ vững tinh thần, nếu không thì dòng nước sẽ bao quanh và công hãm chúng ta đến nỗi chúng ta phải lần hồi thụt lại.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 26

SỰ NÓI HÀNH

Con hãy xem coi sự nói hành làm những gì. Nó khởi đầu bằng những tư tưởng xấu xa, đó là một trọng tội, bởi vì trong mỗi người và trong mỗi vật đều có cái tốt; trong mỗi người và trong mỗi vật đều có cái xấu. Chúng ta có thể tăng cường điều tốt hay điều xấu bằng cách nghĩ đến nó, và như thế thúc giục hay là trì hoãn sự tiến hóa. Chúng ta có thể vâng lời Đức Thượng Đế hay chống lại Ngài, nếu con nghĩ đến điều xấu của kẻ khác thì con làm ba việc quấy một lượt.

C. W. L. Đức Thầy gọi tư tưởng xấu là một tội ác. Khi chúng ta nhớ đến cách mà Đức Thầy vô cùng thận trọng và ôn hòa trong khi Ngài nói, thì chúng ta sẽ thấy rõ rằng tư tưởng ấy phải thật sự là một trọng tội. Một sự cố gắng tìm hiểu những duyên cớ của một người khác, theo dõi các cách thức suy luận của y có thể là rất sai lầm. Vì thế cái điều tối thiểu mà chúng ta có thể làm lợi cho y là sự hoài nghi. Nói chung thì người đời đều rất

đáng kính và có ý tốt, vậy chúng ta nên thừa nhận khuynh hướng tốt lành của họ. Nếu chúng ta lầm lạc, thì ý tưởng hơi tốt hơn mà chúng ta nghĩ về người nào đó sẽ hoạt động ở nơi y và khiến cho y trở nên thật sự tốt hơn trước vậy. Khi bạn nghe một sự phê bình bất lợi, bạn hãy tự hỏi coi bạn có lặp lại sự nói hành đó không, có rêu rao và thêm sức cho chuyện ấy không, nếu nó dính dấp với đứa con trai hoặc là người anh hay người em của bạn. Không, chắc chắn bạn không làm như thế. Trước hết bạn chống đối câu chuyện xấu xa đó và trong bất cứ trường hợp nào bạn cũng không lặp lại chuyện ấy. Tại sao bạn lại xử sự khác hơn đối với đứa con trai hoặc anh hay em của một người nào đó?

Một là con sinh ra chung quanh con đầy những tư tưởng xấu xa, chứ không phải những tư tưởng tốt lành, như thế con thêm sự khổ não cho đời.

C. W. L. Đối với chúng ta, một phần lớn cuộc đời do chúng ta tạo ra; nó cũng tùy thuộc cách chúng ta quan niệm nó. Tư tưởng của kẻ bi quan chỉ là tìm sự xấu xa, đen tối và tìm dịp để cảm thấy mình bị xúc phạm hay tổn thương, vì vậy y gặp điều y tìm kiếm. Như Đức Phật đã chỉ cho thấy rằng điều ác đã ngự trị thế gian và có nhiều phiền não ở mấy cõi thấp. Chúng ta có thể cho các điều ấy những tầm mức khó khăn, nghiêm trọng hoặc có thể suy xét cuộc đời một cách lạc quan, chúng ta nhất quyết rút lấy mọi ưu điểm trong một tinh thần an tịnh. Trong trường hợp sau này, chúng ta sẽ thấy không phải tất cả đều đen tối, rồi với đời sống ngoại giới cũng như năng lực tinh thần của chúng ta, chúng ta làm cho cõi đời trở nên vui tươi hơn đối với kẻ khác.

Nhiều người đã thực tập và tham thiền đều đặn trong nhiều năm. Lẽ dĩ nhiên là họ phải tập suy nghĩ chính chắn hơn đôi chút so với người không hề thử tập như thế. Do đó tư tưởng của họ mạnh mẽ hơn nhiều. Nếu mấy người này có ý nghĩ xấu về kẻ khác, thì hậu quả sẽ cả ngàn cách trầm trọng hơn sự hành động của những người thường về điều đó. Trước hết, vì thông minh hơn, nên họ phạm tội "nghịch với ánh sáng", nói theo danh từ Thần Học. Thứ hai là tư tưởng của họ tạo nên những hình dạng rõ rệt và tương đối sống lâu hơn, chúng gây một ảnh hưởng thường xuyên và lớn lao trong chất khí của cõi Trung Giới và cõi Trí Tuệ. Vậy bạn hãy dùng quyền năng

của bạn để mang đến sự tươi sáng và hạnh phúc cho thế gian. Bạn không tưởng tượng được những gì người ta có thể làm được chỉ bằng cách xua đuổi tất cả những tư tưởng buồn phiền, ích kỷ và chứa đầy trong lòng bạn một tình thương tỏa ra khắp nơi chung quanh bạn.

Hai là: nếu trong người ấy có điều xấu như con nghĩ, thì con nuôi dưỡng và tăng cường nó. Như thế con làm cho người anh em của con trở nên xấu hơn trước, thay vì tốt hơn; nhưng thường thường người ấy không có điều xấu đó, con chỉ tưởng tượng mà thôi. Trong trường hợp như thế, tư tưởng xấu của con xui giục y làm quấy, bởi vì nếu y chưa trọn lành thì con có thể làm cho y giống như ý con đã tưởng.

C. W. L. Người có thần nhãn thấy được những tư tưởng của người này đi qua người kia và kêu vo vo chung quanh y như một đàn muỗi. Chúng không thể xâm nhập y được, khi y lo việc khác, nhưng khi tư tưởng của y hoạt động chậm lại hoặc lúc y đang tham thiền hay mệt mỏi, chúng sẽ nắm lấy cơ hội. Rồi hình tư tưởng bám vào hào quang của y như một hạt ngưng đọng và do sự rung động của nó, nó dần dần nhuộm màu chỗ tiếp điểm là nơi ảnh hưởng của nó truyền đi. Như thế nó gợi ra một ý niệm hoặc xấu hoặc tốt và nếu có một yếu tố đồng tính với nó trong người bị ảnh hưởng, như trường hợp thường xảy ra, thì nó sẽ làm cho yếu tố đó hoạt động lại.

Một sự đẩy nhẹ vào kẻ khác đôi khi không đáng kể, nhưng trong vài trường hợp hậu quả nó thành ra hệ trọng. Trong lúc chạy, học trò chen lấn nhau, lại xảy ra việc không ngờ chút nào là một trong mấy đứa đó, làm cho bạn nó rơi xuống hố. Chúng ta không thể biết được lúc con người đang suy nghĩ, sắp phạm một trọng tội, chỉ cần một tư tưởng xấu đưa tới y, cũng có thể làm cho y sa ngã. Một mặt khác, khi con người đang ở trong trạng thái lưng chừng giữa điều thiện và điều ác, chỉ cần một tư tưởng dũng mãnh cũng có thể đưa hẳn y về phía tốt đẹp và giúp y đi theo chiều hướng tiến hóa nhanh chóng.

Tôi đã thấy nhiều trường hợp một tư tưởng xấu xa hướng về một người làm cho y phạm tội ác mà hậu quả kéo dài trong nhiều kiếp sau. Điều ác ở trên mặt, nhưng nó chưa biến thành sự hành động; một tư tưởng ác từ kẻ khác truyền đến và biến đổi tư tưởng của người ấy thành ra hành động, khiến cho y trở nên kẻ phạm một đại tội. Ngày nào bạn chưa thấy điều này bằng

thần nhân, thì dường như nó không phải là sự thật đối với bạn. Chỉ cần thấy mấy việc đó một lần thôi, thì bạn sẽ luôn luôn thận trọng, vì bạn đã hiểu biết sự ghê tởm ấy. Điều này đã cho bạn một cảm giác mới về trách nhiệm, một cảm giác đôi khi có hơi nặng nề. Bạn hãy nhớ lại ý kiến của Thi sĩ Schiller về vấn đề thần nhân. Nhà Thi sĩ khao khát được trở lại tình trạng mù lòa thuở xưa. Ông nói: "Ngài hãy lấy lại ác phẩm của Ngài. Ngài hãy lấy lại món quà ghê gớm ấy đi".

Ba là : con chứa đầy trong trí con những tư tưởng xấu xa chứ không phải những tư tưởng tốt lành; như thế con trì hoãn sự tiến bộ của con và phô bày trước mắt những người thấy được nó, một cảnh tượng xấu xa, khổ não, chứ không phải tốt đẹp và xinh tươi.

C. W. L. Nhiều người rất chú ý về diện mạo cũng như về duyên dáng và phong cách thuần hậu của mình; như thế chẳng phải chỉ vì họ nhắm đến chỗ họ phải trình diện một cách tuyệt đẹp và tạo một ý tưởng tốt về họ, mà cũng vì đó là bổn phận đối với xã hội theo quan niệm chung. Đành rằng thuở xưa bổn phận của mỗi người là dùng mọi cách để nhắm vào sự tận thiện, tận mỹ. Trong y phục, hình dáng, lời nói, hành vi, con người phải tập cho đúng đắn, duyên dáng và thích đáng để làm mọi việc. Cá nhân cũng như đồ bày trí chung quanh mình không những phải có tính chất hữu ích mà còn xinh đẹp nữa. Nếu một người nào đó muốn cất một ngôi nhà, thì bổn phận của y đối với những người lân cận là phải xây dựng một chỗ cư trú xinh xắn, trang nhã, dù không cần phải đắt tiền. Đồ gốm, hình tượng và tranh ảnh của y cũng phải thật tuyệt hảo. Hiện nay thường thường người ta chỉ nghĩ đến sự xây cất rẻ tiền chứ không bận tâm đến hậu quả xấu xí của nó. Người kia xây cất một ngôi nhà hoặc là một cái xưởng to lớn và xấu xí, ai nhay cảm đều đối ngược ngay trước nó và tất cả những kẻ nhìn vào đó cũng bị ảnh hưởng xấu xa. Người có trách nhiệm trong việc xây cất này thực sự tạo quả xấu cho y. Người ta có thể nói với các bạn rằng việc đó không có quan trọng; nhưng sự thật thì ngược lại. Cảnh quang chúng ta phô bày một tính chất tối hệ trọng. Chắc chắn một linh hồn dũng mãnh có thể thắng được điều đó, nhưng tại sao chúng ta không trưng bày chung quanh mình những đồ vật thuận lợi cho sự cố gắng cho chúng ta, mà lại trang bị những vật tạo ra ảnh hưởng bất lợi. Ai cất một ngôi nhà xinh đẹp đều có công lớn đối với đồng bào; vì người ấy đã phô bày trước mắt thiên hạ một kiến trúc gây sự tốt đẹp

cho những người ngắm xem nó. Cảm giác thú vị trong khi nhìn ngắm một vật đẹp có giá trị của nó. Tôi luôn luôn cảm thấy rằng chúng ta nên biết ơn bất cứ người nào mặc màu sắc tươi đẹp vì lẽ màu sắc này tạo nên hiệu quả đối với nền văn minh đen tối đáng sợ của chúng ta.

Tất cả những gì thật sự đẹp đẽ ở cõi trần thì tự nhiên cũng đẹp đẽ hơn nữa trên các cõi khác. Người nào tự bao bọc mình với

một Cái Vía đẹp đẽ, và tỏa ra khắp chung quanh y, tình thương và sự sùng tín thì sẽ xứng đáng được đồng bào tri ân. Chúng ta thường có những thánh giả trên cõi Trung Giới nhiều hơn ở cõi trần. Nếu chúng ta tự để cho sự xấu xa biểu lộ trên cõi Trung Giới, thì có vô số người phần nộ hoặc khó chịu về hình dáng của chúng ta nhiều hơn ở cõi trần. Chẳng phải chỉ có những người trên cõi Trung Giới mới thưởng thức được vẻ đẹp, mà tất cả đều cảm được, cho đến những người không thấy được nó, cũng vậy. Những sự rung động này có hiệu lực với họ và mỗi người đều nhận được sự tốt lành của nó. Người nào nhượng bộ trước những tư tưởng xấu xa, ích kỷ, tà vạy tức là đang tạo chung quanh y một sự bất an, một cảnh tượng xấu xa, phiền muộn và khổ não. Ở dưới cõi trần con người có thể che đậy những nỗi khốn khổ trong thân mình y, nhưng những người phong hủi trên cõi Trung Giới sẽ phô bày vết thương của mình trước mắt mọi người.

Kẻ nói hành đã làm tất cả tai hại này cho y và cho nạn nhân của y song y chưa vừa lòng, y hết sức kéo nhiều người khác chia sẻ tội ác của y. Y vội vã đem chuyện độc ác của y nói với họ, hy vọng họ tin theo. Rồi tất cả những người này hiệp nhau rải một luồng sóng tư tưởng xấu xa vào nạn nhân đáng thương ấy. Và việc ấy cứ tiếp diễn ngày này qua ngày khác, không phải một người làm mà cả ngàn người như vậy. Bây giờ con có bắt đầu thấy tội ác ấy xấu xa và ghê tởm đến dường nào chẳng? Con phải tuyệt đối đừng phạm vào tội ấy. Con đừng nói xấu ai mà cũng chớ nghe người ta nói xấu kẻ khác, và hãy nói cho người ta biết một cách dịu dàng như sau: "Có lẽ điều đó không có thật, và nếu có thật đi nữa, đừng nói đến mới thật có lòng nhân từ hơn".

C. W. L. Phải có một mức độ can đảm nào đó mới bày tỏ được như thế, nhưng cần phải có sự can đảm đó để tỏ ý tốt đối với kẻ bị nói hành, cũng

như đối với người bị chỉ trích. Người ta có thể làm điều ấy một cách dịu dàng bằng lối dùng nhân xưng đại từ "chúng ta": "Có lẽ tốt hơn chúng ta đừng nói về việc đó nữa". Như thế chúng ta không có vẻ tỏ ra người trưởng thượng. Điều này trái với nguyên tắc của Huyền Bí Học và làm cho người ta tức giận. Người đối thoại với bạn chắc chắn sẽ nghe lời bạn và ngưng câu chuyện lại.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 27

SỰ HUNG ÁC

Còn về sự hung ác, thì có thể có hai thứ: cố ý và vô tình. Cố ý ác là làm cho sinh vật đau đớn. Tội này lớn hơn tất cả những tội ác khác, đó là việc làm của một con quỷ chứ không phải của con người. Con sẽ nói con người không thể làm như vậy được, nhưng nhiều người đã thường làm điều đó và mỗi ngày mỗi làm nữa. Những vị pháp quan của tòa án tôn giáo xưa làm ác. Nhiều tín đồ nhân danh tôn giáo mình mà làm ác.

C. W. L. Sự hung ác là việc làm của bọn quỷ hơn là của con người. Đó là quan điểm của Đức Thầy. Trong đời sống hằng ngày, lắm khi người ta nói hay làm một việc nào đó để gây khổ cho kẻ khác. Sự kết tội ấy phải qui về y. Y hành động giống như ma quỷ hơn là con người. Đó là điều dường như khó tin, nhưng có nhiều người đã làm.

Nhiều tội ghê tởm đã phạm nhân danh tôn giáo. Chúng ta hãy đọc đoạn văn tội cổ, như Kinh Phệ Đà (Védas), sẽ thấy nó làm cho ta suy gẫm thật nhiều về điều đó - những người Aryen [103] xâm chiếm đồng bằng Ấn Độ và chém giết dân xứ ấy. Đối với dân bốn xứ không có gì làm cho họ ghê sợ hơn. Phải tiêu diệt họ không còn một người nào trên mặt đất! Tại sao những người Aryen hành động như thế? Chỉ vì một lý do cũng đủ lắm rồi, bởi vì những lễ bái của họ không giống với lễ bái của người Aryen. Những người Hồi Giáo rải rác trên một phần lớn quả địa cầu buộc những dân tộc bị họ chinh phục phải chọn hoặc quyển Kinh Coran hoặc lưỡi gươm. Những người Thiên Chúa Giáo cũng làm như vậy. Một tinh thần như thế gây nên sự quyết định của những vị pháp quan tòa án tôn giáo thời Trung Cổ, những sự

đổi xử tàn nhẫn với người Ấn Độ ở Nam Mỹ Châu, và còn nữa. Bây giờ đây chúng ta tưởng rằng chúng ta văn minh hơn, nhưng hiện nay lòng sùng đạo ở vài vùng vẫn còn rất hung bạo và khắc nghiệt. Người ta thích nói rằng nếu luật pháp cho phép ngược đãi như thế, nền văn minh của chúng ta đã tiến xa quá nên không cho chúng ta tái diễn những sự ghê tởm thuở xưa. Tôi không chắc điều đó đâu. Tôi biết nhiều vùng ở Anh Quốc nơi đó những người có những tín ngưỡng không chính thống bị loại ra khỏi những chức vị xã hội và bị nghi ngờ mọi điều xấu xa. Chúng ta không đánh họ như tử và không bẻ răng họ như tổ tiên chúng ta đã làm. Thời đại nào, phong tục này! Tôi không thích thấy uy quyền tuyệt đối ở trong tay giáo phái độc đoán nào.

Những người giải phẫu sinh thể để thí nghiệm học hỏi, cũng đã làm ác.

C. W. L. Không thể nào có thể bào chữa lỗi mình trong việc hành hạ thú vật có phương pháp. Chúng là những huynh đệ còn non trẻ của chúng ta, dù chúng chưa tiến đến bậc làm người, nhưng chúng sẽ được làm người, sau khi trải qua một số kiếp luân hồi dài hay ngắn. Dùng thú vật thí nghiệm gây ra sự hung ác thật ghê tởm và thật ra không bao giờ phục vụ cho nhân loại, bởi vì luật nhân quả không thay đổi, và con người gieo cái gì y phải gặt cái đó. Tôi có nghe Bà Bác sĩ Besant tuyên bố rằng không có sự sống nào nên cứu bằng những phương pháp như thế. Chúng ta biết rằng bản năng sinh tồn ăn sâu vào lòng mỗi người và mỗi con thú, đặt cho xác thân có thể thành ra dụng cụ để phục vụ lâu dài đời sống bên trong, xác thân do lắm công phu và khổ nhọc mới tạo ra được. Do đó cần phải cứu mạng con người bằng những phương tiện chính đáng. Nhưng cứu cánh không thể biện minh cho mọi phương tiện. Chúng ta rất có lý và khâm phục những người thà chết hơn chịu ô nhục. Chắc chắn đó là mọi sự ô nhục lớn lao đối với những kẻ dùng những phương tiện quái đản như thế để bảo tồn sự sống của mình. Bà Hội Trưởng của chúng ta nói rằng bà thà chịu chết hơn là được cứu sống theo cách ấy.

Về vấn đề này, chúng ta gặp trong Hội Thông Thiên Học những ý kiến khác biệt nhau, mỗi người đều có quyền tự do tin tưởng theo ý riêng của mình, nhưng ý kiến của Đức Thầy đưa ra trên đây thật minh bạch. Dù sự ghê tởm của chúng ta trước sự hung ác trong sự giải phẫu hình thể có thể nào đi nữa, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng nhiều vị y sĩ và những người cùng chí

hướng đã hối tiếc khi làm việc ấy. Sự hung ác không làm cho họ vui một chút nào (dù việc làm ấy khuyến khích vài tình quái mang lớp người giữa xã hội chúng ta), nhưng họ nghĩ rằng đó là phương cách duy nhất để bảo vệ xác thân con người khỏi đau đớn và chết chóc. Họ đã thành thật tin tưởng rằng trong trường hợp này cứu cánh sẽ biện minh cho phương tiện. Do đó, dù chúng ta bất đồng với họ, chúng ta chớ nên lên án kẻ phạm tội mà hãy lên án sự tội lỗi. Chắc chắn Luật Nhân Quả sẽ mang đến cho những người giải phẫu sinh thể nhiều sự đau đớn. Nhiều người tỏ ra tức giận và gần như oán ghét đối với những người giải phẫu sinh thể, nhưng nếu biết được sự thật này, thì mấy người ấy sẽ xót thương cho họ.

Không phải những người giải phẫu sinh thể đều hung ác như nhau. Tôi có biết một nhân viên trong Hội chúng ta là một nhà giải phẫu nổi tiếng, ông đã thực hiện việc giải phẫu sinh thể theo một phương cách đặc biệt. Trong thân thể con người có vài huyết quản đôi khi bị vỡ. Nó mảnh mai đến nỗi nếu người ta thử ráp hai đầu ấy, luôn luôn không tránh khỏi sự kéo da non lạnh vết thương làm nghẹt huyết quản. Từ lâu, không thể chữa được trường hợp này. Sau cùng, vị Bác sĩ ấy nghĩ rằng nếu rạch một đường lớn hơn, người ta có thể làm cho vết thương lành mà không nghẹt huyết quản. Ông thực hiện việc ấy bằng cách rạch một đường gần cuối đoạn đứt và một đường nữa bên cạnh khúc kia rồi đặt hai đường cắt ấy kế tiếp nhau. Muốn cho sự hiệu nghiệm của phương pháp đó chắc chắn ông đã thử trên một số chó. Ông nói với tôi rằng ông đã dùng lối nửa tá chó hoang trong cuộc thí nghiệm ấy. Những con chó này được nuôi đầy đủ và ở trong tình trạng hoàn mỹ trước khi giải phẫu. Chúng được dùng thuốc tê và săn sóc kỹ lưỡng cho đến khi chúng hoàn toàn bình phục. Việc làm đó chứng tỏ cuộc giải phẫu thành công. Như thế sự chữa trị lành mạnh mà trước kia người ta cho là tuyệt vọng lại được công nhận dễ dàng. Hiện nay lối giải phẫu đó được thực hiện trên toàn thế giới và đã mang tên vị y sĩ đã phát minh ra nó. Nguyên tắc thì bất chính tuy nhiên không mang tính cách hung ác đối với thú vật. Chẳng những chúng không chịu thiệt hại gì trong thời gian thí nghiệm mà số phần chúng còn được cải thiện. Vậy cuộc thí nghiệm này hoàn toàn không giống như những cuộc thí nghiệm thông thường khác và tôi tưởng rằng công kích vị y sĩ này là điều rất sai quấy cũng như những kẻ phản đối sự giải phẫu sinh thể luôn luôn công kích những người giải phẫu.

Một vài cuộc thí nghiệm được mô tả trong sách vở thật hung ác và khốc liệt. Chẳng hạn như cuộc thí nghiệm để ghi nhận xem đến nhiệt độ nào con thú có thể được nướng chín trước khi vài cơ năng của nó biến mất, chưa kể đến những điều ghê tởm hãi hùng khác và hiển nhiên là vô dụng. Hàng ngàn

cuộc thí nghiệm khác được thực hiện một cách vô ích để sinh viên học hỏi một cách tổng quát và để đạt những kết quả không có mục đích, vì sự cấu tạo cơ thể con người về nhiều phương diện khác xa so với sự cấu tạo cơ thể của loài vật. Thí dụ một con dê cái có thể ăn cây kỳ nam (*jusquiamé*) chung với nhiều thức ăn khác, mà không thấy phản ứng gì; nhưng nếu con người ăn như thế y sẽ bước sang cõi Trung Giới. Chúng ta phải nói thêm rằng, khi một con thú bị hành hạ và khiếp đảm thì những khí lực trong thân xác nó cũng biến đổi khiến cho sự quan sát chúng không còn chính xác nữa.

Dĩ nhiên là thần nhĩn phải thay thế cho tất cả những sự hung ác này. Nếu y sĩ có thể quan sát tổ chức bên trong của người sống khi thân thể còn nguyên vẹn thì thật hữu ích hơn là giải phẫu sinh thể thú vật, mà sự cấu tạo khác biệt với con người rồi đưa ra suy luận về cơ thể con người. Những ai cảm thấy rằng sự giải phẫu sinh thể là vấn đề quan trọng, thì họ nên thành lập một cái hội mà những nhân viên trong hội đồng thí nghiệm lẫn nhau. Hội này sẽ cung cấp cho họ những xác thân con người mà các phản ứng chắc chắn sẽ hữu ích hơn là những phản ứng vô dụng của thú vật. Rốt cuộc họ tránh được những cực hình ghê tởm đối với những sinh vật không có ai bảo vệ. Đó là điều mà trong thế giới do Thượng Đế tạo ra, họ không có quyền làm. Nhưng tất cả những điều kiện này đều vô ích, vì một phần mười sự cố gắng, nghiên cứu và tìm tòi được hiến cho những cuộc thí nghiệm cũng đủ để tuyển mộ một đạo binh có thần nhĩn đáng tin cậy. Tôi sẽ nói rằng ngay sự chuyên tâm học tập lâu dài của một sinh viên trung bình, thường thường cũng thừa đủ để cho y khai mở thần nhĩn.

Một loại hung ác khác đã đe dọa chúng ta phát sinh từ sự lạm chiếm quyền hạn của nghiệp đoàn y sĩ chính thống. Chúng ta không muốn trở nên nô lệ họ, cũng như tổ tiên chúng ta đã nô lệ giáo đường. Dù những y sĩ đã thực hiện một điều lành, một việc phước đức bằng nhiều phương cách, nhưng không vì thế mà họ có quyền thiết lập những cuộc "thăm xét khoa học" hoặc áp dụng sự trừng phạt đối với những ai không chịu khuất phục trước y lý hiện kim của họ. Chắc chắn chỉ có luật dân sự mới có thể trừng phạt chúng ta. Những giáo đường cũng trừng phạt như thế: những người không chịu tin tưởng và vâng lời bị gọi qua tòa án dân sự với lời cầu khẩn giả dối là "đừng làm đổ máu". Do đó, nhà cầm quyền thay vì xử trăm nạn nhân, lại xử thiêu họ. Sự cưỡng bách chúng đậu đã gây nên việc chống đối. Trong vài xứ chúng đậu còn bị cưỡng bách mà không minh chứng cho người ta thấy rằng phương thức không tệ hơn bệnh mà nó muốn diệt trừ [104]. Ý kiến về khoa học rất thường thay đổi trong giới y học, nhưng lúc đương thời, mỗi lý thuyết đều được những người đồng quan niệm nhiệt liệt ủng hộ. Lịch sử đã

cho thấy rằng quyền lợi của một nhóm người nắm giữ uy thế thường tạo những sự áp chế khủng khiếp và những nỗi khốn khổ vô bờ bến. Không, không nên có sự "thăm xét khoa học".

Có vài người cố gắng bào chữa tất cả những sự hung ác đối với thú vật, theo lý thuyết cổ của người Do Thái cho rằng thú vật sinh ra chỉ để phục vụ con người. Chúng ta hiểu biết hơn điều đó. Thú vật sinh ra đây do ý muốn của Đức Thượng Đế. Chúng nó là biểu hiện của những giai đoạn tiến hóa do sự sống của Ngài đã thâm nhập vào. Tuy nhiên chúng ta có quyền sử dụng thú vật với điều kiện là giúp cho sự tiến hóa của chúng. Nhờ tiếp xúc với con người mà chúng nó được tiến bộ. Quả nhiên là chúng ta chiến đấu với con ngựa rừng khi chúng ta bắt nó, nhưng trên phương diện khác, nhất là trí não, nó đã mở mang nhiều trong đời sống bị bó buộc.

Những người khác lại đem quan niệm xưa của người Do Thái áp dụng vào con cái. Nhiều người cha mẹ tin chắc rằng con cái sinh ra chỉ vì họ, để phụng sự họ, làm cho họ vinh hạnh, săn sóc họ trong lúc tuổi già, vân vân . . . Đó là nguồn gốc của ý niệm vô nhân đạo này: Phải bắt buộc trẻ con trở thành như ý chúng ta muốn nó như thế nào, mà không để ý đến thiên tư và quyền lợi đặc biệt của nó thuộc về những tiền kiếp. Điều này đưa đến sự hung ác tể nhị.

Nhiều vị giáo chức thường làm ác. Tất cả những người ấy cố gắng bào chữa sự tàn bạo của họ bằng cách nói rằng đó chính là tại tục lệ. Nhưng không phải vì lý do có nhiều người phạm mà một tội ác không còn là tội ác nữa.

Đánh đập trẻ con là một tục lệ lan tràn. Nhưng không vì thế mà bào chữa được lỗi mình. Tuy nhiên tục lệ đó không có tính cách phổ quát. Tôi thật sung sướng mà thấy vài xứ đã đạt đến trình độ văn minh về phương diện này. Tôi tưởng nước Nhật Bản là một trong số đó. Theo kinh nghiệm riêng, tôi biết rằng ở Ý cũng thế. Tôi ở lâu ngày trong một thành phố lớn ở Ý, tại một ngôi nhà mà cửa sổ hướng ra sân một trường Trung Học quan trọng. Từ nơi đó tôi theo dõi một cách rất thú vị những mối liên hệ giữa thầy và trò. Cho hay bản chất của những trò này dễ bị kích thích và tự do hơn, nên kỹ thuật áp dụng đối với chúng phải khác với kỷ luật của nước Anh. Học trò

đang sắp hàng, bỗng một em trong đám chạy đến vị giáo sư, cầm tay ông và nói một cách tha thiết. Vị giáo sư vuốt đầu đứa bé và mỉm cười, chắc ông chấp thuận lời yêu cầu của nó hoặc nói đến điều đó. Tất cả mọi người đều sống trong tình tương thân tương ái. Còn một nhận xét khác như sau: mỗi lần những em học sinh trai này gặp thầy chúng ngoài phố, chúng chạy tới túm lấy tay ông và cũng đối đãi với ông như một người bạn chí thân, ngoài giờ học. Đó là dấu hiệu tốt đẹp, vì người được trẻ con thương mến luôn luôn đúng là một người tử tế; bản năng của chúng không sai lầm. Bên Ý, không có một sự hung ác nào có thể xảy ra như trong các trường học bên Anh Quốc, vì phong tục của hai nước khác nhau. Xâm phạm đến một cá nhân nào là một tội lỗi không thể dung tha trong xứ ấy. Điều này gây ra việc sử dụng dao mác và những cuộc đấu gươm, vân vân . . . Như thế, trẻ con được bảo vệ hoàn toàn.

Từ lâu, sự trừng phạt là một tục lệ. Nhưng tục lệ này không làm giảm được tính cách của sự hành phạt, vừa là hung ác, vừa là vô ích một lượt. Trước hết, sự trừng phạt không phải là công việc của chúng ta. Luật Nhân Quả đảm trách tất cả những việc đó và nó không thể lầm lẫn như chúng ta thường lầm lẫn. Những sự bất công kinh khủng của luật pháp đã xảy ra không biết bao nhiêu lần rồi; những hình phạt vô cùng nặng nề đã giáng xuống cho những người hoàn toàn vô tội. Kẻ phạm tội làm hại cho nó nhiều hơn là những kẻ khác, và người ta có thể để cho sự trả thù đi theo sự lưu hành tự nhiên của nó.

Ngoài điều đó ra, sự trừng phạt được áp dụng để gây sự sợ hãi trong lòng người phạm tội về sau này và cũng nhằm nhắc nhở chung cho tất cả những người khác. Đánh đập trẻ con thật giống sự trừng phạt của luật pháp đối với tội nhân: luôn luôn đó là ý định trả thù. Dường như người ta nói rằng: "Anh làm điều này, điều kia rồi anh phải hối hận về điều đó". Thường thường một ông thầy nổi giận. Sự xúc động của ông là nguyên nhân của việc trừng phạt, chứ chẳng phải sự suy xét hợp lý vì quyền lợi của đứa trẻ. Tôi biết người ta nói rằng sự trừng phạt của luật pháp nhằm ngăn ngừa tội lỗi; nhưng chúng hành động một cách khác hẳn. Trước đây một trăm năm, sự trừng phạt của luật pháp nước Anh rất nghiêm khắc. Chẳng hạn người ta treo cổ một người vì y đã ăn cắp một vật nào đó đáng giá một đồng "si-linh" (shilling) và sáu xu. Tôi nhớ đã đọc ở cửa khám đường Newgate (như người ta cũng đọc ở nơi khác) như sau: "Kẻ kia bị treo cổ vì đã ăn cắp đôi bao tay (găng) đáng giá hai hoặc ba đồng si-linh". Trong thời kỳ ban hành những hình phạt nghiêm khắc như thế, việc phạm tội lại còn nhiều hơn hiện nay. Hình phạt không ảnh hưởng bao nhiêu đến tội trạng. Đó là vấn đề giáo dục tổng quát

và văn minh.

Thường thường không có sự liên quan nào giữa tội trạng đã phạm với sự trừng phạt của pháp luật hay là nhà trường. Một người ăn cắp, y bị tống giam một thời gian. Có sự tương quan nào giữa hai việc ấy? Muốn được hợp lý phải bắt kẻ phạm tội làm việc để đền bù lại giá tiền của vật bị đánh cắp và hoàn nó lại cho người chủ bị trộm. Sự trừng phạt phải hết sức tương xứng với tội trạng. Bỏ tù một người chỉ vì y đã ăn cắp là một thứ ác mộng. Đối với chúng ta cũng giống như thế, nếu một đứa trẻ không học bài thì nó bị đòn. Đây là sự tương quan của hai sự kiện ấy? Người ta có thể nói một cách hợp lý một phần nào như sau: "Em không học bài, em sẽ bị chậm trễ hơn các bạn học của em. Vậy em phải ở lại đây học thay vì đi chơi". Nhưng phương pháp áp dụng hiện thời là vô lý và hoàn toàn sai lầm. Ý định trừng phạt luôn luôn bất hảo và tất cả những tục lệ trên đời cũng chẳng thay đổi được điều gì. Cả ngàn chuyện vô cùng bất hảo và phi lý đều phát sinh theo tục lệ, như tục bó chân bên Tàu và vài kiểu cách thời thức của chúng ta, trong những thời đại khác nhau. Không nên tưởng rằng một sự thực hành phù hợp với phong tục, dù trong nhiều thế kỷ, đều tốt đẹp và cần thiết, vì thường thường không phải như thế, nó vẫn trái ngược lại.

Một công đoàn có thể nói một cách hợp lý với một kẻ tái phạm, như người ta đã làm điều đó tại xứ Pérou ngày xưa: "Chúng tôi là những người văn minh. Chúng tôi đã trải qua không biết bao nhiêu khổ nhục mới lập quốc theo một công trình nhứt định, dành cho những người tuân giữ luật pháp quốc gia cư ngụ. Nếu anh không muốn tuân theo luật, anh hãy ra đi và đến sống với những kẻ khác". Chỉ có sự trừng phạt trong xứ đó mà thôi; là đầy đi qua xứ khác. Và lại, sự lưu cư đến trong những bộ lạc dã man là điều ô nhục lớn nhất và còn kèm theo những sự thiếu thốn. Khi một người Mã Lai trở nên điên cuồng hung dữ, chúng ta phải ngăn cản y lại, dù phải diệt trừ mạng sống của y. Nhưng trừ những trường hợp nguy kịch và bất khả kháng, chúng ta không có quyền giết chết, không có quyền hành hạ ai bao giờ. Đó là điều tuyệt đối chắc chắn. Nếu sự xử trảm là nhằm trả thù, thì sự hung ác của chúng ta cũng không kém gì kẻ sát nhân, y đã gọi lên cái mà chúng ta gọi một cách êm tai là sự phản nộ chính đáng của chúng ta. Nếu nguyên tắc của chúng ta có mục đích trừ khử người đó, thì nó vẫn sai lầm, vì nhà nước có bổn phận đối với tất cả những công dân, chứ không phải đối với những người bình thường mà thôi. Hơn nữa phải nghĩ đến con người thật, chứ không phải nghĩ đến xác thân. Tìm giải pháp dễ dàng hơn hết bằng cách thủ tiêu kẻ phạm tội là thực sự sát nhân. Hơn nữa phương cách này rút cuộc vô ích vì nó khích động nhiều dục tình thấp hèn và con người khi đầu thai lại

sẽ liên hệ với chúng ta bằng những điều kiện nghiệp quả không có gì là tốt đẹp. Kẻ sát nhân thật là một trường hợp bệnh lý (rất hi hữu và phần nhiều những kẻ phạm tội chịu ảnh hưởng của môi trường bất lợi). Không nên hành hạ và tàn ác đối với kẻ phạm tội, vì xử sự như thế tức tăng cường khuynh hướng chống đối xã hội ở nơi y, nhưng với cách đối đãi và một kỷ luật thật sáng suốt, chúng ta sẽ đưa y trở lại hàng ngũ của những người công dân bình thường về phương diện vật chất và tình cảm. Chính phủ chăm lo về vật chất và tinh thần của mỗi cá nhân bất toàn, nhưng đồng thời cũng phải săn sóc những tội nhân, nói chung là những người bất thường về tinh thần hoặc tình cảm. Đó là thái độ bác ái, đó chính là quan điểm của Đức Thầy.

Lý tưởng phải đạt được đó vốn là chân thật, hiển nhiên, và thực tế. Kẻ sát nhân và trẻ con phải được giúp đỡ bằng sự giáo hóa, chứ không phải bị sự sợ hãi thúc đẩy. Hệ thống giáo dục làm cho trẻ con kinh sợ tạo ra những hậu quả hết sức tệ hại. Vì đưa vào đời sống chúng lo sợ, buồn phiền và độc ác, thường gây ra sự tai hại cho tánh tình và đức hạnh của người công dân. Dưới một hình thức khác, đó là ý niệm của giáo đường thuở xưa về hỏa ngục, nhưng chính nơi đây là hỏa ngục và trẻ con tinh ranh một chút có thể thoát được. Người ta tin rằng có thể cải thiện con người bằng cách làm cho nó sợ hãi: ý tưởng này tồn tại được thật là điều kỳ lạ. Một trong những tiểu thuyết gia danh tiếng đã viết thư cho tôi cách đây ít lâu và nói rằng ông có gặp một thanh niên tại một trạm nghỉ trên bờ biển, và ông đã trình bày vài ý niệm Thông Thiên Học với y, giải thích cho y nghe sự phi lý của lý thuyết về hỏa ngục. Sau đó, mẹ của thanh niên vô cùng phẫn nộ, đến viếng vị tiểu thuyết gia ấy. Bà nói: "Phương sách duy nhất mà tôi đã thành công trong việc đem con tôi đi theo con đường chơn chánh là làm cho nó sợ hãi vì ý niệm hỏa ngục và đe dọa nó mỗi ngày từ sáng đến tối. Bây giờ ông làm cho nó tin chắc rằng không có địa ngục, tôi phải chịu bó tay". Nếu sáng suốt hơn một chút, ban đầu bà sẽ giải thích cho con bà hiểu biết thì việc dùng đến cách khủng bố không tốt đẹp này sẽ chẳng cần thiết.

Sự tự do và tình thương là hai yếu tố quan trọng trong sự phát triển linh hồn con người. Nhiều người sẵn sàng để cho kẻ khác tự do, với điều kiện những người ấy theo đúng yêu sách của họ. Nhưng mà sự tự do thật sự là tự do cố gắng theo phương cách riêng của mình. Thường thường người ta hay xen vào sự tự do của người khác và sự điều khiển từ bên ngoài quá nhiều làm giảm sút đời sống hoạt động mà nó muốn che chở hay giúp đỡ. Người ta nhận thấy điều này trong sinh hoạt học đường, nơi đây đã đặt ra nhiều điều lệ vô ích, trong khi sự tự do cá nhân đem lại nhiều cơ hội cho sự tiến bộ. Đó là một trong những điều dị biệt căn bản giữa chính thể Anh Quốc và vài

quốc gia khác. Tóm lại, nước Anh cố gắng để cho mọi người công dân có thể được tự do. Những nước khác muốn tránh sự xáo trộn và nguy hiểm nên giúp đỡ người dân bằng cách bắt họ chịu mọi hạn chế. Một ngày kia, một viên chức ngoại quốc nói với tôi rằng: "Này ông, trong một nước cai trị khôn khéo, thì tất cả đều bị cấm"! Trong những cuộc du lịch vòng quanh thế giới của tôi, những hình thức luật lệ khác nhau đều gây sự chú ý nhiều với tôi. Nước này đặt ra những sự nghiêm cấm, nước khác thì đó chỉ là sự yêu cầu. Vài nước theo phương pháp quân sự, nó chỉ thích hợp với linh hồn thật ấu trĩ. Những nước khác, kêu gọi lương tri và ý chí cao đẹp của con người. Chẳng hạn tôi nhớ đã đọc một yết thị phản đối vài thói quen phiền toái bằng những lời lẽ sau đây: "Những người lịch sự không muốn và những kẻ khác không nên làm việc nào đó". Chính là lời yêu cầu này nêu lên tại Hoa Kỳ, một trong những quốc gia trẻ trung nhất. Theo cách thức ấy khá hay.

Có những trường hợp, vì quyền lợi của đoàn thể sự cưỡng bức trở nên cần thiết, nhưng tốt hơn luôn luôn nên có sự đồng ý của dân chúng hơn là sai khiến một cách hống hách, hay là cai trị một cách nghiêm khắc. Tôi e rằng điều này mới vừa hiểu được trên phương diện giáo dục. Luôn luôn là những qui luật: "Hãy làm điều này; đừng làm điều kia". Ngay trong sự dạy dỗ, quyền lợi của đứa trẻ ít khi được đề cập. Người ta chỉ nói với nó: "Đây là bài học của em, phải học thuộc đi".

Theo những phương pháp mới mẻ hơn, như phương pháp của Bà Montessori, bài học trở nên thích thú, trí khôn của đứa trẻ con sẽ khai mở như một đóa hoa. Chỉ có một phương pháp dạy học hữu ích cho trẻ con là trước hết được chúng hết dạ thương yêu. Rồi bạn ảnh hưởng chúng bằng một việc làm có tính cách luân lý đạo đức, bởi vì bạn tỏ ra buồn bực, nếu chúng phạm lỗi. Điều này hoàn toàn chính đáng, vì bạn cảm thấy buồn lòng thật sự. Nếu lúc đầu bạn điều khiển bằng tình thương, thì tình thương nảy nở nơi học trò và bạn sẽ đạt được sự cố gắng của đứa trẻ. Muốn dạy dỗ trẻ con, phải có một trí thông minh sắc bén, một tấm lòng tràn đầy tình thương và một sự kiên nhẫn rộng như biển cả: chúng ta phải hiểu những lỗi của chúng để có thể chỉ dẫn chúng cách làm việc cho tốt đẹp như chúng đã hiểu. Nếu bạn lập tức dùng sức mạnh và sự thô lỗ, cộc cằn, thì bạn chỉ gợi sự hiềm thù chống đối và bạn sẽ không đạt được điều gì thỏa mãn cả.

Trong đời sống thường nhật cũng thế. Trong việc kinh doanh, nếu một người kia muốn thỏa hiệp với kẻ khác về một việc có lợi, thì y phải nói một cách dịu dàng, y phải cố gắng làm cho người kia tin rằng công việc mà y đề nghị là mối lợi chung cho cả hai. Y không có ý nghĩ lần lượt người đối thoại

với y, cách ấy chắc chắn sẽ làm cho người kia phật lòng và có thể chấm dứt tình thân hữu nữa. Trẻ con, trai lẫn gái cũng đều là con người cả và bạn sẽ được lợi khi có chúng bên cạnh bạn hơn là kêu gọi sự chống đối của chúng lúc ban đầu. Những nhà giáo đều biết điều này nhờ kinh nghiệm. Không có nhà giáo nào, dù tài giỏi và thông thái đến đâu đi nữa xứng đáng với danh hiệu thật cao quý ấy, trừ phi gọi được thiện cảm của trẻ con và được chúng thương yêu. Đó là cách dạy dỗ của vị Chơn Sư : không bao giờ dùng uy lực, không bao giờ dùng nhưng qui tắc mà dùng lối chỉ vẽ con đường tốt lành và khuyến khích chúng ta bắt chước các Ngài.

Quả báo không hề kể đến tục lệ; và quả báo do sự hung ác gây ra thì ghê tởm hơn tất cả. Ít ra bên Ấn Độ, không thể nào bào chữa những tục lệ hung ác như thế được, bởi vì mọi người đều biết rõ bản phận mình không được gây ra sự đau khổ.

C. W. L. Người chọn nghề dạy học để mưu sinh cũng giống như y làm một nghề khác vậy. Tuy nhiên các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu không xem xét vấn đề trên phương diện ấy. Khi các Ngài đặt đề một người nào trong hoàn cảnh ấy, tức là các Ngài muốn ban cho y một cơ hội rất tốt đẹp. Nếu y nhận lấy, làm việc của y rất kỹ lưỡng, khéo léo và thương yêu, thì trong kiếp tương lai y có triển vọng làm một vị Đạo Sư. Sứ mệnh ấy sẽ đưa y đến địa vị Đại Thánh, một đại ân nhân của nhân loại. Nghề giáo dục dắt thẳng đến những phần thưởng cao quý nhất trên đời. Đó là quan điểm của các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu.

Nhà giáo phải tự nói rằng mỗi đứa trẻ là một Chơn Nhơn (một linh hồn) và phải hết lòng giúp đỡ nó mở mang tính tình. Về điều ấy, dĩ nhiên có nhiều cơ hội, vì những đứa trẻ được giao phó cho nhà giáo dạy dỗ, nói tóm lại, sự đào tạo chúng nó tùy thuộc nhà giáo. Còn về giá trị của ảnh hưởng giáo dục ấy, chúng ta hay lấy tư tưởng của một nhà tu dòng Gia Tô (Jésuite) nổi tiếng làm dẫn chứng như sau: "Hãy để tôi săn sóc một đứa trẻ đến mười một tuổi. Sau đó nó có thể đi đâu tùy ý nó". Nhà giáo ảnh hưởng đến tuổi trẻ bằng giá trị cá nhân và bằng cách hành động cũng như lời nói của mình. Nếu nhà giáo là người xứng đáng, thì tình thương chiếu ra chung quanh mình ông thành một ảnh hưởng mạnh mẽ và hữu hiệu. Sau cùng sứ mạng của ông bao gồm một trách nhiệm lớn lao, bởi nếu thay vì làm nảy sinh trong lòng các học

sinh tình thương và những tính tốt, ông tạo ra sự sợ hãi và tính gian trá, thì ông ngăn trở sự tiến bộ của những linh hồn ấy và gây ra sự tai hại nghiêm trọng.

Lợi dụng cơ hội như thế để làm một việc bất chính là một sa ngã ghê gớm của kẻ phạm tội. Ví dụ như tính hung ác, gây nên những hậu quả khủng khiếp. Trong vài trường hợp chúng ta nhận thấy sự đau khổ thể xác cân xứng với việc làm mà thường thường hậu quả là điên khùng hoặc ít ra là chứng loạn thần kinh và thần kinh suy nhược. Lại nữa, trong nhiều trường hợp và xét về mặt xã hội thì sự hung ác là một sự xuống dốc bi thảm đáng lưu ý. Một người phạm tội hung ác trong khi y chiếm một địa vị xã hội khá cao, thì hậu quả của việc ấy là y bị rơi xuống lớp cận bã của xã hội. Chẳng hạn, như tôi thấy những người Bà La Môn tái sinh làm người Thủ Đà La (Paria) (thuộc gia cấp hạ tiện) vì đã đối xử tàn ác với trẻ con. Vậy hiển nhiên là các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu áp dụng những đại định luật của vũ trụ giống như quan điểm của Đức Thầy.

Một cơ hội cũng khá giống với các nhà giáo dục được giao cho vị giám đốc một cơ xưởng hoặc người cầm đầu một xí nghiệp quan trọng nào đó. Người ta xem một địa vị như thế đáng mơ ước vì có lương cao và cơ hội để vừa bảo đảm những mối lợi lẫn một vài thế lực nào đó. Nhưng một lần nữa ở đây, các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu thấy một cơ hội giúp đỡ tất cả những người qui tụ trước uy quyền của y. Thường thường một vị chủ nhân nhìn những công nhân của mình với một vẻ thù nghịch kín đáo, y cho rằng những người ấy muốn chiếm đoạt tiền bạc của y nhiều chừng nào hay chừng nấy và lợi dụng y bằng nhiều cách. Về phía những người nhân công, họ tin rằng chủ nhân muốn bóc lột họ, lợi dụng họ tối đa, và trái lại, trả lương tối thiểu cho họ. Rủi thay, đó là sự thật, đôi khi cả hai bên nghĩ như thế đều có lý: Vài vị chủ nhân chắc chắn có tâm trạng ấy. Đa số nhân công cũng xét đoán chủ nhân như thế. Nhưng người hiểu biết không hề nhìn sự việc theo quan điểm ấy. Địa vị ban cho một người để y ảnh hưởng đến những kẻ đồng loại của y một cách tốt đẹp, đó là khía cạnh duy nhất của vấn đề mà các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu đã kể đến. Thường thường các Ngài không nhìn nhận sự vật như chúng ta. Chẳng hạn nhân loại xem sự chết như là một việc ghê tởm và một hình phạt khủng khiếp, nhưng lắm khi cái chết được xem là một lối ban thưởng, một sự giải thoát đưa đến những cảnh ngộ tốt đẹp và thuận lợi hơn.

Số kiếp dành cho kẻ ác cũng giáng xuống cho tất cả những ai viển lẽ vì

mục đích thể thao mà thích sát hại loài vật của trời sinh.

C. W. L. Có một bài thơ trào phúng của Punch mô tả tình cảnh của miền đông quê Anh Quốc khá đúng như sau: "Trời đẹp, chúng ta hãy đi ra ngoài và giết vài con vật". Làm mục sư ở Anh Quốc trong một giáo khu thuộc miền quê, tôi đã giao thiệp mật thiết với một hạng người làm nghề săn bắn, lũng sục con thịt và đánh cá. Họ làm tất cả mấy điều đó như công việc hằng ngày của họ và như đề tài đàm thoại chính của họ. Nhưng trái với những điều người ta có thể nghĩ về họ, những người này đối xử với đồng bào của họ một cách dịu dàng và hoàn toàn tử tế. Họ là những người cha tốt, những người chồng tốt, những vị quan tòa nhân hậu và những người bạn chân thành, nhưng họ không thấy sự ác đĩnh đạc với sự giải trí của họ. Một trong những người ấy bắn nai và trĩ rất nhiều và một cách hoàn toàn vô tâm, nhưng y thức suốt đêm săn sóc con chó của y đau; sự kiện này chứng tỏ y có một tâm lòng nhân từ, dù đối với thú vật, y cũng cảm thấy một thứ tình huynh đệ. Chung qui, việc hung ác phát sinh từ một sự mù quáng tinh thần, Nhiều người không kém thông minh, nhưng họ không hề suy nghĩ đến điểm đặc biệt ấy, họ nghĩ rằng thú vật sinh ra để riêng cho họ dùng và để vui mà giết chúng một cách khéo léo. Những người ăn thịt cũng suy xét như thế. Hồi còn thanh niên, tôi cũng ăn thịt và không bao giờ tôi nghĩ đó là sai quấy, cho đến ngày tôi đọc được một quyển sách luận giải về vấn đề này. Đó là việc xảy ra rất lâu trước khi thành lập Hội Thông Thiên Học.

Khi chúng ta tin chắc rằng môn "thể thao" theo lối đó là một điều ghê tởm và trong khi chúng ta săn bắn, chúng ta đã tham gia vào sự tàn sát những sinh vật của Trời; chúng ta cũng ngạc nhiên sao chúng ta không thấy điều này sớm hơn. Hàng ngàn người chưa

mở mắt để nhận biết sự tai hại. Tục lệ kiểm tỏa họ trong ảo tưởng và họ không hề nghĩ đến tội hung ác ghê gớm mà họ đang làm. Đối với vài món đồ trang sức cũng thế. Chẳng hạn như vài thứ lông, chỉ có thể tìm được bằng cách giết chết cả bầy chim và chẳng những gây đau đớn chết chóc cho những sinh vật bị sử dụng thôi mà thường thương cho con cái của chúng nữa. Những người mặc những bộ đồ lông ấy là những kẻ sát sinh vô tình. Chẳng phải họ là những người hung ác một cách chai đá. Sự thật khác hẳn, họ chỉ tuân theo tục lệ thôi. Tuy nhiên luật Nhân Quả vẫn cứ hành động. Một người đang chìm đắm trong sự suy tư có thể té xuống một vực thẳm. Sự kiện chẳng biết mình đi về đâu, không thay đổi được những hậu quả.

Ta biết con không làm như thế và vì thương Đức Thượng Đế, nên khi gặp cơ hội, con sẽ phản kháng ngay.

C. W. L. Ở đây, chúng ta hãy chú ý đến những chữ: "Khi gặp cơ hội". Vì chúng ta không muốn bắt buộc kẻ khác nghe theo tư tưởng của mình, nên thường thường chúng ta chỉ đề cập đến vấn đề này nếu có người hỏi ý kiến chúng ta, hoặc khi cuộc đàm thoại của chúng ta tự nhiên rơi vào vấn đề ấy. Dùng uy quyền tỏ bày ý kiến riêng của chúng ta, có thể là tốt lắm nhưng thường thường làm hại hơn là làm lợi. Những người hay kích bác mà làm việc ấy thì luôn luôn gây ra ác cảm. Một người làm quen với bạn ngoài đường và muốn biết coi bạn có gặp Đức Chúa Jêsus không, hoặc linh hồn bạn có được cứu rồi chăng? Sẽ không gây cho bạn một cảm giác tốt đẹp và khiến cho đa số người nghĩ rằng y không khéo léo; tôn giáo của y thiếu giá trị về mặt thực tế. Nếu có dịp thuận tiện, bạn có thể cho mượn một quyển sách hay một tập sách mỏng, hay đàm thoại một cách ôn hòa về vấn đề ấy. Nhưng bạn thấy mình ở giữa những nhà thể thao, tôi sẽ không khuyên bạn thốt ra những lời này: "Đó là một việc ghê tởm", dù đây là sự thật. Nếu có ai hỏi tôi, tôi sẽ nói một cách bình thản như sau: "Tôi thiết tưởng mọi sự sống đều thiêng liêng. Những con vật này quả là những đứa em non trẻ của chúng ta và bạn không có quyền giết chúng để mua vui cũng như bạn không có quyền giết một con người cũng vì một lý do ấy". Chắc chắn những người nghe tôi nói sẽ ngạc nhiên. Có thể họ sẽ cười thầm, chế nhạo, nhưng họ sẽ không phản đối lại ý kiến ấy như họ sẽ làm, nếu họ bị tấn công.

Chúng ta là những người ăn chay, chúng ta thường cảm thấy mất hứng thú nếu phải ngồi chung bàn với những người ăn thịt, nhưng trong khi du lịch, thường không thể tránh được điều đó. Tuy nhiên biểu lộ những cảm giác ấy thật ra không tốt. Đó không phải là phương cách cải hoán con người. Nhưng nếu họ hỏi ý kiến bạn, bạn có thể bày tỏ lập trường của bạn bằng những lời được cân nhắc, minh bạch và bình tĩnh. Nếu làm như thế, rất có thể người đối thoại với bạn bắt đầu suy nghĩ và sẽ thừa nhận quan điểm của bạn.

Nhưng có thể có sự hung ác trong lời nói cũng như trong việc làm và

người thốt ra một lời nói cố ý nhục mạ, thì vẫn phạm tội ác. Điều ấy con cũng đừng làm. Nhưng đôi khi, một lời nói không suy nghĩ cũng làm hại như một lời hung ác. Vậy con phải tránh sự vô ý ác.

C.W. L. Vài người tự hào rằng mình luôn luôn nói lên những điều mình suy nghĩ, dù có làm tổn thương đến kẻ khác và dường như họ cho rằng sự thẳng thắn đó là một bản tính tốt. Đức Thầy không bao giờ dùng những chữ một cách khinh suất. Ngài nói có thể sự thật là một tội ác nếu lời thốt ra rất hung dữ. Trong một cuộc tranh biện hay một cuộc thảo luận, chúng ta có thể mạnh dạn phát biểu ý kiến riêng của mình, nhưng phải nói một cách nhã nhặn và lịch sự. Vị sứ đồ có nói rằng: "Mỗi người có một sự tin chắc trong trí mình"[105]. Điều này không có nghĩa là mỗi người phải tìm cách làm cho kẻ khác tin tưởng, mà chính y phải hiểu đâu là lý do của vài sự tin chắc riêng của y. Trong trường hợp này, khi cần, y có thể trình bày ý kiến của mình một cách dịu dàng và ôn hòa.

Có một sự kiện lạ kỳ: nhiều người không thể không nổi nóng ít nhiều, khi họ có những ý kiến bất đồng với kẻ khác. Tuy nhiên, họ biết rằng trên thế gian này có vô số vấn đề thích ứng với nhiều ý kiến khác nhau, mà quan điểm này cũng không kém gì quan điểm kia. Một cuộc tranh luận giữa một người Công Giáo và một người phái Orange [106] kết thúc bằng những thoi đâm, chung cục sự kiện ấy không tạo được một luận cứ nào đưa đến sự tin chắc. Bất đồng ý kiến với kẻ khác bị xem dường như là thiếu sự kính nể. Mỗi người đều chắc chắn mình rất có lý, nên kết án kẻ phản đối là có gian ý và suy tính trước. Vậy chúng ta phải thận trọng khi trình bày quan điểm của mình.

Về Thông Thiên Học, chúng ta cảm thấy một sự ước muốn đặc biệt, vì chúng ta tin tưởng vào nền tảng duy lý của nó và chúng ta chỉ muốn trình bày điều ấy cho kẻ khác biết, nhưng thường thường kẻ đàm thoại với chúng ta không thể hiểu. Lập luận dù hoàn toàn hợp lý, bất tất đã cảm kích được một người thường. Y không sống bằng lý trí, nhưng lại sống bằng tình cảm. Nếu người ấy bị cảm kích bởi một chuyện gì, thì không có lý lẽ nào có thể thuyết phục y được; chúng ta càng nói nhiều bao nhiêu, y càng thêm giận bấy nhiêu.

Sự hung ác này thường phát sinh do sự thiếu suy nghĩ. Một người tham lam và keo kiệt không hề nghĩ đến sự đau khổ do y gây ra cho kẻ khác bằng cách trả lương quá kém, hoặc y bỏ vợ con bữa đói bữa no. Một người khác chỉ nghĩ đến thú vui riêng của mình, và muốn được mãi nguyên, y ít bận tâm đến những linh hồn và những thân xác bị y làm hư hại. Một kẻ khác nữa, muốn tránh vài phút buồn phiền, nên đã đứng ngày mà không phát lương cho nhân công, không đếm xỉa đến những nỗi khó khăn do y gây ra cho họ. Có không biết bao nhiêu sự đau khổ phát sinh do sự vô tư lự, sự quên lửng hậu quả việc làm của mình đối với kẻ khác! Nhưng nhân quả không bao giờ quên. Nó không quan tâm đến sự quên lãng của con người. Nếu con muốn bước vào Đường Đạo, con phải nghĩ đến hậu quả của những việc con làm, vì e rằng con mang tội vô ý ác.

C. W. L. Trả tiền công kém hơn sức lao động, người ta có thể gây ra đau khổ đối với nhân công và vợ con của họ. Một sự giảm bớt vài đồng trong việc trả tiền công nhật có thể làm cho gia đình công nhân thiếu ăn. Tôi biết công việc là công việc, nhưng nếu cần, thì tốt hơn nên lời ít hơn là mang tội lợi dụng người nghèo. Những vị chủ nhân khám phá rằng trả lương cao thì họ được lợi. Đó là kinh nghiệm của Ông Ford, người giàu nhất thế giới hiện nay. Như tôi làm mục sư, tôi thường thăm viếng những người nghèo và đặt mình vào quan điểm của họ. Tôi thường nhận thấy người ta lợi dụng nhược điểm của họ. Ngay cả ở bên Ấn Độ cũng vậy, ở đây đôi khi trẻ con trong những trường học Paria bị rơi vào tình trạng chết đói cho đến khi chúng ta có thể nuôi dưỡng chúng.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 28

THÓI DỊ ĐOAN

Thói dị đoan là một tai hại lớn lao khác. Nó gây ra nhiều sự hung ác rùng rợn. Người làm nô lệ cho nó khinh khi những kẻ khác khôn ngoan hơn y và cố gắng lôi cuốn họ làm giống như y vậy.

C. W. L. Sự mê tín dị đoan không hề kể đến những sự khác biệt về khí chất của các dân tộc. Nó có một hình thức tín ngưỡng mà nó muốn ghi vào trí não của tất cả mọi người. Nó không nhận thức được rằng không thể bắt buộc ai cũng tin tưởng như vậy, ngoại trừ vài câu chuyện khoa học tầm thường, bởi vì có bao nhiêu người thì có bao nhiêu quan niệm về đời sống khác nhau.

Phải công nhận là dù bạn biết được rất nhiều người đi nữa, bạn cũng khó tìm được hai người có phản ứng giống nhau trong cùng chung một hoàn cảnh. Bạn có thể đoán trước vài khả năng tổng quát của đại đa số người, nhưng trước khi hiểu biết họ tường tận, bạn không thể nói đúng phản ứng của họ trong trường hợp này hay trường hợp khác. Vậy tựu trung sự dị đoan hàm ý ngoài những việc khác là sự thiếu hẳn thiện cảm. Người bị thói dị đoan chỉ phôi không hiểu rằng cách nhìn của y không phải là đường lối duy nhất.

Sự dị đoan không phải chỉ phương hại cho người tin tưởng nó thôi. Nếu nó phát triển mạnh, nó luôn luôn đưa đến việc cưỡng bách kẻ khác bằng uy lực. Qua lịch sử của tất cả thời đại, sự dị đoan về vấn đề tôn giáo đã tạo ra những hỗn loạn khủng khiếp. Vì vậy, chính các tín đồ Hồi Giáo đã bao phen thiêu hủy và làm đổ máu những vùng rộng lớn ở Á Châu, Âu Châu và Phi Châu, bằng cách trao cho dân chúng "quyền Kinh Coran hoặc thanh gươm". Như chúng ta đã đề cập phía trước, sự dị đoan đã tạo ra tôn giáo pháp đình. Những cuộc tàn sát của Thánh Barthélemy [107], những cuộc sát hại lẫn nhau giữa những người Tin Lành, Thiên Chúa Giáo và những Vêpres Siciliennes [108], đều là hậu quả tàn khốc của sự dị đoan. Cuộc đổ máu của Vêpres Siciliennes, một phần do chính trị, nhưng những cuộc tàn sát trước thì thuộc về vấn đề "tôn giáo". Lòng thù hận là nguyên nhân chính tạo ra những cuộc thảm sát ấy của các phái Thiên Chúa Giáo, dù thật sự có xen lẫn những sự kiện chính trị. Ngày xưa khi Hoàng Đế Constantin [109] theo Thiên Chúa Giáo, thì Ngài xem đó là ván bài tốt đối với tình thế của đế quốc Byzantin.

Cũng vậy, những cuộc viễn chinh của Thập Tự Quân là một sự dị đoan to tát. Chỉ vì một câu chuyện mà sự việc không mấy quan trọng liên hệ đến sự Giáng Sinh và cái chết của Đức Giáo Chủ Jésus mà hai mươi triệu người vong mạng trong những cuộc viễn chinh của Thập Tự Quân ấy để cố đem về cho người Thiên Chúa Giáo cái xứ sở mang tiêu sử của Ngài. Nếu có thể làm cho họ hiểu rằng đó là câu chuyện về đời sống của tất cả những người được điểm đạo và đời sống đó đã diễn tiến từ thời đại này qua thời đại khác trên khắp các nước của quả địa cầu, thì biết bao nhiêu cuộc đổ máu sẽ được

tránh khỏi. Tuy nhiên, có lẽ những biến cố này vẫn có một khía cạnh tốt, vì sau khi chiến đấu với những người Sarrasins [110] hiểu biết hơn mà người Thiên Chúa Giáo mới mang về Âu Châu những kiến thức hữu ích. Một mặt khác nhờ chọn cái chết cho lý tưởng nên họ được kể là những người chính trực. Những nơi linh thiêng của mọi tôn giáo nào thì phải thuộc về những tín đồ của tôn giáo đó thật là tốt đẹp và hào hùng. Nhưng đối với Thập Tự Quân, thời gian đã chứng tỏ rằng sự thất bại của người Thiên Chúa Giáo là một điều may mắn. Nơi Thánh Địa, những chiến sĩ Hồi Giáo phải giữ sự hòa bình giữa hai phái Thiên Chúa Giáo La Mã và Thiên Chúa Giáo Hy Lạp, vì họ luôn luôn tranh chấp nhau về sự hiện diện của lửa thiêng và Thánh Mộ.

Hiện nay, một vấn đề giống như thế cũng được đặt ra cho chúng ta tại Ấn Độ, nhưng không ai nghĩ đến cách giải quyết theo phương tiện của Thập Tự Quân. Những nơi linh thiêng của Phật Giáo (Tứ Động Tâm): nơi Đức Phật sinh ra, nơi Ngài Đắc Đạo, nơi Ngài Chuyển Pháp Luân và nơi Ngài tịch diệt, tất cả đều nằm trong tay những người theo Ấn Độ Giáo và tôn giáo của những người này khác với Phật Giáo. Những Phật Tử hết sức muốn có những nơi linh thiêng của họ, nhưng không bao giờ những quốc gia Phật Giáo nảy ra ý nghĩ khai chiến để chinh phục. Chúng ta hãy biết ơn họ về sự việc đó, vì có đến năm trăm triệu Phật Tử. Tôn giáo họ tránh làm mọi điều bất chính. Vài Phật Tử đã cố gắng mua lại phần Thánh Địa ấy và họ gần thành công với sự trợ giúp của Hội Thông Thiên Học. Nhưng rủi thay, một phần lớn tiền bạc bị phí tổn trong những vụ kiện và sự toan tính đã thất bại.

Phật Giáo là đại tôn giáo duy nhất không hề có sự ngược đãi kẻ khác. Những nguyên tắc của nó cấm đoán điều này. Chính những lời của Đức Giáo Chủ bắt buộc phải có sự khoan dung. Thế nào là một người Phật Tử ? Đó là người noi theo giáo lý của Đức Phật. Y không phải là người tin theo điều này hay điều khác, nhưng y là một người sống theo lời của Đức Phật dạy, y phải làm như thế. Nếu bạn hỏi một nhà truyền giáo Cơ Đốc về đời sống tương lai của một Phật Tử ưu tú, thì thường thường người ấy sẽ trả lời như sau: "Nếu y không tin Đức Christ, thì không có hy vọng gì cho y". Hoặc nhà truyền giáo ấy sẽ giao phó y cho lòng từ ái vô biên của Đức Chúa Trời, nếu y cho ông là người xứng đáng. Nhưng đối với Phật Tử, bạn cũng đặt cây hỏi ấy về một người Thiên Chúa Giáo, y sẽ nói với bạn: "Đó là một người Phật Tử, y tự nhận là người Thiên Chúa Giáo nhưng y đang tuân thủ giáo lý của Đức Phật. Không có gì đáng lo cho y cả". Đó là đức khoan dung của nhà Phật, như tôi đã giảng ở trước đây. Thật ra, tất cả các tôn giáo đều cấm sự bạo động và bất khoan dung; nhưng sự vô minh và cuồng tín của vài phái đã khiến cho tín đồ quên sự kiện rất giản dị này.

Một thứ dị đoan gọi là "sự căm thù nòi giống" khiến cho dân tộc này oán ghét toàn khối dân tộc khác. Tôi nhớ lại những người nông dân Anh trong những làng xa thành phố luôn luôn ngờ vực và chế nhạo người ngoại quốc. Đối với những người dốt nát này, không có gì đáng tức cười hơn là nghe một người ngoại quốc nói một thứ tiếng khác hơn tiếng của họ. Về phương diện đó, những người nông dân các nước khác ít thô lỗ hơn những người của nước ta. Tôi luôn luôn cảm nghĩ rằng nếu có một người ngoại quốc đến viếng nước chúng ta, thì họ là người khách đối với chúng ta. Bổn phận của chúng ta là làm cho đời sống của họ được dễ dàng và làm cho họ có cảm giác tốt đẹp về dân tộc và xứ sở của chúng ta.

Vào thời Nã Phá Luân, bên Anh Quốc bị một sự dị đoan chi phối dân chúng cho rằng quả thật tất cả những người Pháp là quỷ, họ khai chiến với chúng ta, trong khi họ hoàn toàn biết rằng họ chủ trương việc xấu và trái ngược với ánh sáng. Ngày nay, có thể những trường hợp trong đó một số đông người bị ám ảnh bởi một ý tưởng thống trị, đã tạo thành một thứ cuồng tín về quốc gia. Dưới ảnh hưởng của sự cuồng tín tạm thời đó, người ta đã gây ra những điều tàn ác, mà ở trường hợp khác, chính những người này không bao giờ nghĩ rằng họ sẽ làm những việc ấy. Trong những trường hợp đó cá nhân chỉ chịu trách nhiệm vì cách họ bị triều lưu ấy lôi cuốn. Những sự hành động vốn do cơn điên cuồng này sinh ra hơn là từ những cá nhân. Điều này cũng gần giống như khi một người nổi giận thốt ra những lời thiếu nhã nhặn. Đó chính là tiếng nói của cơn giận chứ không phải của con người. Người ấy đáng trách vì y để cho cơn giận chi phối y, nhưng chúng ta nên lưu ý rằng rất có thể y hối hận nhiều về lời nói của y.

Con hãy nghĩ đến những sự tàn sát khủng khiếp do thói dị đoan tạo ra, nó đòi hỏi việc giết thú vật để cúng tế.

C. W. L. Đề cập đến việc hy sinh thú vật cho việc cúng tế và những cuộc hiến dâng khác cũng là nêu lên toàn thể vấn đề liên hệ giữa Thượng Đế và con người. Về phương diện này chỉ có thể có ba quan niệm căn bản thôi: Theo quan điểm thứ nhất, Trời sau khi đã tạo nên vũ trụ rồi, Ngài để nó tự do vận chuyển không điều khiển và cũng không lo lắng đến những gì xảy ra cho nó.

Theo quan điểm thứ hai, Trời đã giữ lại một sự lợi, phải gọi là bất chính của vũ trụ này, vì Ngài muốn hưởng những cuộc cúng tế đầy máu huyết và những thứ hy sinh khác nữa.

Theo quan niệm thứ ba, Trời bao giờ cũng là Đấng Cha Lành yêu tạo vật của Ngài vô lượng vô biên.

Thuyết thứ nhất là thuyết duy vật hiện đại kèm theo ý niệm về một Đấng Tạo Hóa kỳ cục.

Thuyết thứ hai mô tả Trời như một con quái vật khát máu. Nhiều bản Kinh xưa đã trình bày về Ngài như thế. Trong một đoạn Kinh Cựu Ước, những người Do Thái có khoe khoang rằng họ đã giết một trăm hai mươi hai ngàn con bò để cúng tế. Có lẽ họ đã nói quá lớn, như thói quen của thời xa xưa ấy. Thần Jéhovah đòi hỏi sự cúng tế sinh vật này, dù phải trả bất cứ giá nào bằng sự đau khổ. Thần luôn luôn đòi hỏi những lễ vật mới và chỉ hiến cho một mình Ngài mà thôi chứ không phải cho vị thần nào khác. Ở thời đại chúng ta, những người Do Thái sẽ thụt lùi trước sự cưỡng bách ghê rợn như thế, nhưng chắc chắn họ không làm việc đó trong thời David [111] và Salomon [112]. Người ta có thể kết luận về điều ấy như sau: Thần Jéhovah của họ thờ không phải là Đấng mà chúng ta gọi là Thượng Đế - lúc bấy giờ họ không hiểu được ý niệm về Thượng Đế - nhưng là những vị Thần do Tinh Chất cấu thành từ đời Ất Lăn Tích còn sống sót tới ngày nay [113]. Những người Do Thái có tiếp xúc với văn minh Ai Cập, nhưng những ý tưởng vĩ đại của người Ai Cập ít ảnh hưởng đến họ. Chỉ sau này, khi bị giam cầm ở thành Babylone, họ nghe nói đến một vị Thượng Đế tối cao. Họ liền đồng hóa một cách thật đặc biệt Đức Thượng Đế với Thần Jéhovah của họ. Những nhà tiên tri chót nói về Thượng Đế như một Đấng Tối Thượng, mặc dù lắm khi những ý niệm cũ còn lưu lại trong các bản văn của họ.

Những cuộc tế lễ đầy máu huyết chỉ thuộc về những giai đoạn tiến hóa xa xưa nhất của con người. Nó gồm cả tà thuật cổ sơ của sự thờ cúng loại Tinh Chất ấy vì chúng nó sống bằng hơi từ trong máu huyết bay ra. Những sinh vật này muốn được cúng tế, bởi chúng hút hơi máu hôi tanh mới có khả năng hiện hình được. Vài bộ lạc miền núi quả quyết rằng nếu họ không thực hiện những cuộc tế lễ này, thì tai họa sẽ xảy đến, như mùa màng bị tiêu diệt, nhà cửa bị hỏa hoạn. Vậy có thể những vị Thần mà những người ở rừng núi Ấn Độ thờ phượng cũng là những Tinh Chất lớn thuộc về thời đại Ất Lăn Tích.

Chúng ta có thể tin chắc rằng không bao giờ những Đấng Cao Cả chấp nhận những cuộc tế lễ đó. Chẳng hạn, như bên Ấn Độ, trong phần thiên khai của Kinh Phê Đa cổ đại không bao giờ đề cập đến chúng nó, song chúng nó dính liền với những phong tục dã man còn tồn tại trong một mức độ nào đó cho đến ngày nay. Đức Phật đã lên án sát sanh thú vật đặng tế lễ và khiến Vua Bimbisara ra sắc lệnh hủy bỏ tục lệ ấy trong nước.

Hiển nhiên là chúng ta không hề thờ phượng một vị Thần nào đòi hỏi những sự cúng tế bằng máu huyết, trái lại, đó là điều ưa thích của vài loại Tinh Chất và Tinh Linh trong vũ trụ. Vậy chúng ta nên xem những phần trong các bản Kinh có đề cập đến những sự tế lễ này như một giai đoạn tiến hóa mà chúng ta đã vượt qua từ lâu. Vài người không thích tuyên bố điều ấy một cách công khai vì họ tôn kính các Kinh Thánh, nhưng thật ra cho rằng một bản văn đặc biệt nào đó linh thiêng và chí thánh là một sự dị đoan hoàn toàn. Dù đối với Thánh Kinh, chúng ta vẫn phải chọn lọc như mọi việc khác. Nếu đọc một quyển sách, chúng ta thích và sẽ nhớ những đoạn mà chúng ta cho là đặc biệt hay và bổ ích. Chúng ta hãy góp nhặt như thế trong tất cả các bản Thánh Kinh những gì luôn luôn tốt đẹp, cao thượng, hùng tráng và có thể gác bỏ một cách hữu ích cho mình tất cả những gì thấp hơn lý tưởng của chúng ta. Dù những cuộc tế lễ bằng máu huyết đã được đề cập trong Thánh Thi (Psaumes) và trong những chương khác của Thánh Kinh Cơ Đốc (Cựu và Tân Ước Bible), chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng chắc chắn Trời không thể đòi hỏi những việc như thế. Những việc ấy luôn luôn thuộc về các tôn giáo xem Thượng Đế như một thực thể xấu xa cần phải xoa dịu.

Vỡ kịch lớn lao của Thiên Chúa Giáo chính là việc đem ý tưởng trên đây xen lẫn vào giáo lý thuần túy của Đấng Christ nói về Đức Chúa Trời là Đấng Từ Phụ. Thật ra việc giết thú vật để hiến dâng cho Thượng Đế không hề làm giảm danh dự của Thiên Chúa Giáo, nhưng chính là ý tưởng Đức Chúa Trời đáng sợ - nếu chúng ta không dâng lễ vật để làm vừa lòng Ngài - còn được truyền dạy trong những tổ chức lớn của Công Giáo. Ý tưởng này đã làm nảy sinh lý thuyết quái đản cho rằng Trời đã hy sinh chính con Ngài, nếu không thì mọi người phải bị ném xuống hỏa ngục. Thường thường người ta ít khi tự hỏi một ông Trời bắt buộc hoặc cho phép tế lễ như vậy là thế nào. Bạn hãy thử tưởng tượng đến những điều người ta có thể nghĩ về một vị Hoàng Đế dưới thế gian. Vì ngông cuồng Ngài đã kết tội một số đông người và cho hành hình họ một cách ghê rợn, rồi sau đó Ngài trả tự do cho tất cả những người này, vì chính con Ngài đã đến nói trước Ngài rằng: "Nếu một người nào đó phải chịu chết, xin cha hãy giết con. Con hoàn toàn vô tội."

Nhưng cha hãy giết con đi để những người ấy được tha". Lý thuyết này không phải là Thiên Chúa Giáo.

Đại Tá Ingersoll có lý, khi ông nói rằng một Vị Thượng Đế tốt lành là một công trình đẹp đẽ nhất của con người. Quả nhiên chỉ có một quốc gia thật mở mang mới có thể quan niệm nổi một Vị Thượng Đế thật cao cả và vinh quang. Thật ra tổ tiên chúng ta ngày xưa đi lang thang trong rừng và sơn xanh thân thể, cũng giống như những người Do Thái hiếu chiến, và các dân tộc khác, đã có ý tưởng thơ ngây về Thượng Đế. Nhưng tuyệt nhiên không có một lý do nào mà chúng ta còn duy trì ý tưởng đó đến ngày nay.

Theo lý thuyết thứ ba, cũng là giáo lý Thông Thiên Học, thì Trời là Đấng Từ Bi Bác Ái, Ngài tạo ra vũ trụ theo một mục đích nhất định. Vì lẽ ấy nên tất cả những gì xảy ra cũng đều thuộc về phần việc của Ngài. Ngài ban cho chúng sinh được tự do ý chí đến một mức độ nào đó, nên hành vi của họ không hẳn là bao giờ cũng phù hợp với Thiên Cơ, nhưng ý chí của họ là thành phần của Thiên Cơ. Chung cuộc tất cả đều là công trình của Ngài.

Khi chúng ta nói Trời ban cho con người một mức độ độc lập hay là tự do nào đó, thì chúng ta phải hiểu thêm rằng nó vừa bị hạn chế vừa có thể phát triển. Người nào biết sử dụng sự tự do và năng lực của mình một cách khôn khéo, thì sẽ nhận thấy chúng tăng trưởng. Đó chính là phương thức giống như đứa trẻ tập đi. Người ta cho em này đi thử, em té, rồi lại cố gắng nữa. Nếu bé em trong tay mãi, em sẽ không bao giờ bị té, nhưng rốt cuộc em thành người tàn tật. Nhưng điều người ta tránh là để em tập đi những bước đầu tiên một mình trên nền đá hoa, trên chót vót cái thang hoặc ở chỗ nguy hiểm khác. Sau này, thành người lớn, em có thể đi trên bờ hồ để ngắm phong cảnh, nếu em muốn. Chính bằng phương pháp đó, Đức Thượng Đế bảo vệ chúng ta, trong khi Ngài huấn luyện chúng ta. Như thế Ngài giữ gìn không cho chúng ta hủy hoại sự sống của mình và tự làm hại mình đến mức không thể sửa chữa được nữa.

Thuyết thứ ba đang tiến bộ một cách vững chắc. Từ lâu Thiên Chúa Giáo đã trở nên tốt đẹp nhiều hơn những tuyên ngôn của nó và rất nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo có những tư tưởng tự do hơn việc Giáo Hội đã cho phép họ một cách chính thức. Chẳng hạn như Giáo Hội Anh Quốc công thức hóa điều mà Giáo Hội cho là lý thuyết riêng trong một tài liệu gọi là "Những điều mục của Đức Tin". Giáo đoàn phải tán đồng, nhưng nếu một người trong nhóm nói rằng: "Làm sao chấp thuận những điều mục này được. Chúng mâu thuẫn một cách hiển nhiên". Người ta trả lời với ý rằng trong lúc thảo ra những đề

mục ấy, có hai phái không thể hòa giải được và phải làm sao cho cả đôi bên đều vừa lòng. Rồi người ta nói tiếp:

"Đức Giám Mục và tất cả chúng tôi đều ký tên vào đó. Tất cả chúng tôi đều chấp nhận trong tinh thần triết học này. Theo tôi hình như ông cũng có thể làm như vậy được". Có thể người trẻ tuổi kia đáp lại: "Rốt lại, nếu ông bảo đảm với tôi điều đó không có gì quan trọng, vậy tôi cũng sẽ chấp nhận". Nhưng thái độ đó không được đúng đắn.

Tôi không hề bác bỏ những tín điều Thiên Chúa Giáo. Chúng có nền tảng chung của một ý nghĩa sâu xa hơn mà thường thường những tín đồ không thể ngờ được [114]. Nhưng tôi không thích "Ba mươi chín điều mục" và "Tuyên ngôn về đức tin", vì giữa những tư tưởng đẹp nhất, người ta nhận thấy có xen lẫn những tư tưởng khác tuyệt nhiên không thể chấp nhận được. Nếu trong sách phần người ta dừng lại ở cuối câu hỏi thứ nhất và câu trả lời tuyệt đẹp là: "Đâu là mục đích chính của con người? Là ca tụng Chúa và hưởng phúc lạc đời đời".

Thiên Chúa Giáo đã vượt xa những tín điều và tín ngưỡng của nó. Tôi mới đọc một đoạn văn chứng tỏ điều ấy khá rõ ràng trong một tác phẩm của ông khoa trưởng Ripon: "Mục đích của Thiên Chúa Giáo là làm cho Đấng Christ trong lòng con người phát triển". Rồi ông giải thích phải hiểu Đấng Christ trong lòng con người là thế nào: "Đó là một sự khôn ngoan của nhà bác học, tài hùng biện của luật sư, sự công bằng của vị thẩm phán, vẻ đẹp của nhà nghệ sĩ, tình thương của nhà từ thiện, vân vân . . ." Thiên Chúa Giáo này, tất cả chúng ta đều chấp nhận. Người ta cũng nhận thấy trong quyển *Gita một tư tưởng giống như vậy. Đức Krishna nói: "Đối với kẻ có quyền lực, Ta là quyền trượng; đối với kẻ tìm chiến thắng, Ta là tài khéo léo về chính trị, đối với sự bí mật, Ta là sự im lặng; kiến thức của các nhà thông thái cũng là Ta". "Nên biết rằng tất cả những gì vinh quang, tốt, đẹp và những hùng dũng cũng đều phát sinh từ một phần tử hủy hoại của Ta" [115].* Vị Khoa Trưởng Thiên Chúa Giáo hầu như đồng ý với tác giả bộ Bhagavad Gita, là bản Thánh Kinh tối cổ, nó còn xưa hơn quyển Mahabharata, là thành phần của nó. Một phần lớn giáo lý cao thượng trong bộ Gita đã có từ lâu trong tay những người Ất Lăn sống trên đồng bằng Ấn Độ, trước khi bị người Aryens xâm lăng. Tôi biết rằng đó không phải là tư tưởng tầm thường, song chúng ta căn cứ trên vài sự kiện mà cá nhân mình đã nhận biết.

Dĩ nhiên chúng ta có thể tin tưởng hoàn toàn nơi Thượng Đế, vì Ngài hiểu biết, còn chúng ta thì vô minh. Chúng ta biết một cách tổng quát vai trò của

mình trong công việc trợ giúp cơ tiến hóa của Ngài do Ngài muốn, nhưng chúng ta không biết những chi tiết. Mặc dầu chúng ta biết rằng những chi tiết ấy nằm trong những bàn tay khéo léo. Chúng ta không hề biết Nhân Quả của mình sẽ ra sao, nhưng các Đấng Đại Hùng Đại Lực chăm lo việc ấy biết rõ tất cả. Do sự sáng suốt, các Ngài quyết định trong mức độ nào chúng ta bị bắt buộc phải trả quả ngay bây giờ hay hoãn lại sau này. Nếu các Đấng Cao Cả có thể nghe theo lời cầu xin của chúng ta, thay đổi vận mạng của chúng ta theo ý chúng ta muốn bây giờ; việc đó chắc chắn sẽ bất lợi cho chúng ta. Tôi không nói rằng nguyện vọng của chúng ta trên phương diện đó là điều vô ích. Trái hẳn lại, nếu nguyện vọng của chúng ta tốt, nó sẽ tạo nên những yếu tố mới, có thể làm cho các Đấng Cao Cả thay đổi hình thức Nhân Quả của chúng ta, có lẽ các Ngài bắt chúng ta nhồi quả để chóng được giải thoát. Cũng có thể các Ngài cho chúng ta trả quả trong những tình trạng khác. Dù việc gì có thể xảy ra đi nữa, đó cũng là giải pháp tuyệt đẹp không những đối với vài người, mà còn đối với tất cả thiên hạ. Vậy chúng ta không nên cố gắng sửa đổi Thiên Ý. Hãy chấp nhận với tấm lòng biết ơn tất cả những gì xảy đến cho chúng ta và phải gan lọc lấy cái tốt đẹp nhất chứ không phải cái xấu tệ nhất. Chúng ta hãy xem những điều khó khăn của mình như những chướng ngại cần phải vượt qua, nhưng chúng ta hãy luôn luôn hân hoan, vì biết rằng đằng sau vạn vật có sự hiện diện của Thượng Đế và Ngài vô cùng nhân từ.

Và còn một điều dị đoan độc ác nữa, nó làm cho con người tưởng rằng mình cần phải ăn thịt mới sống được.

C. W. L. Quả nhiên đó là một sự dị đoan, vì có hàng triệu người sống thật khoẻ mạnh và không ăn thịt. Chắc chắn có vài người là nạn nhân của sự di truyền xấu xa và Nghiệp Quả của chính họ, mà quả thật họ không thể bắt xác thân họ tiêu hóa những vật thực tinh khiết hơn, nhưng số người đó rất ít, thật hiếm. Chính tôi biết trong mấy trăm người Thông Thiên Học, có vài trường hợp người ta đã thật sự cố gắng lâu ngày để trường chay, nhưng vẫn thất bại. Còn những người khác, sau khi vượt qua vài khó khăn ban đầu thì ăn chay và thường đạt được một sức khỏe dồi dào hơn.

Bằng chứng không thể chối cãi được là hầu hết mọi người đều có thể giữ gìn sức khỏe đầy đủ mà không lo sợ phạm vào tội sát hại thú vật. Trong một

trăm thân xác chỉ có một số rất nhỏ không thể thích hợp với việc ăn chay thôi. Những người ở trong tình trạng này thật là bất hạnh, nhưng nếu sau khi cố gắng sửa đổi một cách đúng mức và sáng suốt cách ăn uống của mình, song vẫn vô hiệu, thì họ phải nhìn nhận đó là Nhân Quả. Trong trường hợp như thế, không phải luôn luôn khôn ngoan và đúng đắn mà nói rằng: "Tôi sẽ bắt xác thân của tôi phải theo ý muốn của tôi, hoặc tôi bỏ nó. Tôi sẽ sống bằng thức ăn tinh khiết, hoặc tôi sẽ không sống nữa". Có thể người ta có bốn phận phải chu toàn đối với kẻ khác, bốn phận đó không thể làm tròn với một xác thân yếu đuối, nó đòi hỏi một sức khỏe cường tráng. Tôi thú thật, lời khuyên ấy dùng để bào chữa rất dễ dàng cho những người không đủ can đảm tập xác thân cho quen với lối ăn mới. Tuy nhiên phải nói lên lời khuyên ấy để giúp ích cho vài người bạc phước cần phải duy trì thói quen cũ kỹ của họ.

Thực phẩm bằng thịt phải kiêng cử, bởi vì giết thú vật là điều ác, và thịt cũng đem vào máy thể của chúng ta những phần tử xấu xa khiến cho chúng trở nên thô trực và còn kích động thú tánh trong mình chúng ta nữa. Và lại còn nhiều lý do khác mà tôi đã tập trung và sắp xếp có thứ tự trong bài diễn văn người ta có thể tìm thấy trong tác phẩm *Huyền Bí Học Trong Vài Khoảnh Khắc* ([116]) của tôi. Đó là một trong những đề tài hiếm thấy, mà tất cả những luận cứ đều thiên hẳn về một phía, vì không còn lý do nào để bênh vực cho việc ăn thịt, trừ phi người ta thấy nó ngon miệng. Nếu người ta hỏi ý kiến chúng ta, tôi tưởng, chúng ta có thể chứng tỏ một cách hết sức minh bạch rằng mọi người đều được lợi ích nếu cử thịt. Đó chẳng phải chỉ là vấn đề nguyên tắc - mặc dù quan điểm này cũng đủ cho chúng ta lắm rồi - nhưng sự dinh dưỡng bằng thực vật bảo đảm cho chúng ta một sức khỏe hoàn hảo và tránh được vài thứ bệnh ghê tởm. Sau cùng chắc chắn người ăn chay có một sức chịu đựng tương đối dẻo dai hơn.

Có vài người phản đối rằng dù sao chúng ta cũng phải sát sinh để sống và rốt cuộc những người ăn chay cũng sát sinh vậy. Lập luận này chỉ chứa đựng một phần sự thật hết sức nhỏ nhít. Có thể người ta cho rằng chúng đã giết hại đời sống thực vật, nhưng sự sống đó còn sơ khai hơn nhiều và không có sự nhạy cảm sâu xa như đối với thú vật.

Lý do căn bản của sự bác bỏ tục lệ sát sinh là sự kiện này ngăn trở dòng tiến hóa. Nếu bạn giết chết một người, thật ra bạn không làm hại người ấy trên phương diện vui thú và hạnh phúc của y. Thường thường y lên một cõi và nơi đó y sẽ hưởng một đại hạnh phúc mà y không hề được biết tại thế gian. Sau cùng, sự hủy diệt xác thân chưa hẳn là một sự hung ác, vì người bị giết chết thành linh không cảm biết được điều ấy. Điều tai hại mà bạn đã

gây ra cho y là làm cho y mất những cơ hội để tiến hóa do xác thân y cung cấp. Những cơ hội đó y sẽ tìm lại được trong một xác thân mới, nhưng bạn đã làm mất thì giờ của y. Về sau đó, cũng vì bạn mà các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu phải tìm cho người ấy một môi trường tiến hóa khác và một lần nữa các Ngài phải lo cho y từ thời kỳ thơ ấu đến tuổi thiếu niên trước khi y tìm lại được cơ hội để tiến bộ ở tuổi trưởng thành. Đó cũng là lý do cho thấy giết một người tội nặng nề hơn giết một con thú. Con người bị bắt buộc phải tạo lại một Phạm Nhơn hoàn toàn mới mẻ. Còn con thú trở về hồn khóm của nó và tự nơi đó nó đầu thai lại một cách tương đối dễ dàng. Tuy nhiên, đối với con thú tiến hóa hơn và tượng trưng cho một sự biểu lộ phức tạp hơn thì sự sát sinh gây ra nhiều việc phiền phức cho các Đấng Cao Cả coi về sự tiến hóa, nếu chúng ta có thể bày tỏ như thế với tất cả tấm lòng tôn kính của mình. Chẳng hạn như giết chết một con muỗi, chỉ gây một hậu quả hết sức nhỏ mọn, vì nó nhập vào hồn khóm của nó rồi tái sinh trong một thời gian rất ngắn. Việc xáo trộn do sự hủy diệt các loại côn trùng này, dù cả trăm hoặc là hàng ngàn cũng không có gì đáng kể nếu so với hậu quả của tội giết một con ngựa, một con bò, một con mèo hoặc một con chó.

Không thể tưởng tượng được một trường hợp giết người vì lý do cá nhân, mà có thể cho là chính đáng, trừ phi trong tình thế nguy cấp phải bảo vệ sinh mạng mình hoặc sinh mạng kẻ khác. Nhà Đô Ghi cũng không tự bảo vệ mình. Y phó thác cho tất cả bàn tay của Nhân Quả. Tuy nhiên tôi tin rằng chúng ta có quyền bảo vệ sinh mạng của mình trong trường hợp bị tấn công. Và tôi quả quyết rằng chúng ta có lý do chánh đáng bảo vệ một người bạn hoặc một đứa trẻ, dù phải giết chết kẻ bạo động ấy. Nguyên tắc này cũng áp dụng đối với tất cả loài thú. Nếu một con thú tấn công bạn, gây nguy hiểm cho tánh mạng hoặc sự an toàn của bạn, tôi tin rằng bạn có quyền giết con thú ấy, nếu cần. Tất cả đều có thể thu gọn vào câu này: "Đâu là tai họa to lớn hơn hết". Nếu bạn bị muỗi quấy rầy, chúng đã bỏ thức ăn thiên nhiên của chúng để tấn công bạn, truyền nọc độc vào máu huyết bạn và có thể làm hại một công việc quan trọng của bạn, thì việc giết muỗi có thể là một tội ác nhỏ mọn. Nếu bạn có thể tránh trong mùng, hoặc đuổi chúng đi nơi khác càng hay hơn. Muỗi là giống ăn thảo mộc, do bản chất và bản năng của nó. Có hàng triệu con muỗi, không hề nếm máu. Nếu bạn để nó tiếp xúc với người, chúng có thể thưởng thức món ăn độc hại và bạn sẽ biết kết quả của việc ấy. Đối với những loài vật nhỏ bé khác cũng giống như thế. Chúng phải ở đúng chỗ của chúng, chứ không phải sống gần con người. Không những chúng ta cảm thấy đau khổ khi bị chúng xâm nhập, mà còn làm cho kẻ khác bị nhiễm độc; nếu không có chúng ta, họ sẽ tránh được điều đó.

Dù vô minh, chúng ta cũng không có đặc quyền giết chết hoặc hủy diệt sinh vật nào mà chúng ta không ưa. Chắc chắn là hiện nay có vài hình hài thú vật phải biến mất, hoặc bởi đã hết thời hạn của chúng, hoặc chúng tượng trưng những kinh nghiệm làm nảy sinh những giống cao hơn, bởi vậy chúng không còn cần ích nữa. Người ta có thể tưởng tượng một cách kính cẩn rằng các Đấng Cao Cả điều khiển sự tiến hóa đang thí nghiệm đến một mức độ nào đó. Khi lên cầm quyền Chương Giáo nhân loại thể cho Đức Thích Ca đã thành Phật, thì Đức Di Lạc Bồ Tát đã thử thiết lập vài phương pháp tu tập mới mẻ, nhưng không thể thành công. Bà Blavatsky đôi khi nói một cách bóng bẩy về vài loài thảo mộc hoặc thú vật như những tạo vật hư hỏng, tuy nhiên nguồn sống của chúng không bị gián đoạn và phải biến mất dần. Trong khi chờ đợi, đôi khi chúng được dùng làm những vận cụ cho những sinh vật thấp kém hơn những sinh vật được chỉ định lúc đầu và trong vài trường hợp chúng được dùng cho những sinh vật còn đang nhập thể để tiến hóa. Bà gọi vài hình thể ghê tởm của sâu bọ và loài bò sát là những "hạ phẩm" và theo ý bà, sự hủy diệt chúng không giống với sự tiêu hủy hình hài những sinh vật đang tiến hóa.

Thuyết quý trọng sinh mạng tuyệt đối đôi khi trở nên quá đáng, chẳng hạn ở vài nơi người ta không chịu giết giống chí rận, họ chịu làm mồi cho chúng. Không một người văn minh nào thừa nhận quan điểm ấy. Người kia có một thư viện chứa đựng nhiều sách hữu ích, đôi khi thấy sách của mình bị mối, con hai đuôi ăn. Nên dời những con vật này đi xa, nhưng tốt hơn là giết chúng, đừng dừng để cho tiêu mất những sách quý có thể hữu dụng cho kẻ khác. Có nhiều sinh vật nhỏ bé, nếu chúng ta dung dưỡng chúng, chúng ta không thể sống được. Nhà Đô Ghi là người không bao giờ sát sinh và luôn luôn nhận được vật thực, nhưng là nhà nông, là người cung cấp thực phẩm, cần phải bảo vệ mùa màng, tránh nạn sâu bọ. Bên Úc Châu nông dân phải đặc biệt giết những con thỏ nhập cảng từ Âu Châu vì chúng sinh sản nhanh một cách dị thường. Nếu không có những biện pháp chống lại chúng, chúng sẽ hủy diệt hết mọi dấu vết của mùa màng.

Sự hủy diệt vài thứ sinh vật có hại ấy được đề ra không những vì thực phẩm, mà còn là vấn đề bảo vệ, vì khi trồng trọt cây nhỏ, cây lớn hay những hoa màu, thì chúng ta phải có một trách nhiệm nào đó đối với sự sống mang các hình thể đó. Trong tất cả mấy việc này, tôi tưởng phải nghe theo tiếng gọi lương tri của chúng ta. Dù thế nào, việc giết một con thú để tự vệ chắc chắn khác với việc giết những con thú rất tiến hóa như bò, trâu để thỏa mãn vị giác thấp kém.

Con hãy nghĩ đến những sự đau khổ do thói dị đoan đã gây ra cho những giai cấp bị áp chế trong nước Ấn Độ yêu quý của chúng ta, và con hãy xem tính xấu này có thể tạo ra biết bao nhiêu sự độc ác lạnh lùng, ngay cả trong những người vẫn biết tình huynh đệ.

C. W. L. Những giai cấp bị áp chế bên Ấn Độ, đôi khi được gọi là panchama, hay là người thuộc về đẳng cấp thứ năm. Thật ra họ là những người không giai cấp hay là những người Paria, dòng dõi dân tộc cổ sơ Ấn Độ, bị người Aryen bắt khi họ vượt núi Hy Mã Lạp Sơn. Luật giai cấp do Đức Bàn Cổ đặt ra là luật tuyệt hảo trên phương diện cải thiện nhân chủng và từ điển thời đó. Luật đó cấm người Aryen kết hôn với thổ dân, ở chung, và ăn chung với họ. Tuy nhiên những thổ dân bị đối xử thật tàn ác. Chẳng hạn người Paria không được quyền múc nước trong giếng của các đẳng cấp, vì họ sẽ làm dơ bẩn cái giếng. Do đó người Paria đành phải dùng những giếng thiếu nước mà họ đã đào hay tìm được. Điều ấy thường tạo ra những sự thiếu thốn cực khổ, đặc biệt là trong vài vùng những làng của dân không giai cấp bị đặt vào những mảnh đất cằn cỗi và họ cũng thường bị cưỡng bách phải dời chỗ ở. Lại mới đây, rất khó cho một người Paria muốn đạt được một địa vị khả quan, trừ phi y dùng một phương tiện bất hảo là theo đạo Thiên Chúa hay Hồi Giáo, những điều này diệt được vài khó khăn trầm trọng nhất của họ về phương tiện xã hội.

Đó là cách cư xử - và còn nhiều cách tàn ác hơn nữa - đối với những giai cấp bị áp chế này, mà nguồn gốc của nó là sự dị đoan của dân chúng, mặc dù họ tha thiết với ý niệm về tình huynh đệ. Trên phương diện đó, thói dị đoan làm cho họ quên đi ý nghĩa danh từ này. Chúng ta ước mong rằng một ngày kia những người Paria có thể hợp lại thành một cộng đoàn trong sạch và đáng kính. Những tình trạng hiện đại, như các cuộc gặp gỡ tại nhà ga hay tàu điện sẽ trợ giúp cho công việc ấy.

Những người Ấn Độ thuộc giai cấp cao hơn có bổn phận và cũng có trách nhiệm nhân quả phải nâng đỡ những người không giai cấp mà tổ tiên họ ngày xưa đã chinh phục. Chính sự quý phái của họ, những đức tánh thiên phú của người Aryen đã thúc đẩy họ đảm trách công việc cần thiết này. Nếu một đứa trẻ không sạch sẽ, thay vì xa lánh nó, chúng ta hãy bảo nó tắm rửa. Cũng thế, chúng ta đừng xa lánh người Paria mà hãy cung cấp cho họ những

phương tiện để họ có sức khỏe, sạch sẽ và hiểu biết. Thực hiện các việc ấy không lôi cuốn đến việc cần thiết phải ăn chung, nhưng bốn phận của chúng ta là phải cư xử cho tử tế, nhân từ đối với những người huynh đệ còn non trẻ của chúng ta.

Quả thật sinh ra trong một đẳng cấp hay một đoàn thể cũng luôn luôn đưa đến cho con người vài cơ hội đặc biệt, nhưng không vì lẽ đó mà y lợi dụng được ưu điểm trong việc ấy. Sinh ra trong một gia đình lương thiện thuộc giai cấp hạ đẳng sẽ được những cơ hội thuận tiện về vài phương diện nào đó hơn là sinh ra trong một gia đình Bà La Môn đê tiện, không xứng đáng. Thường thường con người cố gắng để đạt được mục tiêu đã chọn, nhưng khi y thành công, y không biết lợi dụng những cơ hội do mục tiêu ấy đưa đến. Vậy thì một người Bà La Môn xấu có thể là y mới sinh vào giai cấp đó lần đầu tiên hoặc là người đã xao lãng những cơ hội tốt trong một tiền kiếp. Những trường hợp sau đây rất hiếm:

"Kẻ nào chịu cực khổ như một tên nô lệ có thể sau đầu thai làm *một ông Hoàng, nhờ những thiện đức và những công trình đã gây dựng. Ai kiếp trước là một vị Hoàng Đế có thể đi lang thang rách rưới khắp nơi, vì những việc đã làm và những việc đã bỏ phế*". [117]

Theo nguyên tắc chung, những người sinh ra trong gia đình thuộc giới công nhân sẽ tiến dần lên giai cấp trưởng giả, rồi lại tiến lên bậc cao hơn. Một phần lớn Nhân Quả của mỗi người buộc chặt y vào giai cấp xã hội mà y là đoàn viên và y cần những điều kiện như thế để thành đạt trong một kiếp khác. Vả lại, vì sự tiến hóa tác động bằng sự tiến bộ liên tiếp của sự giáo dục và sự tinh luyện cho nên sự vượt bậc thành linh từ một giai cấp thấp thỏi đến một giai cấp cao đẳng thật sự, hoặc ngược lại, cũng hơi giống như một cuộc giải phẫu cần thiết cho Nghiệp Quả rất đặc biệt gây ra. Tuy nhiên, nhân loại là một gia đình duy nhất và bốn phận của tất cả mọi người phải cư xử bằng tình huynh đệ với nhau, không có ngoại lệ.

Nhiều tội ác đã phạm nhân danh Đức Thượng Đế từ bi, do thói dị đoan mộng mị ấy gây ra.

C. W. L. Còn một điểm nữa cần phải ghi nhận. Đối với thói dị đoan, người nguy hiểm nhất là người có những hảo ý, trung thành tuyệt đối với Qui Luật. Một người thật sự ích kỷ - có thể có một số ít người như thế - lo thỏa mãn những ham muốn riêng của y trước tiên, y không bận tâm lo cho kẻ khác, trừ phi người ta ngăn trở bước đường của y, do đó y không làm hại đời

nhieu. Thật ra một người đầu sự khôn ngoan còn thiển cận song có hảo ý lại nguy hại nhiều hơn, vì y luôn luôn muốn can thiệp vào công việc của kẻ khác. Những nhà truyền giáo Cơ Đốc thường cho những bằng cứ về việc này. Tôi không hoài nghi rằng: những giáo sĩ được gởi đi từ Âu Châu và Mỹ Châu không thực hiện được nhiều điều tốt đẹp cho người ở Trung bộ Phi Châu còn dã man và những dân tộc đồng loại với họ. Nhưng bên Ấn Độ, người công nhân đầu tiên nào mà ta gặp ngoài đường cũng thường hiểu biết nhiều hơn nhà truyền giáo Cơ Đốc và triết lý của tôn giáo họ, cũng như về tất cả những ý niệm rộng rãi cao siêu hơn, mà nhà truyền giáo dường như lạc điệu một cách buồn cười. Những ý muốn của nhà truyền giáo thì khá tốt lành, nhưng y làm hại nhiều hơn. Nhiều trận giặc đã xảy ra vì phương pháp phi lý của các giáo sĩ. Chính phủ họ phải can thiệp và cứu họ khỏi hiểm họa mà họ gọi là tuần Đạo. Điều này đã trở thành một thông lệ: trước hết là những nhà truyền giáo; rồi đến những người bán rượu mạnh và rượu đỏ tùng (genièvre); sau rốt là những đạo binh đi chinh phục. Tội nghiệp cho những bà già bên Anh và Mỹ chịu thiếu thốn mọi mặt để nâng đỡ những nhà truyền giáo này và họ tưởng rằng làm như thế vì thương Chúa! Họ không ngờ rằng cả ngàn năm trước khi Chúa ra đời, bên Ấn Độ đã có một tôn giáo và một triết lý siêu việt và họ nên tìm một chỗ chi dụng tốt nhất cho tiền bạc của họ trong việc cải tâm những người ngoại đạo của nước Anh.

Vậy con hãy giữ cho kỹ lưỡng đừng để sự dị đoan lưu lại một dấu vết nhỏ mọn nào trong lòng con.

C. W. L. Sự nhân mạnh về điều đó chỉ cho thấy rằng có một sự nguy hiểm là chúng ta có thể mê tín mà không biết mình mê tín, chúng ta nên thận trọng. Mọi vấn đề ít ra cũng có hai mặt. Nhưng không một cá nhân nào thấy được toàn diện, ngay cả nhà Thông Thiên Học cũng thế. Khi chúng ta chia sót Tâm Thức của Đức Thượng Đế trên cõi của Ngài, chúng ta mới thấy được tất cả những gì bao quanh chúng ta và chúng ta có thể nói: "Lối thấy của tôi thật đúng", nhưng khi chúng ta đi đến trình độ đó, thì cách thấy riêng biệt của chúng ta có thể bao gồm một lối thấy khác [118], vì hầu như mỗi cách thấy luôn luôn chứa đựng một mầm mống chân lý.

Phải tránh ba tội ác lớn lao này, bởi vì chúng nó là những tội nghịch với lòng từ bi, cho nên ngăn cản sự tiến bộ.

C. W. L. Tình thương phải điều khiển đời sống của chúng ta. Nó phải làm cho tất cả những quan năng của chúng ta hoạt động. Đó là giáo lý đặc biệt về Cung của Đức Thầy Kouthoumi. Nhiều người rất thắc mắc tại sao các Đấng

Chon Sur là những Đấng đã kết hợp được nơi các Ngài những đức tính cao cả nhất, quý báu nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng được, lại có những đức tính này trội hơn đức tính kia. Đức Thầy Morya, đối với chúng ta, Ngài tượng trưng cho Cung Thứ Nhất. Đặc tính của Ngài là Ý Chí và Uy Quyền. Tuy nhiên, nếu cho rằng Ngài ít Bác Ái hay là Minh Triết hơn các Đấng Chon Sur khác là điều sai lầm. Cũng như chúng ta rất lỗi lầm nghĩ rằng Đức Thầy Kouthoumi kém quyền năng hơn Đức Thầy thuộc về Cung Thứ Nhất. Những sự dị biệt này vượt khỏi trí khôn của con người.

Cũng giống như thế, các Đấng Cao Cả không đồng bậc với nhau. Đức Bồ Tát cao hơn Đức Thầy của chúng ta thật xa. Đối với chúng ta, các Ngài đều cao cả đến nỗi chúng ta không dám cho các Ngài thuộc về cấp bậc nào. Đối với chúng ta, tất cả các Ngài là những vầng Thái Dương chói lọi. Chúng ta không thể phân biệt được vị nào là Đại Thiên Thần và vị nào là Chúa Tể các Thiên Thần, mặc dù vị này cao hơn vị kia cả một giới, một hạng, trọn cả một triều lưu tiến hóa. Đức Thái Dương Thượng Đế tất nhiên có quyền năng cao hơn các vị Thiên Thần ấy, các vị là thành phần của chính Ngài, dù đối với chúng ta, uy lực cao siêu hơn các Đấng Thiên Thần này là một điều không thể tưởng tượng được. Sự hiểu biết về quyền năng của Đức Thầy siêu việt đến nỗi đối với chúng ta, tất cả các Ngài đều hòa lẫn trong một sự vinh quang rực rỡ. Tuy nhiên vẫn có sự cách biệt.

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Chương 29

PHỤNG SỰ

Nhưng không chỉ tránh việc ác thôi, mà còn phải tích cực làm lành. Lòng con phải tràn ngập ý muốn quyết liệt phụng sự cho đến nỗi con không hề quên giúp đỡ tất cả những loài ở chung quanh con, chẳng những con người mà còn đến cầm thú và thảo mộc nữa.

Con phải giúp ích trong công việc nhỏ mọn hằng ngày cho có thói quen, hầu gặp cơ hội phụng sự lớn lao đưa đến, con mới không bỏ qua.

C. W. L. Thông thường chúng ta có thể để cho dịp may giúp đỡ kẻ khác trôi

qua; nếu chúng ta không có thói quen cẩn thận. Trái lại nếu chúng ta đạt được thói quen này rồi thì chúng ta sẽ không bỏ qua nhiều dịp may, vì nó tự biểu lộ ngay ở giữa những hoàn cảnh ít xảy ra; ngay trong những trường hợp khẩn cấp nhất. Đó là lý do duy nhất vì sao các chiến sĩ bị bắt buộc phải luyện tập dài lâu và khá gian khổ. Chẳng hạn họ biết thật đúng phải làm thế nào để tuân theo vài mệnh lệnh và vài thói quen cũng phải thành ra tự nhiên nữa. Ngày xưa, (nếu không phải là bây giờ) ngoài chiến trường người chiến sĩ gặp một tình cảnh hoàn toàn mới lạ. Như thể tính can đảm của y có thể được thử thách một cách hữu hiệu, dù y có anh dũng thế nào, trong tình cảnh ấy, sự hốt hoảng cũng dễ được tha thứ. Tuy nhiên, ngay trong tình trạng giống như thế, thói quen lại mạnh hơn; người chiến sĩ tuân theo mệnh lệnh và thực hiện một sự cố gắng cần thiết.

Sự tuân thủ về vấn đề tích cực làm lành dầu sao cũng không nhằm chống lại những người hoạt động trên mấy cõi khác. Một sự tuân thủ như thế có thể được dễ dàng áp dụng một cách sai lầm để chống lại những nam, nữ tu sĩ thuộc về tông phái trầm tư mặc tưởng, hay là chống lại giai cấp Bà La Môn bên Ấn Độ. Thuở xưa trên phương diện lý thuyết, người Bà La Môn là nhà lãnh đạo tinh thần của quốc gia. Họ được xem như hiến trọn đời để thi hành việc tế lễ và nghi thức, để học hỏi, giảng dạy và khuyên bảo hầu đem lại sự lợi ích cho toàn thể xã hội. Những kẻ khác chăm lo công việc bình thường với ý muốn để làm giàu, họ sẽ cung cấp nhu cầu cho vị Bà La Môn, vì người đang làm việc tinh thần thay thế cho họ. Trong những xứ Thiên Chúa Giáo những tu sĩ trong đạo viện vẫn có một ý niệm, họ luôn luôn cầu nguyện cho người chết. Trong thời gian vị tu sĩ ấy đảm trách công việc của họ, người ta nghĩ rằng kẻ chết và người sống làm ra một cộng đoàn duy nhất và cầu nguyện cho kẻ chết là một lỗi phạm sự cộng đoàn còn quan trọng hơn việc trồng lúa mì. Do đó, những tu sĩ sống nhờ của bố thí mà không cảm thấy hổ thẹn chút nào và cả những thí chủ nhân từ tự thấy mình rất vinh hạnh. Tinh thần chung hoàn toàn khác biệt với tinh thần hiện tại. Sống nhờ của bố thí như thế không hề bị xem như là một sự xấu hổ. Thật ra, những người sống bằng cách ấy là hiện thân của những kẻ tiến hóa cao trên phương diện tinh thần. Họ phát nguyện được sống nghèo nàn, trinh khiết và phục tòng. Kết án những người sống một cuộc đời như thế quả là phạm ngay lỗi lầm của những nhà cách mạng Pháp, họ nói rằng: "Một triết gia hay một nhà văn là người biếng nhác và vô dụng; y phải đập đá ngoài đường".

Bởi vì nếu con khao khát được hợp nhất với Đức Thượng Đế, ấy chẳng

phải để riêng cho con, mà để cho con thành một vận hà di chuyển đức từ bi bác ái của Ngài đến anh em con. Người đi trên đường đạo không hề sống riêng cho mình, mà chỉ sống cho những kẻ khác. Y phải quên mình mới có thể phụng sự được.

C.W. L. Mục đích duy nhất của quyển sách này là giúp cho độc giả có được một thái độ nào đó. Cốt ý để sống hơn là hiểu biết, đây có nghĩa là sống một đời sống Thông Thiên Học, ban rải ra tình thương tràn ngập trong lòng cho tất cả chúng sinh với một ý muốn nhiệt thành trợ giúp sự tiến hóa đến nỗi trong khi phụng sự kẻ khác, chúng ta tự quên mình. Nếu bạn được mục kích một y sĩ thực hiện một cuộc giải phẫu quan trọng, bạn sẽ hiểu vì sao một người trong một tiếng đồng hồ chú tâm mãnh liệt, tận dụng tất cả năng lực trí óc và thủ thuật tinh xảo, hết sức chăm chú vào công việc, hầu như tất cả sự sống của y sĩ đều tập trung trên những đầu ngón tay. Trong khi đang tác chiến cũng thế, người chiến sĩ có thể hoàn toàn quên mình trong lúc y cố gắng cứu một người đồng đội bị thương hoặc hoàn thành một công tác cần yếu song nguy hiểm.

Đức Thượng Đế toàn năng trong hệ thống của Ngài. Ngài ban thần lực khắp các cõi. Chúng ta không thể không tin rằng Ngài ban thần lực đó cho trọn cả hệ thống của Ngài, ở bất cứ cõi nào, và trong một phạm vi nào mà Ngài đã chọn lựa. Thật ra, Ngài không làm thế; số lượng thần lực ban rải ở mỗi cõi dường như bị giới hạn rõ rệt và chỉ thuộc về một loại nhất định. Do đó, chúng ta là những tia sáng thuộc về Ngọn lửa của Ngài, chúng ta có thể hoàn thành vài việc do Ngài làm xuyên qua chúng ta là những thành phần của Ngài. Chúng ta không thể nói rằng Ngài không làm được, mà hình như Ngài không làm. Nhờ ở lòng sùng tín mãnh liệt, nhờ ý chí của chúng ta hòa hợp với ý chí của Ngài, chúng ta có thể thúc giục thần lực từ những cõi trên tuôn xuống, chúng ta biến chất nó, rồi phóng nó ra xa. Theo sự ước đoán của chúng ta, công việc này sẽ không thành tựu, nếu chúng ta không thực hiện nó. Người ta nói rằng Đức Thượng Đế trông cậy vào sự hợp tác của chúng ta. Nhưng công việc ấy cũng tùy thuộc Ngài, vì không có năng lực nào khác ngoài năng lực của Ngài. Tôi đã nhiều lần dùng danh từ để so sánh "vận hà (con kinh)" hay là "ống dẫn" trong khi mô tả thần lực của Đức Thầy ban rải xuống những cõi thấp xuyên qua một vị đệ tử. Người ta cũng có thể dùng danh từ biến điện để chỉ việc ấy. Có những số lượng rất lớn điện khí, điện thế cao, được chuyển đến trạm biến điện của một thành phố, có thể cách xa nơi phát điện hàng trăm dặm. Nơi đây những máy biến điện tiếp nhận điện

khí, điện thế cao ấy và biến đổi nó ra nhiều dòng điện, điện thế thấp, có thể sử dụng trong việc thấp đèn hoặc nhiều việc khác. Cũng giống như thế, một vị đệ tử ở Sydney, chẳng hạn, có thể tiếp nhận thần lực của Đức Thầy ở cõi cao từ Hy Mã Lạp Sơn đưa xuống và biến đổi nó thành thần lực có thể dùng cho những cõi thấp hơn, hầu phân phát nó ra chung quanh y hoặc đưa nó đến những nơi được chỉ định thu nhận nó.

Vậy mỗi vị được Diễm Đạo là một cái máy biến đổi thần lực. Xuyên qua y, thần lực đó có thể tuôn xuống đến một chừng mực, tùy theo trình độ cấp bậc của y. Thần lực bao bọc chúng ta, như mặt trời luôn luôn chiếu sáng. Trừ phi lúc nhụt thực, nếu ánh sáng mặt trời không xuống tới quả địa cầu, ấy tại quả địa cầu sinh ra những đám mây bay lên che khuất mặt trời. Cũng thế, con người sinh ra những đám mây ích kỷ và vô minh, chúng chồng chất lên ở chính giữa con người và Đức Thượng Đế trong lúc Ngài đang ban rải nhiều thứ thần lực khác nhau cho mỗi cõi. Vị được Diễm Đạo đã tiến tới một bước, nên có thể cung ứng cho những thần lực này một vận hà hữu hiệu nhất. Không phải chúng không ảnh hưởng đến con người; chúng luôn luôn hiện diện, nhưng khi ta không sẵn sàng tiếp nhận chúng thì ta để cho chúng đi mất.

Do sự loại suy, chúng ta hãy xem xét sinh lực hồng trần. Mỗi người đều hấp thụ sinh lực. Nhưng đôi khi, trong lúc bệnh hoạn, con người không thể thu dụng nó cho chính mình, nên chẳng bao lâu y cảm thấy thiếu nhiều sinh lực. Dù không đủ khả năng biến đổi sinh lực cho chính mình dùng, song y có thể dùng sinh lực do kẻ khác biến đổi. Người này nhờ sinh lực dồi dào, có thể truyền sang sinh lực cho người bệnh và cho y sức mạnh cần thiết để phục hồi tình trạng bình thường. Cũng giống như thế, vị được Diễm Đạo sử dụng rất nhiều thần lực ở mấy cõi trên, Ngài biến đổi chúng, đặt cho kẻ khác có thể tiêu hóa chúng dễ dàng. Càng có nhiều người đạt đến trình độ có thể đảm trách công việc ấy, thì sự tiến hóa chung của nhân loại càng được gia tăng mau chóng. Nếu chắc chắn là thảo mộc chỉ có thể chịu đựng mỗi một số lượng ánh sáng có giới hạn, thì cũng đúng là không thể ban rải cho một người nào đó một số lượng ánh sáng tinh thần quá to tát.

Tuy nhiên bạn chớ tưởng rằng những vận hà đó là thuần túy thụ động. Chúng là những con kinh linh động. Vị đệ tử không hề bất động và chỉ biết làm vận hà suông mà thôi. Có những thần lực được ban xuống như thế, và thường thường đệ tử Chơn Sư ý thức được đặc tính của luồng thần lực xuyên qua y và y cũng biết nó gởi đến cho ai. Nhưng một phần lớn thần lực còn lại vẫn để cho y phân phối bất cứ lúc nào. Y có thể chuyển đi nơi này

hoặc nơi khác tùy theo nhu cầu mà y nhận định. Vậy vị đệ tử đã vận dụng tài thích ứng, và sự thiếp thế của mình. Y đã tỏ ra có một sự hoạt động luôn luôn tích cực. Như thế đời sống của y không phải là một sự phục tòng mù quáng. Trái lại, y bận việc lo lắng, trong khi những kẻ khác ở không và chỉ nghĩ đến chính mình mà thôi.

Những người thường không thể dễ dàng sử dụng trong công việc này, vì họ ít phát triển trên những cõi cao, và nếu Chơn Nhơn đã khá tiến hóa, thì sợi dây liên lạc giữa Chơn Nhơn và Phạm Nhơn cũng còn rất mảnh mai. Chơn Sư có thể dùng vị đệ tử bởi vì vận hà được khai thông. Cũng y như thế, Đấng Duy Nhất Chí Tôn Cầm Quyền Điểm Đạo [119] có thể truyền thần lực của Quần Tiên Hội xuyên qua những vị đã được Điểm Đạo. Trong trường hợp đó, con người là Chơn Ngã cao cả và dù y đang làm bốn phận dưới thế gian, song trong Trí y luôn luôn có tư tưởng này: "Tôi là Chơn Thần; Tôi là Tia Sáng Thiêng Liêng; Tôi phải xứng đáng với Thượng Đế". Người ở ngôi vị cao, không nên khinh xuất. Phải hành động cho thích ứng, cho đúng với danh dự mình.

Vì sự quan trọng của công việc, cho nên sự liên quan giữa Chơn Sư và đệ tử không bao giờ căn cứ trên tình cảm, dù cho sự liên quan này chan chứa tình thương sâu xa nhất mà người đời có thể hiểu được. Đức Thầy không thu nhận một người nào làm đệ tử vì y có thân nhân đã được làm đệ tử hoặc vì Ngài đã biết y trong những tiền kiếp. Chơn Sư cũng như đệ tử của Ngài chỉ nghĩ đến công việc mà người Ai Cập gọi là "công việc bí ẩn", tức là việc thu nhặt những mảnh vụn thân xác của Osiris bị xé ra rồi ráp lại thành hình Ngài. Chơn Sư và đệ tử đều biết được "Ánh Sáng Ẩn Tàng" đang chiếu diệu trong con người, cũng như đã biết được: "Bửu Châu Trong Hoa Sen" [120], chúng luôn luôn giúp đỡ con người, nếu y biết cách kêu gọi chúng. Đó là công việc của những vị được Điểm Đạo bên Ai Cập thuở xưa và cũng là công việc của những người đời nay. Họ sử dụng quyền năng tạo lập vũ trụ, lòng từ bi của Đức Thượng Đế, vốn là tình thương vô tư. Không ai bị bắt buộc phải vào con đường Huyền Bí Học, nhưng nếu có theo con đường ấy, thì nên chấp nhận câu châm ngôn và tôn chỉ của Quần Tiên Hội, tức là **"không sống cho chính mình, mà sống cho kẻ khác. Không sống cho *sự tiến hóa cá nhân của mình hoặc hưởng thụ những sự thỏa mãn riêng tư, mà sống cho công nghiệp thiêng liêng*".**

Người ấy là một ngòi bút trong tay Đức Thượng Đế, xuyên qua đó, tư

tuồng của Ngài mới có thể tuôn xuống và biểu hiện ra tại phàm trần; nếu không có người trung gian đó thì không thể thực hiện việc ấy được.

C. W. L. Hình như Đức Thượng Đế đã dự tính rằng đến một giai đoạn tiến hóa nào đó, Ngài sẽ sử dụng nhiều ngòi viết như thế để viết. Theo lời một thi sĩ thì chính Đức Thượng Đế "cần dùng bạn và tôi". Thiên Cơ đã qui định sự cộng tác của chúng ta; đó là ý tưởng vĩ đại và rất hợp lý. Chúng ta thấy ngay rằng nếu chúng ta có thể đạt đến một mức độ hiểu biết, thương yêu và quyền lực cao hơn bậc trung bình một chút, chính vì thế chúng ta trở nên hữu dụng trong việc ban rải chúng cho kẻ khác.

Nhưng đồng thời, y cũng là một bó lửa linh động tỏa ra khắp cõi trần tình bác ái thiêng liêng tràn ngập lòng y.

C. W. L. Người ta kể chuyện hai nhà sư kia ở Alexandrie muốn giữ mình được hoàn toàn tinh khiết, một vị đạt được mục đích bằng cách tự bao bọc mình với một tư tưởng bảo vệ, còn vị kia về điểm này thì tràn ngập tình thương của Đức Thượng Đế cho đến nỗi tình thương này không ngớt chiếu diệu chung quanh y và giữ cho y được tinh khiết. Luôn luôn có hai con đường: con đường của nhà Huyền Bí Học, vị này tiến hóa bằng sự làm việc trên thế gian và con đường của nhà Thần Bí, vị này sống với nội tâm. Trong nhiều trường hợp mục đích duy nhất của nhà Thần Bí là hợp nhất hoàn toàn với Đức Thượng Đế. Tuy nhiên, không nên cho rằng y ích kỷ, vì khi theo đuổi mục đích ấy, y đã thực sự ảnh hưởng đến những người chung quanh y một cách phi thường. Mục đích của chúng ta là mục đích của Huyền Bí Học. Chúng ta phải tiến lên từ bước một, từ giai đoạn này đến giai đoạn khác, cho đến lúc chúng ta đạt được vài trình độ cao của sự Điem Đạo, thì chúng ta mới có thể đem tâm thức nhập vào trạng thái Thứ Ba của Đức Thượng Đế ([121]), rồi đến trạng thái Thứ Nhì và sau cùng là trạng thái Thứ Nhất. Nhà Thần Bí đắm mình vào sự sống của Đức Thượng Đế ngay bây giờ, nhưng đó là sự biểu hiện thấp của đời sống thiêng liêng. Y còn phải phấn đấu để theo đuổi con đường tiến lên cao, hầu cảm biết một sự hiệp nhất với sự sống trên cõi cao.

Minh Triết làm cho có khả năng giúp đỡ, Ý Chí hướng dẫn Minh Triết, Bác Ái linh cảm Ý Chí, đó là những đức tính mà con phải hoạch đắc. Ý Chí, Minh Triết và Bác Ái là ba trạng thái của Đức Thượng Đế, và bạn là người muốn được trưng dụng vào công việc của Ngài, thì bổn phận của bạn là phải biểu lộ ba đức tính đó dưới thế gian.

C. W. L. Hỡi các huynh đệ của tôi! Đây chính là một cứu cánh đẹp đẽ tuyệt vời. Mong rằng huynh đệ đạt được cứu cánh ấy, cũng như Alcyone đã thực hiện rồi vậy.

HẾT

Nguồn: Thongthienhoc

Người đăng: NHDT

Thời gian: 07/03/2007 12:44:00 CH

Giảng Lý Dưới Chân Thầy

Dịch giả : Cao Ngân Hà & Bạch Liên

Phụ Lục

Chú Thích

[1] *The Lives of Alcyone. T.P.H. 1924.*

[2] *I Corintheiens 11, 9.*

[3] Lời cầu nguyện này trích trong *Quyển Brihad Aranyaka Upanisad*. (Lời dịch giả)

[4] *Thường hằng: Luôn luôn không thay đổi.*

[5] *En Lui nous avons la vie, le mouvement et l'être có thể dịch: Chúng ta sống, chúng ta hoạt động, chúng ta vẫn hiện diện trong lòng Ngài.* (Lời dịch

giả)

[6] *Romains XI – 36.*

[7] Trong nhiều kiếp trước chó không phải kiếp này. (Lời dịch giả)

[8] *Péripatécien.*

[9] *1 Cor., II, 6. Trad. Crampon.*

[10] 2500 năm trước, Alcyone sinh ra ở Ấn Độ và được Đức Phật Như Lai thu làm đệ tử. Alcyone có nguyện với Phật như sau: "Con quì trước mặt Phật thề rằng: Con vẫn cố gắng thực hiện cho được nguyện vọng đó. Con muốn theo Phật đặng cứu độ nhân loại đang rên siết, thở than. Phật đã giải thoát cho con khỏi sự đau khổ và dắt con đến cõi an tịnh đời đời. Con muốn dắt nhân loại đến cõi đó và con xin đem hết những kiếp lai sinh của con lo lắng việc này cho đến khi nào con thành một Đáng Cứu Thế như Phật vậy." Alcyone theo Phật lấy tên là Maitribaladasa nghĩa là Người Phụng Sự Đáng Từ Bi. Đức Phật nói: "Con khéo lựa chọn. Tên này tốt lắm. Nó là lời tiên tri của số kiếp con sau này". Bởi vì Đức Bồ Tát hiện kim là Đức Di Lạc (Seigneur Maitreya). Trong vòng sáu, bảy trăm năm nữa, Ngài sẽ là một vị Phật Từ Bi (Bouddha de Compassion). (Lời dịch giả)

[11] *Spirilles.*

[12] *Bhagavad-Gita (trad. Kamensky), II, 59.*

[13] Những người sống có điều độ, kỷ luật. (Lời dịch giả)

[14] Kẻ trụy lạc nhất.

[15] *Matth. XIX, 17.*

[16] *Tinh luyện. (Lời dịch giả)*

[17] *Matth., X 39.*

[18] *Pôle opposé* dịch là đối cực mới đúng, song dùng đối cực thì hơi khó hiểu, nên dịch đối lập cho dễ hiểu. (Lời dịch giả)

[19] Ở đây nói về Khoa Tâm Lý Học Huyền Bí chứ không phải Khoa Tâm Lý Học thường. (Lời dịch giả)

[20] *Proverbes, XIV, 16.*

[21] Vợ của Lot nhìn lại đằng sau liền hoá ra một cái hình bằng muối.

(Sáng Thế Ký 19, 26) *La femme de Lot regarda en arriere, et elle devint une statue de sel. (Genèse 19, 26) (Lời dịch giả)*

[22] *Matthieu, V, 46.*

[23] *Luc, VI, 27 - 29.*

[24] *Pierre, II, 23.*

[25] *Romains, XII, 19.*

[26] Kiểu chính: sửa cho ngay thẳng, sửa cho đúng.

[27] *Acrtes, VI, 2.*

[28] Xin xem quyển Phật học đại cương của Ông H. S. Olcott, câu 131.

[29] *Matth, V, 39. Trad. Crampon.*

- [30] *Matth., XII, 36.*
- [31] *Matth., VI, 5, và XXIII, 14.*
- [32] *Ánh Sáng trên Đường Đạo, I, 8.*
- [33] *Bhagavad-Gita (trad. Kamensky), X, 36 : "Je suis le jeu du tricheur".*
- [34] *Ps., 139, v. 8.*
- [35] *Is., XLV, 7.*
- [36] *Đây là Điểm Đạo lần thứ Nhứt. (Lời dịch giả)*
- [37] *Bhagavad Gita (trad. Kamensky), II, 59.*
- [38] *Jean, 10, 34 và Thánh Thi 82, 6.*
- [39] *Moksha* Danh từ Phạn ngữ có nghĩa là giải thoát, ở đây có nghĩa là giải thoát khỏi vật chất. (Tự điển Rhéa).
- [40] *Jean, II, 16.*
- [41] *Bảo hoà: Nồng độ cao nhất không thể hoà tan được nữa (saturation) Lời dịch giả.*
- [42] *Cũng gọi là ngũ hành (Esprits de la nature).*
- [43] *Bậc trung từ một đến ba tác. Xin xem quyển: Các Hạng Thiên Thần của tôi. (Lời dịch giả)*
- [44] *Trong bản chữ Anh là Lý thuyết của Dives. (Lời dịch giả)*
- [45] *Luc, XVI, 31.*
- [46] *Actes, V, 38 - 39.*
- [47] *Chuyển pháp luân: Thuyết pháp lần đầu tiên tại Sarnath gần Bénarès (Ba-la-nại).*
- [48] *Ordre de l'Etoile d'Orient: Etoile d'Orient là Sao Mai cũng là Sao Hôm tức Kim Tinh (Vénus). (Lời dịch giả)*
- [49] *Matth., XXV, 29.*
- [50] *Đây có nghĩa là những người phụng sự. (Lời dịch giả)*
- [51] *Matth., XXV, 21, 23.*
- [52] *Jacques, III, 5 - 6.*
- [53] *Dân tộc Nhật-nhĩ-man thuở xưa ở Bắc Đức, qua chinh phục Anh Quốc hồi thế kỷ thứ chín. (Lời dịch giả)*
- [54] *Xin nhớ đây là ý kiến của Ngài. Việc chích ngừa những bệnh truyền nhiễm như đậu mùa, dịch tả, dịch hạch, vân vân . . . rất có hiệu quả. (Lời dịch giả)*
- [55] *Trong quyển nhỏ Aux pieds du Maître dịch giả có nói Onepointedness không có chữ đồng nghĩa bên Pháp văn, có thể có nghĩa là Fixité de l'Esprit. (Lời dịch giả)*
- [56] *Thượng Đế bên trong chúng ta là Chơn Thần. (Lời dịch giả)*
- [57] *Làm kinh phong, giũ tay chân. (Lời dịch giả)*
- [58] *Entités astrales xin tạm dịch là Nhân vật, vì danh từ này chỉ định nhiều thứ nhân vật. (Lời dịch giả)*

- [59] Nên hiểu nghĩa bóng của câu này: Trong lò luyện kim người ta sẽ biến đổi chì thành vàng. (Lời dịch giả)
- [60] Rom. XIV, 7.
- [61] Ở đây không phải nằm dài mà có nghĩa là xả gân cốt, muốn xả hơi phải tập để Cái Trí trông không, đừng tưởng chi cả, phải luyện tập vì điều này rất khó, Tiếng Pháp là *Faire le vide*.
- [62] Nguyên văn chữ Anh là *namby-pamby* dịch ra Pháp văn là *maniéré, affecté, minaudi-er*, có nghĩa là làm bộ, giả bộ nhõng nhẽo, nũng nịu. Pháp dịch là: *manière un peu enfa-ntine*.
- [63] *Philippiens*, IV, 13.
- [64] Phải lên tới mấy cảnh cao của cõi Bồ Đề và lên tận Niết Bàn mới thấy rõ ràng điều này. (Lời dịch giả)
- [65] *Atma, Bouddhi, Manas* là ba ngôi thiêng liêng chứ không phải ba Thế cao. (Lời dịch giả)
- [66] Vì nó rất thanh bai, tế nhị.
- [67] Xin nhớ: Về Hạ Trí là *Phân Tử Trường Tồn* chứ không phải là *Nguyên Tử Trường Tồn*. (Lời dịch giả)
- [68] Tôi đây, mới thấy Ngũ Thường của Đức Khổng Tử dạy hữu ích là dường nào. (Lời dịch giả)
- [69] Đối với chúng ta. (Lời dịch giả)
- [70] *Bhagavad Gita*, XI, 50.
- [71] Công việc huyền bí (*esotérique*) trong đạo đức gọi là Mật. Công việc ngoài đời (*exotérique*) gọi là hiển. (Lời dịch giả)
- [72] Chữ "*bigotry*" dịch là ngu tín mới đúng song hai chữ ngu tín nặng lắm. (Lời dịch giả)
- [73] Tức là *Trực Giác*. (Lời dịch giả)
- [74] Hiện giờ quyển này ở trong Tàng thư viện của *Quần Tiên Hội*. (Lời dịch giả)
- [75] Ấy là Đức Bồ Tát, Đấng Christ. (Lời dịch giả)
- [76] *Fil sacré*: tôi dịch là Kim thẳng, nó thuộc về thiêng liêng. (Lời dịch giả)
- [77] *Bhagavad Gita* III, 26, bản dịch Kamensky.
- [78] *Bhagavad Gita*, IX, 26.
- [79] *I Epître aux Cor.* XIII, 11. (Lời của Thánh Paul)
- [80] *I Cor.* IX, 19 - 22.
- [81] Giống đây có nghĩa là đàn ông, đàn bà (*Sexe*). (Lời dịch giả)
- [82] *S. Matth.*, V, 25.
- [83] *S. Matth.*, V, 25.
- [84] *S. Matth.*, X, 34.
- [85] Ấy là Đức Ngọc Đế. (Lời dịch giả)

- [86] Ấy là Đức Ngọc Đế. (Lời dịch giả)
- [87] S. Jean, XIV, 6.
- [88] Theo chỗ tôi hiểu: đây là đôi cung. Sau khi bước vào Đường Đạo rồi, con người có thể xin đôi cung. Thí dụ: Trước kia ở cung thứ năm, bây giờ có thể xin đôi qua cung thứ nhất hay thứ nhì. (Lời dịch giả)
- [89] Tinh Chất Ham Muốn ở trong Cái Vía. (Lời dịch giả)
- [90] Vấn đề này được luận giải rất dài trong quyển Chơn Sư và Thánh Đạo.
- [91] Retraite Thibétaine có nghĩa là chỗ ẩn cư ở Tây Tạng, nhưng chúng tôi để Tinh Thất cho dễ hiểu. (Lời dịch giả)
- [92] Manas Supérieur là ngôi thứ ba khác với Corps Supérieur không thể dịch là Thượng Trí được. (Lời dịch giả)
- [93] Nguyên bản Anh văn của C.W. Leadbeater: "Man: Whence, How and Whither". Bản dịch Pháp văn: "L homme: d où il vient et où il va".
- [94] S. Jean, III, 14.
- [95] Ibid., IV, 8.
- [96] Sáu điểm này gọi là Shatsampatti (sáu tính thuộc về nhóm năng lực trí thức). Xin đọc quyển "Con Đường của Người Đệ Tử". (Lời dịch giả)
- [97] Lời dịch giả.
- [98] Romain, XIII, 10.
- [99] S. Matth., XXIII, 11.
- [100] Tà dịch : " Chư ác mạc tác; Chúng thiện phụng hành; Tự tịnh kỳ ý; Thị chư Phật giáo". (Lời dịch giả)
- [101] Moines du riz tôi dịch là Phan chúng. (Lời dịch giả)
- [102] Chữ Contexte trong bản văn chữ Pháp có nghĩa là trạng huống tức là tình hình hoặc trọn một bản văn. (Lời dịch giả)
- 1 Quả có gai, cụm hoa có lông dính (hay bám vào lông thú vật).
- [103] Aryen : nhánh thứ nhứt của giống dân thứ năm, giống da trắng. (Lời dịch giả)
- [104] Riêng cá nhân tôi, tôi tin rằng sự chủng đậu rất hữu ích, vì nó ngừa được bệnh độc ác này cũng như thuốc ngừa dịch tả, dịch hạch, nọc chó dại. (Lời dịch giả), Có phải nó không tốt cho những thể xác quá tinh anh chăng ?
- [105] Romain, XIV, 5.
- [106] Orangisme: Chủ nghĩa phái Quillaume d Orange ở Anh (1589). Đảng Tân giáo Ái Nhĩ Lan. (Lời dịch giả)
- [107] Massacres de la Saint-Barthélemy: Sự tàn sát những người Tin Lành tại Paris, đêm 24 Aout 1572 do mạng lệnh của vua Charles IX theo lời xúi bẩy của Cathérine de Médicis. Có 3.000 người chết, trong đó có Thuỷ Sư Đê Đốc Coligny. (Lời dịch giả)
- [108] Vêpres Siciliennes: Sự tàn sát những người Pháp tại đảo Sicile (Ý)

năm 1282. Ngày thứ hai của lễ Phục Sinh (Pâques) trong lúc chuông nhà thờ reo vang, gọi các tín đồ tới dự lễ, thì người Ý đảo Sicile nổi lên giết những người Pháp ở tại đó. Họ chống lại Charles 1er d Anjou và có Pierre III d Aragon ủng hộ. (Lời dịch giả)

[109] Constantin 1er Le Grand Hoàng Đế La Mã (300 - 537). (Lời dịch giả)

[110] Sarrassins là Điện Hôi Giáo ở Âu Châu và Phi Châu hồi thời Trung Cổ.

[111] David Vua thứ hai của người Hy Bá Lai (Hébreue) trị vì lối 1015 - 970 trước Chúa Giáng Sinh Ngài là một nhà thi sĩ và một nhà tiên tri. Ngài lập thành Jésuralem.

[112] Salomon Con vua David lên kế vị Ngài (970 - 931) trước Chúa Giáng Sinh Ngài cất Thánh Đường Jésuralem. Ngài tài phép cao cường.

[113] Ấy là một Hình Tư Tượng do mấy Đại Quỷ Vương Át Lãng Tịch tạo ra trong khoảng một trăm ngàn năm nay. Mấy Đại Quỷ Vương giỏi cho đến nỗi họ dạy những thú biết nói tiếng người và khôn lăm. Năm 75025 trước Chúa Giáng Sinh, Châu Át Lãng Tịch bị nhận chìm xuống biển, nhiều Hình Tư Tượng trốn thoát khỏi và chạy qua Ai Cập, và Ấn Độ rồi ở đó đến ngày nay. (Lời dịch giả)

[114] Xin đọc "Tín điều của Thiên Chúa Giáo" của C. W. Leadbeater.

[115] Bhagavad Gita, X, 35, 41.

[116] Some Glimpses of occultism, dịch ra tiếng Pháp là: Echappées sur l occultism. Some Glimpses of occultism, dịch ra tiếng Pháp là: Echappées sur l occultism.

[117] "Ánh Sáng Phương Đông", quyển VIII, trang 140.

[118] Việc này xảy ra trên cõi Bồ Đề.

[119] Ấy là Đức Ngọc Đế. (Lời dịch giả)

[120] Le joyau dans le Lotus, tức là câu : "Om mani! Padmé hum ".

[121] Đây là khi được năm lần Điểm Đạo, làm một vị Siêu Phàm. (Lời dịch giả)

Nguồn: Thongthienhoc

Người đăng: NHDT

Thời gian: 07/03/2007 12:52:46 CH